

Phụ lục 1

Kết quả dự án

- Danh sách chuyên gia
- Danh sách đối tác
- Danh sách tập huấn

Danh sách chuyên gia ngắn hạn

Họ tên	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2
Noriyoshi KITAMURA	Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 1	Trưởng nhóm/Quản lý rừng bền vững 1
Takayuki NAMURA	Phó trưởng nhóm/ Quản lý rừng bền vững 2	Phó trưởng nhóm/ Quản lý rừng bền vững 2
Keisei ODA	Quản lý hợp tác (CM)	Quản lý hợp tác (CM)
Eiji EGASHIRA	Xây dựng KHHD REDD+ 1	Giám sát KHHD REDD+
Akihito SAKURAI	Xây dựng KHHD REDD+ 2	-
Harukatsu HAYASHI	Phân tích hình ảnh vệ tinh	Phân tích hình ảnh vệ tinh
Kei SUZUKI	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 1	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 1/Tài trợ bên ngoài 1/Điều phối nhà tài trợ 1
Hiromitsu KUNO	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 2	-
Kouhei NIITSUMA	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 2	-
Yuki NAKAMURA	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 2	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 3/Tài trợ bên ngoài 1/ Điều phối nhà tài trợ 3
Hozumi HASHIGUCHI	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 3	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 2/Tài trợ bên ngoài 1/ Điều phối nhà tài trợ 2
Akinori NISHIO	Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng 4	-
Wataru YAMAMOTO	Tỉnh Thừa Thiên Huế/Phát triển Sinh kế 1/Kinh tế nông thôn Tăng cường tiếp cận các dịch vụ tài chính/ Chi trả DVMTR	Giám sát Quản lý rừng và Phát triển Sinh kế
Hiromi YAMAUCHI/ Shimako NARAHARA/ Makoto FUKUYAMA	Phát triển sinh kế 2 /Đánh giá tác động xã hội và giới 2	Phát triển sinh kế 2 /Đánh giá tác động xã hội và giới 2
Shugo HAMA	Phát triển sinh kế 3/Dịch vụ tài chính	Phát triển sinh kế 3/Dịch vụ tài chính
Shogo TAI/ Chihiro NAITO/ Daisuke YUMIYAMA/ Shio KUWABARA	Điều phối viên /Quản lý rừng 1	Điều phối viên /Quản lý rừng 1

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Tomoyuki UEDA	Quản lý rừng 2	-
Chika KAMEDA	Quản lý rừng 2	-
Yoji MIZUGUCHI	Hướng dẫn quản lý hợp tác	Hướng dẫn quản lý hợp tác
Takuya NOMURA	Điều phối viên dự án / quản lý hợp tác Chi trả DVMTR/Giám sát đa dạng sinh học 2	Điều phối viên dự án/quản lý hợp tác Chi trả DVMTR/Giám sát đa dạng sinh học 2
Masanori SHINTANI	Du lịch sinh thái	Du lịch sinh thái
Masakazu KASHIO	Quản lý đa dạng sinh học rừng/Quản lý đa dạng sinh học	-

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Danh sách nhân sự đối tác (cập nhật ngày 18/11/2020)

Danh sách BQLDA cấp tỉnh

Tỉnh Điện Biên – Danh sách BQLDA cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong BQLDA cấp tỉnh	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Tran Van Thương	Giám đốc	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
2	Phạm Văn Khiên	Phó Giám đốc	Phó Chi Cục trưởng Chi Cục KL
3	Mai Hương	Điều phối viên	Phó Chi Cục trưởng Chi Cục Lâm nghiệp *
4	Rương Thị Thanh	Kế toán	Kế toán Chi cục Lâm nghiệp
5	Nguyễn Tiến Đáp	Chuyên viên kế hoạch - kỹ thuật	Phó phòng kế hoạch và kỹ thuật, Chi cục Lâm nghiệp
6	Kiều Thị Hồng Oanh	Chuyên viên kế hoạch - kỹ thuật	Phó phòng Quản lý và Bảo vệ rừng, Chi Cục Kiểm lâm
7	Bùi Hải Bình	Chuyên viên	Phó Chủ tịch UBND huyện Điện Biên
8	Vũ Đình Tấn	Chuyên viên	Chuyên viên phòng trồng trọt -lâm nghiệp, Trung tâm khuyến nông tỉnh
9	Trần Hồng Quảng	Chuyên viên	Chuyên viên kỹ thuật BQL rừng đặc dụng Mường Phăng
10	Nguyễn Đăng Hùng	Chuyên viên	Chuyên viên kỹ thuật, Trung tâm khuyến nông huyện Điện Biên
11	Cà Văn Chung	Chuyên viên	Phó Chủ tịch UBND xã Pá Khoang
12	Lò Văn Sâm	Chuyên viên	Chuyên viên khuyến nông, UBND xã Pá Khoang
13	Phan Đông Anh	Lái xe	Lái xe Chi Cục lâm nghiệp

* : Chi Cục Lâm nghiệp

Tỉnh Hòa Bình - Danh sách thành viên BQLDA cấp tỉnh

Phụ lục 1. Kết quả dự án

No.	Họ tên	Vai trò trong BQLDA cấp tỉnh	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Nguyễn Huy Nhuận	Giám đốc dự án	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
2	Đoàn Mạnh Hằng	Phó Giám đốc dự án	Giám đốc BQL các dự án nông lâm nghiệp
3	Nguyễn Xuân Trường	Giám đốc dự án	Phó Chi cục trưởng CCKL
4	Bạch Đăng	Điều phối viên dự án	Phó Giám đốc of BQL các dự án nông lâm nghiệp
5	Lương Thanh Sơn	Chuyên viên kế hoạch và kỹ thuật	Chuyên viên kỹ thuật BQL các dự án nông lâm nghiệp
6	Bạch Thị Hạnh	Chuyên viên kế hoạch và kỹ thuật	Chuyên viên kỹ thuật BQL các dự án nông lâm nghiệp
7	Phạm Phúc Hậu	Kế toán	Kế toán BQL các dự án nông lâm nghiệp
8	Mai Ngọc Toàn	Chuyên viên	Trưởng phòng Quản lý và Bảo tồn Thiên nhiên, CCKL
9	Vũ Huy Khiêm	Chuyên viên	Phó phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL
10	Phạm Quốc Vượng	Chuyên viên	Chuyên viên Trung tâm Khuyến nông
11	Phạm Bá Thanh	Lái xe	Lái xe dự án KFW7

Tỉnh Lai Châu - Danh sách thành viên BQLDA cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò tại BQLDA cấp tỉnh	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Đặng Văn Châu	Giám đốc	Giám đốc Sở NN&PTNT
2	Nguyễn Văn Biển	Phó Giám đốc	Giám đốc CCKL
3	Võ Văn Ngo	Cán bộ Kế hoạch	Phó phòng Kế hoạch, Sở NN&PTNT

Phụ lục 1. Kết quả dự án

4	Vũ Văn Nam	Chuyên viên kỹ thuật	Trưởng phòng sử dụng và PT Rừng, CCKL
5	Phạm Thị Chuyên	Kế toán	Kế toán CCKL
6	Vi Thị Luyến	Thủ quỹ	Thủ quỹ CCKL
7	Nguyễn Đình Kha	Lái xe	Lái xe Sở NN&PTNT

Son La Province - Danh sách thành viên BQLDA cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong BQLDA cấp tỉnh	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Trần Tiến Dũng	Giám đốc	Phó GD Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La
2	Lương Ngọc Hoàn	Phó Giám đốc	Chi Cục trưởng CCKL
3	Lâm Bảo Ngọc	Kế toán	Kế toán Sơn La CCKL
4	Phạm Hồng Tiến	Chuyên viên	Phó phòng Quản lý Rừng và Bảo tồn Thiên nhiên, CCKL
5	Trần Minh Hiền	Chuyên viên	Phó Phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL
6	Cầm Thị Huệ	Chuyên viên	Phó Phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL
7	Nguyễn Thị Loan	Chuyên viên	Chuyên viên Phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL
8	Nguyễn Trọng Nam	Chuyên viên	Chuyên viên Phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL
9	Phan Thị Thim	Chuyên viên	Chuyên viên Phòng Sử dụng và Phát triển Rừng, CCKL

Lam Dong Province - Danh sách thành viên BQLDA cấp tỉnh

No	Họ tên	Vai trò trong BQLDA cấp tỉnh	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Le Van Huong	Giám đốc	Giám đốc Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
2	Nguyen Luong Minh	Vice Giám đốc	Giám đốc CEEE, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà

Phụ lục 1. Kết quả dự án

3	Đào Việt Lương	Điều phối viên	Trưởng Phòng Kế hoạch, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
4	Nguyễn Thị Minh Hồng	Kế toán	Kế toán trưởng Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
5	Nguyễn Thị Hoa Ban	Thủ quỹ	Thủ quỹ Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Danh sách Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông

Tỉnh Điện Biên- Danh sách Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông

STT	Họ tên	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Lường Thị Hương Lan	Phó Phòng Kỹ thuật và Kế hoạch – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
2	Lò Văn Ái	Cán bộ kỹ thuật quản lý rừng – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
3	Nông Xuân Vinh	Kiểm lâm – Hạt Kiểm lâm Huyện Điện Biên
4	Lò Văn Sâm	Cán bộ khuyến nông – Xã Pá Khoang
5	Trần Hồng Quảng	Cán bộ kỹ thuật quản lý rừng – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
6	Lò Thị Nhung	Cán bộ kỹ thuật PTSK – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
7	Lò Văn Xuân	Cán bộ kỹ thuật quản lý rừng – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
8	Nguyễn Hữu Long	Kiểm lâm – Dien Bien district Kiểm lâm station
9	Trần Thị Thanh Xuân	Cán bộ khuyến nông – Trung tâm Khuyến nông Huyện Điện Biên
10	Đỗ Văn Tiến	Cán bộ kỹ thuật quản lý rừng – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
11	Điêu Thị Dăm	Cán bộ kỹ thuật PTSK – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
12	Quàng Văn Thư	Cán bộ kỹ thuật quản lý rừng – BQL Rừng đặc dụng Mường Phăng
13	Lường Thị Thanh	Cán bộ khuyến nông – Xã Pá Khoang

Tỉnh Hòa Bình - Danh sách Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông

STT	Họ tên	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Bùi Minh Quế	Phó Phòng NN&PPTNT Huyện Tân Lạc
2	Lê Phương Thảo	Cán bộ Phòng NN&PPTNT Huyện Tân Lạc
3	Phùng Văn Thái	Chuyên viên Trung tâm Khuyến nông huyện Tân Lạc
4	Bùi Văn Chử	Cán bộ hành chính UBND xã Thanh Hối
5	Bùi Văn Chương	Cán bộ địa chính UBND xã Thanh Hối
6	Bùi Văn Sơn	Cán bộ nông nghiệp UBND xã Thanh Hối

Phụ lục 1. Kết quả dự án

7	Phạm Văn Khôi	Phó Giám đốc Trạm Thú Y Huyện Tân Lạc
8	Chu Văn Trinh	Trưởng Phòng Bảo vệ Thực vật huyện Tân Lạc
9	Bùi Văn Phú	Giám đốc Hạt kiểm lâm huyện Tân Lạc
10	Trần Hùng Cường	Kiểm lâm Hạt kiểm lâm huyện Tân Lạc

Tỉnh Lai Châu - Danh sách Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông

STT	Họ tên	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Trần Thị Hương	Trạm khuyến nông huyện
2	Nguyễn Lương Biên	Kiểm lâm huyện
3	Vi Thị Thắm	Trạm khuyến nông huyện
4	Trần Văn Cảnh	BQL rừng phòng hộ Tân Uyên
5	Hàng A Súa	Chương trình xã H'Mong
6	Trần Thị Hà	BQL rừng phòng hộ Tân Uyên
7	Lý Văn Biên	Khuyến nông xã
8	Đông Quốc Khánh	Kiểm lâm huyện

Son La Province - Danh sách Thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông

STT	Họ tên	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Lương Văn Cương	Hạt Kiểm lâm Quỳnh Nhai
2	Diêu Chính Huyền	Hạt Kiểm lâm Quỳnh Nhai
3	Nguyen Thanh An	Hạt Kiểm lâm Quỳnh Nhai
4	Mè Văn Lả	Trạm khuyến nông huyện Quỳnh Nhai
5	Hoàng Văn Vinh	Trạm khuyến nông huyện Quỳnh Nhai
6	Hoàng Văn Học	Phó Chủ tịch UBND xã Mường Giôn
7	Bac Thi Liem	Hội Phụ nữ xã Mường Giôn
8	Tống Văn Chinh	Kiểm lâm xã Mường Giôn
9	Bac Cam Chung	Hội nông dân xã Mường Giôn

Phụ lục 1. Kết quả dự án

10	Tống Văn Thanh	Hội khuyến học xã Mường Giôn
11	Bac Thi Toan (Mrs.)	Đoàn thanh niên xã Mường Giôn
12	Tống Văn Phong	Phó trưởng bản Huổi Tèo
13	Quang Văn Thuong	Phó trưởng bản Nông Mục
14	Bac Thi Doan (Mrs.)	Khuyến nông viên bản Giôn

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Danh sách Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+

Tỉnh Điện Biên - Danh sách Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+

STT	Họ tên	Vị trí trong Tổ công tác	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Trần Văn Thương	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
2	Phạm Văn Khiên	Phó trưởng nhóm	Phó chi cục trưởng CCKL
3	Đặng Thị Thu Hiền	Phó trưởng nhóm	Phó chi cục trưởng chi cục lâm nghiệp
4	Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên	Phó phòng Tài chính và kế hoạch, Sở NN&PTNT
5	Trần Khoa Phương	Thành viên	Phó phòng Kế hoạch và Kỹ thuật Chi cục Lâm nghiệp
6	Nguyễn Tiến Đáp	Thành viên	Cán bộ kỹ thuật CC lâm nghiệp
7	Kiều Thị Hồng Oanh	Thành viên	Phó phòng Quản lý và Bảo vệ Rừng, CCKL
8	Lê Văn Quý	Thành viên	Cán bộ kỹ thuật CCKL
9	Nông Xuân Vịnh	Thành viên	Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm huyện Điện Biên

Tỉnh Hòa Bình - Danh sách Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+

STT	Họ tên	Vị trí trong Tổ công tác	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Đoàn Mạnh Hằng	Phó trưởng nhóm	Head of MBFAPs
2	Lê Minh Thúy	Phó trưởng nhóm	Head of Hoa Binh FPD
3	Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	Vice Head of Hoa Binh FPD
4	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	Head of Forest Development Department under Hoa Binh FPD
5	Mai Ngọc Toàn	Thành viên	Head of Forest Management and Protection Department under Hoa Binh FPD
6	Vũ Huy Khiêm	Thành viên	Officer of Hoa Binh FPD
7	Phạm Xuân Vượng	Thành viên	Officer of Hoa Binh Extension Centre
8	Phạm Phú Hậu	Thành viên	Officer of MBFAPs

Tỉnh Lai Châu - Danh sách Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+

STT	Họ tên	Vị trí trong Tổ công tác	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Hà Quang Huy	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT,
2	Nguyễn Văn Biển	Phó trưởng nhóm	Giám đốc CCKL

Phụ lục 1. Kết quả dự án

3	Phạm Trung Tình	Phó trưởng nhóm	Phó Cục trưởng Cục KL
4	Võ Văn Ngọ	Thành viên	Phó phòng Kế hoạch và Tài chính, Sở NN&PTNT
5	Nguyễn Văn Bình	Thành viên	Phó phòng chuyển giao kỹ thuật tiên tiến, Trung tâm Khuyến nông
6	Nguyễn Văn Thế	Thành viên	Phó Phòng BV Rừng và Bảo tồn Thiên nhiên, CCKL
7	Nguyễn Hữu Thịnh	Thành viên	Kiểm lâm, CCKL
8	Vũ Văn Nam	Thành viên	Trưởng phòng sử dụng và PT Rừng, CCKL
9	Nguyễn Mạnh Huỳnh	Thành viên	Phó phòng Sử dụng và PT Rừng, CCKL
10	Lò Văn Ngọc	Thành viên	Kiểm lâm, CCKL
11	Bùi Quang Sáu	Thành viên	Kiểm lâm, CCKL

Tỉnh Sơn La - Danh sách Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHĐ REDD+

STT	Họ tên	Vị trí trong Tổ công tác	Vị trí tại đơn vị công tác
1	Trần Dũng Tiến	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT
2	Nguyễn Văn Việt	Thành viên	Trưởng phòng Sử dụng và PT Rừng, CCKL
3	Phạm Hồng Tiến	Thành viên	Phó Phòng Quản lý và BV Rừng và Bảo tồn thiên nhiên, CCKL
4	Nguyễn Trọng Nam	Thành viên	Chuyên viên Phòng Quản lý và BV Rừng và Bảo tồn thiên nhiên, CCKL
5	Phan Thị Thim	Thành viên	Chuyên viên Phòng Quản lý và BV Rừng và Bảo tồn thiên nhiên, CCKL
6	Nguyễn Thị Loan	Thành viên	Chuyên viên Phòng Quản lý và BV Rừng và Bảo tồn thiên nhiên, CCKL

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Lê Đình Thơm	Phó Giám đốc, Cục Kiểm lâm
2	Nguyễn Danh Thanh Hải	Trưởng phòng Bảo vệ và Quản lý Rừng, Cục Kiểm lâm
3	Cao Xuân Ý	Chuyên viên Phòng Thông tin và Dữ liệu, Tổng cục Lâm nghiệp

Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

Tỉnh Điện Biên - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Chức vụ trong tổ chuyên trách	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Phạm Văn Khiên	Tổ trưởng	Phó Chi cục trưởng CCKL
2	Kiều Thị Hồng Oanh	Tổ phó	Cán bộ CCKL
3	Chữ Bá Huy	Thành viên	Cán bộ CCKL
4	Lương Duy Hùng	Thành viên	Cán bộ CCKL
5	Lò Tiên Sinh	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Điện Biên Đông
6	Trần Thị Vân Trang	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Điện Biên
7	Nguyễn Đình Quyền	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Điện Biên Phủ
8	Trịnh Thị Huệ	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Mường Ảng
9	Lường Văn Hoài	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Tuần Giáo
10	Thào A Tú	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Tủa Chùa
11	Lò Ngọc Kiên	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Mường Láy
12	Giàng A Tủa	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Mường Chà
13	Tòng Văn Chung	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Nậm Pồ
14	Nguyễn Gia Hiếu	Thành viên	Hạt Kiểm lâm Huyện Mường Nhé

Tỉnh Hòa Bình - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Chức vụ trong tổ chuyên trách	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Vương Đắc Hùng	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc of SỞ NN&PTNT
2	Nguyễn Xuân Trường	Phó trưởng nhóm	Phó Chi Cục Trưởng CCKL
3	Mai Ngọc Toàn	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Phạm Văn Kha	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Bui Gia Du	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Lê Anh Đức	Thành viên	Chuyên viên CCKL
8	Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	Chuyên viên CCKL

Phụ lục 1. Kết quả dự án

9	Nguyễn Quang Bằng	Thành viên	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà (BQLRPH)
10	Bùi Minh Nghĩa	Thành viên	Ban quản lý rừng phòng hộ Sông Đà (BQLRPH)
11	Lê Đình Long	Thành viên	Quý BV&PT Rừng Hòa Bình
12	Lều Vũ Hiểu	Thành viên	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hòa Bình
13	Nguyễn Tiến Định	Thành viên	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Thuong Tien
14	Bùi Văn Thắng	Thành viên	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia- Pa Co
15	Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn- Ngổ Luông
16	Bùi Văn Thục	Thành viên	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Phú Cảnh
17	Đỗ Trường Xuân	Thành viên	CCKL Huyện Tân Lạc
18	Trần Hùng Cường	Thành viên	CCKL Huyện Tân Lạc
19	Bùi Thanh Luân	Thành viên	CCKL Huyện Kim Bôi
20	Tạ Quang Dũng	Thành viên	CCKL Huyện Yên Thủy
21	Đinh Mạnh Cửu	Thành viên	CCKL Huyện Lạc Sơn
22	Hà Duy Hùng	Thành viên	CCKL Huyện Mai Châu
23	Lê Đức Cường	Thành viên	CCKL Huyện Cao Phong
24	Nguyễn Mạnh Tuyên	Thành viên	CCKL Huyện Đà Bắc
25	Vũ Trung Kiên	Thành viên	CCKL Huyện Lạc Thủy
26	Hà Văn Hùng	Thành viên	CCKL Huyện Hòa Bình
27	Bùi Thị Thanh Mai	Thành viên	CCKL Huyện Lương Sơn
28	Phan Văn Quý	Thành viên	CCKL Huyện Kỳ Sơn

Tỉnh Lai Châu - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ chuyên trách	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Ha Quang Huy	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc of SỞ NN&PTNT
2	Nguyen Van Bien	Phó Trưởng nhóm	Giám đốc CCKL
3	Pham Trung Tinh	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
4	Tran Cong Trung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Phan Thi Hong Nhung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Le Duc Toan	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Tran Van Trong	Thành viên	Quý BV&PT Rừng Lai Châu
8	Dao Huy Hung	Thành viên	CCKL thành phố Lai Châu
9	Bui Thuy Anh	Thành viên	CCKL Huyện Than Uyên
10	Mo Van Duan	Thành viên	CCKL Huyện Tân Uyên
11	Nguyen Tien Tai	Thành viên	CCKL Huyện Tam Đường

Phụ lục 1. Kết quả dự án

12	Nguyen Van Tuan	Thành viên	CCKL Huyện Phong Thổ
13	Nguyen Van Tinh	Thành viên	CCKL Huyện Nậm Nhùn
14	Khoang Van Chien	Thành viên	CCKL Huyện Mường Tè
15	Lo Hong Phong	Thành viên	CCKL Huyện Sìn Hồ
16	Luu Anh Vo	Thành viên	BQLRPF Nậm Na Sìn Hồ
17	Vuong Van Dao	Thành viên	BQLRPF Nậm Na Sìn Hồ
18	Mai Hong Hanh	Thành viên	BQLRPF Tân Uyên
19	Cao Khanh Toan	Thành viên	BQLRPF Than Uyên
20	Dieu Chinh Dung	Thành viên	BQLRPF Mường Tè
21	Ly Xa Hu	Thành viên	BQLRPF Bắc Mường Tè
22	Nguyen Van Trieu	Thành viên	BQLRPF Nậm Nhùn
23	Pham Van Tuyen	Thành viên	BQLRPF Tam Đường
24	Nguyen Thanh Do	Thành viên	BQLRPF Phong Thổ

Tỉnh Sơn La- Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ chuyên trách	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Trần Dũng Tiến	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc SỞ NN&PTNT
2	Lo The Thi	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
3	Pham Van Hoa	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Cam Thi Hue	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyen Trong Nam	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Phan Thi Thim	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Lo Thi Hong Xoan	Thành viên	Chuyên viên CCKL
8	Do Thi Thuy	Thành viên	CCKL thành phố Sơn La
9	Dao Thi Linh	Thành viên	CCKL thành phố Sơn La
10	Do Van Truong	Thành viên	CCKL huyện Mường La
11	Lo Van Thanh	Thành viên	CCKL huyện Mường La
12	Hoang Van Thang	Thành viên	Khu BTTN Mường La
13	Ha Minh Duc	Thành viên	Khu BTTN Mường La
14	Tran Duc Vinh	Thành viên	CCKL huyện Thuận Châu
15	Pham Xuan Truong	Thành viên	CCKL huyện Thuận Châu
16	Ca Van Cuong	Thành viên	Khu BTTN Cópia
17	Lo Van Truong	Thành viên	Khu BTTN Cópia
18	Nguyen Thanh An	Thành viên	CCKL huyện Quỳnh Nhai
19	Luong Van Cuong	Thành viên	CCKL huyện Quỳnh Nhai
20	Nguyen Van Thang	Thành viên	CCKL huyện Sông Mã

Phụ lục 1. Kết quả dự án

21	Hoang Van Dinh	Thành viên	CCKL huyện Sông Mã
22	Ha Van Hung	Thành viên	CCKL huyện Sốp Cộp
23	Dam Van Loi	Thành viên	BQLRĐĐ Sốp Cộp
24	Tran Ngoc Doan	Thành viên	BQLRĐĐ Sốp Cộp
25	Luong Van Cuong	Thành viên	BQLRĐĐ Sốp Cộp
26	Hoang Trong Luu	Thành viên	CCKL huyện Phú Yên
27	Luong Van Tam	Thành viên	CCKL huyện Phú Yên
28	Cam An Trung	Thành viên	BQLRĐĐ Tà Xua
29	Ha Ngoc Huan	Thành viên	BQLRĐĐ Tà Xua
30	Nguyen Trung Hoa	Thành viên	CCKL huyện Bắc Yên
31	Ha Son Thuy	Thành viên	CCKL huyện Bắc Yên
32	Dang Hong Hai	Thành viên	CCKL huyện Vân Hồ
33	Le Hong Phuong	Thành viên	CCKL huyện Vân Hồ
34	Le Van Dung	Thành viên	CCKL huyện Mộc Châu
35	Dao Thi Lan	Thành viên	CCKL huyện Mộc Châu
36	Nguyen Hung Chien	Thành viên	BQLRĐĐ Xuân Nhạ
37	Luong Van Phung	Thành viên	BQLRĐĐ Xuân Nhạ
38	Lo Minh Chau	Thành viên	CCKL huyện Yên Châu
39	Lu Thi Anh	Thành viên	CCKL huyện Yên Châu
40	Dao Ngoc Ha	Thành viên	CCKL huyện Mai Sơn
41	Sa Thi Thuy Ha	Thành viên	CCKL huyện Mai Sơn

Tỉnh Thanh Hóa - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ chuyên trách	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Vu Van Van	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	Ha Minh Tam	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc Quỹ BV&PT Rừng Thanh Hóa
3	Le Xuan Cai	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Pham Van Nhung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyen Van Tuan	Thành viên	Quỹ BV&PT Rừng Thanh Hóa
6	Nguyen Duy An	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Nguyen Duc Hoa	Thành viên	Chuyên viên CCKL
8	Le Hoang Khai	Thành viên	Chuyên viên CCKL

Tỉnh Hà Tĩnh - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Nguyen Huy Loi	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc SỞ NN&PTNT
2	Hoang Quoc Huan	Phó Trưởng nhóm	Giám đốc CCKL

Phụ lục 1. Kết quả dự án

3	Nguyen Cong To	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
4	Phan Thanh Tung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyen Xuan Linh	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Nguyen Thi Thu Hang	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Nguyen Van Thang	Thành viên	Chuyên viên CCKL
8	Le Dinh Duy	Thành viên	Dự án UN-REDD 2 Hà Tĩnh
9	Doan Ngoc Loi	Thành viên	CCKL thị trấn Hồng Lĩnh
10	Tran Dinh Hiep	Thành viên	CCKL huyện Can Lộc
11	Ngo Van Khoa	Thành viên	CCKL huyện Lộc Hà
12	Ho The Nam	Thành viên	CCKL huyện Nghi Xuân
13	Nguyen Sy Hung	Thành viên	CCKL huyện Hương Khê
14	Nguyen Quang Hung	Thành viên	CCKL thị trấn Kỳ Anh
15	Vo Duy Tu	Thành viên	CCKL thị trấn Kỳ Anh

Tỉnh Nghệ An - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Nguyen Tien Lam	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc SỞ NN&PTNT
2	Bach Quoc Dung	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
3	Nguyen Hai Au	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
4	Le Dai Thang	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyen Dinh Trung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Nguyen Thanh Chung	Thành viên	Chuyên viên SỞ NN&PTNT tỉnh Nghệ An
7	Nguyen Tien Hung	Thành viên	BQL Chương trình Phát triển Lâm nghiệp tỉnh Nghệ An
8	Nguyen Anh Tuan	Thành viên	CCKL huyện Kỳ Sơn
9	Lu Van Chom	Thành viên	CCKL huyện Tương Dương
10	Hoang Ngoc Thinh	Thành viên	CCKL huyện Con Cuông
11	Thai Ngo Cuong	Thành viên	CCKL huyện Anh Sơn
12	Pham Ba Thong	Thành viên	CCKL huyện Tân Kỳ
13	Nguyen Khac Dao	Thành viên	CCKL huyện Thanh Chương
14	Nguyen Trung Ky	Thành viên	CCKL huyện Nam Đàn
15	Nguyen Van Hien	Thành viên	CCKL huyện Hưng Nguyên
16	Ho Khanh Toan	Thành viên	CCKL Thành phố Vinh
17	Nguyen Trung Thong	Thành viên	CCKL huyện Nghi Lộc
18	Nguyen Trung Nam	Thành viên	CCKL thị trấn Cửa Lò
19	Tran Anh Dung	Thành viên	CCKL huyện Diễn Châu
20	Nguyen Quoc Bao	Thành viên	CCKL huyện Đô Lương
21	Hoang Van Quyet	Thành viên	CCKL huyện Nghĩa Đàn

Phụ lục 1. Kết quả dự án

22	Nguyen Manh Hung	Thành viên	CCKL thị trấn Thái Hòa
23	Hoang Dang Phuc	Thành viên	CCKL huyện Quý Châu
24	Hoang Chinh Lam	Thành viên	CCKL thị trấn Hoàng Mai
25	Nguyen Trung Hung	Thành viên	CCKL huyện Yên Thanh
26	Nguyen Tat Ha	Thành viên	CCKL huyện Quỳnh Lưu
27	Tran Quyet Thang	Thành viên	CCKL huyện Quỳnh Hợp
28	Nguyen Anh Sang	Thành viên	CCKL huyện Quế Phong
29	Tran Xuan Cuong	Thành viên	Giám đốc Vườn Quốc Gia Pù Mát
30	Nguyen Van Sinh	Thành viên	Giám đốc Vườn Quốc Gia Pù Hoạt
31	Nguyen Trung Son	Thành viên	Giám đốc Vườn Quốc Gia Pù Hương

Tỉnh Quảng Bình - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Pham Hong Thai	Trưởng nhóm	Giám đốc CCKL
2	Pham Thanh Trung	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên Sở NN&PTNT's tỉnh Quảng Bình
3	Pham Van But	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
4	Nguyen Tuan Anh	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Phan Thanh Loc	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Le Quy Dat	Thành viên	BQLRPH Đông Châu
7	Tran Xuan Ninh	Thành viên	BQLRPH Quảng Trạch
8	Bui Minh Tuan	Thành viên	BQLRPH Ba Ren
9	Nguyen Thanh Tue	Thành viên	BQLRPH Minh Hòa
10	Dinh Thanh Quang	Thành viên	BQLRPH Đồng Hới
11	Nguyen Van Lam	Thành viên	BQLRPH ven biển Nam Quảng Bình
12	Hoang Minh Ngan	Thành viên	BQLRPH Long Đại
13	Nguyen Thanh Tam	Thành viên	BQLRPH Tuyên Hoa
14	Nguyen Truong Hai	Thành viên	Công ty TNHH Công nghiệp và Lâm nghiệp Long Đại
15	Le Van Hien	Thành viên	Công ty cổ phần giống lâm nghiệp ven biển miền trung phía Bắc
16	Nguyen Thi Lan	Thành viên	Công ty TNHH Công nghiệp và Lâm nghiệp Bắc Quảng Bình
17	Nguyen Van Hien	Thành viên	CCKL thành phố Đồng Hới
18	Le Anh Tuan	Thành viên	CCKL huyện Quảng Ninh

Phụ lục 1. Kết quả dự án

19	Hoang Chi Thanh	Thành viên	CCKL huyện Minh Hòa
20	Phan Van Chuc	Thành viên	CCKL huyện Lệ Thủy
21	Tuong Van Hung	Thành viên	CCKL thị trấn Ba Đon
22	Hoang Thanh Hai	Thành viên	CCKL huyện Tuyên Hòa
23	Nguyen Van Thong	Thành viên	CCKL huyện Bố Trạch
24	Nguyen Trong Giap	Thành viên	CCKL huyện Quảng Trạch
25	Nguyen Thai Dung	Thành viên	VQG Phong Nha – Kẻ Bàng
26	Phan Xuan Ngoc	Thành viên	Dự án FCPF 2 - REDD+ Quảng Bình

Tỉnh Quảng Trị - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Le Van Quy	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	Le Thanh Tuyen	Phó Trưởng nhóm	Phòng QL&BV Rừng, (CCKL)
3	Nguyen Thi Thuy Duong	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Tran Duc Tam	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Nguyen Thi Tuyen	Thành viên	Hai Lang district CCKL
6	Truong Quang Ngoc	Thành viên	BQLRPH sông Thạch Hãn
7	Le Tien Phu	Thành viên	CCKL huyện Dakrong
8	Hoang Trong Vinh	Thành viên	Khu BTTN Dakrong
9	Le Thoai Tuan	Thành viên	CCKL huyện Hướng Hóa
10	Tran Thi Le Xuan	Thành viên	CCKL huyện Triệu Phong
11	Nguyen Thanh Toi	Thành viên	CCKL thị trấn Quảng Trị
12	Vo Dinh Tuan	Thành viên	BQLRPH Hướng Hóa - Dakrong
13	Ho Duc Thang	Thành viên	CCKL thành phố Đông Hà
14	Le Nhat Hai	Thành viên	Chuyên viên kỹ thuật đảo Con Co
15	Nguyen Hoang Long	Thành viên	CCKL huyện Vĩnh Linh
16	Ho Thi Oanh	Thành viên	CCKL huyện Gio Linh
17	Pham Huu Duc	Thành viên	CCKL huyện Cẩm Lò
18	Nguyen Tan Hieu	Thành viên	Khu BTTN bắc Hướng Hóa
19	Nguyen Cong Diem	Thành viên	BQLRPH sông Bến Hải

Tỉnh Thừa Thiên Huế - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Vo Van Du	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc SỞ NN&PTNT

Phụ lục 1. Kết quả dự án

2	Nguyen Dai Anh Tuan	Phó Trưởng nhóm	Giám đốc CCKL
3	Nguyen Van Son	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Nguyen Huu Hung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Huynh Thi Quynh Chi	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Dang Thi Ngan Giang	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Tong Phuoc Hoang Hieu	Thành viên	Chuyên viên CCKL
8	Tran Vu Ngoc Hung	Thành viên	Chuyên viên CCKL
9	Tran Quoc Canh	Thành viên	Quỹ BV&PT Rừng
10	Le Viet Ngoc Vinh	Thành viên	CCKL thành phố Huế
11	Nguyen Ba Thao	Thành viên	CCKL huyện Phong Điền
12	Truong Cong Dong	Thành viên	CCKL huyện Quảng Điền
13	Ngo Huu Phuoc	Thành viên	CCKL thị trấn Hương Trà
14	Trinh Ngoc Thuan	Thành viên	CCKL thị trấn Hương Thủy
15	Nguyen Van Minh	Thành viên	CCKL huyện Phú Vang
16	Tong Phuoc An	Thành viên	CCKL huyện Phú Lộc
17	Le Nhan Duc	Thành viên	CCKL huyện A Lưới
18	Hoang Van Chuc	Thành viên	CCKL huyện Nam Đông
19	Le Ha	Thành viên	Trung tâm thiết kế và quy hoạch nông-lâm nghiệp
20	Dang Vu Tru	Thành viên	BQL Khu BTTN Phong Điền
21	Tran Dai Phuong	Thành viên	BQLRPH sông Bo
22	Tran Quoc Thuc	Thành viên	BQLRPH sông Hương
23	Nguyen Huu Cu	Thành viên	BQLRPH Hương Thủy
24	Tran Van Loc	Thành viên	BQLRPH Bắc Hải Vân
25	Le Ngoc Tuan	Thành viên	BQL khu bảo tồn Sao La
26	Van Than	Thành viên	BQLRPH A Lưới
27	Tran Van Toan	Thành viên	BQLRPH Nam Đông

Tỉnh Lào Cai - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Nguyen Huu Hanh	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	Nguyen Huu Tuan	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
3	Nguyen Duc Thinh	Thành viên	Chuyên viên CCKL

Phụ lục 1. Kết quả dự án

4	Do Trong Thuong	Thành viên	Chuyên viên CCKL
5	Tran Manh Tuong	Thành viên	Chuyên viên CCKL
6	Nguyen Dinh Thang	Thành viên	Chuyên viên CCKL
7	Hoang Cong Nghiep	Thành viên	CCKL huyện Bảo Thắng
8	Do Van Dinh	Thành viên	CCKL huyện Mường Khương
9	Hoang Xuan Chung	Thành viên	CCKL huyện Bảo Yên
10	Le Quang Tao	Thành viên	CCKL huyện Bắc Hà
11	Luong Duc Hoang	Thành viên	CCKL huyện Bát Xát
12	Duong Van Vinh	Thành viên	CCKL huyện Si Ma Cai
13	Luong Van Minh	Thành viên	CCKL huyện Văn Bàn
14	Nguyen Trong Luc	Thành viên	BQL Khu BTTN Văn Bàn
15	Nguyen Minh Tuan	Thành viên	Vườn Quốc gia Hoàng Liên
16	Nguyen Son Binh	Thành viên	CCKL huyện Sa Pa
17	Nguyen Tien Chien	Thành viên	CCKL thành phố Lào Cai

Tỉnh Bắc Kan - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Nguyen Doan Tu	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	Ma Doan Thuan	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
3	Vu Van Thinh	Thành viên	CCKL huyện Ba Bể
4	Hoang Duc Cuong	Thành viên	CCKL huyện Chợ Mới
5	Ngoi Quang Nam	Thành viên	CCKL huyện Na Rì
6	Ha Duc Manh	Thành viên	Chuyên viên Sở NN&PTNT Bắc Kan
7	Tran Thanh Tung	Thành viên	BQL Khu BTTN Bắc Xuân Lạc
8	Do Nhu Quyen	Thành viên	BQL Khu BTTN Kim Hy
9	Dinh Van Thanh	Thành viên	Vườn Quốc Gia Ba Bể

Tỉnh Bình Thuận - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Huỳnh Hiếu	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	TRương Đình Sỹ	Phó Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCLN
3	Hồ Thanh Tuyên	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Phạm Đức Huy Hoàng	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
5	Nguyễn Tấn Trọng	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
6	Lương Hoàng Phi	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp

Phụ lục 1. Kết quả dự án

7	Trần Văn Hải	Thành viên	CCKL huyện Bắc Bình
8	Phạm Quốc Việt	Thành viên	CCKL huyện Hàm Thuận Bắc
9	Nguyễn Văn Lập	Thành viên	BQL Khu BTTN Núi Ong
10	Phạm Văn Chiến	Thành viên	BQLRPH sông Quao
11	Lê Văn Nam	Thành viên	BQLRPH Trị An
12	Nguyễn Đức Sinh	Thành viên	BQLRPH sông Mao
13	Dương Văn Lang	Thành viên	Dự án UNREDD 2 Bình Thuận
14	Trần Trọng Tuyền	Thành viên	Quỹ BV&PT Rừng

Tỉnh Lâm Đồng - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

No.	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Lê Quang Nghiệp	Trưởng nhóm	Phó Giám đốc CCKL
2	Hoàng Công Hoài Nam	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
3	Nguyễn Văn Đức	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Lê Thái Sơn	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
5	Trần Thanh An	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
6	Nguyễn Văn Dự	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
7	Nguyễn Mạnh Tiến	Thành viên	Chuyên viên Chi Cục Lâm nghiệp
8	Nguyễn Minh Cảnh	Thành viên	CCKL huyện Bảo Lâm
9	Đỗ Đặng Thức	Thành viên	CCKL huyện Lâm Hà
10	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	CCKL huyện Dam Rong
11	Trịnh Ngọc Phong	Thành viên	BQLRPH Lan Tranh
12	Phạm Tiến Mạnh	Thành viên	BQLRPH Nam Ban
13	Trần Văn Thiệu	Thành viên	BQLRPH Phi Lieng
14	Nguyễn Trường Giang	Thành viên	BQLRPH Serepok
15	Nguyễn Quốc Sỹ	Thành viên	Công ty TNHH Lâm nghiệp Bảo Lâm
16	Nguyễn Minh Lịch	Thành viên	Công ty TNHH Lâm nghiệp Lộc Bắc
17	Nguyễn Minh Thanh	Thành viên	BQLRPH Dam B'ri

Tỉnh Cà Mau - Danh sách thành viên Tổ chuyên trách Hệ thống Giám sát Tài nguyên Rừng cấp tỉnh

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Dương Đăng Vinh	Trưởng nhóm	Phó Phòng Quản lý và Bảo vệ, CCKL Cà Mau
2	Lý Phước Hải	Phó Trưởng nhóm	Chuyên viên CCKL
3	Ngô Hoàng Thương	Thành viên	Chuyên viên CCKL
4	Trần Hoàng An	Thành viên	CCKL huyện Trần Văn Thới
5	Nguyễn Thiện Minh	Thành viên	CCKL huyện U Minh

Phụ lục 1. Kết quả dự án

6	Phan Thiện Linh	Thành viên	CCKL huyện Đầm Dơi
7	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	CCKL huyện Ngọc Hiền
8	Trần Đăng Hoàng	Thành viên	CCKL huyện Nam Căn
9	Trần Phúc	Thành viên	CCKL huyện Phú Tân
10	Huỳnh Hải Dương	Thành viên	BQLRPH Biển Tây
11	Phạm Thiên Tâm	Thành viên	CCKL bán đảo Hòn Khoai
12	Nguyễn Tân Truyền	Thành viên	Vườn quốc gia U Minh Hạ
13	Nguyễn Văn Sử	Thành viên	Vườn quốc gia Mũi Ca Mau
14	Lưu Tấn Hùng	Thành viên	Công ty TNHH Lâm nghiệp Ngọc Hiền
15	Trần Quốc Khải	Thành viên	Công ty TNHH Lâm nghiệp U Minh Hạ
16	Trương Việt Bắc	Thành viên	BQLRPH Đầm Dơi
17	Phạm Như Thắng	Thành viên	BQLRPH Tam Giang I
18	Quách Diệu	Thành viên	BQLRPH Kiên Vang
19	Nguyễn Trường Giang	Thành viên	BQLRPH Nhung Miên
20	Lưu Kinh Thương	Thành viên	BQLRPH Đất Mũi
21	Trần Văn Nhi	Thành viên	BQLRPH Nam Căn
22	Châu Minh Vũ	Thành viên	BQLRPH Sao Lưới

Phụ lục 1. Kết quả dự án

Tổ công tác LB-BR

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Lê Văn Sơn	Team Trưởng nhóm	Phó Giám đốc ICTHER
2	Lê Văn Trung	Thành viên	Chuyên viên of SỞ NN&PTNT
3	Hoàng Ngọc Huy	Thành viên	Trưởng phòng Quản lý du lịch, Sở VHTTDL
4	Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	Phó Trưởng phòng quản lý khoa học, Sở KH và Công nghệ
5	Nguyễn Khánh Ngân	Thành viên	Chuyên viên phòng Bảo vệ Môi trường, Sở TN&MT
6	Hoàng Xuân Hải	Thành viên	Trưởng phòng PTNN&NT, UBND huyện Lạc Dương
7	Nguyễn Trọng Mơ	Thành viên	Chuyên viên văn phòng Hội đồng nhân dân, UBND thành phố Đà Lạt

Tổ công tác quản lý hợp tác

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
1	Hồ Huỳnh Dung	Team Trưởng nhóm	Phó Giám đốc BQLRPH đầu nguồn Đa Nhim
2	Hoàng Đình Bằng	Thành viên	Cán bộ kỹ thuật BQLRPH đầu nguồn Đa Nhim
3	Nguyễn Văn Danh	Thành viên	Trưởng phòng bảo vệ rừng Đa Nhim, BQLRPH đầu nguồn Đa Nhim
4	Bùi Thế Hoàng	Sub-Trưởng nhóm	Phó phòng kỹ thuật Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
5	Nguyễn Bá Hoa	Thành viên	Trưởng trạm Kiểm lâm Yang Ly Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
6	Cao Minh Trí	Thành viên	Trưởng trạm Kiểm lâm Klong Lanh, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
7	Phạm Hữu Nhân	Thành viên	Trưởng trạm Kiểm lâm Hon Giao, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
8	Nguyễn Văn Cường	Thành viên	Trưởng trạm Kiểm lâm Núi Ba Kiềm, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà

Tổ công tác giám sát đa dạng sinh học

STT	Họ tên	Vai trò trong Tổ công tác	Chức vụ tại đơn vị công tác
-----	--------	---------------------------	-----------------------------

Phụ lục 1. Kết quả dự án

1	Trương Quang Cường	Team Trưởng nhóm	Chuyên viên of ICTHER, Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
2	Đinh Văn Tý	Thành viên	Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
3	Phạm Xuân Đàm	Thành viên	Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà
4	Hoàng Bá Duy	Thành viên	Kiểm lâm Vườn Quốc gia Bidoup Núi Bà

Danh sách các lớp tập huấn

1. Danh sách các lớp tập huấn thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+

No	Title	Duration	Date	Target	Location*	Participants (Total)	Participants (Female)	Participants (E. Minority)
Village meeting to plan project activity (two/three times in each village)								
1	First village meeting in Bao 2 village, Thanh Hoi Commune	0.5	23-Sep-2016	Villagers	HB Bao 2 village	68	6	66
2	First village meeting in Tam 4 village, Thanh Hoi Commune	0.5	21-Sep-2016	Villagers	HB Tam 4 village	84	7	76
3	The 1st village meeting in 21 villages of Pa Khoang commune	6.0	22-29Aug2016	Villagers	DB 21 villages	861	227	861
4	The 2nd village meeting in 21 villages of Pa Khoang commune	6.0	12-19Sep2016	Villagers	DB 21 villages	836	460	836
5	The first village meeting in Bao 3 village, Thanh Hoi commune	0.5	23-Sep-2016	Villagers	HB Bao 3 village	70	10	66
6	The first village meeting in Tam 1 village, Thanh Hoi commune	0.5	23-Sep-2016	Villagers	HB Tam 1 village	52	30	50
7	The first village meeting in Nen 2 village, Thanh Hoi Commune	0.5	27-Sep-2016	Villagers	HB Nen 2 village	38	14	37

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

8	The first village meeting in Tam 3 village, Thanh Hoi commune	0.5	27-Sep-2016	Villagers	HB Tam 3 village	68	50	66
9	The first village meeting in Nen 3 village, Thanh Hoi commune,	0.5	27-Sep-2016	Villagers	HB Nen 3 village	88	16	83
10	The first village meeting in Bao 1 village, Thanh Hoi commune	0.5	27-Sep-2016	Villagers	HB Bao1 village	55	43	52
11	The first village meeting in Dong 2 village, Thanh Hoi commune	0.5	28-Sep-2016	Villagers	HB Dong 2 village	71	45	68
12	The first village meeting in Sung 2 village, Thanh Hoi Commune	0.5	28-Sep-2016	Villagers	HB Sung 2 village	60	35	58
13	The first village meeting in Tam 2 village, Thanh Hoi Commune	0.5	28-Sep-2016	Villagers	HB Tam 2 village	34	17	32
14	The first village meeting in Tan Huong 1 village, Thanh Hoi commune	0.5	28-Sep-2016	Villagers	HB Tan Huong 1 village	45	20	5
15	The first village meeting in Dong 1 village, Thanh Hoi commune,	0.5	28-Sep-2016	Villagers	HB Dong 1 village	52	29	51
16	The first village meeting in Nhot village, Thanh Hoi Commune	0.5	29-Sep-2016	Villagers	HB Nhot village	121	37	119
17	The first village meeting in Nen 1 village, Thanh Hoi commune	0.5	29-Sep-2016	Villagers	HB Nen 1 village	85	41	82

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

18	The first village meeting in Tan Huong 2 village, Thanh Hoi commune	0.5	29-Sep-2016	Villagers	HB Tan Huong 2 village	36	20	3
19	The first village meeting in Cu village, Thanh Hoi commune	0.5	30-Sep-2016	Villagers	HB Cu village	80	48	72
20	The first village meeting in Sung1 village, Thanh Hoi commune	0.5	30-Sep-2016	Villagers	HB Sung 1 village	63	43	60
21	The first village meeting in Tan Tien village, Thanh Hoi Commune	0.5	30-Sep-2016	Villagers	HB Tan Tien village	60	20	9
22	The 3rd village meeting in 21 villages of Pa Khoang commune	6.0	6-13 Oct2016	Villagers	DB 21 villages	834	502	834
23	First village meetings	4.0	3 -6 Oct 2016	Villagers	LC 9 village	586	277	446
24	Second village meetings	4.0	17-20Oct2016	Villagers	LC 9 village	468	193	344
25	1st village meetings in Muong Gion commune	4.0	10-13Oct2016	Villagers	SL 12 villages	1105	559	1105
26	2nd village meetings in Muong Gion commune	4.0	25-28Oct2016	Villagers	SL 12 villages	1025	472	1025
27	Consultation meeting on 5-years FMP&LDP and IP for 2016-2017	1.0	8-Nov-2016	Villagers Officials - CPC	DB Dien Bien Phu city	43	9	32
28	The 3rd village meeting	5.0	14-18Nov2016	Villagers	LC 9 village	522	222	414
29	Summary meeting after the first village meetings in Thanh Hoi	1.0	4-Nov-2016	Villagers	HB Thanh Hoi CPC	43	6	32

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

30	The second village meeting in Tam 2 village, Tan Lac District	1.0	21-Nov-2016	Villagers	HB Tam 2 village	48	22	40
31	The second village meeting in Bao 1 village, Tan Lac District	1.0	22-Nov-2016	Villagers	HB Bao 1 village	60	38	57
32	The second village meeting in Sung 1 village, Tan Lac District	1.0	22-Nov-2016	Villagers	HB Sung 1 village	72	43	70
33	The second village meeting in Tam 3 village, Tan Lac District	1.0	22-Nov-2016	Villagers	HB Tam 3 village	78	48	76
34	The second village meeting in Tam 1 village, Tan Lac District	1.0	24-Nov-2016	Villagers	HB Tam 1 village	85	32	83
35	The second village meeting in Bao 2 village, Tan Lac District	1.0	24-Nov-2016	Villagers	HB Bao 2 village	55	32	51
36	The second village meeting in Sung 2 village, Tan Lac District	1.0	24-Nov-2016	Villagers	HB Sung 2 village	63	34	60
37	The second village meeting in Tam 4 village, Tan Lac District	1.0	25-Nov-2016	Villagers	HB Tam 4 village	101	45	99
38	The second village meeting in Nhot village, Tan Lac District	1.0	25-Nov-2016	Villagers	HB Nhot village	131	67	128
39	The second village meeting in Nen 3 village, Tan Lac District	1.0	2-Dec-2016	Villagers	HB Nen 3 village	38	23	36
40	The second village meeting in Tan Huong 2 village, Tan Lac District	1.0	2-Dec-2016	Villagers	HB Tan Huong 2 village	22	10	4
41	The second village meeting in Dong 2 village, Tan Lac District	1.0	2-Dec-2016	Villagers	HB Dong 2 village	65	35	63

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

42	The second village meeting in Nen 1 village, Tan Lac District	1.0	2-Dec-2016	Villagers	HB Nen 1 village	34	13	32
43	Consultation meeting on five year FM and LD plans and implementation plans for 2016-2017 in Phuc Khoa commune	0.5	12-Dec-2016	Villagers Officials - CPC	LC Phuc Khoa CPC	22	6	10
44	3rd village meetings in Muong Gion commune	4.0	15-18 Nov 2016	Villagers	SL 12 villages	1265	452	1265
45	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	12-Sep-2017	Villagers	HB Tam 3 Village	55	10	50
46	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	13-Sep-2017	Villagers	HB Tam 2 Village	26	13	24
47	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	13-Sep-2017	Villagers	HB Bao 2 Village	37	8	34
48	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	13-Sep-2017	Villagers	HB Bao 1 Village	57	30	55
49	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	13-Sep-2017	Villagers	HB Nhot Village	101	68	98
50	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	14-Sep-2017	Villagers	HB Sung 2 Village	47	18	45
51	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	14-Sep-2017	Villagers	HB Sung 1 Village	60	33	58

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

52	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	14-Sep-2017	Villagers	HB Tam 1 Village	45	12	43
53	The Village meeting to plan for project's activities in 2018	0.5	14-Sep-2017	Villagers	HB Tam 4 Village	75	7	73
54	2nd Village meeting for revision Village regulation forest protection and management	3.0	18-26 Sep 2017	Villagers	DB 21 villages	916	267	916
55	Annual Pilot Commune Review Meeting for 2017, workplan for 2018	1.0	22-Jan-2018	Villagers Officials - PPMU - DPC - CPC	SL Mung Gion CPC	61	10	61
Meeting for Village Management Board								
1	Meeting about operation and management for VMB members	1.0	15-Feb-2017	Villagers	HB Thanh Hoi CPC	37	13	36
2	Training on operation, management skills for VMB members	1.0	15-Feb-2017	Villagers Officials -CPC	HB Thanh Hoi CPC	41	13	36
3	VMB workshop	1.0	8-Mar-2017	Villagers	SL Muong Gion CPC	82	13	74

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

4	VMB training	4.0	1-4 Jun 2017	Villagers	DB Pa Khoang CPC	102	18	102
Meeting for village forest management regulation								
1	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	22-Feb-2017	Villagers	HB Tam villages	29	5	25
2	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	2-Mar-2017	Villagers	HB Bao 2 village	20	6	17
3	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	2-Mar-2017	Villagers	HB Tan Huong 2 village	8	3	1
4	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	3-Mar-2017	Villagers	HB Sung 2 village	18	4	14
5	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	3-Mar-2017	Villagers	HB Nen 1 village	16	2	13
6	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	3-Mar-2017	Villagers	HB Dong 2 village	11	1	9
7	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	3-Mar-2017	Villagers	HB Nhot village	13	1	11

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

8	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	29-Mar-2017	Villagers	HB Tam 4 and Tan Huong 2 villages	90	46	67
9	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	3-Apr-2017	Villagers	HB Tam 2, Bao 2, Bao 1 , Nen 3 villages	195	90	187
10	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	4-Apr-2017	Villagers	HB Dong 2, Sung 2, Sung 1, Nhot villages	283	153	277
11	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	1.0	11-Apr-2017	Villagers	HB Tam 3, Tam 1 villages	134	57	129
12	Meeting with key villagers to draft a Village Regulation on Forest Management	0.5	12-Apr-2017	Villagers	HB Nen 1 village	86	25	84
13	Meeting for revision Village regulation on forest protection and management	1.0	18-Jul-2017	Villagers	DB Pa Khoang CPC	56	3	49

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

14	Meeting for revision Village regulation on forest protection and management	3.0	22-31Aug2017	Villagers	DB 21 villages	818	236	818
15	Regional consultation WS on the draft revised forest protection and development law and SNRM site visit	1.0	8-Sep-2017	Officials - PPC - DPC - CPC	DB Dien Bien Phu city	110	20	6
16	2nd Village meeting for revision Village regulation forest protection and management	3.0	18-26Sep2017	Villagers	DB 21 villages	916	267	916
17	Commune meeting for review village regulation on forest protection and development	1.0	17-Jan-2018	Villagers	DB Pa Khoang CPC	39	4	39
18	Village meeting for review village regulation on forest protection and development	1.0	20-Jan-2018	Villagers	DB 21 villages	881	165	881
Training for village fund management								
1	Meeting with VMBs and VFPTs to develop charters for village funds.	1.0	10-May-2017	Villagers	HB Than Hoi CPC	72	14	64
2	Meeting for checking village fund	7.0	14-20Nov2017	Villagers	DB 21 villages	63	21	63

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

3	Meeting for monitoring village fund in 21 village	4.0	8-11 Jan2018	Villagers	DB 21 villages	42	20	42
4	The study tour to learn about Village fund management in Tien Yen district and Ha Long city	3.0	22-24 May-2018	Villagers	-Dong Rui Commune -Tien Ye District -Ha Long, Quang Ninh	33	8	25
5	Training/Workshop on Village Fund from PFES	1.0	24-Jan-2019	Facilitator /VMFMLD	SL CPC	62	3	52
6	Training on Village fund new format of accounting book	1.0	31-Jul-2019	Village head and accountant of VMB	DB Pa Khoang CPC	42	8	42
7	Training on VMB operation for VMB members in Thanh Hoi	1.0	17-Dec-2018	HHs, CPC, VMBs, VFPTs	HB Thanh Hoi, HB	26	5	26

*: DB: Dien Bien Province, LC: Lai Chau Province, HB: Hoa Binh Province, SL: Son La Province

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

1. Danh sách các lớp tập huấn thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ (tiếp)

No	Subject	Duration (day)	Date	Target	Location*	Participants (Villagers)	Participants (Officials)	Participants (Female)	Participants (E. Minorities)
Training for facilitators									
1	Facilitation skill training	2.0	15-16 Aug 2016	Officials - Facilitators	DB Dien Bien Phu city	0	13	5	8
2	Training for the 1st village meeting	0.5	17-Aug-2016	Officials - Facilitators	DB Dien Bien Phu city	0	13	5	8
3	Training for the 2nd village meeting	0.5	8-Sep-2016	Officials - Facilitators	DB Dien Bien Phu city	0	13	5	8
4	Facilitation skills training for facilitators	3.0	12-14 Sep 2016	Officials - Facilitators	HB Tan Lac DPC	0	13	1	7
5	Training on facilitation for facilitators	2.0	15-16 Sep 2016	Officials - Facilitators	LC PPC, DARD	0	15	2	3
6	Facilitation training	2.0	26-27 Sep 2016	Officials - Facilitators	SL Quynh Nhai District FPD	3	12	5	14
7	Facilitation training	2.0	26-27 Sep 2016	Officials - Facilitators	SL Quynh Nhai District FPD	3	12	5	14

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

8	Training on first village meeting for facilitators	0.5	28-Sep-2016	Officials Facilitators	LC PPC	0	13	2	3
9	Training for the 3rd village meeting	1.0	30-Sep-2016	Officials - Facilitators	DB Dien Bien Phu city	0	12	4	8
10	Training for facilitators for 2nd village meeting	0.5	13-Oct-2016	Officials -Facilitators	LC Phuc Khoa CPC	0	13	3	4
11	Facilitation training for 2nd village meeting	0.5	24-Oct-2016	Officials - Facilitators	SL Muong Gion CPC	3	9	3	12
12	Training for facilitators for 3rd village meeting	1.0	10-Nov-2016	Officials -Facilitators	LC Centre for politics Tan Uyen district	0	14	4	4
13	Meeting with project facilitators to prepare for the second village meetings in Thanh Hoi	1.0	14-Nov-2016	Officials -Facilitators	HB Thanh Hoi CPC	0	16	3	9
Training for afforestation									

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

1	Afforestation/Regeneration training	6.0	12-17 Mar 2017	Villagers	SL 12 villages	647	5	84	637
2	Afforestation design meeting	1.0	3-Jan-2017	Villagers Officials -CPC	HB Thanh Hoi CPC	32	nd	3	22
3	Summary meeting on afforestation design survey	1.0	13-Jan-2017	Villagers Officials -CPC	HB Thanh Hoi CPC	30	nd	4	19
4	Afforestation training for villagers	3.0	21-23 Mar 2017	Villagers	HB villages	157	3	43	148
5	Scattered planting for villagers	3.0	7-9 Apr 2017	Villagers	DB 21 villages	826	0	491	826
6	Forest plantation for villagers	6.0	13-18 Apr 2017	Villagers	DB 8 target Villages	205	0	122	205
7	Scattered planting	1.0	13-Apr-2017	Villagers	LC Ho Ta village	35	0	9	35

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

8	Scattered planting	1.0	14-Apr-2017	Villagers	LC Na Lai village	18	0	4	18
9	Scattered planting	1.0	15-Apr-17	Villagers	LC Na Khoang village	20	0	1	20
10	Scattered planting	1.0	16-Apr-17	Villagers	LC Ngoc Lai village	29	0	7	0
11	Scattered planting	1.0	17-Apr-17	Villagers	LC Phuc Khoa village	38	0	17	0
12	Scattered planting	1.0	18-Apr-17	Villagers	LC Nam Bon 2 village	31	0	20	31
13	Scattered planting	1.0	19-Apr-17	Villagers	LC Pac Khoa village	27	0	1	27
14	Scattered planting	1.0	20-Apr-17	Villagers	LC Nam Bon 1 village	21	0	5	21
15	Scattered planting	1.0	21-Apr-17	Villagers	LC Ho Bon village	23	0	8	23

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

16	The training on forest plantation techniques	1.0	23-Jan-2018	Villagers	HB villages	39	3	5	36
17	Training on scattered planting	1.0	21-Apr-2018	Villagers	LC Ngoc Lai village	23	0	6	0
18	Training on scattered planting	1.0	22-Apr-2018	Villagers	LC Cultural House	24	0	1	20
19	Training on boundary planting	1.0	23-Apr-2018	Villagers	LC Na Lai village	10	0	4	10
20	Training on boundary planting	1.0	24-Apr-2018	Villagers	LC Na Khoang village	10	0	2	10
21	Training on boundary planting	1.0	26-Apr-2018	Villagers	LC Ho Ta village	13	0	6	12
22	Training on boundary planting	1.0	27-Apr-2018	Villagers	LC Nam Bon 2 village	12	0	2	12

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

23	Training on boundary planting	1.0	2-May-2018	Villagers	LC Ho Bon village	15	0	2	15
24	Training on boundary planting	1.0	2-May-2018	Villagers	LC Ho Bon village	15	0	2	15
25	The training on taking care of planted forest, 2017 in Bao 1 Village	1.0	15-May-2018	HHs.	HB Thanh Hoi	43	6	15	44
26	The training on taking care of planted forest, 2017 in Tam 4 Village	1.0	18-May-2018	HHs.	HB Thanh Hoi	44	5	11	43
27	Training on taking care of planted forest for growers in Thanh Hoi	1.0	8-Jan-2019	HHs, CPC	HB Thanh Hoi	24	1	7	25
28	Training/Workshop on 2nd round monitoring	1.0	19-Mar-2019	Facilitator	SL CPC	12	-	1	10
29	FM study tour	4.0	14-17 May-2019	PPMU members, project facilitators and VFPT members	HB Quang Tri and Quang Binh Provinces	1	8	2	4

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

Training for regeneration									
1	Afforestation/ Regeneration training	6.0	12-17 Mar 2017	Villagers	SL 12 target villages	647	5	84	637
2	Training on forest regeneration	1	22-Nov-17	Villagers	LC Nam Bon 2 village	57	0	13	44
3	Training on forest regeneration	1	23-Nov-17	Villagers	LC Ho Bon village	119	0	9	110
4	Training on forest regeneration	1	27-Nov-17	Villagers	LC Na Lai village	45	0	7	38
5	Training on forest regeneration	1.0	27-Nov-17	Villagers	LC Na Khoang village	76	0	10	66
Training for forest patrolling									
1	Village Forest Patrolling Team meeting	1.0	25-Jul-2017	Villagers	DB Pa Khoang CPC	35	0	1	30
2	The meeting with related sides to deal with forest encroachers	0.5	22-Aug-2017	Villagers Officials -CPC	HB Thanh Hoi CPC	25 (total)	nd	1	18

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

3	VFPT meeting	3.0	23-26 Oct 2017	Villagers	DB 17 target villages	155	0	10	155
4	The quarterly meeting between VFPTs and forest rangers	0.5	11-Jan-2018	Villagers Officials -CPC	HB Thanh Hoi CPC	19 (total)	nd	1	15
5	Forest patrolling workshop and handing over the patrolling map	1.0	29-Mar-2018	Villagers Officials -CPC	SL Muong Gion CPC	29	0	1	29
6	VFPT meeting	4.0	25-28 Feb 2017	Villagers	SL 12 target villages	148	2	11	148
7	Training for VFPT members	2.0	9-10 Mar-2017	Villagers	HB Thanh Hoi CPC	33	1	2	29
8	Village forest patrolling team meeting	8.0	15-26 Apr 2017	Villagers	DB Pa Khoang CPC	249	0	12	249

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

9	The study tour for VFPTs to Son La Province	3	5-7 Dec 2017	Villagers	-Truong Sinh District -Thuan Chau District -Son La City	27	6	0	29
10	The training on forest fire prevention and extinguish for VFPTs and related sides in Thanh Hoi commune	2.0	10-11 May-2018	HHs.	HB Thanh Hoi	31	7	3	32
11	Training for VFMPPT	1.0	12-May-2018	VFMPPT members	LC Na Khoang village, Phuc Khoa commune	20	0	0	20
12	Training for VFMPPT	1.0	13-May-2018	VFMPPT members	LC Na Lai village	20	0	3	20
13	Training for VFMPPT	1.0	14-May-2018	VFMPPT members	LC Ngoc Lai village	22	0	6	0
14	Training for VFMPPT	1.0	15-May-2018	VFMPPT members	LC Phuc Khoa village	22	0	3	0
15	Training for VFMPPT	1.0	17-May-2018	VFMPPT members	LC Ho Ta village	30	0	0	30
16	Training for VFMPPT	1.0	22-May-2018	VFMPPT members	LC Pac Khoa village	25	0	0	25

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

17	Training for VFMPPT	1.0	22-May-2018	VFMPPT members	LC Pac Khoa village	25	0	0	25
18	Training for VFMPPT	1.0	23-May-2018	VFMPPT members	LC Ho Bon village	22	0	0	22
19	Training for VFMPPT	1.0	24-May-2018	VFMPPT members	LC Nam Bon 1 village	21	0	2	21
20	Training for VFMPPT	1.0	25-May-2018	VFMPPT members	LC Nam Bon 2 village	20	0	2	20
21	Refresh training on forest patrolling for VFPTs in Thanh Hoi	2.0	27-28 Dec-2018	HHs, VMBs, VFPTs, CPC	HB Thanh Hoi, HB	16	1	0	17
22	Training for VFMPPT	1.0	17-Sep-2019	VFMPPT members	LC Na Lai village	20	0	0	20
23	Training for VFMPPT	1.0	18-Sep-2019	VFMPPT members	LC Nam Bon 1 village	21	0	2	21
24	Training for VFMPPT	1.0	19-Sep-2019	VFMPPT members	LC Nam Bon 2 village	20	0	2	20
25	Training for VFMPPT	1.0	20-Sep-2019	VFMPPT members	LC Pac Khoa village	25	0	1	25
26	Training for VFMPPT	1.0	23-Sep-2019	VFMPPT members	LC Phuc Khoa village	22	0	3	0

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

27	Training for VMPT	1.0	24-Sep-2019	VMPT members	LC Ngoc Lai village	20	0	6	0
28	Training for VMPT	1.0	25-Sep-2019	VMPT members	LC Ho Bon village	22	0	0	22
29	Training for VMPT	1.0	26-Sep-2019	VMPT members	LC Na Khoang village	20	0	0	20
30	Training for VMPT	1.0	27-Sep-2019	VMPT members	LC Ho Ta village	30	0	0	30
Training for forest protection									
1	The forest management study-tour	2.0	23-24 Feb 2017	Villagers Officials -CPC -DPC - DARD	- Ba Vi commune, Hanoi City - VFU, Hanoi City - Thach Thanh District, Thanh Hoa Pro.	44	nd	6	39

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

2	The forest management study-tour	2.0	23-24 Feb 2017	Villagers Officials -CPC -DPC -DARD	- Ba Vi District, Hanoi City - VFU, Hanoi City - Thach Thanh District, Thanh Hoa Pro.	35	5	5	25
3	The forest management study-tour	2	21-22 Sep 17	Villagers Officials -CPC -DPC -DARD	- Ba Vi District, Hanoi City - VFU, Hanoi City - Thach Thanh District, Thanh Hoa Province	33	12	5	35
4	Training on forest protection and development	12	3-14 Nov 2017	Villagers	SL 12 villages	1051	5	452	1056
5	Training on forest protection and development	1.0	3-Nov-17	Villagers	SL Huoi Teo village	26	0	5	26
6	Training on forest protection and development	1.0	3-Nov-17	Villagers	SL Co Liu village	31	0	7	31

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

7	Training on forest protection and development	1.0	4-Nov-17	Villagers	SL Gion village (class 1)	40	0	23	40
8	Training on forest protection and development	1.0	4-Nov-17	Villagers	SL Gion village (class 2)	57	0	30	57
9	Training on forest protection and development	1.0	5-Nov-17	Villagers	SL Gion village (class 3)	72	0	32	72
10	Training on forest protection and development	1.0	5-Nov-17	Villagers	SL Xanh village	37	0	18	37
11	Training on forest protection and development	1.0	6-Nov-17	Villagers	SL Cha Co village	47	0	22	47
12	Training on forest protection and development	1.0	7-Nov-17	Villagers	SL Cut village (class 1)	45	0	19	45
13	Training on forest protection and development	1.0	7-Nov-17	Villagers	SL Cut village (class 2)	45	0	20	45
14	Training on forest protection and development	1.0	8-Nov-17	Villagers	SL Keo Ca village	46	0	12	46
15	Training on forest protection and development	1.0	8-Nov-17	Villagers	SL Huoi Nga village	60	0	10	60

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

16	Training on forest protection and development	1.0	9-Nov-17	Villagers	SL Huoi Van village	53	0	4	53
17	Training on forest protection and development	1.0	9-Nov-17	Villagers	SL Xa village (class 1)	40	0	9	40
18	Training on forest protection and development	1.0	10-Nov-17	Villagers	SL Xa village (class 2)	47	0	23	47
19	Training on forest protection and development	1.0	10-Nov-17	Villagers	SL Xa village (class 3)	44	0	16	44
20	Training on forest protection and development	1.0	11-Nov-17	Villagers	SL Bo village (class 1)	52	0	36	52
21	Training on forest protection and development	1.0	11-Nov-17	Villagers	SL Bo village (class 2)	43	0	29	43
22	Training on forest protection and development	1.0	12-Nov-17	Villagers	SL Xa village (class 4)	41	0	30	41
23	Training on forest protection and development	1.0	12-Nov-17	Villagers	SL Bo village (class 3)	71	0	32	71
24	Training on forest protection and development	1.0	13-Nov-17	Villagers	SL Khop village (class 1)	52	0	15	52

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

25	Training on forest protection and development	1.0	13-Nov-17	Villagers	SL Khop village (class 2)	49	0	30	49
26	Training on forest protection and development	1.0	14-Nov-17	Villagers	SL Khop village (class 3)	53	0	30	53
Awareness rising activity for forest protection									
1	The workshop on awareness raising on forest protection for secondary students in Thanh Hoi commune	1.0	26-Mar-2018	Villagers	HB Thanh Hoi commune secondary school	336	19	153	336
Training for beekeeping									
1	Techniques of honeybee keeping in Pa Khoang commune	2.0	12-13 Jan 2017	Villagers	DB Pa Tra and Dong Met 1 villages	30	4	13	34
2	Study tour for Beekeepers	2.0	7-8 Feb 2017	Villagers	HB - Gia Lam and My Duc districts,	20	1	2	22

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

					Hanoi - Hoa Binh city.				
3	Beekeeping technique training	3.0	22-24 Mar 2017	Villagers	HB Thanh Hoi commune	53	2	1	48
4	Training on beekeeping techniques in winter season	1.0	8-Nov-17	Villagers	HB Thanh Hoi commune	61	6	3	61
5	Study tour to good model of honey bee raising, and Biogas plant	2.0	18-19 Dec 2017	Villagers	DB Noong Bua commune, Dien Bien Phu city, and Thanh Chan commune - Dien Bien district	15	5	2	18

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

6	Technical consultation on honey bee keeping	3.0	26-29 Feb 2018	Villagers	DB Vang 1, and Pa Tra village	14	0	0	14
7	Technical consultation on honey bee keeping	7.0	1-7 Mar 2018	Villagers	DB Vang 1, Dong Met 1 and Pa Tra village	23	0	0	23
8	Technical consultation on honey bee keeping	2.0	10-20 Apr 2018	Villagers	DB Dong Met 1 and Pa Tra village	10	0	0	10
9	Meeting with beekeepers	0.5	21-Feb-2017	Villagers	HB Thanh Hoi CPC	37	0	1	34
10	Meeting with beekeepers to establish FIGs for beekeepers	1.0	23-May-2017	Villagers	HB Villages	48	0	3	43
11	Refresh training on beekeeping techniques for beekeepers in TH	3.0	21-23 Nov-2018	HHs, CPC, VMBs	HB Thanh Hoi	29	0	2	29
12	Training events on bee-keeping	1.0	19-Mar-2019	10 villagers	DB Pa Khoang commune	10	0	0	10
14	Beekeeping study tour	4.0	2-5 Oct-2019	PPMU members, project facilitators	Ha Giang province	2	4	0	3

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

				and VFPT members, HHs					
Training for fish raising									
1	Techniques of fish raising and fishpond survey for extension workers in Dien Bien Phu city	2.0	12-13 Feb 2017	Officials -Extension workers	DB Dien Bien Phu city	0	13	4	10
2	1st training on fish raising	1.0	10-Mar-2017	Villagers	LC Ho Ta village	7	0	3	7
3	Techniques of fish raising and fishpond survey for villagers	4.0	4-7 Apr 2017	Villagers	DB 21 villages	169	0	97	169
4	Fish raising training (2nd course)	4.0	16-19 May 2017	Villagers	DB 21 villages	165	0	79	165
5	Meeting with registered households of fish raising activity	3.0	14-17 Mar 2017	Villagers	DB 21 villages	258	0	63	255
6	Training course for fish	1.0	2-Jul-2019	Villagers	Nam Bon 1 village	30	0	3	30
Training for construct biogas plant									
1	Study tour to good model of honey bee raising, and Biogas plant	2	18-19 Dec 2017	Villagers	Noong Bua commune, Dien Bien Phu city, and Thanh	15	5	2	18

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

					Chan commune - Dien Bien district				
2	Meeting with households involved in biogas installation	1.0	4-Dec-2017	Villagers	DB Ngoc Lai village	18	0	8	9
Training for construct improved cooking stove									
1	Improved cooking stove	6.0	23-28 Feb 2017	Villagers	SL 5 target villages	329	3	93	329
2	Improved cooking stove	7.0	11-17 May 2017	Villagers	SL 7 target villages	249	34	89	265
3	Improved cooking stove	1.0	11-May-2017	Villagers	SL Cha Co Village	49	4	20	51
4	Improved cooking stove	1.0	12-May-2017	Villagers	SL Khop Village	34	3	13	36
5	Improved cooking stove	1.0	13-May-2017	Villagers	SL Xanh Village	46	7	18	47
6	Improved cooking stove	1.0	14-May-2017	Villagers	SL Co Liu Village	19	4	4	22
7	Improved cooking stove	1.0	15-May-2017	Villagers	SL Keo Ca Village	38	8	17	40
8	Improved cooking stove	1.0	16-May-2017	Villagers	SL Huoi Van Village	31	4	8	34
9	Improved cooking stove	1.0	17-May-2017	Villagers	SL Huoi Nga	32	4	9	35

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

					Village				
10	Iron sticks, wood frame, cement for improved stoves	0.5	31-Oct-2017	Villagers	LC Ho Bon village	8	0	0	8
11	Iron sticks, wood frame, cement for improved stoves	0.5	31-Oct-2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	8	0	1	7
12	Iron sticks, wood frame, cement for improved stoves	0.5	27-Oc-2017	Villagers	LC Ho Ta village	14	0	0	14
13	Iron sticks, wood frame, cement for improved stoves	0.5	27-Oc-2017	Villagers	LC Na Khoang village	7	0	0	7
14	Iron sticks, wood frame, cement for improved stoves	0.5	30-Oc-2017	Villagers	LC Ngoc Lai village	12	0	3	9
15	Improved cooking stove training	1	21-Nov-2017	Villagers	SL Tong Bua village	37	0	6	37
16	Meeting for re-registration for improved cooking stove (Lao)	7	14-20 Nov 2017		DB 21 target villages	63	0	21	63
Training for agroforestry									
1	Agroforest introduction and design survey	12.0	5-16 Jan 017	Villagers	SL 12 villages	551	7	117	544
2	Agroforest training	8.0	13-19 Mar 2017	Villagers	SL 9 villages	115	3	26	112
3	Agro-Forest introduction/training	1.0	13-Jun-2017	Villagers	SL Tong Bua village	40	2	21	40

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

4	Training on Agro-Forest model	1.0	12-Mar-2018	Villagers	SL Tong Bua village	38	0	20	38
Training for vegetable cultivation									
1	Vegetable cultivation techniques for villagers	2.0	16-17 Mar 2017	Villagers	HB Thanh Hoi CPC	83	0	60	78
2	Vegetable cultivation training for facilitators	1	3-Oct 2017	Facilitators	DB Dien Bien Phu city	0	14	7	7
3	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	3-Oct 2017	Villagers	LC Ho Bon village	17	0	13	4
4	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	3-Oct 2017	Villagers	LC Phuc Khoa village	36	0	16	20
5	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	4-Oct 2017	Villagers	LC Pac Khoa village	38	0	21	17
6	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	4-Oct 2017	Villagers	LC Ngoc Lai village	40	0	20	26
7	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	5-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 1 village	35	0	18	17

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

8	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	5-Oct 2017	Villagers	LC Na Lai village	25	0	19	6
9	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	6-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	23	0	16	17
10	Training and distribution of vegetable seeds	0.5	6-Oct 2017	Villagers	LC Ho Ta village	11	0	0	11
11	Vegetable cultivation Training	5.0	16-21 Oct 2017	Villagers	DB 21 target villages	757	0	160	757
12	Vegetable cultivation Training	1.0	12-Dec-2017	Villagers	SL Bo village	78	0	29	78
13	Vegetable cultivation Training	1.0	13-Dec-2017	Villagers	SL Cut and Gion villages	43	0	40	43
14	Vegetable cultivation Training	1	14-Dec-2017	Villagers	SL Co Liu village	22	0	21	22
15	Vegetable cultivation training	1	15-Dec-2017	Villagers	SL Xa village	64	0	24	64

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

16	Vegetable cultivation training	1	16-Dec-2017	Villagers	SL Khop village	39	0	28	39
17	Vegetable cultivation training	1	17-Dec-2017	Villagers	SL Xanh and Huoi Teo villages	49	0	29	49
18	Vegetable cultivation training	1	18-Dec-2017	Villagers	SL Keo Ca village	25	0	8	25
19	Vegetable cultivation training	1	19-Dec-2017	Villagers	SL Huoi Van and Huoi Nga villages	37	0	17	37
20	Vegetable cultivation training	1	20-Dec-2017	Villagers	SL Cha Co village	47	0	38	47
21	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi, Broccoli)	0.5	12-Oc-2017	Villagers	LC Ho Ta village, Phuc Khoa commune	10	0	0	10
22	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi, Broccoli)	0.5	12-Oc-2017	Villagers	LC Na Lai village	30	0	22	8
23	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi, Broccoli)	0.5	12-Oc-2017	Villagers	LC Ngoc Lai village	61	0	26	35

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

24	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi, Broccoli)	0.5	12-Oct-2017	Villagers	LC Phuc Khoa village	40	0	15	25
25	Provide seedlings (Cabbage)	0.5	13-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	25	0	19	6
26	Provide seedlings (Cabbage)	0.5	13-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 1 village	36	0	16	20
27	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi)	0.5	13-Oct 2017	Villagers	LC Ho Bon 1 village	20	0	15	5
28	Provide seedlings (Cabbage, Kohlrabi, Broccoli)	0.5	23-Oct 2017	Villagers	LC Pac Khoa village	40	0	13	27
29	Provide seedlings (Broccoli)	0.5	23-Oct 2017	Villagers	LC Ho Bon village	11	0	8	3
30	Provide seedlings (Kohlrabi, Broccoli)	0.5	23-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 1 village	34	0	16	18

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

31	Provide seedlings (Kohlrabi, Broccoli)	0.5	23-Oct 2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	25	0	19	6
32	Study tour for vegetable cultivation techniques and market access	2	29-30 Jan 2018	Villagers	* Hoai Duc District, Ha Noi City * Hoa Binh city	28	3	19	28
Training for fruit tree cultivation									
1	Fruit tree plantation	1.0	22-Apr-17	Villagers	LC Phuc Khoa village	45	0	15	0
2	Fruit tree plantation	1.0	23-Apr-17	Villagers	LC Nam Bon 1 village	28	0	7	28
3	Fruit tree planting	3.0	24-26 Apr 2017	Villagers	DB 17 village	743	0	443	743

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

4	Fruit tree plantation	1.0	24-Apr-17	Villagers	LC Ngoc Lai village	73	0	25	0
5	Fruit tree plantation	1.0	25-Apr-2017	Villagers	LC Na Khoang village	10	0	0	10
6	Fruit tree plantation	1.0	26-Apr-2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	53	0	9	53
7	Fruit tree plantation	1.0	27-Apr-2017	Villagers	LC Na Lai village	45	0	1	45
8	Fruit tree plantation	1.0	28-Apr-2017	Villagers	LC Ho Bon village	44	0	1	44
9	Fruit tree planting for villagers	3.0	3-5 May 2017	Villagers	DB 8 villages	261	0	153	261
10	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	1-Jun-2017	Villagers	SL Co Liu village	30	0	12	30
11	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	1-Jun-2017	Villagers	SL Cha Co village	19	0	3	19

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

12	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	2-Jun-2017	Villagers	SL Khop village	41	0	9	41
13	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	2-Jun-2017	Villagers	SL Cut village	59	0	21	59
14	Training on fruit tree grafting	2	23-24 Jan 2018	Villagers	SL 5 villages	39	0	4	39
15	Training on fruit tree grafting	1	23-Jan-2018	Villagers	SL Cut, Co Liu, Huoi Teo villages	17	0	3	17
16	Training on fruit tree grafting	1	24-Jan-2018	Villagers	SL Gion, Bo village	22	0	1	22
17	The training on fruit trees cultivation technique	1	9-Mar-2018	Villagers	HB Sung 2 Village	32	3	6	32
18	The training on fruit trees cultivation technique	1	10-Mar-2018	Villagers	HB Nhot Village	54	4	12	54
19	The training on fruit trees cultivation technique	1	11-Mar-2018	Villagers	HB Sung 1 Village	39	4	34	39
20	The training on fruit trees cultivation technique	1	12-Mar-2018	Villagers	HB Bao 2 Village	37	3	25	37

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

21	The training on fruit trees cultivation technique	1	13-Mar-2018	Villagers	HB Tam 4 Village	54	4	38	54
22	Training on tending of fruit trees	1.0	16-Aug-2019	Villagers	LC Na Khoang village	21	0	8	17
23	Study tour to a good model of fruit tree/bamboo planting	3.0	6-8 Sep-2019	Villagers, PMU members	DB Tua Chua district	19	1	18	18
Training for composted fertilizer									
1	Compost/organic fertilizer production	7.0	19-25 Apr-2017	Villagers	SL 8 villages	225	4	88	229
Training for watermelon cultivation									
1	Training on watermelon cultivation	1.0	28-Nov 2017	Villagers	LC Nam Bon 1 village	36	0	8	28
2	Training on watermelon cultivation	1.0	29-Nov 2017	Villagers	LC Nam Bon 2 village	51	0	20	31
3	Training on watermelon cultivation	1.0	30-Nov 2017	Villagers	LC Pac Khoa village	49	0	2	47

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

4	Training on watermelon cultivation using mulching system	0.5	26-Nov-2018	Villagers	LC Nam Bon 2 village	23	0	12	23
5	Training on watermelon cultivation using mulching system	0.5	27-Nov-2018	Villagers	LC Nam Bon 1 village	40	0	22	40
6	Training on watermelon cultivation using mulching system	0.5	27-Nov-2018	Villagers	LC Pac Khoa village	15	0	9	15
Training for fodder grass cultivation									
1	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	1-Jun-2017	Villagers	SL Co Liu village	30	0	12	30
2	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	1-Jun-2017	Villagers	SL Cha Co village	19	0	3	19
3	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	2-Jun-2017	Villagers	SL Khop village	41	0	9	41
4	Training on fruit tree and grass plantation	0.5	2-Jun-2017	Villagers	SL Cut village	59	0	21	59
5	Training on Techniques on fodder grass cultivation	0.5	06-Feb 2018	Villagers	LC Ho Bon village	15	0	7	15
6	Training on Techniques on fodder grass cultivation	0.5	06-Feb 2018	Villagers	LC Nam Bon 1 village	12	0	4	12

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

7	Training on Techniques on fodder grass cultivation	0.5	07-Feb 2018	Villagers	LC Na Khoang village	6	0	2	6
8	Training on Techniques on fodder grass cultivation	0.5	08-Feb 2018	Villagers	LC Ho Ta village	14	0	6	14
9	Training on Techniques on fodder grass cultivation	0.5	08-Feb 2018	Villagers	LC Ngoc Lai village	16	0	11	0
Training for mushroom cultivation									
1	Training on Mushroom produce	4.0	27-Mar-4 Apr 2018	Villagers	SL Co Liu, Huoi Nga, Khop, Gion villages	18	0	7	18
2	Training on Mushroom production	1.0	5-Apr-2018	Villagers	SL Co Liu, Huoi Nga, Khop,	19		5	19

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

					Gion villages				
3	Training on Mushroom production	1.0	6-Apr-2018	Villagers	SL Co Liu, Huoi Nga, Khop, Gion villages	15		5	15
Training for pomelo and citrus cultivation									
1	Pomelo cultivation training	2.0	11-12 Apr-2017	Villagers	HB Sung 2, Tam 1 village	40	3	14	40
2	Pomelo cultivation training	2.0	13-14 Apr-2017	Villagers	HB Sung 1, Bao 1 village	39	3	19	39
3	Pomelo cultivation training	2.0	20-21 Apr 2017	Villagers	HB Nhot, Bao 2 village	36	4	10	36
Other trainings									
1	Livelihood Development Study Tour	4	10-Apr-2018	Facilitator/villagers	SL Yen Chau Dist., Moc Chau Dist., HB Hoa Binh City, Tan Lac District	28	-	2	28
2	Bat Do bamboo planting, and fodder grass cultivation	1	24-Apr-2018	12 Facilitators	DB Phu city, and Thanh	0	12	5	7

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

					Yen commune				
3	Bat Do bamboo planting, and fodder grass cultivation	5	8-May-2018	Villagers	DB 21 villages	659	0	313	659
4	Study tour to Dien Bien and Lai Chau for Hoa Binh PPMU	4	26-Jun-2018	PPMU members	DB and LC	0	7	1	2
5	ISC training	1	6-Dec-2018	Villagers	SL 13 villages	52	-	5	52
6	Hazard map training	3	25-Dec-2018	Villagers	SL 12 villages	145	-	9	145
7	Training on cultivation of Sa Nhan (<i>Amomum villosum</i>) Farmer Field School (FFS)	1	16-Jan-2019	Facilitator/vill agers of 4 target villages (Huoi Van, Huoi Nga, Keo Ca, Cha Co)	SL Huoi Nga	66	-	7	60
8	FM and LD study tour	1	21-Mar-2019	Facilitator/VM FMLD	SL SL Quynh Nhai, Mai Son district, Son La city	35	-	0	35
9	SNRM monitoring training	1	17-Apr-2019	-	DB DARD	-	17	6	10
10	Sa Nhan (<i>Amomum villosum</i>) technical training	1	14-Jan-2020	Facilitator/vill ager representative of 13 targeted villages	SL CPC	52	-	3	49
11	FM and LD study tour	3	3-Jun-2020	PPMU members, project	Nghe An province	4	9	2	8

Phụ lục 1. Kết quả của Dự án

				facilitators and VFPT members, HHs					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

*: DB: Dien Bien Province, LC: Lai Chau Province, HB: Hoa Binh Province, SL: Son La Province

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

Danh sách các lớp tập huấn

2. Danh sách các lớp tập huấn về Hệ thống TDDBR

No	Title	Duration (day)	Date	Target	Location	Participants (Villagers)	Participants (Officials)	Participants (Female)	Participants (E.Minority)	
1. Training of Trainers (ToT)										
1	1st TOT for Dien Bien, FRMS tablet use	3.0	9-Mar-2016 - 11-Mar-2016	Officials Province/District	DB	Dien Bien SuB FPD, Na Nghe Village	0	20	3	11
2	1st TOT for Thua Thien Hue, FRMS tablet use	3.0	29-Jun-2016 - 1-Jul-2016	Officials Province/District	TTH	TTHue Sub-FPD	0	23	5	0
3	1st TOT for Ha Tinh, FRMS tablet use	3.0	13-Jul-2016 - 15-Jul-2016	Officials Province/District	HT	Ha Tinh	0	34	4	0
4	2nd TOT for Thua Tinh	3.0	3-Aug-2016 - 5-Aug-2016	Officials Province/District	TTH	TT Hue Phu Loc	0	23	4	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	Hue, FRMS tablet use						Dist FPD,				
5	2nd TOT for Ha Tinh, FRMS tablet use	3.0	24-Aug-2016 - 26-Aug-2016	Officials Province/District	HT	Ha Tinh Sub - FPD	0	31	4	0	
6	3rd TOT for Thua Tinh Hue, FRMS tablet use	3.0	7-Sep-2016 - 9-Sep-2016	Officials Province/District	TTH	TTHue Sub-FPD	0	23	4	0	
7	1st TOT for Lam Dong(SNRM), FRMS tablet use	3.0	19-Sep-2016 - 21-Sep-2016	Officials Province/District	LD	Da Lat	0	26	0	0	
8	3rd TOT for Ha Tinh, FRMS tablet use	3.0	27-Sep-2016 - 29-Sep-2016	Officials Province/District	HT	Ha Tinh	0	30	5	0	
9	1st TOT for Son La, FRMS tablet use	3.0	18-Oct-2016 - 20-Oct-2016	Officials Province/District	SL	Son La Sub-FPD	0	26	7	10	
10	Re- TOT for Quang Binh,	3.0	24-Oct-2016 - 26-Oct-2016	Officials Province/District	QB	Quang Binh,	0	28	1	-	

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use						Sub-FPD				
1 1	1st TOT for Lai Chau, FRMS tablet use	3.0	25-Oct-2016 - 27-Oct-2016	Officials Province/District	LC	Lai Chau Sub-FPD	0	25	2	5	
1 2	1st TOT for Quang Tri, FRMS tablet use	3.0	26-Oct-2016 - 28-Oct-2016	Officials Province/District	QT	Quang Tri, Sub-FPD	0	25	3	0	
1 3	2nd TOT for Lam Dong(SNRM), FRMS tablet use	3.0	26-Oct-2016 - 28-Oct-2016	Officials Province/District	LD	Bidoup Nui Ba, Lam Dong	0	26	0	0	
1 4	1st TOT for Quang Binh, FRMS tablet use	3.0	1-Nov-2016 - 3-Nov-2016	Officials Province/District	QB	Quang Binh, Sub-FPD	0	28	1	0	
1 5	1st TOT for Hoa Binh, FRMS tablet use	3.0	15-Nov-2016 - 17-Nov-2016	Officials Province/District	HB	Hoa Binh City FPD	0	27	2	5	
1	2nd TOT for	3.0	16-Nov-2016 - 18-Nov-2016	Officials	QT	Quang	0	25	4	0	

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

6	Quang Tri, FRMS tablet use		6	6	Province/District		Tri Sub-FPD				
1 7	2nd TOT for Son La, FRMS tablet use	3.0	16-Nov-201 6	18-Nov-201 6	Officials Province/District	SL	Son La Sub-FPD	0	25	8	10
1 8	1st TOT for Lao Cai, FRMS tablet use	3.0	23-Nov-201 6	25-Nov-201 6	Officials Province/District	LCA	Lao Cai Sub FPD	0	31	2	2
1 9	2nd TOT for Lai Chau, FRMS tablet use	3.0	29-Nov-201 6	1-Dec-2016	Officials Province/District	LC	Lai Chau Sub-FPD	0	25	2	5
2 0	2nd TOT for Quang Binh, FRMS tablet use	3.0	30-Nov-201 6	2-Dec-2016	Officials Province/District	QB	Quang Binh, Sub-FPD	0	28	1	0
2 1	2nd TOT for Hoa Binh, FRMS tablet use	3.0	6-Dec-2016	8-Dec-2016	Officials Province/District	HB	Sub-FPD	0	26	2	1
2 2	3rd TOT for Son La, FRMS	3.0	7-Dec-2016	9-Dec-2016	Officials Province/District	SL	Sub-FPD	0	25	7	10

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	tablet use									
2 3	2nd TOT for Lao Cai, FRMS tablet use	3.0	7-Dec-2016 - 9-Dec-2016	Officials Province/District	LCA	Lao Cai Sub FPD	0	27	1	2
2 4	1st TOT for Lam Dong (UN-REED), FRMS tablet use	3.0	14-Dec-2016 - 16-Dec-2016	Officials Province/District	LD	River Prince Hotel, Dalat	0	30	3	0
2 5	3rd TOT for Lao Cai, FRMS tablet use	3.0	18-Dec-2016 - 20-Dec-2016	Officials Province/District	LCA	Lao Cai Sub FPD	0	30	2	2
2 6	3rd TOT for Quang Tri, FRMS tablet use	3.0	19-Dec-2016 - 21-Dec-2016	Officials Province/District	QT	Quang Tri Sub-FPD	0	24	4	0
2 7	3rd TOT for Quang Binh, FRMS tablet use	3.0	21-Dec-2016 - 23-Dec-2016	Officials Province/District	QB	Quang Binh, Sub-FPD	0	28	1	0
2 8	1st TOT for Binh Thuan,	3.0	27-Dec-2016 - 29-Dec-2016	Officials Province/District	BT	Binh Minh	0	29	2	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use						Hotel, Binh Thuan				
29	3rd TOT for Lai Chau, FRMS tablet use	3.0	27-Dec-2016 - 29-Dec-2016	Officials Province/District	LC	Lai Chau Sub-FPD	0	23	2	5	
30	3rd TOT for Hoa Binh, FRMS tablet use	3.0	28-Dec-2016 - 30-Dec-2016	Officials Province/District	HB	Hoa Binh City FPD	0	23	2	5	
31	2nd TOT for Lam Dong (UN-REED), FRMS tablet use	3.0	4-Jan-2017 - 6-Jan-2017	Officials Province/District	LD	River Prince Hotel, Dalat	0	32	4	2	
32	1st TOT for Bac Kan, FRMS tablet use	3.0	5-Jan-2017 - 7-Jan-2017	Officials Province/District	BK	Bac Kan Sub-FPD	0	25	2	2	
33	2nd TOT for Binh Thuan, FRMS tablet use	3.0	11-Jan-2017 - 13-Jan-2017	Officials Province/District	BT	Binh Minh Hotel, Binh	0	28	2	0	

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

						Thuan				
3 4	3rd TOT for Lam Dong (SNRM), FRMS tablet use	3.0	20-Mar-2017 - 22-Mar-2017	Officials Province/District	LD	Bidoup Nui Ba, Lam Dong	0	25	0	0
3 5	3rd TOT for Binh Thuan, FRMS tablet use	3.0	29-Mar-2017 - 31-Mar-2017	Officials Province/District	BT	Binh Minh Hotel, Binh Thuan	0	30	2	0
3 6	2nd TOT for Bac Kan, FRMS tablet use	3.0	12-Apr-2017 - 14-Apr-2017	Officials Province/District	BK	Bac Kan Sub-FPD	0	27	2	0
3 7	3rd TOT for Bac Kan, FRMS tablet use	3.0	26-Apr-2017 - 28-Apr-2017	Officials Province/District	BK	Bac Kan Sub-FPD	0	17	3	2
3 8	3rd TOT for Lam Dong (UN-REED), FRMS tablet use	3.0	29-May-2017 - 31-May-2017	Officials Province/District	LD	La Sapinette Hotel, Dalat	0	34	4	12

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

39	1st TOT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	3.0	31-Oct-2017 - 2-Nov-2017	Officials Province/District	TH	Thanh Hoa, Sub-FPD	0	12	0	0
40	1st TOT for Nghe An, FRMS tablet use	3.0	1-Nov-2017 - 3-Nov-2017	Officials Province/District	NA	Nghe An, Sub-FPD	0	16	1	0
41	2nd TOT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	3.0	13-Nov-2017 - 15-Nov-2017	Officials Province/District	TH	Thanh Hoa, Sub-FPD	0	12	0	0
42	2nd TOT for Nghe An, FRMS tablet use	3.0	15-Nov-2017 - 17-Nov-2017	Officials Province/District	NA	Nghe An, Sub-FPD	0	8	0	0
43	3rd TOT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	3.0	28-Nov-2017 - 29-Nov-2017	Officials Province/District	TH	Thanh Hoa, Sub-FPD	0	12	0	0
44	3rd TOT for Nghe An, FRMS tablet use	3.0	4-Dec-2017 - 6-Dec-2017	Officials Province/District	NA	Nghe An, Sub-FPD	0	8	0	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

4 5	1st ToT for Quang Nam, FRMS tablet use	3.0	7-May-201 8	9-May-201 8	Officials Province/District	QN	Quang Nam, Sub-FPD	0	25	0	0
4 6	2nd ToT for Quang Nam, FRMS tablet use	3.0	14-May-20 18	16-May-20 18	Officials Province/District	QN	Quang Nam, Sub-FPD	0	25	0	0
4 7	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	21-May-20 18	22-May-20 18	Officials Province/District	SL	Moc Chau FPD	0	31	5	12
4 8	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	24-May-20 18	25-May-20 18	Officials Province/District	SL	Yen Chau FPD	0	27	6	9
4 9	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	28-May-20 18	29-May-20 18	Officials Province/District	SL	Phu Yen FPD	0	27	4	13
5 0	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	4-Jun-2018	5-Jun-2018	Officials Province/District	SL	Song Ma FPD	0	25	3	19
5 1	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	11-Jun-201 8	12-Jun-201 8	Officials Province/District	SL	Muong La FPD	0	15	1	6

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

52	Training for Thanh Hoa sub-FPD staffs on using QGIS for FRMS	1	15-Jun-2018 - 15-Jun-2018	Province	HN	SNRM consultant office	0	2	0	0
53	3rd TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	19-Jun-2018 - 20-Jun-2018	Officials Province/District	SL	Thuan Chau FPD	0	31	4	11
2. Replication Training (RT)										
1	RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	7-Nov-2016 - 8-Nov-2016	Officials District	DB	Dien Bien, District FPD	0	26	3	11
2	RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	7-Nov-2016 - 8-Nov-2016	Officials District	DB	Muong Cha, District FPD	0	22	2	11
3	RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	10-Nov-2016 - 11-Nov-2016	Officials District	DB	Muong Nhe, District FPD	0	27	3	20
4	RT for Dien Bien, FRMS	2.0	10-Nov-2016 - 11-Nov-2016	Officials District	DB	Tuan Giao,	0	23	1	14

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	tablet use					District FPD				
5	1st RT for Ca Mau, FRMS tablet use	2.0	6-Jun-2017 - 7-Jun-2017	Officials District	CM	Ca Mau	0	24	0	0
6	2nd RT for Ca Mau, FRMS tablet use	2.0	8-Jun-2017 - 9-Jun-2017	Officials Province/District	CM	Ca Mau	0	24	0	0
7	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	10-Jul-2017 - 11-Jul-2017	Officials District	LC	Muong Te FPD, Lai Chau	0	16	0	11
8	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	10-Jul-2017 - 11-Jul-2017	Officials District	LC	Tam Duong FPD, Lai Chau	0	17	1	3
9	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	11-Jul-2017 - 12-Jul-2017	Officials District	DB	Dien Bien Phu FPD, Dien Bien	0	5	1	2
10	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	13-Jul-2017 - 14-Jul-2017	Officials District	LC	Nam Nhun FPD, Lai Chau	0	16	0	11

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

1 1	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	13-Jul-2017	14-Jul-2017	Officials District	LC	Tan Uyen FPD, Lai Chau	0	12	0	4
1 2	1st RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	13-Jul-2017	14-Jul-2017	Officials District	HB	Hoa Binh City FPD	0	18	2	0
1 3	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	13-Jul-2017	14-Jul-2017	Officials District	DB	Muong Lay FPD, Dien Bien	0	5	0	3
1 4	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	17-Jul-2017	18-Jul-2017	Officials District	LC	Sin Ho FPD, Lai Chau	0	21	0	11
1 5	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	17-Jul-2017	18-Jul-2017	Officials District	LC	Than Uyen FPD, Lai Chau	0	14	0	4
1 6	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	17-Jul-2017	18-Jul-2017	Officials District	DB	Nam Po FPD, Dien Bien	0	14	1	9
1 7	1st RT for Dien Bien,	2.0	18-Jul-2017	19-Jul-2017	Officials District	DB	Muong Ang	0	9	1	2

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use						FPD, Dien Bien				
18	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	20-Jul-2017 - 21-Jul-2017	Officials District	DB	Muong Nhe FPD, Dien Bien	0	29	1	15	
19	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	20-Jul-2017 - 21-Jul-2017	Officials District	DB	Tua Chua FPD, Dien Bien	0	9	1	7	
20	1st RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	20-Jul-2017 - 21-Jul-2017	Officials District	LC	Phong Tho FPD, Lai Chau	0	20	0	7	
21	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	24-Jul-2017 - 25-Jul-2017	Officials District	DB	Dien Bien FPD, Dien Bien	0	32	8	9	
22	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet	2.0	24-Jul-2017 - 25-Jul-2017	Officials District	DB	Tuan Giao FPD,	0	16	0	11	

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	use					Dien Bien				
2 3	1st RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	27-Jul-2017 - 28-Jul-2017	Officials District	DB	Dien Bien Dong FPD, Dien Bien	0	12	0	8
2 4	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	31-Jul-2017 - 1-Aug-2017	Officials District	DB	Dien Bien Phu FPD, Dien Bien	0	5	1	2
2 5	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	31-Jul-2017 - 1-Aug-2017	Officials District	DB	Muong Cha FPD, Dien Bien	0	14	1	8
2 6	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	1-Aug-2017 - 2-Aug-2017	Officials District	SL	Moc Chau FPD, Son La	0	20	3	2
2 7	2nd RT for Dien Bien,	2.0	3-Aug-2017 - 4-Aug-2017	Officials District	DB	Muong Lay FPD,	0	5	0	3

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use					Dien Bien				
28	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	7-Aug-2017 - 8-Aug-2017	Officials District	SL	Phu Yen FPD, Son La	0	18	1	10
29	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	7-Aug-2017 - 8-Aug-2017	Officials District	DB	Nam Po FPD, Lai Chau	0	14	1	9
30	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	9-Aug-2017 - 10-Aug-2017	Officials District	DB	Tuan Giao FPD, Dien Bien	0	21	0	11
31	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	10-Aug-2017 - 11-Aug-2017	Officials District	DB	Muong Ang FPD, Dien Bien	0	9	1	2
32	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	10-Aug-2017 - 11-Aug-2017	Officials District	DB	Tua Chua FPD, Dien Bien	0	9	1	7

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

3 3	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	10-Aug-2017 - 11-Aug-2017	Officials District	DB	Muong Nhe FPD, Dien Bien	0	27	1	16
3 4	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	14-Aug-2017 - 15-Aug-2017	Officials District	DB	Dien Bien Dong FPD, Dien Bien	0	11	0	6
3 5	2nd RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	14-Aug-2017 - 15-Aug-2017	Officials District	DB	Dien Bien FPD, Dien Bien	0	32	8	9
3 6	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	14-Aug-2017 - 15-Aug-2017	Officials District	SL	Yen Chau FPD, Son La	0	22	8	8
3 7	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	14-Aug-2017 - 15-Aug-2017	Officials District	LC	Tam Duong FPD, Lai Chau	0	17	1	3

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

38	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	14-Aug-2017 - 15-Aug-2017	Officials District	LC	Muong Te FPD, Lai Chau	0	25	0	16
39	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	17-Aug-2017 - 18-Aug-2017	Officials District	LC	Nam Nhun FPD, Lai Chau	0	16	0	10
40	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	17-Aug-2017 - 18-Aug-2017	Officials District	LC	Tan Uyen FPD, Lai Chau	0	12	0	4
41	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	21-Aug-2017 - 22-Aug-2017	Officials District	SL	Thuan Chau FPD, Son La	0	20	4	7
42	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	21-Aug-2017 - 22-Aug-2017	Officials District	LC	Sin Ho FPD, Lai Chau	0	21	0	11
43	2nd RT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	21-Aug-2017 - 22-Aug-2017	Officials District	LC	Than Uyen FPD, Lai Chau	0	14	0	4
44	2nd RT for Lai Chau, FRMS	2.0	21-Aug-2017 - 22-Aug-2017	Officials District	LC	Lai Chau Phong	0	20	4	7

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	tablet use					Tho FPD				
4 5	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	28-Aug-2017 - 29-Aug-2017	Officials District	SL	Sop Cop FPD, Son La	0	18	1	13
4 6	1st RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	6-Sep-2017 - 7-Sep-2017	Officials District	SL	Muong La FPD, Son La	0	19	3	4
4 7	2nd RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	20-Sep-2017 - 21-Sep-2017	Officials District	SL	Phu Yen FPD, Son La	0	23	1	11
4 8	2nd RT for Son La, FRMS tablet use	2.0	28-Sep-2017 - 29-Sep-2017	Officials District	SL	Moc Chau FPD, Son La	0	20	5	3
4 9	1st RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	13-Jul-2017 - 14-Jul-2017	Officials District	HB	Luong Son, Ky Son, Kim Boi, Lac Thuy	0	43	-	0
5 0	1st RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	17-Jul-2017 - 18-Jul-2017	Officials District	HB	Hoa Binh, Cao Phong,	0	40	-	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

						Tan Lac, Yen Thủy				
5 1	1st RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	19-Jul-2017 - 20-Jul-2017	Officials District	HB	Mai Chau. Lac Son, Da Lac	0	34	-	0
5 2	2nd RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	27-Jul-2017 - 28-Jul-2017	Officials District	HB	Luong Son, Ky Son, Kim Boi, Lac Thuy	0	43	-	0
5 3	2nd RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	31-Jul-2017 - 1-Aug-2017	Officials District	HB	Hoa Binh, Cao Phong, Tan Lac, Yen Thủy	0	40	-	0
5 4	2nd RT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	2-Aug-2017 - 3-Aug-2017	Officials District	HB	Mai Chau. Lac Son, Da La	0	34	-	0
5 5	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet	1.0	12-Jun-2018 - 12-Jun-2018	Officials District	DB	Muong Ang FPD,	0	12	1	3

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	use						Dien Bien				
56	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	12-Jun-2018	13-Jun-2018	Officials District	DB	Dien Bien Dong FPD, Dien Bien	0	19	2	12
57	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	12-Jun-2018	13-Jun-2018	Officials District	DB	Muong Nhe FPD, Dien Bien	0	32	3	19
58	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	13-Jun-2018	14-Jun-2018	Officials District	DB	Nam Po FPD, Dien Bien	0	17	1	11
59	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	13-Jun-2018	14-Jun-2018	Officials District	DB	Muong Cha FPD, Dien Bien	0	18	2	11
60	4th RT for Dien Bien,	1.0	14-Jun-2018	14-Jun-2018	Officials District	DB	Tua Chua	0	12	1	9

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use						FPD, Dien Bien				
61	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	1.0	14-Jun-2018	14-Jun-2018	Officials District	DB	Muong Lay FPD, Dien Bien	0	7	1	4
62	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	2.0	18-Jun-2018	19-Jun-2018	Officials District	DB	Tuan Giao FPD, Dien Bien	0	21	1	12
63	4th RT for Dien Bien, FRMS tablet use	1.0	26-Jun-2018	26-Jun-2018	Officials District	DB	Dien Bien FPD, Dien Bien	0	31	7	11
64	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	22-Oct-2018	23-Oct-2018	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	N/A	N/A
65	Re-RT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	2.0	1-Nov-2018	2-Nov-2018	Officials District	Thanh Hoa	Thanh Hoa city, Thanh	0	35	N/A	N/A

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	use					Hoa				
66	Re-RT for Quang Binh, FRMS tablet use	2.0	8-Nov-2018 - 9-Nov-2018	Officials District	QB	Dong Hoi city, Quang Binh	0	30	N/A	N/A
67	Re-RT for Ha Tinh, FRMS tablet use	2.0	20-Nov-2018 - 20-Nov-2018	Officials District	Ha Tinh	Ha Tinh city, Ha Tinh	0	33	N/A	N/A
68	Re-RT for Quang Tri, FRMS tablet use	2.0	20-Nov-2018 - 21-Nov-2018	Officials District	Quang Tri	Dong Ha city, Quang Tri	0	30	N/A	N/A
69	Re-RT for Thua Thien Hue, FRMS tablet use	2.0	27-Nov-2018 - 28-Nov-2018	Officials District	Thua Thien Hue	Hue city, Thua Thien Hue	0	30	N/A	N/A
70	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	11-Apr-2019 - 12-Apr-2019	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	10	N/A
71	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	16-Apr-2019 - 17-Apr-2019	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	4	N/A

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

7 2	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	19-Apr-201 9	20-Apr-201 9	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	10	N/A
7 3	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	22-Apr-201 9	23-Apr-201 9	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	8	N/A
7 4	Re-RT for Ha Tinh, FRMS tablet use	2.0	23-Apr-201 9	24-Apr-201 9	Officials District	Ha Tinh	Ha Tinh city, Ha Tinh	0	33	1	N/A
7 5	Re-RT for Nghe An, FRMS tablet use	2.0	25-Apr-201 9	26-Apr-201 9	Officials District	Nghe An	Vinh city, Nghe An	0	30	4	N/A
7 6	Re-RT for Thua Thien Hue, FRMS tablet use	2.0	25-Apr-201 9	26-Apr-201 9	Officials District	Thua Thien Hue	Hue city, Thua Thien Hue	0	30	2	N/A
7 7	Re-RT for Quang Binh, FRMS tablet use	2.0	6-May-201 9	7-May-201 9	Officials District	QB	Le Thuy district, Quang Binh	0	30	4	N/A
7	Re-RT for	2.0	5-Aug-2019	6-Aug-2019	Officials	QB	Minh	0	23	1	N/A

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

8	Quang Binh, FRMS tablet use			District		Hoa district, Quang Binh				
79	Re-RT for Quang Binh, FRMS tablet use	2.0	8-Aug-2019 - 9-Aug-2019	Officials District	QB	Bo Trach district, Quang Binh	0	22	3	N/A
80	Re-RT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	2.0	22-Aug-2019 - 23-Aug-2019	Officials District	Thanh Hoa	Lang Chanh district / Thanh Hoa	0	34	4	N/A
81	Re-RT for Thanh Hoa, FRMS tablet use	2.0	12-Sep-2019 - 13-Sep-2019	Officials District	Thanh Hoa	Lang Chanh district / Thanh Hoa	0	34	4	N/A
82	Re-RT for Quang Tri, FRMS tablet use	1.0	24-Sep-2019 - 24-Sep-2019	Officials District	Quang Tri	Dong Ha city, Quang Tri	0	34	2	N/A
83	Re-RT for Quang Tri,	2.0	26-Sep-2019 - 27-Sep-2019	Officials District	Quang Tri	Dong Ha city,	0	26	1	N/A

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	FRMS tablet use					Quang Tri				
3. Refreshment Training (ReT)										
1	1st Re-TOT for Dien Bien, FRMS tablet use	3.0	7-Jun-2017 - 9-Jun-2017	District	DB	Dien Bien SuB FPD	0	24	3	14
2	2nd Re-TOT for Dien Bien, FRMS tablet use	3.0	28-Jun-2017 - 30-Jun-2017	District	DB	Dien Bien SuB FPD	0	26	2	15
3	1st Re-TOT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	10-Jul-2017 - 11-Jul-2017	Province/District	HB	Hoa Binh City FPD	0	31	2	2
4	1st Re-TOT for Thua Thien Hue, FRMS tablet use	3.0	7-Nov-2017 - 9-Nov-2017	Province/District	TTH	TTHue Sub-FPD	0	22	3	0
5	1st Re-TOT for Quang Binh, FRMS	3.0	24-Oct-2017 - 26-Oct-2017	Province/District	QB	Quang Binh, Sub-FPD	0	28	-	-

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	tablet use									
6	1st Re-TOT for Ha Tinh, FRMS tablet use	3.0	13-Nov-2017 - 15-Nov-2017	Province/District	HT	Ha Tinh, Sub-FPD	0	25	-	-
7	1st Re-TOT for Quang Tri, FRMS tablet use	3.0	15-Nov-2017 - 17-Nov-2017	Province/District	QT	Quang Tri Sub-FPD	0	25	3	0
8	Re-TOT for Quang Binh, FRMS tablet use	3.0	24-Oct-2017 - 26-Oct-2017	Province/District	QB	Quang Binh, Sub-FPD	0	28	1	a
9	Re-TOT for Ha Tinh, FRMS tablet use	2.0	28-Nov-2017 - 29-Nov-2017	Province/District	HT	Sailing hotel, Ha Tinh	0	26	1	0
10	3rd Re-TOT for Dien Bien, FRMS tablet use	3.0	29-May-2018 - 31-May-2018	Province/District	DB	Dien Bien Sub-FPD	0	31	4	11
11	Re-TOT for Son La, FRMS tablet use	2.0	6-Sep-2018 - 7-Sep-2018	Province/District	SL	Son La FPD, Son La	0	34	10	10

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

1 2	Re-TOT for Lai Chau, FRMS tablet use	2.0	11-Sep-201 8	-	12-Sep-201 8	Province/District	LC	Lai Chau FPD, Lai Chau	0	35	1	9
1 3	Re-TOT for Hoa Binh, FRMS tablet use	2.0	18-Sep-201 8	-	19-Sep-201 8	Province/District	HB	Hoa Binhf FPD, Hoa Binh	0	34	1	0
1 4	Re-TOT for provinces under FCPF 2, FRMS tablet use	2.0	18-Oct-201 8	-	19-Oct-201 8	6 NCC provinces	Hue	Hue city, Thua Thien Hue	0	30	2	0
1 5	Re-TOT for Lao Cai, FRMS tablet use	2.0	2-Nov-2018	-	3-Nov-2018	Province/District	LCa	Lao Cai FPD, Lao Cai	0	35	3	2
4. Training for Central and Regional FPD												
1	TOT for Central FPD, FRMS tablet use	3.0	22-Nov-201 6	-	24-Nov-201 6	Center/ Province	HN	Lakeside Hotel, Hanoi	0	25	2	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

5. Administrator with QAQC training											
1	1st Admin training on FRMS	1.0	1-Jun-2016 - 1-Jun-2016	Center/ Province	HN	CWD Hotel, Hanoi	0	36	0	2	
2	2nd Admin training on FRMS	1.0	16-Aug-2016 - 16-Aug-2016	Center/ Province	HN	Lakeside Hotel, Hanoi	0	42	6	2	
3	3rd Admin training on FRMS	1	14-Sep-2017 - 14-Sep-2017	Center/ Province	HN	Bao Son Hotel, Hanoi	0	72	2	2	
4	Conference forest resources monitoring system using tablet-PC and QA/Qc for Administrators	1	20-Apr-2018 - 20-Apr-2018	National/Provinces	HN	Bao Son Hotel, Ha Noi	0	96	8	N/A	
5	QA/QC training on Forest	3	26-Sep-2018 - 28-Sep-2018	National/Provinces	HN	CWD Hotel, Ha Noi	0	29	1	2	

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

	monitoring									
6	Advanced Training for administrators on management and operation of FRMS with mobile app.	3	24-Apr-2019 - 26-Apr-2019	Central and Regional FPD	HN	CWD Hotel, Ha Noi	0	23	2	0
7	Training on apply remote sensing and GIS tool on forest monitoring for Regional 1, 2 Sub-FPD's staffs	4	2-Oct-2019 - 5-Oct-2019	Regional 1, 2 Sub-FPD	QN	Regional Sub-FPD 1, Quang Ninh province	0	11	0	N/A
6. PFMS training for FIPI										

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

1	1st TOT for FIPI, FRMS tablet use	3	8-Jun-2016 - 10-Jun-2016	Officials FIPI Master trainers	-	FIPI	0	19	0	0
2	2nd TOT for FIPI, FRMS tablet use	3	14-Sep-2016 - 16-Sep-2016	Officials Center/Province	-	FIPI	0	12	0	0

Danh sách tập huấn

3. Danh sách các đợt tập huấn cho khu DTSQ TG Lang Biang

No	Subject	Duration (day)	Date	Location	Target	Participants (Villagers)	Participants (Officials)	Participants (Female)	Participants (E.Minorities)
1	Training on high quality coffee collection	1.0	14-Dec-2016	Đạ Đùm - Dung Ksi - Da Chais	Villagers -sustainable coffee key farmers	16	0	11	16
2	Training on treatment of mushroom embryos for compost	1.0	20-Dec-2016	Klong Klanh Da Chais	Villagers -Women Union	4	0	4	0
3	Training on fermented rice bran	0.5	11-Jan-2017	Đa ra hoa & Da Chais	Officials -Rangers	9	0	3	9
4	Training on compost process	1.0	19-Jan-2017	Đa ra hoa & Da Chais	Officials -Rangers	9	0	0	9
5	Training on organic compost making by coffee pulps	2.0	4-6Mar-2017	Trường Thọ, Xuân Trường	Villagers -sustainable coffee key farmers	19	3	3	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

6	Study tour on banana farming and composting models	1.0	16-May-2017	Tram Hành- Đà Lạt	Villagers -Key farmers	11	5	0	5
7	Training on facilitation skills and methods	1.0	18-May-2017	Klong Klanh Da Chais	Officials -CPC, -Rangers, Villagers -Villagers head, -PFES team leaders	23	0	3	8
8	Training on facilitation skills and methods	2.0	14-15Jun-2017	Da Nhim CPC	Officials -CPC, -Rangers, Villagers -Villagers head, -PFES team leaders	22	15	3	12
9	Training on facilitation skills and methods	1.0	16-Jun-2017	Da Chais CPC	Officials -CPC,	20	17	1	12

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

					-Rangers, -Villagers -Villagers head, -PFES team leaders				
10	Study tour on banana farming and composting models	1.0	23-Jun-2017	Trạm Hành- Da Lat	Villagers -Key farmers	7	0	1	5
11	Technical Training on organic and chemical fertilizers for coffee	1.0	4-Jul-2017	Đa ra hoa - Da Nhim	Villagers -Key farmers	7	0	2	5
12	Technical training on banana cultivation	1.0	11-Jul-2017	Da Dùm - Dung Ksi - Da Chais	Villagers -PFES teams	8	0	1	6
13	Study tour on organic compost by coffee pulps at Xuân Trường, Đà Lạt	1.0	25-Jul-2017	Xuân Trường & Đà Lạt	Officials -DONRE Companies	6	5	3	0
14	Study tour on sustainable coffee production models at Bao Loc and Dak Lak	3.0	16-18 Aug- 2017	Bảo Lộc - Dak Lak	Officials -CPC, -Rangers, Villagers -Villagers head,	23	4	3	20

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

					-PFES team leaders				
15	Training on certification process for sustainable coffee	2.0	25-26Aug-2017	Lạc Dương Town, Đa Nhim & Đa Chais	Villagers -Coffee production groups -PFES teams	115	4	63	115
16	Training on high quality coffee collection	2.0	27-28Sep-2017	Lạc Dương Town, Đa Nhim & Đa Chais	Villagers -Coffee production groups and -PFES teams	95	3	56	95
17	Training on transplanting of native trees	3.0	12-14Oct-2017	BNBNP, Đa Chais	Officials - Rangers, -ICTHER officials, Villagers -PFES teams -Villagers	35	3	6	0
18	Training on using pH tools for sustainable coffee production	1.0	26-Oct-2017	Xuân Trường, Đa Lạt	Villagers -Coffee production groups	15	2	0	8
19	Training on organic compost making by coffee pulps	2.0	2-3Nov-2017	Đa ra hoa - Đa Nhim	Villagers -PFES teams	20	1	8	20
20	Study tour on dry persimmon model applied Japanese technology	1.0	9-Nov-2017	Xuân Trường, Đa Lạt	Officials -CPC, Villagers	19	2	4	15

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

					-Village head, -PFES team leaders				
21	Training on organic compost making by coffee pulps	1.0	15-Nov-2017	DaBlah - Da Nhim	Officials -DONRE, -CPC Farmer Association, Villagers -Village head, -PFES team leaders	24	2	6	18
22	Training on transplanting of native trees	2.0	16-17Nov-2017	BNBNP, Đa Chais	Officials -Rangers, -ICTHER, Villagers -PFES teams	25	3	7	20
23	Training on high quality coffee collection	1.0	6-Dec-2017	Darahoa - Da Nhim	Villagers -Key farmers	9	0	4	5
24	Training on organic compost making by coffee pulps	1.0	8-Dec-2017	Tà Nung - Da Lat	Companies Villagers	6	1	0	0
25	Training on mushroom cultivation techniques	1.0	12-Jan-2018	TTLĐ và Đa Nhim, Đa Chais	Villagers -PFES teams	15	2	3	15
26	Study tour on cattle shed models	1.0	23-Jan-2018	Dong Mang Da Chais	Officials	0	7	3	0
27	Training on microbial fermentation using rice bran and wine yeast for compost making	0.5	26-Jan-2018	Darahoa - Da Nhim	Villagers -PFES teams	11	0	2	9

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

28	Training on organic compost making by coffee pulps	1.0	1-Feb-2018	Da tro, DaBlah, Darahoa - Da Nhim	Villagers -PFES teams, -Sustainable coffee production -Farmers Union	63	2	0	60
29	Training on mushroom cultivation techniques	2.0	27-28Feb-2018	TTLĐ và Đa Nhim, Đa Chais	Villagers -PFES teams	15	2	3	15
30	Study tour on mushroom model	0.5	13-Mar-2018	DaNhim & Nguyễn Long company	Officials -Danhim CPC Villagers,	16	2	3	9
31	Study tour on cattle shed models	1.0	14-Mar-2018	Đơn Dương	Officials -Lac Duong and Danhim CPC Villagers -Farmers Union, -Villagers	28	6	6	16
32	Training on shiitake mushroom cultivation	2.0	19-20Mar-2018	Nguyễn Long company	Villagers	2	0	0	2

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

33	Training on microbial fermentation using rice bran and wine yeast for compost making	0.5	21-Mar-2018	Bon NorB - TTLD	Villagers -PFES teams -Sustainable coffee production -Farmers Union	6	0	0	4
34	Training on organic compost making by coffee pulps	1.0	23-Mar-2018	Bon NorB - TTLD	Villagers -PFES teams -Sustainable coffee production -Farmers Union	20	2	5	18
35	Training on microbial fermentation using rice bran and wine yeast for compost making	0.5	23-Apr-2018	Dung Ksi Da Chais	Villagers -PFES teams -Sustainable coffee production -Farmers Union	5	1	3	4

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

36	Training on organic compost making by coffee pulps	0.5	26-Apr-2018	Dung Ksi Da Chais	Villagers -PFES teams -Sustainable coffee production -Farmers Union	31	4	0	28
37	Drone training at headquarter level (1st)	5.0	6-15Dec-2017	BNB head quarter	Official -Rangers	0	7	0	0
38	Training on effective patrol skills	1.0	18-Aug-2017	Kon Lach, Danhim FRS	Villagers	15	0	0	15
39	Training on effective patrol skills	1.0	29-Sep-17	Kon Lach, Danhim FRS	Villagers	15	0	2	13
40	Training on effective patrol skills	1.0	10-Oct-2017	Kon Lach, Danhim FRS	Villagers	15	0	0	15
41	Training on effective patrol skills	1.0	26-Oct-2017	Dadum, Giang Ly FRS	Villagers	16	0	4	12
42	Training on first aid and effective patrol skills	1.0	7-Nov-2017	Kon Lach, Danhim FRS	Villagers	15	0	0	15
43	Training on effective patrol skills	1.0	20-Nov-2017	Dadum, Giang Ly FRS	Villagers	16	0	4	12
44	Training on first aid and effective patrol skills	1.0	21-Dec-2017	Dadum, Giang Ly FRS	Villagers	16	0	4	12
45	Training on effective patrol skills	1.0	18-Jan-2018	Dadum, Giang Ly FRS	Villagers	16	0	2	16

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

46	Drone training at station level at Dachais commune (1st)	0.5	31 Jan 2018	Klong Klanh station (BNB NP)	Officials -Rangers Villagers	3	7	0	2
47	Drone training at station level at Da Nhim commune (1st)	0.5	1 Feb 2018	Da Nhim station (DNWPFMB)	Officials -Rangers Villagers	10	8	1	10
48	Drone training at station level at Lac Duong commune (1st)	0.5	2 Feb 2018	Nui Ba station (BNB NP)	Officials -Rangers Villagers	6	4	1	6
49	Drone training at headquarter level (2nd)	3.0	16-18Mar2018	BNB head quarter and Dachais commune	Officials -Rangers	0	7	0	0
50	Drone training at headquarter level (3rd)	3.0	11-13Apr2018	BNB head quarter and Dachais commune	Officials -Rangers	0	12	0	0
51	Drone training at station level for DNW staffs (2nd)	1.0	20 Apr 2018	Da Nhim station (DNWPFMB)	Officials -Rangers	0	6	0	0
52	Drone training at station level for BNBNP staffs (2nd)	2.0	23-24Apr2018	BNB head quarter	Officials -Rangers	0	11	1	1
53	Field training for core facilitators of pilot tour	6.0	6-11Mar2018	HCMC and BNBNP	Officials -Facilitator	0	10	2	0
54	Pilot tour for testing EE books	3.0	6-8Apr-2018	BNBNP	Villagers -Students and teachers	0	30	10	0

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

55	CBET interpretation training	6.0	3-16Nov2016	BNBNP	Villagers	29	0	0	29
56	Study tour on CBET activities at the North of Vietnam	3.0	4-6Oct2016	Lai Chau, Hoa Binh	Officials/ Villagers	12	3	1	9
57	1st TOT for Lam Dong (SNRM), FRMS tablet use	3.0	19-21Sep2016	198 hotel. Da Lat	Officials Province/ District	0	26	0	0
58	2nd TOT for Lam Dong (SNRM), FRMS tablet use	3.0	26-28Oct2016	Bidoup Nui Ba, Lam Dong	Officials Province/ District	0	26	0	0
59	3rd TOT for Lam Dong (SNRM), FRMS tablet use	3.0	20-22Mar2017	Bidoup Nui Ba, Lam Dong	Officials Province/ District	0	25	0	0
60	EE program - Interpretative technique training in BNBNP	2.5	10-12 Sep 2018	CEEE meeting room	BNBNP officials and local guides	5	17	2	8
61	Training on biodiversity monitoring system	7.0	24-30 Sep 2018	BNBNP	Officials	0	29	0	2
62	Training on database management of biodiversity monitoring	2.0	4-5 Oct 2018	Project office	Officials	0	11	0	1
63	Training on drone images utilization for forest management	2.0	8-9 Nov 2018	BNBNP	Officials	0	19	2	0
64	Training on harvesting and selling persimmon	0,5	3 Oct 2018	Da Nhim	Villagers	5	1		5

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

65	EE program - Interpretative technique training in BNBNP	1.0	12 Dec 2018	CEEE meeting room	BNBNP officials and local guides	4	16	3	5
66	Training on datalogger	2.0	11-12 Apr 2019	BNBNP and DNWPFMB	Officials	0	25	6	0
67	EE program - Interpretative technique training in BNBNP	1.0	28 Feb 2019	Biodiversity trail in Hon Giao	BNBNP officials and local guides	3	15	3	6
68	EE trial tour for secondary schools in Dalat for 25 students	2.0	11-12 May 2019	CEEE, Biodiversity trail in Hon Giao	Secondary students in Da Lat	6	1	2	6
69	Training on compost making from coffee pulp	0.5	11 Mar 2019	Da Nhim commune	PFES members	9	2	3	9
70	Training on compost making from coffee pulp	1.0	15 Mar 2019	Da Nhim commune	PFES members	29	2	6	29
71	Training on cowshed improvement (biobed)	1.0	9 Apr 2019	Da Chais commune	Poor HHs	28	3		30
72	3-day training course for BNBNPMB staffs on database management of biodiversity monitoring	3.0	22-24 Jan 2019	Office of BNBNPMB	BNBNP officials	0	4	0	0
73	On site training on harvesting premium Shiitake mushroom	1.0	19 Sep 2018	Da Nhim commune	Villagers	4	0	2	4

Phụ lục 1: Thành quả của Dự án

74	On site training on the hygiene control for Shiitake mushroom	1.0	24 Oct 2018	Da Nhim commune	Villagers	6	0	2	6
75	On site training on the hygiene and harvesting for Shiitake mushroom	1.0	24 Jan 2019	Da Nhim commune	Villagers	8	0	2	8
76	Drone evaluation for staff of BNBPNP and DNWPFMB	1.0	29 May 2019	Da Nhim commune	Officials	0	10	0	0
77	Training on google drive for BNBPNP staffs	1.0	24 Jul 2019	Office of BNBPNPMB	BNBPNP officials	0	25	5	1
78	Training on datalogger and Google Drive	2.0	9-10 Oct 2019	Office of BNBPNPMB	BNBPNP officials	0	34	4	3
79	EE trial tour for secondary schools in Dalat for 42 participants	2.0	6-7 Jun 2019	CEEE, Biodiversity trail in Hon Giao	Secondary students in Da Lat	0	1	1	0

*ICTHER: International Center for Tropical Highland Ecosystems Research

Phụ lục 2

Danh sách sản phẩm bàn giao
(Báo cáo, sổ tay hướng dẫn, hướng dẫn sử dụng)

- KHHĐ REDD+ cấp tỉnh
- Các hoạt động thí điểm REDD+
- Hệ thống Theo dõi Giám sát Rừng cấp tỉnh
- Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang

Hoạt động chung

No.	Title
1	Leaflet of SNRM Project
2	Casebook on good practices of the SNRM Project

Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh

No.	Title
1	PRAP (Dien Bien, Lai Chau, Hoa Binh and Son La Provinces)
2	2018 Provincial REDD+ Action Plan Monitoring Report (Dien Bien, Lai Chau, Hoa Binh and Son La Provinces)
3	A Guide for PRAP Monitoring

Hoạt động thí điểm REDD+

No.	Title
1	Handout for facilitator training
2	Pilot activity annual plan/ 5-year plan
3	Socioeconomic survey report
4	Afforestation design report
5	Regeneration design report
6	Agroforestry design report
7	Forest cover and forest management project activity map
8	Village boundary map
9	Potential soil erosion map
10	Handout for afforestation training
11	Handout for regeneration training
12	Handout for scattered planting training
13	Handout for forest protection training
14	Village forest regulation
15	Village forest patrolling route map
16	Watershed forest map
17	Posters and flyers about forest protection
18	Signboards and billboards for forest protection
19	Handout for pomelo cultivation
20	Handout for vegetable cultivation

Phụ lục 2: Danh mục sản phẩm

21	Handout for beekeeping technique
22	Handout for fodder grass cultivation
23	Handout for improved cooking stove
24	Handout for composted fertilizer making
25	Handout for water melon cultivation
26	Handout for fruit tree planting
27	Handout for fish raising
28	Handout for mushroom cultivation
29	Village Management Board regulation
30	Good Practice Case study - Hoa Binh - Beekeeping
31	Good Practice Case study - Hoa Binh - Forest management
32	Good Practice Case study - Hoa Binh - Native species plantation
33	Good Practice Case study - Son La - Afforestation
34	Good Practice Case study - Son La - Agroforestry
35	Good Practice Case study - Son La - Improved Cook Stoves
36	Good Practice Case study - Son La - VFPT and PFES
37	Good Practice Case study - Son La - Natural Regeneration and PFES
38	Good Practice Case study - Dien Bien - Beekeeping
39	Good Practice Case study - Dien Bien - Cookstove
40	Good Practice Case study - Dien Bien - VFPT and PFES
41	Good Practice Case study - Lai Chau - Boundary Planting
42	Good Practice Case study - Lai Chau - VFPT and PFES
43	Good Practice Case study - Lai Chau - Watermelon production
44	Assessment report on pilot REDD+ activities sustainable natural resource management project (Hoa Binh, Son La, Dien Bien, Lai Chau)
45	Monitoring report on the progress, results and achievement of REDD+ pilot activity
46	SUSFORM-NOW Monitoring report

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

No	Title
1	FRMS manager's guidebook

Phụ lục 2: Danh mục sản phẩm

2	Village-based forest patrolling implementation guidebook
3	Operation manual of the FRMS Mobile and tablet-PC
4	Trainer manual of the FRMS Mobile and tablet-PC
5	Operation manual of QA/QC (verification with satellite images)
6	Technical manual on configulating and maintaining the GEE application
7	Technical manual on system administration of FRMS mobile application
8	Training Material (ToT)
9	Training Material (QA/QC with satellite images)
10	Remote support system establishment manual
11	Forest Resource Monitoring System Mobile Application *1 Language : Vietnamese *2 Installable in a tablet-PC and smart-phone based on the Android operating system
12	Forest monitoring in the case of Vietnam

Khu Dự trữ sinh quyển Lang-Biang

Sổ tay tập huấn

No.	Title
I	CM
1	Report format on effective PFES patrol
2	User Manual for GPS Oregon 650 for PFES patrol teams
II	EFLO
1	Training material on mushroom production and harvesting
2	Training material on composting
3	Taxonomy of native spices
4	Check list of facilitation skills
III	CBET/ Environmental Education
1	Environmental Education: Facilitator Book - International Student
2	Environmental Education: Facilitator Book - Secondary Student
3	Environmental Education: Workbook - International Student
4	Environmental Education: Workbook - Secondary Student
IV	Forest/ Biodiversity Monitoring
1	Manual on Flycam Monitoring
2	Biodiversity Monitoring Manual for Lang Biang World Biosphere Reserve
3	Biodiversity Monitoring Handbook for Lang Biang World Biosphere Reserve

Khu Dự trữ sinh quyển Lang-Biang

Báo cáo và tài liệu khác

No.	Title
-	Common
1	Project Evaluation Report on SNRM Component 3
I	LB-BR
1	Lang Biang World Biosphere Reserve five years management plan
2	Final report on the assistance in the promotion of understanding of MAB
3	Final report on assistance in the formulation of the marketing strategy and creation of the label for MAB products
4	Booklet: LANG BIANG WORLD BIOSPHERE RESERVE – The Keeper of Sustainability
5	Report on Monitoring and Evaluation on the Implementation of Annual Action Plan 2019 in Lang Biang World Biosphere Reserve
6	Guideline on Formulation and Monitoring of Implementation of LB-BR Annual Action Plan
II	CM
1	A review of Co-Management and Collaborative Model in Bidoup Nui Ba National Park, Lam Dong province
2	Proposal for development of draft plans of review/ re-arrangement of PFES contracts
3	Final report on socio-economic (financial) survey in the target villages
4	Evaluation Report on Implementation of Collaborative Management Platform in Lang Biang World Biosphere Reserve
5	Evaluation Report on CMA Implementation
6	Guideline on the Implementation of Collaborative Management Agreement (CMA)
7	Guideline on Operation of Collaborative Management Platform in Lang Biang World Biosphere Reserve
8	Draft Policy Document on the Application of CMA with BSM for the Management and Conservation of the Lang Biang World Biosphere Reserve
III	EFLO
1	Study tour report on sustainable coffee production in Dak Lac Province
2	Study tour report on composting and banana mixed coffee plantation
3	Study tour report on cowshed improvement in Thien Sinh company and in Dachais
4	Study tour report on dried persimmon
5	Study tour report on shiitake mushroom of Nguyen long company
6	Soil analysis report
7	Report on compost training
8	Coffee harvest analysis

Phụ lục 2: Danh mục sản phẩm

9	Training report on transplanting of native trees
10	Report on facilitation skill training
11	Study tour report on logo utilization at Cham Islands
12	Report on existing financial services in the targeted villages
13	Application of logo and labeling of LB-BR
14	Promotion material on shiitake mushroom: Reconnect Human and Nature
15	Evaluation Report on Livelihood Improvement Associated with Benefit Sharing Mechanism in Collaborative Management
IV	Environmental Education
1	Final report on Environmental Education Program
V	Forest/ Biodiversity Monitoring
1	Utilization of Drone for the Improvement of PFES Patrol
2	Final Report on Biodiversity Baseline Survey
3	Biodiversity Monitoring System of Bidoup – Nui Ba National Park and its Operation Plan

Phụ lục 3

Tất cả các phiên bản của Ma trận Thiết kế Dự án
(MTTKDA)

- MTTKDA phiên bản 0
- MTTKDA phiên bản 1
- MTTKDA phiên bản 2
- MTTKDA phiên bản 3
- MTTKDA phiên bản 4
- MTTKDA phiên bản 5

PHỤ LỤC 01:**MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM)**

Tên Dự án:	Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
Cơ quan thực thi:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác:	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:	Các cán bộ của Cơ quan thực thi, Cơ quan cộng tác và các bên liên quan chính
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:	Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án:	Hà Nội, các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác
Thời gian thực thi Dự án:	2015-2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân được thúc đẩy..	Đạt được các mục tiêu do Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng đề ra	Báo cáo của VNFOREST			
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Các khuôn khổ chính sách và pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi Dự án cho quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ VN phê duyệt chính thức. Đạt được mục tiêu của Kế hoạch Hành động REDD+ quốc gia (NRAP). Lộ trình quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học của LB-BR được chuẩn bị để có thể mở rộng cùng với CM và các BSM sang các tỉnh khác. Các kết quả và các dữ liệu từ Dự án được Bộ NN-PTNT và các cơ quan có liên quan khác, bao gồm cả Bộ TN-MT, chia sẻ để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học.	Các văn bản luật pháp và chính sách được phê duyệt (Được công bố) Báo cáo của Văn phòng REDD+ VN (VRO) Các quyết định của các tỉnh Các báo cáo hàng năm, FORMIS, và NBD			

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
<p><u>Hợp phần 1 (Hợp phần Hỗ trợ chính sách)</u> Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý TNTN được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-1 Các chính sách góp phần quản lý rừng bền vững, như chính sách tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và NRAP, được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như Hệ thống Thông tin Quản lý Lâm nghiệp (FORMIS) và NBDS được xúc tiến giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH đạt được thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong quá trình xây dựng chính sách và hành động.</p> <p><u>Hợp phần 2 (Hợp phần về QLRBV và REDD+)</u> Mục tiêu của Hợp phần QLRBV, thông qua xây dựng và thực thi PRAP, được thúc đẩy tại 4 tỉnh T-B (Dien Bien, Lai Chau, Son La và Hoa Bin).</p> <p>Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên) Năng lực thực thi PRAP ở Tỉnh Điện Biên được tiếp tục tăng cường.</p> <p>Đầu ra 2-2 tại các tỉnh Lai Chau, Son La và Hoa Binh) PRAP tại 3 tỉnh Lai Chau, Son La và Hoa Binh được xây dựng thông qua việc thực thi các hoạt động thí điểm và chuyển giao kiến thức từ Tỉnh Điện Biên.</p> <p><u>Hợp phần 3 (Hợp phần ĐDSH)</u> Mục tiêu của Hợp phần (ở Tỉnh Lâm Đồng) Một hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và có sự cộng tác được thiết lập cho bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR) đã được đề xuất.</p> <p>Đầu ra 3-1 Một khuôn khổ thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khuôn khổ quản lý hệ sinh thái tổng hợp và có sự cộng tác) LB-BR thuộc MAB được thiết lập.</p> <p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận Quản lý có sự Cộng tác (CMA) cùng với các Cơ chế chia sẻ lợi ích</p>	<p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3</p>	<p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3</p>			

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
<p>(BSM) được nâng cấp như là công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p>Đầu ra 3-3 Các kết quả giám sát rừng và ĐDSH được sử dụng cho quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p>Hợp phần 4 (Hợp phần Chia sẻ kiến thức) Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan của Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.</p> <p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp và FORMIS.</p> <p>Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học từ Dự án được chia sẻ với các bên liên quan chính.</p> <p>Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.</p>	Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4	Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần Hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1. Trợ giúp xem xét lại Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>1-1-2. Trợ giúp xúc tiến thực thi Quyết định về Dự án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp. (Số:1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013)</p> <p>1-1-2-1. Cải thiện hệ thống sản xuất hạt giống/cây giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2. Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3. Trợ giúp xúc tiến Đối tác Công – Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3. Trợ giúp thúc đẩy FSSP.</p> <p>1-1-4. Trợ giúp thúc đẩy NRAP) thông qua hỗ trợ VRO.</p> <p>1-1-5. Cung cấp sự hỗ trợ cho các chính sách về rừng khác mới được xây dựng, khi cần.</p> <p>1-2. Trợ giúp vận hành các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.</p> <p>1-3. Trợ giúp lồng ghép các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT vào xây dựng chính sách/hành động.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng kỹ thuật • Phó Cố vấn trưởng • Điều phối viên hành chính • Nhóm chuyên gia cho Hợp phần 2&3 • Chuyên gia ngắn hạn • Chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem PDM chi tiết cho từng Hợp phần <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo ở Nhật Bản • Đào tạo ở Việt Nam • Đào tạo ở nước thứ ba 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Bộ NN-PTNT <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và ĐPV DA) • Các đơn vị thực hiện • Các cán bộ đối tác ➢ Bộ TN-MT <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác ➢ Các tỉnh <ul style="list-style-type: none"> • Các ban quản lý DA cấp tỉnh cho Hợp phần 2&3 <p><u>Văn phòng và các phương tiện</u></p> <p>(Bộ NN-PTNT, Bộ TN-MT, 5 tỉnh)</p>	
<p>Hợp phần 2 (Hợp phần QLRBV và REDD+)</p> <p>[Tại Tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW¹ (Muong Phangvà Muong Muon) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật khi cần.</p> <p>2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ dựa trên PRAP tại các xã mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh (PFMS).</p> <p>2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình.</p> <p>2-1-5. Thực thi các hoạt động triển khai.</p> <p>[Tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]</p> <p>2-2-1. Thiết lập các Ban quản lý DA tại 3 tỉnh.</p>	<p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí sử dụng chuyên gia/tư vấn trong nước và các chi phí cần thiết khác. 	<p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <p>(Bộ NN-PTNT, Bộ TN-MT, 5 tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động DA do các đối tác thực hiện (bao gồm hỗ trợ lương, các khoản trợ cấp, đi lại trong nước và phòng ngủ...). • Chi phí vận hành cần cho văn phòng DA, bao gồm các dụng cụ và chi phí thông tin liên lạc. 	

¹ Dự án Quản lý rừng bền vững tại vùng đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án Hợp tác kỹ thuật do JICA tài trợ, 2010-2015

<p>2-2-2. Thu thập và phân tích các thông tin cần thiết tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại hiện trường thí điểm tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-4. Tăng cường năng lực xây dựng và vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5. Xây dựng PRAP cho mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-6. Thực thi các hoạt động triển khai cần thiết.</p>		<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và xăng dầu. • Chi phí vận hành cần thiết cho các đối tác thực thi DA. • Các chi phí cần thiết khác. 	
<p><u>Hợp phần 3 (Hợp phần ĐDSH)</u> <u>[Tại Tỉnh Lâm Đồng]</u></p> <p>3-1. Xây dựng khuôn khổ thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khuôn khổ quản lý hệ sinh thái tổng hợp và có sự cộng tác) cho LB-BR.</p> <p>3-1-1. Hình thành Cấu trúc quản lý BR hoặc Nền tảng quản lý có sự cộng tác (CM) cho LB-BR với một văn bản pháp lý thông qua tham vấn với các thành viên có liên quan của Cấu trúc/Nền tảng.</p> <p>3-1-2. Trợ giúp Cấu trúc quản lý BR hoặc Nền tảng CM trong việc xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR và giám sát thực thi kế hoạch quản lý theo định kỳ.</p> <p>3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các khóa đào tạo với các chủ rừng và các sở NN-PTNT tại các tỉnh lân cận.</p> <p>3-1-4. Xây dựng lộ trình (bao gồm cả kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR.</p> <p>3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý có sự cộng tác (CMA) cùng với các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) như là công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p>3-2-1. Dạy đưwjng các kế hoạch/chiến lược phát triển các lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET) và tiếp thị các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế của người dân địa phương.</p> <p>3-2-1. Cải tiến/nâng cấp CMA với các BSM và đưa vào thử nghiệm tại các thôn bản mục tiêu/thí điểm.</p> <p>3-2-3. Tổ chức đào tạo và sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cảm năng hiện có.</p> <p>3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý để giới thiệu CMA với các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-3. Thúc đẩy việc sử dụng các kết quả của giám sát rừng và ĐDSH cho quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>			

<p>3-3-1. Thu thập và tập hợp dữ liệu cơ bản về rừng ở vùng lõi và vùng đệm và về ĐDSH ở vùng lõi.</p> <p>3-3-2. Giám sát định kỳ rừng ở vùng lõi và vùng đệm và thực trạng ĐDSH ở vùng lõi.</p> <p>3-3-3. Sử dụng dữ liệu giám sát rừng và ĐDSH cho quản lý LB-BR và phát triển các hệ thống dữ liệu.</p> <p>3-3-4. Tổ chức đào tạo và sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm năng hiện có.</p> <p><u>Hợp phần 4 (Hợp phần Chia sẻ kiến thức)</u></p> <p>4-1. Trợ giúp trong việc liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học từ Dự án với các chủ thể có liên quan.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án.</p>			
---	--	--	--

PHỤ LỤC 03:**Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần Hỗ trợ chính sách)****Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**

Tên Dự án:	Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi:	Bộ NN-PTNT
Cơ quan cộng tác:	Bộ TN-MT và các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:	Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:	Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án:	Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án:	2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Hoạt động	Lưu ý
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM				
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM				
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Hoạt động	Lưu ý
<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p> <p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác. Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p> <p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Trợ giúp sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích Luật hiện hành về Bảo vệ và Phát triển rừng và các văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp xem xét các vấn đề của luật hiện hành và các quy định có liên quan.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp dự thảo văn bản sửa đổi luật và các quy định có liên quan.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn chỉnh văn bản luật sửa đổi và các quy định có liên quan.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Phân tích thực trạng sản xuất và cung ứng giống.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện tại.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn các cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Trợ giúp thúc đẩy FSSP.</p> <p>1-1-3-1 Trợ giúp đối thoại chính sách trong FSSP.</p>	<p style="text-align: center;"><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Equipment and machinery</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Vehicle • Equipment necessary for the project activities <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p style="text-align: center;"><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Hợp phần 1: Cán bộ TCLN và Ban quản lý các dự án LN • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p><u>Văn phòng và các phương tiện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các phương tiện khác và thiết bị <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bù đắp ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT cung cấp đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về DDSH.

<p>1-1-3-2 Trợ giúp điều phối và cộng tác trong các nỗ lực của các thành viên FSSP nhằm thúc đẩy các chính sách chủ đạo trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy NRAP thông qua hỗ trợ Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO)</p> <p>1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.</p> <p>1-1-4-2 Hỗ trợ tăng cường năng lực thể chế của VRO.</p> <p>1-1-4-3 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.</p> <p>1-1-4-4 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.</p> <p>1-1-5 Cung cấp sự hỗ trợ các chính sách mới, khi cần.</p> <p>1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến DDSH, như FORMIS và NBDS.</p> <p>1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về DDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.</p> <p>1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.</p> <p>1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.</p>			
---	--	--	--

PHU LUC 04:**Bản chi tiết cho Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)****Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần QLRBV và REDD+)
Cơ quan thực thi: Bộ NN-PTNT, các UBND tỉnh và các Sở NN-PTNT của 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình)
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của Cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt, bao gồm cả người dân địa phương
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng và các hoạt động REDD+ ở Tây-Bắc (DB, LC, SL và HB)
Hiện trường DA: 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
Thời hạn thực thi DA: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của DA</u> Năng lực thể chế quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> QLRBV thông qua việc xây dựng và thực thi các PRAP được thúc đẩy tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)			1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi phí đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.		

<p><u>Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)</u> Năng lực thực thi PRAP ở tỉnh Điện Biên được tiếp tục tăng cường.</p> <p><u>Đầu ra 2-3 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</u> PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng thông qua việc thực thi các hoạt động thí điểm và chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại các hiện trường thí điểm ở 4 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi diễn tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015. 2. Tại tỉnh Điện Biên, PFMS (Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh) được phổ biến tới vùng không phải là hiện trường thí điểm của DA. 3. Vào tháng thứ 36 của DA, PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được hoàn tất và được UBND các tỉnh phê duyệt. 	<p>Báo cáo giám sát DA</p> <p>Báo cáo về Hệ thống giám sát diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh</p> <p>PRAP</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bốn tỉnh ở Tây-Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo đủ, phân bổ và chi phí ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+ và. 2. Tại 4 tỉnh Tây-Bắc, các chính sách và chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan khác (đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm nghèo, phát triển nông thôn, phát triển nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+. 		
--	---	---	---	--	--

¥

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW¹ (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp các trợ giúp kỹ thuật khi cần thiết.</p> <p>2-1-1-1. Day dựng kế hoạch giám sát các hoạt động, như tuần tra rừng, trả tiền PFES, xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng và các hoạt động cải thiện sinh kế.</p> <p>2-1-1-2. Tiến hành giám sát dựa trên các đề mục 2-2-1-1 và đánh giá các kết quả.</p> <p>2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các keesyt quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.</p> <p>2-1-1-4. Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, khi cần thiết.</p> <p>2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.</p> <p>2-1-2-2. Tiến hành khảo sát kinh tế-xã hội ở xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-3. Day dựng bản đồ rừng của xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-4. Xác định ranh giới thôn bản ở xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ cho xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-6. Tổ chức thực thi REDD+ cho xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-7. Tiến hành đào tạo thúc đẩy viên.</p> <p>2-1-2-8. Tổ chức một loạt các cuộc họp thôn bản để hoàn tất các kế hoạch quản lý rừng (FMP) và phát triển sinh kế (LDP).</p> <p>2-1-2-9. Các kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế (FMP/LDP) được CPC phê duyệt.</p> <p>2-1-2-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng, bao gồm bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng rừng dựa theo đề mục 2-2-2-9.</p> <p>2-1-2-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế thôn bản dựa trên các đề mục 2-2-2-9.</p> <p>2-1-2-12. Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế thôn bản do lực lượng kiểm lâm/ban quản lý</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia dài hạn ở Hà Nội. • Nhóm chuyên gia ngắn hạn cho Hợp phần 2 (Quản lý rừng bền vững, GIS/phân tích ảnh viễn thám, phát triển sinh kế và các loại chuyên gia khác khi cần thiết trong quá trình thực thi Dự án). <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Xe ô tô • Xe máy • Các loại khác <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (Người vận hành GIS, SFM, cải thiện sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (Khảo sát kinh tế - xã hội, SFM, cải thiện sinh kế). <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động Dự án (đề chia sẻ chi phí với phía Việt Nam). • Chi phí sử dụng chuyên gia/tư vấn trong nước. • Các chi phí khác sẽ được xác định 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Hợp phần 2: Cán bộ Bộ NN&PTNT, Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Dự án FCPF; • Lãnh đạo Ban quản lý dự án lâm nghiệp, MARD ➢ Ban quản lý Dự án cấp tỉnh tại 4 tỉnh • PPC • DARD • Các tổ chức có liên quan khác <p><u>Phương tiện và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Đò mộc, các phương tiện và các thiết bị cơ bản ở văn phòng Dự án... • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động Dự án do nhân sự đối tác thực hiện (bao gồm lương, phụ cấp, đi lại trong nước, phòng ngủ ...). • Chi phí thường xuyên cần cho văn phòng Dự án, bao gồm các tiện ích và chi phí thông tin truyền thôn. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Chi phí vận hành cần cho nhân sự đối tác thực thi Dự án. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả tiền PFES được duy trì</p> <p>3 Dân số các vùng mục tiêu không giảm/tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia các hoạt động của Dự án và tham gia các khóa đào tạo ... liên tục làm việc ở cùng vị trí, hoặc vị trí có liên quan.</p> <p>5 PPC đảm bảo đủ và bố trí vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các thể chế hữu quan của tỉnh như sở NN-PTNT, ủy ban nhân dân tỉnh, xã, thôn bản... có mong muốn thực thi các hoạt động</p>

¹ Dự án Quản lý rừng bền vững tại vùng đầu nguồn Tây-Bắc Việt Nam (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật JICA, 2010-2015

<p>rừng và cán bộ phổ cập thực hiện.</p> <p>2-1-2-13. Hỗ trợ người dân thôn bản cải thiện tiếp cận tài chính.</p> <p>2-1-2-14. Giám sát và đánh giá các kết quả hoạt động REDD+.</p> <p>2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành Hệ thống giám sát diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).</p> <p>2-1-3-1. Đánh giá PFMS được xây dựng bởi SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-3-2. Đánh giá nhu cầu đào tạo cho các cán bộ vận hành PFMS.</p> <p>2-1-3-3. Xây dựng chương trình đào tạo để tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.</p> <p>2-1-3-4. Tiến hành các khóa đào tạo dựa trên các đề mục 2-2-3-3.</p> <p>2-1-3-5. Xem xét lại các tài liệu hướng dẫn và sổ tay có liên quan đến các PFMS, nếu thấy cần thiết.</p> <p>2-1-3-6. Lồng ghép PFMS vào FORMIS.</p> <p>2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).</p> <p>2-1-4-1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-4-2. Tiến hành các khóa đào tạo và hội thảo dựa trên các đề mục 2-2-4-1.</p> <p>2-2-5. Thực hiện các hoạt động triển khai cần thiết.</p> <p>[Tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]</p> <p>2-2-1. Thiết lập các Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại 3 tỉnh.</p> <p>2-2-2. Thu thập và phân tích thông tin cần thiết tại 3 tỉnh.</p> <p>2-2-2-1. Tiến hành khảo sát tự nhiên - môi trường/kinh tế - xã hội .</p> <p>2-2-2-2. Thu thập và phân tích dữ liệu và thông tin về thực trạng rừng và các chính sách có liên quan, bao gồm cả sự thay đổi diễn tích rừng, phân tích động lực gây mất rừng, tiến độ thực hiện các kế hoạch và chương trình lâm nghiệp, bao gồm cả các FPDP và ngân</p>	<p>trong quá trình thực thi Dự án, khi cần.</p>		<p>REDD+.</p>
--	---	--	---------------

<p>sách.</p> <p>2-2-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại hiện trường thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-3-1 Hình thành các tiêu chí lựa chọn hiện trường thí điểm và lựa chọn hiện trường theo tiêu chí đã xác định.</p> <p>2-2-3-2. Tiến hành khảo sát kinh tế - xã hội tại hiện trường thí điểm.</p> <p>2-2-3-3. Chuẩn bị bản đồ rừng của hiện trường thí điểm.</p> <p>2-2-3-4 Xác định ranh giới thôn bản tại hiện trường thí điểm.</p> <p>2-2-3-5. Tổ chức Hội thảo giới thiệu REDD+ cho hiện trường thí điểm.</p> <p>2-2-3-6. Tổ chức thực thi REDD+ tại hiện trường thí điểm.</p> <p>2-2-3-7. Tổ chức đào tạo cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-3-8. Tổ chức một loạt các cuộc họp thôn bản để hoàn tất FMP/LDP.</p> <p>2-2-3-9 CPC phê duyệt chính thức các FMP/LDP.</p> <p>2-2-3-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng, bao gồm bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng lại rừng dựa trên các đề mục 2-3-3-9.</p> <p>2-2-3-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế dựa trên các đề mục 2-3-3-9.</p> <p>2-2-3-12. Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế được thực thi bởi các cán bộ kiểm lâm/các cán bộ của các ban quản lý rừng và cán bộ phổ cập.</p> <p>2-2-3-13. Hỗ trợ người dân cải thiện tiếp cận tài chính.</p> <p>2-2-3-14. Giám sát và đánh giá các kết quả hoạt động REDD+.</p> <p>2-2-4. Tăng cường năng lực xây dựng và vận hành Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-4-1. Hình thành nhóm đặc trách PFMS.</p> <p>2-2-4-2. Đánh giá các nhu cầu đào tạo của các cán bộ vận hành PFMS.</p> <p>2-2-4-3. Chuẩn bị các chương trình đào tạo để tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.</p> <p>2-2-4-4. Tiến hành các khóa đào tạo dựa trên các đề mục 2-3-4-3.</p> <p>2-2-4-5. Xem xét lại các tài liệu hướng dẫn và sổ tay có liên quan về PFMS, khi thấy cần thiết.</p>			
---	--	--	--

<p>2-2-5. Xây dựng PRAP tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ chung cho cả 3 tỉnh.</p> <p>2-2-5-2. Hình thành nhóm đặc trách xây dựng PRAP tại mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-3. Hình thành dự thảo lộ trình xây dựng PRAP.</p> <p>2-2-5-4. Xây dựng đề cương PRAP, bao gồm cả các đối tượng mục tiêu.</p> <p>2-2-5-5. Xác định và thỏa thuận các nhiệm vụ cũng như các phòng ban có liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện mỗi nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>2-2-5-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động FPDP sẽ được tiến hành trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>2-2-5-7. Đánh giá PFMS hiện có và thiết kế PFMS cải tiến sẽ được triển khai trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>2-2-5-8. Xây dựng kế hoạch cải thiện sinh kế sẽ được thực thi trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>2-2-5-9. Xây dựng chính sách đảm bảo an toàn cần được đưa vào PRAP.</p> <p>2-2-5-10. Xây dựng các kế hoạch tăng cường năng lực cho các bên liên quan trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>2-2-5-11. Xác định các nguồn lực tài chính tiềm năng để thực thi các hoạt động trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>2-2-5-12. Làm rõ cơ cấu thực thi PRAP.</p> <p>2-2-5-13. Xây dựng dự thảo PRAP lần cuối cùng để VNFOREST thông qua.</p> <p>2-2-5-14. Trình dự thảo PRAP lần cuối để PPC phê duyệt chính thức.</p> <p>2-2-6. Thực thi các hoạt động triển khai cần thiết.</p>			
--	--	--	--

PHU LUC 05:**Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)****Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)
Cơ quan thực thi: Ban Quản lý DA cấp tỉnh (PPMU): Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà [BNBNP-MB], Ban Quản lý rừng phòng hộ Đa Nhim [DWPF-MB], Sở NN&PTNT (DARD), Sở TN&MT (DONRE)..., tỉnh Lâm Đồng
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) đang được đề xuất cho các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước
Hiện trường Dự án¹: Vùng lõi và vùng đệm của Khu Dự trữ sinh quyển LB-BR ở tỉnh Lâm Đồng thuộc Vườn quốc gia Bidup-Núi Bà (BNBNP)
Thời hạn của Dự án: 2015-2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu cụ thể của Dự án</u> Năng lực thể chế quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Hệ thống quản lý tổng hợp và có sự cộng tác giữa các bên liên quan được thiết lập để bảo tồn và quản lý Khu Dự trữ Sinh	1. Trên (ít nhất là) xx ² thôn bản tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR có thể quản lý các hệ sinh thái rừng theo Thỏa thuận quản lý có sự cộng tác của các bên (CMA) đã	Báo cáo CMA và giám sát	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.		

¹Vùng mục tiêu bao gồm 5 xã được Dự án thực thi từ trước của JICA hỗ trợ tại vùng đệm và 2 thôn bản tại vùng lõi của BNBNP. Sự cần thiết phải bổ sung thôn bản mục tiêu tại vùng đệm được khuyến nghị xem xét lại vào năm thứ 3 của Dự án.

²Số lượng mục tiêu cụ thể các OVI sẽ được cụ thể hóa tại cuộc họp đầu tiên của PPMU.

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
quyền Lang Biang đang được đề xuất (LB-BR).	<p>được các cộng đồng, các UBND xã có liên quan, BNBPN-NB và DWPF-MB (trong trường hợp của vùng đệm).</p> <p>2. Số liệu giám sát đa dạng sinh học chỉ ra rằng thực trạng sinh thái của LB-BR là ổn định.</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA cùng với các BSM tại các thôn bản mục tiêu được PPC phê duyệt và ban hành cùng với cam kết mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý do PPC phê duyệt được thực thi bởi các bên liên quan.</p> <p>5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được ban quản lý BR thông qua và trình các PPC của Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo hàng năm của BNBPN-MB</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo hàng năm của BR-MB</p> <p>Trình văn bản tới PPC với lộ trình cụ thể</p>			
<p><u>Đầu ra 3-1</u> Khuôn khổ thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khuôn khổ quản lý hệ sinh thái tổng hợp và có sự cộng tác của các bên) LB-BR được thiết lập.</p> <p><u>Đầu ra 3-2</u> CMA cùng với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p><u>Đầu ra 3-3</u> Các kết quả giám sát rừng và đa dạng sinh học được sử dụng cho quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các chủ thể quan trọng, bao gồm cả các CPC, ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khuôn khổ này.</p> <p>3-1-2 Kế hoạch quản lý LB-BR được PPC của tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.</p> <p>3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý BR được tổ chức theo định kỳ với trên xx² % các thành viên tham dự.</p> <p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx² % các thôn bản tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx² % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ của</p>	<p>Biên bản các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của PPC</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>		

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
	<p>BNBNP-MB, DWPF-MB, và các CPC đánh giá rằng họ có thể lập lại và quản lý CMA cùng với các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA cùng với các BSM được Ban quản lý BR chấp thuận và trình lên PPC.</p> <p>3-3-1 Tập hợp dữ liệu đa dạng sinh học của BNBNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện rừng và đa dạng sinh học được giám sát.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Văn bản đệ trình</p> <p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát hàng năm</p>			

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiện đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và thực trạng đơn đề nghị của LB-BR.</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của PPMU để thiết lập cơ cấu thực thi hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý BR, hoặc nền tảng CM (trong trường hợp đơn đề nghị không được phê duyệt) cho LB-BR với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Cung cấp hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và các nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá theo định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng tại các vùng rừng lân cận và các DARD tại các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các chủ thể có liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB.</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các vùng rừng đặc dụng liền kề tại các tỉnh lân cận.</p> <p>3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý có sự cộng tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng,</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội <p><Nhóm chuyên gia Hợp phần 3></p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý có sự cộng tác (CM) • Quản lý BR • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi thấy cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Công cụ khảo sát phục vụ giám sát đa dạng sinh học (máy photo copy, máy in, máy tính, vv...) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại các nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia trong nước/hợp đồng phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về các loại hoa màu chính • Tiếp thị • CBET 	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>Tại tỉnh Lâm Đồng</u> <u>Các cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNNBP-MB) • Nhà quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNNBP-MB) • Cán bộ của BNNBP-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • DPC huyện Lạc Dương (Trên 15 Cán bộ) <p><u>Văn phòng và phương tiện</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các phương tiện và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. . 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiện đề
<p>hoặc đã được trình diễn bởi các dự án khác ở Việt Nam.</p> <p>3-2-2 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm cùng với EFLO.</p> <p>3-2-3 Cải thiện và nâng cấp CBET để tiếp tục thu hút khách du lịch.</p> <p>3-2-4 Day dựng chiến lược tiếp thị (bao gồm cả nhãn mác MAB) cho các sản phẩm địa phương ở LB-BR.</p> <p>3-2-5 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA cùng với các BSM có sử dụng PFES hoặc các lợi ích khác.</p> <p>3-2-6 Day dựng văn bản hướng dẫn thí điểm CMA đã được nâng cấp cùng với các ở vùng lõi và vùng đệm của LB-BR (BNBNP và DWPF).</p> <p>3-2-7 Có được sự phê duyệt của PPC đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM.</p> <p>3-2-8 Vận hành thử CMA cùng với BSM bao gồm cả các FFS về các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn buôn mục tiêu/thí điểm.</p> <p>3-2-9 Giám sát và đánh giá các kết quả vận hành thử.</p> <p>3-2-10 Tiến hành các khóa đào tạo Off-JT và OJT đối với CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý có sự cộng tác.</p> <p>3-2-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các sổ tay hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-10.</p> <p>3-2-12 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA cùng với BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và trình ban quản lý BR thông qua trước khi PPC phê duyệt.</p> <p>3-3-1 Xem xét các hệ thống giám sát rừng và đa dạng sinh học hiện có.</p> <p>3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p>3-3-3 Phân tích dữ liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật rừng.</p> <p>3-3-4 Tiến hành khảo sát cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loại đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi.</p> <p>3-3-5 Phân tích dữ liệu đã thu thập được từ khảo sát cơ bản và xác định các loài chỉ thị và môi sinh của chúng để phục vụ giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Cơ chế tài chính • Chuyên gia tư vấn (xây dựng các văn bản pháp lý) • Khảo sát cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học (các chuyên gia khác sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi thấy cần thiết.) <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng trang thiết bị do Dự án mua sắm • Chi phí thuê các chuyên trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>của Dự án do các đối tác thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiện đề
<p>3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/sổ tay hướng dẫn thu thập dữ liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS xây dựng.</p> <p>3-3-7 Tiến hành khảo sát giám sát đa dạng sinh học để thu thập dữ liệu thông qua việc sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của DONRE và các chủ thể khác.</p> <p>3-3-8 Trình dữ liệu đa dạng sinh học của BNBPN tới MARD để tích hợp vào FORMIS và lưu trữ tại NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.</p> <p>3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc giám sát thực trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng bảo vệ rừng và sửa đổi đề tạo điều kiện cho BNBPN-MB/DWPF-MB có thể kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn buôn mục tiêu.</p> <p>3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo Off-JT và OJT về giám sát rừng, giám sát đa dạng sinh học, quản lý hệ thống dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan.</p> <p>3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/sổ tay hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.</p> <p>3-3-12 Tiến hành giám sát rừng có sự tham gia thông qua việc sử dụng phương pháp đã được sửa đổi 3-3-9.</p> <p>3-3-13 Sử dụng các kết quả giám sát rừng có sự tham gia để đánh giá và xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).</p>			

PHỤ LỤC 06:
Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan
Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành tựu	Lưu ý
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM				
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM				
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác. Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý rừng (FORMIS) Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được chia sẻ với các bên liên quan. Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt. 2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng. 3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của FORMIS Báo cáo của MARD Báo cáo của Dự án	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS.</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Ttrowj giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện và chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Đề chia sẻ chi phí với phía ViệtNam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Hợp phần 4: Cán bộ TCLN và Ban quản lý các dự án LN • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và trang thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các trang thiết bị khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền phòng ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<ol style="list-style-type: none"> 1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN. 2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam. 3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.

[Bản tóm tắt tổng hợp]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và các cơ quan liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi, các cơ quan phối hợp thực hiện và các bên tham gia chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường dự án: Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác
 Thời gian dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Bản số 1**Ngày / /2015**

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Đạt được mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Báo cáo của Tổng cục Lâm nghiệp (VNFORD)			
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Chính sách và khuôn khổ pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi dự án cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ Việt Nam phê duyệt. Đạt được mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP). Có lộ trình quản lý rừng và đa dạng sinh học bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang để tiếp tục mở rộng, cùng với việc nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM). Các kết quả và số liệu thu thập được bởi dự án được chia sẻ và được sử dụng bởi MARD và các cơ quan liên quan khác, trong đó có MONRE để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học.	Các văn bản pháp lý và chính sách đã được phê duyệt (Công báo) Báo cáo của Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO) Các quyết định của tỉnh Các báo cáo năm, FORMIS và NBDS			

Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**Mục tiêu của Hợp phần**

Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.

Đầu ra 1-1

Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.

Đầu ra 1-2

Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp) và NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

Đầu ra 1-3

Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**Mục tiêu của Hợp phần**

QLRBV thông qua việc xây dựng và thực thi các PRAP (Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh) được thúc đẩy tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực thi PRAP ở tỉnh Điện Biên được tiếp tục tăng cường.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng thông qua việc thực thi các hoạt động thí điểm và chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

Component 3 (Biodiversity Component)

Mục tiêu của Hợp phần

Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

Đầu ra 3-2

Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-3

Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Mục tiêu của Hợp phần

Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan và các bên liên quan chủ chốt khác ở cấp quốc gia và quốc tế.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Refer to details PDM for Component 4

Refer to details PDM for Component 4

<p><u>Đầu ra 4-1</u> Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)</p> <p><u>Đầu ra 4-2</u> Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p><u>Đầu ra 4-3</u> Các kết quả của Dự án được công bố.</p>					
--	--	--	--	--	--

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p> <p>1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF, cùng hợp tác với FCPF.</p> <p>1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.</p> <p>1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.</p> <p>1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.</p> <p>1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng • Cố vấn kỹ thuật về REDD+ • Điều phối viên hành chính • Nhóm các chuyên gia cho Hợp phần 2 & 3 • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo PDM chi tiết cho từng Hợp phần <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại Việt Nam • Tập huấn tại nước thứ ba <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước. • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Các cán bộ dự án</p> <p>> MARD</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án (Giám đốc dự án, phó giám đốc dự án và Điều phối viên dự án) • Trưởng 4 hợp phần • Các cán bộ đối tác <p>> MONRE</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác <p>> Các tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 2 & 3 <p>Văn phòng làm việc và cơ sở vật chất (MARD, 5 tỉnh)</p> <p>Chi phí vận hành dự án (MARD, MONRE, 5 tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...) • Chi phí cần thiết cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**[Tại tỉnh Điện Biên]****2-0. Tái thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.**

2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và trợ giúp kỹ thuật khi cần thiết.

2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.

2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-5. Sửa đổi Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các thành quả, bài học kinh nghiệm từ 2-1-1 đến 2-1-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]**2-2-1. Thành lập các Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại ba (3) tỉnh.**

2-2-2. Thu thập và phân tích các thông tin cần thiết tại từng tỉnh.

2-2-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại hiện trường thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-4. Tăng cường năng lực xây dựng và vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-5. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-6. Thực thi các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-2-7. Biên soạn các thành quả và bài học kinh nghiệm từ 2-2-1 to 2-2-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

ôtô, bảo hiểm và nhiên liệu

- Các chi phí cần thiết cho việc thực thi dự án bởi các cán bộ đối tác
- Các chi phí cần thiết khác

Hợp phần 3 (Hợp phần đa dạng sinh học)

<Tại tỉnh Lâm Đồng>

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).

3-1-1. Hình thành Cơ cấu quản lý Khu dự trữ sinh quyển (BR) hoặc Diễn đàn Quản lý hợp tác (CM) cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang bằng một văn bản pháp lý, có tham vấn với các thành viên liên quan của cơ cấu/diễn đàn.

3-1-2. Hỗ trợ Cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển hoặc Diễn đàn CM xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và giám sát định kỳ việc thực hiện kế hoạch quản lý này.

3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn cho các chủ rừng và Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh lân cận.

3-1-4. Xây dựng lộ trình (gồm có đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1. Xây dựng các kế hoạch/chiến lược cho các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), và marketing các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế.

3-2-2. Rà soát và cải thiện/nâng cấp CMA có các BSM và tiến hành thử nghiệm ở các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm, trong đó có giám sát và đánh giá kết quả.

3-2-3. Tổ chức các lớp tập huấn về CMA cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý giới thiệu CMA có các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1. Thu thập và xác định số liệu đường cơ sở về rừng ở vùng lõi và vùng đệm và đa dạng sinh học ở vùng lõi.

3-3-2. Định kỳ theo dõi hiện trạng rừng ở vùng lõi và vùng đệm, và hiện trạng đa dạng sinh học ở vùng lõi.

3-3-3. Sử dụng số liệu theo dõi rừng và giám sát đa dạng sinh học để quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và để xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu.

3-3-4. Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).

4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.

4-3. Công bố các kết quả của Dự án

[Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Bản số 1
Ngày / /2015

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PI			
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PI			
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 1-1</u> Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-2</u> Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p>	<p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-3</u> Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Trưởng Hợp phần 1 • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bù đắp ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT cung cấp đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).

1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF, cùng hợp tác với FCPF.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NRDS

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

[Bản chi tiết cho Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)]

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần QLRBV và REDD+)

Bản số: 1

Ngày: / /2015

Cơ quan thực thi: Bộ NN-PTNT, UBND các tỉnh và các Sở NN-PTNT của 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) and Hoa Binh(HB) Provinces)

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của Cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt, bao gồm cả người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng và các hoạt động REDD+ở Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Hiện trường dự án: 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của DA Năng lực thể chế quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần QLRBV thông qua việc xây dựng và thực thi các PRAP (Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh) được thúc đẩy tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)			1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.		

<p><u>Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)</u> Năng lực thực thi PRAP ở tỉnh Điện Biên được tiếp tục tăng cường.</p> <p><u>Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</u> PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng thông qua việc thực thi các hoạt động thí điểm và chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Tại các hiện trường thí điểm ở 4 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Tại tỉnh Điện Biên, PFMS (Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh) được phổ biến tới vùng không phải là hiện trường thí điểm của dự án.</p> <p>3. Vào tháng thứ 30 của dự án, PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được hoàn tất và được UBND các tỉnh phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>Các PRAP</p>	<p>1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây-Bắc, các chính sách và chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan khác (đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm nghèo, phát triển nông thôn, phát triển nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ vào các hoạt động REDD+.</p>		
--	--	---	---	--	--

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiền đề
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-0. Tái thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và trợ giúp kỹ thuật khi cần thiết.</p> <p>2-1-1-1. Xây dựng kế hoạch giám sát các hoạt động, như tuần tra rừng, trả tiền PFES, xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng và các hoạt động cải thiện sinh kế.</p> <p>2-1-1-2. Tiến hành giám sát theo mục 2-1-1-1 và đánh giá các kết quả</p> <p>2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các kết quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.</p> <p>2-1-1-4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, khi cần thiết</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn ở Hà Nội • Các nhóm chuyên gia ngắn hạn cho Hợp phần 2 (Quản lý rừng bền vững, GIS/Phân tích ảnh vệ tinh, Phát triển sinh kế và các chuyên gia khác khi cần thiết trong quá trình thực thi dự án) <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Khác <p><u>Đào tạo/tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Đào tạo tại Nhật Bản • Đào tạo tại nước thứ ba • Đào tạo tại Việt Nam 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT > Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho 4 tỉnh) • Ủy ban nhân dân tỉnh • Sở Nông nghiệp và PTNT • Các tổ chức liên quan khác <p><u>Cơ sở vật chất và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Đồ mộc, cơ sở vật chất và thiết bị cơ bản cho văn phòng dự án, v.v. • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p>	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả tiền PFES được duy trì.</p> <p>3 Dân số các vùng mục tiêu không giảm/tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia các hoạt động của Dự án và tham gia các khóa đào tạo ... liên tục làm việc ở cùng vị trí, hoặc vị trí có liên quan.</p>

<p>2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p>	<p><u>Chuyên gia trong nước/tư vấn trong nước</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> • Ngan sách cho các hoạt động Dự án do nhân sự đối tác thực hiện (bao gồm lương, phụ cấp, đi lại trong nước, buồng ngủ ...). • Chi phí thường xuyên cần cho văn phòng Dự án, bao gồm các tiện ích và chi phí thông tin truyền thông. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Chi phí vận hành cần cho nhân sự đối tác thực thi Dự án. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và bố trí vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN-PTNT, UBND tỉnh, xã, thôn bản...có mong muốn thực thi các hoạt động REDD+.</p>
<p>2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (Người vận hành GIS, SFM, cải thiện sinh kế, phiên dịch, v.v) 		
<p>2-1-2-2. Tiến hành khảo sát kinh tế-xã hội ở xã thí điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn trong nước (Khảo sát kinh tế - xã hội, SFM, cải thiện sinh kế, v.v). 		
<p>2-1-2-3. Lập bản đồ rừng của xã thí điểm.</p>			
<p>2-1-2-4 Xác định ranh giới thôn bản ở xã thí điểm.</p>	<p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p>		
<p>2-1-2-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ cho xã thí điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam). • Chi phí sử dụng chuyên gia/tư vấn trong nước. • Các chi phí khác sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần. 		
<p>2-1-2-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho xã thí điểm</p>			
<p>2-1-2-7. Tiến hành đào tạo thúc đẩy viên</p>			
<p>2-1-2-8. Tổ chức một loạt các cuộc họp thôn bản để hoàn tất các kế hoạch quản lý rừng (FMP) và phát triển sinh kế (LDP).</p>			
<p>2-1-2-9. Phê duyệt các kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế (FMP/LDP) bởi Ủy ban nhân dân xã.</p>			
<p>2-1-2-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng, bao gồm bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng rừng theo mục 2-1-2-9.</p>			
<p>2-1-2-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế thôn bản theo mục 2-1-2-9.</p>			

2-1-2-12. Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế thôn bản bởi các cán bộ kiểm lâm/cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm.

2-1-2-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài chính.

2-1-2-14. Giám sát và đánh giá các kết quả các hoạt động REDD+.

2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-3-1. Đánh giá PFMS được xây dựng bởi SUSFORM-NOW

2-1-3-2. Đánh giá nhu cầu đào tạo của các cán bộ vận hành PFMS

2-1-3-3. Xây dựng chương trình đào tạo tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.

2-1-3-4. Tiến hành các khóa đào tạo theo mục 2-1-3-3.

2-1-3-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang liên quan đến PFMS khi cần thiết.

2-1-3-6. Điều phối tích hợp PFMS với hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-4-1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Tiến hành các khóa đào tạo và hội thảo theo mục 2-1-4-1.

2-1-5. Sửa đổi Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-5-1. Xây dựng PRAP sửa đổi dựa trên những khuyến nghị từ SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc NRAP sửa đổi, và tham vấn với các bên tham gia.

2-1-5-2. Trình PRAP sửa đổi tới Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt chính thức.

2-1-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các thành quả, bài học kinh nghiệm từ 2-1-1 đến 2-1-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập các Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại ba (3) tỉnh.

2-2-2. Thu thập và phân tích các thông tin cần thiết tại từng tỉnh.

2-2-2-1. Tiến hành khảo sát tự nhiên - môi trường/kinh tế - xã hội.

2-2-2-2. Thu thập và phân tích số liệu và thông tin về thực trạng rừng và các chính sách có liên quan, bao gồm cả sự thay đổi diện tích rừng, phân tích nguyên nhân gây mất rừng, tiến độ thực hiện các kế hoạch và chương trình lâm nghiệp, bao gồm cả các Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (FPDP) và ngân sách.

2-2-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại hiện trường thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-3-1 Xây dựng các tiêu chí lựa chọn hiện trường thí điểm và lựa chọn hiện trường theo tiêu chí đã xác định.

2-2-3-2. Tiến hành khảo sát kinh tế - xã hội tại hiện trường thí điểm.

2-2-3-3. Lập bản đồ rừng của hiện trường thí điểm.

2-2-3-4 Xác định ranh giới thôn bản tại hiện trường thí điểm.

2-2-3-5. Tổ chức Hội thảo giới thiệu REDD+ cho hiện trường thí điểm.

2-2-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho hiện trường thí điểm.

2-2-3-7. Tổ chức đào tạo cho các thúc đẩy viên

2-2-3-8. Tổ chức một loạt các cuộc họp thôn bản để hoàn tất các FMP/LDP

2-2-3-9 Phê duyệt các FMPs/LDPs bởi Ủy ban nhân dân xã.

2-2-3-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng, bao gồm bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng lại rừng theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-12. Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế bởi các cán bộ kiểm lâm/các cán bộ của các ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm.

2-2-3-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài chính.

2-2-3-14. Giám sát và đánh giá kết quả của các hoạt động REDD+

2-2-4. Tăng cường năng lực xây dựng và vận hành Hệ theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-4-1. Thành lập Tổ chuyên trách về PFMS.

2-2-4-2. Đánh giá nhu cầu đào tạo của các cán bộ vận hành PFMS.

2-2-4-3. Chuẩn bị các chương trình đào tạo tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.

2-2-4-4. Tiến hành các khóa đào tạo theo mục 2-2-4-3.

2-2-4-5. Sửa đổi các hướng dẫn, cẩm nang về PFMS liên quan khi cần thiết.

2-2-5. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ chung cho cả 3 tỉnh.

2-2-5-2. Thành lập Tổ chuyên trách xây dựng PRAP tại mỗi tỉnh.

2-2-5-3. Chuẩn bị dự thảo lộ trình xây dựng PRAP.

2-2-5-4. Xây dựng đề cương của PRAP bao gồm cả các đối tượng mục tiêu.

2-2-5-5. Xác định và nhất trí các nhiệm vụ cũng như các phòng ban có liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện mỗi nhiệm vụ cụ thể

2-2-5-6. Xây dựng kế hoạch xúc tiến các hoạt động FPDP sẽ được tiến hành trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-7. Đánh giá PFMS hiện có và thiết kế PFMS cải tiến sẽ được thiết lập trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-8. Xây dựng kế hoạch cải thiện sinh kế sẽ được thực thi trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-9. Xây dựng các chính sách đảm bảo an toàn sẽ được đưa vào PRAP.

2-2-5-10. Xây dựng các kế hoạch tăng cường năng lực cho các bên liên quan sẽ được thực hiện trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực thi các hoạt động sẽ được triển khai trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-12. Làm rõ cơ cấu tổ chức thực hiện của PRAP.

2-2-5-13. Chuẩn bị bản dự thảo cuối cùng của PRAP.

2-2-5-14. Trình bản dự thảo cuối cùng của PRAP lên Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt chính thức.

2-2-6. Thực thi các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-2-7 Biên soạn các thành quả và bài học kinh nghiệm từ 2-2-1 to 2-2-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[1] Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật "Quản lý rừng bền vững vùng đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)" của JICA, 2010-2015

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học) Bản số 1
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng Ngày / /2015
 Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: người dân địa phương tại khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đak Lak, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà
 Thời gian thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá trị quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	1. Việc tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) (được dự án xây dựng) vào FORMIS được phê duyệt chính thức. 2. Số liệu giám sát đa dạng sinh học chỉ ra rằng hiện trạng sinh thái của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang là ổn định. 3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng. 4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. 5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua	CMA và báo cáo giám sát Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà Văn bản pháp lý Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.		

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.
3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.
3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx2 % các thành viên tham dự.

Biên bản của các cuộc họp tham vấn
Quyết định của UBND tỉnh
Biên bản các cuộc họp

1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.

2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.

3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.

Đầu ra 3-2

Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Trên (ít nhất là) xx2 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.
3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx2 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.
3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.
3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận và trình lên UBND tỉnh (PPC).

Khảo sát phỏng vấn
Khảo sát phỏng vấn
Khảo sát phỏng vấn

Công văn trình

<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNBP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>			
---	---	--	--	--	--

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.
2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <p><Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3></p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>tại tỉnh Lâm Đồng</p> <p>Các cán bộ dự án</p> <p>> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương <p>(15 quan chức trở lên)</p> <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án như văn phòng 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)

- Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua
- Chi phí thuê các chuyên gia trong nước
- Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết.

Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

- Các chi phí cần thiết khác.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của PPC đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP tới MARD để tích hợp vào FORMIS và lưu trữ tại NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

[Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Bản số 1

Ngày / /2015

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục đích của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			

<p>Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.</p>			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.	
<p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)</p>	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.	Báo cáo của FORMIS		
<p>Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p>	2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.	Báo cáo của Bộ NN & PTNT		
<p>Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.</p>	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của dự án		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Trưởng Hợp phần 4 • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bù đắp ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của</p>

[Bản tóm tắt tổng hợp]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và các cơ quan liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi, các cơ quan phối hợp thực hiện và các bên tham gia chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường dự án: Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác
 Thời gian dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Bản số 2**Ngày 01/01/2017**

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại nhiều lợi ích cho người dân.	Đạt được mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Báo cáo của Bộ NN và PTNT			

<p>Mục tiêu của Dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững</p>	<p>1. Chính sách và khuôn khổ pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi dự án cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ Việt Nam phê duyệt.</p> <p>2. Đạt được mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP).</p> <p>3. Có lộ trình quản lý rừng và đa dạng sinh học bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang để tiếp tục mở rộng, cùng với việc nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM).</p> <p>4. Các kết quả và số liệu do dự án thu thập được chia sẻ và được sử dụng bởi Bộ NN&PTNT và các cơ quan liên quan khác, trong đó có Bộ TN&MT để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học.</p>	<p>1. Các văn bản pháp lý và chính sách đã được phê duyệt (Công báo)</p> <p>2. Báo cáo của Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO)</p> <p>3. Các quyết định của tỉnh</p> <p>4. Các báo cáo hàng năm, FORMIS và NBDS</p>			
--	--	--	--	--	--

Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**Mục tiêu của Hợp phần**

Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.

Đầu ra 1-1

Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.

Đầu ra 1-2

Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

Đầu ra 1-3

Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**Mục tiêu của Hợp phần**

Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên tiếp tục được nâng cao

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng dựa vào việc chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

Tham khảo ma trận thiết kế dự án (PDM) chi tiết cho Hợp phần 2

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)**Mục tiêu của Hợp phần**

Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

Đầu ra 3-2

Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-3

Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)**Mục tiêu của Hợp phần**

Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan và các bên liên quan chủ chốt khác ở cấp quốc gia và quốc tế.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4

Đầu ra 4-1

Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng có được thông qua việc thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.

Đầu ra 4-2

Các thành tựu và bài học của Dự án được chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.

Đầu ra 4-3

Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p> <p>1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/FCPF và các nhà tài trợ khác.</p> <p>1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, nếu cần thiết.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng • Cố vấn kỹ thuật về REDD+ • Điều phối viên hành chính • Nhóm các chuyên gia cho Hợp phần 2 & 3 • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo PDM chi tiết cho từng Hợp phần <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại Việt Nam • Tập huấn tại nước thứ ba <p>Chi phí vận hành dự án</p>	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Các cán bộ dự án</p> <p>> MARD</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án (Giám đốc dự án, phó giám đốc dự án và Điều phối viên dự án) • Trưởng 4 hợp phần • Các cán bộ đối tác <p>> MONRE</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác <p>> Các tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 2 & 3 <p>Văn phòng làm việc và cơ sở vật chất</p> <p>(Bộ NN&PTNT, 5 tỉnh)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <p>(MARD, MONRE, 5 tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

1-2 Trợ giúp vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-3 Trợ giúp tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.**Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)****[Tại tỉnh Điện Biên]**

2-1-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

2-1-2. Điều chỉnh Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-6. Giám sát tiến độ, kết quả các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và hỗ trợ kỹ thuật khi

2-1-7. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP.

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước.
- Các chi phí cần thiết khác

trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...)

- Chi phí cần thiết cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc.
- Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu
- Các chi phí cần thiết cho việc thực thi dự án bởi các cán bộ đối tác
- Các chi phí cần thiết khác

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại mỗi tỉnh.

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên-môi trường/kinh tế -xã hội

2-2-3. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-5. Tăng cường năng lực vận hành Hệ theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-6. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP ở mỗi tỉnh.

Hợp phần 3 (Hợp phần đa dạng sinh học)

<Tại tỉnh Lâm Đồng>

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).

3-1-1. Hình thành Cơ cấu quản lý Khu dự trữ sinh quyển (BR) hoặc Diễn đàn Quản lý hợp tác (CM) cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang bằng một văn bản pháp lý, có tham vấn với các thành viên liên quan của cơ cấu/diễn đàn.

3-1-2. Hỗ trợ Cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển hoặc Diễn đàn CM xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và giám sát định kỳ việc thực hiện kế hoạch quản lý này.

3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn cho các chủ rừng và Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh lân cận.

3-1-4. Xây dựng lộ trình (gồm có đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1. Xây dựng các kế hoạch/chiến lược cho các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), và marketing các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế.

3-2-2. Rà soát và cải thiện/nâng cấp CMA có các BSM và tiến hành thử nghiệm ở các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm, trong đó có giám sát và đánh giá kết quả.

3-2-3. Tổ chức các lớp tập huấn về CMA cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý giới thiệu CMA có các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1. Thu thập và xác định số liệu cơ sở về rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-2. Định kỳ theo dõi hiện trạng rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-3. Sử dụng số liệu theo dõi rừng và giám sát đa dạng sinh học để quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và để xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu.

3-3-4. Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.

4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.

4-3. Công bố các kết quả của Dự án

--	--	--

[Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
 Thời hạn Dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Bản số 2
Ngày 01/01/2017

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội phê chuẩn).</p> <p>2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao.</p>	<p>1. Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi</p> <p>2. Hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>		
<p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật của trung ương để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		
<p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp vào quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học</p>	<p>4. Các báo cáo liên quan đến đa dạng sinh học được trình chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ban thư ký Ramsar, Ban thư ký CBD và các tổ chức khác</p>			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng 1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan. 1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp. 1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới. 1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013). 1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống. 1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có. 1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng. 1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u> <u>Chuyên gia</u> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <u>Thiết bị và máy móc</u> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <u>Đào tạo</u> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <u>Chi phí vận hành DA</u> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác </p>	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u> <u>Cán bộ DA</u> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Trưởng Hợp phần 1 • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <u>Chi phí vận hành DA</u> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. </p>	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).

1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Trợ giúp thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích hiện trạng đầu tư tư nhân trong ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và biện pháp cần thiết để xúc tiến đầu tư tư nhân vào ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp chứng minh các hoạt động đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NRDS

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn và khảo sát/nghiên cứu để xúc tiến việc tổng hợp số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Định kỳ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]**Ma trận Thiết kế Dự án**

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Bản số 2

Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) và Sở NN&PTNT bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Ngày 01/01/2017

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ và nhân viên làm việc tại các tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
<u>Mục tiêu chung</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			

<p>Mục tiêu của Hợp phần</p> <p>Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</p>	<p>1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p>	<p>1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.</p>		
<p>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên)</p> <p>Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</p> <p>Ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình xây dựng xong KHHĐ REDD+ dựa vào kết quả của việc thực hiện các hoạt động thí điểm cũng như từ việc chuyển giao/chia sẻ kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.</p>		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiền đề
<p>[tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước • Sẽ được quyết định theo 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p><u>Cơ sở tiện ích và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.

2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.

2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.

2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR khi cần thiết.

2-1-4-6 Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

s

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại các xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm.

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.

2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.

2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế.

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản.

2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.

2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống

2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung của mục 2-2-5-3.

2-2-5-5. Điều chỉnh các hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh khi cần thiết.

2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)****Tên Dự án:** Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)**Bản số 2****Cơ quan thực thi:** Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BĐNNT-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng**Ngày 01/01/2017****Cơ quan phối hợp:** Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác**Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:** Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt**Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:** Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa**Hiện trường dự án:** Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà**Thời gian thực thi dự án:** 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu cụ thể của Dự án</u> Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Mục tiêu của Hợp phần

Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

<p>1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang.</p> <p>2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan.</p> <p>5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.</p>	
<p>3-1-1 Tất cả các các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.</p> <p>3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.</p> <p>3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx2 % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p>	

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

<p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx2 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx2 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNBPN-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Công văn trình</p>	<p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>		
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNBPN được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>			

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phôtô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>tại tỉnh Lâm Đồng</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.

3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

- Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý)
- Điều tra cơ bản đa dạng sinh học
- Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học
- Giám sát đa dạng sinh học (Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua
- Chi phí thuê các chuyên gia trong nước
- Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết.

- Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.
- Các chi phí cần thiết khác.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP lên Tổng cục Lâm nghiệp và lưu trữ số liệu này vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

[Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Bản số 2

Ngày 01/01/2017

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<p>Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.</p>	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<p>Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.</p>	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<p>Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp, chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 với các cơ quan có liên quan cấp quốc gia hoặc quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.</p> <p>Đầu ra 4-2</p>	1. Dữ liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập bởi Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) được sử dụng cho việc thống kê chính thức độ che phủ rừng.	Quyết định của Bộ Nông nghiệp về độ che phủ rừng	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.	2. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện của Dự án được các dự án/chương trình khác sử dụng.	Báo cáo của các dự án/chương trình khác			
Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của dự án			

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án để kết nối và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Trưởng Hợp phần 4 • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bù đắp ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt</p>
<p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p>			

<p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>		<ul style="list-style-type: none">• Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc.• Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu• Các chi phí cần thiết khác	
---	--	--	--

[Bản tóm tắt tổng hợp]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và các cơ quan liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi, các cơ quan phối hợp thực hiện và các bên tham gia chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường dự án: Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác
 Thời gian dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Bản số 3**Ngày 01/04/2018**

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại nhiều lợi ích cho người dân.	Đạt được mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Báo cáo của Bộ NN và PTNT			

<p>Mục tiêu của Dự án</p> <p>Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững</p>	<p>1. Chính sách và khuôn khổ pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi dự án cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ Việt Nam phê duyệt.</p> <p>2. Đạt được mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP).</p> <p>3. Có lộ trình quản lý rừng và đa dạng sinh học bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang để tiếp tục mở rộng, cùng với việc nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM).</p> <p>4. Các kết quả và số liệu do dự án thu thập được chia sẻ và được sử dụng bởi Bộ NN&PTNT và các cơ quan liên quan khác, trong đó có Bộ TN&MT để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học.</p>	<p>1. Các văn bản pháp lý và chính sách đã được phê duyệt (Công báo)</p> <p>2. Báo cáo của Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO)</p> <p>3. Các quyết định của tỉnh</p> <p>4. Các báo cáo hàng năm, FORMIS và NBDS</p>			
---	--	--	--	--	--

Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**Mục tiêu của Hợp phần**

Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.

Đầu ra 1-1

Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.

Đầu ra 1-2

Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

Đầu ra 1-3

Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**Mục tiêu của Hợp phần**

Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên tiếp tục được nâng cao

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng dựa vào việc chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

Tham khảo ma trận thiết kế dự án (PDM) chi tiết cho Hợp phần 2

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)**Mục tiêu của Hợp phần**

Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

Đầu ra 3-2

Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-3

Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

<p>Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)</p> <p>Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan và các bên liên quan chủ chốt khác ở cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng có được thông qua việc thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.</p> <p>Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.</p>	Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4	Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4			
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--	--

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng • Cố vấn kỹ thuật về REDD+ • Điều phối viên hành chính • Nhóm các chuyên gia cho Hợp phần 2 & 3 • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo PDM chi tiết cho từng Hợp phần 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Các cán bộ dự án</p> <p>> MARD</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án (Giám đốc dự án, phó giám đốc dự án và Điều phối viên dự án) • Trưởng 4 hợp phần • Các cán bộ đối tác <p>> MONRE</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác <p>> Các tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 2 & 3 <p>Văn phòng làm việc và cơ sở vật chất (BA NN&PTNT 5 tỉnh)</p>	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt</p>

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, nếu cần thiết.

1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.

Tập huấn

- Tập huấn tại Nhật Bản
- Tập huấn tại Việt Nam
- Tập huấn tại nước thứ ba

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước.
- Các chi phí cần thiết khác

(Dự án và 5 tỉnh)

Chi phí vận hành dự án

(MARD, MONRE, 5 tỉnh)

- Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...)
- Chi phí cần thiết cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc.
- Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu
- Các chi phí cần thiết cho việc thực thi dự án

Chi phí của Việt Nam.

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**[Tại tỉnh Điện Biên]**

2-1-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

2-1-2. Điều chỉnh Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-6. Giám sát tiến độ, kết quả các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và hỗ trợ kỹ thuật khi

2-1-7. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại mỗi tỉnh.

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên-môi trường/kinh tế -xã hội

2-2-3. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-5. Tăng cường năng lực vận hành Hệ theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-6. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP ở mỗi tỉnh.

bởi các cán bộ đối tác

• Các chi phí cần thiết khác

Hợp phần 3 (Hợp phần đa dạng sinh học)

<Tại tỉnh Lâm Đồng>

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).

3-1-1. Hình thành Cơ cấu quản lý Khu dự trữ sinh quyển (BR) hoặc Diễn đàn Quản lý hợp tác (CM) cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang bằng một văn bản pháp lý, có tham vấn với các thành viên liên quan của cơ cấu/diễn đàn.

3-1-2. Hỗ trợ Cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển hoặc Diễn đàn CM xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và giám sát định kỳ việc thực hiện kế hoạch quản lý này.

3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn cho các chủ rừng và Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh lân cận.

3-1-4. Xây dựng lộ trình (gồm có đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1. Xây dựng các kế hoạch/chiến lược cho các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), và marketing các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế.

3-2-2. Rà soát và cải thiện/nâng cấp CMA có các BSM và tiến hành thử nghiệm ở các thôn/buôn mục tiêu/thứ điểm, trong đó có giám sát và đánh giá kết quả.

3-2-3. Tổ chức các lớp tập huấn về CMA cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý giới thiệu CMA có các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1. Thu thập và xác định số liệu cơ sở về rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-2. Định kỳ theo dõi hiện trạng rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-3. Sử dụng số liệu theo dõi rừng và giám sát đa dạng sinh học để quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và để xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu.

3-3-4. Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.

4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.

4-3. Công bố các kết quả của Dự án

[Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Bản số 3
Ngày 01/04/2018

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 1-1</u> Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội phê chuẩn).</p>	<p>1. Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-2</u> Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao.</p> <p>3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p>	<p>2. Hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao</p> <p>3. Văn bản qui phạm pháp luật của trung ương để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-3</u> Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp vào quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học</p>	<p>4. Các báo cáo liên quan đến đa dạng sinh học được trình chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ban thư ký Ramsar, Ban thư ký CBD và các tổ chức khác</p>			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Hỗ trợ phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Hỗ trợ tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật có liên quan.</p> <p>1-1-1-4 Hỗ trợ hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Hỗ trợ phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Trưởng Hợp phần 1 • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).

1-1-2-2-1 Hỗ trợ phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Hỗ trợ phân tích hiện trạng đầu tư tư nhân trong ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Hỗ trợ xác định chính sách và biện pháp cần thiết để xúc tiến đầu tư tư nhân vào ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Hỗ trợ chứng minh các hoạt động đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Hỗ trợ phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Hỗ trợ giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Hỗ trợ đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh để thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/ FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Hỗ trợ xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.**1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.**

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Hỗ trợ kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo tập huấn và khảo sát/nghiên cứu để xúc tiến việc tổng hợp số liệu vào NBDS.

1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Định kỳ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-3-2 Hỗ trợ xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]**Ma trận Thiết kế Dự án**

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Bản số 3

Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) và Sở NN&PTNT bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình **Ngày 01/04/2018**

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ và nhân viên làm việc tại các tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
<u>Mục tiêu chung</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			

<p>Mục tiêu của Hợp phần</p> <p>Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</p>	<p>1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), diện tích biến động rừng thuần tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với diện tích biến động rừng thuần bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được quy hoạch khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p>	<p>1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.</p>		
---	---	-------------------------------	--	--	--

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>[tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-4 Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm mới</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p><u>Thiết bị máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p><u>Trang thiết bị và cơ sở làm việc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

- 2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm mới
- 2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm
- 2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên
- 2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).
- 2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK
- 2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.
- 2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.
- 2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.
- 2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.
- 2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.**
- 2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW
- 2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh
- 2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...)

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam)
- Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước
- Sẽ được quyết định theo phát sinh thực tế trong suốt thời gian thực hiện dự án

các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc.

Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng

- Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác
- Các chi phí cần thiết khác

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR khi cần thiết.

2-1-4-6 Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại các xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm.

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.

2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

<p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế.</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản.</p> <p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung của mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh các hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh khi cần thiết.</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
---	--	--	--

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)****Tên Dự án:** Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)**Bản số 3****Cơ quan thực thi:** Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng**Ngày 01/04/2018****Cơ quan phối hợp:** Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác**Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:** Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt**Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:** Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước**Hiện trường dự án:** Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà**Thời gian thực thi dự án:** 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	<ol style="list-style-type: none"> Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang Các văn bản khuyến nghị chính sách từ kết quả hoạt động thử nghiệm CMA tại các thôn mục tiêu được BQL khu DTSQ thông qua và xem xét mở rộng Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt. 	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Nộp tờ trình cho BQL khu DTSQ có các văn kiện khuyến nghị chính sách</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.		

<p><u>Đầu ra 3-1</u> Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.</p> <p>3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.</p> <p>3-1-3 Trên (ít nhất là) 80% các cơ quan ban ngành cấp tỉnh có liên quan trong kế hoạch quản lý tham gia thực hiện và giám sát hoạt động theo như kế hoạch đã được thông qua.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Phỏng vấn đánh giá</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>		
--	--	---	--	--	--

Đầu ra 3-2					
<p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNBPN-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản khuyến nghị chính sách về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Công văn trình BQL khu DTSQ về khuyến nghị chính sách.</p>			
Đầu ra 3-3					
<p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNBPN được chia sẻ với MARD và lưu trữ các dữ liệu thu thập được trong thời gian dự án trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>			

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>tại tỉnh Lâm Đồng</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng

<p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.</p> <p>3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.</p> <p>3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.</p> <p>3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).</p> <p>3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.</p> <p>3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-</p>	<p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (đề chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	
--	---	--	--

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP lên Tổng cục Lâm nghiệp và lưu trữ số liệu này vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

[Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)****Tên Dự án:** Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)**Cơ quan thực thi:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**Cơ quan phối hợp:** Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác**Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:** Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác**Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:** Cả nước Việt Nam**Hiện trường Dự án:** Quốc gia và vùng các liên quan**Thời hạn thực thi Dự án:** 2015 – 2020 (5 năm)**Bản số 3****Ngày 01/04/2018**

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục đích của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			

<p>Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp, chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 với các cơ quan có liên quan cấp quốc gia hoặc quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.</p> <p>Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.</p>	<p>1. Dữ liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập bởi Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) được sử dụng cho việc thống kê chính thức độ che phủ rừng.</p> <p>2. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện của Dự án được các dự án/chương trình khác sử dụng.</p> <p>3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.</p>	<p>Quyết định của Bộ Nông nghiệp về độ che phủ rừng</p> <p>Báo cáo của các dự án/chương trình khác</p> <p>Báo cáo của dự án</p>	<p>1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.</p>		
---	--	---	--	--	--

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.</p> <p>4-1-1 Hỗ trợ xác định dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án để kết nối và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Hỗ trợ liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Hỗ trợ chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Trưởng Hợp phần 4 • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bồi dưỡng ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

[Bản tóm tắt tổng hợp]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án:	Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Bản số 4
Cơ quan thực thi:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)	Ngày 17/12/2019
Cơ quan cộng tác:	Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và các cơ quan liên quan khác	
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:	Các cán bộ của Cơ quan thực thi, các cơ quan phối hợp thực hiện và các bên tham gia chủ chốt	
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:	Cả nước Việt Nam	
Hiện trường dự án:	Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác	
Thời gian dự án:	2015 - 2020 (5 năm)	

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại nhiều lợi ích cho người dân.	Đạt được mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Báo cáo của Bộ NN và PTNT			
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chính sách và khuôn khổ pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi dự án cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ Việt Nam phê duyệt. 2. Đạt được mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP). 3. Có lộ trình quản lý rừng và đa dạng sinh học bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang để tiếp tục mở rộng, cùng với việc nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM). 4. Các kết quả và số liệu do dự án thu thập được chia sẻ và được sử dụng bởi Bộ NN&PTNT và các cơ quan liên quan khác, trong đó có Bộ TN&MT để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các văn bản pháp lý và chính sách đã được phê duyệt (Công báo) 2. Báo cáo của Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO) 3. Các quyết định của tỉnh 4. Các báo cáo hàng năm, FORMIS và NBDS 			

Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**Mục tiêu của Hợp phần**

Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.

Đầu ra 1-1

Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.

Đầu ra 1-2

Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

Đầu ra 1-3

Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**Mục tiêu của Hợp phần**

Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên tiếp tục được nâng cao

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng dựa vào việc chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo ma trận thiết kế dự án (PDM) chi tiết cho Hợp phần 2

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

<p>Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)</p> <p>Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p> <p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p> <p>Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)</p> <p>Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan và các bên liên quan chủ chốt khác ở cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng có được thông qua việc thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.</p> <p>Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p> <p>Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.</p>	<p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4</p>	<p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3</p> <p>Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4</p>			
--	---	---	--	--	--

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiền đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p> <p>1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/FCPF và các nhà tài trợ khác.</p> <p>1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, nếu cần thiết.</p> <p>1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.</p> <p>1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.</p> <p>1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.</p> <p>1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng • Cố vấn kỹ thuật về REDD+ • Điều phối viên hành chính • Nhóm các chuyên gia cho Hợp phần 2 & 3 • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo PDM chi tiết cho từng Hợp phần <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại Việt Nam • Tập huấn tại nước thứ ba <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước. • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <p>> MARD</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án (Giám đốc dự án, phó giám đốc dự án và Điều phối viên dự án) • Trưởng 4 hợp phần • Các cán bộ đối tác <p>> MONRE</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác <p>> Các tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 2 & 3 <p><u>Văn phòng làm việc và cơ sở vật chất</u> (Bộ NN&PTNT, 5 tỉnh)</p> <p><u>Chi phí vận hành dự án</u> (MARD, MONRE, 5 tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...) • Chi phí cần thiết cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết cho việc thực thi dự án 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**[Tại tỉnh Điện Biên]**

2-1-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

2-1-2. Điều chỉnh Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-6. Giám sát tiến độ, kết quả các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và hỗ trợ kỹ thuật khi

2-1-7. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại mỗi tỉnh.

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên-môi trường/kinh tế -xã hội

2-2-3. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-5. Tăng cường năng lực vận hành Hệ theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-6. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP ở mỗi tỉnh.

bởi các cán bộ đối tác

• Các chi phí cần thiết khác

Hợp phần 3 (Hợp phần đa dạng sinh học)**<Tại tỉnh Lâm Đồng>****3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).**

3-1-1. Hình thành Cơ cấu quản lý Khu dự trữ sinh quyển (BR) hoặc Diễn đàn Quản lý hợp tác (CM) cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang bằng một văn bản pháp lý, có tham vấn với các thành viên liên quan của cơ cấu/diễn đàn.

3-1-2. Hỗ trợ Cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển hoặc Diễn đàn CM xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và giám sát định kỳ việc thực hiện kế hoạch quản lý này.

3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn cho các chủ rừng và Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh lân cận.

3-1-4. Xây dựng lộ trình (gồm có đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1. Xây dựng các kế hoạch/chiến lược cho các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), và marketing các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế.

3-2-2. Rà soát và cải thiện/nâng cấp CMA có các BSM và tiến hành thử nghiệm ở các thôn/buôn mục tiêu/thứ điểm, trong đó có giám sát và đánh giá kết quả.

3-2-3. Tổ chức các lớp tập huấn về CMA cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý giới thiệu CMA có các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1. Thu thập và xác định số liệu cơ sở về rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-2. Định kỳ theo dõi hiện trạng rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-3. Sử dụng số liệu theo dõi rừng và giám sát đa dạng sinh học để quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và để xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu.

3-3-4. Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.

4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.

4-3. Công bố các kết quả của Dự án

[Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Bản số 4
Ngày 17/12/2019

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 1-1</u> Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội phê chuẩn).</p> <p>2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao.</p>	<p>1. Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi</p> <p>2. Hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-2</u> Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật của trung ương để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-3</u> Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp vào quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học</p>	<p>4. Các báo cáo liên quan đến đa dạng sinh học được trình chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ban thư ký Ramsar, Ban thư ký CBD và các tổ chức khác</p>			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Hỗ trợ phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Hỗ trợ tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật có liên quan.</p> <p>1-1-1-4 Hỗ trợ hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Hỗ trợ phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Trưởng Hợp phần 1 • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-2-1 Hỗ trợ phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Hỗ trợ phân tích hiện trạng đầu tư tư nhân trong ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Hỗ trợ xác định chính sách và biện pháp cần thiết để xúc tiến đầu tư tư nhân vào ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Hỗ trợ chứng minh các hoạt động đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Hỗ trợ phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Hỗ trợ giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Hỗ trợ đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh để thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/ FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Hỗ trợ xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Hỗ trợ kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo tập huấn và khảo sát/nghiên cứu để xúc tiến việc tổng hợp số liệu vào NBDS.

1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Định kỳ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-3-2 Hỗ trợ xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]**Ma trận Thiết kế Dự án**

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Bản số 4

Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) và Sở NN&PTNT bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình **Ngày 17/12/2019**

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ và nhân viên làm việc tại các tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
<u>Mục tiêu chung</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được quy hoạch khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.		

<p>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) Ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình xây dựng xong KHHĐ REDD+ dựa vào kết quả của việc thực hiện các hoạt động thí điểm cũng như từ việc chuyển giao/chia sẻ kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+</p>		
--	--	--	---	--	--

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>[tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p><u>Thiết bị máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước • Sẽ được quyết định theo phát sinh thực tế trong suốt thời gian thực hiện dự án 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p><u>Trang thiết bị và cơ sở làm việc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. <p>Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.

2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.

2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR khi cần thiết.

2-1-4-6 Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại các xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm.

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.

2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.

2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế.

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản.

2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.

2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống

2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung của mục 2-2-5-3.

2-2-5-5. Điều chỉnh các hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh khi cần thiết.

2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.

--	--	--

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)****Phiên bản số 4****Ngày 17/12/2019**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu cụ thể của Dự án</u> Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u>			1. Không có những		

<ol style="list-style-type: none"> 1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. 2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang 3. Các văn bản chính sách về thử nghiệm CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) tại các thôn mục tiêu được BQL khu DTSQ thông qua có cân nhắc đến mở rộng. 4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. 	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Trình văn bản cho BQL khu DTSQ với các văn bản chính sách</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.</p>
---	---	--

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.

3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

3-1-3 Ít nhất 80% các tổ chức, ban ngành trong tỉnh có tên trong KHQL triển khai và giám sát các hoạt động theo như kế hoạch đã được duyệt

Biên bản của các cuộc họp tham vấn

Quyết định của UBND tỉnh

Phòng cần khảo sát

1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.

2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.

3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.

<p>Đầu ra 3-2</p> <p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Trình công văn về chính sách cho BQL khu DTSQ</p>			
<p>Đầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD và lưu trữ dữ liệu thu thập trong quá trình thực hiện dự án vào NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>			

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <p><Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3></p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSS) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p>	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>tại tỉnh Lâm Đồng</u> <u>Các cán bộ dự án</u> > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB)</u> • <u>Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB)</u> • <u>Các cán bộ của BNBPN-MB</u> • <u>Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban)</u> • <u>DARD (Cán bộ)</u> • <u>Sở TNMT (Cán bộ)</u> • <u>DOST (Cán bộ)</u> • <u>DOCST (Cán bộ)</u> • <u>UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên)</u> <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng)</u> • <u>Các cơ sở vật chất và thiết bị khác</u> • <u>Ôtô (2 chiếc)</u> <p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện</u> • <u>Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án.</u> • <u>Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.</u> 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua
- Chi phí thuê các chuyên gia trong nước
- Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết.

• Các chi phí cần thiết khác.

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án IICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của Sở TNMT.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

[Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)****Tên Dự án:** Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)**Cơ quan thực thi:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**Cơ quan phối hợp:** Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác**Đối tượng hưởng lợi trực tiếp:** Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác**Đối tượng hưởng lợi gián tiếp:** Cả nước Việt Nam**Hiện trường Dự án:** Quốc gia và vùng các liên quan**Thời hạn thực thi Dự án:** 2015 – 2020 (5 năm)**Bản số 4****Ngày 17/12/2019**

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp, chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 với các cơ quan có liên quan cấp quốc gia hoặc quốc tế. Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS. Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế. Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.	1. Dữ liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập bởi Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) được sử dụng cho việc thống kê chính thức độ che phủ rừng. 2. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện của Dự án được các dự án/chương trình khác sử dụng. 3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Quyết định của Bộ Nông nghiệp về độ che phủ rừng Báo cáo của các dự án/chương trình khác Báo cáo của dự án	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.</p> <p>4-1-1 Hỗ trợ xác định dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án để kết nối và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Hỗ trợ liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Hỗ trợ chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Trưởng Hợp phần 4 • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bù đắp ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

[Bản tóm tắt tổng hợp]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD)
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) và các cơ quan liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi, các cơ quan phối hợp thực hiện và các bên tham gia chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường dự án: Hà Nội, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình và Lâm Đồng và các vùng có liên quan khác
Thời gian thực hiện dự án: 17/8/2015 - 31/1/2021

Bản số 5**Ngày 29/07/2020**

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại nhiều lợi ích cho người dân.	Đạt được mục tiêu của Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng	Báo cáo của Bộ NN và PTNT			
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chính sách và khuôn khổ pháp lý được xây dựng/nâng cấp bởi dự án cho việc quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được Chính phủ Việt Nam phê duyệt. 2. Đạt được mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP). 3. Có lộ trình quản lý rừng và đa dạng sinh học bền vững của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang để tiếp tục mở rộng, cùng với việc nâng cấp thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM). 4. Các kết quả và số liệu do dự án thu thập được chia sẻ và được sử dụng bởi Bộ NN&PTNT và các cơ quan liên quan khác, trong đó có Bộ TN&MT để tăng cường quản lý bền vững rừng và đa dạng sinh học. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các văn bản pháp lý và chính sách đã được phê duyệt (Công báo) 2. Báo cáo của Văn phòng REDD+ Việt Nam (VRO) 3. Các quyết định của tỉnh 4. Các báo cáo hàng năm, FORMIS và NBDS 			

Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**Mục tiêu của Hợp phần**

Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.

Đầu ra 1-1

Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.

Đầu ra 1-2

Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

Đầu ra 1-3

Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**Mục tiêu của Hợp phần**

Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên tiếp tục được nâng cao

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng dựa vào việc chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 1

Tham khảo ma trận thiết kế dự án (PDM) chi tiết cho Hợp phần 2

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 2

Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)**Mục tiêu của Hợp phần**

Hệ thống quản lý hệ sinh thái và tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

Đầu ra 3-2

Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

Đầu ra 3-3

Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)**Mục tiêu của Hợp phần**

Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan và các bên liên quan chủ chốt khác ở cấp quốc gia và quốc tế.

Đầu ra 4-1

Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng có được thông qua việc thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS.

Đầu ra 4-2

Các thành tựu và bài học của Dự án được chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.

Đầu ra 4-3

Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 3

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4

Tham khảo PDM chi tiết cho Hợp phần 4

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiền đề
<p>Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)</p> <p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p> <p>1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/FCPF và các nhà tài trợ khác.</p> <p>1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, nếu cần thiết.</p> <p>1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.</p> <p>1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.</p> <p>1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.</p> <p>1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Cố vấn trưởng • Cố vấn kỹ thuật về REDD+ • Điều phối viên hành chính • Nhóm các chuyên gia cho Hợp phần 2 & 3 • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tham khảo PDM chi tiết cho từng Hợp phần <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại Việt Nam • Tập huấn tại nước thứ ba <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước. • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <p>> MARD</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án (Giám đốc dự án, phó giám đốc dự án và Điều phối viên dự án) • Trưởng 4 hợp phần • Các cán bộ đối tác <p>> MONRE</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cán bộ đối tác <p>> Các tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 2 & 3 <p><u>Văn phòng làm việc và cơ sở vật chất</u> (Bộ NN&PTNT, 5 tỉnh)</p> <p><u>Chi phí vận hành dự án</u> (MARD, MONRE, 5 tỉnh)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...) • Chi phí cần thiết cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết cho việc thực thi dự án 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+)**[Tại tỉnh Điện Biên]**

2-1-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

2-1-2. Điều chỉnh Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-3. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-6. Giám sát tiến độ, kết quả các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và hỗ trợ kỹ thuật khi

2-1-7. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại mỗi tỉnh.

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên-môi trường/kinh tế -xã hội

2-2-3. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-5. Tăng cường năng lực vận hành Hệ theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại mỗi tỉnh.

2-2-6. Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác đã chỉ rõ trong PRAP ở mỗi tỉnh.

bởi các cán bộ đối tác

• Các chi phí cần thiết khác

Hợp phần 3 (Hợp phần đa dạng sinh học)**<Tại tỉnh Lâm Đồng>****3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).**

3-1-1. Hình thành Cơ cấu quản lý Khu dự trữ sinh quyển (BR) hoặc Diễn đàn Quản lý hợp tác (CM) cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang bằng một văn bản pháp lý, có tham vấn với các thành viên liên quan của cơ cấu/diễn đàn.

3-1-2. Hỗ trợ Cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển hoặc Diễn đàn CM xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và giám sát định kỳ việc thực hiện kế hoạch quản lý này.

3-1-3. Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin và các lớp tập huấn cho các chủ rừng và Sở Nông nghiệp và PTNT ở các tỉnh lân cận.

3-1-4. Xây dựng lộ trình (gồm có đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1. Xây dựng các kế hoạch/chiến lược cho các phương án sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), và marketing các sản phẩm địa phương để cải thiện sinh kế.

3-2-2. Rà soát và cải thiện/nâng cấp CMA có các BSM và tiến hành thử nghiệm ở các thôn/buôn mục tiêu/thứ điểm, trong đó có giám sát và đánh giá kết quả.

3-2-3. Tổ chức các lớp tập huấn về CMA cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

3-2-4. Dự thảo văn bản pháp lý giới thiệu CMA có các BSM ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1. Thu thập và xác định số liệu cơ sở về rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-2. Định kỳ theo dõi hiện trạng rừng và đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm.

3-3-3. Sử dụng số liệu theo dõi rừng và giám sát đa dạng sinh học để quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang và để xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu.

3-3-4. Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của các tổ chức liên quan và chỉnh sửa các hướng dẫn/cẩm nang hiện có.

Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.

4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.

4-3. Công bố các kết quả của Dự án

[Bản chi tiết Hợp phần 1 (Hợp phần hỗ trợ chính sách)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)**

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
 Thời hạn thực hiện Dự án: 17/8/2015 – 31/1/2021

Bản số 5
Ngày 29/07/2020

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PD			
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 1-1</u> Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Hoàn chỉnh bản dự thảo sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng (và trình Quốc hội phê chuẩn).</p> <p>2. Ban hành hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao.</p>	<p>1. Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi</p> <p>2. Hướng dẫn/văn bản qui phạm pháp luật về chất lượng giống/sản xuất và cung ứng cây con, và sản xuất gỗ có chất lượng cao</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-2</u> Việc sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia (NBDS) được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật được trung ương ban hành để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p>	<p>3. Văn bản qui phạm pháp luật của trung ương để chuẩn hóa Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>		
<p><u>Đầu ra 1-3</u> Các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 được tổng hợp vào quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>4. NBDS được sử dụng để chuẩn bị báo cáo quốc gia/quốc tế liên quan đến đa dạng sinh học</p>	<p>4. Các báo cáo liên quan đến đa dạng sinh học được trình chính phủ và các tổ chức quốc tế như Ban thư ký Ramsar, Ban thư ký CBD và các tổ chức khác</p>			

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>1-1-1 Hỗ trợ đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Hỗ trợ phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Hỗ trợ tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật có liên quan.</p> <p>1-1-1-4 Hỗ trợ hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Hỗ trợ thực hiện Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Hỗ trợ phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA) • Trưởng Hợp phần 1 • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-2-1 Hỗ trợ phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Hỗ trợ xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Hỗ trợ thu hút và xúc tiến đầu tư tư nhân cho ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Hỗ trợ phân tích hiện trạng đầu tư tư nhân trong ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Hỗ trợ xác định chính sách và biện pháp cần thiết để xúc tiến đầu tư tư nhân vào ngành lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Hỗ trợ chứng minh các hoạt động đầu tư tư nhân thành công trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1-1-3 Hỗ trợ biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Hỗ trợ thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Hỗ trợ phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Hỗ trợ giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Hỗ trợ đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh để thí điểm chi trả dựa trên kết quả thực hiện REDD+

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm mục tiêu của Quỹ Carbon/ FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Hỗ trợ xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ xây dựng và thực hiện các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Hỗ trợ vận hành Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học.

1-2-1 Hỗ trợ Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Hỗ trợ kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Hỗ trợ các tỉnh và tổ chức liên quan tổng hợp số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo tập huấn và khảo sát/nghiên cứu để xúc tiến việc tổng hợp số liệu vào NBDS.

1-3 Hỗ trợ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 vào quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Định kỳ tổng hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-3-2 Hỗ trợ xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]**Ma trận Thiết kế Dự án**

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Bản số 5

Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) và Sở NN&PTNT bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình **Ngày 29/07/2020**

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ và nhân viên làm việc tại các tổ chức, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 17/8/2015 – 31/1/2021

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
<u>Mục tiêu chung</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của dự án</u> Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được quy hoạch khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>[tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa vào bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm mới</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu thực hiện các hoạt động REDD+ đối với các xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thành kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p><u>Thiết bị máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p><u>Tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước • Sẽ được quyết định theo phát sinh thực tế trong suốt thời gian thực hiện dự án 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p><u>Trang thiết bị và cơ sở làm việc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. <p>Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.

2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản bởi các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm.

2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR khi cần thiết.

2-1-4-6 Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện giám sát theo mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin phản hồi về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác sự hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ chung cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện theo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại các xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản tại xã thí điểm.

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.

2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.

2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện các kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế.

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản.

2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung của mục 2-2-4-9.

2-2-4-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.

2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống

2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung của mục 2-2-5-3.

2-2-5-5. Điều chỉnh các hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh khi cần thiết.

2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]**Ma trận thiết kế dự án (PDM)****Bản số 5****Ngày 29/07/2020**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực hiện dự án: 17/8/2015 - 31/1/2021

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			

Mục tiêu của Hợp phần

<p>1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang.</p> <p>2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang</p> <p>3. Các văn bản chính sách về thử nghiệm CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) tại các thôn mục tiêu được BQL khu DTSQ thông qua có cân nhắc đến mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan.</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Trình văn bản cho BQL khu DTSQ với các văn bản chính sách</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.</p>		
--	---	--	--	--

Đầu ra 3-1

Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.

3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.

3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.

3-1-3 Ít nhất 80% các tổ chức, ban ngành trong tỉnh có tên trong KHQL triển khai và giám sát các hoạt động theo như kế hoạch đã được duyệt

Biên bản của các cuộc họp tham vấn

Quyết định của UBND tỉnh

Phòng cần khảo sát

1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.

2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.

3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.

<p>Đầu ra 3-2</p> <p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Trình công văn về chính sách cho BQL khu DTSQ</p>			
<p>Đầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD và lưu trữ dữ liệu thu thập trong quá trình thực hiện dự án vào NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>			

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <p><Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3></p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSS) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p>	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>tại tỉnh Lâm Đồng</u> <u>Các cán bộ dự án</u> > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBNP-MB)</u> • <u>Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBNP-MB)</u> • <u>Các cán bộ của BNBNP-MB</u> • <u>Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban)</u> • <u>DARD (Cán bộ)</u> • <u>Sở TNMT (Cán bộ)</u> • <u>DOST (Cán bộ)</u> • <u>DOCST (Cán bộ)</u> • <u>UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên)</u> <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng)</u> • <u>Các cơ sở vật chất và thiết bị khác</u> • <u>Ô tô (2 chiếc)</u> <p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện</u> • <u>Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án.</u> • <u>Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.</u> 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua
- Chi phí thuê các chuyên gia trong nước
- Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết.

• Các chi phí cần thiết khác.

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án IICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của Sở TNMT.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

[Bản chi tiết, Hợp phần 4 (Hợp phần chia sẻ kiến thức)]**Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)**Tên Dự án: **Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)****Bản số 5**Cơ quan thực thi: **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn****Ngày 29/07/2020**Cơ quan phối hợp: **Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác**Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: **Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác**Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: **Cả nước Việt Nam**Hiện trường Dự án: **Quốc gia và vùng các liên quan**Thời hạn thực hiện Dự án: **17/8/2015 - 31/1/2021**

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp, chia sẻ kiến thức và bài học kinh nghiệm từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 với các cơ quan có liên quan cấp quốc gia hoặc quốc tế. Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án được tích hợp vào FORMIS. Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế. Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố rộng rãi.	1. Dữ liệu/thông tin về tài nguyên rừng được thu thập bởi Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) được sử dụng cho việc thống kê chính thức độ che phủ rừng. 2. Cách tiếp cận và phương pháp thực hiện của Dự án được các dự án/chương trình khác sử dụng. 3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Quyết định của Bộ Nông nghiệp về độ che phủ rừng Báo cáo của các dự án/chương trình khác Báo cáo của dự án	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Hỗ trợ kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án vào hệ thống FORMIS.</p> <p>4-1-1 Hỗ trợ xác định dữ liệu và thông tin về tài nguyên rừng thu thập trong quá trình thực hiện Dự án để kết nối và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Hỗ trợ liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Hỗ trợ chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án) • Trưởng Hợp phần 4 • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bù đắp ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý các DALN/TCLN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Phụ lục 4

Bảng giám sát

- Phiên bản 1: 8/2015 – 6/2016
- Phiên bản 2: 7/2016 – 12/2016
- Phiên bản 3: 1/2017 – 6/2017
- Phiên bản 4: 7/2017 – 12/2017
- Phiên bản 5: 1/2018 – 6/2018
- Phiên bản 6: 7/2018 – 12/2018
- Phiên bản 7: 1/2019 – 7/2019
- Phiên bản 8: 7/2019 – 12/2019
- Phiên bản 9: 1/2020 – 6/2020

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 2 (Thời gian: 8/2015-6/2016)

Tên: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 1/7/2016

Bản giám sát này là phiên bản số 2 trong thời gian 6 tháng kể từ khi bắt đầu thực hiện dự án (17/8/2015) đến 30/6/2016. Từ nay trở đi, các bản giám sát sẽ được xây dựng 6 tháng một lần.

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) sang Việt Nam làm việc theo kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã được tuyển dụng.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã sang Việt Nam làm việc theo như kế hoạch.
- Đã ký hợp đồng với 18 cán bộ Việt Nam, bao gồm 3 cán bộ hành chính/thư ký, 1 phiên dịch, 1 cán bộ kỹ thuật về PRAP, 2 cán bộ về hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh và 11 cán bộ liên quan đến các hoạt động thử nghiệm REDD+, trong đó mỗi tỉnh Tây Bắc có 3 cán bộ trừ tỉnh Lai Châu hiện chưa có cán bộ điều phối tại tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã sang Việt Nam làm việc theo như kế hoạch
- 10 cán bộ địa phương bao gồm các chuyên gia về Quản lý hợp tác (CM) và Phát triển sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO) đã ký hợp đồng làm việc.

(Xem chi tiết ở Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Trường ban Quản lý các dự án lâm nghiệp (MBFPs) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) Ông Vũ Xuân Thôn, Dự kiến được giao làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, MBFPs dự kiến được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST) trực thuộc MARD dự kiến sẽ được giao cho một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

của Dự án SNRM.

- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường dự kiến sẽ giao cho một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Do việc phê duyệt dự án của Chính phủ Việt Nam bị chậm nên các Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) ở 4 tỉnh mục tiêu vùng Tây bắc chưa được thành lập và chưa bố trí cán bộ đối tác ở các tỉnh. Tuy nhiên, trong chuyến đi chào xã giao các tỉnh vào tháng 3/2016 thì Ủy ban nhân dân (PPC) các tỉnh đã tạm thời chỉ định cơ quan đầu mối của dự án tại tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Cũng giống như Hợp phần 2, PPUM ở Lâm Đồng cũng chưa được thành lập. Tuy nhiên, các cán bộ đối tác dự kiến của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà (BNBNPMB) như đã ghi trong Biên bản thảo luận (R/D) đã bắt đầu triển khai các hoạt động dự án cùng với các chuyên gia Nhật Bản.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Máy móc và thiết bị cần thiết cho các hoạt động của dự án đã được mua sắm.
(Xem chi tiết ở Phụ lục 2)

1-1-4 Tập huấn

[Hợp phần 1 - 4]

Tập huấn tại Nhật Bản

- Khóa tập huấn về “Chính sách lâm nghiệp và Đa dạng sinh học” đã được tổ chức từ ngày 11-19/4/2016 cho 12 cán bộ cấp cao của Trung ương và địa phương.
- Khóa tập huấn về “Xây dựng năng lực về GBIF” đã được tổ chức từ ngày 13-18/6/2016 với sự hợp tác của Bảo tàng thiên nhiên và khoa học quốc gia cho 4 học viên từ Trung ương và các viện nghiên cứu.

Tập huấn tại nước thứ ba

- Hai học viên đã được cử tham gia khóa tập huấn về “Thay đổi xung đột về rừng trong bối cảnh giảm thiểu biến đổi khí hậu” được Trung tâm Con người và Rừng (RECOFTC) tổ chức từ ngày 11-15/1/2016 tại Bangkok, theo Biên bản ghi nhớ (MoU) giữa JICA và RECOFTC.
- Với mục đích xây dựng năng lực, Dự án SNRM đã hỗ trợ một số cán bộ Việt Nam liên quan tham gia hội nghị quốc tế chẳng hạn như Cuộc họp lần thứ 51 của Hội đồng gỗ nhiệt đới quốc tế (ITTC) tại Kuala Lumpur, Malaysia từ ngày 4-10/12/2015 và Đại hội Khu dự trữ sinh quyển thế giới lần thứ 4 tại Rima, Peru từ ngày 14-17/3/2016.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Với sự hỗ trợ của Dự án SNRM, báo cáo giải trình thay thế Luật bảo vệ và phát triển rừng bằng Luật lâm nghiệp mới đã được VNFOREST chuẩn bị và sau đó gửi Bộ tư pháp.
- Thông qua tham vấn với VNFOREST, hai bên đồng ý rằng Dự án SNRM hỗ trợ chủ yếu cho các lĩnh vực trong xây dựng Luật lâm nghiệp là “Quản lý rừng” và “Bảo vệ rừng”, trong khi đó các nhà tài trợ khác hỗ trợ các lĩnh vực khác chẳng hạn như “Bảo tồn đa dạng sinh học” và “Chế biến và thương mại lâm sản”.
- Năm (05) tư vấn Việt Nam đã được SNRM/VNFOREST tuyển dụng và bắt đầu công việc đánh giá tác động chính sách cho 2 lĩnh vực trên theo TOR.

Sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Ba (03) tư vấn Việt Nam đã được SNRM/VNFOREST tuyển dụng và bắt đầu công việc đánh giá “Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004” và xây dựng “Tiêu chuẩn quốc gia về khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp”.

Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

- Với sự hỗ trợ của Dự án SNRM, Cuốn lâm nghiệp Việt Nam đã được ban hành và Hội thảo kết thúc FSSP đã được tổ chức.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án SNRM đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật để đánh giá tiến trình NRAP do UN-REDD II thực hiện thông qua việc tham gia các hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với nhóm sửa đổi NRAP.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới

- Phân tích biến động rừng và mất rừng, suy thoái rừng và đánh giá nguyên nhân mất rừng đã được thực hiện bởi các tư vấn Việt Nam cho tỉnh Thừa Thiên Huế và các báo cáo cuối cùng đã được hoàn thành vào tháng 11 và 12/2015.
- Tám (08) hội thảo tham vấn và lập kế hoạch cấp tỉnh, huyện và xã đã được tổ chức liên quan đến PRAP cho tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua RECOFTC vào tháng 12/2015.
- Dự thảo PRAP cho tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ được lồng ghép vào Văn kiện giảm phát thải (ERPD) cho FCPF/Quỹ các bon, đã được xây dựng và gửi FCPF vào tháng 2/2016.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Để xúc tiến áp dụng rộng rãi phương pháp PFMS do JICA phát triển, một lộ trình bao gồm các kế hoạch tập huấn giới thiệu phương pháp PFMS tại 11 tỉnh đã được hoàn thiện có sự hợp tác của FCPF, UN-REDD II và Dự án Rừng và Đồng bằng (VFD) là các nhà đồng tài trợ.
- Các hoạt động tích hợp phương pháp PFMS vào FORMIS do Phần Lan hỗ trợ để xây dựng Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng quốc gia (FRMS) đã được khởi xướng, có sự phối hợp với Dự án FORMIS II, bao gồm các công việc kỹ thuật hướng tới tích hợp phần mềm.
- Hội nghị giới thiệu PFMS cho cấp quản lý của các tỉnh bắc Trung bộ và Lâm Đồng (7 tỉnh) đã được Dự án SNRM và FORMIS II đồng tổ chức vào ngày 1/6/2016.
- Đào tạo tiểu giáo viên (ToT) về PFMS đã được tổ chức cho Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (FIPI) từ ngày 8-10/6/2016.
- Tập huấn về PFMS lần thứ nhất (tập huấn tiểu giáo viên) cho tỉnh Thừa Thiên Huế được tổ chức từ ngày 30/6 đến ngày 1/7/2016.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Chương trình chi tiết cho 3 hội thảo tập huấn tăng cường quản lý NBDS đã được xây dựng.
- Hội thảo tập huấn lần thứ nhất với sự tham dự của các cơ quan trung ương, các viện nghiên cứu, các tổ chức phi Chính phủ và các nhà tài trợ đã được tổ chức từ ngày 29-30/6/2016 tại Vườn quốc gia Ba Vì.

[Hợp phần 2]

- Tiến độ của các hoạt động có những điểm nổi bật trong 3 tiểu hợp phần của Hợp phần 2 trong thời gian giám sát này như sau và tiến độ chi tiết của các hoạt động được trình bày trong Bản giám sát II.
- Điều tra kinh tế xã hội và tài nguyên thiên nhiên tại cấp tỉnh đã được thực hiện ở 4 tỉnh Tây bắc bởi Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp (NIAPP) và đã có báo cáo cuối cùng.
- Điều tra về giao đất giao rừng và PFES tại cấp tỉnh đã được thực hiện tại 4 tỉnh Tây Bắc bởi CIFOR và Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam (VAFS) và đã có báo cáo cuối cùng.

Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Như đã thống nhất với MBFPs là việc xây dựng/sửa đổi PRAP và được phê duyệt bởi PPC của các tỉnh mục tiêu có thể bắt đầu vào tháng 7/2016 và hoàn thành trong vòng 1 năm sau đó. Ngoài việc thu thập Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi là FPDP) và số liệu của Dự án tổng điều tra kiểm kê rừng toàn quốc (sau đây gọi là NFI&S) tại 4 tỉnh, một bảng tra cứu thông tin về phân loại rừng cho Chương trình điều tra, theo dõi và đánh giá tài nguyên rừng (NFIMAP) năm 2010 và NFI&S đã được chuẩn bị, và việc kiểm chứng tính khả dụng để phân tích biến động rừng và xác định các vùng ưu tiên cho các hoạt động REDD+ đã được khởi xướng.

Các hoạt động thử nghiệm REDD+

- Theo đề nghị của MBFPs và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD) Điện Biên thực hiện các hoạt động thử nghiệm REDD+ tại tỉnh Điện Biên sớm hơn so với các tỉnh khác, xã Pá Khoang đã được lựa chọn làm điểm thử nghiệm và điều tra kinh tế xã hội chi tiết cấp xã/bản tại Điện Biên đã bắt đầu được thực hiện.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Tập huấn PFMS sử dụng máy tính bảng đã được thực hiện tại tỉnh Điện Biên vào tháng 11/2015.
- Đào tạo tiểu giáo viên về PFMS sử dụng máy tính bảng đã được thực hiện tại tỉnh Điện Biên vào tháng 3/2016.
- 140 máy tính bảng đã được bàn giao cho tỉnh Điện Biên: Chi cục Lâm nghiệp (Sub-FPD) và các Ban quản lý rừng (FMBs) để hỗ trợ việc nhân rộng phương pháp PFMS (tích hợp máy tính bảng) tới tất cả các xã và FMBs có rừng trong tỉnh (nhân rộng ra toàn tỉnh).

[Hợp phần 3]

- Theo Kế hoạch công việc của hợp phần 3 đã được trình bày với các cán bộ đối tác dự kiến của BNBPNMB vào tháng 1/2016, các hoạt động trong tiểu hợp phần 3-2 và 3-3 đã bắt đầu thực hiện theo kế hoạch hoặc vượt kế hoạch, trong khi đó các hoạt động trong tiểu hợp phần 3-1

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát chậm 1 hoặc 2 tháng so với kế hoạch tại thời điểm cuối tháng 5/2016 liên quan đến Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BRMB) chẳng hạn như việc xây dựng kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) do UBND tỉnh Lâm Đồng chậm phê duyệt thành lập LB-BRMB.

- Tiến độ của các hoạt động chính như sau. Tiến độ chi tiết của các hoạt động được trình bày trong Bản giám sát II.

Các hoạt động liên quan đến LB-BRMB (Tiểu hợp phần 3-1)

- Công tác chuẩn bị đấu thầu các gói thầu của các hoạt động liên quan đến LB-BRMB đã được triển khai, ví dụ như hoạt động xây dựng kế hoạch quản lý.
- Các bản đồ chuyên đề về quản lý LB-BR đã được chuẩn bị.

Quản lý hợp tác/Cơ chế chia sẻ lợi ích (sau đây gọi là CM/BSM) (Tiểu hợp phần 3-2)

- Đang thực hiện đánh giá CM/BSM, kết quả của đánh giá này sẽ là cơ sở để nâng cấp CM/BSM.
- Đã bắt đầu tiến hành điều tra kinh tế xã hội, và kết quả của điều tra này sẽ được sử dụng cho hầu hết các hoạt động của mỗi tiểu hợp phần.
- Các phương án tiềm năng của Sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO) về cơ bản đã được xác định, dựa vào một số thử nghiệm đang được thực hiện.
- Đang tiến hành đánh giá để cải thiện các hoạt động Du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà (BNBNP).

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng/giám sát đa dạng sinh học (Tiểu hợp phần 3-3)

- Việc đánh giá hệ thống giám sát đa dạng sinh học và số liệu kiểm kê rừng hiện có của BNBNP sắp hoàn thành.
- Điều tra cơ bản về đa dạng sinh học đã bắt đầu được triển khai bởi tư vấn được tuyển chọn thông qua đấu thầu và kết quả sẽ là cơ sở để xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học.

[Hợp phần 4]

Tích hợp số liệu/thông tin vào FORMIS

- Như đã trình bày ở Hợp phần 1, các hoạt động tích hợp phương pháp PFMS vào FORMIS do Phần Lan hỗ trợ để xây dựng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng quốc gia đã được khởi xướng, phối kết hợp với VNFOREST và Dự án FORMIS II.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Đã có một số kết quả như được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

[Hợp phần 1 - 4]

- SNRM đang đi đúng hướng để đạt được Mục tiêu cụ thể của dự án, mặc dù hiện nay vẫn còn quá sớm để đánh giá mức độ đạt được Mục tiêu cụ thể dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Mặc dù dự án chậm được phê duyệt nhưng Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết để thực hiện dự án theo cách linh hoạt và phù hợp.
- Các tổ chức liên quan khác như VNFOREST và Bộ Tài nguyên Môi trường (MONRE) đã có các hành động để thực hiện dự án một cách suôn sẻ.

[Hợp phần 2]

- Như đã đề cập trong Phần 1-1, các tỉnh đã giao cơ quan đầu mối cho hợp phần này, cùng với sự ủng hộ mạnh mẽ từ MBFPs, mặc dù dự án chưa được phê duyệt.

[Hợp phần 3]

- UBND tỉnh Lâm đồng đã cho phép JICA và BNBPNMB triển khai toàn bộ các hoạt động của hợp phần 3, mặc dù PPMU vẫn chưa được thành lập chính thức. Văn phòng dự án đã được cấp với nội thất mua mới. Hơn nữa, cán bộ VQG Bidoup – Núi Bà với năng lực tốt được biệt phái, công tác trong vai trò là nhân viên dự án. UBND tỉnh Lâm Đồng đã chính thức quyết định thành lập LB-BRMB vào ngày 3/6/2016.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng cho giai đoạn này.

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng cho giai đoạn này.

1-10 Các vấn đề quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Điều phối và hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực một cách thường xuyên, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có dự án vốn vay JICA 3 và Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

(SPRCC).

- SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo Forestry Co.,Ltd., và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Tập đoàn Kanematsu để xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi về Cơ chế tín dụng chung (JCM).

[Hợp phần 2]

- Hợp phần 2 duy trì hợp tác và tham vấn chặt chẽ với Nghiên cứu cơ bản của dự án vốn vay JICA 3, bao gồm việc lựa chọn vùng mục tiêu và các hoạt động sẽ được triển khai.

[Hợp phần 3]

- Hợp phần 3 đã tham gia hội thảo khởi động về khả năng hợp tác với khảo sát của JICA xây dựng chiến lược xúc tiến và dán nhãn mác các sản phẩm nông nghiệp và du lịch nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng.
- Hợp phần 3 đã hỗ trợ tăng cường năng lực và khuyến khích một số hộ EFLO tham gia cuộc thi cà phê do UCC tổ chức và đứng thứ 11 của cuộc thi. UCC là công ty cà phê Nhật Bản có các đối tác ở Việt Nam.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 1 – 4]

- Cuộc họp Ban chỉ đạo dự án (PSC) lần thứ nhất chưa được tổ chức.

[Hợp phần 3]

- Việc thực hiện hầu hết các hoạt động của tiểu hợp phần 3-1 bị hoãn 2 hoặc 3 tháng tính đến cuối tháng 6/2016.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 1 – 4]

- Do chậm phê duyệt dự án của Chính phủ Việt Nam.

[Hợp phần 3]

- Hầu hết các hoạt động của tiểu hợp phần 3-1 liên quan đến LB-BR như xây dựng kế hoạch quản lý LB-BR, chỉ có thể tiến hành sau khi LB-BRMB được thành lập. Tuy nhiên, ngày 3/6/2016 UBND tỉnh mới ra quyết định thành lập LB-BRMB, muộn hơn so với mong đợi vì vậy dẫn đến việc các hoạt động ở tiểu hợp phần này bị hoãn 2 hoặc 3 tháng.

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 1 – 4]

- Cả JICA Việt Nam và MARD đã và đang hối thúc các cơ quan liên quan để phê duyệt dự án càng sớm càng tốt. Cuộc họp Ban chỉ đạo dự án (PSC) lần thứ nhất sẽ được tổ chức sau khi

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

phê duyệt dự án.

[Hợp phần 3]

- Nhóm tư vấn đã thường xuyên đề nghị BNBPNMB hối thúc UBND tỉnh sớm phê duyệt thành lập LB-BRMB. BNBPNMB đã nỗ lực và gửi tất cả những tài liệu/thông tin cần thiết về LB-BR theo yêu cầu của UBND tỉnh. Kết quả là UBND tỉnh đã ra quyết định thành lập LB-BRMB vào ngày 3/6/2016.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Như đã trình bày trong phần 2-3 ở trên.

[Hợp phần 3]

- Cơ quan chịu trách nhiệm về vấn đề này là UBND tỉnh Lâm Đồng. UBND tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm phê duyệt việc thành lập LB-BRMB sau khi có đề nghị của BNBPNMB. BNBPNMB là đơn vị chịu trách nhiệm đề xuất UBND tỉnh Lâm Đồng thành lập LB-BRMB và BNBPNMB đã gửi công văn lên UBND tỉnh đề nghị thành lập LB-BRMB trước khi các tư vấn của hợp phần 3 được phái cử.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- PO được chỉnh sửa vào ngày 19/2/2016 là Phiên bản số 1 để điều chỉnh kế hoạch công việc theo ngày bắt đầu công việc của nhóm tư vấn Nhật Bản.
- Các hoạt động mới về PFMS đã được bổ sung vào PO của Hợp phần 1 vào ngày 6/4/2016, có tham vấn với JICA Trụ sở chính.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- PDM/PO/APO được điều chỉnh hy vọng sẽ được phê duyệt là Phiên bản số 3 tại cuộc họp PSC lần thứ nhất.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

[Chung cho Hợp phần 2 và 3]

- Hiện nay quá sớm để Chính phủ Việt Nam tiến hành các công việc chuẩn bị sau khi dự án kết thúc.

II. Bản giám sát dự án I & II được đính kèm

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Tên	Thời gian công tác tính đến ngày 30/6/2016
1	Trưởng hợp phần/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	6 /12/ 2015- 15 /12/ 2015 6 /3/ 2016 - 19 /3/ 2016 22 /3/ 2016 - 28 /3/ 2016 (Tổng cộng: 0.93 tháng)
2	Phó trưởng hợp phần/quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	14 /12/ 2015 - 18 /12/ 2015 17 /1/ 2016 - 19 /1/ 2016 8 /2/ 2016 - 16 /2/ 2016 6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 16 /5/ 2016 - 24 /6/ 2016 (Tổng cộng: 2.02 tháng)
3	Xây dựng PRAP 1	Ông Eiji Egashira	17 /1/ 2016 - 22 /1/ 2016 6 /3/ 2016 - 31 /3/ 2016 (Tổng cộng: 1.12 tháng)
4	Xây dựng PRAP 2	Ông Akihito Sakurai	6 /3/ 2016 – 27 /3/ 2016 (Tổng cộng: 0.73 tháng)
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh/ GIS	Ông Haruyoshi Hayashi	24 /2/ 2016 - 4 /3/ 2016 27 /3/ 2016 - 22 /4/ 2016 (Tổng cộng: 1.23 tháng)
6	Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng 1	Ông Kei Suzuki	20 /12/ 2015 - 23 /12/ 2015 9 /1/ 2015 - 21 /1/ 2015 6 /3/ 2016 - 11 /3/ 2016 10 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 21 /4/ 2016 - 27 /4/ 2016 29 /5/ 2016 - 2 /6/ 2016 28 /6/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 1.37 tháng)
7	Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng 2	Ông Kouhei Niitsuma (thay thế ông Kuno Hiromitsu)	3 /4/ 2016- 11 /5/ 2016 19 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 2.4 tháng)
8	Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng 2	Ông Kuno Hiromitsu	20 /1/ 2016 - 30 /1/ 2016 (Tổng cộng: 0.37 tháng)
9	Phân tích kinh tế/ phát triển sinh kế/ kinh tế cộng đồng /nâng cao cơ hội tiếp cận tài chính/ Chi trả dịch vụ môi trường rừng	Ông Wataru Yamamoto	5 /3/ 2016 - 3 /4/ 2016 11 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 23 /5/ 2016 - 19 /6/ 2016 (Tổng cộng: 2.03 tháng)
10	Phát triển sinh kế/ Đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Hiromi Yamauchi	6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 11 /5/ 2016- 20 /5/ 2016 22 /5/ 2016 - 4 /6/ 2016

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

			(Tổng cộng: 1.75 tháng)
11	Điều phối viên/Quản lý rừng 1	Ông Shogo Tai	13 /1/ 2016 - 23 /1/ 2016 24 /2/ 2016 - 27 /3/ 2016 8 /5/ 2016 - 21 /5/ 2016 19 /6/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 2.33 tháng)
12	Quản lý rừng 2	Ông Tomoyuki Ueda	6 /3/ 2016 - 26 /3/ 2016 (Tổng cộng: 0.7 tháng)
13	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 4.07 tháng)
14	Điều phối viên PRAP	Ông Trần Văn Hổ	1 /7/ 2016 – (mới được tuyển dụng)
15	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Anh	1 /7/ 2016 - (mới được tuyển dụng)
16	Cán bộ hành chính tại Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	15 /3/ 2016 -30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 3.6 tháng)
17	Điều phối viên tại tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1 /7/ 2016 - (mới được tuyển dụng)
18	Cán bộ phát triển sinh kế tại tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
19	Cán bộ quản lý rừng tại tỉnh Điện Biên	Ông Vũ Mạnh Đàm	1 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
20	Cán bộ phát triển sinh kế tại tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
21	Cán bộ quản lý rừng tại tỉnh Lai Châu	Ông Lèo Seo Bau	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
22	Điều phối viên tại tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
23	Cán bộ phát triển sinh kế tại tỉnh Hòa Bình	Bà Trần Thị Huyền	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
24	Cán bộ Quản lý rừng tại tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
25	Điều phối viên tại tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
26	Cán bộ Phát triển sinh kế tại tỉnh Sơn La	Ông Vũ Đình Thắng	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
27	Cán bộ Quản lý rừng tại tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	20 /7/ 2016 -(mới được tuyển dụng)
28	Chuyên gia GIS/ phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 4.07 tháng)
29	Thư ký / Quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 4.07 tháng)
30	Trợ lý cán bộ kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	12 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 (Tổng cộng: 1.06 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Tên	Thời gian phân công
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	5/1/2016 -30/12/2016 28/2/2016 – 20/5/2016 23/6/2016 – 30/6/2016 (Tổng cộng: 3.9 M/M)
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	4/12/2015- 28/12/2015 29/23/2016 – 26/3/2016 10/5/2016 – 8/6/2016 (Tổng cộng: 2.73 M/M)
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	2/3/2016 -9/4/ 2016 27/6/2016 – 30/6/2016 (Tổng cộng: 0.77 M/M)
4	Quản lý hệ sinh thái rừng, giám sát đa dạng sinh học	Giáo sư Kashio Masakazu	6/3/2016 – 6/5/2016 (Tổng cộng: 2.07 M/M)
5	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	6/3/2016 – 13/3 2016 (Tổng cộng: 0.27 M/M)
6	Điều phối viên dự án/CM/PFES/Giám sát Đa dạng sinh học 2	Ông Takuya Nomura	1/4/2016 – 14/5/ 2016 19/6/2016 – 30/6/2016 (Tổng cộng: 1.87 M/M)
7	Chuyên gia GIS/ viễn thám	TS. Nguyễn Thanh Hoàn	8/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 1.58 M/M)
8	Chuyên gia CM	TS. Phan Triều Giang	16/1/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 3.77 M/M)
9	Chuyên gia EFLO 1	Ông Hoàng Hữu Cải	16/1/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 4.68 M/M)
10	Chuyên gia EFLO 2	Ông Đào Phú Lợi	6/12/2015 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 2.89 M/M)
11	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	14/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 4.12 M/M)
12	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	14/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 2.90 M/M)
13	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	14/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 3.99 M/M)
14	Trợ lý GIS/ viễn thám	Ông Nguyễn Văn Dũng	8/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 2.75 M/M)
15	Trợ lý dự án	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	8/1/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 6.61 M/M)
16	Trợ lý Khu DTSQ Lang Biang	Ông Lê Thanh Tạo	10/3/2016 - 30/6/2016 (Tổng cộng: 3.93 M/M)
17	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/4/2016 - 30/6/2016

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 1 - 4]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VND)	Tỷ giá	Giá (JPY)
Kết sắt (1)	9,400,000	0.0054	50,760
Máy tính để bàn (5)	54,950,000	0.0054	296,730
Máy tính xách tay (4)	87,969,000	0.0054	475,033
Ổ lưu trữ/cứng mạng (1)	15,800,000	0.0054	85,320
Máy chiếu (1)	16,890,000	0.0050	84,450
Máy tính bảng (140)	565,180,000	0.0051	2,882,418

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VND)	Tỷ giá	Giá (JYP)
Máy phô tô copy (1)	128,201,500	0.0051	653,828
Máy tính xách tay (2)	36,500,000	0.0051	186,150
Máy chiếu (4)	57,992,000	0.005027	291,526

[Hợp phần 3]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VND)	Tỷ giá	Giá (JYP)
Thiết bị đo độ ẩm (1)	11,200,000	0.0054	60,480
Máy phô tô copy (1)	168,550,000	0.0053	893,315
Máy in laze (1)	30,350,000	0.0053	160,855
Máy tính xách tay (5)	81,050,000	0.0053	429,565
Máy chiếu và màn hình (1)	14,540,000	0.0053	77,062
Bộ scan cho máy phô tô copy (1)	21,445,000	0.0049	105,081

Bản giám sát dự án I (Tháng 8/2015 – Tháng 6/2016)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 2
Ngày 01/07/2016

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách	Các phương tiện xác minh	Giá đình quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p>	<p>Đánh giá tác động chính sách là cơ sở để xây dựng Luật lâm nghiệp mới.</p>
<p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p>	<p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p>	<p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p>	<p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>	<p>Đã bắt đầu tiến hành rà soát đánh giá các văn bản qui phạm pháp luật và hướng dẫn kỹ thuật</p>
<p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>		<p>Đã xây dựng chương trình 3 cuộc hội thảo và đã tổ chức hội thảo thứ nhất vào tháng 6/2016 với mục đích xúc tiến việc sử dụng NBDS</p>

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên quyết
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Trưởng Hợp phần 1 (Bò) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra – Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).

1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên

Huế.
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

Bản giám sát I (tháng 8/2015 - 6/2016)

[Hợp phần 2: Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần QLRBV và REDD+)

Phiên bản số 2
Ngày 1/07/2016

Cơ quan thực thi: Bộ NN-PTNT, UBND các tỉnh và các Sở NN-PTNT của 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình)

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của Cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt, bao gồm cả người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng và các hoạt động REDD+ ở Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Hiện trường dự án: 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực thi dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Mục tiêu của DA</u> Năng lực thể chế quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> QLRBV thông qua việc xây dựng và thực thi các PRAP (Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh) được thúc đẩy tại 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)			1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng

Đầu ra 2-1 (tại Tỉnh Điện Biên)

Năng lực thực thi PRAP ở tỉnh Điện Biên được tiếp tục được tăng cường.

Đầu ra 2-2 (tại các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được xây dựng thông qua việc thực thi các hoạt động thí điểm và chuyển giao kiến thức từ tỉnh Điện Biên.

<p>1. Tại các hiện trường thí điểm ở 4 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Tại tỉnh Điện Biên, PFMS (Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh) được phổ biến tới vùng không phải là hiện trường thí điểm của dự án.</p> <p>3. Vào tháng thứ 30 của dự án, PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được hoàn tất và được UBND các tỉnh phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>Các PRAP</p>	<p>1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây-Bắc, các chính sách và chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan khác (đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm nghèo, phát triển nông thôn, phát triển nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ vào các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Xã Pá Khoang được chọn là xã thí điểm ở tỉnh Điện Biên. Còn các tỉnh khác đã thu thập số liệu/dữ liệu tổng điều tra kiểm kê rừng toàn quốc (NFI-S) để phân tích diễn biến rừng.</p> <p>2. Đã tổ chức tập huấn tiêu giáo viên và đã bắt đầu tập huấn cho cán bộ cấp Huyện/ cấp xã. Chi cục Kiểm lâm Điện Biên đã lên kế hoạch và bắt đầu tổ chức và tự giám sát tập huấn PFMS - hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p>
--	---	---	--

Các hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-0. Tái thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và trợ giúp kỹ thuật khi cần thiết.</p> <p>2-1-1-1. Xây dựng kế hoạch giám sát các hoạt động, như tuần tra rừng, trả tiền PFES, xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng và các hoạt động cải thiện sinh kế.</p> <p>2-1-1-2. Tiến hành giám sát theo mục 2-1-1-1 và đánh giá các kết quả</p> <p>2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các kết quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.</p> <p>2-1-1-4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, khi cần thiết</p> <p>2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.</p> <p>2-1-2-2. Tiến hành khảo sát kinh tế-xã hội ở xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-3. Lập bản đồ rừng của xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-4. Xác định ranh giới thôn bản ở xã thí điểm.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Các chuyên gia dài hạn ở Hà Nội</u> • <u>Các nhóm chuyên gia ngắn hạn cho Hợp phần 2 (Quản lý rừng bền vững, GIS/Phân tích ảnh vệ tinh, Phát triển sinh kế và các chuyên gia khác khi cần thiết trong quá trình thực thi dự án)</u> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Ô tô</u> • <u>Xe máy</u> • <u>Phương tiện khác</u> <p><u>Đào tạo/tập huấn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Đào tạo tại Nhật Bản</u> • <u>Đào tạo tại nước thứ ba</u> • <u>Đào tạo tại Việt Nam</u> 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Các cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> > <u>Trưởng hợp phần 2 (Bò)</u> • <u>Lãnh đạo Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT</u> > <u>Ban quản lý dự án cấp tỉnh cho 4 tỉnh</u> • <u>Ủy ban nhân dân tỉnh</u> • <u>Sở Nông nghiệp và PTNT</u> • <u>Các tổ chức liên quan khác</u> <p><u>Cơ sở vật chất và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Văn phòng dự án</u> • <u>Đồ mộc, cơ sở vật chất và thiết bị cơ bản cho văn phòng dự án, v.v.</u> • <u>Phòng họp</u> 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả tiền PFES được duy trì.</p> <p>3 Dân số các vùng mục tiêu không giảm/tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia các hoạt động của Dự án và tham gia các khóa đào tạo ... liên tục làm việc ở cùng vị trí, hoặc vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và bố trí vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN-PTNT, UBND tỉnh, xã, thôn bản... có mong muốn thực thi các hoạt động REDD+.</p>

2-1-2-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ cho xã thí điểm.

2-1-2-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho xã thí điểm

2-1-2-7. Tiến hành đào tạo cho các thúc đẩy viên

2-1-2-8. Tổ chức một loạt các cuộc họp thôn bản để hoàn tất các kế hoạch quản lý rừng (FMP) và phát triển sinh kế (LDP).

2-1-2-9. Phê duyệt các kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế (FMP/LDP) bởi Ủy ban nhân dân xã.

2-1-2-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng, bao gồm bảo vệ, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng rừng theo mục 2-1-2-9.

2-1-2-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế thôn bản theo mục 2-1-2-9.

2-1-2-12. Giám sát các hoạt động quản lý rừng và cải thiện sinh kế thôn bản bởi các cán bộ kiểm lâm/cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm.

2-1-2-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên chính.

2-1-2-14. Giám sát và đánh giá các kết quả các hoạt động REDD+.

2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS).

2-1-3-1. Đánh giá PFMS được xây dựng bởi SUSFORM-NOW

2-1-3-2. Đánh giá nhu cầu đào tạo của các cán bộ vận hành PFMS

2-1-3-3. Xây dựng chương trình đào tạo tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.

2-1-3-4. Tiến hành các khóa đào tạo theo mục 2-1-3-3.

Chuyên gia/tư vấn trong nước

- Chuyên gia trong nước (Cán bộ vận hành GIS, SFM, cải thiện sinh kế, phiên dịch...)
- Tư vấn trong nước (khảo sát sinh kế - xã hội, SFM, Cải thiện sinh kế...)

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của dự án (để chia sẻ với đối tác Việt Nam)
- Chi phí sử dụng chuyên gia /tư vấn trong nước
- Các chi phí khác sẽ được xác định khi phát sinh trong quá trình thực hiện dự án

Chi phí vận hành dự án

- Ngân sách cho các hoạt động Dự án do nhân sự đối tác thực hiện (bao gồm lương, phụ cấp, đi lại trong nước, bù công...)
- Chi phí vận hành cần thiết cho văn phòng dự án bao gồm các chi phí tiện ích và thông tin truyền thông.
- Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và xăng
- Chi phí cần thiết để nhân sự của đối tác thực hiện dự án
- Các chi phí cần thiết khác

2-1-3-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang liên quan đến PFMS khi cần thiết.

2-1-3-6 Điều phối tích hợp PFMS với hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm với 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình).

2-1-4-1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Tiến hành các khóa đào tạo và hội thảo theo mục 2-1-4-1.

2-1-5. Sửa đổi Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

2-1-5-1. Xây dựng PRAP sửa đổi dựa trên những khuyến nghị từ SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác bao gồm phân tích tài chính và/hoặc NRAP sửa đổi, và tham vấn với các bên tham gia.

2-1-5-2. Trình PRAP sửa đổi tới Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt chính thức.

2-1-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các thành quả, bài học kinh nghiệm từ 2-1-1 đến 2-1-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[Tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập các Ban quản lý dự án cấp tỉnh tại ba (3) tỉnh.

2-2-2. Thu thập và phân tích các thông tin cần thiết tại từng tỉnh.

2-2-2-1. Tiến hành khảo sát tự nhiên - môi trường/kinh tế - xã hội

2-2-2-2. Thu thập và phân tích số liệu và thông tin về thực trạng rừng và các chính sách có liên quan, bao gồm cả sự thay đổi diện tích rừng, phân tích nguyên nhân gây mất rừng, tiến độ thực hiện các kế hoạch và chương trình lâm nghiệp, bao gồm cả các Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (FPDP) và ngân sách.

2-2-3. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ tại hiện trường thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-3-1 Xây dựng các tiêu chí lựa chọn hiện trường thí điểm và lựa chọn hiện trường theo tiêu chí đã xác định.

2-2-3-2. Tiến hành khảo sát kinh tế - xã hội tại hiện trường thí điểm.

2-2-3-3. Lập bản đồ rừng của hiện trường thí điểm.

2-2-3-4 Xác định ranh giới thôn bản tại hiện trường thí điểm.

2-2-3-5. Tổ chức Hội thảo giới thiệu REDD+ cho hiện trường thí điểm.

2-2-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho các hiện trường thí điểm

2-2-3-7. Tổ chức đào tạo cho các thúc đẩy viên

2-2-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn bản để hoàn tất các FMP/LDP.

2-2-3-9 Ủy ban nhân dân xã phê duyệt các FMP và LDP

2-2-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng lại rừng theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động cải thiện sinh kế thôn bản theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-12. Các cán bộ kiểm lâm/ các cán bộ của ban quản lý rừng và các cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-2-3-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên chính

2-2-3-14. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+

2-2-4. Nâng cao khả năng thiết lập và vận hành Hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh (PFMS) ở mỗi tỉnh.

2-2-4-1. Thành lập Tổ chuyên trách về PFMS.

2-2-4-2. Đánh giá nhu cầu đào tạo của các cán bộ vận hành PFMS.

2-2-4-3. Chuẩn bị các chương trình đào tạo tăng cường năng lực của các cán bộ vận hành PFMS.

2-2-4-4. Tiến hành các khóa đào tạo theo mục 2-2-4-3.

2-2-4-5. Sửa đổi các hướng dẫn, cẩm nang về PFMS liên quan khi cần thiết.

2-2-5. Xây dựng PRAP ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ chung cho cả 3 tỉnh.

2-2-5-2. Thành lập Tổ chuyên trách xây dựng PRAP tại mỗi tỉnh.

2-2-5-3. Chuẩn bị dự thảo lộ trình xây dựng PRAP.

2-2-5-4 Xây dựng đề cương của PRAP bao gồm cả các đối tượng mục tiêu.

2-2-5-5.Xác định và nhất trí các nhiệm vụ cũng như các phòng ban có liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện mỗi nhiệm vụ cụ thể.

2-2-5-6. Xây dựng kế hoạch xúc tiến các hoạt động FPDP sẽ được tiến hành trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-7. Rà soát PFMS hiện có và phát triển PFMS cải tiến sẽ được thiết lập trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-8.Xây dựng kế hoạch cải thiện sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-9. Xây dựng các chính sách đảm bảo an toàn sẽ được đưa vào áp dụng trong khuôn khổ PRAP

2-2-5-10. Xây dựng các kế hoạch tăng cường năng lực cho các bên liên quan sẽ được thực hiện trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-11.Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực thi các hoạt động sẽ được triển khai trong khuôn khổ PRAP.

2-2-5-12. Làm rõ cơ cấu tổ chức thực hiện của PRAP.

2-2-5-13. Hoàn thiện bản dự thảo cuối cùng của PRAP

2-2-5-14. Đề trình bản dự thảo cuối cùng của PRAP để UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-2-7 Biên soạn các thành quả và bài học kinh nghiệm từ 2-2-1 to 2-2-6 để mở rộng sang các vùng khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[1] Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật "Quản lý rừng bền vững vùng đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)" của JICA, 2010-2015

Các hoạt động															Năm												Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề và giải pháp								
	Các hoạt động phụ														2015			2016				2017				2018					2019				2020			Nhật Bản
															VF1	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III		
Đầu ra 2-1: Năng lực thực thi PRAP ở tỉnh Điện Biên được tiếp tục được tăng cường.																																						
[Tại tỉnh Điện Biên]																																						
2-0. Tái thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh.															KH																		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Cán bộ đầu mối của dự án tại tỉnh Điện Biên đã được xác định.	PPMU sẽ chính thức đ ược thành lập sau khi họp PSC lần thứ nhất			
															TH																							
2-1-1. Giám sát các hoạt động tại các xã thí điểm của SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và trợ giúp kỹ thuật khi cần thiết.															/																/		/					
2-1-1-1. Xây dựng kế hoạch giám sát các hoạt động, như tuần tra rừng, trả tiền PFES, xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng và các hoạt động cải thiện sinh kế.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Các ý tưởng ban đầu về kế hoạch giám sát đã được thảo luận với các bên liên quan				
															TH																							
2-1-1-2. Tiến hành giám sát theo mục 2-1-1-1 và đánh giá các kết quả															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các kết quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-1-4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác, khi cần thiết															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-2. Lập kế hoạch và thực thi các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm mới được lựa chọn.															/																/		/					
2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Xã Pa Khoang đã được xác định là xã thí điểm				
															TH																							
2-1-2-2. Tiến hành khảo sát kinh tế-xã hội ở xã thí điểm.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Đã bắt đầu triển khai điều tra kinh tế xã hội xã Pa Khoang và các thôn bản				
															TH																							
2-1-2-3. Lập bản đồ rừng của xã thí điểm.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Đã mua ảnh vệ tinh xã Pa Khoang				
															TH																							
2-1-2-4. Xác định ranh giới thôn bản ở xã thí điểm.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-2-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ cho xã thí điểm.															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-2-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho xã thí điểm															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							
2-1-2-7. Tiến hành đào tạo cho các thúc đẩy viên															KH																Nhóm tư vấn		Ban QLDACT/CQ DPLQ/Ban QLCDALN	Không áp dụng				
															TH																							

<p>Dầu ra 3-1</p> <p>Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.</p> <p>3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.</p> <p>3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx2 % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-1-1 TOR của gói thầu cho hoạt động liên quan đã được chuẩn bị.</p> <p>3-1-2 Đã bắt đầu các công việc chuẩn bị đấu thầu theo TOR của hoạt động liên quan.</p> <p>3-1-3 Quyết định thành lập BQL khu DTSQ LB đã được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành ngày 3/6/2016.</p>	
<p>Dầu ra 3-2</p> <p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) cùng với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx2 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx2 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận và trình lên UBND tỉnh (PPC).</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Công văn trình</p>		<p>3-2-1,3-2-2 và 3-2-3 Rà soát đánh giá CM/BSM hiện có ở Việt Nam đã được hợp phần 3 thực hiện cùng với cán bộ của VQG và của BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, sau đó dựa vào kết quả rà soát đánh giá này, việc nâng cấp CM/BSM sẽ được thiết kế nhằm mang lại lợi ích cho người dân tham gia CMA.</p> <p>3-2-4 Không áp dụng</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Dầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các chỉ số điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>		<p>3-3-1 Đã bắt đầu tiến hành điề tra cơ bản đa dạng sinh học, sau đó dựa vào kết quả điề tra này sẽ xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học</p> <p>3-3-2 Không áp dụng</p>	

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Nhóm chuyên gia cho Hợp phần 3 • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điề tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thuê phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án</p> <p>> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BBNP-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BBNP-MB) • Các cán bộ của BBNP-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mua kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liên kết ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Rà soát đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng cũng như các CMA khác được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điề u tra thông tin về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điề u kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA cùng với các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) cùng với các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang

3-2-9 Có được sự phê duyệt của PPC đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA và các BSM gồm cả FFS (trồng học trên đồng ruộng) về các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA và các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Rà soát các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Rà soát các số liệu kiểm kê rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở về thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật.

3-3-4 Tiến hành điểu tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điểu tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điểu tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn để giám sát đa dạng sinh học, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điểu tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP tới MARD để tích hợp vào FORMIS và lưu trữ tại NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Rà soát phương pháp hiện đang được áp dụng để theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/buôn mục tiêu/thị điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Bản giám sát I (Tháng Tám 2015- Tháng Sáu 2016)

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]

Bản số 2

Ngày 01/07/2016

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Đầu vào	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				Ghi chú	Giám sát	
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Vấn đề	Giải pháp			
			KH																									
Chuyên gia																												
Quản lý hợp tác (CM)																												
Phát triển sinh kế (LI)																												
Quản lý vườn quốc gia (NPM)																												
PFES/Đi ề u phối viên (PFES/C)																												
Du lịch sinh thái (ET)																												
Giám sát đa dạng sinh học (BM)																												
Tư vấn trong nước																												
Thiết bị																												
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)																												
Xe máy																												
Thiết bị theo dõi diễn biến rừng																												
Đào tạo tại Nhật																												
Đào tạo cho các đối tác																												
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																												
Đào tạo cho các cán bộ đối tác																												

CM: 25 tháng người
LI: 13,8 tháng người
NPM: 3 tháng người
PFES/C: 16,5 tháng người
ET: 9,7 tháng người
BM: 6 tháng người

Sẽ được thực hiện trên cơ sở đúng lúc

Activities	Tiêu hoạt động	VFI	III	IV	2015				2016				2017				2018				2019				2020				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & giải pháp
					I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam		
Đầu ra 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																																
3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	KH																									Chuyên gia quản lý hợp tác	Ban QLVBGNB Tổ công tác	Quá trình phê duyệt thành lập BQL khu DTSQ của UBND tỉnh được theo dõi liên tục	Đã hoàn thành			
		TH																														
3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.	KH																										Chuyên gia quản lý hợp tác	Ban QLVBGNB Tổ công tác	Báo cáo khởi động đã được chuẩn bị	Đã hoàn thành		
		TH																														
3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.	KH																										Chuyên gia quản lý hợp tác	Ban QLVBGNB Tổ công tác	Ban chỉ đạo dự án cấp tỉnh PPMU chưa được thành lập	Vấn đề dự án chưa được phê duyệt tính đến ngày 30/6/2016		
		TH																														
3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước	KH																										Chuyên gia quản lý hợp tác	Ban QLVBGNB Tổ công tác	Đã chuẩn bị các TOR	Đã hoàn thành		
		TH																														
3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).																																
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.	KH																									Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Quyết định thành lập BQL khu DTSQ được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành vào ngày 3/6/2016	Việc phê duyệt thành lập BQL khu DTSQ trễ hơn so với mong đợi			
		TH																														
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.	KH																										Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Đã bắt đầu các công việc chuẩn bị tổ chức đấu thầu thực hiện hoạt động này	Hoạt động này bị chậm 3 tháng so với kế hoạch		
		TH																														
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.	KH		Hoạt động này sẽ được tiếp tục trong phần 3-1-4																								Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Đã bắt đầu công tác chuẩn bị cho cuộc họp ra mắt BQL khu DTSQ	Hoạt động này bị chậm 3 tháng so với kế hoạch		
		TH																														
3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.	KH																										Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Đã bắt đầu công tác chuẩn bị tổ chức đấu thầu thực hiện hoạt động này	Hoạt động này bị chậm 3 tháng so với kế hoạch		
		TH																														
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.	KH																										Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Đã xây dựng bản đồ chuyên đề	Phê duyệt thành lập BQL khu DTSQ trễ hơn so với mong đợi		
		TH																														
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.	KH																										Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Đã bắt đầu công tác chuẩn bị tổ chức đấu thầu thực hiện hoạt động này	Hoạt động này bị chậm 3 tháng so với kế hoạch		
		TH																														

3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.																							KH	Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	Không áp dụng
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.																							KH	Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	Không áp dụng
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).																							KH	Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	Không áp dụng
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).																							KH	Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	Không áp dụng
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.																							KH	Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	Không áp dụng
Đầu ra 3-2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) cùng với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																											
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																											
3-2-1 Rà soát đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng cũng như các BSM và CMA khác được thí điểm ở Việt Nam.																							KH	Chuyên gia quản lý hợp tác	Tổ công tác	Đã tiến hành rà soát đánh giá CM/BSM trong đó có cả mô hình ở các tỉnh khác và đã bắt đầu xây dựng báo cáo rà soát đánh giá CM/BSM dựa vào kết quả rà soát đánh giá.	
3-2-2 Điều tra thông tin về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tại chính.																							KH	Chuyên gia quản lý hợp tác	UBND xã Tổ công tác	Đang tiến hành Điều tra	
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).																							KH	Chuyên gia quản lý hợp tác	TTKN UBND xã Tổ công tác	Đã xác định được Lựa chọn tiềm năng, từ đó một số thử nghiệm đã được chuẩn bị/triển khai	
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.																							KH	Chuyên gia du lịch sinh thái	Sở VH&TTDL BNBPNMB Tổ công tác	DLST do BNBPN vận hành đã được rà soát đánh giá để cải thiện và đã nghiên cứu khả năng phát triển CBET	
3-2-5 Xây dựng chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																							KH	Chuyên gia quản lý hợp tác	Sở NN&PTNT UBND huyện Tổ công tác	Đã bắt đầu công tác chuẩn bị tổ chức đấu thầu thực hiện công việc này	Hoạt động này bị chậm 3 tháng so với kế hoạch

Đầu ra 3-3: Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.													
3-3. Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.													
3-3-1 Rà soát các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Đã tiến hành rà soát hệ thống giám sát đa dạng sinh học	
3-3-2 Rà soát các số liệu kiểm kê rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Đã tiến hành rà soát các số liệu kiểm kê rừng	Đã hoàn thành
3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở về thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Đã tiến hành công tác chuẩn bị xây dựng bản đồ thảm thực vật	
3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Đã bắt đầu tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học	
3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Không áp dụng	Không áp dụng
3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn để giám sát đa dạng sinh học, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Không áp dụng	Không áp dụng
3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Không áp dụng	Không áp dụng
3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNBPN tới MARD để tích hợp vào FORMIS và lưu trữ tại NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Không áp dụng	Không áp dụng
3-3-9 Rà soát phương pháp hiện đang được áp dụng để theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNBPN-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thị điểm.	KH	TH								Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học	Số TNMT, Tổ công tác, BNBPNMB DNWPFMB	Không áp dụng	Không áp dụng

Bản giám sát dự án I (Tháng 8/2015 – Tháng 6/ 2016)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan
 Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 2
 Ngày 01/07/2016

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác. Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS) Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế. Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt. 2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng. 3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của FORMIS Báo cáo của Bộ NN & PTNT Báo cáo của dự án	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.	Các hoạt động tích hợp PFMS vào FORMIS đã được khởi xướng Lộ trình áp dụng rộng rãi PFMS đã được xây dựng cùng với các nhà tài trợ khác Chuyến tập huấn cho các cán bộ cấp cao tại Nhật Bản đã được phát sóng bởi một số cơ quan truyền thông	

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
-----------	---------	----------------------

<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thi kết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Đề chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Cán bộ Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Trưởng Hợp phần 4 (bộ) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiện nghi, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ôtô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>
---	--	---	---

Các hoạt động chính	Cấp	Mã	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Văn bản & giải pháp
				NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Đầu ra 4-1: Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)																														
4-1. Trợ giúp kế t nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).																														
4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kế t và/hoặc tích hợp vào FORMIS.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
TCLN																														
Các hoạt động tích hợp PFMS vào FORMIS đã được khởi xướng																														
4-1-2 Trợ giúp liên kế t và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
TCLN																														
Các hoạt động tích hợp PFMS vào FORMIS đã được khởi xướng																														
Đầu ra 4-2: Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.																														
4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.																														
4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														
4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														
4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														
Đầu ra 4-3: Các kết quả của Dự án được công bố.																														
4-3. Công bố các kết quả của Dự án																														
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.																														
KH																														
TH																														
Các chuyên gia dài hạn																														
Ban QLCDALN																														
Không áp dụng																														

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 3 (Thời gian: 7-12/2016)

Tên: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 1/1/2017

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 5 cán bộ dự án mới được tuyển dụng trong giai đoạn này bổ sung thêm vào danh sách 18 cán bộ dự án trước đây. Trong số 5 cán bộ mới có 3 người là cán bộ hành chính/thư ký, một cán bộ hỗ trợ công tác xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh và một cán bộ điều phối viên cấp tỉnh làm việc tại tỉnh Lai Châu.

[Hợp phần 3]

- Các chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc được phân công theo như kế hoạch.
- 12 cán bộ dự án trong đó có chuyên gia CM (Quản lý hợp tác) và EFLO (Sinh kế thân thiện với môi trường) tiếp tục tham gia dự án.

(Chi tiết ở Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Trưởng ban Quản lý các dự án lâm nghiệp (MBFPs) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) Ông Vũ Xuân Thôn, đã tham gia dự án với tư cách là Giám đốc Dự án SNRM trong tương lai.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Ông Phạm Vũ Thắng, MBFPs đã tham gia dự án với tư cách là Phó giám đốc Dự án SNRM trong tương lai.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST) trực thuộc MARD đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng, sửa đổi Pháp lệnh giống cây trồng.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Sau khi chính phủ Việt Nam chính thức phê duyệt dự án SNRM, bốn tỉnh Tây Bắc tham gia dự án cũng đang tiến hành thành lập Ban quản lý dự án (PPMU) cấp tỉnh, cho nên chưa có bổ nhiệm chính thức cán bộ đối tác tại các tỉnh. Mặc dù vậy, các tỉnh đã chọn được các cán bộ đầu mối cũng như bổ nhiệm các cán bộ liên quan đến từng tiểu hợp phần để thực hiện các công việc được giao cùng với các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ dự án.

[Hợp phần 3]

- Dự án đã được phê duyệt, vì vậy VQG Bidoup – Núi Bà đã trình UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị thành lập Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU). Dự kiến UBND tỉnh Lâm Đồng sẽ chính thức thành lập PPMU vào cuối tháng 1, 2017. Các cán bộ từ các cơ quan liên quan cũng sẽ được bổ nhiệm theo đúng như nội dung R/D, đó sẽ là các thành viên tổ công tác (WG) từ Sở NN&PTNT, Sở TNMT, Sở VH-TT-DL.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Máy móc và thiết bị cần thiết cho các hoạt động của dự án đã được mua sắm.

(Xem chi tiết ở Phụ lục 2)

1-1-4 Tập huấn

[Hợp phần 1 - 4]

Tập huấn tại Nhật Bản

- Khóa tập huấn về “Quản lý rừng và cải thiện sinh kế” đã được tổ chức từ ngày 16-28/10/2016 cho 13 cán bộ trung ương và 4 tỉnh (Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu và Điện Biên).

Tập huấn tại nước thứ ba

- Với mục đích nâng cao năng lực, Dự án SNRM đã hỗ trợ 02 cán bộ của Bộ Tài nguyên và Môi trường tham gia COP 13 của Công ước Đa dạng sinh học (CBD) tại Cancun, Mê hi cô từ ngày 4-17/12/2016.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

- Bản dự thảo lần 1 Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi cùng với các báo cáo đánh giá tác động chính sách cho một số vấn đề chính đã được Tổng cục Lâm nghiệp soạn thảo cùng với sự hỗ trợ của Dự án SNRM và các nhà tài trợ khác như GIZ và UN-REDD II
- Hội thảo tham vấn quốc gia do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì để lấy ý kiến về bản dự thảo lần 1 đã được tổ chức từ ngày 15 -16/12/2016, có sự tham gia của các Bộ ngành, các tỉnh, tổ chức phi chính phủ và các nhà tài trợ liên quan.
- Hy vọng Bản dự thảo cuối cùng sắp được trình Bộ Tư pháp thẩm định và sau đó trình Quốc hội vào tháng 10/2017 để thông qua.

Sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Pháp lệnh giống cây trồng ban hành năm 2004 đã được Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉnh sửa với sự hỗ trợ của Dự án SNRM. Tuy nhiên, vẫn chưa được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt vì Bộ trưởng chỉ đạo nâng cấp Pháp lệnh này thành Luật.
- Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được xây dựng với sự hỗ trợ của Dự án SNRM và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã trình Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét phê duyệt.

Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

- Các hoạt động FSSP, như phát hành cuốn lâm nghiệp Việt Nam và tổ chức hội thảo kết thúc FSSP đã được hoàn thành trong kỳ báo cáo trước.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án SNRM đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật để đánh giá tiến trình NRAP do UN-REDD II thực hiện thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với nhóm sửa đổi NRAP.
- Hy vọng NRAP sửa đổi sẽ sớm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới

- Với sự hỗ trợ của Dự án SNRM, dự thảo PRAP của tỉnh Thừa Thiên-Huế đã được xây dựng thông qua các cuộc họp tham vấn và lập kế hoạch ở cấp tỉnh, huyện và xã, có sự phối hợp với tổ chức RECOFTC. Nội dung của PRAP đã được đưa vào dự thảo Văn kiện chương trình giảm phát thải (ERPD) cho Quỹ Carbon FCPF.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên-Huế đã chính thức phê duyệt PRAP vào ngày 16/12/2016.
- Theo đề nghị của tổ chức phi Chính phủ trong nước, Dự án SNRM cũng đã hỗ trợ tỉnh Thái Nguyên phân tích biến động hiện trạng rừng làm cơ sở xây dựng PRAP.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Để xúc tiến áp dụng rộng rãi phương pháp PFMS do JICA phát triển, Dự án SNRM đã và đang hỗ trợ tổ chức các cuộc tập huấn bao gồm cả tập huấn tiểu giáo viên tại 11 tỉnh dưới đây, có sự hợp tác của FCPF, UN-REDD II và Chương trình rừng và đồng bằng (VFD) là các nhà đồng tài trợ:

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Dak Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Cà Mau

- Với quan điểm thúc đẩy việc tiêu chuẩn hóa quốc gia phương pháp PFMS do JICA phát triển, Dự án SNRM đã tiến hành một số hoạt động chẳng hạn như họp tham vấn với Cục Kiểm lâm – Tổng cục Lâm nghiệp, tổ chức tập huấn cho các cán bộ Cục Kiểm lâm và Kiểm lâm vùng, và chuẩn bị tổ chức hội thảo quốc gia trong tháng 2/2017 (dự kiến) với sự tham gia của 15 tỉnh, Cục Kiểm lâm, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (FIPI), các nhà tài trợ và tổ chức phi Chính phủ liên quan.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Sau hội thảo tập huấn lần thứ nhất từ ngày 29 – 30/6/2016 tại Vườn quốc gia Ba Vì, hội thảo tập huấn lần thứ hai với mục đích xúc tiến việc tổng hợp dữ liệu cho NBDS đã được tổ chức từ ngày 5-6/9/2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh với sự tham gia của các cơ quan, viện nghiên cứu, các tổ chức phi Chính phủ và các nhà tài trợ liên quan tại phía Nam.
- Rà soát và xử lý dữ liệu tại 7 Khu bảo tồn/Vườn quốc gia đại diện cho các hệ sinh thái khác nhau ở Việt Nam đã được triển khai để lưu trữ các dữ liệu đó trong NBDS.
- Phân tích hệ thống NBDS cũng đã được triển khai để xử lý các vấn đề mà các đại biểu đưa ra tại 2 cuộc hội thảo tập huấn.
- Với quan điểm thiết lập kết nối NBDS và Hệ thống thông tin đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF) trong tương lai, khóa tập huấn (13-17/6/2016 tại Nhật Bản) và hội thảo (4/8/2016 tại Hà Nội) đã được tổ chức cho các cán bộ của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các viện nghiên cứu, có sự phối hợp với Bảo tàng tự nhiên và khoa học quốc gia của Nhật Bản.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nghiên cứu khảo sát “đánh giá năng lực của các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ xuất khẩu” đã được triển khai từ tháng 10/2016.

[Hợp phần 2]

- Tiến độ thực hiện các hoạt động cùng với các kết quả quan trọng đã đạt được ở cả ba tiểu hợp phần của hợp phần 2 trong suốt giai đoạn giám sát này được trình bày dưới đây. Chi tiết thực hiện các hoạt động này được trình bày trong Bảng Giám sát II.

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Đã xác định được địa bàn thí điểm tại bốn tỉnh; đã thu thập xong dữ liệu của 4 tỉnh từ Dự án tổng điều tra rừng toàn quốc và Chương trình theo dõi đánh giá tài nguyên rừng để phục vụ công tác phân tích.
- Đã hoàn thành công tác khảo sát tình hình kinh tế - xã hội ở xã Pá Khoang thuộc tỉnh Điện Biên và xã Phúc Khoa thuộc tỉnh Lai Châu. Ngoài ra, đã gửi báo cáo khảo sát tình hình kinh tế - xã hội ở hai xã thí điểm thuộc hai tỉnh mục tiêu còn lại để xin ý kiến hoàn thiện.
- Ủy ban Nhân dân (UBND) các huyện, xã và các Ban quản lý rừng liên quan đã cử cán bộ khuyến nông/lâm làm thúc đẩy viên hỗ trợ cho công tác lập kế hoạch, thực hiện và giám sát việc thực hiện các hoạt động thí điểm ở cả bốn tỉnh. Đã tổ chức các cuộc họp thôn/bản nhằm đảm bảo việc lập kế

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

hoạch thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn/bản có sự tham gia.

- Các cuộc họp lập kế hoạch cấp thôn/bản đã được tổ chức ở cả bốn xã thí điểm. Kế hoạch 5 năm (2016-2020) cũng như kế hoạch thực hiện 2016 -2017 về quản lý rừng và phát triển sinh kế ở mỗi xã đều đã được UBND xã phê duyệt.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Các lớp tập huấn sử dụng ứng dụng PFMS cho toàn tỉnh Điện Biên đã được tổ chức tại các huyện và các Ban quản lý rừng. Máy tính bảng có cài “phần mềm theo dõi diễn biến rừng của JICA” đã được giao cho các đơn vị mục tiêu.
- Các lớp tập huấn tiểu giáo viên đã được tổ chức ở cả ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình.
- Kết quả tập huấn đã được giám sát và thảo luận tại các cuộc họp của tổ chuyên trách thuộc 4 tỉnh.

Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Cả bốn tỉnh tham gia dự án đều đã thành lập tổ công tác kỹ thuật và thống nhất về lộ trình xây dựng PRAP.
- Các cuộc họp của tổ công tác kỹ thuật, các hội thảo tham vấn cấp tỉnh, huyện và xã đã được tổ chức ở mỗi tỉnh theo đúng lộ trình với những cập nhật cần thiết.
- Theo kế hoạch, bản dự thảo lần thứ nhất PRAP của tỉnh Điện Biên sẽ hoàn thành vào cuối tháng 1/2017. Sau đó, dự thảo PRAP này sẽ được gửi cho các bên liên quan ở cấp tỉnh để xin ý kiến, tiếp theo là xin ý kiến thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp và dự kiến PRAP sẽ được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt vào tháng 5/2017.
- Dự kiến ba tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu sẽ hoàn thành bản dự thảo PRAP lần thứ nhất vào giữa tháng 3/2017. Sau đó, bản dự thảo này sẽ được gửi cho các bên liên quan ở cấp tỉnh để xin ý kiến, tiếp theo là xin ý kiến thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp và dự kiến PRAP sẽ được UBND tỉnh phê duyệt vào tháng 7/2017.

[Hợp phần 3]

- Tiến độ của các hoạt động trong giai đoạn giám sát này có 2 loại: đúng tiến độ hoặc vượt tiến độ như việc tổ chức 2 hội nghị BQL khu DTSQ Langbiang thuộc tiểu hợp phần 3-1 và phát triển, phê duyệt ý tưởng nâng cấp CM (quản lý hợp tác), hướng dẫn CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác), kế hoạch thử nghiệm CMA tích hợp thuộc tiểu hợp phần 3-2. Do việc xây dựng kế hoạch quản lý khu DTSQ Langbiang bị chậm 2 - 3 tháng vì việc trì hoãn thành lập BQL khu DTSQ Langbiang trong giai đoạn trước, nên mặc dù một số hoạt động của tiểu hợp phần 3-1 đã được triển khai và quản lý tốt nhưng vẫn bị chậm so với tiến độ.
- Tiến độ chính của các hoạt động như sau. Nội dung chi tiết trình bày trong Bảng giám sát II

Hoạt động liên quan đến BQL khu DTSQ LB (Tiểu hợp phần 3-1)

- Hội nghị lần thứ nhất và lần thứ 2 BQL khu DTSQ Langbiang được tổ chức thành công vào ngày 29/7 và 28/11 với sự tham gia của hơn 70 đại biểu mỗi phiên họp.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Gói thầu thu thập thông tin hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch quản lý MAB (Chương trình Con người và Sinh quyển) đã được triển khai để phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm khu DTSQ Langbiang.
- Gói thầu hỗ trợ tăng cường hiểu biết về MAB nhằm chia sẻ kiến thức về khu DTSQ Langbiang đã được triển khai thông qua các cuộc họp chia sẻ kiến thức lần thứ nhất với các bên liên quan chủ chốt ở Đà Lạt, Đam Rông và Đơn Dương trong tháng 12/2016.

Quản lý hợp tác/ Cơ chế chia sẻ lợi ích (sau đây gọi tắt là CM/BSM) (Tiểu hợp phần 3-2)

- Việc rà soát CM/ BSM, trong đó có cả các mô hình ở các tỉnh khác đã được thực hiện và tổng hợp thành báo cáo.
- Gói thầu Điều tra kinh tế xã hội (tài chính) ở 7 thôn mục tiêu đã được thực hiện và tổng hợp thành báo cáo.
- Ý tưởng nâng cấp CM, hướng dẫn CMA và kế hoạch thử nghiệm CMA tích hợp đã được phát triển dựa trên kết quả rà soát/ khảo sát được Ban Giám đốc VQG Bidoup-Núi Bà và BQL Rừng phòng hộ Đa Nhim thông qua.
- Về nhóm EFLO (Sinh kế thân thiện với môi trường), các đợt thử nghiệm để người dân tăng năng suất và đa dạng hóa sản xuất đã được thực hiện dựa trên ý tưởng nâng cấp CM và theo kế hoạch thử nghiệm CMA tích hợp.
- Về nhóm CBET (Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng): đã tiến hành điều tra đánh giá hệ thống/ cơ sở CBET có thể giúp tiếp cận thị trường tốt hơn cho các sản phẩm của người dân. Phát triển các hoạt động CBET/Du lịch sinh thái như home-stay, du lịch theo nhóm với quy mô lớn hiện đang được thực hiện thông qua việc hợp tác với công ty du lịch tư nhân.
- Gói thầu thu thập thông tin hỗ trợ xây dựng chiến lược marketing và làm nhãn mác/logo cho sản phẩm MAB đã được thực hiện để phục vụ cho việc phát triển chiến lược.

Hệ thống giám sát đa dạng sinh học/ theo dõi diễn biến rừng (Tiểu hợp phần 3-3)

- Đã hoàn thành việc rà soát hệ thống giám sát đa dạng sinh học và dữ liệu điều tra rừng hiện có của VQG.
- Tiếp tục điều tra cơ bản đa dạng sinh học; đã hoàn thành báo cáo giữa kỳ dựa trên kết quả của đợt điều tra thứ nhất. Đợt điều tra thứ hai đã bắt đầu triển khai trong tháng 12/2016.
- Đã xây dựng cách thức cải thiện việc tuần tra rừng của người dân nhận tiền PFES dựa trên kết quả khảo sát các hoạt động tuần tra hiện tại. Cách thức này đã được chủ rừng đồng ý (VQG Bidoup – Núi Bà và BQL rừng phòng hộ Đa Nhim).
- Tập huấn về PFMS (Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh) đã được tổ chức 2 lần cho cán bộ kiểm lâm của các chủ rừng (VQG Bidoup – Núi Bà và BQL rừng phòng hộ Đa Nhim). Tổ chuyên trách PFMS cho khu DTSQ Langbiang đã được thành lập trong tháng 12/2016.

[Hợp phần 4]

Tích hợp dữ liệu/thông tin vào FORMIS

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Ứng dụng di động cho PFMS và cơ sở dữ liệu/ứng dụng FORMIS đã hoàn toàn tích hợp.

Quảng bá kết quả của Dự án

- Các hoạt động và thành quả của Dự án SNRM đã được chia sẻ trong và ngoài nước thông qua các sự kiện như hội nghị, hội thảo và CBD-COP13.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Đã có một số kết quả như được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

[Hợp phần 1 - 4]

- SNRM đang đi đúng hướng để đạt được Mục tiêu cụ thể của dự án, mặc dù hiện nay vẫn còn quá sớm để đánh giá mức độ đạt được Mục tiêu cụ thể dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Mặc dù dự án được phê duyệt chậm (15/11/2016), nhưng Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết để thực hiện dự án theo cách linh hoạt và phù hợp.
- Các tổ chức liên quan khác như VNFOREST và Bộ Tài nguyên Môi trường (MONRE) đã có các hành động cần thiết để thực hiện dự án một cách suôn sẻ.

[Hợp phần 2]

- Như đã trình bày trong phần 1-1-2 của báo cáo này, các cán bộ đầu mối cũng như các cán bộ đối tác tại các tỉnh đã được bổ nhiệm và họ đã và đang làm việc tích cực cùng với các chuyên gia Nhật Bản cũng như cán bộ dự án trên tinh thần phối hợp cao cho dù là PPMU chưa được thành lập và nhân sự đối tác chưa được bổ nhiệm chính thức.

[Hợp phần 3]

UBND Tỉnh Lâm Đồng có tổ chức các hoạt động trong giai đoạn này như sau:

- Chuẩn bị phê duyệt việc thành lập PPMU, bổ nhiệm nhân sự từ các cơ quan liên quan bao gồm thành

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

viên tổ công tác và cấp vốn đối ứng.

- Hỗ trợ tổ chức các phiên họp của BQL khu DTSQ Langbiang và các phiên họp chia sẻ kiến thức về khu DTSQ Langbiang với các bên liên quan cũng như thu thập thông tin để xây dựng kế hoạch quản lý khu DTSQ Langbiang

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng cho giai đoạn này.

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng cho giai đoạn này.

1-10 Các vấn đề quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Điều phối và hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực một cách thường xuyên, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có dự án vốn vay JICA 3, Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMAs (SPI-NAMA) .
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo Forestry Co.,Ltd., và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Hiệp hội nghiên cứu gỗ xẻ của Nhật Bản tiến hành khảo sát tính hợp pháp của gỗ ở Việt Nam.

[Hợp phần 2]

- Hợp phần 2 đã hợp tác với Đoàn khảo sát cơ bản của dự án vốn vay JICA 3, trong đó bao gồm cả việc lựa chọn xã thí điểm.
- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây tre Mạ Chả ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên.

[Hợp phần 3]

- Hợp phần 3 đã tham gia vào phiên họp báo cáo giữa kỳ của nhóm khảo sát JICA về xây dựng thương hiệu và chiến lược quảng bá sản phẩm nông nghiệp, du lịch canh nông tỉnh Lâm Đồng, đã chia sẻ về hoạt động xây dựng chiến lược marketing và đề nghị cần có sự hợp tác giữa hai dự án.
- Hợp phần 3 đã khuyến khích những nông dân chủ chốt trong nhóm EFLO tham gia bán cà phê trực

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

tiếp cho công ty UCC và ACOM nhằm thúc đẩy mô hình canh tác cà phê bền vững.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 1 – 4]

- Hội nghị Ban chỉ đạo dự án (PSC) lần thứ nhất dự kiến được tổ chức vào tuần 13-17/3/2017.
- Việc mua 04 xe ô tô vẫn chưa xong.

[Hợp phần 2]

Không áp dụng

[Hợp phần 3]

- Hầu hết các hoạt động mục 3-1 đều bị trì hoãn với Kế hoạch hoạt động (PO) tính đến cuối tháng 12/2016.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 1 – 4]

- Do phê duyệt dự án chậm của Chính phủ Việt Nam.
- Do chủ trương mới của Chính phủ Việt Nam hạn chế các cơ quan chính phủ mua xe. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã gửi văn bản giải trình Chính phủ; dự kiến trong tháng 2/2017 Chính phủ sẽ có quyết định cuối cùng cho việc mua 04 ô tô cho dự án.

[Hợp phần 3]

- Các hoạt động trong tiểu hợp phần 3-1 là những hoạt động liên quan đến Khu DTSQ Lang ví dụ như xây dựng kế hoạch quản lý khu DTSQ, chỉ có thể thực hiện sau khi BQL khu DTSQ được thành lập sau ngày 03/6/2016 - trễ hơn nhiều so với mong đợi. Do vậy, mặc dù các hoạt động trên đã bắt đầu và được thực hiện tốt sau khi BQL khu DTSQ Langbiang thành lập, song các hoạt động này vẫn chậm hơn so với kế hoạch/PO ban đầu.

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 1 – 4]

- Với những nỗ lực của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Văn phòng JICA Việt Nam, dự án đã được phê duyệt vào ngày 15/11/2016. Hội nghị Ban chỉ đạo dự án lần thứ nhất (PSC) dự kiến sẽ được tổ chức vào tuần 13-17/3/2017.
- Sau khi dự án được phê duyệt, Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp đã tiếp tục tham vấn với các cơ quan liên quan trong đó có Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc mua 04 xe ô tô.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

- Hợp phần 3 đã nỗ lực triển khai các hoạt động ngay khi BQL khu DTSQ Langbiang được thành lập. Hợp phần 3 sẽ cố gắng triển khai các hoạt động này cho kịp tiến độ trong thời gian tới.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Như đã trình bày trong phần 2-3 ở trên.

[Hợp phần 3]

- Cơ quan chịu trách nhiệm thành lập BQL khu DTSQ Langbiang là UBND tỉnh Lâm Đồng. Đơn vị chịu trách nhiệm làm tờ trình đề nghị thành lập BQL là VQG Bidoup – Núi Bà.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Kế hoạch hoạt động (PO) không có thay đổi gì trong kỳ báo cáo này.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Hy vọng PDM/PO/APO điều chỉnh sẽ được phê duyệt là Phiên bản số 2 ngày 1/1/2017 tại hội nghị PSC lần thứ nhất.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

[Chung cho Hợp phần 2 và 3]

- Hiện nay quá sớm để Chính phủ Việt Nam tiến hành các công việc chuẩn bị sau khi dự án kết thúc.

II. Bản giám sát dự án I & II được đính kèm

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	6/12/2015- 15/12/ 2015 6 /3/2016 - 19 /3/ 2016 22 /5/ 2016 - 28 /5/ 2016 7, 8 /6/ 2016 23, 24/8/2016 13 / 11/ 2016 – 19/11/2016 15, 16, 19 /12/2016 (Tổng : 1,52 tháng)
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	14 /12/ 2015 - 18 /12/2015 17 /1/ 2016 – 19/1/ 2016 8 /2/ 2016 - 16 /2/ 2016 6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 16 /5/ 2016 - 24 /6/ 2016 9 /8/ 2016 – 30 /9/ 2016 24 /10/ 2016 – 3 /11/ 2016 (Tổng : 5,08 tháng)
3	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	17 /1/ 2016 - 22 /1/ 2016 6 /3/ 2016 - 31 /3/ 2016 18 /7/ 2016 – 22 /7/ 2016 24 /7/ 2016 – 12 /8/ 2016 22 /8/ 2016 – 24 /8/ 2016 19 /9/ 2016 – 8 /10/ 2016 24 /10/ 2016 – 28 /10/ 2016 30 /10/ 2016 – 19 /11/ 2016 27 /11/ 2016 – 22 /12/ 2016 (Tổng : 4,67 tháng)
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2	Ông Akihito Sakurai	6 /3/ 2016 – 27/3/ 2016 23 /7/ 2016 – 1 /8/ 2016 3 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 11 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 (Tổng : 2,20 tháng)
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh / hệ thống thông tin địa lý	Ông Haruyoshi Hayashi	24 /2/ 2016 - 4 /3/ 2016 27 /3/ 2016 - 22 /4/ 2016 (Tổng: 1,23 tháng)
6	Theo dõi diễn biến rừng 1	Ông Kei Suzuki	20 /12/ 2015 - 23 /12/ 2015 9 /1/ 2015 - 21 /11/ 2015 6 /3/ 2016 - 11 /3/ 2016 10 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 21 /4/ 2016 - 27 /4/ 2016 29 /5/ 2016 - 2 /6/ 2016 20 /9/ 2016 - 23 /9/ 2016 13 /11/ 2016 – 15 /11/ 2016 (Tổng: 1,53 tháng)
7	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kouhei Niitsuma	3 /4/ 2016- 11 /5/ 2016 29 /5/ 2016 - 23 /6/ 2016 26 /6/ 2016 – 23 /9/ 2016 16 /10/ 2016 – 24 /12/ 2016 (Tổng: 7,5 tháng)
8	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kuno Hiromitsu	20 /1/ 2016 - 30 /1/ 2016 (Tổng: 0,37 tháng)
9	Theo dõi diễn biến rừng 3	Ông Hozumi Hashiguchi	14 /11/ 2016 – 24 /12/ 2016

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

			(Tổng: 1,37 tháng)
10	Phân tích kinh tế / Phát triển sinh kế/ Kinh tế cộng đồng về trồng trọt chăn nuôi/ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính/ chi trả dịch vụ môi trường rừng	Ông Wataru Yamamoto	5 /3/ 2016 - 3 /4/ 2016 11 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 23 /5/ 2016 - 19 /6/ 2016 18 /7/ 2016 – 1 /10/ 2016 13 /11 – 21 /12/ 2016 (Tổng: 5,87 tháng)
11	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Hiromi Yamauchi	6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 11 /5/ 2016- 20 /5/ 2016 22 /5/ 2016 - 4 /6/ 2016 2 /8/ 2016 – 9 /8/ 2016 (Tổng : 2,02 tháng)
12	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Ông Shogo Tai	13 /1/ 2016 - 23 /1/ 2016 24 /2/ 2016 - 27 /3/ 2016 8 /5/ 2016 - 21 /5/ 2016 19 /6/ 2016 - 7 /7/ 2016 12 /7/ 2016 – 11 /9/ 2016 20 /9/ 2016 – 4 /12/ 2016 (Tổng : 7,17 tháng)
13	Quản lý rừng 2	Ông Tomoyuki Ueda	6 /3/ 2016 - 26 /3/ 2016 10 /7/ 2016 – 23 /7/ 2016 5 /8/ 2016 – 26 /8/ 2016 5 /9/ 2016 – 25 /11/ 2016 (Tổng: 4,63 tháng)
14	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 10.00 tháng)
15	Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Ông Trần Văn Hồ	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 6.00 tháng)
16	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 6.00 tháng)
17	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	15 /3/ 2016 -30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 9,53 tháng)
18	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 6.00 tháng)
19	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 6.00 tháng)
20	Cán bộ quản lý rừng – văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Vũ Mạnh Đàm	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 6.00 tháng)
21	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1 /8/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 5.00 tháng)
22	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
23	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Lèo Seo Bau	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
24	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyên	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 2,70 tháng)
25	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
26	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trần Thị Huyền	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
27	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
28	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 2,70 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

29	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
30	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Đình Thắng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
31	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 (Tổng: 5,37 tháng)
32	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 2,70 tháng)
33	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 10.00 tháng)
34	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng: 10.00 tháng)
35	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	12 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 (Tổng:7,63 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Tên	Thời gian phân công
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	5/1/2016 – 30/1/2016 28/2/2016 – 20/5/2016 23/6/2016 – 18/8/2016 10/10/2016 – 10/12/2016 (Tổng cộng: 7,60 tháng)
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	4/12/2015 – 28/12/2015 29/2/2016 – 26/3/2016 10/5/2016 – 8/6/2016 4/7/2016 – 2/8/2016 1/9/2016 – 28/9/2016 31/10/2016 – 16/11/2016 7/12/2016 – 22/12/2016 (Tổng cộng: 5.77 tháng)
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	22/3/2016 – 9/4/2016 27/6/2016 – 27/7/2016 29/11/2016 – 23/12/2016 (Tổng cộng: 2.50 tháng)
4	Quản lý hệ sinh thái rừng, giám sát đa dạng sinh học	Giáo sư Kashio Masakazu	6/3/2016 – 6/5/2016 14/7/2016 – 10/8/2016 16/10/2016 – 3/11/2016 (Tổng cộng: 3.63 tháng)
5	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	6/3/2016 – 13/3/2016 27/10/2016 – 25/11/2016 (Tổng cộng: 1.27 tháng)
6	Điều phối viên dự án/CM/PFES/Giám sát Đa dạng sinh học 2	Ông Takuya Nomura	1/4/2016 – 14/5/2016 19/6/2016 – 13/7/2016 18/7/2016 – 19/8/2016 3/10/2016 – 28/10/2016 2/11/2016 – 1/12/2016 (Tổng cộng: 5.27 tháng)
7	Chuyên gia GIS/ viễn thám	TS. Nguyễn Thanh Hoàn	8/3/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 3.09 tháng)
8	Chuyên gia CM	TS. Phan Triệu Giang	16/1/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 8.92 tháng)
9	Chuyên gia EFLO 1	Ông Hoàng Hữu Cải	16/1/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 10.43 tháng)
10	Chuyên gia EFLO 2	Ông Đào Phú Lợi	6/12/2015 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 4.38 tháng)
11	Chuyên gia CBET	Ông Dương Minh Bình	1/7/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 0.62 tháng)
12	Chuyên gia chính sách lâm nghiệp	Ông Nguyễn Ngọc Bình	1/11/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 1.98 tháng)
13	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	14/3/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 9.63 tháng)
14	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	14/3/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 9.33 tháng)
15	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	14/3/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 9.63 tháng)
16	Trợ lý GIS/ viễn thám	Ông Nguyễn Văn Dũng	8/3/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 5.46 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

17	Trợ lý dự án	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	8/1/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 11.43 tháng)
18	Trợ lý dự án (2)	Bà Trần Huyền Chiêu Trân	16/11/2016 – 28/11/2016 (Tổng cộng: 0.41 tháng)
19	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/4/2016 – 31/12/2016 (Tổng cộng: 9.03 tháng)

Phụ lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 1 - 4]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VND)	Tỷ giá	Giá (JPY)
Máy tính bảng (25)	67,475,000	0.004582	309,170
Xe máy (15)	585,000,000	0.005043	2,950,155

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị	Giá trị (VND)	Tỷ giá	Giá (JPY)
Máy phô tô (4)	202,901,500	0.004926	999,540
Máy tính xách tay (19)	263,648,000	0.004762	1,255,402
Máy chiếu (04)	57,992,000	0.005027	291,526
Máy điều hòa (3)	61,790,000	0.004711	291,110

[Hợp phần 3]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VND)	Tỷ giá	Giá (JPY)
Máy in laser (1)	30,350,000	0.004766	144,648
Laptop (7)	113,470,000	0.004766	540,798
Máy chiếu, màn chiếu (1)	17,230,000	0.004766	82,118
Máy photocopy (1)	190,200,000	0.004766	906,493

Bản giám sát dự án I (Tháng 7/2016 – Tháng 12/2016)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 3
Ngày 01/01/2017

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giá trị quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt). 2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. 3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác. 	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững. 2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH. 3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ. 	<p>Bản dự thảo Luật sửa đổi lần 1 đã được xây dựng.</p> <p>Dự thảo Thông tư sửa đổi và dự thảo hướng dẫn liên quan đến giống/cây giống đã được xây dựng.</p> <p>3 cuộc hội thảo tập huấn NBDS đã được tổ chức và đã triển khai rà soát dữ liệu tại 7 khu bảo tồn/vườn quốc gia.</p>
---	--	---	---	---

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu ra	Điều kiện tiên quyết
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội Các chuyên gia ngắn hạn Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> Phương tiện đi lại Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> Các khóa đào tạo ở Nhật Bản Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) Trưởng Hợp phần 1 (Bò) Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Các văn phòng DA Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền thuê nhà...). Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

<p>1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).</p> <p>1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.</p> <p>1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.</p> <p>1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.</p> <p>1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.</p> <p>1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.</p> <p>1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.</p>			
---	--	--	--

Bản giám sát dự án II (Tháng 7-Tháng 12/2016)
[Hợp phần 1: Hợp phần hỗ trợ chính sách]

Phiên bản số 3
Ngày 01/01/2017

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)

Đầu vào	Năm NTCVN	2015		2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Giám sát	
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Vấn đề	Giải pháp					
Chuyên gia																									
Ông Hiroki Miyazono (Chủ vấn trưởng)	KH																								
	TH																								
Ông Baku Takahashi (Chủ vấn kỹ thuật về REDD+)	KH																								
	TH																								
Ông Shingo Kamiyama (Đi ề u phối viên hành chính/Chuyên gia chính sách)	KH																								
	TH																								
Các tư vấn Nhật Bản và/hoặc Tư vấn trong nước	KH																								
	TH																								
Thiết bị																									
Phương tiện đi lại cho Văn phòng dự án (tại Hà Nội)	KH																								
	TH																								
Thiết bị văn phòng (Máy tính, máy in, v.v.)	KH																								
	TH																								
Thiết bị cho Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại Thừa Thiên Huế (Máy tính, Máy tính bảng, thiết bị khảo sát hiện trường, v.v)	KH																								
	TH																								
Đào tạo tại Nhật Bản																									
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																								
	TH																								
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																									
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																								
	TH																								

Các hoạt động chính	Cấp	Mã	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & biện pháp giải quyết
				NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Đầu ra 1-1: Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.																														
1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng																														
1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.																														
1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.																														
1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.																														
1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.																														
1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).																														
1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.																														
1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.																														
1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thi thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.																														
1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.																														

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.								
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.			KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	Đã hoàn thành
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.			KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tập huấn tiêu giáo viên PFMS đã hoàn thành tại 6 tỉnh.	Các tỉnh đề nghị tiếp tục tập huấn mở rộng (sẽ được thực hiện trong năm 2017)
1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.			KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tập huấn tiêu giáo viên PFMS đã hoàn thành 2/6 tỉnh; đã bắt đầu tập huấn 1/6 tỉnh; 3/6 tỉnh đang chuẩn bị.	UN-REDD 2 quyết định chậm (sẽ được thực hiện từ đầu năm 2017)
1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.			KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	Khảo sát "Đánh giá năng lực của các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu" đã được triển khai.	

Đầu ra 1-2: Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.								
1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.								
1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).			KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cơ quan BTĐ DSH)	Chưa bắt đầu	
1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.			KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	Bộ TN&MT (Cơ quan BTĐ DSH)	Hội thảo tập huấn GBIF đã được tổ chức vào tháng 9/2016	
1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.								
1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.			KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cơ quan BTĐ DSH)	Hội thảo tập huấn lần 2 được tổ chức vào tháng 9/2016. rà soát và xử lý dữ liệu tại 7 khu bảo tồn/vườn quốc gia đã được triển khai.	Việc nhập dữ liệu thực tế vào NBDS rất ít.

Bản Theo Dõi Giám Sát Dự Án I (7/ 2016 - 12/2016)
[Hợp phần 2: Hợp phần Quản lý rừng bền vững và REDD+]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần QLRBV và REDD+)

Phiên bản số 3
Ngày 01/01/2017

Cơ quan thực thi: Bộ NN&PTNT, UBND các tỉnh và các Sở NN&PTNT của 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình)

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của Cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt, bao gồm cả người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và các hoạt động REDD+ ở Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: 4 tỉnh Tây-Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Chỉ số xác minh khách quan	Phương pháp xác minh	Giá định quan trọng	Kết quả đạt được	Ghi chú
<u>Mục tiêu chung</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự Án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự Án		Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Mục đích của dự án</u> Tăng cường năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự Án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự Án		Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Mục tiêu của hợp phần 2</u> Thúc đẩy công tác quản lý rừng bền vững thông qua hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động REDD+ (KHHĐ REDD+) tại bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình)			1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng

<p><u>Kết quả đầu ra 2-1 (tỉnh Điện Biên)</u></p> <p>Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện KHHĐ REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p><u>Kết quả đầu ra 2-2 (tỉnh Lai Châu, Sơn La, và Hòa Bình)</u></p> <p>Ba (03) tỉnh (Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) xây dựng xong KHHĐ REDD+ thông qua việc thực hiện các hoạt động thí điểm và chuyển giao/chia sẻ kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Tại các địa bàn thí điểm thuộc 4 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Tại tỉnh Điện Biên, PFMS (Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh) được phổ biến tới vùng không phải là địa bàn thí điểm của dự án.</p> <p>3. Vào tháng thứ 30 của dự án, PRAP tại 3 tỉnh (Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) được hoàn tất và được UBND các tỉnh phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>Các KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách và chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan khác (đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ vào các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Xác định được các khu vực thực hiện các hoạt động thí điểm tại bốn (04) tỉnh, thu thập được các dữ liệu từ chương trình điều tra rừng và dữ liệu kiểm kê rừng toàn quốc nhằm phục vụ cho việc phân tích diễn biến rừng.</p> <p>2. Đã tổ chức tập huấn cho các cán bộ đến từ các huyện và các ban quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên về việc nhân rộng hệ thống theo dõi diễn biến rừng trên phạm vi toàn tỉnh, cấp phát xong máy tính bảng có cài "phần mềm theo dõi diễn biến rừng trên máy tính bảng do JICA tài trợ" cho các tỉnh tham gia dự án.</p> <p>Đã tổ chức tập huấn cho các tập huấn viên ở ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình.</p> <p>Kết quả tập huấn được giám sát và được thảo luận tại cuộc họp hàng tháng của tổ chuyên trách tại bốn tỉnh.</p> <p>3. Các tỉnh trên đều đã thành lập Tổ Công tác Kỹ thuật phụ trách xây dựng KHHĐ REDD+, việc xây dựng kế hoạch đã được tiến hành dựa trên lộ trình được thống nhất trước đó giữa các bên.</p>	
--	--	--	--	---	--

Các hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên đề	
<p>[tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-0. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-1. Giám sát việc thực hiện các hoạt động ở các xã thí điểm của dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Quản lý Rừng Bền vững (HTKTQLRBV) khu đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW) [1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật khi cần.</p> <p>2-1-1-1. Xây dựng các kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động như tuần tra bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), tái sinh rừng, trồng rừng và phát triển sinh kế.</p> <p>2-1-1-2. Tiến hành giám sát theo mục 2-1-1-1 và đánh giá các kết quả thu được</p> <p>2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các kết quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.</p> <p>2-1-1-4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác khi cần</p> <p>2-1-2. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.</p> <p>2-1-2-2. Thực hiện điều tra tình hình kinh tế, xã hội ở các xã thí điểm</p> <p>2-1-2-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-4. Xác định ranh giới thôn/bản ở xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tới lãnh đạo và người dân các xã thí điểm.</p> <p>2-1-2-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện REDD+ cho xã thí điểm</p> <p>2-1-2-7. Tiến hành tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-2-8. Tổ chức các cuộc họp thôn bản để hoàn tất công tác xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn của hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p><u>Máy móc và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện/máy móc khác <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Chuyên gia/tư vấn trong nước</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (Cán bộ vận hành GIS, SFM, cải thiện sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (khảo sát sinh kế - xã hội, QLRBV, cải thiện sinh kế...) <p><u>Chi phí thực hiện dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia /tư vấn trong nước • Các chi phí khác sẽ được quyết định khi có phát sinh trong quá trình thực hiện dự án 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Lãnh đạo Ban Quản Lý Các Dự Án Lâm Nghiệp, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (NN&PTNT) • Ban Quản Lý Dự Án Cấp Tỉnh (thuộc 4 tỉnh tham gia dự án) • Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh • Sở NN&PTNT • Các tổ chức liên quan khác <p><u>Cơ sở vật chất và thiết bị</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở tiện ích và thiết bị cơ bản được trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p><u>Chi phí thực hiện dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do nhân sự đối tác thực hiện (bao gồm lương, phụ cấp, đi lại trong nước, phòng nghỉ...) • Chi phí vận hành cần thiết cho văn phòng dự án bao gồm các chi phí tiện ích và thông tin truyền thông. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và xăng • Chi phí cần thiết để nhân sự của đối tác thực hiện dự án • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-2-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).

2-1-2-10. Tiến hành các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ, tái sinh và trồng rừng theo mục 2-1-2-9.

2-1-2-11. Tiến hành các hoạt động cải thiện sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-2-9.

2-1-2-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.

2-1-2-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài chính.

2-1-2-14. Giám sát và đánh giá các kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-3. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-3-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án QLRBV khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)

2-1-3-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-3-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-3-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo mục 2-1-3-3.

2-1-3-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang sử dụng liên quan đến hệ thống TDDBR khi cần thiết.

2-1-3-6 Điều phối tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-4-1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án hỗ trợ kỹ thuật QLRBV khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)

2-1-4-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục 2-1-4-1.

2-1-5. Sửa đổi/điều chỉnh Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh

2-1-5-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác như: phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia được sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.

2-1-5-2. Trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sửa đổi.

2-1-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.

2-1-7. Tổng hợp các kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm đúc rút từ mục 2-1-1 đến mục 2-1-6 để mở rộng phạm vi thực hiện sang các khu vực khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.

[tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh

2-2-2. Thu thập và phân tích thông tin cần thiết đối với mỗi tỉnh

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội ở mỗi tỉnh

2-2-2-2. Thu thập, phân tích số liệu và thông tin về hiện trạng rừng và các chính sách có liên quan, những thay đổi diện tích rừng, phân tích nguyên nhân gây mất rừng, tiến độ thực hiện các kế hoạch và các chương trình của ngành lâm nghiệp, các kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng (BVPTR) và ngân sách thực hiện.

2-2-3. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ tại các địa bàn thí điểm được lựa chọn ở mỗi tỉnh.

2-2-3-1 Xây dựng các tiêu chí và tiến hành lựa chọn các địa bàn thí điểm

2-2-3-2. Tiến hành khảo sát điều kiện kinh tế - xã hội tại địa bàn thí điểm.

2-2-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc các địa bàn thí điểm

2-2-3-4 Xác định danh giới thôn/bản các địa bàn thí điểm

2-2-3-5. Tổ chức Hội thảo giới thiệu REDD+ cho cán bộ và người dân tại các địa bàn thí điểm.

2-2-3-6. Tổ chức thực hiện REDD+ tại các địa bàn thí điểm

2-2-3-7. Tập huấn cho các thúc đẩy viên

2-2-3-8. Tổ chức các cuộc họp cấp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện các kế hoạch QLR và PTSK

2-2-3-9 UBND xã phê duyệt các kế hoạch QLR và PTSK

2-2-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động cải thiện sinh kế thôn/bản theo mục 2-2-3-9.

2-2-3-12. Cán bộ kiểm lâm, cán bộ ban quản lý rừng và cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản.

2-2-3-13. Hỗ trợ người dân các thôn/bản tiếp cận các nguồn cung cấp tài chính

2-2-3-14. Giám sát và đánh giá các kết quả thực hiện các hoạt động REDD+

2-2-4. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh (PFMS) ở mỗi tỉnh.

2-2-4-1. Thành lập tổ chuyên trách về hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh

2-2-4-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh

2-2-4-3. Xây dựng các chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh.

2-2-4-4. Tổ chức tập huấn theo mục 2-2-4-3.

2-2-4-5. Sửa đổi các hướng dẫn, cẩm nang liên quan đến vận hành hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh khi cần thiết.

2-2-5. Xây dựng KHHĐ REDD+ ở mỗi tỉnh tham gia dự án

2-2-5-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ chung ở ba tỉnh tham gia dự án

2-2-5-2. Thành lập tổ chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-5-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh theo lộ trình đã thống nhất

2-2-5-4. Xây dựng đề cương trong đó có các mục tiêu của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-5-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-5-6. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-5-7. Rà soát hệ thống theo dõi diễn biến rừng hiện có và thiết kế để đưa hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cải tiến vào quá trình thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

<p>2-2-5-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-9. Xây dựng các chính sách đảm bảo an toàn sẽ được đưa vào áp dụng trong quá trình thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-10. Xây dựng các kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-11. Xác định các nguồn vốn tiềm năng cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động đề ra trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-12. Làm rõ cơ cấu thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-14. Trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-6. Thực hiện các hoạt động nối tiếp cần thiết</p> <p>2-2-7 Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm tích lũy được thông qua việc thực hiện các hoạt động nêu từ mục 2-2-1 đến mục 2-2-6 để nhân rộng ra các khu vực khác sử dụng các nguồn vốn tiềm năng.</p>			
---	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hỗ trợ kỹ thuật do JICA tài trợ giai đoạn 2010-2015

Hoạt động					Năm 2015		2016			2017				2018				2019				2020			Đơn vị chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp giải quyết																									
	Hoạt động nhỏ				VF1	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam																													
Đầu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện KHHĐ REDD+ tại tỉnh Điện Biên																																																					
[tại tỉnh Điện Biên]																																																					
2-0. Tái thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.																													Kế hoạch																			Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Xác định được đầu mối liên hệ của dự án ở tỉnh Điện Biên Chính thức thành lập Ban QLDA cấp tỉnh sau khi vấn đề dự án được phê duyệt vào ngày 15/11/2016.				
2-1-1. Giám sát việc thực hiện các hoạt động ở các xã thí điểm của dự án Hỗ trợ Kỹ thuật Quản lý Rừng Bền vững (HTKTQLRBV) khu đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW) [1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật khi cần.																														Thực tế																							
2-1-1-1. Xây dựng các kế hoạch giám sát việc thực hiện các hoạt động như tuần tra bảo vệ rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), tái sinh rừng, trồng rừng và phát triển sinh kế.																														Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Kế hoạch và mẫu giám sát hiện đang được điều chỉnh	Kế hoạch và mẫu giám sát sẽ được hoàn hiện vào cuối tháng 1/2017		
2-1-1-2. Tiến hành giám sát theo mục 2-1-1-1 và đánh giá các kết quả thu được																														Thực tế																			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	Công tác giám sát bắt đầu vào tháng 2/2017	
2-1-1-3. Cung cấp thông tin phản hồi về các kết quả giám sát và đánh giá cho các đối tác.																														Thực tế																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	
2-1-1-4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các đối tác khi cần																														Thực tế																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	
2-1-2. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ tại các xã thí điểm mới được lựa chọn.																																																					
2-1-2-1. Lựa chọn xã thí điểm mới.																														Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Xã Pá Khoang được lựa chọn là địa bàn thí điểm tại tỉnh Điện Biên	Hoàn thiện		
2-1-2-2. Thực hiện điều tra tình hình kinh tế, xã hội ở các xã thí điểm																														Thực tế																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Công tác khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã Pá Khoang cũng như các thôn/bản trực thuộc xã đã được thực hiện và báo cáo kết quả khảo sát đã được hoàn thiện.	Hoàn thiện
2-1-2-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.																														Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Sau khi các bản đồ được lập theo từng giai đoạn đã được trùng xép với các hình ảnh vệ tinh có độ phân giải cao, đã cho ra đời bản đồ chính thức thể hiện được chức năng từng khu rừng, thông tin chủ rừng, vị trí thôn/bản, đường xá, sông/hồ.	Hoàn thiện		
Thực tế																																																					

2-1-2-13. Hỗ trợ dân bản cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài chính.																												
2-1-2-14. Giám sát và đánh giá các kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.																												
2-1-3. Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh																												
2-1-3-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án QLRBV khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)																												
2-1-3-2. Đánh giá nhu cầu tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh																												
2-1-3-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh																												
2-1-3-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo mục 2-1-3-3.																												
2-1-3-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang sử dụng liên quan đến hệ thống TDDBR khi cần thiết.																												

2-1-3-6 Điều phối tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	VNFOREST/MBFFPs	Kế hoạch tích hợp phần mềm đã được lập và cách thức tích hợp cũng đã được xây dựng. Các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý đã được tổ chức với sự tham gia của dự án FORMIS2. "Ứng dụng giám sát rừng di động của JICA" tương thích với hệ thống thông tin quản lý rừng FORMIS.	
2-1-4. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.		Thực tế					
2-1-4-1. Xây dựng các kế hoạch đào tạo cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án hỗ trợ kỹ thuật QLRBV khu vực đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW)		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Chi cục kiểm lâm tỉnh Điện Biên đã chia sẻ kinh nghiệm của họ với ba tỉnh tham gia dự án trong buổi đào tạo lần 2 về hệ thống quản lý rừng cấp tỉnh dành cho các cán bộ quản lý.	Hoàn thiện
2-1-4-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục 2-1-4-1.		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Đã tổ chức tập huấn dành cho cấp quản lý về hệ thống quản lý rừng cấp tỉnh. Các lớp tập huấn cho các tập huấn viên về hệ thống quản lý rừng cấp tỉnh cũng đã được tổ chức với sự tham gia của đại diện đến từ 3 tỉnh.	
2-1-5. Sửa đổi/điều chỉnh Kế hoạch (KHHD REDD+ cấp tỉnh)		Thực tế					
2-1-5-1. Điều chỉnh KHHD REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và các khía cạnh khác như: phân tích tài chính và/hoặc KHHD REDD+ cấp quốc gia được sửa đổi, và kết quả tham vấn với các bên tham gia.		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được thành lập, lộ trình xây dựng kế hoạch đã được thống nhất, công tác soạn thảo kế hoạch cũng đã được tiến hành.	
2-1-5-2. Trình UBND tỉnh xem xét và phê duyệt KHHD REDD+ cấp tỉnh sửa đổi.		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-1-6. Thực hiện các hoạt động tiếp nối cần thiết.		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	
2-1-7. Tổng hợp các kết quả đạt được và những bài học kinh nghiệm rút ra từ mục 2-1-1 đến mục 2-1-6 để mở rộng phạm vi thực hiện sang các khu vực khác sử dụng nguồn đầu tư có thể có trong tương lai.		Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	
		Thực tế					

2-2-5. Xây dựng KHHD REDD+ ở mỗi tỉnh tham gia dự án																				
2-2-5-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ cho ba tỉnh tham gia dự án				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Ban QLDA lâm nghiệp	Đã tổ chức các cuộc hội thảo khởi động cấp tỉnh, cuộc họp khởi động về hợp phần phụ, về các hoạt động thí điểm, và về hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.	Hoàn thiện
				Thực tế																
2-2-5-2. Thành lập tổ chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Ban QLDA lâm nghiệp	Thành lập tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thiện
				Thực tế																
2-2-5-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh theo lộ trình đã thống nhất				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh được thống nhất tại buổi hội thảo giới thiệu dự án cấp tỉnh.	Hoàn thiện
				Thực tế																
2-2-5-4 Xây dựng đề cương trong đó có các mục tiêu của KHHD REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
				Thực tế																
2-2-5-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan của tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
				Thực tế																
2-2-5-6. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
				Thực tế																
2-2-5-7. Rà soát hệ thống theo dõi diễn biến rừng hiện có và thiết kế để đưa hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cải tiến vào quá trình thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh.				Kế hoạch	[Hatched pattern]												Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Công tác xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh đã diễn ra ở mỗi tỉnh thông qua các hoạt động sau: - Tổ chức họp tổ công tác kỹ thuật tại Hà Nội để khởi động việc xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh với sự tham gia của đại diện tổ công tác kỹ thuật thuộc mỗi tỉnh - Công tác phân tích không gian được tiến hành và hoàn thiện. - Hoạt động tham vấn cấp huyện/xã đã được	
				Thực tế																

2-2-5-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHH REDD+ cấp tỉnh.				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện và hoàn thiện với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của dự án QLTNTNBV. Hội thảo tổ công tác kỹ thuật và tham vấn cấp tỉnh lần thứ nhất đã được tổ chức ở từng tỉnh. Hội thảo tổ công tác kỹ thuật và tham vấn cấp tỉnh lần thứ hai đã được tổ chức ở tỉnh Hòa Bình, Sơn La và Điện Biên. Hội thảo tham vấn cấp huyện/xã lần thứ hai đã được tổ chức ở tỉnh Điện Biên 	
2-2-5-9. Xây dựng các chính sách đảm bảo an toàn sẽ được đưa vào áp dụng trong quá trình thực hiện KHHH REDD+ cấp tỉnh.				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
2-2-5-10. Xây dựng các kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHH REDD+ cấp tỉnh.				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
2-2-5-11. Xác định các nguồn vốn tiềm năng cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động đề ra trong KHHH REDD+ cấp tỉnh.				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp		
2-2-5-12. Làm rõ cơ cấu thực hiện KHHH REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Thành lập tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh	
2-2-5-13. Hoàn thiện KHHH REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-2-5-14. Trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt KHHH REDD+ cấp tỉnh				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA cấp tỉnh/ tổ công tác kỹ thuật xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh/ Ban quản lý các dự án lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-2-6. Thực hiện các hoạt động nối tiếp cần thiết				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	
2-2-7 Tổng hợp các kết quả và bài học kinh nghiệm tích lũy được thông qua việc thực hiện các hoạt động nêu từ mục 2-2-1 đến mục 2-2-6 để nhân rộng ra các khu vực khác sử dụng các nguồn vốn tiềm năng.				Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/cơ quan chức năng liên quan/Ban quản lý rừng	Không áp dụng	

Thời hạn/giai đoạn	Kế hoạch		Thực tế																												
Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp			
	VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III									
Giám sát																															
Ban chỉ đạo dự án	Kế hoạch																														
	Thực tế																														
Xây dựng kế hoạch vận hành chi tiết	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết					
Nộp bản giám sát thực hiện	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Công tác giám sát thực hiện từ Nhật Bản	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Giám sát sau dự án	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Báo cáo / tài liệu																															
Kế hoạch thực hiện	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Báo cáo hoàn thành dự án	Kế hoạch																														
	Thực tế																									Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng			
Quan hệ công chúng																															
	Kế hoạch																														
	Thực tế																														
	Kế hoạch																														
	Thực tế																														

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 – Tháng 12/ 2016)

[Hợp phần 3: Đa dạng sinh học]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Phiên bản số 3

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Ngày 01/01/2017

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: người dân địa phương tại khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LDBQ) ở tỉnh Lâm Đồng, Đak Lak, Ninh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
<u>Mục tiêu cụ thể của Dự án</u> Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng

<p>Mục tiêu của Hợp phần</p> <p>Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>1. Việc tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) (được dự án xây dựng) vào FORMIS được phê duyệt chính thức.</p> <p>2. Số liệu giám sát đa dạng sinh học chỉ ra rằng hiện trạng sinh thái của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang là ổn định.</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) và BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan.</p> <p>5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể đối với rừng và hệ sinh thái rừng trong khu vực</p>	<p>Không áp dụng</p> <p>Không áp dụng</p> <p>Không áp dụng</p>	<p>Không áp dụng</p> <p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-1</p> <p>Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này.</p> <p>3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt.</p> <p>3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx2 % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-1-1 TOR của gói thầu cho hoạt động liên quan đã được chuẩn bị.</p> <p>3-1-2 Đã bắt đầu các công việc chuẩn bị đầu thầu theo TOR của hoạt động liên quan.</p> <p>3-1-3 Quyết định thành lập BQL khu DTSQ LB đã được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành ngày 3/6/2016.</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-2</p>					

<p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) cùng với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx2 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx2 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ của BNNP-MB, DWPB-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA ở các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận và trình lên UBND tỉnh (PPC).</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Công văn trình</p>		<p>3-2-1,3-2-2 và 3-2-3 Rà soát đánh giá CM/BSM hiện có ở Việt Nam đã được hợp phần 3 thực hiện cùng với cán bộ của VQG và của BQL Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, sau đó dựa vào kết quả rà soát đánh giá này, việc nâng cấp CM/BSM sẽ được thiết kế nhằm mang lại lợi ích cho người dân tham gia CMA. 3-2-4 Không áp dụng</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		<p>3-3-1 Đã bắt đầu tiến hành điều tra cơ bản đa dạng sinh học, sau đó dựa vào kết quả điều tra này sẽ xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học 3-3-2 Không áp dụng</p>	

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia <ul style="list-style-type: none"> Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> Quản lý hợp tác (CM) Quản lý khu dự trữ sinh quyển Phát triển sinh kế Du lịch sinh thái (Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc <ul style="list-style-type: none"> Các dụng cụ điểu tra giám sát đa dạng sinh học Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) Xe máy </p> <p>Đào tạo <ul style="list-style-type: none"> Các khóa đào tạo tại Nhật Bản Các khóa đào tạo tại nước thứ ba Các khóa đào tạo tại Việt Nam </p>	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án <ul style="list-style-type: none"> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) Các cán bộ của BNBPN-MB Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) DARD (Cán bộ) DONRE (Cán bộ) DOST (Cán bộ) DOCST (Cán bộ) UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất <ul style="list-style-type: none"> Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) Các cơ sở vật chất và thiết bị khác Ô tô (2 chiếc) </p> </p>	<ol style="list-style-type: none"> Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng
<p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p>	<p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ <ul style="list-style-type: none"> CM Kế hoạch quản lý BR EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể Marketing CBET Cơ chế tài chính Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) Điều tra cơ bản đa dạng sinh học Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học Giám sát đa dạng sinh học (Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án <ul style="list-style-type: none"> Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua Chi phí thuê các chuyên gia trong nước Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. </p>	<p>Chi phí của Dự án <ul style="list-style-type: none"> Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. Các chi phí cần thiết khác. </p>	

3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để cùng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liên kết ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Rà soát đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng cũng như các BSM và CMA khác được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điề u tra thông tin về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điề u kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng chỉ hệ n lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA cùng với các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) cùng với các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của PPC đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA và các BSM gồm cả FFS (trường học trên đồng ruộng) về các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cầm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA và các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Rà soát các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Rà soát các số liệu kiểm kê rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở về thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật.

3-3-4 Tiến hành điểu tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điểu tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điểu tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn để giám sát đa dạng sinh học, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điểu tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP tới MARD để tích hợp vào FORMIS và lưu trữ tại NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Rà soát phương pháp hiện đang được áp dụng để theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/buôn mục tiêu/thị điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Output 3-2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) cùng với các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).													
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).													
3-2-1 Rà soát đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng cũng như các BSM và CMA khác được thí điểm ở Việt Nam.													
	KH										Chuyên gia quản lý hợp tác	Tổ công tác	Rà soát mô hình CM/ BSM ở Việt Nam đã hoàn thành và được tổng hợp thành báo cáo.
3-2-2 Điều tra thông tin về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.													
	KH										Chuyên gia quản lý hợp tác	UBND xã Tổ công tác	Điều tra đã hoàn thành và được tổng hợp thành báo cáo
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).													
	KH										Chuyên gia quản lý hợp tác	TTKN UBND xã Tổ công tác	Thử nghiệm với nông dân chủ chốt ở các thôn mục tiêu đã được thực hiện cho các hoạt động nâng cấp CMA
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.													
	KH										Chuyên gia du lịch sinh thái	Sở VH-TTDL BNBPNMB Tổ công tác	Nâng cấp CBET được xem xét việc hợp tác với các công ty tư nhân là đơn vị sẽ giúp để sản phẩm của người dân tham gia CMA tiếp cận thị trường tốt hơn
3-2-5 Xây dựng chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).													
	KH										Chuyên gia quản lý hợp tác	Sở NN&PTNT UBND huyện Tổ công tác	Thu thập thông tin cho hoạt động xây dựng chiến lược marketing đã được thực hiện
3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA cùng với các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.													
	KH										Chuyên gia quản lý hợp tác	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Ý tưởng cải tiến CM với BSM sử dụng PGES đã được phát triển, được BQL khu DTSQ Langbiang thông quan trong phiên họp thứ 2 của BQL
3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.													
	KH										Chuyên gia cải thiện sinh kế	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Thu thập thông tin về tình hình tài chính của thôn mục tiêu đã được thực hiện

Thời gian/giai đoạn	KH		TH		2015		2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Issue	Solution
	VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Kế hoạch giám sát																												
Giám sát																												
Ban chỉ đạo dự án																												
Xây dựng Kế hoạch hoạt động chi tiết																												
Trình Ban giám sát																												
Đoàn giám sát từ Nhật Bản																												
Hậu giám sát																												
Các báo cáo/tài liệu																												
Kế hoạch làm việc																												
Báo cáo tổng kết dự án																												
Quan hệ công chúng																												

Bản giám sát dự án I (Tháng 7/2015 – Tháng 12/ 2016)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 3

Ngày 01/01/2017

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác. Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS) Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế. Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt. 2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng. 3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của FORMIS Báo cáo của Bộ NN & PTNT Báo cáo của dự án	1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.	Ứng dụng di động cho PFMS đã hoàn toàn tích hợp với cơ sở dữ liệu FORMIS. Các thành quả và bài học kinh nghiệm của Dự án SNRM đã được chia sẻ với các nhà tài trợ bằng nhiều hình thức khác	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên quyết
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Cán bộ Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Trưởng Hợp phần 4 (bỏ) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiện nghi, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<ol style="list-style-type: none"> 1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN. 2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam. 3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 4 (Thời gian: tháng 1-6/2017)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 1/7/2017

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 24 cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện Dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- 06 chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc được phân công theo như kế hoạch.
- 13 cán bộ dự án trong đó có chuyên gia CM (Quản lý hợp tác) và EFLO (Sinh kế thân thiện với môi trường) tiếp tục tham gia dự án.

(Chi tiết ở Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp (MBFPs) trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, MBFPs, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST) trực thuộc MARD đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi Quyết định 78 về theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các tỉnh mục tiêu đã thành lập Ban Quản lý Dự án (BQLDA) cấp tỉnh và chính thức bổ nhiệm nhân sự tham gia thực hiện dự án; ngoại trừ tỉnh Lai Châu đến nay vẫn chưa thành lập được ban quản lý dự án tỉnh.
- Tỉnh Sơn La và Điện Biên đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng với sự tham gia của các thành viên BQLDA và chuyên gia Nhật Bản.

[Hợp phần 3]

- UBND tỉnh Lâm Đồng đã thành lập chính thức PPMU vào ngày 6/3/2017, chỉ định các cán bộ đối tác và đảm bảo phân bổ vốn đối ứng thực hiện dự án.
- Các cuộc họp của PPMU với các chuyên gia hợp phần 3, bao gồm các chuyên gia Nhật Bản, được tổ chức định kỳ hàng tháng để thảo luận các vấn đề trong quá trình thực hiện dự án. Việc thành lập 03 tổ công tác để hỗ trợ PPMU cũng đã được thảo luận và thống nhất tại cuộc họp lần 2 của PPMU.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Máy móc và thiết bị cần thiết cho các hoạt động của dự án đã được mua sắm (Xem chi tiết ở Phụ lục 2).
- Đã mua và bàn giao xe máy đến 04 tỉnh Tây Bắc, gồm Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu.
- Đang tiến hành các thủ tục mua xe ô tô (2 cầu) cho 03 tỉnh và văn phòng dự án tại Trung ương.

1-1-4 Tập huấn

[Hợp phần 3]

Tập huấn tại Nhật Bản

- Khóa tập huấn về “Tăng cường năng lực quản lý Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang” đã được tổ chức từ ngày 14 đến ngày 23/5/2017 cho 8 cán bộ tỉnh Lâm Đồng.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

- Bản dự thảo lần 5 Luật bảo vệ và phát triển rừng sửa đổi đã được Tổng cục Lâm nghiệp soạn thảo cùng với sự hỗ trợ của Dự án SNRM và các nhà tài trợ khác như GIZ và UN-REDD II. Dự thảo cũng đã được trình lên Kỳ họp thứ 3, Quốc Hội khóa XIV để thảo luận.
- Đã bắt đầu chuẩn bị cho các hoạt động liên quan, bao gồm chuyến thăm quan học hỏi tại Nhật cho đoàn đại biểu quốc hội do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT làm trưởng đoàn, chuyến công tác tại các tỉnh Tây Bắc của các thành viên quốc hội và Hội thảo tham vấn quốc gia.
- Hy vọng Bản dự thảo cuối cùng sẽ được trình lên kỳ họp tiếp theo của Quốc hội vào tháng 10/2017 để thông qua.

Những quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã đồng ý nâng cấp Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi thành Luật. Tổng cục Lâm nghiệp đang chỉnh sửa Dự thảo theo ý kiến từ Quốc hội.
- Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” mới đang được điều chỉnh theo ý kiến từ Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi trình lại để phê duyệt.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án SNRM đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật để đánh giá tiến trình NRAP do UN-REDD II thực hiện thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với nhóm sửa đổi NRAP.
- NRAP sửa đổi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 5/4/2017.
- Đã phối hợp với VNFOREST, UN-REDD và FCPF để bắt đầu chuẩn bị cho một sự kiện bên lề Hội nghị COP23 của UNFCCC nhằm chia sẻ thông tin thực hiện REDD+ tại Việt Nam, bao gồm NRAP.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Liên quan đến việc điều chỉnh bổ sung Dự thảo Văn kiện Chương trình giảm phát thải (ERPD), Dự án SNRM đã tiến hành thảo luận với FCPF để phối hợp điều chỉnh thống nhất giữa ERPD, NRAP và PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế. Dự án SNRM cam kết tiếp tục hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên Huế (FCPF có đề nghị Dự án SNRM hỗ trợ tỉnh Quảng Trị; Dự án sẽ tiếp tục thảo luận và quyết định sau).
- Theo đề nghị của một tổ chức phi Chính phủ trong nước (Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng cao – CERDA), Dự án SNRM cũng đã hoàn thành phân tích biến động hiện trạng rừng tại tỉnh Thái Nguyên, làm cơ sở xây dựng PRAP của tỉnh. Dự án chưa có kế hoạch hỗ trợ tiếp theo cho tỉnh Thái Nguyên (CERDA đang hỗ trợ xây dựng PRAP cho tỉnh).

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Tập huấn tiểu giáo viên đã được tổ chức tại 11 tỉnh, có phối hợp với FCPF, UN-REDD II và VFD là các nhà đồng tài trợ.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Các tỉnh này bao gồm Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Bình Thuận và Cà Mau (tập huấn cho 4 tỉnh Tây Bắc nằm trong Hợp phần 2).
- Tại mỗi tỉnh, đã tổ chức tập huấn tiểu giáo viên cho 18-58 học viên (cán bộ kiểm lâm), đồng thời cung cấp đủ máy tính bảng cho các học viên.
- Để chính thức ban hành quyết định thí điểm việc sử dụng máy tính bảng và ứng dụng di động cho các đơn vị, Dự án SNRM đã tổ chức các cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm cũng như FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Đến nay, đang chờ ý kiến thống nhất của Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã hoàn thành kiểm tra và xử lý số liệu thu thập từ 08 vườn quốc gia đại diện cho các hệ sinh thái khác nhau tại Việt Nam (VQG Ba Bể, VQG Bidoup Núi Bà, VQG Côn Đảo, VQG Hoàng Liên, VQG Phong Nha Kẻ Bàng, VQG Phú Quốc, VQG Bái Tử Long, và KBT biển Phú Quốc). Dữ liệu này đã được đưa vào hệ thống NBDS.
- Đã rà soát hệ thống NBDS và xác định được một số lỗi hệ thống để tiến hành nâng cấp trong thời gian tới, bao gồm lỗi chức năng tìm kiếm, chức năng tải dữ liệu và một số lỗi hệ thống.
- Đã chọn thêm 10 vườn quốc gia để thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu vào hệ thống NBDS, bao gồm VQG Vũ Quang, VQG Bạch Mã, KBTTN Nha Trang, VQG Pù Mát, VQG Núi Chùa, VQG Yok Đôn, KBTTN Cồn Cỏ, KBTTN Đầm Thị Nại, KBTTN Đầm Ô Loan, KBTTN đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng. Đã bắt đầu tiến hành thu thập số liệu tại một số vườn quốc gia/ khu bảo tồn.
- Hội thảo khu vực châu Á về hệ thống thông tin đa dạng sinh học toàn cầu (GBIF) được tổ chức vào ngày 13-14/6/2017 tại Hà Nội, với sự tham gia của đại biểu từ hơn 10 quốc gia, các tổ chức quốc gia/ quốc tế, chính phủ Nhật Bản và Trụ sở JICA. Hội thảo đã làm rõ các bước/ hoạt động Việt Nam cần thực hiện để trở thành thành viên của GBIF, đồng thời tăng cường mạng lưới khu vực về thông tin đa dạng sinh học.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Đã xây dựng dự thảo thông tư thay thế Quyết định 78 và đưa lên website Tổng cục Lâm nghiệp để lấy ý kiến.
- Dự kiến, dự thảo cuối cùng của Thông tư sẽ được trình lên Quốc hội vào tháng 10 hoặc 11/2017. Đây sẽ là một văn bản dưới luật của Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Điện Biên: dự thảo Kế hoạch PRAP điều chỉnh được trình lên Tổng cục Lâm nghiệp ngày 25/4 để thẩm định. Sau khi nhận được ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp ngày 16/5, tổ công tác của tỉnh đã tiến hành điều chỉnh dự thảo PRAP và xây dựng báo cáo thực hiện PRAP giai đoạn 2014-2016 theo đề nghị của Tổng cục Lâm nghiệp. Bản dự thảo kế hoạch điều chỉnh và các tài liệu kèm theo đã được

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

trình lên UBND tỉnh đề nghị phê duyệt vào ngày 13/6 và đại diện UBND tỉnh đã gửi ý kiến phản hồi cho tổ công tác kỹ thuật vào ngày 22/6. Tổ công tác kỹ thuật dự kiến sẽ tổ chức một cuộc họp với đại diện UBND tỉnh để làm rõ một số điểm trước khi trình lại bản dự thảo kế hoạch lên UBND tỉnh đề nghị phê duyệt chính thức.

- Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu: các tổ công tác đã hoàn thành các bước xây dựng PRAP theo lộ trình. Hòa Bình đã trình dự thảo PRAP lên TCLN ngày 31/5. Hai tỉnh Sơn La và Lai Châu cùng trình lên TCLN vào ngày 9/6. Cả ba tỉnh đều đang đợi ý kiến phản hồi từ phía TCLN.

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Đã hoàn thành khảo sát chi tiết tình hình kinh tế xã hội tại các xã thí điểm ở 4 tỉnh.
- Đang thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế theo các kế hoạch 5 năm (2016-2020) và kế hoạch hàng năm (2016-2017) đã được UBND các xã thí điểm phê duyệt.
- Đã thành lập các Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn bản tại các bản mục tiêu ở các xã thí điểm.

[Quản lý rừng]

- Chi cục kiểm lâm các tỉnh đã thẩm định các hồ sơ thiết kế trồng rừng (115,15 ha tại tỉnh Điện Biên, 114 ha tại tỉnh Sơn La, 84,90 ha với các loài bản địa tại tỉnh Hòa Bình và 10 ha tại tỉnh Lai Châu).
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng rừng tại tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình và Lai Châu.
- Đã hoàn thành công tác chuẩn bị đất trồng cây tại tỉnh Hòa Bình. Tại ba tỉnh còn lại là Điện Biên, Sơn La và Lai Châu công tác này đang được tiến hành. Cây giống đều được kiểm tra cả về mặt số lượng và chất lượng.
- Đang tiến hành trồng rừng tại tỉnh Hòa Bình. Các tỉnh Điện Biên, Sơn La và Lai Châu sẽ sớm thực hiện trong thời gian tới.
- Đã tổ chức tham quan học hỏi mô hình trồng rừng hỗn giao tại tỉnh Hòa Bình.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng cây phân tán cho người dân tại các địa bàn thí điểm thuộc 02 tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Cây giống cũng đã được chuyển đến người dân tại 02 tỉnh này.
- Chi cục Kiểm lâm đã tiến hành thẩm định hồ sơ thiết kế khoanh nuôi tái sinh (303 ha tại tỉnh Sơn La).
- Đã thành lập và tập huấn các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản. Trang thiết bị tuần tra rừng cũng đã được cung cấp cho các thành viên tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản thuộc các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình và Lai Châu.
- Đã tiến hành hoạt động tuần tra rừng. Tổ tuần tra đã phát hiện và báo cáo kiểm lâm để xử lý các vụ khai thác rừng trái phép.
- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế trồng cây Mạ Chả và tiến hành công tác chuẩn bị cần thiết cho việc trồng thử nghiệm tại tỉnh Điện Biên.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Phát triển sinh kế]

Tỉnh Hòa Bình

- Đã tổ chức tham quan, tập huấn nuôi ong cho người dân. Các hộ dân đăng ký tham gia nuôi ong đã được cung cấp ong giống và thiết bị nuôi ong. Nhóm các hộ dân có cùng nguyện vọng nuôi ong (nhóm sở thích) đã được thành lập, nội quy hoạt động chi tiết của nhóm cũng đã được xây dựng và thông qua.
- Đã tổ chức các lớp tập huấn trồng rau; cung cấp cây giống, hạt giống và màng phủ nông nghiệp đến người dân.
- Đã cấp bếp đun cải tiến đến các hộ dân được nhận hỗ trợ.
- Đã xây dựng và lắp đặt hệ thống khí sinh học (biogas).
- Đã tổ chức lớp tập huấn về kỹ thuật trồng bưởi cho người dân.
- Đã cung cấp hỗ trợ cho hoạt động trồng cỏ cho gia súc.

Tỉnh Sơn La

- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế mô hình nông lâm kết hợp (trồng cây ăn quả dọc tuyến các đường trồng cỏ đồng mức) và tổ chức các lớp tập huấn cho người dân. Đã hoàn thiện công tác chuẩn bị đất trồng.
- Đã tổ chức tập huấn về ủ phân/sản xuất phân bón hữu cơ và làm bếp đun cải tiến cho người dân.
- Đã xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển sinh kế cho bản tái định cư, song song với kế hoạch trồng rừng tập trung (bản Tông Bua).

Tỉnh Điện Biên

- Người dân đăng ký tham gia đã được tập huấn kỹ thuật và được cung cấp thùng nuôi ong.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật, cung cấp cá giống và các nguyên vật liệu cần thiết khác cho người dân.
- Đã tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả và cung cấp cây giống cho người dân.

Tỉnh Lai Châu

- Đã tập huấn kỹ thuật nuôi lợn cho người dân.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật, cung cấp cá giống và các nguyên vật liệu cần thiết cho người dân tham gia.
- Một số hộ dân đã được hỗ trợ xây dựng và lắp đặt hệ thống khí sinh học (biogas).
- Đã tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả và cung cấp cây giống cho người dân.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Đã tổ chức các lớp đào tạo giảng viên nguồn bổ sung tại tỉnh Điện Biên theo đề nghị của tỉnh.
- Đã xây dựng kế hoạch tập huấn nhân rộng cho cả bốn tỉnh Tây Bắc.
- Đang xây dựng Hệ thống kiểm soát chất lượng đối với hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (trên nền Google Earth Engine).
- Kết quả tập huấn được xem xét và thảo luận trong các cuộc họp tổ chuyên trách của 4 tỉnh Tây Bắc.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Đã tổ chức các cuộc họp điều phối với FORMIS II và TCLN để thảo luận việc tích hợp ứng dụng di động theo dõi diễn biến rừng PFMS với máy chủ và Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (FRMS).

[Hợp phần 3]

- Tiến độ thực hiện 3 tiểu hợp phần trong giai đoạn báo cáo được tổng hợp dưới đây. Nội dung tiến độ chi tiết được mô tả trong Bản đánh giá II.

Các hoạt động liên quan đến BQL Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang (Tiểu hợp phần 3-1)

- Về việc xây dựng kế hoạch quản lý, đã xây dựng dự thảo lần cuối Kế hoạch quản lý 5 năm Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang vào cuối tháng 6/2017.
- Để tăng cường nhận thức về Chương trình Con người và Sinh Quyển và Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang thông qua các phương thức chia sẻ kiến thức với các bên liên quan, dự án đã tổ chức nhiều cuộc họp cho toàn bộ các huyện lân cận và thành phố, kết quả hoạt động được tóm tắt qua biên bản các buổi họp. Một số ý kiến, đề xuất cải thiện các hoạt động sinh kế và bảo vệ các khu bảo tồn nêu ra tại các cuộc họp (như bán cà phê trực tiếp cho các công ty tư nhân) đã được lồng ghép vào kế hoạch quản lý Chương trình Con người và Sinh quyển.

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (Tiểu hợp phần 3-2)

- Đang chuẩn bị thử nghiệm Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) cùng BQL VQG Bidoup Núi bà, BQL RPH Đa Nhim, UBND các xã và các thành viên cộng đồng địa phương, bao gồm xác định điểm thử nghiệm, phân định ranh giới điểm thử nghiệm và xây dựng dự thảo Thỏa thuận quản lý hợp tác.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ năng thúc đẩy cho cán bộ UBND xã cùng với kiểm lâm và trưởng thôn để nâng cao năng lực, kỹ năng truyền đạt thông tin kịp thời, hiệu quả tới người dân. Đây là hoạt động nhằm tạo việc làm cho thanh niên.
- Về các phương thức sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO), đã tiếp tục thử nghiệm các kỹ thuật phát triển sinh kế như sản xuất/ bón phân hữu cơ và canh tác ngoài cây cà phê để các hộ nông dân chia sẻ, nhân rộng những kỹ thuật đó khi thực hiện thử nghiệm CMA nhằm tăng năng suất và tính đa dạng trong canh tác theo hướng thân thiện với môi trường.
- Về du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (CBET), BQL VQG Bidoup Núi bà đã phối hợp với một công ty lữ hành tư nhân nghiên cứu, xây dựng các chương trình làm việc nhóm quy mô lớn tại VQG Bidoup Núi bà, coi đây là một sản phẩm du lịch sinh thái của Vườn. Đang tiếp tục xây dựng chương trình Giáo dục Môi trường thông qua tham vấn/ phối hợp với Ủy ban Quốc gia Chương trình Con người và Sinh Quyển (MAB Việt Nam), các tổ chức phi chính phủ và các công ty lữ hành.
- Đang xây dựng chiến lược marketing và xây dựng logo/nhãn hiệu các sản phẩm Chương trình Con người và Sinh Quyển, căn cứ đề xuất các sản phẩm tiềm năng, chiến lược tiếp thị, một số mẫu logo/nhãn hiệu và kế hoạch hành động đã được đưa ra trong dự thảo báo cáo.
- Nhìn chung, các hoạt động trong tiểu hợp phần 3-2 đã được thực hiện theo đúng kế hoạch.

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng/ đa dạng sinh học (Tiểu hợp phần 3-3)

- Đang tiến hành các khảo sát đa dạng sinh học cơ bản và phân tích số liệu thu thập, để xây dựng hệ thống theo dõi đa dạng sinh học, trong đó bao gồm việc xác định các loài chỉ thị và tiêu chí lựa chọn đã được thảo luận tại một hội nghị trong tháng 4/2017. Sau khảo sát, đã xác định được một số loài chỉ thị.
- Đã thử nghiệm flycam (máy bay không người lái) để chụp ảnh không gian khu vực tuần tra trong lưu vực chi trả DVMTR, nhằm nâng cao tính hiệu quả trong tuần tra và xác minh kết quả tuần tra. Quá trình thử nghiệm cho kết quả rất khả quan. Báo cáo chi tiết sẽ được chuẩn bị, đồng thời sẽ thảo luận với Ban Quản lý Dự án SNRM Trung ương trước khi tiến hành nhân rộng hệ thống flycam này và chính thức gửi đề xuất lên trụ sở JICA.
- Đã tổ chức tập huấn lần 3 về hệ thống TDDBR cấp tỉnh vào tháng 3/2017 cho cán bộ kiểm lâm BQL VQG Bidoup Núi bà và BQL RPH Đa Nhim. Đã tổ chức cuộc họp lần 3 của tổ chuyên trách hệ thống TDDBR cấp tỉnh.

[Hợp phần 4]

Tích hợp dữ liệu/thông tin vào FORMIS

- Ứng dụng di động cho PFMS và cơ sở dữ liệu/ứng dụng FORMIS đã hoàn toàn tích hợp. Toàn bộ các chỉ số giám sát đã được chuẩn hóa; ứng dụng di động có thể gửi trực tiếp số liệu thu thập lên CSDL FORMIS. Số liệu tổng hợp được quản lý thông qua Ứng dụng desktop của FORMIS.

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã chuẩn bị tờ rơi, áp phích nhằm giới thiệu những nét chính trong các hoạt động của Dự án SNRM.
- Đã xây dựng bản tin dự án bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Đã lập trang Facebook của Dự án SNRM.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- SNRM đang đi đúng hướng để đạt được Mục tiêu cụ thể của dự án, mặc dù hiện nay vẫn còn quá sớm để đánh giá mức độ đạt được Mục tiêu cụ thể dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Mặc dù dự án được phê duyệt chậm (15/11/2016), nhưng Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết để thực hiện dự án theo cách linh hoạt và phù hợp.
- Các tổ chức liên quan khác như VNFOREST và Bộ Tài nguyên Môi trường (MONRE) đã có các hành động cần thiết để thực hiện dự án một cách suôn sẻ.
- Hội nghị lần thứ 1 Ban Chỉ đạo Dự án đã được tổ chức vào ngày 5/5/2017.

[Hợp phần 2]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, ngoại trừ tỉnh Lai Châu, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) đã được thành lập tại 4 tỉnh mục tiêu còn lại, kèm danh sách bổ nhiệm chính thức cán bộ đối tác tại các tỉnh. Điện Biên và Sơn La là 2 tỉnh đầu tiên tổ chức các cuộc họp giao ban tháng của PPMU.

[Hợp phần 3]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, PPMU được thành lập chính thức vào ngày 6/3 theo quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng, kèm theo danh sách bổ nhiệm các cán bộ đối tác. Vốn đối ứng thực hiện dự án cũng đã được UBND tỉnh đảm bảo. Các cuộc họp của PPMU được tổ chức định kỳ hàng tháng.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

[Hợp phần 2]

- Đã tổ chức tham vấn với một bản tái định cư (bản Tong Bua, tỉnh Sơn La) nằm gần điểm trồng rừng dự kiến do diện tích chặn thả gia súc của người dân có thể bị thu hẹp. Bản Tong Bua đã nhất trí thiết lập và bảo vệ diện tích rừng trồng, đồng thời đề nghị Dự án SNRM hỗ trợ trồng cây ăn quả/ trồng cỏ và sản xuất phân hữu cơ.

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

[Hợp phần 2]

- Đang thành lập Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn bản tại mỗi bản mục tiêu, trong đó yêu cầu 1/3 số thành viên phải là phụ nữ. Ban QLR và PTSK cấp thôn bản là đơn vị lòng cốt quản lý trực tiếp các hoạt động dự án án hỗ trợ đến các bản.

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 1 – 4]

- Điều phối và hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực một cách thường xuyên, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có dự án vốn vay JICA 3, Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMAs (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Hiệp hội nghiên cứu gỗ xẻ của Nhật Bản tiến hành khảo sát tính hợp pháp của gỗ ở Việt Nam.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạy Chả ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã tiến hành khảo sát tình hình phát triển cây Mạy Chả trong tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạy Chả tại xã Pá Khoang (do Đại học Lâm nghiệp thực hiện).

[Hợp phần 3]

- Nhóm hợp phần 3 đã tham gia cuộc họp về chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp và du lịch nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng, do đoàn khảo sát JICA tổ chức, nhằm nghiên cứu khả năng hợp tác trong xây dựng thương hiệu giữa tỉnh Lâm Đồng và BQL Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang.
- Hợp phần 3 đã khuyến khích những nông dân chủ chốt trong nhóm EFLO tham gia bán cà phê trực tiếp cho công ty UCC và ACOM nhằm thúc đẩy mô hình canh tác cà phê bền vững. Hợp phần 3 cũng phối hợp với ACOM thử nghiệm chế biến phân hữu cơ từ vỏ hạt cà phê để nhân rộng tại các diện tích trồng cà phê.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn này.

2-1 Chi tiết

2-2 Nguyên nhân

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) được điều chỉnh thành Phiên bản 2 ngày 1/1/2017. Nếu có điều chỉnh thay đổi tiếp theo sẽ được bàn bạc trao đổi với Ban quản lý dự án Trung ương trước khi đệ trình các cơ quan chức năng phê duyệt.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- PDM/PO/APO điều chỉnh đã được phê duyệt tại hội nghị Ban chỉ đạo Dự án lần thứ nhất ngày 5/5/2017.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

[Chung cho Hợp phần 2 và 3]

- Hiện nay quá sớm để Chính phủ Việt Nam tiến hành các công việc chuẩn bị sau khi dự án kết thúc.

II. Bản giám sát dự án I & II được đính kèm

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	6/12/2015- 15/12/ 2015 6 /3/2016 - 19 /3/ 2016 22 /5/ 2016 - 28 /5/ 2016 7, 8 /6/ 2016 23, 24/8/2016 13 / 11/ 2016 – 19/11/2016 15, 16, 19 /12/2016 10-12, 26 – 17/1/2017 20,21/2/2017 2,3 – 6/5/2017 15, 16/6/2017 (Tổng : 2,27 tháng)
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	14 /12/ 2015 - 18 /12/2015 17 /1/ 2016 – 19/1/ 2016 8 /2/ 2016 - 16 /2/ 2016 6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 16 /5/ 2016 - 24 /6/ 2016 9 /8/ 2016 – 30 /9/ 2016 24 /10/ 2016 – 3 /11/ 2016 5 – 20/1/2017 3 – 5/5/2017 6 – 23/6/2017 (Tổng : 6,32 tháng)
3	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	17 /1/ 2016 - 22 /1/ 2016 6 /3/ 2016 - 31 /3/ 2016 18 /7/ 2016 – 22 /7/ 2016 24 /7/ 2016 – 12 /8/ 2016 22 /8/ 2016 – 24 /8/ 2016 19 /9/ 2016 – 8 /10/ 2016 24 /10/ 2016 – 28 /10/ 2016 30 /10/ 2016 – 19 /11/ 2016 27 /11/ 2016 – 22 /12/ 2016 3 – 8/1/2017 19 – 28/2/2017 1 – 11/3/2017 9 – 22/4/2017 13 – 20/5/2017 (Tổng : 6,30 tháng)
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2	Ông Akihito Sakurai	6 /3/ 2016 – 27/3/ 2016 23 /7/ 2016 – 1 /8/ 2016 3 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 11 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 28/2/2017 – 11/3/2017 (Tổng : 2,60 tháng)
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh / hệ thống thông tin địa lý	Ông Haruyoshi Hayashi	24 /2/ 2016 - 4 /3/ 2016 27 /3/ 2016 - 22 /4/ 2016 13/4/2017 – 12/5/2017 (Tổng: 2,03 tháng)
6	Theo dõi diễn biến rừng 1	Ông Kei Suzuki	20 /12/ 2015 - 23 /12/ 2015 9 /1/ 2015 - 21 /11/ 2015 6 /3/ 2016 - 11 /3/ 2016

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

			10 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 21 /4/ 2016 - 27 /4/ 2016 29 /5/ 2016 - 2 /6/ 2016 20 /9/ 2016 - 23 /9/ 2016 13 /11/ 2016 – 15 /11/ 2016 15/3/2017 – 20/3/2017 14/4/2017 – 21/4/2017 (Tổng: 2,00 tháng)
7	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kouhei Niitsuma	3 /4/ 2016- 11 /5/ 2016 29 /5/ 2016 - 23 /6/ 2016 26 /6/ 2016 – 23 /9/ 2016 16 /10/ 2016 – 24 /12/ 2016 (Tổng: 7,5 tháng)
8	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kuno Hiromitsu	20 /1/ 2016 - 30 /1/ 2016 (Tổng: 0,37 tháng)
9	Theo dõi diễn biến rừng 3	Ông Hozumi Hashiguchi	14 /11/ 2016 – 24 /12/ 2016 14/2/2017 – 4/3/2017 14/3/2017 – 24/3/2017 17/5/2017 – 21/6/2017 (Tổng: 3,57 tháng)
10	Theo dõi diễn biến rừng 4	Ông Akinori Nishio	8/3/2017 – 19/3/2017 (Tổng: 0,40 tháng)
11	Phân tích kinh tế / Phát triển sinh kế/ Kinh tế cộng đồng về trồng trọt chăn nuôi/ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính/ chi trả dịch vụ môi trường rừng	Ông Wataru Yamamoto	5 /3/ 2016 - 3 /4/ 2016 11 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 23 /5/ 2016 - 19 /6/ 2016 18 /7/ 2016 – 1 /10/ 2016 13 /11 – 21 /12/ 2016 6 – 25/1/2017 9 – 28/2/2017 10 – 12, 17 – 30/4/2017 1 - 25, 31/5/2017 1 – 23/6/2017 (Tổng: 9,52 tháng)
12	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Hiromi Yamauchi	6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 11 /5/ 2016- 20 /5/ 2016 22 /5/ 2016 - 4 /6/ 2016 2 /8/ 2016 – 9 /8/ 2016 (Tổng : 2,02 tháng)
13	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Shimako Narahara	5 – 22/1/2017 s12 – 28/2/2017 1 – 12/3/2017 (Tổng : 1,57 tháng)
14	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Ông Shogo Tai	13 /1/ 2016 - 23 /1/ 2016 24 /2/ 2016 - 27 /3/ 2016 8 /5/ 2016 - 21 /5/ 2016 19 /6/ 2016 - 7 /7/ 2016 12 /7/ 2016 – 11 /9/ 2016 20 /9/ 2016 – 4 /12/ 2016 (Tổng : 7,17 tháng)
15	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito	24 – 30/4/2017 1 – 27/5/2017 (Tổng : 1,13 tháng)
16	Quản lý rừng 2	Ông Tomoyuki Ueda	6 /3/ 2016 - 26 /3/ 2016 10 /7/ 2016 – 23 /7/ 2016 5 /8/ 2016 – 26 /8/ 2016 5 /9/ 2016 – 25 /11/ 2016

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

			(Tổng: 4,63 tháng)
17	Quản lý rừng 2	Bà Chika Kameda	23 – 31/3/2017 1 – 8/4/2017 1 – 20/5/2017 5 – 30/6/2017 (Tổng : 2,10 tháng)
18	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 16.23 tháng)
19	Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Ông Trần Văn Hồ	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,17 tháng)
20	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,17 tháng)
21	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	15 /3/ 2016 -30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 9/4/2017 (Tổng: 13,5 tháng)
22	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,17 tháng)
23	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,17 tháng)
24	Cán bộ quản lý rừng – văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Vũ Mạnh Đàm	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,17 tháng)
25	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1 /8/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,13 tháng)
26	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
27	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Léo Seo Bau	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
28	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyên	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 8,80 tháng)
29	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
30	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trần Thị Huyền	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
31	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
32	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 8,80 tháng)
33	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

34	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Đình Thắng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
35	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
36	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 8,80 tháng)
37	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 15,00 tháng)
38	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 15,00 tháng)
39	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	12 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 12,60 tháng)

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Tên	Thời gian phân công
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	5/1/2016 – 30/1/2016 28/2/2016 – 20/5/2016 23/6/2016 – 18/8/2016 10/10/2016 – 10/12/2016 10/1/2017 – 19/1/2017 20/2/2017 – 15/4/2017 7 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 10,77 tháng)
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Hugo Hama	4/12/2015 – 28/12/2015 29/2/2016 – 26/3/2016 10/5/2016 – 8/6/2016 4/7/2016 – 2/8/2016 1/9/2016 – 28/9/2016 31/10/2016 – 16/11/2016 7/12/2016 – 22/12/2016 10/1/2017 – 25/2/2017 14/2/2017 – 26/2/2017 4/3/2017 – 10/3/2017 4/4/2017 – 8/4/2017 16/4/2017 – 28/4/2017 11/5/2017 – 24/5/2017 7 – 12/6/2017 26 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 8,40 tháng)
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	22/3/2016 – 9/4/2016 27/6/2016 – 27/7/2016 29/11/2016 – 23/12/2016 5/4/2017 – 29/4/2017 29 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 3,40 tháng)
4	Quản lý hệ sinh thái rừng, giám sát đa dạng sinh học	Giáo sư Kashio Masakazu	6/3/2016 – 6/5/2016 14/7/2016 – 10/8/2016 16/10/2016 – 3/11/2016 11/4/2017 – 20/4/2017 (Tổng cộng: 3,97 tháng)
5	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	6/3/2016 – 13/3/2016 27/10/2016 – 25/11/2016 7/2/2017 – 24/2/2017 23/5/2017 – 15/6/2017 (Tổng cộng: 2,67 tháng)
6	Điều phối viên dự án/CM/PFES/Giám sát Đa dạng sinh học 2	Ông Takuya Nomura	1/4/2016 – 14/5/2016 19/6/2016 – 13/7/2016 18/7/2016 – 19/8/2016 3/10/2016 – 28/10/2016 2/11/2016 – 1/12/2016 1/3/2017 – 25/3/2017 25 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 6,30 tháng)
7	Chuyên gia GIS/ viễn thám	TS. Nguyễn Thanh Hoàn	8/3/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 6,38 tháng)
8	Chuyên gia CM	TS. Phan Triệu Giang	16/1/2016 – 30/6/2017

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN SNRM MẪU 3-1 Bản tóm tắt giám sát

			(Tổng cộng: 12,67 tháng)
9	Chuyên gia EFLO 1	Ông Hoàng Hữu Cải	16/1/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 13,33 tháng)
10	Chuyên gia EFLO 2	Ông Đào Phú Lợi	6/12/2015 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 4,38 tháng)
11	Chuyên gia CBET	Ông Dương Minh Bình	1/7/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,62 tháng)
12	Chuyên gia chính sách lâm nghiệp	Ông Nguyễn Ngọc Bình	1/11/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 1,98 tháng)
13	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	14/3/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 15,60 tháng)
14	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	14/3/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 15,60 tháng)
15	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	14/3/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 15,60 tháng)
16	Trợ lý GIS/ viễn thám	Ông Nguyễn Văn Dũng	8/3/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 7,02 tháng)
17	Trợ lý dự án	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	8/1/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 17,80 tháng)
18	Trợ lý lý án (2)	Bà Trần Huyền Chiêu Trân	16/11/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,41 tháng)
19	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/4/2016 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 15,00 tháng)
20	Trợ lý Quản lý hợp tác	Ông Huỳnh Quang Nhạ	13/3/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 3,71 tháng)
21	Dịch vụ công (1)	Bà Bùi Thị Kim	16/4/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,53 tháng)
22	Dịch vụ công (2)	Ông Đào Đức Liêm	16/4/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,53 tháng)
23	Điều phối viên chương trình giáo dục môi trường	Bà Lê Quỳnh Huệ	4/5/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,17 tháng)
24	Cán bộ thiết kế tài liệu giảng dạy chương trình giáo dục môi trường	Ông Đào Văn Hoàng	4/5/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,17 tháng)
25	Vận hành flycam	Ông Nguyễn Quỳnh Vy	2/3/2017 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,20 tháng)
26	Trợ lý Hội nghị BQL KDTSQ lần thứ 3	Bà Võ Thị Ánh Tuyết	26 – 30/6/2017 (Tổng cộng: 0,17 tháng)

Tổng số tháng làm việc tính đến ngày 31/6/2017.

Phụ lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 1 - 4]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Máy tính bảng (450)	1.529.550.000	0,0050	7.647.750
Máy tính để bàn (3)	31.500.000	0,0050	157.500
Laptop (4)	60.390.000	0,0050	301.950
Máy photocopy (1)	35.000.000	0,0050	175.000

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Không mua thiết bị	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

[Hợp phần 3]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Không mua thiết bị	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

Bản giám sát dự án I (Tháng 1/2017 – Tháng 6/2017)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 4
Ngày 01/07/2017

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giá đình quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p> <p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p> <p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH.</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>	<p>Đã chuẩn bị và trình Dự thảo lần 5 lên Quốc hội để thảo luận.</p> <p>Đã xây dựng dự thảo thông tư (thay thế QĐ 78)</p> <p>Đã xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến chất lượng cây giống.</p> <p>Việc sử dụng máy tính bảng trong TDDBR đã được đưa vào dự thảo thông tư mới về TDDBR.</p> <p>Tổng cộng 18 bộ dữ liệu đa dạng sinh học mới thu thập đang được lưu trữ tại hệ thống NBDS.</p>	
--	---	---	--	---	--

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra – Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

Bản Giám Sát dự án I (Tháng 1/2017 – Tháng 6/2017)

[Hợp phần 2: Quản lý Rừng Bền vững và REDD+]

Phiên bản số 4
Ngày 01/07/2017

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Hiện trường dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá trị quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thị trường Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thị trường Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thị trường Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thị trường Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015. 2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quy định trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng

<p>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên)</p> <p>Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHD) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</p> <p>KHHD REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHD REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đã được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHD REDD+.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHD REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Ba tỉnh này đã trình Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định bản KHHD REDD+ cấp tỉnh và đang chờ ý kiến từ Tổng cục.</p> <p>2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt.</p> <p>3. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.</p>	<p>4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.</p>
--	---	--	--	---	--

Hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHD REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHD REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p>Chuyên gia/tư vấn trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điểu tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p>Cơ sở tiện ích và thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như Sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

<p>2-1-3-11. Ti ệ n hành thực hiện các hoạt ộ ng phát triển sinh k ệ thôn/bản theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-12. Giám sát các hoạt ộ ng QLR và PTSK thôn/bản do các thức đẩy viên/cán bộ khuỷ ệ n nông/lâm thực hiện.</p>			
<p>2-1-3-13. Giám sát và đánh giá k ệ t quả thực hiện các hoạt ộ ng REDD+.</p> <p>2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn bi ệ n rừng (TDDBR) cấp tỉnh.</p> <p>2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh</p> <p>2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cá c cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh</p> <p>2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.</p> <p>2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR n ệ u cần</p> <p>2-1-4-6. Đi ề u phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).</p> <p>2-1-5. Thức đẩy chuyển giao ki ệ n thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.</p> <p>2-1-5-1. Xây dựng các k ệ hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt ộ ng của dự án SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.</p> <p>2-1-6. Giám sát quá trình và k ệ t quả thực hiện các hoạt ộ ng quản lý rừng và phát triển kinh t ệ tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thi ệ t.</p> <p>2-1-6-1. Xây dựng k ệ hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt ộ ng quản lý rừng và phát triển sinh k ệ</p>			

<p>2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả</p> <p>2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.</p> <p>2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.</p> <p>2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.</p>			
<p>[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này</p> <p>2-2-2. Thực hiện khảo sát điểu kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.</p> <p>2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điểu kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.</p> <p>2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHD REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch</p> <p>2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p>			

<p>2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHD REDD+.</p> <p>2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-13. Hoàn thiện KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.</p>			
<p>2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh</p> <p>2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.</p> <p>2-2-4-2. Thực hiện điề tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.</p>			

<p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khu vực nông/lâm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
---	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 – 2015

Báo cáo giám sát II (1/2017 – 6/2017)

[Hợp phần 2: Quản lý Rừng Bền vững và REDD+]

Phiên bản số 4

Ngày 01/07/2017

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Giám sát

Đầu vào	Năm												Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp													
	2015	2016				2017				2018						2019				2020								
VFI		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV					
Chuyên gia																								Trưởng nhóm: 9,87 tháng QLRBV: 39,8 tháng KHHD REDD+ cấp tỉnh: 12,34 tháng PTAVT/HTTDL: 8 tháng GLR: 28,33 tháng PTSK: 33,66 tháng				
Trưởng nhóm		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Quản lý Rừng Bền vững		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
REDD+/KHHD REDD+ cấp tỉnh		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Phân tích hình ảnh vệ tinh/ hệ thống thông tin địa lý		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Theo dõi diễn biến rừng		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Phát triển sinh kế		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Tư vấn trong nước		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Thiết bị																												
Thiết bị (máy tính, máy in, máy photo, thiết bị đi u tra quản lý rừng ...)		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Xe ô tô cho ba tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Xe máy cho bốn tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình, Điện Biên		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Tập huấn tại Nhật Bản																												
Tập huấn cho nhân sự của đối tác		Kế hoạch																										
		Thực tế																										
Tập huấn trong nước/tại quốc gia thứ ba																								Sẽ được thực hiện theo từng thời điểm				
Tập huấn cho nhân sự của đối tác		Kế hoạch																										
		Thực tế																										

Hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ					Năm												Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp giải quyết
						2015		2016		2017		2018		2019		2020		Nhật Bản	Việt Nam		
						III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II				
Đầu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHD) REDD+ tại tỉnh Điện Biên																					
[Tại tỉnh Điện Biên]																					
	2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.																	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương/ Ban QLDALN	Ban QLDA tỉnh chính thức được thành lập vào ngày 23/1/2017.	Hoàn thành	
	2-1-2. Điều chỉnh KHHD REDD+ cấp tỉnh																				
	2-1-2-1. Điều chỉnh KHHD REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và /hoặc KHHD REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kế quả tham vấn với các bên tham gia.																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDALN	KHHD REDD+ cấp tỉnh được hoàn thiện sau khi xem xét bổ sung các ý kiến nhận xét chính thức của các bên liên quan.	Hoàn thành
	2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDALN	Bản dự thảo KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được trình lên UBND tỉnh vào ngày 13/6, đại diện UBND tỉnh đã gửi ý kiến nhận xét vào ngày 22/6. Tổ CTKT dự kiến sẽ tổ chức một cuộc họp với UBND tỉnh để làm rõ một số điểm trước khi trình lại bản kế hoạch điều chỉnh.	
	2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm mới được lựa chọn.																				
	2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Xã Pá Khoang được lựa chọn là xã thí điểm tham gia dự án tại tỉnh Điện Biên	Hoàn thành
	2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Khảo sát tình hình kinh tế - xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã Pá Khoang đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
	2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Bản đồ rừng được chỉnh sửa để phản ánh vệ tinh có độ phân giải cao, với thông tin về các diện tích rừng phân theo chức năng, chủ rừng, vị trí các thôn/bản, đường và sông suối đã được lập	Hoàn thành
	2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Sự cần thiết của việc hỗ trợ xác định danh giới thôn/bản đã được cân nhắc	
	2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDALN	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang	Hoàn thành
	2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDALN	UBND huyện, xã và Ban QLR đặc dụng đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến khích nông-lâm	Hoàn thành
	2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương/ Ban QLDALN	Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến khích nông-lâm xã Pá Khoang	Hoàn thành
	2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại 21 thôn/bản thuộc xã Pá Khoang	Hoàn thành
	2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã/ Ban QLDALN	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
	2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Chính quy về n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Xem phần phụ lục	

2-1-3-11. Ti lệ n hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thỏ n/bản theo mục 2-1-3-9.											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy ề n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Xem phần phụ lục	
											Thực t ế								
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thức đẩy viên/cán bộ khu vực n nông/lâm thực hiện.											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy ề n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Hoạt động nuôi ong được giám sát	
											Thực t ế								
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá k ết quả thực hiện các hoạt động REDD+.											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy ề n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Hoàn đ ề n Quý 2 năm 2018	
											Thực t ế								
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn bi ến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.											Kế hoạch								
											Thực t ế								
2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW											Kế hoạch					Nhóm tư vấn		Rà soát lại Hệ thống TDDBR cấp tỉnh được xâ y dựng trong quá trình thực hiện dự án SUSFORM-NOW	Hoàn thành
											Thực t ế								
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDALN	Đã lập k ế hoạch tập huấn mở rộng. Nhu cầu đào tạo về nhân rộng ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đã được đánh giá và CCKL đã yêu cầu tổ chức thêm các lớp đào tạo giảng viên. K ết quả tập huấn được theo dõi và thảo luận trong các cuộc họp hàng tháng của tổ công tá c.	
											Thực t ế								
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDALN	Chương trình tập huấn đã được chuẩn bị và số tay hoạt động được phát cho người dùng. "Ứng dụng di động về TDDBR của JICA" đ ược chuyển tới các huyện và các BQLR.	Hoàn thành
											Thực t ế								
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDALN	Các lớp tập huấn bổ sung cho giảng viên đã đ ược thực hiện	
											Thực t ế								
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR n ề n căn											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDALN	Đã ti ến hành phỏng vấn và thu thập thông tin để chỉnh sửa lại Sổ tay Hướng dẫn Tuần tra Rừng cấp thôn/bản (VFPT), Hướng dẫn trong cuốn Sổ tay hiện đang được VFPT được sửa đ ổi.	
											Thực t ế								
2-1-4-6. Đi ề u phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Tổng cục Lâm nghiệp/ Ban QLDALN	Công tác chuyển hệ thống và dữ liệu được sử dụng bởi dự án SUSFORM-NOW sang máy chủ riêng mới (VPS) đã được thực hiện đ ể tích hợp với máy chủ của Hệ thống Thông tin Quản lý ngành Lâm nghiệp (FORMIS). Cuộc họp tham vấn với FORMIS II đã được tổ chức để bàn về k ế hoạch hợp tác hơn nữa và các hoạt động sẽ được thực hiện vào năm 2017. Việc di chuyển dữ liệu từ VPS tới máy chủ trung tâm tại Tổng cục Lâm nghiệp sẽ đ ược ti ến hành ngay khi FORMIS II mua thêm máy chủ. Chương trình Quản lý Chất lượng đang được x ây dựng nhằm thu thập đầy đủ số liệu trong c ông tác theo dõi diễn bi ến rừng.	
											Thực t ế								
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao ki ến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.											Kế hoạch								
											Thực t ế								
2-1-5-1. Xây dựng các k ế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên c ác hoạt động của dự án SUSFORM-NOW											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy ề n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	K ế hoạch tập huấn về ề ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đang được thực hiện	
											Thực t ế								
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục 2-1-5-1.											Kế hoạch					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quy ề n địa phương liên quan/ Ban QLDALN	Hội thảo cấp quốc gia về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được tổ chức dưới sự hợp tác với Tổng cục Lâm nghiệp/cục kiểm lâm, 15 tỉnh đ ược tập huấn về H ệ thống TDDBR cấp tỉnh, và các nhà tài trợ bao gồm FORMIS II, UNREDD 2, FCPF. Các cuộc họp của tổ chuyên trách đã được tổ chức.	
											Thực t ế								

Phụ lục: Tiến độ thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án

	2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng	2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế
Tỉnh Điện Biên	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thiết kế trồng rừng đã được thực hiện (115,15 ha) và được Sở NN&PTNT rà soát kỹ thuật - Tập huấn kỹ thuật trồng rừng được tổ chức cho 205 người tại 17 thôn/bản. - Tập huấn kỹ thuật về trồng cây phân tán đã được tổ chức cho 826 người tại 21 thôn/bản. - 12.376 cây giống đúng cho mục đích trồng cây phân tán đã được cung cấp cho người dân (761 hộ dân) - Mô hình hoạt động trồng cây Mây Chà đã được thiết kế xây dựng và công tác bố trí các hiện trường thực nghiệm trồng cây đã được thực hiện. - Công tác trồng thử nghiệm được thực hiện trên 0.06 ha trồng mới và 1,2 ha tái sinh. - Quy chế thôn/bản về quản lý rừng được xây dựng thông qua các cuộc họp thôn/bản - Tập huấn về tuần tra rừng cấp thôn/bản được tổ chức cho 249 thành viên thuộc 21 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản - Thiết bị/công cụ cần thiết cho công tác tuần tra rừng cấp thôn/bản được cung cấp cho 265 thành viên thuộc 21 tổ tuần tra - Đã tiến hành tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý, vận hành được tổ chức cho 102 thành viên thuộc 21 Ban QLR và PTSK cấp thôn/bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi ong (30 người dân thuộc 3 bản) và cung cấp 90 thùng nuôi ong cho các hộ dân đăng ký tham gia - Tập huấn về nuôi cá đã được tổ chức (169 người dân thuộc 21 thôn/bản) và tài liệu cần thiết đã được cung cấp cho người dân nhằm hỗ trợ cho việc chuẩn bị - 395.700 con cá giống đã được bàn giao cho các hộ dân tham gia (145 hộ dân thuộc 19 thôn/bản). - Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả đã được tổ chức (261 người dân thuộc 8 thôn/bản). - 6.053 cây ăn quả được giao cho người dân tham gia (451 hộ dân thuộc 16 thôn/bản).
Tỉnh Hòa Bình	Trồng rừng: <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thiết kế trồng rừng đã được thực hiện (84,90 ha, trồng keo kết hợp với các loài bản địa) và đã được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt về mặt kỹ thuật. Tập huấn trồng cây cho người dân cũng đã được tiến hành. - Mô hình trồng cây LSNQ (2 mô hình trồng Keo, Giỏi và Sa Nhân tím với tổng diện tích 1 ha) đã được thiết kế. - Đến tham quan khảo sát mô hình trồng rừng hỗn giao đã được tiến hành (35 người dân tham gia) tại xã Ba Vi, thành phố Hà Nội, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam và xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hoá. - Tập huấn kỹ thuật trồng rừng cho người dân (154 người tham dự). - 400 tờ rơi về trồng rừng đã được phát tới tay người dân. - Tổ chức tập huấn về kỹ năng quản lý, vận hành cho các thành viên Ban Quản lý thôn/bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được thực hiện. - Cây giống đã được giao cho 144 hộ dân nhằm phục vụ cho công tác trồng rừng, trong đó cây bản địa chiếm 31%. - Công tác trồng rừng được tiến hành trên 100 ha (18ha rừng phòng hộ và 82 ha rừng sản xuất) Bảo vệ rừng: <ul style="list-style-type: none"> - Quy ước thôn/bản về quản lý rừng đã được xây dựng thông qua các cuộc họp thôn/bản (13 bản) và được UBND xã phê duyệt. - 13 quỹ thôn/bản được thành lập với số vốn ban đầu do người dân đóng góp là 136 triệu đồng. Số vốn này được sử dụng và phát huy tối đa cho mục đích bảo vệ rừng cấp thôn/bản. - 4 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản được thành lập với 17 thành viên là người dân sinh sống tại 8 thôn/bản. - Tập huấn về tuần tra rừng cấp thôn/bản đã được tổ chức cho các thành viên của các tổ tuần tra và các trưởng bản (35 người). - Thiết bị đúng cho mục đích tuần tra được cung cấp cho các thành viên thuộc các tổ tuần tra (bản đồ, la bàn, mũ bảo hiểm, đồng phục...). - Tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản đã bắt đầu thực hiện các hoạt động tuần tra, phát hiện và báo cáo cán bộ kiểm lâm xử lý 3 vụ khai thác rừng trái phép. - 50 biển tuyên truyền bảo vệ rừng (posters) đã được phát cho các thôn/bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm nuôi ong cho 20 hộ và tập huấn về kỹ thuật nuôi ong 50 hộ dân.. - Ong giống và thiết bị nuôi ong đã được cung cấp cho các hộ dân tham gia (43 hộ nuôi ong). - Ba nhóm hộ dân có chung sở thích nuôi ong đã được thành lập với tổng số 70 thành viên, quy ước hoạt động nhóm cũng đã được xây dựng. - Hỗ trợ trồng rau: 80 người dân thuộc 3 bản đã được tập huấn về trồng rau và được cung cấp rau giống, trong đó có 19 hộ được nhận màng phủ nông nghiệp. - Tập huấn trồng bưởi đã được tổ chức cho 108 người dân tại 6 thôn/bản. - Tiết kiệm củi: Bếp tiết kiệm củi được cung cấp cho 209 hộ dân, 20 hộ dân khác được dự án hỗ trợ kinh phí xây dựng và lắp đặt hệ thống khí sinh học Biogas - Trồng cỏ chăn nuôi: Hom và hạt giống cỏ chăn nuôi (1.650 kg hom cỏ lạc, 14.000 kg cỏ VA06 và 14 kg hạt giống cỏ sả) được cung cấp cho 98 hộ dân. Khoảng 5ha cỏ chăn nuôi đã được trồng trên địa bàn thí điểm. - i ong (50 người dân). - Ong giống và thiết bị nuôi ong đã được cung cấp cho các hộ dân tham gia (43 hộ nuôi ong). - Ba nhóm hộ dân có chung sở thích nuôi ong đã được thành lập với tổng số 70 thành viên, quy ước hoạt động nhóm cũng đã được xây dựng. - Hỗ trợ trồng rau: 80 người dân thuộc 3 bản đã được tập huấn về trồng rau và được cung cấp rau giống, trong đó có 19 hộ được cung cấp màng phủ nông nghiệp sử dụng cho trồng rau. - Tập huấn trồng bưởi đã được tổ chức cho 108 người dân tại 6 thôn/bản. - Tập huấn kỹ thuật trồng rau cho 80 người tại 3 thôn/bản. - Bếp đun cải tiến đã được cung cấp cho 101 hộ dân và 19 hộ gia đình được dự án hỗ trợ xây dựng, lắp đặt hệ thống khí sinh học.
Tỉnh Sơn La	*- Hoạt động thiết kế trồng rừng đã được thực hiện và được phê duyệt bởi Chi cục Kiểm lâm (114 ha ở 4 thôn/bản) và kế hoạch trồng rừng đã được hoàn thiện thông qua cuộc họp tham vấn với một bản tái định cư gần đó. <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh nuôi tái sinh rừng được thực hiện tại 10 bản với diện tích 303 ha. - Tập huấn trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng được tổ chức cho 642 người dân tại, 12 thôn bản. - Tập huấn cho đội tuần tra rừng thôn/bản được thực hiện với sự tham gia của 148 người dân tại 12 thôn/bản. - Lớp tập huấn về vai trò và trách nhiệm cũng như nâng cao năng lực quản lý rừng và phát triển sinh kế của các thành viên thuộc ban quản lý thôn/bản đã được tổ chức cho 64 thành viên tham gia. - Thiết bị tuần tra rừng cấp thôn/bản được cung cấp cho các tổ tuần tra rừng (149 bộ) - 12 tổ tuần tra rừng sử dụng bản đồ vệ tinh để phục vụ cho công tác lập kế hoạch tuần tra (12 thôn/bản) - 80% diện tích đất trồng đã hoàn thành công tác chuẩn bị đất (hom cỏ giống, đào hố) (3 bản hoàn thành xong 100% chỉ tiêu, 1 bản hoàn thành 80% chỉ tiêu) - Công tác can thiệp kỹ thuật đã hoàn thành đối với 60% diện tích được quy hoạch cho mục đích tái sinh rừng tự nhiên. - Chất lượng cây giống được kiểm tra kỹ lưỡng, chứng chỉ nguồn gốc và chất lượng do đơn vị kiểm lâm ban hành được cấp cho cây giống đạt yêu cầu trước khi trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã xây dựng mô hình nông lâm kết hợp (trồng cây ăn quả dọc theo tuyến trồng, 9 bản với tổng diện tích 14 ha) và tổ chức tập huấn cho người dân. - Tập huấn về ủ phân hữu cơ / phân bón hữu cơ đã được tổ chức cho 225 người dân tại 8 thôn/bản. - Tập huấn về sản xuất bếp đun cải tiến đã được thực hiện với sự tham gia của 329 người dân tại 8 thôn/bản. - Công tác chuẩn bị đất cho mô hình nông lâm kết hợp đã hoàn thiện (hom cỏ giống, đào hố, bón phân) - Các lớp tập huấn về trồng cây ăn quả và trồng cỏ đã được tổ chức (431 người dân tại 12 thôn/bản đã tham gia). - Chất lượng cây giống đúng cho mô hình nông lâm kết hợp được kiểm tra và hoạt động trồng cây ăn quả trong vườn thuộc sở hữu của các hộ dân cũng đã được giám sát. - Kế hoạch phát triển sinh kế cho bản tái định cư được xây dựng kèm với kế hoạch trồng rừng tập trung (bản Tổng Bua).
Tỉnh Lai Châu	Trồng rừng: <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu thiết kế trồng rừng được xây dựng (3 ha của 1 bản với 10 hộ dân tham gia; trồng cây vối thuốc, giổi xanh) và được Sở NN & PTNT chứng nhận kỹ thuật. - Công tác tập huấn kỹ thuật trồng rừng đã được tiến hành (áp dụng đối với cây vối thuốc và cây giổi xanh) - Công tác tập huấn trồng cây phân tán được tổ chức cho người dân, áp dụng đối với các loài cây như giổi xanh, lát hoa, trám đen và quế. - 9.034 cây giống đã được cung cấp đến tay người dân (242 hộ dân thuộc 9 bản). Bảo vệ rừng: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn về tuần tra rừng thôn/bản đã được thực hiện (192 thành viên tổ tuần tra thuộc 9 thôn/bản). - Thiết bị/công cụ được bàn giao cho 192 thành viên thuộc 9 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản nhằm phục vụ cho công tác tuần tra. 	*- Tập huấn nuôi lợn đã được tổ chức cho 118 hộ dân thuộc 7 bản. <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nuôi cá đã được tổ chức cho 5 hộ dân trong 1 bản, cá giống và một số nguyên vật liệu cần thiết đã được cung cấp cho hộ gia đình đăng ký tham gia. - Hỗ trợ xây lắp 22 hệ thống khí sinh học cho các hộ dân tại 5 bản - Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả đã được tổ chức cho người dân tại 8 bản. - 5.558 cây giống các loại như: ổi, chanh, hồng, mận, nhãn, bưởi đã được cung cấp cho người dân (390 hộ dân thuộc 9 thôn/bản).

Bản giám sát dự án I (Tháng 1/2017 – Tháng 6/2017)

[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]

Phiên bản số 4
Ngày 01/07/2017

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá trị quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	<p>1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang.</p> <p>2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan.</p> <p>5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.</p>	<p>1. TOT về PFMS cho kiểm lâm và chủ rừng đã được hoàn thành và đã được tiến hành 3 lần. Cuộc họp lần 3 của tổ công tác PFMS đã được tổ chức để thảo luận việc thử nghiệm PFMS.</p> <p>2. Khảo sát đa dạng sinh học cơ bản trên thực địa lần thứ 2 đã hoàn thành. Tiêu chuẩn để chọn loài chỉ định đã được thảo luận trong buổi họp.</p> <p>3. Đang chuẩn bị thử nghiệm CMA bao gồm xác định khu vực thử nghiệm và dự thảo CMA.</p> <p>4. Bản thảo lần 2 của kế hoạch quản lý đã được chuẩn bị.</p> <p>5. Không có thông tin.</p>	Không áp dụng

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-1-1 Chuỗi các buổi họp ở Đà Lạt và 5 huyện liên quan đến khu DTSQ Lang Biang được tổ chức để chia sẻ kiến thức với các bên liên quan về khu DTSQ.</p> <p>3-1-2 Bản hoàn chỉnh của kế hoạch quản lý đã được nộp và được hợp phần 3 xem xét.</p> <p>3-1-3. Buổi họp giao ban lần thứ ba với BQL khu DTSQ Lang Biang sẽ được tổ chức vào ngày 3/7.</p>	
<p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNNP-MB, ĐWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Trình công văn</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-2-1, 3-2-2 và 3-2-3 Tiếp tục chuẩn bị để thực hiện khảo nghiệm CMA cùng với cộng đồng, UBND xã, cán bộ VQG, Ban QLRPĐ Đa Nhim, hoạt động như là xác định vùng thí điểm, dự thảo CMA, thành lập nhóm tuần tra PFES mới tham gia khảo nghiệm</p> <p>3-2-4 Chưa có thông tin.</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>		<p>3-3-1 Đang phân tích số liệu thu thập để xây dựng Hệ thống theo dõi đa dạng sinh học. Tiêu chuẩn để chọn các loài chỉ thị đã được thảo luận với chủ rừng, các nhà khoa học và các tổ chức có liên quan. 3-3-2 Tăng cường năng lực cho kiểm lâm & các chủ rừng đã được thực hiện. Cuộc họp lần 3 của nhóm công tác giám sát rừng đã được tổ chức để bắt đầu thử nghiệm PFMS</p>	

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà. Sự cần thiết để thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điểu kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điểu phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc họp thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để cùng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả điểu xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liên kết ở các tỉnh lân cận.</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần 3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điểu tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thuê phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFL0 (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điểu tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở điểu liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án</p> <p>> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNNP-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNNP-MB) • Các cán bộ của BNNP-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ô tô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mua kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn điểu nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>
<p>3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểu ở Việt Nam.</p>			

3-2-2 Điề u tra thông tin kinh tế - xã hội (tài chính) v ã thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu v ã các điề u kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và điề xuất dịch vụ tài chính liên quan điề n PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan điề n quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ điề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điề u tra rừng hiện có liên quan điề n vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điề u tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điề u tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điề u tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điề u tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BBNBP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/ điề u kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BBNBP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các k ết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuy ết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn bi ến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn bi ến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các k ết quả theo dõi diễn bi ến rừng có sự tham gia để đánh giá về nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Year			2015				2016				2017				2018				2019				2020			Cơ quan chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề & giải pháp						
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam								
Đầu ra 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																																					
3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).					KH																													Nhóm tư vấn	Ban QLQGNNB Tổ công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
						TH																															
3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.					KH																													Nhóm tư vấn		Không có thông tin	Hoàn thành
						TH																															
3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm các tổ công tác.					KH																													Nhóm tư vấn	Ban QLQGNNB Tổ công tác	PPMU đã được thành lập vào ngày 06/3 và đã tổ chức họp giao ban hàng tháng lần đầu tiên vào ngày 23. Cơ cấu nhóm công tác đã được thảo luận và thông qua trong buổi họp giao ban lần 2 với PPMU	
						TH																															
3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước					KH																													Nhóm tư vấn	Ban QLQGNNB Tổ công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
						TH																															
3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).																																					
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.					KH																													Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDOTSCLB Tổ công tác	Không có thông tin	
						TH																															
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.					KH																													Nhóm tư vấn	BQL KDOTSCLB Tổ công tác	Các buổi họp lần thứ nhất đã được tổ chức tại tất cả các huyện để chia sẻ tri thức về khu DTSQ Lang Biang với các bên liên quan bao gồm các thành viên chủ chốt, người đứng đầu cộng đồng.	
						TH																															
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.					KH																													Nhóm tư vấn	BQL KDOTSCLB Tổ công tác	Đại diện các tổ chức có liên quan đến khu DTSQ Lang Biang rút ra những bài học thực tế, khả thi từ bài học kinh nghiệm của các khu DTSQ ở Nhật thông qua chương trình tập huấn.	
						TH																															
3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điểu kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.					KH																													Nhóm tư vấn	BQL KDOTSCLB Tổ công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
						TH																															
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.					KH																													Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDOTSCLB Tổ công tác	Các bản đồ chuyên đề được tiếp tục thực hiện, có tham vấn với tư vấn địa phương về xây dựng kế hoạch quản lý	
						TH																															
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.					KH																													Nhóm tư vấn	BQL KDOTSCLB Tổ công tác	Bản hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch quản lý được hoàn chỉnh và được trình bày khái quát trong hội nghị lần 3 BQL khu DTSQ TG Lang Biang	
						TH																															

3-1-7 Di ều u phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liên kế ở các tỉnh lân cận.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
Đầu ra 3-2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).									
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>Lên kế hoạch, quy mô ra quyết định/ tổ chức hành chính/ tiến độ, phát triển hệ thống, điều chỉnh vận hành thử và cấm nung</p> </div>									
3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.				KH		Nhóm tư vấn	Tổ công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
3-2-2 Di ều u tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các đi ều kiện tài chính.				KH		Nhóm tư vấn	UBND xã Tổ công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).				KH		Nhóm tư vấn	TTKN UBND xã Tổ công tác	Để đóng góp vào thử nghiệm thành công CMA, các lựa chọn sinh kế khả thi đã được kiểm chứng với các nông dân chủ chốt, ví dụ như ủ phân hữu cơ, đa dạng hóa mùa vụ. Họ là những người sẽ phổ biến các kỹ thuật canh tác cho những nông dân tham gia khảo nghiệm CMA. Các hoạt động hỗ trợ tổ chức CMA đã được thực hiện, bao gồm xác định ranh giới có cắm mốc, có tham vấn với người dân trong thôn về sinh kế cho cộng đồng	
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.				KH		Nhóm tư vấn	Sở VHHTDL VQG BDNB, Tổ công tác	BQL	Hợp tác giữa VQG và công ty du lịch tư nhân đã được ký kết để tổ chức hoạt động team building quy mô lớn thông qua sự hỗ trợ của hợp phần 3. Hiện đã bắt đầu xây dựng chương trình giáo dục môi trường cho khu DTSQ Lang Biang, có tính tiếp tục tham vấn với MAB Việt Nam, hợp tác với NGO, VJCC.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chi ế n lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).					KH		Nhóm tư vấn	Số NN&PTNT UBND huyện Tô công tác	Báo cáo giữa kỳ bao gồm dự thảo các sản phẩm có t ệ m năng đưa ra thị trường, dự thảo chi ế n lược marketing, mẫu nhãn/logo, dự thảo k ế hoạch hành động đã được chuẩn bị. Đã thảo luận dự thảo chi ế n lược với các công ty tư nhân quan tâm đ ể n triển khai k ế hoạch hoạt động.	
3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	K ế hoạch cơ bản cho hoạt động hỗ trợ nguồn lao động trẻ được chuẩn bị như là hoạt động CMA không phụ thuộc vào tài nguyên đất với sự đồng ý của PPMU. Dựa trên k ế hoạch này, đã tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng thức đ ầy cho cán bộ UBND xã Đa Nhim và Đa Chais, cán bộ kiểm lâm và trưởng thôn đ ể nâng cao năng lực truy ề n đạt thông tin của cán bộ UBND kịp thời và hiệu quả.	
3-2-6-2 Xem xét và đ ề xuất dịch vụ tài chính liên quan đ ể n PFES.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	
3-2-7 Xây dựng các k ế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	Hoàn thành
3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Cảm nang được đ ề u chỉnh đ ể tương thích với k ế t quả công tác chuẩn bị CMA khảo nghiệm	Không có thông tin
3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đ ối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	Đã được thông qua
3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng t ệ m năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Chuẩn bị khảo nghiệm CMA được thực hiện theo hướng quản lý hợp tác với thành viên cộng đồng và chủ rừng, bao gồm hoạt động quy ế t định khu vực thử nghiệm, xác đ ịnh ranh giới của các khu vực và lập bản thảo CMA	
3-2-11 Giám sát và đánh giá k ế t quả của việc vận hành thử.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	
3-2-12 Ti ề n hành các khóa đào tạo lý thuy ế t và thực hành (gồm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đ ể n quản lý hợp tác.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	
3-2-13 Sửa đ ối các văn bản hướng dẫn/các cảm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đ ề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc t ệ n CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.					KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tô công tác	Không có thông tin	

Bản giám sát dự án I (Tháng 1/2017 – Tháng 6/ 2017)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan
Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 4
Ngày 01/07/2017

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		
Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.	Báo cáo của FORMIS		Việc sử dụng máy tính bảng trong TDDBR được đưa vào dự thảo thông tư mới về TDDBR.	
Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.	2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.	Báo cáo của Bộ NN & PTNT		Hệ thống TDDBR sử dụng máy tính bảng đang được thử nghiệm tại 15 tỉnh, có phối hợp với các nhà tài trợ khác.	
Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truy cập tải.	Báo cáo của dự án		Các hoạt động của dự án đã được quảng bá trên đài báo và các phương tiện truyền thông khác.	

Hoạt động	Đầu vào	Đầu ra	Điều kiện tiên quyết
<p>4-1. Trợ giúp kỹ thuật và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Đề chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Cán bộ Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiện nghi, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ôtô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<ol style="list-style-type: none"> 1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN. 2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam. 3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 5 (Thời gian: tháng 7-12/2017)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/01/2018

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 24 cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- 06 chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc được phân công theo như kế hoạch.
- 24 cán bộ và chuyên gia Việt Nam tiếp tục tham gia dự án.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi Quyết định 78 về theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các tỉnh mục tiêu đã thành lập Ban Quản lý Dự án (BQLDA) cấp tỉnh và chính thức bổ nhiệm nhân sự tham gia thực hiện dự án.
- Các cuộc họp định kỳ hàng tháng của BQLDA với sự tham dự của các chuyên gia Nhật Bản đã được tổ chức ở cả bốn tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Các cuộc họp của PPMU với các chuyên gia hợp phần 3, bao gồm các chuyên gia Nhật Bản, được tổ chức định kỳ hàng tháng để thảo luận các vấn đề trong quá trình thực hiện dự án.
- 3 nhóm công tác về BQL khu DTSQ Lang Biang, Quản lý hợp tác (CM) và Đa dạng sinh học đã được PPMU thành lập.
- Vốn đối ứng được cấp hợp lý cho các hoạt động dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Máy móc và thiết bị cần thiết cho các hoạt động của dự án, bao gồm 4 xe ô tô, đã được mua sắm (Xem chi tiết ở Phụ lục 2).

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 2]

- Khóa tập huấn về theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và quản lý thông tin ngành lâm nghiệp đã được tổ chức từ ngày 10 đến 19/10/2017 cho các cán bộ phụ trách theo dõi diễn biến tài nguyên rừng đang công tác tại Bộ Nông nghiệp và PTNT và chi cục kiểm lâm thuộc 5 tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Thừa Thiên Huế).

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

- Luật Lâm nghiệp do Tổng cục Lâm nghiệp soạn thảo cùng với sự hỗ trợ của Dự án SNRM và các nhà

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

tài trợ khác như GIZ và UN-REDD II đã được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2017.

- Trước khi trình dự thảo Luật lên Quốc hội, Dự án đã hỗ trợ tổ chức nhiều hoạt động liên quan đến quá trình xây dựng Luật Lâm nghiệp, trong đó có chuyến tham quan học tập tại Nhật Bản của Quốc hội và Bộ Nông nghiệp & PTNT do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT làm trưởng đoàn trong tháng 7/2017 và tổ chức hội thảo vùng tại tỉnh Điện Biên vào tháng 9/2017, hội thảo vùng tại tỉnh Thừa Thiên Huế vào tháng 10/2017.
- Bắt đầu chuẩn bị xây dựng các nghị định dưới Luật.

Những quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã đồng ý nâng cấp Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi thành Luật. Tổng cục Lâm nghiệp đang chỉnh sửa Dự thảo theo ý kiến từ Quốc hội.
- Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” mới đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt ngày 31/10/2017.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí để Tổng cục Lâm nghiệp tổ chức một cuộc hội thảo tại Đà Nẵng vào tháng 11/2017, nhằm tuyên truyền Chương trình hành động quốc gia về REDD+ tới các bên liên quan.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Tại Hội nghị COP23, Dự án SNRM cung cấp các thông tin kỹ thuật cho các sự kiện bên lề về REDD+ do JICA và các bên liên quan tổ chức.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Liên quan đến việc điều chỉnh bổ sung Dự thảo Văn kiện Chương trình giảm phát thải (ERPD), Dự án SNRM đồng ý tiếp tục hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh PRAP nếu cần thiết và hỗ trợ tỉnh Quảng Trị hoàn thiện PRAP.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Tập huấn tiểu giáo viên đã được tổ chức tại 11 tỉnh, có phối hợp với FCPF, UN-REDD II và VFD là các nhà đồng tài trợ.
- Các tỉnh này bao gồm Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Bình Thuận và Cà Mau (tập huấn cho 4 tỉnh Tây Bắc nằm trong Hợp phần 2).
- Tại mỗi tỉnh, đã tổ chức tập huấn tiểu giáo viên cho 18-58 học viên (cán bộ kiểm lâm), đồng thời cung

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

cấp đủ máy tính bảng cho các học viên.

- Để chính thức ban hành quyết định thí điểm việc sử dụng máy tính bảng và ứng dụng di động cho các đơn vị, Dự án SNRM đã tổ chức các cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm cũng như FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Việc sử dụng máy tính bảng đã được chính thức đưa vào Thông tư 26/2017/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày 15/11/2017 và thay thế Chỉ thị số 32/2000/CT/BNN-KL và Quyết định 78/2002-QĐ-BNN-KL.
- Hội nghị xây dựng hệ thống theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp tích hợp máy tính bảng cho các cấp quản lý đã được tổ chức vào ngày 14/9/2017. Ông Vũ Xuân Thôn (Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp) và Ông Nguyễn Trọng Kim (Cục Kiểm lâm) đã chủ trì hội nghị này. Đại biểu từ các cơ quan trung ương/vùng, 16 tỉnh và các dự án liên quan đã tham gia hội nghị.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã thu thập và xử lý số liệu thu thập từ 10 Khu bảo tồn (Vườn quốc gia Vũ Quang, Bạch Mã, Khu bảo tồn thiên nhiên Nha Trang, Vườn quốc gia Pù Mát, Vườn quốc gia Núi Chúa, Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn thiên nhiên Cồn Cỏ, Khu bảo tồn thiên nhiên Đầm Thị Nại, Khu bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Phú Mỹ). Hiện số liệu đang được lưu trữ tại hệ thống NBDS.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Dự án SNRM đã hỗ trợ xây dựng Thông tư 26 thay thế Chỉ thị số 32 và Quyết định 78 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp. Thông tư này được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành vào ngày 15/11/2017.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

Kế hoạch Hành động REDD+ cho 4 tỉnh Tây Bắc đã được phê duyệt. Cụ thể:

- Lai Châu: Quyết định số 1052/QĐ-UBND, ngày 13/09/2017
- Điện Biên: Quyết định số 732/QĐ-UBND, ngày 21/08/2017
- Sơn La: Quyết định số 2338/QĐ-UBND, ngày 29/08/2017
- Hòa Bình: Quyết định số 1803/QĐ-UBND, ngày 20/09/2017
- Các hoạt động chính liên quan đến PRAP đã được hoàn thành.
- Buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm xây dựng PRAP đã được tổ chức tại thành phố Sơn La vào ngày 7/11/2017, với sự tham gia của 4 tỉnh khu vực Tây Bắc, tỉnh Lâm Đồng, BQLDA SNRM Trung ương và các bên liên quan.
- Buổi hội thảo công bố PRAP (kết hợp với hội thảo chia sẻ kinh nghiệm) được tổ chức tại Sơn La vào ngày 7/11, Hòa Bình vào ngày 22/11 và tại Điện Biên vào ngày 12/12.

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Dự án đang thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế theo các kế hoạch 5 năm

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

(2016-2020) và kế hoạch hàng năm (2016-2017) đã được UBND các xã thí điểm phê duyệt.

- Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế cấp thôn bản tại các bản mục tiêu ở các xã thí điểm đã được thành lập.
- Đã hoàn thành việc xây dựng biểu câu hỏi giám sát tác động của Dự án SUSFORM-NOW tại tỉnh Điện Biên.

[Quản lý rừng]

- Dự án đã hoàn thành hoạt động trồng rừng (74,55 ha tại tỉnh Điện Biên, 114 ha tại tỉnh Sơn La, 113,40 ha với các loài bản địa tại tỉnh Hòa Bình và 2,45 ha tại tỉnh Lai Châu).
- Tại tỉnh Hòa Bình, dự án đã tổ chức tham quan học hỏi mô hình trồng rừng hỗn giao.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng cây phân tán cho người dân tại các địa bàn thí điểm thuộc 02 tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Cây giống cũng đã được chuyển đến người dân tham gia tại 02 tỉnh này.
- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế khoanh nuôi tái sinh rừng (303 ha tại tỉnh Sơn La và 71 ha tại tỉnh Lai Châu). Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và cung cấp hỗ trợ đầu vào bao gồm các biển báo.
- Đã thành lập các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản; các thành viên của tổ đã được tham gia các lớp tập huấn tuần tra rừng. Đã cung cấp thiết bị tuần tra rừng cho các thành viên tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản thuộc các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình và Lai Châu.
- Các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản đã tiến hành hoạt động tuần tra rừng và đã phát hiện, báo cáo kiểm lâm để xử lý các vụ lấn chiếm rừng trái phép tại tỉnh Hòa Bình.
- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế trồng cây Mạ Chả và tiến hành công tác chuẩn bị cần thiết cho việc trồng thử nghiệm tại tỉnh Điện Biên.

[Phát triển sinh kế]

Tại tỉnh Hòa Bình

- Đã tổ chức tham quan, tập huấn nuôi ong cho người dân. Các hộ dân đăng ký tham gia nuôi ong đã được cung cấp ong giống và thiết bị nuôi ong. Nhóm các hộ nông dân có cùng nguyện vọng nuôi ong (nhóm sở thích) đã được thành lập, nội quy hoạt động chi tiết của nhóm cũng đã được xây dựng và thông qua.
- Đã tổ chức các lớp tập huấn trồng rau, cung cấp cây rau giống, hạt giống và màng phủ nông nghiệp đến người dân.
- Đã cấp bếp đun cải tiến đến các hộ dân được nhận hỗ trợ.
- Đã hỗ trợ người dân xây dựng và lắp đặt hệ thống khí sinh học (biogas).
- Người dân đăng ký được tham gia lớp tập huấn về kỹ thuật trồng bưởi do dự án tổ chức.
- Đã hỗ trợ người dân trồng cỏ chăn nuôi gia súc.

Tại tỉnh Sơn La

- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế mô hình nông-lâm kết hợp (trồng cây ăn quả và trồng cỏ trên đường đồng mức) và tổ chức các lớp tập huấn cho người dân. Công tác chuẩn bị đất trồng đã được hoàn thiện.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Đã tổ chức các lớp tập huấn về ủ phân/sản xuất phân bón hữu cơ và làm bếp đun cải tiến.
- Người dân đăng ký tham gia tại các thôn/bản mục tiêu đã tham dự và làm bếp đun cải tiến sau khi được tập huấn.
- Đã tổ chức các lớp tập huấn về trồng rau và cấp phát cây giống / hạt giống cho người dân tham gia.
- Đã xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế cho một bản tái định cư (bản Tông Bua).

Tại tỉnh Điện Biên

- Đã tổ chức tham quan học tập các mô hình nuôi ong thành công như một hình thức tập huấn kỹ thuật bổ sung cho các hộ dân tham gia.
- Đã tổ chức tập huấn và hỗ trợ cá giống, vật liệu nuôi cá cho các hộ dân tham gia.
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả và cung cấp cây giống ăn quả cho người dân.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và cấp phát cây rau / hạt rau giống cho những hộ dân tham gia.
- Đã cấp bếp đun cải tiến cho những hộ dân tham gia.

Tại tỉnh Lai Châu

- Dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi lợn cho người dân.
- Đã tập huấn kỹ thuật và cung cấp cá giống, vật liệu nuôi cá cho người dân.
- Đã hỗ trợ xây dựng và lắp đặt hệ thống khí sinh học (biogas) cho tất cả các hộ dân tham gia.
- Dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả và cung cấp cây giống cho người dân.
- Người dân đăng ký tham gia tại các thôn/bản mục tiêu đã tham dự tập huấn và nhận hỗ trợ nguyên vật liệu làm bếp đun cải tiến.
- Dự án cũng đã tổ chức các lớp tập huấn trồng dưa hấu cho người dân.
- Đã tập huấn và cung cấp hạt, cây rau giống cho người dân tham gia.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Dự án đã tổ chức các lớp đào tạo tiểu giáo viên bổ sung tại tỉnh Điện Biên theo đề nghị của tỉnh.
- Dự án đã tổ chức tập huấn mở rộng cho cả 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc.
- Dự án đang chạy thử Hệ thống kiểm soát chất lượng đối với hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (trên nền Google Earth Engine) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc.
- Kết quả tập huấn được xem xét và thảo luận trong các cuộc họp tổ chuyên trách của 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc.
- Dự án đã tổ chức các cuộc họp điều phối với FORMIS II và TCLN để thảo luận việc tích hợp ứng dụng di động theo dõi diễn biến rừng PFMS với máy chủ và Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (FRMS).

[Hợp phần 3]

Các hoạt động liên quan đến BQL Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang (Tiểu hợp phần 3-1)

- Kế hoạch quản lý 5 năm khu DTSQ Lang Biang được hội nghị lần 3 của BQL khu DTSQ thông qua vào tháng 7/2017. Bản kế hoạch đã được trình để UBND tỉnh phê duyệt.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Để tăng cường nhận thức về Chương trình Con người và Sinh Quyền và Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang thông qua các phương thức chia sẻ kiến thức với các bên liên quan, dự án đã tổ chức các phiên họp, hội thảo lần hai cho toàn bộ các huyện lân cận; kết quả hoạt động được tóm tắt qua biên bản các buổi họp.
- Hội nghị lần 4 của BQL khu DTSQ được tổ chức vào ngày 30/11 với sự tham dự của hơn 80 thành viên từ các cộng đồng và công ty tư nhân.

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (Tiểu hợp phần 3-2)

- Chủ rừng, UBND xã, và nhóm tuần tra khu vực chi trả DVMTR (cộng đồng) đã ký Thỏa thuận Quản lý Hợp tác (CMA) ở hai khu vực thử nghiệm.
- VQG Bidoup – Núi Bà, BQL rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim, UBND các xã và cộng đồng địa phương tiếp tục thực hiện CMA, bao gồm tăng cường hoạt động tuần tra khu vực chi trả DVMTR. Các đơn vị liên quan trong tỉnh đã ký kết biên bản ghi nhớ về việc chia sẻ thông tin qua ứng dụng điện toán đám mây, nhằm tăng cường hợp tác, phối hợp xử lý các hoạt động vi phạm quy định quản lý rừng. Đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các thôn mục tiêu, tăng cường hợp tác giữa các bên và giảm áp lực lên rừng. Đồng thời, đã khởi xướng diễn đàn quản lý hợp tác để quản lý hiệu quả khu DTSQ Lang Biang.
- Tiếp tục thử nghiệm hoạt động EFLO, như phối hợp với Sở TN&MT và các công ty tư nhân để ủ và áp dụng phân hữu cơ, phối hợp với các UBND xã và khối tư nhân để bán cà phê trực tiếp cho các công ty cà phê và đa dạng hóa loại cây trồng. Phối hợp với các hộ dân tham gia CMA để tiến hành ươm và sản xuất cây con tại vườn ươm của Trung tâm nghiên cứu quốc tế rừng nhiệt đới của VQG Bidoup – Núi Bà. Cây con sẽ được dùng cho các hoạt động CMA và cải thiện sinh kế của người dân tham gia.
- Đã tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng thúc đẩy cho cán bộ UBND xã, cán bộ kiểm lâm và trưởng thôn, kỹ năng truyền đạt thông tin kịp thời, hiệu quả tới người dân. Đây là hoạt động nhằm tạo việc làm cho thanh niên.
- Đã thông qua chiến lược marketing, gồm logo/ nhãn hiệu cho sản phẩm MAB, tại hội nghị lần 4 BQL khu DTSQ Lang Biang. Dựa trên chiến lược này, Dự án đã phối hợp với các công ty tư nhân để tiếp thị thử nghiệm một số sản phẩm.
- Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục môi trường, tập trung vào đối tượng là học sinh các trường cấp THCS ở TP.HCM và sinh viên quốc tế. Đã xác định địa điểm thực hiện chương trình. BQL khu DTSQ Lang Biang đã hợp tác với Sở giáo dục TP.HCM; một trường THCS ở TP.HCM đã đồng ý tham gia chương trình giáo dục môi trường thử nghiệm ở khu DTSQ Lang Biang.
- Nhìn chung, các hoạt động của tiểu hợp phần 3-2 được thực hiện theo kế hoạch.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng/ đa dạng sinh học (Tiểu hợp phần 3-3)

- Hội thảo tổng kết xây dựng hệ thống giám sát đa dạng sinh học được tổ chức ngày 31/8/2017. Hệ thống giám sát, bao gồm các loài chỉ thị, được hoàn thiện và thông qua tại Hội nghị lần 4 Ban Quản lý

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

Khu Dự trữ sinh quyển LangBiang.

- Đã xây dựng kế hoạch đưa flycam vào sử dụng để nâng cao hiệu quả tuần tra lưu vực chi trả DVMTR. Cuộc họp khởi động được tổ chức vào ngày 5/12/2017; BQL Khu DTSQ Lang-Biang và BQL RPH Đa Nhim đã thống nhất kế hoạch tổng thể, bao gồm cơ cấu thực hiện, vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, kế hoạch/ nội dung các khóa tập huấn. Sau cuộc họp, đã bắt đầu tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ kỹ thuật/ kiểm lâm các đơn vị chủ rừng.
- Đã bắt đầu tiến hành theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; dữ liệu TDDBR đã được lưu tại máy chủ.

[Hợp phần 4]

Tích hợp dữ liệu/thông tin vào FORMIS

- Một số chỉ số theo dõi diễn biến rừng trong ứng dụng di động đã được cập nhật theo Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của FORMIS.

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Đã xây dựng 1 phóng sự về các chính sách lớn trong ngành lâm nghiệp (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và Chương trình hành động quốc gia về REDD+) và các hoạt động của Dự án SNRM. Phóng sự đã được phát trên kênh VTV5 vào ngày 31/12/2017 và được phát lần 2 trên kênh VTV5 vào ngày 6/1/2018.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- SNRM đang đi đúng hướng để đạt được Mục tiêu cụ thể của dự án, mặc dù hiện nay vẫn còn quá sớm để đánh giá mức độ hoàn thành Mục tiêu cụ thể dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.
- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.
- Dự thảo kế hoạch hoạt động năm 2018 được thảo luận tại Hội nghị ngày 7/11 tại thành phố Sơn La.

[Hợp phần 2]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) đã được thành lập và nhân sự dự án đã chính thức được bổ nhiệm tại các tỉnh mục tiêu.

[Hợp phần 3]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, các cuộc họp của PPMU được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án. Ba nhóm công tác về BQL khu DTSQ, Quản lý Hợp tác và Đa dạng sinh học được thành lập. Vốn đối ứng cung cấp kịp phù hợp cho các hoạt động dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn này

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Điều phối và hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Dự án vốn vay JICA 3 (đang xây dựng), Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạ chà.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạ Chà ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạ Chả trong tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạ Chả tại xã Pá Khoang (do Đại học Lâm nghiệp thực hiện).

[Hợp phần 3]

- Hợp phần 3 đã phối hợp với Sở TNMT và các công ty tư nhân khuyến khích người dân tham gia ủ phân hữu cơ từ vỏ cà phê để giảm chi phí sản xuất/ nâng cao chất lượng hạt cà phê, tiến hành tập huấn về chứng nhận chuẩn Starbucks và bán trực tiếp cà phê nhân cho công ty tư nhân có sự hợp tác với UBND xã nhằm thúc đẩy canh tác cà phê bền vững.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

3 [Hợp phần 3]

- (1) Triển khai kế hoạch quản lý của khu DTSQ Lang Biang
- (2) Phát triển/ triển khai hệ thống giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 3]

- (1) Kế hoạch quản lý được hội nghị lần 3 của BQL khu DTSQ thông qua ngày 3/7, sau đó trình lên UBND tỉnh phê duyệt. Việc triển khai kế hoạch cần sự phê duyệt của tỉnh do BQL khu DTSQ chỉ là cơ quan điều phối, không có thẩm quyền để yêu cầu các cơ quan, ban ngành trong tỉnh để xây dựng/ triển khai/ cấp ngân sách cho các hoạt động liên quan đến khu DTSQ. Do đó, BQL khu DTSQ đã đề nghị UBND tỉnh sớm phê duyệt kế hoạch; tuy nhiên, kế hoạch vẫn chưa được phê duyệt.
- (2) Quá trình hoàn thiện hệ thống giám sát ĐDSH được thực hiện qua nhiều bước như khảo sát hiện trường, phân tích kết quả khảo sát, tổ chức hội thảo xác định định hướng. Hệ thống giám sát ĐDSH được hoàn thiện vào cuối năm 2017, chậm tiến độ 4 tháng, và hiện chưa tiến hành giám sát ĐDSH.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 3]

- (1) Kế hoạch quản lý chưa được UBND tỉnh phê duyệt do chưa có cơ sở pháp lý về các khu DTSQ ở Việt Nam bao gồm việc triển khai kế hoạch quản lý không được luật Việt Nam quy định rõ ràng.
- (2) Quá trình hoàn thiện hệ thống giám sát ĐDSH bị chậm tiến độ do mùa mưa kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ khảo sát hiện trường, các đơn vị trong tỉnh mất nhiều thời gian xem xét và cho ý kiến hoàn thiện hệ thống và yếu tố bất khả kháng (trường nhóm tư vấn không thể làm việc trong một tháng vì lí do sức khỏe).

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 3]

- (1) Cần tổ chức buổi làm việc giữa UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài chính/ Sở Tài nguyên và BQL khu DTSQ Lang Biang về việc phê duyệt kế hoạch quản lý.

(2) Sau khi xây dựng thành công hệ thống giám sát ĐDSH, các hoạt động tiếp nối bao gồm xây dựng kế hoạch giám sát đa dạng sinh học, xây dựng cẩm nang triển khai và tập huấn cho người thực hiện giám sát. Hợp phần 3 sẽ tham vấn với các tư vấn địa phương để tổ chức các hoạt động này kịp thời.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

(1) Không có cơ sở pháp lý cho việc triển khai Kế hoạch quản lý. Do vậy, UBND tỉnh chưa phê duyệt bản kế hoạch này. BQL khu DTSQ Lang Biang chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch có sự hợp tác với các cơ quan, ban ngành trong tỉnh. Bộ Tài nguyên & Môi trường chịu trách nhiệm ra các quy định về khung pháp lý quản lý các khu DTSQ.

(2) Dự án chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống giám sát ĐDSH. VQG Bidoup – Núi Bà/ BQL khu DTSQ Lang Biang chịu trách nhiệm cho việc triển khai hệ thống giám sát.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) không được điều chỉnh trong giai đoạn giám sát.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) không được điều chỉnh trong giai đoạn giám sát.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Hiện nay quá sớm để Chính phủ Việt Nam tiến hành các công việc chuẩn bị sau khi dự án kết thúc.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	6/12/2015- 15/12/ 2015 6 /3/2016 - 19 /3/ 2016 22 /5/ 2016 - 28 /5/ 2016 7, 8 /6/ 2016 23, 24/8/2016 13 / 11/ 2016 – 19/11/2016 15, 16, 19 /12/2016 10-12, 26, 27/1/2017 20,21/2/2017 8, 15, 16/3/2017 2,3 – 6/5/2017 15, 16/6/2017 6, 7/7/2017 11, 12/09/2017 9/10/2017 10/11/2017 5, 8/12/2017 (Tổng: 2,67 tháng)
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	14 /12/ 2015 - 18 /12/2015 17 /1/ 2016 – 19/1/ 2016 8 /2/ 2016 - 16 /2/ 2016 6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 16 /5/ 2016 - 24 /6/ 2016 9 /8/ 2016 – 30 /9/ 2016 24 /10/ 2016 – 3 /11/ 2016 5 – 20/1/2017 3 – 5/5/2017 6 – 23/6/2017 28/7 – 12/8/2017 24/9 – 4/10/2017 (Tổng : 7,22 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

3	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	17 /1/ 2016 - 22 /1/ 2016 6 /3/ 2016 - 31 /3/ 2016 18 /7/ 2016 – 22 /7/ 2016 24 /7/ 2016 – 12 /8/ 2016 22 /8/ 2016 – 24 /8/ 2016 19 /9/ 2016 – 8 /10/ 2016 24 /10/ 2016 – 28 /10/ 2016 30 /10/ 2016 – 19 /11/ 2016 27 /11/ 2016 – 22 /12/ 2016 3 – 8/1/2017 19 – 28/2/2017 1 – 11/3/2017 9 – 22/4/2017 13 – 20/5/2017 (Tổng: 6,30 tháng)
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2	Ông Akihito Sakurai	6 /3/ 2016 – 27/3/ 2016 23 /7/ 2016 – 1 /8/ 2016 3 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 11 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 28/2/2017 – 11/3/2017 (Tổng: 2,60 tháng)
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh / hệ thống thông tin địa lý	Ông Haruyoshi Hayashi	24 /2/ 2016 - 4 /3/ 2016 27 /3/ 2016 - 22 /4/ 2016 13/4/2017 – 12/5/2017 27/8/2017 – 23/9/2017 21/12/2017 – 23/12/2017 (Tổng: 4,27 tháng)
6	Theo dõi diễn biến rừng 1	Ông Kei Suzuki	20 /12/ 2015 - 23 /12/ 2015 9 /1/ 2015 - 21 /11/ 2015 6 /3/ 2016 - 11 /3/ 2016 10 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 21 /4/ 2016 - 27 /4/ 2016 29 /5/ 2016 - 2 /6/ 2016 20 /9/ 2016 - 23 /9/ 2016 13 /11/ 2016 – 15 /11/ 2016 15/3/2017 – 20/3/2017 14/4/2017 – 21/4/2017 12/8/2017 – 17/8/2017 13/9/2017 – 16/9/2017 (Tổng: 2,33 tháng)
7	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kouhei Niitsuma	3 /4/ 2016- 11 /5/ 2016 29 /5/ 2016 - 23 /6/ 2016 26 /6/ 2016 – 23 /9/ 2016 16 /10/ 2016 – 24 /12/ 2016 (Tổng: 7,5 tháng)
8	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kuno Hiromitsu	20 /1/ 2016 - 30 /1/ 2016 (Tổng: 0,37 tháng)
9	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Yuki Nakamura	10/12/2017 – 24/12/2017 (Tổng: 0,47 tháng)
10	Theo dõi diễn biến rừng 3	Ông Hozumi Hashiguchi	14 /11/ 2016 – 24 /12/ 2016 14/2/2017 – 4/3/2017 14/3/2017 – 24/3/2017 17/5/2017 – 21/6/2017 1/8/2017 – 16/9/2017 28/11/2017 – 23/12/2017 (Tổng: 6 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

11	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Akinori Nishio	8/3/2017 – 19/3/2017 (Tổng: 0,40 tháng)
12	Phân tích kinh tế / Phát triển sinh kế/ Kinh tế cộng đồng về trồng trọt chăn nuôi/ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính/ chi trả dịch vụ môi trường rừng	Ông Wataru Yamamoto	5 /3/ 2016 - 3 /4/ 2016 11 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 23 /5/ 2016 - 19 /6/ 2016 18 /7/ 2016 – 1 /10/ 2016 13 /11 – 21 /12/ 2016 6 – 25/1/2017 9 – 28/2/2017 10 – 12, 17 – 30/4/2017 1 - 25, 31/5/2017 1 – 23/6/2017 3,4/7/2017 2,3/8/2017 15/8 – 15, 28/10/2017 (Tổng: 11,83 tháng)
13	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Hiromi Yamauchi	6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 11 /5/ 2016- 20 /5/ 2016 22 /5/ 2016 - 4 /6/ 2016 2 /8/ 2016 – 9 /8/ 2016 (Tổng : 2,02 tháng)
14	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Shimako Narahara	5 – 22/1/2017 s12 – 28/2/2017 1 – 12/3/2017 (Tổng : 1,57 tháng)
15	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	25/9 – 7/11/2017 25/11 – 23/12/2017 (Tổng: 2.43 tháng)
16	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Ông Shogo Tai	13 /1/ 2016 - 23 /1/ 2016 24 /2/ 2016 - 27 /3/ 2016 8 /5/ 2016 - 21 /5/ 2016 19 /6/ 2016 - 7 /7/ 2016 12 /7/ 2016 – 11 /9/ 2016 20 /9/ 2016 – 4 /12/ 2016 (Tổng : 7,17 tháng)
17	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito	24 – 30/4/2017 1 – 27/5/2017 3 -27/7/2017 7/9– 21/10/2017 16/11– 9/12/2017 (Tổng: 4,27 tháng)
18	Quản lý rừng 2	Ông Tomoyuki Ueda	6 /3/ 2016 - 26 /3/ 2016 10 /7/ 2016 – 23 /7/ 2016 5 /8/ 2016 – 26 /8/ 2016 5 /9/ 2016 – 25 /11/ 2016 (Tổng: 4,63 tháng)
19	Quản lý rừng 2	Bà Chika Kameda	23 – 31/3/2017 1 – 8/4/2017 1 – 20/5/2017 5 – 30/6/2017 1-8/7/2017 27/8 –9/9/2017 16/10 - 11/11/2017 26/11 – 9/12/2017 (Tổng: 4,20 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

20	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 22,36 tháng)
21	Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Ông Trần Văn Hồ	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,3 tháng)
22	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,3 tháng)
23	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	15 /3/ 2016 -30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 9/4/2017 14/8 – 31/12/2017 (Tổng: 18,17 tháng)
24	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,3 tháng)
25	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,3 tháng)
26	Cán bộ quản lý rừng – văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Vũ Mạnh Đàm	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,3 tháng)
27	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1 /8/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,26 tháng)
28	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,26 tháng)
29	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Lèo Seo Bau	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
30	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Kim Giang	1/7– 31/12/2017 (Tổng: 6,13 tháng)
31	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 -30/9/2017 (Tổng: 11,87 tháng)
32	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Bà Nguyễn Thị Thu	1/9 – 31/12/2017 (Tổng: 4,1 tháng)
33	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

34	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trần Thị Huyền	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)
35	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)
36	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 11,87 tháng)
37	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)
38	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Đình Thắng	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)
39	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 17,66 tháng)
40	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 11,87 tháng)
41	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 21 tháng)
42	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 21 tháng)
43	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	12 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/7 – 31/12/2017 (Tổng: 18,60 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Tên	Thời gian phân công
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	5/1/2016 – 30/1/2016 28/2/2016 – 20/5/2016 23/6/2016 – 18/8/2016 10/10/2016 – 10/12/2016 10/1/2017 – 19/1/2017 20/2/2017 – 15/4/2017 11-13,15-18,22/5/2017 7/6/2017 – 8/7/2017 14/8/2017 – 15/9/2017 18/10/2017 – 15/12/2017 (Tổng cộng: 14,55 tháng)
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	4/12/2015 – 28/12/2015 29/2/2016 – 26/3/2016 10/5/2016 – 8/6/2016 4/7/2016 – 2/8/2016 1/9/2016 – 28/9/2016 31/10/2016 – 16/11/2016 7/12/2016 – 22/12/2016 10/1/2017 – 25/2/2017 14/2/2017 – 26/2/2017 4/3/2017 – 10/3/2017 4/4/2017 – 8/4/2017 16/4/2017 – 28/4/2017 11/5/2017 – 24/5/2017 7 – 12/6/2017 26/6/2017 – 6/7/2017 29, 30/8/2017 – 1/9/2017 6 – 8, 10, 11, 12-15, 18, 20, 21, 22/9/2017 2, 3, 4-6, 10, 11-13, 16, 17-19, 30/10/2017 31/10/2017 – 3/11/2017 6, 7, 14-16, 17, 20, 21-24, 27-30/11/2017 1-3, 4, 6-12, 15, 18-22, 28, 29/12/2017 (Tổng cộng: 11,50 tháng)
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	22/3/2016 – 9/4/2016 27/6/2016 – 27/7/2016 29/11/2016 – 23/12/2016 5/4/2017 – 29/4/2017 29/6/2017 – 7/7/2017 1/10/2017 – 13/10/2017 (Tổng cộng: 4,07 tháng)
4	Quản lý hệ sinh thái rừng, giám sát đa dạng sinh học	Giáo sư Kashio Masakazu	6/3/2016 – 6/5/2016 14/7/2016 – 10/8/2016 16/10/2016 – 3/11/2016 11/4/2017 – 20/4/2017 14/8/2017 – 3/9/2017 (Tổng cộng: 4,73 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

5	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	6/3/2016 – 13/3/2016 27/10/2016 – 25/11/2016 7/2/2017 – 24/2/2017 23/5/2017 – 15/6/2017 4/10/2017 – 18/10/2017 (Tổng cộng: 3,17 tháng)
6	Điều phối viên dự án/CM/PFES/Giám sát Đa dạng sinh học 2	Ông Takuya Nomura	1/4/2016 – 14/5/2016 19/6/2016 – 13/7/2016 18/7/2016 – 19/8/2016 3/10/2016 – 28/10/2016 2/11/2016 – 1/12/2016 1/3/2017 – 25/3/2017 25/6/2017 – 15/7/2017 27/8/2017 – 13/9/2017 13/11/2017 – 12/12/2017 (Tổng cộng: 8,50 tháng)
7	Chuyên gia GIS/ viễn thám	TS. Nguyễn Thanh Hoàn	8/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 8,51 tháng)
8	Chuyên gia CM	TS. Phan Trieu Giang	16/1/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 15,11 tháng)
9	Chuyên gia EFLO 1	Ông Hoàng Hữu Cải	16/1/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 13,33 tháng)
10	Chuyên gia EFLO 2	Ông Đào Phú Lợi	6/12/2015 – 31/09/2016 (Tổng cộng: 4,38 tháng)
11	Chuyên gia CBET	Ông Dương Minh Bình	1/7/2016 – 31/1/2017 (Tổng cộng: 0,62 tháng)
12	Chuyên gia chính sách lâm nghiệp	Ông Nguyễn Ngọc Bình	1/11/2016 – 31/1/2017 (Tổng cộng: 1,98 tháng)
13	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	14/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 21,26 tháng)
14	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	14/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 20,22 tháng)
15	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	14/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 19,74 tháng)
16	Trợ lý GIS/ viễn thám	Ông Nguyễn Văn Dũng	8/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 9,02 tháng)
17	Trợ lý dự án	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	8/1/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 24,24 tháng)
18	Trợ lý lý án (2)	Bà Trần Huyền Chiêu Trân	16/11/2016 – 30/06/2016 (Tổng cộng: 0,41 tháng)
19	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/4/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 15,00 tháng)
20	Trợ lý Quản lý hợp tác	Ông Huỳnh Quang Nhã	13/3/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 11,66 tháng)
21	Dịch vụ công (1)	Bà Bùi Thị Kim	16/4/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 0,77tháng)
22	Dịch vụ công (2)	Ông Đào Đức Liêm	16/4/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 0,77tháng)
23	Điều phối viên chương trình giáo dục môi trường	Bà Lê Quỳnh Huệ	4/5/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 2,62tháng)
24	Cán bộ thiết kế tài liệu giảng dạy chương trình giáo dục môi trường	Ông Đào Văn Hoàng	4/5/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 5,71 tháng)
25	Vận hành flycam	Bà Nguyễn Quỳnh Vy	2/3/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 2,34 tháng)
26	Trợ lý Hội nghị BQL KDTSQ lần thứ 3	Bà Võ Thị Ánh Tuyết	26 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 3,23 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

27	Tập huấn di thực cây	Ông Lương Văn Dũng	1 /10/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 0.72 tháng)
28	Cán bộ EFLO	Ông Nguyễn Như Ý	14 /8/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 4.33 tháng)
29	Cán bộ EFLO	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14 /8/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 4.22 tháng)
30	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (1)	Ông Phạm Trọng Nhân	1 /11/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 0.33 tháng)
31	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (2)	Ông Nguyễn Vinh Phú	1 /11/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 0.24 tháng)
32	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (3)	Ông Phạm Hữu Tân	1 /11/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 0.24 tháng)
33	Tư vấn chiến lược marketing và tiếp thị	Ông Nguyễn Cao Độ	30 /10/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 2.38 tháng)
34	Tư vấn địa phương cố vấn cho khu DTSQ Lang Biang	Ông Đỗ Văn Ngọc	1 /10/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 1.43 tháng)

Tổng số tháng làm việc tính đến ngày 31/12/2017.

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 1 - 4]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Ô tô Toyota PRADO (4)	3.984.200.000	0,0050	19.921.000

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Không mua thiết bị	--	--	--

[Hợp phần 3]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Laptop (2)	90.140.000	0,005074	457.370
Máy bay không người lái (flycam) (3)	123.120.000	0,005074	624.710

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (USD)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Phần mềm cho máy Flycam	8.700	113,694	989.137

Bản giám sát dự án I (Tháng 7/2017 – Tháng 12/2017)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
 Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 5
 Ngày 01/01/2018

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	
Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy. Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan. Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.	1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt). 2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. 3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.	Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác. Ghi chép về truy cập NBDS	1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững. 2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH. 3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.	Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017. Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017. Thông tư 26 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, trong đó có qui định về việc sử dụng máy tính bảng trong theo dõi diễn biến rừng. Thông tư này được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành vào ngày 15/11/2017. Hơn 35.000 bộ dữ liệu về loài từ 18 Khu bảo tồn đã được lưu trữ trong NBDS.	

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu ra	Điều kiện tiên quyết
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết để thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền thuê nhà...) • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị vận hành và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công – Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công – Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công – Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công – Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)							
1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Các thông tin mới nhất đang được phân tích một cách thường xuyên	
1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật cho VRO bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó có các cuộc hội thảo và hội nghị.	
1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	NRAP đi vào chính thức đã được Thủ tướng phê duyệt trong tháng 4/2017.	
1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.							
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	Cần tiếp tục hỗ trợ để chỉnh sửa PRAP
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Đã bắt đầu triển khai áp dụng trên qui mô toàn tỉnh cho 6 tỉnh.	Tiếp tục tập huấn nhân rộng theo đề nghị của các tỉnh (sẽ được thực hiện trong năm 2018)
1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tiếp tục xúc tiến việc áp dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cùng với Dự án Trường Sơn Xanh	Một số nhà tài trợ chậm đưa ra quyết định
1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	Thông tư số 26 thay thế Quyết định 78 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp đã được ban hành vào ngày 15/11/2017	

Đầu ra 1-2: Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.								
1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.								
1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.								
1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).			KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTD DSH)	Chưa thực hiện.	Cần sớm xây dựng kế hoạch hoạt động.
			TH					
1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.			KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	Bộ TN&MT (Cục BTD DSH)	Hội thảo khu vực châu Á về GBIF được tổ chức vào 13-14/6/2017	
			TH					

Báo cáo giám sát I (7/2017 - 12/2017)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 5
Ngày 01/01/2018

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng

<p>Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</p>	<p>1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015.</p> <p>2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p>	<p>1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHD) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) KHHD REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHD REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHD REDD+.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHD REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHD REDD+</p> <p>2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt.</p> <p>4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.</p>	<p>4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện</p>

Hoạt động	Đầu vào	Đầu ra	Đi kèm kiện tài liệu
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHD REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHD REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p> <p>2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p>Chuyên gia/tư vấn trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p>Cơ sở tiện ích và thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chỉ số lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần

2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHD REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHD REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp và công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHD REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHD REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

<p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.</p> <p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
--	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ranh giới thôn/bản đã được phác thảo thông qua các cuộc tham vấn với các thôn/bản liên quan.	
				Thực tế					
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế					
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban QLR đặc dụng đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
				Thực tế					
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế					
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại 21 thôn/bản thuộc xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế					
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
				Thực tế					
2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
				Thực tế					

2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thủ c đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hoạt động giám sát được thực hiện sau khi hoàn thành từng nhiệm vụ (xem phụ lục). Tập huấn bổ sung và vật liệu đầu vào đã được cung cấp dựa trên kết quả giám sát (ví dụ như hoạt động nuôi ong)	
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hoàn đến Quý 2 năm 2018	
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.				Kế hoạch					
2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW				Kế hoạch		Nhóm tư vấn		Rà soát lại Hệ thống TDDBR cấp tỉnh được xây dựng trong quá trình thực hiện dự án SUSFORM-NOW	Hoàn thành
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã lập kế hoạch tập huấn mở rộng. Nhu cầu đào tạo về nhân rộng ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đã được đánh giá và CCKL đã yêu cầu tổ chức thêm các lớp đào tạo giảng viên. Kết quả tập huấn được theo dõi và thảo luận trong các cuộc họp hàng tháng của tổ công tác.	Hoàn thành
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh						Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Chương trình tập huấn đã được chuẩn bị và sẵn sàng hoạt động được phát cho người dùng. "Ứng dụng di động về TDDBR của JICA" được chuyển tới các huyện và các BQLR.	Hoàn thành

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.				Kế hoạch Thực tế	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn bổ sung cho giảng viên nguồn đã được thực hiện. Tập huấn nhân rộng cho từng tỉnh đã được thực hiện.	
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần			Kế hoạch Thực tế	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tiến hành phỏng vấn và thu thập thông tin để chỉnh sửa lại Sổ tay Hướng dẫn Tuần tra Rừng cấp thôn/bản (VFPT). Hướng dẫn trong cuốn Sổ tay hiện đang được VFPT được sửa đổi. Hướng dẫn theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được chỉnh sửa.		
2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).			Kế hoạch Thực tế	Nhóm tư vấn	Tổng cục Lâm nghiệp/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Sắt nhập hệ thống và dữ liệu từ dự án SUSFORM-NOW sang hệ thống máy chủ riêng ảo (VPS) đã được hoàn thành để tích hợp với Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp. Cuộc họp tham vấn với FORMIS II đã được tổ chức để bàn về kế hoạch hợp tác hơn nữa và các hoạt động sẽ được thực hiện vào năm 2017. Việc chuẩn bị cho hoạt động chuyển dữ liệu từ VPS tới máy chủ trung tâm FORMIS đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp đã được tiến hành. Hệ thống phát hiện mất rừng sử dụng Google Earth Engine (GEE) đã được phát triển và thử nghiệm nhằm giám sát chất lượng, thông qua đó giảm thiểu sự sai sót liên quan đến số liệu báo cáo về diện tích không có rừng và/hoặc diện tích có rừng nhưng chưa được báo. Phương pháp thẩm định tính chính xác trong việc xác định diện tích rừng đã được cân nhắc.		
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.			Kế hoạch Thực tế					
2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW			Kế hoạch Thực tế	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch tập huấn về ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đang được điều phối		

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: Hệ thống TDDBR cấp tỉnh được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: Các hoạt động phát triển sinh kế được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các rủi ro môi trường, xã hội được đánh giá và được đưa một cách tóm tắt vào khung đánh giá rủi ro của Kế hoạch	Hoàn thành
2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã /Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: hoạt động nâng cao năng lực được lồng ghép với các hoạt động của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các nguồn tài chính tiềm năng đã được xác định	Hoàn thành
2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: cấu trúc thực hiện dự án đã được xác định	Hoàn thành
2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh					Kế hoạch			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh SL: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh LC: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
					Thực tế						

<p>2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.</p>																																	
<p>2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh</p>																																	
<p>2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.</p>																																	
<p>2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.</p>																																	
<p>2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.</p>																																	
<p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p>																																	

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại các xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban quản lý liên quan đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.									Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại các thôn/bản mục tiêu thuộc xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.					Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Công tác giám sát được thực hiện sau khi hoàn thành từng hoạt động (xem phụ lục). Tập huấn và vật liệu đầu vào đã được cung cấp dựa trên kết quả giám sát	
					Thực tế					

2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hoãn đến quý 2 năm 2018	
2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Tổ chuyên trách vận hành Hệ thống TDDBR đã được thành lập ở từng tỉnh	Hoàn thành
2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kết quả của các đợt tập huấn được giám sát và được thảo luận tại các cuộc họp của tổ chuyên trách	Hoàn thành
2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch tập huấn nhân rộng hệ thống ra toàn tỉnh đã được lập và đang được điều phối tại cuộc họp của tổ chuyên trách	Hoàn thành
2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	Công tác tập huấn nhân rộng hệ thống ra toàn tỉnh đã được thực hiện tại 3 tỉnh.	
2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tiến hành phỏng vấn và thu thập thông tin để chỉnh sửa lại Sổ tay Hướng dẫn Tuần tra Rừng cấp thôn/bản (VFPT). Hiện tại Sổ tay Hướng dẫn này đã được chỉnh sửa.	
2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHH Đ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp		

Phụ lục: Tiến độ thực hiện các hoạt động thi điểm REDD+ tại các xã thị điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án

	2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng	2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế
Tỉnh Điện Biên	<p>Trồng rừng (hoàn thành năm 2017)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thiết kế trồng rừng đã được thực hiện (74,55 ha). Chỉ cục lâm nghiệp rà soát kỹ thuật và sơ NN&PTNT cấp chứng chỉ. - Tập huấn kỹ thuật trồng rừng được tổ chức cho 205 người tại 17 thôn/bản. - Cung cấp 84.778 cây giống trồng rừng cho 165 hộ dân tại 16 thôn/bản để trồng trên diện tích 74,55ha - Theo dõi tỷ lệ sống của cây trồng: Giới xanh >90%; trám > 95%; vôi thuốc ~ 80%; thông ~ 65%. - Lớp tập huấn kỹ thuật về trồng cây phân tán đã được tổ chức (826 người tham dự, 21 thôn/bản) -15.351 cây giống phục vụ cho mục đích trồng cây phân tán đã được cung cấp cho người dân (826 hộ) - Theo dõi tỷ lệ sống của cây trồng phân tán: Giới xanh ~ 85%, trám ~ 69%; sấu 84%; và lát hoa 91%. - Mô hình hoạt động trồng cây Mây Chà đã được thiết kế xây dựng và công tác bố trí các biện pháp trồng thực nghiệm trồng cây đã được thực hiện. Công tác trồng thử nghiệm được thực hiện trên 0.06 ha trồng mối và 1,2 ha tái sinh. - Hợp đồng sản xuất cây giống Mây Chà trong rừng giống tại các thôn/bản đã được ký kết với nhà thầu phụ. - Hợp đồng thiết kế trồng rừng năm 2018 đã được ký kết. <p>Khoanh nuôi tái sinh rừng (đang được thực hiện)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng thiết kế khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2018 đã được ký kết. <p>Bảo vệ rừng (đang được thực hiện)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế quản lý bảo vệ rừng cấp thôn/bản đã được xây dựng và ban hành thông qua cuộc họp cấp xã và các cuộc họp thôn/bản được tổ chức 2 vòng. Cuộc họp thôn/bản lần 3 về việc điều chỉnh quy chế sẽ được tổ chức vào năm 2018. - Lớp tập huấn kỹ năng tuần tra bảo vệ rừng đã được tổ chức (249 thành viên thuộc 21 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản). - Thiết bị/công cụ cần thiết cho công tác tuần tra rừng cấp thôn/bản được cung cấp cho 265 thành viên thuộc 21 tổ tuần tra - Đã tiến hành tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng quản lý, vận hành được tổ chức cho 102 thành viên thuộc 21 Ban QLR và PTSK cấp thôn/bản. - Ranh giới thôn bản đã được xác định đưa vào bản đồ sẵn có, thông qua các cuộc họp xã, họp thôn/bản và công tác xác định ranh giới thôn/bản trên thực địa. 	<p>Nuôi ong (đang được thực hiện)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi ong (30 người dân tham dự được 3 thôn/bản) và cung cấp 90 thùng nuôi ong cho các hộ dân đăng ký tham gia - Tổ chức tham quan mô hình nuôi ong mật thành công cho 15 người dân. <p>Nuôi cá (hoàn thành)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về nuôi cá đã được tổ chức (165 người dân thuộc 21 thôn/bản) và tài liệu cần thiết đã được cung cấp cho người dân nhằm hỗ trợ cho việc chuẩn bị cá giống - 400.800 con cá giống đã được cung cấp cho người dân (153 hộ tại 21 thôn/bản). - Hoạt động nuôi cá phân nã đã bị ảnh hưởng do mưa lớn. <p>Trồng cây ăn quả (hoàn thành)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả đã được tổ chức (869 người dân thuộc 21 thôn/bản). - 16.307 cây ăn quả giống đã được cung cấp cho người dân (869 người dân thuộc 21 thôn/bản). - Hầu hết các cây ăn quả đều sinh trưởng tốt. Tỷ lệ sống của cây giống sau khi trồng đạt 96%. <p>Trồng rau (hoàn thành năm 2017)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật trồng rau đã được tổ chức cho người dân (746 người dân tại 21 thôn/bản) - 10.760 gram hạt rau giống đã được cung cấp cho người dân (746 người dân tại 21 thôn/bản) - Rau trồng sinh trưởng tốt. Người dân hái rau phục vụ nhu cầu bữa ăn hàng ngày. <p>Bếp cải tiến (bếp Lào) (hoàn thành năm 2017)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 270 bếp Lào đã được cung cấp cho 262 người dân tại 20 thôn/bản. - Người dân đã sử dụng bếp Lào để đun nấu. Một số hộ đã dùng bếp Lào thay cho bếp truyền thống. Họ đều phản hồi về việc tiết kiệm củi khi sử dụng bếp Lào.
Tỉnh Hòa Bình	<p>Trồng rừng (hoàn thành vào năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế trồng rừng đã được lập (120 ha, trồng cây keo kết hợp với các loài cây bản địa) và chỉ cục kiểm lâm đã cho ý kiến và xác nhận về mặt kỹ thuật vào các bản thiết kế. - Mô hình trồng cây lâm sản ngoài gỗ (2 mô hình trồng cây keo, cây gổi và cây sa nhân tìm trên tổng diện tích 1 ha) đã được thiết kế. - Đến tham quan khảo sát mô hình trồng rừng hỗn giao đã được tiến hành (88 người dân tham gia) tại xã Ba Vi, thành phố Hà Nội, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam và xã Cẩm Thạch, tỉnh Thanh Hoá. - Tập huấn kỹ thuật trồng rừng cho người dân (154 người tham dự). - 400 tờ rơi về trồng rừng đã được phát tới tay người dân. - Tổ chức tập huấn về kỹ năng quản lý, vận hành cho các thành viên Ban Quản lý thôn/bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được thực hiện. - 189.267 cây giống đã được giao cho 148 hộ dân nhằm phục vụ cho công tác trồng rừng, trong đó cây bản địa chiếm 31% và cây keo chiếm 69%. - 113,40 ha rừng đã được trồng (bao gồm 17,9 ha diện tích rừng phòng hộ và 95,5 ha diện tích rừng sản xuất, 2 mô hình cây lâm sản ngoài gỗ và 3 mô hình trồng rừng). Tỷ lệ sống của cây giống sau khi trồng trung bình đạt 93%. <p>Bảo vệ rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy ước thôn/bản về quản lý bảo vệ rừng đã được xây dựng thông qua các cuộc họp thôn/bản và được UBND xã phê duyệt (13 thôn/bản) - 13 quỹ thôn/bản được thành lập với số vốn ban đầu do người dân đóng góp là 280 triệu đồng. Số vốn này được sử dụng và phát huy tối đa cho mục đích bảo vệ rừng cấp thôn/bản. <ul style="list-style-type: none"> - 4 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản được thành lập với 17 thành viên. - Tập huấn về tuần tra rừng cấp thôn/bản đã được tổ chức cho các thành viên của các tổ tuần tra và các trưởng ban (bao gồm 17 thành viên của tổ tuần tra và những người khác). - Thiết bị dùng cho mục đích tuần tra được cung cấp cho các thành viên thuộc các tổ tuần tra (bản đồ, la bàn, mũ bảo hiểm, đồng phục...) để thực hiện công tác tuần tra rừng, 5 vụ vi phạm đã bị phát hiện và xử lý bởi tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản. - 760,9 ha rừng (bao gồm 500 ha rừng phòng hộ và 260,9 ha rừng sản xuất) đã được tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản bảo vệ - 50 biển tuyên truyền bảo vệ rừng (posters) đã được làm và phát cho các thôn/bản. - 7 bảng tuyên truyền bảo vệ rừng, 1 biển cảnh báo cháy rừng, 5 biển báo mô hình trồng rừng và 210 biển báo bảo vệ rừng đã được lắp đặt trên thực địa. - 1 cuộc hội thảo nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ rừng đã được tổ chức tại xã thị điểm với 898 người dân tham dự. - Bản đồ lưu vực (rừng đầu nguồn) đã được xây dựng cho các lưu vực chính tại xã thị điểm. <ul style="list-style-type: none"> - 1 chuyên tham quan học tập đã được tổ chức cho các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản để học tập về công tác bảo vệ rừng dựa vào cộng đồng với 33 thành viên tham dự (bao gồm 17 thành viên của các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản và những người khác). 	<p>Nuôi ong (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai khóa tập huấn về kỹ thuật nuôi ong đã được tổ chức cho 59 hộ nuôi ong, ong mật đã được người nuôi ong chăm sóc theo đúng kỹ thuật. - Hai chuyên tham quan học tập đã được tổ chức cho 56 hộ nuôi ong để giúp họ học tập về kỹ thuật nuôi ong. - 43 nhóm nuôi ong đã được cung cấp ong giống và 55 hộ nuôi ong đã được cung cấp vật liệu phục vụ cho việc nuôi ong (bình tạo khói, dao, sáp ong...) - 3 nhóm nông dân có sở thích nuôi ong đã được thành lập với 76 thành viên tham gia. Các nhóm này đã được hỗ trợ để tổ chức tối các cuộc họp nhóm hàng quý. <p>Trồng rau (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80 hộ dân đã được tập huấn về kỹ thuật trồng rau và cung 80 hộ dân đã được cung cấp giống rau, 49 hộ dân được cung cấp hạt phù dùng trồng trong rau. Khoảng 5 ha diện tích trồng rau đã được dự án hỗ trợ. - Bạt phủ nưa (360 kg được cấp cho 30 hộ) đã được sử dụng để giảm thiểu sự sinh trưởng của cỏ và tiết kiệm nước. Rau trồng sinh trưởng tốt nhờ áp dụng đúng kỹ thuật được tập huấn (dùng đúng loại thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ). <p>Cây ăn quả (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 115 hộ đã được tham gia lớp tập huấn về kỹ thuật trồng bưởi và đã áp dụng kỹ thuật chăm sóc bưởi. <p>Trồng cỏ chăn nuôi (hoàn thành)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hom cỏ và hạt giống cỏ (cỏ đậu, cỏ Ghine Mombasa và cỏ VA06) đã được cung cấp cho 98 hộ, trồng trên diện tích khoảng 5 ha. <p>Tiết kiệm củi (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đã thực hiện một cuộc khảo sát về hiệu quả của bếp đun cải tiến và nhận thấy rằng bếp cải tiến giúp tiết kiệm 50% lượng củi đun nấu so với dùng bếp truyền thống. - 1.437 bếp đun cải tiến đã được cấp phát cho 991 hộ dân, chiếm 93% số hộ dân trong xã thị điểm. - 20 hộ dân được cung cấp vật liệu để xây 20 bể biogas.

	<p style="text-align: center;">2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng</p>	<p style="text-align: center;">2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế</p>
<p>tỉnh Sơn La</p>	<p>Trồng rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động thiết kế trồng rừng đã được thực hiện và được Chi cục Kiểm lâm phê duyệt về mặt kỹ thuật (114 ha ở 4 thôn/bản) và kế hoạch trồng rừng đã được hoàn thiện thông qua cuộc họp tham vấn với một bản tái định cư gần đó. - Tập huấn trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng được tổ chức cho 642 người dân tại 12 thôn bản. - Chất lượng cây giống được kiểm tra kỹ lưỡng để được đơn vị kiểm lâm cấp chứng chỉ nguồn gốc và chất lượng giống trước khi trồng. - Trồng thông (71.3 ha, 4 thôn/bản) và người dân đóng góp 2.577 ngày công. - Thiết kế khảo sát trồng rừng năm 2018 đã được thực hiện (11,05 ha, 1 thôn/bản). <p>Khoanh nuôi tái sinh rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoanh nuôi tái sinh rừng được thực hiện tại 10 bản với diện tích 303 ha (hoàn thành công tác tái sinh rừng cho 281.28 ha theo như thiết kế; người dân đóng góp 3.715 ngày công). <p>Bảo vệ rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật tuần tra rừng đã được tổ chức cho các tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản (148 người dân tại 12 thôn/bản tham dự) - Thiết bị và công cụ tuần tra đã được cung cấp cho tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản (149 bộ) - Tổ tuần tra rừng sử dụng bản đồ vệ tinh để phục vụ cho công tác lập kế hoạch tuần tra (12 kế hoạch tuần tra và 12 thôn/bản) - Chuẩn hóa các tuyến tuần tra rừng cấp thôn/bản sử dụng GPS và bản đồ vệ tinh đã được thực hiện (12 thôn/bản) - Báo cáo tuần tra rừng hàng tháng đều được nộp (12 báo cáo cấp thôn/bản) - Lớp tập huấn về vai trò và trách nhiệm cũng như nâng cao năng lực quản lý rừng và phát triển sinh kế của các thành viên thuộc ban quản lý thôn/bản đã được tổ chức cho 64 thành viên tham gia. - Tập huấn về bảo vệ và phát triển rừng được tổ chức với sự tham dự của (1.056 người dân tại 12 thôn/bản) - Công tác lắp đặt các biển tuyên truyền bảo vệ phát triển rừng hiện đang được thực hiện. 	<p>Mô hình nông lâm kết hợp (hiện đang được thực hiện tại một bản mới):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế mô hình nông lâm kết hợp (trồng cây ăn quả và trồng cỏ trên đường đồng mương) đã được xây dựng và thực hiện (34 hộ, 9 thôn/bản, trên diện tích 14ha). - Chuẩn bị đất trồng (làm cỏ, đào hố, bón phân) và kiểm tra cây giống đã được thực hiện. - Tập huấn về trồng cây ăn quả và trồng cỏ đã được tổ chức cho người dân (431 người dân tại 12 thôn/bản tham gia) - Ba mô hình nông lâm kết hợp rừng (mận, cà phê, đậu nành và thông) đã được thiết kế để áp dụng tại 1 bản tái định cư (bản Tông Bua) cạnh khu vực trồng rừng và mô hình này sẽ được thực hiện vào năm 2018. <p>Trồng cây ăn quả (trồng cây ăn quả trong vườn nhà đang được thực hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người dân (507 hộ dân tại 8 thôn/bản) giống của 7 loại cây ăn quả như xoài, nhãn, vải, mận, sơn tra, chanh và đào. Quá trình trồng cây ăn quả của người dân được dự án giám sát. - Chất lượng cây giống được kiểm tra kỹ lưỡng. <p>Trồng cỏ (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hom giống cỏ Ghine được cung cấp cho 240 hộ dân và sự tăng trưởng của cỏ luôn được giám sát. <p>Ủ phân hữu cơ (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật ủ phân hữu cơ được tổ chức với sự tham dự của 225 người dân tại 8 thôn/bản). - Mọi người dân tham gia lớp tập huấn đều áp dụng kỹ thuật để ủ phân. <p>Trồng Sa Nhân Tim (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sa Nhân Tim được trồng trên diện tích 0.2 ha tại 1 thôn/bản và quá trình sinh trưởng của loài cây này được giám sát. <p>Bếp cải tiến (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về chế tạo bếp cải tiến đã được thực hiện (593 hộ và 8 thôn/bản). - 726 bếp cải tiến đã được sản xuất (573 hộ được dự án cấp bếp trực tiếp và 153 hộ khác được sử dụng khuôn của dự án để làm bếp). <p>Trồng rau (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn trồng rau được tổ chức 451 hộ dân. - Giống của các loại rau như bông cải xanh, cải cúc, và xu hào được cung cấp cho các hộ dân. <p>Hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phát triển sinh kế được xây dựng và thực hiện với bản tái định cư (bản Tông Bua), kế hoạch này đã được UBND tỉnh phê duyệt và hiện đang được thực hiện như đã nêu ở trên.
<p>Tỉnh Lai Châu</p>	<p>Trồng rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế trồng rừng được xây dựng (2,45 ha của 1 bản với 10 hộ dân tham gia; trồng cây với thuốc, giới xanh) và được Sở NN & PTNT chứng nhận kỹ thuật. - Công tác tập huấn kỹ thuật trồng rừng đã được tiến hành (áp dụng đối với cây với thuốc và cây giới xanh) - 3.970 cây giống và phân bón (NPK) được cung cấp cho người dân để trồng rừng trên diện tích 2,45ha. - Kiểm tra tỷ lệ sống sót. <p>Trồng cây phân tán (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tập huấn trồng cây phân tán được tổ chức cho người dân, áp dụng đối với các loài cây như giới xanh, lát hoa, trám đen và quế. - 9.034 cây giống đã được cung cấp đến tay 238 hộ dân thuộc 9 bản để phục vụ cho việc trồng cây phân tán. - Kiểm tra tỷ lệ sống của cây và trồng dặm. <p>Bảo vệ rừng (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn về tuần tra rừng thôn/bản đã được thực hiện (192 thành viên tổ tuần tra thuộc 9 thôn/bản). - Thiết bị/công cụ được bàn giao cho 192 thành viên thuộc 9 tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản nhằm phục vụ cho công tác tuần tra. - Bản đồ và mẫu giám sát được cung cấp cho 09 tổ tuần tra. <p>Khoanh nuôi tái sinh rừng (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu thiết kế khoanh nuôi tái sinh rừng được xây dựng cho 71ha. - Tập huấn kỹ thuật được tổ chức cho 300 hộ dân tại 4 thôn/bản (8 lớp tập huấn) - Lắp đặt 20 biển báo khoanh nuôi tái sinh rừng. 	<p>Nuôi lợn (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nuôi lợn đã được tổ chức cho 118 hộ dân thuộc 7 bản. <p>Mô hình nuôi cá (đang được thực hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nuôi cá đã được tổ chức cho 5 hộ dân trong 1 bản, cá giống và một số nguyên vật liệu cần thiết đã được cung cấp cho hộ gia đình đăng ký tham gia. - Kiểm tra thường xuyên và hỗ trợ kỹ thuật <p>Bể biogas (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây lắp 22 hệ thống khí sinh học cho các hộ dân tại 5 bản <p>Trồng cây ăn quả (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả đã được tổ chức cho người dân tại 8 thôn/bản. - 5.558 cây giống các loại như ổi, chanh, hồng, mận, nhãn và bưởi đã được cung cấp cho người dân tại 9 thôn/bản. - Kiểm tra tỷ lệ sống và trồng dặm thay thế cây chết. <p>Trồng rau (hoàn thành):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật trồng rau đã được tổ chức cho 276 hộ dân tại 8 thôn/bản. - Hỗ trợ cây rau giống và hạt giống - Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình sản xuất <p>Bếp cải tiến (hoàn thành năm 2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn sản xuất bếp. - Cung cấp vật liệu và khuôn cho 71 hộ dân <p>Trồng dưa hấu và mô hình trồng dưa hấu phủ nilong (đang được thực hiện):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật được tổ chức cho 123 hộ dân tại 3 thôn/bản.

Biểu Giám sát I (Tháng 7/2017 - Tháng 12/2017)
[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]

Phiên bản số 5
 Ngày 01/01/2018

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB]), Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của Hợp phần	1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. 2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang 3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng. 4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. 5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.	CMA và báo cáo giám sát Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà Văn bản pháp lý Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.	Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng	Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng Không áp dụng

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển được tổ chức định kỳ với trên xx2 % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn Quy định của UBND tỉnh Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-1-1 Tổ chức lần hai các đợt họp tại Đà Lạt và 5 huyện liên quan đến khu DTSQ được thực hiện để chia sẻ tri thức đến các bên chủ chốt, bao gồm các UBND xã, người dân trong khu DTSQ, tập trung vào kế hoạch quản lý. Tri thức về khu DTSQ được chia sẻ cho các bên liên quan chính kể cả UBND xã thông qua chuẩn bị và tổ chức diễn đàn QLHT. 3-1-2 Kế hoạch quản lý được BQL khu DTSQ thông qua, trình cho UBND tỉnh phê duyệt. 3-1-3 Hội nghị BQL khu DTSQ lần 3 và lần 4 được lần lượt tổ chức ngày 03/7 và 30/11</p>	
<p>Output 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx2 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx2 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Trình công văn</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-2-1, 3-2-2 và 3-2-3 Thử nghiệm CMA bao gồm BSM được chủ rừng và người dân tiếp tục thực hiện, có sự hợp tác với UBND các xã. 3-2-4 Bản thảo đầu tiên của văn bản pháp lý về CMA đã được chuẩn bị.</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		<p>3-3-1 Dữ liệu ĐDSH được thu thập thông qua điều tra hiện trường đã có để đưa vào hệ thống NBDS và chia sẻ với bộ NNPTNT (FORMIS). 3-3-2 Dữ liệu về rừng được tiếp tục thu thập thông qua PFMS. Khung hệ thống giám sát ĐDSH được phát triển dựa trên kết quả điều tra hiện trường đã được BQL khu DTSQ thông qua.</p>	

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.
 2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thu tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để cùng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liên kết ở các tỉnh lân cận.</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Nhóm chuyên gia cho Hợp phần 3 • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ để u tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quy định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNNP-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNNP-MB) • Các cán bộ của BNNP-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả ph trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điề u tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điề u kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chỉ số n lượng marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đ ến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng ti ềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đ ến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điểu tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điểu tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điểu tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điểu tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điểu tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNBPN vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/ điểu tra kiểm kê rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNBPN-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thị điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Biểu Giám sát II (Tháng 7/2017 - Tháng 12/2017)

Kế hoạch hoạt động (hợp phần 3)

Phiên bản số 5

Ngày 01/01/2018

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần đa dạng sinh học)

Inputs		Năm												Ghi chú	Giám sát					
		2015			2016			2017			2018				2019			2020		
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	
Chuyên gia																				
	Quản lý hợp tác (CM)	KH																		
	TH																			
	Phát triển sinh kế (LI)	KH																		
	TH																			
	Quản lý vườn quốc gia (NPM)	KH																		
	TH																			
	PFES/Đề u phối viên (PFES/C)	KH																		
	TH																			
	Du lịch sinh thái (ET)	KH																		
	TH																			
	Giám sát đa dạng sinh học (BM)	KH																		
	TH																			
	Tư vấn trong nước	KH																		
	TH																			
Thiết bị																				
	Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)	KH																		
	TH																			
	Xe máy	KH																		
	TH																			
	Thiết bị theo dõi diễn biến rừng	KH																		
	TH																			
Tập huấn ở Nhật																				
	Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																		
	TH																			
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																				
	Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																		
	TH																			

**CM: 25MM
LI: 13.8MM
NPM:3MM
PFES/C:16.5 MM
ET:9.7MM
BM:6MM**

Không áp dụng

Không áp dụng

Không áp dụng

Sẽ được thực hiện trên cơ sở đúng lúc

Không áp dụng

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.				KH		Nhóm tư vấn	Số VHTTDL BNBPNMB Tổ công tác	Tiếp tục thực hiện phát triển chương trình giáo dục môi trường (EE) cho khu DTSQ Lang Biang, tập trung vào đối tượng là học sinh các trường cấp THCS ở TP.HCM, với việc lựa chọn địa điểm thực hiện chương trình thích hợp. Hợp tác giữa BQL khu DTSQ Lang Biang và sở giáo dục TP.HCM được xây dựng cho chương trình EE và một trường THCS ở TP.HCM đã đồng ý tham gia chương trình EE thử nghiệm ở khu DTSQ Lang Biang	
3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).				KH		Nhóm tư vấn	Số NN&PTNT UBND huyện Tổ công tác	Chiến lược marketing với logo/ nhãn hiệu cho sản phẩm MAB được hội nghị lần 4 BQL khu DTSQ Lang Biang thông qua. Thử nghiệm ngắn cho một số sản phẩm có thể đưa ra thị trường được thực hiện dựa theo chiến lược, có hợp tác với các công ty tư nhân quan tâm đến chiến lược này	
3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Tập huấn kỹ năng thúc đẩy cho cán bộ UBND xã chịu trách nhiệm cho các thôn mục tiêu và kiểm lâm/ trưởng thôn được tổ chức để tăng cường năng lực cho UBND xã về khả năng truyền đạt thông tin phù hợp, bao gồm thông tin tuyên dụng cho người dân kịp thời và hợp lý.	
3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành.
3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Cẩm nang phát triển được điều chỉnh dựa theo thử nghiệm CMA	
3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	Cơ bản hoàn thành
3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	CMAs in 2 trial sites were signed by forest owners, CPC and villagers' groups. The CMA trial was continuously undertaken in a collaborative manner by forest owners with community members and CPCs such as the delineation of boundaries of the sites with trees and improvement of PFES patrol. A MOU on sharing PFES patrol results by forest owners was concluded between forest owners and provincial organizations including DPC in order for the provincial organizations concerned to take actions promptly against illegal actions including encroachment.	
3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	
3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Các khóa tập huấn được tổ chức cho cán bộ của chủ rừng về hoạt động liên quan đến CMA và EFLO	
3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển tỉnh UBND tỉnh phê duyệt.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không áp dụng	

Bản giám sát dự án I (Tháng 7/2017 – Tháng 12/ 2017)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 5
Ngày 01/01/2018

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá trị quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		
Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.	Báo cáo của FORMIS		Việc sử dụng máy tính bảng trong TDDBR được đưa vào Thông tư số 26 về TDDBR và đất lâm nghiệp.	
Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.	2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.	Báo cáo của Bộ NN & PTNT		Các thành quả của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau trong đó có UNFCCC-COP23.	
Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của dự án		Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên quyết
<p>4-1. Trợ giúp kế t nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kế t và /hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kế t và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p>Phía Nhật Bản Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Đề chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam Cán bộ Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiện bùong ngủ, vvv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Thời gian/giai đoạn	KH																																																			
	TH																																																			
Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp																								
Giám sát	NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II				III																							
Ban chỉ đạo dự án	KH																											Hội nghị Ban chỉ đạo dự án lần thứ nhất được tổ chức trong tháng 5/2017.																								
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	TH																											PDM/PO và APO (phiên bản 2) đã được phê duyệt tại cuộc họp PSC lần 1.																								
Nộp Bản giám sát	KH																																																			
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	TH																																																			
Hậu giám sát	KH																																																			
TH	TH																																																			
Các báo cáo/tài liệu	KH																																																			
TH	TH																																																			
Báo cáo tổng kết dự án	KH																																																			
TH	TH																																																			
Quan hệ công chúng	KH																																																			
TH	TH																																																			

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 5 (Thời gian: tháng 1-6/2018)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/07/2018

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 24 cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- 06 chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc được phân công theo như kế hoạch.
- 41 cán bộ và chuyên gia Việt Nam tiếp tục tham gia dự án.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các tỉnh mục tiêu đã thành lập Ban Quản lý Dự án (BQLDA) cấp tỉnh và chính thức bổ nhiệm nhân sự tham gia thực hiện dự án.
- Các cuộc họp định kỳ hàng tháng của BQLDA với sự tham dự của các chuyên gia Nhật Bản đã được tổ chức ở cả bốn tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Các cuộc họp của PPMU với các chuyên gia hợp phần 3, bao gồm các chuyên gia Nhật Bản, được tổ chức định kỳ hàng tháng để thảo luận các vấn đề trong quá trình thực hiện dự án.
- 3 nhóm công tác về BQL khu DTSQ Lang Biang, Quản lý hợp tác (CM) và Đa dạng sinh học đã được PPMU thành lập.
- Vốn đối ứng được cấp hợp lý cho các hoạt động dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Không mua sắm máy móc, thiết bị trong giai đoạn báo cáo.

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 3]

- Khóa tập huấn tăng cường năng lực quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang thông qua quản lý hợp tác được tổ chức từ ngày 4-15/3/2018 cho 2 cán bộ Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và 7 cán bộ từ tỉnh Lâm Đồng.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

- Dự án đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp và tổ chức các hội nghị tham vấn cấp quốc gia (tháng 4) và cấp vùng (tháng 5 và tháng 6).

Những quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã đồng ý nâng cấp Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi thành Luật. Tổng cục Lâm nghiệp đã chỉnh sửa Dự thảo theo ý kiến từ Quốc hội.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Dự án xây dựng dự thảo lộ trình quốc gia để Việt Nam gửi đề xuất xin hỗ trợ từ Chương trình thí điểm chi trả dựa vào kết quả trong REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), chủ trì phối hợp giữa Dự án SNRM, Văn phòng BCD nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Viện điều tra quy hoạch rừng và FAO để thảo luận, thống nhất vai trò của mỗi bên. Dựa trên lộ trình thực hiện quốc gia, các bên đang chuẩn bị cập nhật đường phát thải tham chiếu FREL/REL.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Dự án hỗ trợ kỹ thuật tỉnh Quảng Trị hoàn thiện PRAP, dự kiến sẽ sớm được phê duyệt chính thức.
- Dự án đồng ý tiếp tục hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh PRAP nếu cần thiết.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Tập huấn tiểu giáo viên đã được tổ chức tại 11 tỉnh, có phối hợp với FCPF, UN-REDD II và VFD là các nhà đồng tài trợ.
- Các tỉnh này bao gồm Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Bình Thuận và Cà Mau (tập huấn cho 4 tỉnh Tây Bắc nằm trong Hợp phần 2).
- Tỉnh Quảng Nam đã bắt đầu thực hiện đào tạo tiểu giáo viên, với hỗ trợ của Dự án Trường sơn xanh (USAID).
- Tại mỗi tỉnh, đã tổ chức tập huấn tiểu giáo viên cho 18-58 học viên (cán bộ kiểm lâm), đồng thời cung cấp đủ máy tính bảng cho các học viên.
- Để chính thức ban hành quyết định thí điểm việc sử dụng máy tính bảng và ứng dụng di động cho các đơn vị, Dự án SNRM đã tổ chức các cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm cũng như FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Việc sử dụng máy tính bảng đã được chính thức đưa vào Thông tư 26/2017/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày 15/11/2017 và thay thế Chỉ thị số 32/2000/CT/BNN-KL và Quyết định 78/2002-QĐ-BNN-KL.
- Hội nghị Ứng dụng theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp và hệ thống quản lý/ kiểm soát chất lượng cho các cấp quản lý đã được tổ chức vào ngày 20/04. Ông Vũ Xuân Thôn (Ban Quản lý các dự

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

án Lâm nghiệp) và Ông Vũ Đình Thơm (Cục Kiểm lâm) đã chủ trì hội nghị này. Đại biểu từ các cơ quan trung ương/vùng, 18 tỉnh và các dự án liên quan đã tham gia hội nghị.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã thu thập và xử lý số liệu thu thập từ 10 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (Vườn quốc gia Vũ Quang, Bạch Mã, Khu bảo tồn thiên nhiên Nha Trang, Vườn quốc gia Pù Mát, Vườn quốc gia Núi Chúa, Vườn quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn thiên nhiên Cồn Cỏ, Khu bảo tồn thiên nhiên Đầm Thị Nại, Khu bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Phú Mỹ). Hiện số liệu đã được lưu trữ tại hệ thống NBDS.
- Đã phối hợp với Văn phòng Hợp phần 3 của Dự án để tổ chức hội thảo tập huấn xây dựng năng lực cập nhật số liệu vào hệ thống NBDS cho các vườn quốc gia, khu bảo tồn và các bên liên quan từ ngày 10-11/4 tại tỉnh Lâm Đồng.
- Đã chọn thêm 9 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn để thu thập số liệu năm 2018 và 2019 (VQG Ba Vì, VQG Cát Bà, VQG Bến Én, VQG Kon Ka Kinh, VQG Tràm Chim, KBTTN đất ngập nước Vân Long, KBTTN Sơn Trà, KBTTN đất ngập nước Đồng Rui-Tiên Yên, KBTTN đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng).

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và tiềm năng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam đã bắt đầu thực hiện, với hỗ trợ của Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

Kế hoạch Hành động REDD+ cho 4 tỉnh Tây Bắc đã được phê duyệt. Cụ thể:

- Lai Châu: Quyết định số 1052/QĐ-UBND, ngày 13/09/2017
- Điện Biên: Quyết định số 732/QĐ-UBND, ngày 21/08/2017
- Sơn La: Quyết định số 2338/QĐ-UBND, ngày 29/08/2017
- Hòa Bình: Quyết định số 1803/QĐ-UBND, ngày 20/09/2017
- Các hoạt động chính liên quan đến PRAP đã được hoàn thành.
- Buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm xây dựng PRAP đã được tổ chức tại thành phố Sơn La vào ngày 7/11/2017, với sự tham gia của 4 tỉnh khu vực Tây Bắc, tỉnh Lâm Đồng, BQLDA SNRM Trung ương và các bên liên quan.
- Tại hội thảo Hệ thống thông tin về các biện pháp bảo vệ an toàn quốc gia (18/04/2018), dự án SNRM đã trình bày thiết kế giám sát PRAP cho bốn tỉnh Tây Bắc tại hai hội thảo cấp quốc gia (ngày 18/04 và 18/05)

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Dự án gần toàn tất thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế theo kế hoạch hoạt

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

động 5 năm (2016-2020) và kế hoạch hàng năm đã được các Ủy ban nhân dân các xã phê duyệt.

- Kết quả giám sát tiến độ, đầu ra và tính bền vững của các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế do dự án SUSFORM-NOW hỗ trợ đã được tổng hợp thành báo cáo giám sát, bao gồm ý kiến phản hồi và nhận xét từ Sở NN & PTNT, UBND các huyện và các ban quản lý rừng.
- Đã đồng tổ chức hội thảo giữa JICA-ICRAF, thăm thực địa tại tỉnh Hòa Bình với mục đích trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về các hoạt động thí điểm và tăng cường quản lý rừng thông qua REDD+ và sản xuất gỗ bền vững.

[Quản lý rừng]

- Dự án đã hoàn thành hoạt động trồng rừng năm 2018 với 12,5 ha ở Điện Biên và 33 ha ở Hoà Bình; và đang trồng ở Sơn La với diện tích quy hoạch là 11,05 ha.
- Tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc rừng trồng và khu vực khoanh nuôi tái sinh của năm 2017.
- Hoạt động tuần tra rừng được thực hiện ở các tỉnh mục tiêu.
- Xây dựng mới bản đồ quản lý rừng và bản đồ hiện trạng rừng cho 4 xã thí điểm.
- Tại tỉnh Điện Biên, quy ước thôn/bản về bảo vệ và phát triển rừng được chỉnh sửa cho từng thôn và đã được UBND huyện phê duyệt.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và cấp phát cây giống để trồng theo ranh giới giữa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp ở Lai Châu.
- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế KNTS, tổ chức tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ đầu vào, bao gồm biển báo (130,97 ha ở Điện Biên).
- Tổ chức các lớp tập huấn bổ sung và cung cấp trang thiết bị cần thiết cho Tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp thôn bản ở Lai Châu.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng cây phân tán và cấp phát cây giống ở tỉnh Điện Biên và Lai Châu.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy rừng và cung cấp trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng tại Hòa Bình.
- Tổ chức hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng tại một trường THCS tại tỉnh Hòa Bình.
- Đã lắp đặt biển báo về bảo vệ khu vực đầu nguồn tại tỉnh Hòa Bình
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và tổ chức tham quan học tập về quản lý quỹ thôn/bản cho người dân.
- Đã xây dựng xong bản đồ nguy cơ xói mòn đất cho xã Mường Giôn, tỉnh Sơn La.

[Phát triển sinh kế]

Tại tỉnh Hòa Bình

- Đã tổ chức tham quan học tập về kỹ thuật canh tác rau và tiếp cận thị trường rau cho người dân.
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng cây ăn quả và cung cấp cây giống cho người dân.
- Đã cấp bếp đun cải tiến đến các hộ dân.
- Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật về nuôi ong, có cung cấp tài liệu kèm theo.
- Đã tiến hành giám sát đối với các hoạt động thí điểm.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

Tại tỉnh Sơn La

- Đã xây dựng hồ sơ thiết kế mô hình nông lâm kết hợp (trồng cây ăn quả và trồng cỏ trên đường đồng mức). Đã tổ chức các lớp tập huấn về mô hình nông lâm kết hợp và cung cấp cây giống cho người dân
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật chiết cành, ghép cành cây ăn quả cho người dân.
- Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất nấm và cung cấp thiết bị cần thiết cho người dân.
- Đã hoàn thành lắp đặt 2 bể biogas.
- Đã tổ chức tham quan học tập ở Lai Châu và Hòa Bình nhằm trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa các tỉnh địa bàn của dự án.
- Đã tiến hành giám sát đối với các hoạt động thí điểm.

Tại tỉnh Điện Biên

- Các hộ dân tham gia đã tiến hành thu hoạch mật ong với sự hỗ trợ của giảng viên và tham gia hội thảo về tiếp cận thị trường mật ong
- Đã cung cấp giống rau cho người dân
- Đã cấp phát bếp đun cải tiến cho các hộ dân tham gia
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng măng tre Bát độ và cấp phát cây giống măng tre Bát độ cho người dân
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng cỏ (Guatemala và VA06) và cấp phát giống cỏ cho người dân
- Đã tiến hành thử nghiệm trồng cây Mạ Chả tại vườn giống của công ty và tại vườn của hộ dân. Tài liệu hướng dẫn đã được xây dựng dựa trên các kết quả thử nghiệm. Dự án đã tổ chức hội thảo chia sẻ kỹ thuật về nhân giống, trồng, chăm sóc và xây dựng vườn ươm với các bên liên quan.
- Đã tổ chức hội thảo về quản lý quỹ thôn bản với tất cả các thôn mục tiêu nhằm chia sẻ và thảo luận về hiện trạng, các vấn đề quản lý và việc sử dụng quỹ trong tương lai
- Đã tiến hành giám sát đối với các hoạt động thí điểm.

Tại tỉnh Lai Châu

- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật và một chuyên tham quan học tập về canh tác dưa hấu và cung cấp các thiết bị cần thiết về canh tác dưa hấu cho người dân
- Đã tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật về trồng cỏ và cung cấp giống cỏ cho người dân
- Đã tổ chức hội thảo về quản lý quỹ thôn bản với tất cả các thôn mục tiêu nhằm chia sẻ và thảo luận về hiện trạng, các vấn đề quản lý và việc sử dụng quỹ trong tương lai
- Đã tiến hành giám sát đối với các hoạt động thí điểm.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Dự án đã tổ chức các lớp đào tạo tiểu giáo viên bổ sung tại tỉnh Điện Biên theo đề nghị của tỉnh.
- Dự án đã tổ chức tập huấn mở rộng cho cả 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc.
- Dự án đang chạy thử Hệ thống kiểm soát chất lượng đối với hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

(trên nền Google Earth Engine) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc. Đã đánh giá mức độ chính xác của hệ thống để tiến hành điều chỉnh.

- Kết quả tập huấn được xem xét và thảo luận trong các cuộc họp tổ chuyên trách của 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc.
- Dự án đã tổ chức các cuộc họp điều phối với FORMIS II và TCLN để thảo luận việc tích hợp ứng dụng di động theo dõi diễn biến rừng PFMS với máy chủ và Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (FRMS).
- Cục Kiểm lâm đã đánh giá Ứng dụng Di động để chuẩn bị bàn giao cho TCLN.

[Hợp phần 3]

Các hoạt động liên quan đến BQL Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang (Tiểu hợp phần 3-1)

- Cuộc họp lần thứ 5 của BQL khu DTSQ được tổ chức vào ngày 19/4/2018 với khoảng 70 người tham gia bao gồm các công ty tư nhân và cộng đồng.
- Kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ đã được UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 27/4/2018.
- Dựa trên kế hoạch quản lý, Dự thảo kế hoạch hành động hàng năm đầu tiên của BQL khu DTSQ được thành viên các tổ công tác xây dựng vào tháng 6/2018, phối hợp với các tổ chức cấp tỉnh liên quan đến KDTSQ Lang-Biang.

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (Tiểu hợp phần 3-2)

- Tiếp tục thử nghiệm các hoạt động quản lý hợp tác (CMA) tại 2 địa điểm của VQG Bidoup – Núi Bà và BQL rừng Đa Nhim, phối hợp với UBND các xã và các cộng đồng để tăng cường hiệu quả công tác tuần tra khu vực chi trả DVMTR. Thực hiện các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của các thôn mục tiêu và chung tay giảm áp lực đối với tài nguyên rừng.
- Đã thực hiện khảo sát xác định các điểm canh tác truyền thống trong diện tích đất lâm nghiệp của các thôn mục tiêu, nhằm thu thập thông tin / số liệu để xem xét / xác định các điểm thử nghiệm CMA trong giai đoạn còn lại của dự án.
- Thảo luận, thống nhất với PPMU về phương thức cải thiện các mô hình CMA, nhằm nâng cao lợi ích, đơn giản hóa tổ chức thực hiện và áp dụng rộng rãi các mô hình nhiều tiềm năng.
- Các hoạt động sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO) dưới đây tiếp tục được thực hiện:
 - + Sản xuất / sử dụng phân hữu cơ hợp tác với sở TNMT và các công ty tư nhân
 - + Bán trực tiếp hạt cà phê cho các công ty cà phê thông qua việc nhận chứng chỉ cà phê hợp tác với UBND xã và các công ty tư nhân
 - + Đa dạng hóa canh tác hồng và nầm, bao gồm nầm hương, hợp tác với các công ty tư nhân
 - + Tuyên truyền / trồng cây giống trong vườn ươm của Trung tâm nghiên cứu VQG Bidoup-Núi Bà cùng với người dân tham gia CMA, được sử dụng cho các hoạt động CMA và cải thiện sinh kế của những người tham gia.
- Diễn đàn quản lý hợp tác lần 2 được tổ chức để tăng cường sự hợp tác giữa các thôn mục tiêu với các bên liên quan, bao gồm các tổ chức / người dân trong tỉnh.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Đã đăng ký logo với Cục Sở hữu trí tuệ để tiếp thị một số sản phẩm địa phương của khu DTSQ.
- Chương trình Giáo dục Môi trường tại khu DTSQ đã xây dựng dự thảo các tài liệu liên quan. Đã hợp tác với Sở Giáo dục tỉnh Lâm Đồng tổ chức một chuyến du lịch thử nghiệm với sự tham gia của các học sinh trung học tại thành phố Hồ Chí Minh. Dựa trên kết quả của thử nghiệm, các tài liệu liên quan đã được cập nhật và sẽ được hoàn thành trong giai đoạn 2 để phát triển thương mại Chương trình này.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng/ đa dạng sinh học (Tiểu hợp phần 3-3)

- Đã xây dựng Kế hoạch vận hành hệ thống giám sát đa dạng sinh học (BMS), dựa trên khung giám sát đa dạng sinh học được phê duyệt tại cuộc họp lần thứ 4 của LB-BRMB và sổ tay hướng dẫn thực hiện giám sát.
- Sau khi hoàn thiện thiết kế hệ thống BMS, một số công tác chuẩn bị cho việc thực hiện BMS đã được hoàn thành như thiết lập ô định vị (1 ha), bao gồm khảo sát cơ sở và khảo sát thực địa tại các tuyến giám sát ĐDSH tiềm năng.
- Đã tổ chức các khóa đào tạo máy bay không người lái (flycam) cho cán bộ kỹ thuật / kiểm lâm của chủ rừng; chia sẻ thông tin các lớp đào tạo với Sở NN & PTNT Lâm Đồng và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng. Chuyên gia dự án đã chia sẻ video một khoảnh khắc rừng rừng được quay bằng flycam cũng tại Hội nghị Ban chỉ đạo Dự án lần thứ 2 tại Hà Nội.
- Hỗ trợ Bộ TNMT tổ chức hội thảo tập huấn về việc sử dụng NBDS tại Đà Lạt, bao gồm chuyến thăm hiện trường cho các đại biểu tham gia bao gồm cán bộ Bộ TNMT và cán bộ các vườn quốc gia khác để giới thiệu một số hoạt động quan trọng dự án bao gồm ứng dụng flycam.

[Hợp phần 4]

Tích hợp dữ liệu/thông tin vào FORMIS

- Đã cập nhật toàn bộ chỉ số theo dõi diễn biến rừng trong ứng dụng di động theo Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của FORMIS và máy chủ theo dõi diễn biến rừng trung ương (máy chủ hệ thống FORMIS). Đã hoàn thành tích hợp với máy chủ hệ thống FORMIS. Phiên bản cập nhật nhất của ứng dụng di động (3.0.15) hoạt động tốt với Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của FORMIS (phiên bản 2.0.1).

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Đã xây dựng 1 phóng sự về các chính sách lớn trong ngành lâm nghiệp (Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và Chương trình hành động quốc gia về REDD+) và các hoạt động của Dự án SNRM. Phóng sự đã được phát trên kênh VTV5 vào ngày 31/12/2017 và ngày 6/1/2018.
- Đã phối hợp với công ty Usui Nouchikusan để hỗ trợ một hãng truyền hình Nhật Bản làm phóng sự về

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

ché biến Mạ chả tại tỉnh Điện Biên. Phóng sự sau đó được phát trên truyền hình Nhật Bản vào tháng 4/2018.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- Tiến độ, kết quả thực hiện tính đến hết giai đoạn nửa đầu của dự án (tháng 5/2018) tương đối tốt, đảm bảo thực hiện Mục tiêu Dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.
- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.

[Hợp phần 2]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) đã được thành lập và nhân sự dự án đã chính thức được bổ nhiệm tại các tỉnh mục tiêu.

[Hợp phần 3]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, các cuộc họp của PPMU được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án.
- Nhóm công tác khu DTSQ cung cấp thông tin để xây dựng kế hoạch hành động thường niên cho BQL khu DTSQ LB theo định hướng của PPMU.
- Vốn đối ứng cung cấp kịp phù hợp cho các hoạt động dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-10 Các vấn đề quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Điều phối và hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Dự án vốn vay JICA 3 (đang xây dựng), Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạ chà.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạ Chà ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạ Chà trong tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạ Chà tại xã Pá Khoang (do Đại học Lâm nghiệp thực hiện).

[Hợp phần 3]

- Hợp phần 3 tổ chức diễn đàn QLHT lần 2 để thảo luận tác động của chăn thả gia súc tự do đến canh tác nông nghiệp/ bảo vệ rừng ở các thôn mục tiêu và xây dựng giải pháp. Hội nghị có sự tham gia của các sở ngành cấp tỉnh và người dân địa phương. Dựa trên kết quả của diễn đàn, các bên liên quan đồng ý hợp tác xây dựng mô hình cải tiến chuồng bò bằng cách huy động nguồn lực tự có để kiểm soát chăn thả gia súc tự do và sử dụng phân bò để sản xuất bền vững phân hữu cơ. Các bên liên quan, bao gồm người dân, đã thống nhất, cam kết để phát triển mô hình này.
- Hợp tác với công ty tư nhân, hợp phần 3 phát triển mô hình trồng nấm hương với các hộ nông dân chủ chốt. Đây là một phần của cơ chế chia sẻ lợi ích, trong đó thu hoạch nấm mang đến cho mỗi hộ dân thu nhập 1 triệu/ ngày trong giai đoạn đầu. Dựa theo kết quả đó, UBND huyện đang cân nhắc hỗ trợ mở rộng trồng nấm hương cho người dân các xã trong năm 2019.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

[Hợp phần 2]

(1) Hoạt động trồng rừng tại xã mục tiêu ở tỉnh Sơn La.

3 [Hợp phần 3]

(1) Triển khai kế hoạch quản lý của khu DTSQ Lang Biang

(2) Phát triển/ triển khai hệ thống giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 2]

(1) Tại xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, do cây giống tại vườn ươm chưa đạt tuổi trồng vì thế hoạt động trồng rừng không thể hoàn thành vào cuối tháng 06/2018.

[Hợp phần 3]

(1) KHQL khu DTSQ được UBND tỉnh thông qua ngày 27/04, có chậm hơn so với dự kiến khi bản kế hoạch đã được trình từ tháng 8/ 2017. Do vậy, việc triển khai KHQL bị trì hoãn.

(2) Phát triển hệ thống giám sát ĐDSH hoàn thành vào cuối năm 2017, chậm 4 tháng và hiện vẫn chưa bắt đầu tiến hành giám sát.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 2]

(1) Cây giống phát triển chậm do điều kiện thời tiết không thuận lợi vào mùa đông năm 2017.

[Hợp phần 3]

(1) Kế hoạch quản lý chưa được UBND tỉnh phê duyệt do chưa có cơ sở pháp lý về các khu DTSQ ở Việt Nam bao gồm việc triển khai kế hoạch quản lý không được luật Việt Nam quy định rõ ràng.

(2) Quá trình hoàn thiện hệ thống giám sát ĐDSH bị chậm tiến độ do mùa mưa kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ khảo sát hiện trường, các đơn vị trong tỉnh mất nhiều thời gian xem xét và cho ý kiến hoàn thiện hệ thống và yếu tố bất khả kháng (trường nhóm tư vấn không thể làm việc trong một tháng vì lí do sức khỏe).

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 2]

(1) Việc cấp phát cây giống và trồng rừng đã được hoãn lại tới tháng 07/2018.

[Hợp phần 3]

(1) Sau khi KHQL được phê duyệt, hợp phần 3 đã xây dựng dự thảo kế hoạch hành động thường niên với sự hợp tác của các thành viên nhóm công tác và PPMU, có thể thực hiện kế hoạch hành động

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

thường niên ngay sau khi giai đoạn 2 bắt đầu.

- (2) Hợp phần 3 đã xây dựng kế hoạch giám sát đa dạng sinh học và hướng dẫn cho người thực hiện giám sát. Đã tiến hành khảo sát hiện trường để thiết lập ô định vị. Đây là tiền đề để tổ chức tập huấn và thực hiện giám sát đa dạng sinh học trong giai đoạn còn lại của dự án.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 3]

- (1) BQL khu DTSQ chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động thường niên của khu DTSQ dựa trên KHQL với sự hợp tác cùng các cơ quan/ ban ngành trong tỉnh. Bộ TNMT chịu trách nhiệm ra quyết định ban hành khung pháp lý cho việc quản lý các khu DTSQ.
- (2) VQG Bidoup – Núi Bà chịu trách nhiệm phát triển/ triển khai hệ thống giám sát ĐDSH, báo cáo cho khu DTSQ LB.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, tổ chức ngày 17/5/2018.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trục sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, tổ chức ngày 17/5/2018.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Hiện nay quá sớm để Chính phủ Việt Nam tiến hành các công việc chuẩn bị sau khi dự án kết thúc.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	6/12/2015- 15/12/ 2015 6 /3/2016 - 19 /3/ 2016 22 /5/ 2016 - 28 /5/ 2016 7, 8 /6/ 2016 23, 24/8/2016 13 / 11/ 2016 – 19/11/2016 15, 16, 19 /12/2016 10-12, 26, 27/1/2017 20,21/2/2017 8, 15, 16/3/2017 2,3 – 6/5/2017 15, 16/6/2017 6, 7/7/2017 11, 12/09/2017 9/10/2017 10/11/2017 5, 8/12/2017 17-19, 24-25/1/2018 8,9,16/2/2018 21-23/3/2017 12-14/4/2017 25-27/5/2017 1,4,5/6/2017 (Tổng: 3,62 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	<p>14 /12/ 2015 - 18 /12/2015 17 /1/ 2016 – 19/1/ 2016 8 /2/ 2016 - 16 /2/ 2016 6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 16 /5/ 2016 - 24 /6/ 2016 9 /8/ 2016 – 30 /9/ 2016 24 /10/ 2016 – 3 /11/ 2016 5 – 20/1/2017 3 – 5/5/2017 6 – 23/6/2017 28/7 – 12/8/2017 24/9 – 4/10/2017 18/1 – 9/2 2018 11 – 27/4/2018 16 – 30/5/2018 15/6/2018 (Tổng : 9,10 tháng)</p>
3	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	<p>17 /1/ 2016 - 22 /1/ 2016 6 /3/ 2016 - 31 /3/ 2016 18 /7/ 2016 – 22 /7/ 2016 24 /7/ 2016 – 12 /8/ 2016 22 /8/ 2016 – 24 /8/ 2016 19 /9/ 2016 – 8 /10/ 2016 24 /10/ 2016 – 28 /10/ 2016 30 /10/ 2016 – 19 /11/ 2016 27 /11/ 2016 – 22 /12/ 2016 3 – 8/1/2017 19 – 28/2/2017 1 – 11/3/2017 9 – 22/4/2017 13 – 20/5/2017 (Tổng: 6,30 tháng)</p>
4	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2	Ông Akihito Sakurai	<p>6 /3/ 2016 – 27/3/ 2016 23 /7/ 2016 – 1 /8/ 2016 3 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 11 /11/ 2016 – 23 /11/ 2016 28/2/2017 – 11/3/2017 (Tổng: 2,60 tháng)</p>
5	Phân tích hình ảnh vệ tinh / hệ thống thông tin địa lý	Ông Haruyoshi Hayashi	<p>24 /2/ 2016 - 4 /3/ 2016 27 /3/ 2016 - 22 /4/ 2016 13/4/2017 – 12/5/2017 27/8/2017 – 23/9/2017 21/12/2017 – 23/12/2017 14/3/2018 – 3/5/2018 (Tổng: 5,97 tháng)</p>

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

6	Theo dõi diễn biến rừng 1	Ông Kei Suzuki	20 /12/ 2015 - 23 /12/ 2015 9 /1/ 2015 - 21 /11/ 2015 6 /3/ 2016 - 11 /3/ 2016 10 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 21 /4/ 2016 - 27 /4/ 2016 29 /5/ 2016 - 2 /6/ 2016 20 /9/ 2016 - 23 /9/ 2016 13 /11/ 2016 – 15 /11/ 2016 15/3/2017 – 20/3/2017 14/4/2017 – 21/4/2017 12/8/2017 – 17/8/2017 13/9/2017 – 16/9/2017 9/1/2018 – 19/1/2018 14/3/2018 – 17/3/2018 14/4/2018 – 21/4/2018 16/5/2018 – 18/5/2018 (Tổng: 3,20 tháng)
7	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kouhei Niitsuma	3 /4/ 2016- 11 /5/ 2016 29 /5/ 2016 - 23 /6/ 2016 26 /6/ 2016 – 23 /9/ 2016 16 /10/ 2016 – 24 /12/ 2016 (Tổng: 7,5 tháng)
8	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Kuno Hiromitsu	20 /1/ 2016 - 30 /1/ 2016 (Tổng: 0,37 tháng)
9	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Yuki Nakamura	10/12/2017 – 24/12/2017 13/3/2018 – 19/4/2018 27/5/2018 – 9/6/2018 (Tổng: 2,20 tháng)
10	Theo dõi diễn biến rừng 3	Ông Hozumi Hashiguchi	14 /11/ 2016 – 24 /12/ 2016 14/2/2017 – 4/3/2017 14/3/2017 – 24/3/2017 17/5/2017 – 21/6/2017 1/8/2017 – 16/9/2017 28/11/2017 – 23/12/2017 12/3/2018 – 21/4/2018 16/5/2018 – 25/5/2018 (Tổng: 7,70 tháng)
11	Theo dõi diễn biến rừng 2	Ông Akinori Nishio	8/3/2017 – 19/3/2017 (Tổng: 0,40 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

12	Phân tích kinh tế / Phát triển sinh kế/ Kinh tế cộng đồng về trồng trọt chăn nuôi/ nâng cao khả năng tiếp cận tài chính/ chi trả dịch vụ môi trường rừng	Ông Wataru Yamamoto	5 /3/ 2016 - 3 /4/ 2016 11 /4/ 2016 - 12 /4/ 2016 23 /5/ 2016 - 19 /6/ 2016 18 /7/ 2016 – 1 /10/ 2016 13 /11 – 21 /12/ 2016 6 – 25/1/2017 9 – 28/2/2017 10 – 12, 17 – 30/4/2017 1 - 25, 31/5/2017 1 – 23/6/2017 3,4/7/2017 2,3/8/2017 15/8 – 15, 28/10/2017 5/1 – 11/2/2018 5/4 – 5/5/2018 4 – 13/6/2018 (Tổng: 14,23 tháng)
13	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Hiromi Yamauchi	6 /3/ 2016 - 2 /4/ 2016 11 /5/ 2016- 20 /5/ 2016 22 /5/ 2016 - 4 /6/ 2016 2 /8/ 2016 – 9 /8/ 2016 (Tổng : 2,02 tháng)
14	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Bà Shimako Narahara	5 – 22/1/2017 s12 – 28/2/2017 1 – 12/3/2017 (Tổng : 1,57 tháng)
15	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	25/9 – 7/11/2017 25/11 – 23/12/2017 8/1 – 6/2/2018 26/2 – 6/4/2018 24/4 – 9/6/2018 (Tổng: 6,33 tháng)
16	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Ông Shogo Tai	13 /1/ 2016 - 23 /1/ 2016 24 /2/ 2016 - 27 /3/ 2016 8 /5/ 2016 - 21 /5/ 2016 19 /6/ 2016 - 7 /7/ 2016 12 /7/ 2016 – 11 /9/ 2016 20 /9/ 2016 – 4 /12/ 2016 (Tổng : 7,17 tháng)
17	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito	24 – 30/4/2017 1 – 27/5/2017 3 -27/7/2017 7/9– 21/10/2017 16/11– 9/12/2017 15/1 – 11/2/2018 19/3 – 25/4/2018 29/5 – 16/6/2018 (Tổng: 14,20 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

18	Quản lý rừng 2	Ông Tomoyuki Ueda	6 /3/ 2016 - 26 /3/ 2016 10 /7/ 2016 – 23 /7/ 2016 5 /8/ 2016 – 26 /8/ 2016 5 /9/ 2016 – 25 /11/ 2016 (Tổng: 4,63 tháng)
19	Quản lý rừng 2	Bà Chika Kameda	23 – 31/3/2017 1 – 8/4/2017 1 – 20/5/2017 5 – 30/6/2017 1-8/7/2017 27/8 –9/9/2017 16/10 - 11/11/2017 26/11 – 9/12/2017 21/3 – 5/4/2018 12/5 – 15/6/2018 (Tổng: 5,90 tháng)
20	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 28,36 tháng)
21	Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Ông Trần Văn Hồ	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,3 tháng)
22	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,3 tháng)
23	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	15 /3/ 2016 -30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 9/4/2017 14/8 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,17 tháng)
24	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,3 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

25	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,3 tháng)
26	Cán bộ quản lý rừng – văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Vũ Mạnh Đàm	1 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 24,3 tháng)
27	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1 /8/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,26 tháng)
28	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,26 tháng)
29	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Lèo Seo Bau	20 /7/ 2016 - 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 (Tổng: 11,53 tháng)
30	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Kim Giang	1/7– 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 12,13 tháng)
31	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 -30/9/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 17,87 tháng)
32	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Bà Nguyễn Thị Thu	1/9 – 31/12/2017 1/1 – 31/1/2018 (Tổng: 5,13 tháng)
33	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
34	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trần Thị Huyền	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
35	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
36	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 17,87 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

37	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
38	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Đình Thắng	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
39	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	20 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 23,66 tháng)
40	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	10 /10/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1 – 29/6/2018 (Tổng: 17,87 tháng)
41	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La Trợ lý Phát triển sinh kế tỉnh Sơn La	Bà Trần Ngọc Huyền	20/03 – 30/06/2017 01/07 – 31/10/2017 (Tổng: 7,53 tháng)
42	Trợ lý Phát triển sinh kế tỉnh Sơn La	Bà Nguyễn Lê Phương Ly	04/12 – 31/12/2017 01/01 – 29/06/2018 (Tổng: 6,93 tháng)
43	Cán bộ hành chính tỉnh Điện Biên Trợ lý Phát triển sinh kế tỉnh Điện Biên	Bà Trần Thị Hòa	01/03 – 30/06/2017 01/07 – 31/12/2017 01/01 – 29/06/2018 (Tổng: 17,2 tháng)
44	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1/2018 – 30/6/2018 (Total: 27,00 tháng)
45	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1 /3/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/1/2017 – 30/6/2017 1/7 – 31/12/2017 1/1/2018 – 30/6/2018 (Total: 27,00 tháng)
46	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	12 /5/ 2016 - 30 /6/ 2016 1 /7/ 2016 – 31 /12/ 2016 1/7 – 31/12/2017 1/1/2018 – 30/6/2018 (Total: 24,60 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Tên	Thời gian phân công
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	5/1/2016 – 30/1/2016 28/2/2016 – 20/5/2016 23/6/2016 – 18/8/2016 10/10/2016 – 10/12/2016 10/1/2017 – 19/1/2017 20/2/2017 – 15/4/2017 11-13,15-18,22/5/2017 7/6/2017 – 8/7/2017 14/8/2017 – 15/9/2017 18/10/2017 – 15/12/2017 10/1/2018 – 24/1/2018 4/3/2018 – 9/3/2018 26/3/2018 – 21/4/2018 13/5/2018 – 28/5/2018 11/6/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 16,90 tháng)
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	4/12/2015 – 28/12/2015 29/2/2016 – 26/3/2016 10/5/2016 – 8/6/2016 4/7/2016 – 2/8/2016 1/9/2016 – 28/9/2016 31/10/2016 – 16/11/2016 7/12/2016 – 22/12/2016 10/1/2017 – 25/2/2017 14/2/2017 – 26/2/2017 4/3/2017 – 10/3/2017 4/4/2017 – 8/4/2017 16/4/2017 – 28/4/2017 11/5/2017 – 24/5/2017 7 – 12/6/2017 26/6/2017 – 6/7/2017 29, 30/8/2017 – 1/9/2017 6 –8, 10, 11, 12-15, 18, 20, 21, 22/9/2017 2, 3,4-6, 10, 11-13, 16, 17-19, 30/10/2017 31/10/2017 – 3/11/2017 6, 7, 14-16, 17, 20, 21-24, 27-30/11/2017 1-3, 4, 6-12, 15,18-22, 28, 29/12/2017 4-13, 17-19, 22-26, 29-31/1/ 2018 1-2, 6-8, 13-15, 27, 28/2/2018 1-3, 5-9, 13-15/3/2018 6-11, 17-20, 24-26/4/2018 2-4, 9-11, 22-25/5/2018 5-7, 19-21/6/2018 (Tổng cộng: 14,00 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	22/3/2016 – 9/4/2016 27/6/2016 – 27/7/2016 29/11/2016 – 23/12/2016 5/4/2017 – 29/4/2017 29/6/2017 – 7/7/2017 1/10/2017 – 13/10/2017 5/3/2018 – 15/3/2018 3/4/2018 – 19/4/2018 (Tổng cộng: 5,00 tháng)
4	Quản lý hệ sinh thái rừng, giám sát đa dạng sinh học	Giáo sư Kashio Masakazu	6/3/2016 – 6/5/2016 14/7/2016 – 10/8/2016 16/10/2016 – 3/11/2016 11/4/2017 – 20/4/2017 14/8/2017 – 3/9/2017 (Tổng cộng: 4,73 tháng)
5	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	6/3/2016 – 13/3/2016 27/10/2016 – 25/11/2016 7/2/2017 – 24/2/2017 23/5/2017 – 15/6/2017 4/10/2017 – 18/10/2017 9/1/2018 – 23/1/2018 (Tổng cộng: 3,67 tháng)
6	Điều phối viên dự án/CM/PFES/Giám sát Đa dạng sinh học 2	Ông Takuya Nomura	1/4/2016 – 14/5/2016 19/6/2016 – 13/7/2016 18/7/2016 – 19/8/2016 3/10/2016 – 28/10/2016 2/11/2016 – 1/12/2016 1/3/2017 – 25/3/2017 25/6/2017 – 15/7/2017 27/8/2017 – 13/9/2017 13/11/2017 – 12/12/2017 11/3/2018 – 14/3/2018 22/3/2018 – 26/4/2018 21/5/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 10,77 tháng)
7	Chuyên gia GIS/ viễn thám	TS. Nguyễn Thanh Hoàn	8/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 8,51 tháng)
8	Chuyên gia CM	TS. Phan Trieu Giang	16/1/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 19,63 tháng)
9	Chuyên gia EFLO 1	Ông Hoàng Hữu Cải	16/1/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 15,11 tháng)
10	Chuyên gia EFLO 2	Ông Đào Phú Lợi	6/12/2015 – 31/09/2016 (Tổng cộng: 4,38 tháng)
11	Chuyên gia CBET	Ông Dương Minh Bình	1/7/2016 – 31/1/2017 (Tổng cộng: 0,62 tháng)
12	Chuyên gia chính sách lâm nghiệp	Ông Nguyễn Ngọc Bình	1/11/2016 – 31/1/2017 (Tổng cộng: 1,98 tháng)
13	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	14/3/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 27,5 tháng)
14	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	14/3/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 27,5 tháng)
15	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	14/3/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 27,5 tháng)
16	Trợ lý GIS/ viễn thám	Ông Nguyễn Văn Dũng	8/3/2016 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 9,02 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

17	Trợ lý dự án	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	8/1/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 29,8 tháng)
18	Trợ lý lý án (2)	Bà Trần Huyền Chiêu Trần	16/11/2016 – 30/06/2016 (Tổng cộng: 0,41 tháng)
19	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/4/2016 – 29/06/2018 (Tổng cộng: 21,00 tháng)
20	Trợ lý Quản lý hợp tác	Ông Huỳnh Quang Nhã	13/3/2017 – 5/1/2018 (Tổng cộng: 16,16 tháng)
21	Dịch vụ công (1)	Bà Bùi Thị Kim	16/4/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 0,77tháng)
22	Dịch vụ công (2)	Ông Đào Đức Liêm	16/4/2017 – 31/12/2017 (Tổng cộng: 0,77tháng)
23	Điều phối viên chương trình giáo dục môi trường	Bà Lê Quỳnh Huệ	4/5/2017 – 27/04/2018 (Tổng cộng: 3,92 tháng)
24	Cán bộ thiết kế tài liệu giảng dạy chương trình giáo dục môi trường	Ông Đào Văn Hoàng	4/5/2017 – 30/04/2018 (Tổng cộng: 9,87 tháng)
25	Vận hành flycam	Bà Nguyễn Quỳnh Vy	2/3/2017 – 13/04/2018 (Tổng cộng: 2,61 tháng)
26	Trợ lý Hội nghị BQL KDTSQ lần thứ 3	Bà Võ Thị Ánh Tuyết	26 – 18/05/2018 (Tổng cộng: 7,04 tháng)
27	Tập huấn di thực cây	Ông Lương Văn Dũng	1 /10/ 2017 – 23/05/2018 (Tổng cộng: 1,17 tháng)
28	Cán bộ EFLO	Ông Nguyễn Như Ý	14 /8/ 2017 – 31/05/2018 (Tổng cộng: 9,22 tháng)
29	Cán bộ EFLO	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14 /8/ 2017 – 31 /05/ 2018 (Tổng cộng: 9.22 tháng)
30	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (1)	Ông Phạm Trọng Nhân	1 /11/ 2017 – 25 /05/ 2017 (Tổng cộng: 1,19 tháng)
31	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (2)	Ông Nguyễn Vinh Phú	1 /11/ 2017 – 22 /04/ 2018 (Tổng cộng: 0.64 tháng)
32	Điều tra khu vực canh tác truyền thống trên đất lâm nghiệp trong các thôn mục tiêu của dự án (3)	Ông Phạm Hữu Tân	1 /11/ 2017 – 22 /04/ 2018 (Tổng cộng: 0.64 tháng)
33	Tư vấn chiến lược marketing và tiếp thị	Ông Nguyễn Cao Độ	30 /10/ 2017 – 31 /12/ 2017 (Tổng cộng: 2.38 tháng)
34	Tư vấn địa phương cố vấn cho khu DTSQ Lang Biang	Ông Đỗ Văn Ngọc	1 /10/ 2017 – 29 /06/ 2018 (Tổng cộng: 4,27 tháng)
35	Giám sát đa dạng sinh học / rừng và quản lý EFLO	Ông Tôn Thất Minh	1/4/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 2.14 tháng)
36	Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học để thiết lập lô giám sát dài hạn (1)	Ông Nguyễn Quốc Đạt	1/4/2018 – 31/5/2018 (Tổng cộng: 2.00 tháng)
37	Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học cho việc thành lập lô giám sát dài hạn (2)	Ông Lê Bửu Thạch	1/4/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 2.00 tháng)
38	Chuyên gia giám sát đa dạng sinh học cho việc thành lập lô giám sát dài hạn (3) kiêm chuyên gia thực vật	Ông Đặng Minh Trí	1/4/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 2.27 tháng)
39	Chuyên gia về thú	Ông Lê Khắc Quyết	1/6/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 0.23 tháng)
40	Chuyên gia chim	Ông Diệp Đình Phong	1/6/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 0.23 tháng)
41	Chuyên gia lưỡng cư	BÀ Trần Thị Anh Đào	1/6/2018 – 15/6/2018 (Tổng cộng: 0.23 tháng)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

42	Giám sát đa dạng sinh học / rừng và quản lý EFLO	Ông Tôn Thất Minh	15/1/2018 – 29/6/2018 (Tổng cộng: 5.04 tháng)
43	Tập huấn viên trồng nấm Shiitake	Ông Trương Bình Nguyên	1/2/2018 – 18/6/2018 (Tổng cộng: 1.45 tháng)
44	Trợ lý thiết kế tài liệu giáo dục Giáo dục môi trường và biên tập nội dung cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	Bà Phạm Mai Trang	20/10/2017 – 30/4/2018 (Tổng cộng: 4.09 tháng)
45	Cố vấn khoa học tài liệu giáo dục Giáo dục môi trường và biên tập nội dung cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	Ông Nguyễn Trần Vỹ	20/10/2017 – 30/4/2018 (Tổng cộng: 1.66 tháng)
46	Biên tập viên tiếng Anh của tài liệu giáo dục Giáo dục môi trường cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	Bà Bùi Thị Hải Anh	24/4/2018 – 5/5/2018 (Tổng cộng: 0.55 tháng)
47	Cố vấn khoa học tài liệu giáo dục Giáo dục môi trường và biên tập nội dung cho Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang	Ông Lưu Hồng Trường	15/1/2018 – 28/2/2018 (Tổng cộng: 0.18 tháng)

Tổng số tháng làm việc tính đến ngày 29/06/2018.

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Anh vệ tinh (2)	--	--	583.680

[Hợp phần 3]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Laptop (2)	91.310.000	0,004819	440.023

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 - Tháng 6/2018)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
 Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 5
Ngày 01/07/2018

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	
Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy. Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan. Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.	1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt). 2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. 3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.	Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác. Ghi chép về truy cập NBDS	1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững. 2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH . 3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.	Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017. Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017. Thông tư 26 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, trong đó có qui định về việc sử dụng máy tính bảng trong theo dõi diễn biến rừng. Thông tư này được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành vào ngày 15/11/2017. Hơn 35.000 bộ dữ liệu về loài từ 18 Khu bảo tồn đã được lưu trữ trong NBDS.	

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiền đề
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

Bản giám sát dự án II (Tháng 1 - Tháng 6/2018)
[Hợp phần 1: Hợp phần hỗ trợ chính sách]

Phiên bản số 5
Ngày 01/07/2018

Tên dự án: **Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)**

Đầu vào	Năm	2015		2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
		NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Chuyên gia																									
Ông Hiroki Miyazono (Cố vấn trưởng)	KH																								
Ông Baku Takahashi (Cố vấn kỹ thuật về REDD+)	KH																								
Ông Shingo Kamiyama (Điều phối viên hành chính/Chuyên gia chính sách)	KH																								
Các tư vấn Nhật Bản và/hoặc Tư vấn trong nước	KH																								
TH																									
Thiết bị																									
Phương tiện đi lại cho Văn phòng dự án (tại Hà Nội)	KH																								
Thiết bị văn phòng (Máy tính, máy in, v.v.)	TH																								
Thiết bị cho Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại Thừa Thiên Huế (Máy tính, Máy tính bảng, thiết bị khảo sát hiện trường, v.v)	KH																								
TH																									
Đào tạo tại Nhật Bản																									
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																								
TH																									
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																									
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																								
TH																									

Các hoạt động chính	Năm	2015		2016				2017				2018				2019			2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & biện pháp giải quyết	
		NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam					
Các tiểu hoạt động																										
Đầu ra 1-1: Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.																										
1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng																										
1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.	KH																									
	TH																									
1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.	KH																									
	TH																									
1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.	KH																									
	TH																									
1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.	KH																									

		TH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	từ các bên liên quan về dự thảo Nghị định	Hoàn thành dự thảo trong tháng 10/2018.
--	--	----	--	------------------------	----------------	---	---

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)																												
1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.			KH																						Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Các thông tin mới nhất đang được phân tích thường xuyên	
			TH																									
1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.			KH																						Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật cho VRO bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó có các cuộc hội thảo và hội nghị.	
			TH																									
1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.			KH																						Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	NRAP điều chỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt trong tháng 4/2017.	
			TH																									
1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh			KH																						Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã xây dựng lộ trình quốc gia, xác định rõ vai trò của các bên liên quan	
			TH																									
1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.																												
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.			KH																						Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	Có thể cần tiếp tục hỗ trợ để chỉnh sửa PRAP
			TH																									
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.			KH																						Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Đang triển khai áp dụng trên quy mô toàn tỉnh cho 6 tỉnh.	Tiếp tục tập huấn nhân rộng theo đề nghị của các tỉnh (sẽ được thực hiện trong năm 2018)
			TH																									
1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.			KH																						Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tiếp tục xúc tiến việc áp dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cùng với Dự án Trường Sơn Xanh	
			TH																									
1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.																												
			KH																						Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	Đã bắt đầu thực hiện Nghiên cứu về QLRBV/chứng chỉ rừng tại các tỉnh Bắc và Trung Bộ	
			TH																									

Đầu ra 1-2: Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.								
1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.								
1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.								
1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).		KH			Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	Không thực hiện trong giai đoạn báo cáo	Cần sớm xây dựng kế hoạch hoạt động.
		TH						
1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.		KH			Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	Không thực hiện trong giai đoạn báo cáo	
		TH						
1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.								
1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.		KH			Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	i) Đã chọn thêm 9 VQG/KBT để thu thập số liệu ii) Đã tổ chức tập huấn cho các VQG/KBT vào tháng 4/2018 tại tỉnh Lâm Đồng	
		TH						
Đầu ra 1-3: Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.								
1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.								
1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.		KH			Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Các kết quả đầu ra đã được tổng hợp định kỳ	
		TH						
1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.		KH			Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Đã bắt đầu thực hiện Nghiên cứu về QLRBV/chứng chỉ rừng tại các tỉnh Bắc và Trung Bộ	
		TH						
Thời gian/ Giai đoạn		KH						
		TH						

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 - Tháng 6/2018)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 5
Ngày 01/07/2018

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015. 2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng

<p>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHĐ REDD+</p> <p>2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt.</p> <p>4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.</p>	<p>4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.</p>
--	--	--	--	--	--

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên đề	
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm mới được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p>Chuyên gia/tư vấn trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế - xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p>Cơ sở tiện ích và thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. <p>Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần

2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.

2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.

2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.

2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.

2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.

2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.

2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.

2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.

2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+

2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.

2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống

2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.

2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần

2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.

[1] Dự án Quản lý Rừng Bên vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

Bản giám sát dự án II (Tháng 1 - Tháng 6/2018)

Kế hoạch hoạt động dự án (Hợp phần 2)

Phiên bản số 5

Ngày 01/07/2018

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Đầu vào		Năm 2015		2016				2017				2018				2019				2020				Lưu ý	Giám sát			
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III		Vấn đề	Giải pháp		
Chuyên gia																										Trường nhóm: 9,87 tháng QLRBV: 39,8 tháng KHHD REDD+ cấp tỉnh: 12,34 tháng PTA VT/HTTTĐL: 8 tháng QLR: 28,33 tháng PTSK: 33,66 tháng		
Trường nhóm	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Quản lý Rừng Bền vững	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
REDD+/KHHD REDD+ cấp tỉnh	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Phân tích hình ảnh vệ tinh/ hệ thống thông tin địa lý	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Theo dõi diễn biến rừng	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Phát triển sinh kế	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Tư vấn trong nước	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Thiết bị																										Sẽ được thực hiện theo từng thời điểm		
Thiết bị (máy tính, máy in, máy photo, thiết bị điều tra quản lý rừng ...)	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Xe ô tô cho ba tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Xe máy cho bốn tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình, Điện Biên	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Tập huấn tại Nhật Bản																												
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Tập huấn trong nước/tại quốc gia thứ ba																												
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																											
	Thực tế																											

Hoạt động	Các hoạt động cụ thể	Năm 2015		2016				2017				2018				2019				2020				Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp giải quyết
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam		

Đầu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên													
[Tại tỉnh Điện Biên] 2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.											Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh chính thức được thành lập vào ngày 23/1/2017.	Hoàn thành
2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh													
2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.													
											Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được hoàn thiện sau khi xem xét bổ sung các ý kiến nhận xét chính thức của các bên liên quan.
2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức													
											Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định 732/QĐ-UBND ban hành ngày 21/8/2017.
2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh													
2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm mới được lựa chọn.													
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm													
											Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xã Pá Khoang được lựa chọn là xã thí điểm tham gia dự án tại tỉnh Điện Biên
2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.													
											Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã Pá Khoang đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập
2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.													
											Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.

2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ranh giới thôn/bản đã được phác thảo thông qua các cuộc tham vấn với các thôn/bản liên quan.	Hoàn thành
																		Tất cả các ranh giới thôn đã được xác định cả trên bản đồ GIS và trên mặt đất.	
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang	Hoàn thành
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban QLR đặc dụng đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm xã Pá Khoang	Hoàn thành
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại 21 thôn/bản thuộc xã Pá Khoang	Hoàn thành
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hoạt động giám sát được thực hiện sau khi hoàn thành từng nhiệm vụ (xem phụ lục). Tập huấn bổ sung và vật liệu đầu vào đã được cung cấp dựa trên kết quả giám sát (ví dụ như hoạt động nuôi ong)	
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng báo cáo đánh giá Hoạt động thí điểm REDD+ ở mỗi tỉnh.	
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.																			

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW																								Nhóm tư vấn		Rà soát lại Hệ thống TDDBTNR do Dự án SUSFORM-NOW phát triển	Hoàn thành	
																												Kế hoạch
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh																									Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xác định nhu cầu tập huấn nâng cao năng lực để mở rộng ra toàn tỉnh và sự cần thiết của các lớp tập huấn tiểu giáo viên bổ sung theo yêu cầu của CCKL. Kết quả tập huấn đã được theo dõi và thảo luận tại các cuộc họp Tổ Chuyên trách. Đã xây dựng kế hoạch tập huấn mở rộng	Hoàn thành
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh																									Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã soạn thảo chương trình tập huấn và cảm nang hướng dẫn vận hành. "Ứng dụng Di động Theo dõi Diễn biến rừng của JICA" đã được phân phối cho các huyện và Ban QLR.	Hoàn thành
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.																									Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã hoàn thành các lớp tập huấn tiểu giáo viên bổ sung. Các lớp tập huấn mở rộng để nhân rộng ra toàn tỉnh đã được thực hiện xong	
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cảm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần																									Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã thực hiện việc khảo sát và phỏng vấn để thu thập thông tin cho việc sửa cảm nang hướng dẫn Tuần tra rừng cấp thôn bản. Đang thực hiện việc chỉnh sửa tài liệu hướng dẫn Tuần tra rừng cấp thôn bản. Các tài liệu hướng dẫn khác đã được sửa xong với phiên bản 3.1	
2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).																									Nhóm tư vấn	Tổng cục Lâm nghiệp/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã chuyển dữ liệu và Hệ thống từ Dự án SUSFORM-NOW về máy chủ ảo (VPS) để tích hợp vào máy chủ trung tâm của Hệ thống FORMIS. Đã tổ chức các cuộc họp tham vấn với Dự án FORMIS II về các hoạt động và phối hợp tiếp theo trong năm 2017. Đã tiến hành chuẩn bị chuyển giao số liệu từ máy chủ ảo sang máy chủ trung tâm FORMIS. Đã xây dựng và thử nghiệm Hệ thống phát hiện các điểm có thể có biến động rừng trên Google Earth Engine (GEE) để kiểm soát, giảm thiểu những điểm có thể có biến động rừng ngoài thực địa nhưng chưa/không được báo cáo. Đã xem xét các phương pháp đánh giá mức độ chính xác của số liệu biến động rừng đã phát hiện.	
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.																												

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch tập huấn về ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đang được điều phối	
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo cấp quốc gia về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được tổ chức dưới sự hợp tác với Tổng cục Lâm nghiệp/cục kiểm lâm, 15 tỉnh được tập huấn về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh, và các nhà tài trợ bao gồm FORMIS II, UNREDD 2, FCPF. Các cuộc họp của tổ chuyên trách đã được tổ chức.	
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.																		
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch giám sát và cách thức thu thập dữ liệu đã được lập	Hoàn thành
2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tiến hành thu thập dữ liệu / thông tin chủ yếu thông qua điều tra dựa trên bảng hỏi, và báo cáo giám sát và đánh giá (M & E) đã được chuẩn bị.	Hoàn thành
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tổ chức một hội thảo chia sẻ kết quả giám sát & đánh giá với các bên liên quan, bài học kinh nghiệm và những khuyến nghị đã được thu thập.	Hoàn thành
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.															Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Không áp dụng	
Đầu ra 2-2: KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.																		
[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này																Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh đã chính thức được thành lập tại tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Sơn La.	

xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.		Thực tế		Nhóm tư vấn	quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
---------------------------------	--	---------	--	-------------	--	--	------------

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	Kế hoạch																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: Các hoạt động phát triển sinh kế được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành	
	Thực tế																								
2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các rủi ro môi trường, xã hội được đánh giá và được đưa một cách tóm tắt vào khung đánh giá rủi ro của Kế hoạch	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: hoạt động nâng cao năng lực được lồng ghép với các hoạt động của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các nguồn tài chính tiềm năng đã được xác định	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: cấu trúc thực hiện dự án đã được xác định	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh SL: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh LC: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.	Kế hoạch																					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 803/QĐ-UBND ban hành ngày 20/9/2017. SL: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 2338/QĐ-UBND ban hành ngày 29/8/2017. LC: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 1052/QĐ-UBND ban hành ngày 13/9/2017.	Hoàn thành
	Thực tế																								
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh	Kế hoạch																								
	Thực tế																								

<p>Chiến lược quốc gia về nông nghiệp và lâm nghiệp (2018-2030)</p>		<p>Thực tế</p>		<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/ban đã được tổ chức tại các thôn/bản mục tiêu thuộc xã thí điểm</p>	<p>Hoàn thành</p>
---	--	----------------	--	--------------------	---	--	-------------------

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Công tác giám sát được thực hiện sau khi hoàn thành từng hoạt động (xem phụ lục). Tập huấn và vật liệu đầu vào đã được cung cấp dựa trên kết quả giám sát	
2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng báo cáo đánh giá Hoạt động thí điểm REDD+ ở mỗi tỉnh.	
2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Tổ chuyên trách Hệ thống TDDBTNR đã được thành lập ở từng tỉnh.	Hoàn thành
2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kết quả tập huấn đã được theo dõi và thảo luận ở các cuộc họp Tổ chuyên trách. Các lớp tập huấn bổ túc đã được lập kế hoạch thực hiện từ sau 07/2018.	Hoàn thành
2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn mở rộng toàn tỉnh đã được lên kế hoạch và đang được điều phối thông qua các cuộc họp Tổ chuyên trách.	Hoàn thành
2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.																				Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp	Các lớp tập huấn mở rộng trên quy mô	

Phụ lục: Tiến độ thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án

	2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng	2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế
Tỉnh Điện Biên	<p>Trồng rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Tư vấn đã hoàn thành công việc thiết kế trồng rừng. Cung cấp 20,870 cây giống cho 26 hộ dân thuộc 9 bản để trồng rừng trên diện tích 12,5 ha. Cung cấp 22,599 cây giống cho 309 hộ dân thuộc 16 bản cho hoạt động trồng cây phân tán. Cung cấp 12,090 cây giống cho hoạt động trồng rừng bổ sung vào năm 2017. <p>Khoanh nuôi tái sinh rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Tư vấn đã hoàn thành công việc thiết kế trồng rừng. Đã lắp đặt 12 biển báo tại các khu vực mục tiêu. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Quy chế thôn/bản về bảo vệ và phát triển rừng được chỉnh sửa đối cho từng thôn/bản và được Ủy ban nhân dân Huyện phê duyệt Đã tổ chức các hội thảo ở cả cấp xã và cấp thôn công bố về Quy chế bảo vệ và phát triển rừng cấp thôn/bản và ranh giới thôn/bản Đã bàn giao các cột mốc phân định ranh giới thôn/bản bằng bê tông cho từng thôn. Đã xây dựng Biển báo bằng gạch đối với Quy chế thôn/bản về bảo vệ và phát triển rừng cho từng thôn và bàn giao cho Ban quản lý thôn. 	<p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuyển đàn ong được nuôi theo phương thức truyền thống sang phương pháp nuôi ong hiện đại, việc chuyển đổi được thực hiện với hỗ trợ của giảng viên (giảng viên quốc gia). Các hộ tham gia đã thu hoạch mật ong dưới sự hỗ trợ của giảng viên. Đã tổ chức một hội thảo về thị trường mật ong, nhằm chia sẻ và phân tích và thảo luận về hiện trạng và chiến lược tiếp cận thị trường mật ong. <p>Trồng rau</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã cấp giống rau (3 loại) cho 728 hộ thuộc 21 bản <p>Bếp đun cải tiến (Bếp Lào)</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã cấp 126 bếp Lào cho 115 hộ. <p>Trồng Tre bát độ (Dendrocalamus latiflorus) và trồng cỏ thức ăn gia súc</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức tập huấn ToT (Đào tạo giảng viên) cho 12 thúc đẩy viên. 12 giảng viên (thúc đẩy viên) đã thực hiện tập huấn kỹ thuật cho các hộ mục tiêu (659 hộ) của 21 thôn. Đã cấp 6.720 cây giống tre bát độ cho 659 hộ. Đã cấp 16.160 kg giống cỏ (Guatemala và VA06) cho 404 hộ của 21 thôn. <p>Trồng cây Mạy Chá</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tiến hành các thử nghiệm trồng cây Mạy Chá (Pseudosasa amabilis) ở cả vườn ươm của công ty và một hộ gia đình. Tư vấn đã xây dựng sách hướng dẫn dựa trên kết quả thử nghiệm. Đã tổ chức một hội thảo chia sẻ về các kỹ thuật nhân giống, tái sinh tự nhiên, trồng và xây dựng vườn ươm với các bên liên quan. <p>Quỹ thôn/bản</p> <ul style="list-style-type: none"> Hội thảo về quản lý quỹ thôn bản đã được tổ chức cho tất cả các thôn mục tiêu để chia sẻ và thảo luận về hiện trạng, các vấn đề quản lý và việc sử dụng quỹ trong lai.
Tỉnh Hòa Bình	<p>Trồng rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế trồng rừng đã được lập (24,2 ha, trồng keo kết hợp trồng các loài bản địa) và đã được Chi cục kiểm lâm cho ý kiến và phê duyệt về mặt kỹ thuật. Đã trồng rừng trên diện tích 33,0 ha (gồm 20,9 ha rừng phòng hộ và 12,1 ha rừng sản xuất). Tỷ lệ cây sống đạt trung bình trên 90%. Đã tập huấn kỹ thuật trồng rừng cho 43 hộ. Đã bàn giao 53,475 cây giống cho 43 hộ dân phục vụ công tác trồng rừng, với 40% cây giống là các loài cây bản địa và 60% cây giống là cây Keo. Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây con với 87 người dân tham dự <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Quỹ thôn bản của 13 thôn đã lên tới tổng cộng 450 triệu đồng và được quản lý với mục đích bảo vệ rừng. Cung cấp các trang thiết bị PCCCR cho UBND xã Thanh Hối, bao gồm 2 máy thổi gió, 1 máy cắt thực bì, 1 cửa máy và 13 ví đập lửa. Đã tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy rừng với 38 người tham dự. Các bản đồ lưu vực đầu nguồn đã được xây dựng, 6 biển báo tương ứng đã được lắp đặt tại xã. Đồng tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với ICRAF, 75 đại biểu đã tham quan thực địa tại Hòa Bình và thảo luận về quản lý rừng và quản lý gỗ rừng bền vững. Một hoạt động nâng cao nhận thức được tổ chức tại trường THCS với 355 người tham gia, trong đó có 319 học sinh tham dự. Đã xây dựng và bàn giao 5 bản đồ tuyến tuần tra rừng cho các thôn/bản. Đã tổ chức một chuyến tham quan học tập về quản lý quỹ thôn/bản với 33 người tham gia. Đã tổ chức họp giao ban hàng quý giữa Tổ tuần tra rừng thôn/bản và kiểm lâm địa bàn thảo luận và đánh giá về kết quả tuần tra rừng. Đã cập nhật dữ liệu và xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ quản lý rừng. 	<p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức các khóa tập huấn kỹ thuật nuôi ong cho 87 hộ gia đình. Đã cung cấp ong giống và thiết bị nuôi ong (bình tạo khói, dao, chân tầng, vv) cho 87 hộ nuôi ong. Thiết bị nuôi ong gồm: 120 đàn ong giống, 600 chân tầng, 9 thùng quay mật, 40 mũ, 9 bình tạo khói và 9 dao cắt nắp và 4.950 chai nhựa đựng mật ong cho 87 hộ nuôi <p>Trồng rau</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức tham quan học tập về kỹ thuật canh tác và tiếp thị trường rau ở gần các cửa hàng thực phẩm tại Hà Nội với 31 người tham gia <p>Cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng cây ăn quả với 216 hộ tham gia Đã cung cấp 5.947 giống cây ăn quả (táo, na, nhãn, mít) cho 250 hộ. <p>Tiết kiệm năng lượng củi đun</p> <ul style="list-style-type: none"> Bàn giao 1.988 bếp cải tiến cho 1053 hộ, chiếm 98% số hộ gia đình mục tiêu ở xã thí điểm.

<p> tỉnh Sơn La</p>	<p>Trồng rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế khảo sát trồng rừng cho năm 2018 đã được lập (11.05 ha) và đã được Chi cục kiểm lâm phê duyệt về mặt kỹ thuật. Đã tiến hành giám sát định kỳ sự tăng trưởng của cây trồng.. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn hóa tuyến tuần tra rừng thôn/bản và 12 bản đồ vệ tinh đã được xây dựng, bàn giao cho các thôn/bản Đã lắp đặt 122 biển báo về khu vực dự án, diện tích chi trả dịch vụ môi trường rừng, rừng phòng hộ tại thực địa. Đã xây dựng và bàn giao bản đồ xói mòn đất và bản đồ hiểm họa cho UBND xã. Báo cáo tuần tra rừng hàng tháng đã được đệ trình (12 báo cáo cấp thôn) 	<p>Trồng rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã thực hiện thiết kế mô hình nông lâm kết hợp ở thôn tái định cư, đã tiến hành trồng cây con (trên tổng số 7,1 ha, gồm 3.673 cây cà phê và 2.575 mận). Đã tổ chức tập huấn về kỹ thuật trồng cây nông lâm kết hợp cho thôn tái định cư (38 người tham gia). Đã trồng 18.200 cây giống để trồng lại trên diện tích rừng trồng theo kế hoạch năm 2017. <p>Trồng cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức tập huấn trồng cây ăn quả (78 người tham gia). 27 hộ đã thực hiện chiết, ghép cây ăn quả với 112 cành ghép (Mận, Sơn tra, Nhãn, Vải) <p>Sản xuất nấm</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã thực hiện tập huấn kỹ thuật sản xuất nấm (7 hộ, 52 người tham gia), và nấm đã cho thu hoạch sau 1 tháng (5 kg). <p>Bếp đun cải tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã sản xuất tổng cộng 740 bếp đun cải tiến (573 đối tượng thụ hưởng của dự án và 167 người không thuộc đối tượng thụ hưởng từ dự án sử dụng mẫu do dự án cung cấp). <p>Bể biogas</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã xây dựng 2 bể biogas. <p>Hoạt động khác</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức tham quan học tập tại tỉnh Lai Châu và Lào Cai với 33 người tham gia, học tập kinh nghiệm về hoạt động tuần tra rừng và trồng dưa hấu. Tổ chức tham quan học tập tại tỉnh Hòa Bình với 28 đại biểu tham gia, trao đổi kinh nghiệm về các hoạt động phát triển sinh kế trong dự án.
<p> Tỉnh Lai Châu</p>	<p>Trồng cây phân tán</p> <ul style="list-style-type: none"> Tập huấn về kỹ thuật trồng cây phân tán được hoàn thành (2 tập huấn cho 8 bản mục tiêu). Đã cấp 3.220 cây giống cho 40 hộ dân thuộc 7 bản, và các hộ đã thực hiện trồng. cây trên địa bàn <p>Trồng cây ranh giới</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã hoàn thành công tác khảo sát thực địa và xây dựng hồ sơ thiết kế trồng cây ranh giới (giữa đất rừng và đất nông nghiệp), và hồ sơ thiết kế đã được đệ trình xin ý kiến của UBND Huyện. Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật về trồng cây trên ranh giới (5 khóa tập huấn cho 6 thôn mục tiêu). Đã cấp 1.142 cây giống cho hoạt động trồng cây trên ranh giới cho 67 hộ thuộc 6 thôn, và các hộ trồng đã trồng cây trên địa bàn <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ kỹ thuật 09 tổ chuyên trách bảo vệ rừng tại 09 thôn bản và thúc đẩy việc tuần tra bảo vệ rừng Đã thực hiện tập huấn kỹ thuật cho các thành viên mới và cũ của Tổ bảo bảo vệ tuần tra rừng cấp thôn/bản (bao gồm cả các thành viên hiện có) (203 thành viên), và tổ chức các cuộc họp thôn để lập kế hoạch hoạt động cho hệ thống tuần tra rừng. Đã cấp phát dụng cụ cho 25 thành viên mới tổ tuần tra rừng thôn/bản và 28 thành viên mới của tổ tuần tra rừng xã 	<p>Trồng dưa hấu</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và cung cấp vật liệu cho 132 hộ (3 thôn) về hệ thống canh tác thông thường, và 7 hộ (1 thôn) thử nghiệm mô hình trồng dưa hấu che phủ lynon. Đã tổ chức tham quan học tập tại các vùng ở tỉnh Tuyên Quang cho các hộ dân thực hiện hệ thống canh tác che phủ lynon. Xây dựng bảng hỏi để đánh giá hoạt động <p>Trồng củ thức ăn gia súc</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã thực hiện tập huấn kỹ thuật cho 63 hộ gia đình ở 7 thôn/bản. Đã cung cấp vật liệu (cây giống và hạt giống) cho người tham gia (cấp 14,800 hom củ và 13kg hạt củ) <p>Trồng rau vụ đông 2017-2018</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện khảo sát đánh giá hoạt động trồng rau của các hộ nhận hỗ trợ từ Dự án <p>Quý thôn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> Đã tổ chức hội thảo về quản lý quỹ thôn bản cho tất cả các thôn mục tiêu để chia sẻ và thảo luận về hiện trạng, các vấn đề quản lý và việc sử dụng quỹ trong tương lai.

Bản Giám sát Dự án I (Tháng 1 - Tháng 6/2018)
[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]

Phiên bản số 5
Ngày 01/07/2018

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM)

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú	
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng	
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần	<ol style="list-style-type: none"> Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang Các văn bản chính sách về thử nghiệm CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) tại các thôn mục tiêu được BQL khu DTSQ thông qua có cân nhắc đến mở rộng. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt. 	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Trình văn bản cho BQL khu DTSQ với các văn bản chính sách</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.	Không áp dụng	<p>1.TOT về PFMS cho kiểm lâm của những chủ rừng đã được hoàn thành và đã tập huấn 3 lần. buổi họp lần 3 của tổ công tác PFMS đã được tổ chức để thực hiện thử nghiệm PFMS. 2. Khảo sát thực địa lần thứ 2 để điều tra đa dạng sinh học cơ bản đã hoàn thành. Tiêu chuẩn để chọn loài chỉ định đã được thảo luận trong buổi họp. 3. Chuẩn bị đã được thực hiện để thử nghiệm CMA bao gồm xác định khu vực thử nghiệm và dự thảo CMA. 4. Bản thảo lần 2 của kế hoạch quản lý đã được nộp</p> <p>5.NA</p>	Không áp dụng

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Ít nhất 80% các tổ chức, ban ngành trong tỉnh có tên trong KHQL triển khai và giám sát các hoạt động theo như kế hoạch đã được duyệt</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn Quyết định của UBND tỉnh Phòng cảnh khảo sát</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-1-1 Chuỗi các buổi họp ở Đà Lạt và 5 huyện liên quan đến khu DTSQ Lang Biang được tổ chức để chia sẻ tri thức với các bên liên quan về khu DTSQ. 3-1-2 Bản hoàn chỉnh của kế hoạch quản lý đã được nộp và được hợp phần 3 xem xét. 3-1-3. Buổi họp giao ban lần thứ ba với BQL khu DTSQ Lang Biang (PPMU) sẽ được tổ chức vào ngày 3 tháng Bảy.</p>	
<p>Output 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNBPN-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Trình công văn về chính sách cho BQL khu DTSQ</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>3-2-1, 3-2-2 và 3-2-3 Tiếp tục chuẩn bị để thực hiện khảo nghiệm CMA cùng với cộng đồng, UBND xã, cán bộ VQG, Ban Đa Nhim, hoạt động như là xác định vùng thí điểm, dự thảo CMA, thành lập nhóm tuần tra PFES mới tham gia khảo nghiệm 3-2-4 NA</p>	<p>Không áp dụng</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNBPN được chia sẻ với MARD và lưu trữ dữ liệu thu thập trong quá trình thực hiện dự án vào NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		<p>3-3-1 Đợt khảo sát thực địa lần 2 để điều tra đa dạng sinh học đã được thực hiện, đợt thứ ba sẽ bắt đầu vào cuối tháng Nam. Tiêu chuẩn để chọn các loài chỉ thị đã được thảo luận với chủ rừng, các nhà khoa học và các tổ chức có liên quan. 3-3-2 Tăng cường năng lực cho kiểm lâm các chủ rừng đã được thực hiện. Buổi họp lần 3 của nhóm công tác giám sát rừng đã được tổ chức để thực hiện thử nghiệm PFMS</p>	

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào		Tiền đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Các chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <p><Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3></p> <ul style="list-style-type: none"> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Chi phí vận hành dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>tại tỉnh Lâm Đồng</u> <u>Các cán bộ dự án</u></p> <p>> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNNBP-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNNBP-MB) • Các cán bộ của BNNBP-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương <p>(15 quan chức trở lên)</p> <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ô tô (2 chiếc) <p><u>Chi phí của Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn đo Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp luận/cẩm nang hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Bản Giám sát Dự án II (Tháng 1 - Tháng 6/2018)

Kế hoạch hoạt động dự án (hợp phần 3)

Phiên bản số 5

Ngày 01/07/2018

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần đa dạng sinh học)

Inputs		Năm												Ghi chú	Giám sát									
		2015		2016				2017				2018				2019				2020			Vấn đề	Giải pháp
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III					
Chuyên gia																						CM: 25MM LI: 13.8MM NPM:3MM PFES/C:16.5 MM ET:9.7MM BM:6MM		
Quản lý hợp tác (CM)	KH																							
	TH																							
Phát triển sinh kế (LI)	KH																							
	TH																							
Quản lý vườn quốc gia (NPM)	KH																							
	TH																							
PFES/Điều phối viên (PFES/C)	KH																							
	TH																							
Du lịch sinh thái (ET)	KH																							
	TH																							
Giám sát đa dạng sinh học (BM)	KH																							
	TH																							
Tư vấn trong nước	KH																							
	TH																							
Thiết bị																								
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)	KH																							
	TH																							
Xe máy	KH																							
	TH																							
Thiết bị theo dõi diễn biến rừng	KH																							
	TH																							
Tập huấn ở Nhật																								
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																							
	TH																							
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																						Sẽ được thực hiện trên cơ sở đúng lúc		
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																							
	TH																							

Hoạt động		Year		2015				2016				2017				2018				2019				2020			Co quan chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề & giải pháp
Tiểu hoạt động		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam					
đầu ra 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																														
3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	KH																								Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	N/A	hoàn thành		
	TH																													
3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.	KH																								Nhóm tư vấn		N/A	hoàn thành		
	TH																													
3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.	KH																								Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	Hợp PPMU được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án. Nhóm công tác được tổ chức.			
	TH																													
3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước	KH																								Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	N/A	hoàn thành		
	TH																													
3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).																														
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.	KH																								Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Diễn đàn QLHT được tổ chức là diễn đàn chính của khu DTSQ LB để tăng cường chức năng của BQL khu DTSQ.	hoàn thành		
	TH																													
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.	KH																								Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành		
	TH																													
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.	KH																								Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Tập huấn ở Nhật Bản để tăng cường năng lực quản lý cho khu DTSQ LB thông qua QLHT được tổ chức từ ngày 4-15/03/2018 ở Nhật Bản cho 09 cán bộ các đơn vị có liên quan đến khu DTSQ.			
	TH																													

3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và hành chính của LB-BR.					KH																															Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành		
					TH																																				
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.					KH																																	Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
					TH																																				
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành	
					TH																																				
3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	KHQL khu DTSQ được UBND Tỉnh thông qua ngày 27/04. Dự thảo kế hoạch hoạt động hàng năm cho khu DTSQ được các thành viên nhóm công tác xây dựng từ tháng Sáu.		
					TH																																				
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A		
					TH																																				
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A		
					TH																																				
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A		
					TH																																				
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.					KH																																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A		
					TH																																				
đầu ra 3-2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																																									
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																																									
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;"> <p>Lên kế hoạch, quy mô ra quyết định/ tổ chức hành chính/ tiến độ, phát triển hệ thống, điều chỉnh vận hành thử và cấm nang</p> </div>																																									

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.					KH											Nhóm tư vấn	Tổ công tác	N/A	hoàn thành
					TH														
3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.					KH													N/A	hoàn thành
					TH														
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).					KH													Nhằm góp phần thực hiện thành công thử nghiệm CMA, một số hoạt động cải thiện sinh kế đã được thực hiện với người dân như ủ phân hữu cơ, cải thiện canh tác cà phê và đa dạng hóa các loại cây trồng như chuối, hồng và nấm bao gồm nấm hương phối hợp với các công ty tư nhân. Liên tục thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu của VQG Bidoup với người dân để đóng góp cho các hoạt động CMA cũng như cải thiện sinh kế của người dân thông qua việc sử dụng cây giống	
					TH														
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.					KH													Chương trình Giáo dục Môi trường (EE) cho khu DTSQ, nhằm đến các trường trung học ở TP HCM và sinh viên đại học quốc tế, được phát triển với các sách liên quan đến GDMT dành cho sinh viên và người hướng dẫn soạn thảo. Một cuộc thử nghiệm đã được thực hiện thành công với sự tham gia của các học sinh trung học tại thành phố Hồ Chí Minh với sự hợp tác của Sở Giáo dục tỉnh Lâm Đồng. Dựa trên kết quả của thử nghiệm, các cuốn sách đã được cập nhật và sẽ được hoàn thành trong giai đoạn 2 cho mục đích thương mại nếu khả thi	
					TH														
3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).					KH													Logo được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ chịu trách nhiệm đăng ký chính thức để sử dụng logo để tiếp thị một số sản phẩm địa phương trong khu DTSQ.	
					TH														

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Thảo luận và thỏa thuận với PPMU đã được thực hiện để cải thiện hơn nữa CMA thông qua việc phát triển các mô hình CMA với nhiều BSM để áp dụng rộng rãi và đơn giản hơn các mô hình CMA	
					TH																			
3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
					TH																			
3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
					TH																			
3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Cấm nang được điều chỉnh để tương thích với kết quả công tác chuẩn bị CMA khảo nghiệm	hoàn thành
					TH																			
3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
					TH																			
3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.					KH																Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB	Các thử nghiệm CMA liên tục được thực hiện tại 2 địa điểm của VQG Bidoup - Núi Bà và BQL rừng Đa Nhim với UBND Xã và các thành viên cộng đồng để tăng cường hiệu quả công tác tuần tra PFES. --Hợp phần 3 tổ chức diễn đàn QLHT lần 2 đưa vấn đề chặn thả gia súc gây thiệt hại đến nông nghiệp/ rừng ở các thôn mục tiêu ra thảo luận và để các thành viên tham gia cùng đưa ý kiến giải quyết vấn đề. các	

TH

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN

Tổ công tác

bên liên quan bao gồm sở ngành cấp tỉnh và người dân. Dựa trên kết quả của diễn đàn, các bên liên quan đồng ý hợp tác xác định mô hình cải tiến chuỗi bò bằng cách huy động nguồn lực tự có để kiểm soát việc thả rông gia súc và sử dụng phân bò để làm phân hữu cơ bền vững. Mô hình đang phát triển rất tốt với những cam kết đồng thuận được các bên kể cả người dân thực hiện.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.								KH													Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Các thử nghiệm CMA bao gồm EFLO được giám sát.						
								TH																					
3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.								KH															Tổ chức tập huấn cho các cán bộ của chủ rừng về các công việc liên quan đến CMA và EFLO.						
								TH																					
3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.								KH															Không có thông tin						
								TH																					
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.								KH															Không có thông tin						
								TH																					
đầu ra 3-3: Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.																													
0								[Hatched Pattern]																					
3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.								KH															N/A	hoàn thành					
								TH																					
3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.								KH															N/A	hoàn thành					
								TH																					
3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.								KH															N/A	hoàn thành					
								TH																					
3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.								KH															N/A	hoàn thành					
								TH																					

Bản giám sát dự án I (Tháng 7/2017 - Tháng 12/ 2017)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 5

Ngày 01/07/2018

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		
Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.	Báo cáo của FORMIS		Việc sử dụng máy tính bảng trong TDDBR được đưa vào Thông tư số 26 về TDDBR và đất lâm nghiệp.	
Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.	2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.	Báo cáo của Bộ NN & PTNT		Các thành quả của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau trong đó có UNFCCC-COP23.	
Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của dự án		Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiền đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Vietnam</p> <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bù đắp ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<ol style="list-style-type: none"> 1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN. 2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam. 3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.

Bản giám sát dự án II (Tháng 7/2017 - Tháng 12/2017)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Phiên bản số 5

Ngày 01/07/2018

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Đầu vào	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
		NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III				
Chuyên gia																											
Ông Hiroki Miyazono (Cố vấn trưởng dự án)	KH																										
	TH																										
Ông Baku Takahashi (Cố vấn kỹ thuật về REDD+)	KH																										
	TH																										
Ông Shingo Kamiyama (Điều phối viên hành chính/Chuyên gia chính sách)	KH																										
	TH																										
Các tư vấn Nhật Bản và/hoặc tư vấn trong nước	KH																										
	TH																										
Thiết bị																											
Thiết bị văn phòng (Máy tính, máy in, v.v)	KH																										
	TH																										
	KH																										
	TH																										
Đào tạo tại Nhật Bản																											
	KH																										
	TH																										
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																											
	KH																										
	TH																										

Các hoạt động chính	Năm	2015				2016				2017				2018				2019			2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & giải pháp		
		NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam								
Đầu ra 4-1: Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)																													
4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).																													
4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.	KH																												
	TH																												
4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.	KH																												
	TH																												

Đầu ra 4-2: Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.								
4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.								
4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Các thành quả và bài học kinh nghiệm của Dự án SNRM đã được tổng hợp thường xuyên thông qua hoạt động giám sát.	
	TH							
4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Các thành quả và bài học kinh nghiệm của Dự án SNRM đã được chia sẻ với các nhà tài trợ khác thông qua các cuộc họp khác nhau.	
	TH							
4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Các thành quả của Dự án SNRM đã được chia sẻ với các bên liên quan khác trong đó có các nhà tài trợ thông qua các cuộc họp khác nhau.	
	TH							
Đầu ra 4-3: Các kết quả của Dự án được công bố.								
4-3. Công bố các kết quả của Dự án								
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Thành quả Dự án được tổng hợp thường xuyên.	
	TH							
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Đã xác định một số phương thức quảng bá như tờ rơi, áp phích và Facebook	
	TH							
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.	KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.	
	TH							

Thời gian/giai đoạn	KH																										
	TH																										
Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
	NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III					
Giám sát	—																										
Ban chỉ đạo dự án	KH																					Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1					
	TH																										
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	KH																										
	TH																										
Nộp Bản giám sát	KH																										
	TH																										
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																										
	TH																										
Hậu giám sát	KH																										
	TH																										
Các báo cáo/tài liệu	—																										
	KH																										
	TH																										
Báo cáo tổng kết dự án	KH																										
	TH																										
Quan hệ công chúng	—																										
	KH																										
	TH																										
	KH																										
	TH																										

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 6 (Thời gian: tháng 7-12/2018)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/01/2019

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Các chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 20 cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- 05 chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc được phân công theo như kế hoạch.
- 17 cán bộ và chuyên gia Việt Nam tiếp tục tham gia dự án.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.
- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.

- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các cuộc họp định kỳ hàng tháng của BQLDA với sự tham dự của các chuyên gia Nhật Bản đã được tổ chức ở cả bốn tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Các buổi họp PPMU cùng với thành viên HP 3 bao gồm các chuyên gia Nhật Bản được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề triển khai hoạt động dự án.
- 3 nhóm công tác về BQL khu DTSQ Lang Biang, Quản lý hợp tác (CM) và Đa dạng sinh học đã được PPMU thành lập.
- Vốn đối ứng được cấp hợp lý cho các hoạt động dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Thông tin chi tiết tại Phụ lục 2.

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 2]

- Bắt đầu chuẩn bị cho khóa tập huấn về quản lý rừng và phát triển sinh kế, sẽ được tổ chức từ ngày 24/2 đến 3/3/2019 tại Wakayama/Osaka.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng luật lâm nghiệp mới

- Dự án đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp. Nghị định số 156/2018/ND-CP đã được ban hành ngày 16/11/2018.

Những quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Các nội dung chính trong Dự thảo Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi đã được lồng ghép vào Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Lâm nghiệp.

Thúc đẩy đầu tư tư nhân trong lĩnh vực lâm nghiệp

- Dự án SNRM đã hỗ trợ một công ty Nhật Bản xác định các đối tác chế biến gỗ tiềm năng tại Việt Nam để nhập khẩu các sản phẩm gỗ.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Dự án xây dựng dự thảo lộ trình quốc gia để Việt Nam gửi đề xuất xin hỗ trợ từ Chương trình thí điểm chi trả dựa vào kết quả trong REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), chủ trì phối hợp giữa Dự án SNRM, Văn phòng BCD nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Viện điều tra quy hoạch rừng và FAO để thảo luận, thống nhất vai trò của mỗi bên. Dựa trên lộ trình thực hiện quốc gia, các bên đã cập nhật đường phát thải tham chiếu FREL/REL và bắt đầu chuẩn bị các hoạt động liên quan để Quỹ BVPTTR Việt Nam có thể gửi đề xuất trở thành Cơ quan được công nhận của GCF.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Dự án hỗ trợ kỹ thuật tỉnh Quảng Trị hoàn thiện PRAP, dự kiến sẽ sớm được phê duyệt chính thức.
- Dự án đồng ý tiếp tục hỗ trợ tỉnh Thừa Thiên Huế điều chỉnh PRAP nếu cần thiết.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Tập huấn tiểu giáo viên đã được tổ chức tại 11 tỉnh, có phối hợp với FCPF, UN-REDD II và VFD là các nhà đồng tài trợ.
- Các tỉnh này bao gồm Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng, Bình Thuận và Cà Mau (tập huấn cho 4 tỉnh Tây Bắc nằm trong Hợp phần 2).
- Tại mỗi tỉnh, đã tổ chức tập huấn tiểu giáo viên cho 18-58 học viên (cán bộ kiểm lâm), đồng thời cung cấp đủ máy tính bảng cho các học viên.
- Để chính thức ban hành quyết định thí điểm việc sử dụng máy tính bảng và ứng dụng di động cho các đơn vị, Dự án SNRM đã tổ chức các cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm cũng như FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Việc sử dụng máy tính bảng tiếp tục được đưa vào Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày 16/11/2018 quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.
- Tiến hành hỗ trợ kỹ thuật bao gồm cung cấp sách hướng dẫn sử dụng hệ thống theo dõi diễn biến

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

rừng, tài liệu tập huấn và những ý kiến đóng góp để tổ chức tập huấn giảng viên nguồn tại tỉnh Nghệ An trong khuôn khổ Chương trình Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD).

- Dự án QLTNTNBV cử giảng viên giàu kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn đến cuộc tập huấn nhắc lại cho giảng viên nguồn tại tỉnh Thừa Thiên Huế do dự án FCPF 2 tổ chức với sự tham gia của các cán bộ phụ trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đến từ 6 tỉnh Bắc Trung Bộ và cuộc tập huấn tại Lào Cao trong khuôn khổ của dự án UN-REDD II.
- Khóa tập huấn đảm bảo/kiểm soát chất lượng sử dụng hệ thống cảnh báo mất rừng được xây dựng trên nền Google Earth Engine (GEE) đã được tổ chức từ 26-28/9/2018. Thành phần tham dự là các cán bộ thuộc Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Kiểm lâm khu vực, Kiểm Lâm cấp tỉnh và Phòng Dữ liệu Thông tin tổng hợp. Sau khóa tập huấn, hệ thống GEE đã được trang bị cho các tỉnh tham gia.
- Kế hoạch mở rộng ứng dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (lộ trình thực hiện) đã được xây dựng và được tham vấn với Cục Kiểm lâm.
- Dự án QLTNTNBV đã cung cấp đầu vào kỹ thuật bao gồm hệ thống GEE cho các hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng do VFD thực hiện.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã thu thập và xử lý số liệu thu thập từ 09 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (VQG Ba Vì, VQG Cát Bà, VQG Bến En, VQG Kon Ka Kinh, VQG Tràm Chim, KBTTN đất ngập nước Vân Long, KBTTN Sơn Trà, KBTTN đất ngập nước Đồng Rui-Tiên Yên, KBTTN đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng). Hiện số liệu đã được lưu trữ tại hệ thống NBDS.
- Chuẩn bị tổ chức hội thảo tập huấn xây dựng năng lực cập nhật số liệu vào hệ thống NBDS cho các vườn quốc gia, khu bảo tồn và các bên liên quan.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và tiềm năng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam đã bắt đầu thực hiện, với hỗ trợ của Dự án SNRM. Báo cáo được hoàn thành vào tháng 10/2018.
- Chuẩn bị cập nhật cuốn Lâm nghiệp Việt Nam để giới thiệu các chính sách, luật, quy định và số liệu mới trong lĩnh vực lâm nghiệp.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Giám sát Kế hoạch Hành động REDD+ hàng năm đã được tiến hành, bắt đầu ở tỉnh Hòa Bình (tỉnh thực hiện đầu tiên) vào tháng 8 và sau đó được tiến hành ở ba tỉnh còn lại. Với sự hỗ trợ của dự án, tất cả các tỉnh đều đã cử cán bộ chịu trách nhiệm thực hiện công tác giám sát PRAP. Các cuộc họp khởi động đã được tổ chức vào 8/8 tại Hòa Bình, 4/12 tại Sơn La, 7/12 tại Điện Biên và 17/12 tại Lai Châu.
- Tỉnh Hòa Bình đã hoàn thành việc rà soát khung giám sát, xác định được phương pháp thu thập dữ

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

liệu và đang tiến hành thực hiện công tác thu thập dữ liệu.

- Tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu đã hoàn thành rà soát khung giám sát và sẽ được tập huấn cách thức thu thập dữ liệu. Việc thu thập dữ liệu dự kiến sẽ được thực hiện vào đầu năm 2019.
- Cả bốn tỉnh đều dự kiến sẽ hoàn thành báo cáo giám sát thực hiện PRAP vào tháng 4/2019 và bài học kinh nghiệm sẽ được nêu tóm tắt trong tài liệu hướng dẫn.

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được hoàn thành dựa vào kế hoạch 5 năm (2016-2020) và kế hoạch thực hiện hàng năm do UBND xã phê duyệt.
- Kết quả giám sát tiến độ, đầu ra và tính bền vững của các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại dự án SUSFORM-NOW đã được tổng hợp thành báo cáo giám sát trong đó có nêu các ý kiến phản hồi và nhận xét của Sở NN&PTNT, UBND huyện, và Ban quản lý Rừng đặc dụng Mường Phăng và Ban quản lý rừng phòng hộ Mường Chà cũng như 2 xã dự án Mường Phăng và Mường Mươn.
- UBND xã tại các xã mục tiêu đã nộp đơn xin tài trợ từ dự án GGP của chính phủ Nhật Bản. Dự án đã hỗ trợ trao đổi thông tin giữa UBND xã và đại sứ quán Nhật Bản để chỉnh sửa đơn đề nghị và cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến dự án
- Việc giám sát lần 1 các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được tiến hành ở các xã mục tiêu và kế hoạch thực hiện các hoạt động bổ sung đã được xây dựng dựa trên kết quả giám sát.

[Quản lý rừng]

- Việc trồng rừng năm 2018 đã hoàn thành (15,6 ha ở tỉnh Điện Biên, 23,55 ha tại tỉnh Sơn La, và 33 ha tại tỉnh Hòa Bình)
- Kế hoạch trồng dặm cũng đã được thực hiện tại các diện tích trồng rừng năm 2017.
- Công tác trồng cây phân tán năm 2018 đã được hoàn thành (3.220 cây giống ở tỉnh Lai Châu, 20.361 cây giống ở tỉnh Điện Biên).
- 1.142 cây đã được trồng ở khu giáp ranh (7,29km) giữa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp tại tỉnh Lai Châu.
- Việc tuần tra bảo vệ rừng thường xuyên được thực hiện bởi tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp thôn/bản tại các tỉnh mục tiêu.
- Quy chế bảo vệ và phát triển rừng cấp thôn/bản đã được điều chỉnh cho phù hợp tại mỗi bản và đã được UBND huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên phê duyệt.
- Tập huấn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy rừng đã được tổ chức. Thiết bị chữa cháy rừng đã được cung cấp cho tỉnh Hòa Bình.

[Phát triển sinh kế]

Tại tỉnh Hòa Bình

- Tập huấn cho 29 hộ nuôi ong mới tham gia dự án.
- Thiết kế nhãn hiệu cho sản phẩm mật ong với 4950 nhãn hiệu đã được cấp cho hộ sản xuất mật ong.
- Các thành viên trong nhóm sở thích nuôi ong đã họp và thảo luận về quỹ nuôi ong và trao đổi kinh

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

nghiệm nuôi ong.

- Trồng rau và giám sát sự sinh trưởng của rau.
- Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây ăn quả.
- 201 bếp cải tiến đã được cấp cho 145 hộ dân

Tại tỉnh Sơn La

- Tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây cà phê và cây ăn quả (trồng mới, ghép) theo mô hình nông lâm kết hợp và vườn hộ gia đình, đã được tổ chức (121 người tham dự).
- Nhằm giảm tiêu thụ nhiên liệu sử dụng trong nấu cơm chăn nuôi và nấu rượu, khuôn làm bếp cải tiến tiết kiệm củi cỡ to đã được cấp cho 13 bản và lớp tập huấn hướng dẫn làm bếp đã được tổ chức với sự tham gia của 52 người.
- Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây sa nhân trong rừng tự nhiên
- Khuyến khích trồng sa nhân trong rừng tự nhiên sử dụng quỹ chi trả dịch vụ môi trường rừng đã được hạt kiểm lâm chấp thuận.

Tại tỉnh Điện Biên

- Quy trình đăng ký mở rộng phạm vi hỗ trợ nuôi ong đã được tiến hành và 15 hộ dân thuộc 11 bản đã đưa vào danh sách nhận hỗ trợ.
- Việc thẩm định nuôi ong được tiến hành tại 3 hộ gia đình được đánh giá là hộ tiềm năng được nhận hỗ trợ của dự án.
- Hoạt động marketing cho sản phẩm mật ong đã được đưa ra thảo luận tại cuộc họp với sự tham gia của 24 hộ dân tại ba bản mục tiêu và bản thảo ý tưởng marketing mix (4p: sản phẩm, giá, địa điểm và xúc tiến bán hàng) đã được biên soạn.
- Hoạt động mua sắm thùng chứa nước cho hoạt động bán cá đã được thảo luận với trưởng bản và hộ gia đình tham gia.
- Khuôn làm bếp cải tiến đã được sử dụng tại tỉnh Sơn La và Lai Châu do văn phòng dự án tại tỉnh Lai Châu cung cấp và 2 bếp cải tiến (dành cho 2 hộ dân) đã được sản xuất sử dụng khuôn làm bếp này.
- Sổ ghi chép các giao dịch sử dụng quỹ bản đã được điều chỉnh và hướng dẫn sử dụng sổ đã được cung cấp cho 12 bản.

Tại tỉnh Lai Châu

- Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động nuôi cá đã được thực hiện và 48 hộ dân tại 2 bản mục tiêu đã được đưa vào danh sách ứng viên được hỗ trợ.
- Việc lập kế hoạch nuôi cá, đánh giá ao nuôi cá, xác định loài cá và số lượng cá cung cấp cho mỗi hộ đã được hoàn thành đối với cả 54 hộ dân tại 2 bản mục tiêu.
- Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã được thực hiện với 74 hộ dân tại 3 bản được đưa vào danh sách tiềm năng.
- Tập huấn kỹ thuật trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã được tổ chức với sự tham gia của 78 người dân tại 3 bản mục tiêu.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- 7 hộ gia đình đã đăng ký tham gia trồng dưa hấu sử dụng màng phủ nông nghiệp đã đóng góp vào quỹ bản.
- Liên quan đến hoạt động marketing cho sản phẩm dưa hấu (chủ yếu là dưa hấu được trồng có sử dụng màng phủ nông nghiệp), việc thu thập thông tin về hệ thống chứng nhận sản phẩm đã được tiến hành tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản thuộc Sở NN&PTNT.
- Về việc xây dựng tổ hợp tác trồng dưa hấu, một cuộc tham vấn với Chi cục Phát triển Nông thôn thuộc Sở NN&PTNT đã được tổ chức, điều phối giữa UBND xã và hội nông dân đã được tiến hành.
- Cuộc họp khởi động tổ hợp tác đã được tổ chức với sự tham dự của nông dân trồng dưa hấu ở các bản mục tiêu và 14 hộ gia đình đã đồng ý tham gia nhóm.
- 3 hầm biogas sinh học đã được lắp đặt theo chương trình hỗ trợ bổ sung của dự án.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Tập huấn giảng viên nguồn cho các giảng viên cấp tỉnh về sử dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được tổ chức nhằm nâng cao và cập nhật việc tối ưu hóa máy tính bảng sử dụng ứng dụng di động. Các tỉnh đã tổ chức tập huấn giảng viên nguồn là Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình.
- Công tác nâng cao hệ thống GEE đối với hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh vẫn tiếp tục được tiến hành dựa trên kết quả đánh giá và những thông tin phản hồi từ hoạt động vận hành thử nghiệm.
- Kết quả tập huấn được rà soát và được đưa ra thảo luận tại cuộc họp của tổ công tác tại các tỉnh Tây Bắc.
- Việc điều phối các cuộc họp với FORMIS II và tổng cục lâm nghiệp (phòng dữ liệu thông tin tổng hợp/cục lâm nghiệp) đã được thực hiện để giám sát kết quả tích hợp giữa máy chủ FORMIS và ứng dụng màn hình FRMS và ứng dụng di động FRMS, tiến tới bàn giao ứng dụng di động FRMS.
- Cục lâm nghiệp đã đánh giá ứng dụng di động FRMS để bàn giao cho Tổng cục Lâm nghiệp.

[Hợp phần 3]

Các hoạt động liên quan đến BQL Khu Dự trữ sinh quyển Lang Biang (Tiểu hợp phần 3-1)

- Hội nghị BQL Khu DTSQTG Langbiang lần thứ 6 được tổ chức vào ngày 7 tháng 12 năm 2018 với sự tham gia của 70 đại biểu bao gồm các công ty tư nhân và người dân địa phương.
- Dựa vào kế hoạch quản lý 5 năm của BQL Khu DTSQTG Langbiang, kế hoạch hoạt động hằng năm 2018 của Khu DTSQTG Langbiang (AAP) được thiết lập và triển khai với sự tham gia của chính quyền cấp tỉnh.
- Dựa vào bản thảo hướng dẫn thiết lập AAP, dự thảo AAP 2019 sẽ được phát triển và hoàn thiện thông qua thảo luận giữa nhóm tư vấn và PPMU vào đầu năm 2019.

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (Tiểu hợp phần 3-2)

- Tiếp tục thử nghiệm các hoạt động quản lý hợp tác (CMA) tại 2 địa điểm của VQG Bidoup – Núi Bà và BQL rừng Đa Nhim, phối hợp với UBND các xã và các cộng đồng để tăng cường hiệu quả công tác tuần tra khu vực chi trả DVMTR thông qua các hoạt động như tổ chức tập huấn, xây dựng hệ thống báo cáo cải tiến và giới thiệu flycam vào theo dõi diễn biến rừng theo các hợp đồng khoán bảo

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

vệ rừng diện tích chi trả DVMTR.

- Phát triển các mô hình QLHT bằng cách xây dựng nhiều mô hình mang đến lợi ích và ứng dụng rộng rãi các mô hình QHLT theo quy trình đơn giản hơn.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn QLHT, sinh kế thân thiện môi trường và kế hoạch QLHT dựa trên kết quả thử nghiệm QLHT.
- Chuẩn bị triển khai hoạt động QLHT ở phạm vi nhỏ (cải thiện tuần tra PFES) để kiểm tra/hoàn thiện các sổ tay hướng dẫn.
- Các hoạt động sinh kế thân thiện với môi trường (EFLO) dưới đây tiếp tục được thực hiện:
 - + Hợp tác với sở TNMT và các công ty tư nhân sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê và phân chuồng để sử dụng trong canh tác cà phê
 - + Hợp tác với các công ty tư nhân đa dạng hóa canh tác hồng, nắm sò và nắm hương. Mô hình trồng nắm hương được đánh giá có nhiều tiềm năng qua đợt trồng/ bán đầu tiên; theo đó, UBND huyện đã quyết định nhân rộng mô hình nắm hương bằng ngân sách của huyện. Một số hộ gia đình đã tự nguyện chuẩn bị lán trại, dụng cụ cần thiết để thực hiện trồng nắm đợt 2. Người dân cũng bắt đầu học hỏi kỹ thuật trồng nắm và xây dựng lán trại, kiểm soát bệnh dịch, đặc biệt là nắm đối kháng, trong trồng nắm.
 - + Hoạt động cải thiện chuồng bò đợt 2 được thực hiện ở 28 hộ thông qua hợp tác với các bên liên quan bao gồm dự án, UBND xã/huyện dựa trên thành công và hiệu quả của hoạt động đợt 1.
- Diễn đàn quản lý hợp tác lần 3 được tổ chức để giải quyết các vấn đề lấn chiếm xảy ra tại khu DTSQTG Langbiang. Dựa vào thoả thuận QLHT, việc kiểm soát lấn chiếm rừng được hợp tác triển khai giữa các bên liên quan như các Sở, UBND xã/huyện và người dân.
- Tiếp tục làm rõ các quy trình, thủ tục đăng ký logo Khu DTSQTG Langbiang với Cục Sở hữu Trí tuệ để sử dụng logo cho các hoạt động quảng bá sản phẩm của khu DTSQTG Langbiang.
- Bắt đầu phát triển chuỗi cung ứng sản phẩm tại khu DTSQTG Langbiang như thử nghiệm quảng bá (tập trung vào nắm hương), cải thiện chất lượng sản xuất ở các hộ chủ chốt nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tăng cường năng lực, kĩ năng diễn giải cho thành viên VQG Bidoup Núi Bà, kiểm lâm và cộng đồng nhằm triển khai hoạt động GDMT.

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng/ đa dạng sinh học (Tiểu hợp phần 3-3)

- Đã xây dựng sổ tay hướng dẫn giám sát đa dạng sinh học. Trên cơ sở đó, Dự án và Sở TNMT đã phối hợp tổ chức các lớp tập huấn về giám sát đa dạng sinh học cho cán bộ VQG, Sở TNMT và một số cán bộ của các Khu DTSQ khác.
- Theo thiết kế Hệ thống theo dõi ĐDSH, đã thực hiện xong các hạng mục chuẩn bị trước khi thực hiện theo dõi ĐDSH như thiết lập ô định vị (1ha) và 6 tuyến bao gồm khảo sát đường cơ sở và thiết lập các thiết bị khảo sát cần thiết.
- Đã tổ chức tập huấn quản lý CSDL về ĐDSH cho cán bộ VQG, kiểm lâm và cán bộ của các cơ quan liên quan đến Sở TNMT.
- Đã tổ chức tập huấn flycam cho các kiểm lâm/ cán bộ kĩ thuật của các chủ rừng; chia sẻ thông tin các

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

lớp tập huấn với Sở NNPTNT và Quỹ phát triển và bảo vệ rừng. Quỹ đã mua 2 flycam nhằm phục vụ giám sát PFES. BQL VQG và BQL RNDN tiếp tục thu thập hình ảnh/video từ flycam để giám sát tài nguyên rừng.

- Đã xây dựng dự thảo Sổ tay giám sát bằng flycam
- Đã bắt đầu thực hiện theo dõi diễn biến rừng bằng flycam nhằm đánh giá việc thực hiện các hợp đồng bảo vệ rừng trong lưu vực chi trả DVMTR.

[Hợp phần 4]

Tích hợp dữ liệu/thông tin vào FORMIS

- Đã cập nhật toàn bộ chỉ số theo dõi diễn biến rừng trong ứng dụng di động theo Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của FORMIS và máy chủ theo dõi diễn biến rừng trung ương (máy chủ hệ thống FORMIS). Đã hoàn thành tích hợp với máy chủ hệ thống FORMIS. Phiên bản cập nhật nhất của ứng dụng di động (3.0.15) hoạt động tốt với Phần mềm theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp của FORMIS (phiên bản 2.0.1).

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- Tiến độ, kết quả thực hiện tính đến thời điểm hiện tại tương đối tốt, đảm bảo thực hiện Mục tiêu Dự án.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.

[Hợp phần 2]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, các cuộc họp của Ban quản lý dự án cấp tỉnh (PPMU) đã được tổ chức thường xuyên ở cả 4 tỉnh để thảo luận tiến độ thực hiện và giám sát các hoạt động của dự án.

[Hợp phần 3]

- Như mô tả trong phần 1-1-2, các cuộc họp của PPMU được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án.
- Nhóm công tác khu DTSQ cung cấp thông tin về việc xây dựng/ triển khai/ giám sát thực hiện Kế hoạch quản lý của Khu DTSQTG Langbiang, xây dựng/ thực hiện mô hình QLHT/chia sẻ lợi ích, phát triển phương pháp theo dõi ĐDSH và giám sát flycam theo định hướng của PPMU.
- Vốn đối ứng cung cấp kịp phù hợp cho các hoạt động dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Thường xuyên phối hợp, hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên và Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạ chà.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạ Chà ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạ Chà trong tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạ Chà tại xã Pá Khoang (do Đại học Lâm nghiệp thực hiện).

[Hợp phần 3]

- Dựa trên thành công và tác động tích cực của mô hình chuồng bò cải tiến, mô hình này đã tiếp tục được nhân rộng trên hiện trường thông qua sự hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm Dự án, phòng NN huyện, UBND xã và dựa trên nguồn ngân sách của các đơn vị nhằm kiểm soát chăn thả bữa bãi và sử dụng phân bò trong sản xuất bền vững phân hữu cơ.
- Hợp phần 3 hợp tác với công ty tư nhân xây dựng mô hình sản xuất nấm hương với hộ dân chủ chốt trong khuôn khổ Hệ thống chia sẻ lợi ích, trong đó sản xuất/ tiêu thụ nấm mang đến nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ tham gia. Dựa vào kết quả thí điểm, UBND huyện và các cơ quan cấp Tỉnh như Sở TNMT, Sở NNPTNT hỗ trợ mở rộng hoạt động trồng nấm hương cho người dân trong xã thông qua việc hỗ trợ ngân sách năm 2019.
- Thông tin tập huấn flycam tiếp tục được chia sẻ cho Sở NNPTNT và Quỹ phát triển bảo vệ rừng. Quỹ đã mua 2 flycam cho công tác giám sát rừng PFES.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

[Hợp phần 2]

- (1) Báo cáo giám sát kế hoạch hoạt động REDD+ cấp tỉnh.

3 [Hợp phần 3]

- (1) Triển khai kế hoạch quản lý của khu DTSQ Lang Biang
- (2) Phát triển/ triển khai hệ thống giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 2]

- (1) Các tỉnh đã thống nhất sử dụng dữ liệu rừng hàng năm chính thức năm 2018 cho công tác giám sát PRAP, ngoại trừ tỉnh Hòa Bình (tỉnh này sử dụng dữ liệu cập nhật đến tháng 10/2018).

[Hợp phần 3]

- (1) Vì UBND Tỉnh thông qua KHQL chậm, việc triển khai KHQL chậm so với kế hoạch.
- (2) Phát triển BMS được hoàn thiện trễ 4 tháng vào cuối năm 2017 và chưa được triển khai.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 2]

- (1) Các tỉnh (ngoại trừ tỉnh Hòa Bình) muốn sử dụng dữ liệu rừng hàng năm chính thức cho năm 2018 sẽ được công bố vào đầu năm 2019 để thực hiện công tác giám sát PRAP.

[Hợp phần 3]

- (1) Kế hoạch quản lý chưa được UBND tỉnh phê duyệt do chưa có cơ sở pháp lý về các khu DTSQ ở Việt Nam bao gồm việc triển khai kế hoạch quản lý không được luật Việt Nam quy định rõ ràng.

(2) Quá trình hoàn thiện hệ thống giám sát ĐDSH bị chậm tiến độ do mùa mưa kéo dài làm ảnh hưởng đến tiến độ khảo sát hiện trường, các đơn vị trong tỉnh mất nhiều thời gian xem xét và cho ý kiến hoàn thiện hệ thống và yếu tố bất khả kháng (trường nhóm tư vấn không thể làm việc trong một tháng vì lí do sức khỏe).

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 2]

(1) Thời gian hoàn thành đã được thay đổi từ tháng 1/2019 sang tháng 4/2019.

[Hợp phần 3]

- (1) Sau khi KHQL được phê duyệt, hợp phần 3 đã xây dựng dự thảo kế hoạch hành động thường niên với sự hợp tác của các thành viên nhóm công tác và PPMU, hoàn thiện kế hoạch hành động thường niên vào cuối 2018.
- (2) Hợp phần 3 đã xây dựng kế hoạch giám sát đa dạng sinh học và hướng dẫn cho người thực hiện giám sát. Đã thiết lập ô định vị và tuyến khảo sát dựa trên kết quả khảo sát ban đầu. Đã tổ chức tập huấn cho cán bộ Khu DTSQ/ kiểm lâm về theo dõi đa dạng sinh học và quản lý CSDL đa dạng sinh học. Có thể triển khai Hệ thống theo dõi đa dạng sinh học.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 3]

- (1) BQL khu DTSQ chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động thường niên của khu DTSQ dựa trên KHQL với sự hợp tác cùng các cơ quan/ ban ngành trong tỉnh. Bộ TNMT chịu trách nhiệm ra quyết định ban hành khung pháp lý cho việc quản lý các khu DTSQ.
- (2) VQG Bidoup – Núi Bà chịu trách nhiệm phát triển/ triển khai hệ thống giám sát ĐDSH, báo cáo cho khu DTSQ LB.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Sau khi được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 không có thay đổi trong giai đoạn báo cáo này.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trục sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Sau khi được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 không có thay đổi trong giai đoạn báo cáo này.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Ban Quản lý dự án SNRM trung ương, thuộc Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, đã tổ chức hội nghị tổng kết năm 2018 vào ngày 12/12/2018 với sự tham gia của các cán bộ liên quan tại 5 tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Lâm Đồng) để cùng đánh giá tiến độ thực hiện và thảo luận phương hướng hoạt động tiếp theo, bao gồm kế hoạch thực hiện năm 2019.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Miyazono Hiroki (Mr.)	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Takahashi Baku (Mr.)	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Kamiyama Shingo (Mr.)	23/9/2015 -
4	Điều phối viên chương trình	Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	1/8/2018-4/8-2018
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	1/8/2018-10/8/2018 29/10/2018 – 16/11/2018
3	Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	1/8/2018 – 10/8/2018 29/10/2018-16/10/2018
4	Phân tích hình ảnh vệ tinh / hệ thống thông tin địa lý	Ông Haruyoshi Hayashi	
5	Theo dõi diễn biến rừng 1/quỹ độc lập 1/ điều phối viên nhà tài trợ 1	Ông Kei Suzuki	29/7/2018 – 4/8/2018 9/10/2018 – 13/10/2018 14/12/2018 – 19/12/2018
6	Theo dõi diễn biến rừng 2/quỹ độc lập 2/ điều phối viên nhà tài trợ 2	Ông Hozumi Hashiguchi	18/9/2018 – 1/10/2018 27/11/2018 – 5/12/2018
7	Theo dõi diễn biến rừng 3/quỹ độc lập 3/ điều phối viên nhà tài trợ 3	Ông Yuki Nakamura	
8	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	Ông Wataru Yamamoto	29/7/2018 – 7/8/2018 10/11/2018 – 23/11/2018
9	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	27/7/2018 – 7/8/2018 22/10/2018 – 8/11/2018

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

10	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito	1/8/2018 – 14/8/2018 15/10/2018 – 8/11/2018
11	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1/7/2018-31/12/2018
12	Điều phối viên xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Ông Trần Văn Hồ	1/7/2018-31/12/2018
13	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1/7/2018-31/12/2018
14	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	1/7/2018-31/12/2018
15	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1/7/2018-31/12/2018
16	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1/7/2018-31/12/2018
17	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1/7/2018-31/12/2018)
18	Cán bộ phát triển sinh kế -văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Nguyễn Trọng Hiệp	1/7/2018-31/12/2018
19	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Kim Giang	1/7/2018-31/12/2018
20	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	1/7/2018-31/12/2018
21	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	1/7/2018-31/12/2018
22	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	1/7/2018-31/12/2018
23	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Nguyễn Thu Huyền	2/7/2018-31/12/2018
24	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	1/7/2018-31/12/2018
25	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	1/7/2018-31/12/2018

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

26	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	1/7/2018-31/12/2018
27	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1/7/2018-31/12/2018
28	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1/7/2018-31/12/2018
29	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	1/7/2018-31/12/2018
30	Trợ lý hậu cần	Bà Hoàn Thị Nhung	23/7/2018 – 23/12/2018

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	20/07/2018 – 24/07/2018 25/07/2018 – 24/08/2018 5/10/2018 – 27/10/2018 19/11/2018 – 9/12/2018
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	09/08/2018 – 17/08/2018 11-14, 24-28/09/2018 15-19, 29-31/10/2018 6-8, 13-15, 28-30/11/2018 1, 2, 6, 7/12/2018
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	05/09/2018 – 14/09/2018
4	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	22/11/2018 – 13/12/2018
5	Điều phối viên dự án/ CM/ PFES/ Giám sát ĐDSH 2	Ông Takuya Nomura	03/09/2018 – 28/09/2018 05/11/2018 – 13/12/2018
6	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	01/07/2018 – 31/12/2018
7	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	01/07/2018 – 31/12/2018
8	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	01/07/2018 – 31/12/2018
9	Quản lý văn phòng	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	01/07/2018 – 31/12/2018
10	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	01/07/2018 – 31/12/2018
11	Tư vấn CM địa phương	Ông Phan Triều Giang	10/09/2010 – 31/12/2018
12	Tư vấn địa phương lập kế hoạch cho BQLKDTSGTG Langbiang	Ông Đỗ Văn Ngọc	04/09/2018 – 31/12/2018
13	Tư vấn địa phương về EFLO	Ông Tôn Thất Minh	05/09/2018 – 31/12/2018
14	Tập huấn GDMT	Ông Đào Văn Hoàng	07/09/2018 – 13/09/2018
15	Tư vấn địa phương quản bá sản phẩm nông sản địa phương tiềm năng trong khu DTSQTG Langbiang	Ông Phạm Ngọc Minh Quân	10/09/2018 – 31/12/2018
16	Tư vấn địa phương lên kế hoạch cho BQLKDTSGTG Langbiang	Ông Nguyễn Thành Mến	05/10/2018 – 31/12/2018

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
17	Tập huấn giám sát ĐDSH (côn trùng)	Ông Tô Văn Quang	21/09/2018 – 30/09/2018
18	Tập huấn giám sát ĐDSH (động vật)	Ông Nguyễn Thành Trung	21/09/2018 – 30/09/2018
19	Tập huấn giám sát ĐDSH (chim)	Ông Lê Khắc Quyết	21/09/2018 – 30/09/2018
20	Tập huấn giám sát ĐDSH (lưỡng cư)	Bà Trần Thị Anh Đào	21/09/2018 – 30/09/2018
21	Tập huấn giám sát ĐDSH (thực vật)	Ông Lưu Hồng Trường	21/09/2018 – 30/09/2018
22	Tập huấn giám sát ĐDSH (quản lý dữ liệu)	Ông Đặng Minh Trí	02/10/2018 – 06/10/2018

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (Số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỉ giá	Giá (JPY)
Bộ lưu trữ mạng	74,580,000	0.00486	362,459

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/2018)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan

Thời hạn Dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Phiên bản số 6

Ngày 01/01/2019

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p> <p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p> <p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>	<p>Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017.</p> <p>Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017.</p> <p>Thông tư 26 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, trong đó có qui định về việc sử dụng máy tính bảng trong theo dõi diễn biến rừng. Thông tư này được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành vào ngày 15/11/2017.</p> <p>Hơn 35.000 bộ dữ liệu về loài từ 18 Khu bảo</p>	
--	---	---	---	---	--

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiền đề
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bù đắp ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hoàn thành cập nhật Đường phát thải tham chiếu dựa trên lộ trình thực hiện cấp quốc gia.	
1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.		TH					
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	Có thể cần tiếp tục hỗ trợ để chỉnh sửa PRAP
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Đang triển khai áp dụng trên quy mô toàn tỉnh cho 6 tỉnh.	Tiếp tục tập huấn nhân rộng theo đề nghị của các tỉnh (sẽ được thực hiện trong năm 2018)
1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tiếp tục xúc tiến việc áp dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cùng với Dự án Trường Sơn Xanh	
1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	Đã hoàn thành Nghiên cứu về QLRBV/chứng chỉ rừng tại các tỉnh Bắc và Trung Bộ, có báo cáo hoàn thiện.	
Đầu ra 1-2: Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.							
1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.		TH					
1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.		TH					
1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).		KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	Không thực hiện trong giai đoạn báo cáo	
1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	GBIF và Bộ TNMT đã ký biên bản ghi nhớ vào tháng 9.2018.	
1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.		TH					
1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.		KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	i) Đang thu thập số liệu tại 9 VQG/KBT ii) Đã chuẩn bị tổ chức tập huấn về hệ thống NBDS	

Đầu ra 1-3: Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.																															
1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.																															
1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.			KH																									Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Các kết quả đầu ra đã được tổng hợp định kỳ	
			TH																												
1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.			KH																								Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Đã hoàn thành báo cáo Nghiên cứu về QLRBV/chứng chỉ rừng tại các tỉnh Bắc và Trung B.		
			TH																												

Thời gian/ Giai đoạn	KH																									
	TH																									

Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp				
		VTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III								
Giám sát																															
Ban chỉ đạo dự án	KH																												Hội nghị Ban chỉ đạo dự án lần thứ 2 được tổ chức vào tháng 5/2018.		
Xây dựng Kế hoạch hoạt động chi tiết	TH																											PDM/PO và APO (phiên bản 3) được phê duyệt tại cuộc họp Ban chỉ đạo lần 2.			
Nộp Bản giám sát	KH																											Đã chuẩn bị báo cáo tiến độ 6 tháng (phiên bản 5)			
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																														
Hậu giám sát	TH																														
Các báo cáo/tài liệu																															
Báo cáo tổng kết dự án	KH																														
Quan hệ công chúng	TH																														
	KH																														
	TH																														
	KH																														
	TH																														

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/2018)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 6
Ngày 01/01/2019

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015. 2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng

<p><u>Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên)</u> Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên</p> <p><u>Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)</u> KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.</p>	<p>1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt.</p> <p>2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.</p> <p>3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm.</p> <p>4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.</p>	<p>Báo cáo giám sát dự án</p> <p>Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh</p> <p>KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>	<p>1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.</p>	<p>1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHĐ REDD+</p> <p>2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt.</p> <p>4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.</p>	<p>4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.</p>
--	--	--	--	--	--

Hoạt động	Đầu vào	Đầu vào	Điều kiện tiên đề
<p>[Tại tỉnh Điện Biên]</p> <p>2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.</p> <p>2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.</p> <p>2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức</p> <p>2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn.</p> <p>2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm</p> <p>2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm</p> <p>2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên</p> <p>2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK</p> <p>2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.</p> <p>2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác <p>Tập huấn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam <p>Chuyên gia/tư vấn trong nước</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác <p>Cơ sở tiện ích và thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (lương, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.</p> <p>2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì.</p> <p>3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.</p> <p>4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.</p> <p>5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.</p> <p>6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.</p>

2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.

2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW

2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh

2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.

2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần

2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).

2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.

2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế

2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả

2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.

2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.

2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]

2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.

2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.

2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.

2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch

2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.

2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.

2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh

2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.

2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.

2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.

<p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.</p> <p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
--	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

Bản giám sát dự án II (Tháng 7 - Tháng 12/2018)

Kế hoạch hoạt động dự án (Hợp phần 2)

Phiên bản số 6

Ngày 01/01/2019

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Đầu vào	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Lưu ý	Giám sát	
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Vấn đề		Giải pháp	
Chuyên gia																								Trưởng nhóm: 9,87 tháng QLRBV: 39,8 tháng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh: 12,34 tháng PTAVT/HTTTĐL: 8 tháng QLR: 28,33 tháng PTSK: 33,66 tháng			
Trưởng nhóm	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Quản lý Rừng Bền vững	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
REDD+/KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Phân tích hình ảnh vệ tinh/ hệ thống thông tin địa lý	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Theo dõi diễn biến rừng	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Phát triển sinh kế	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Tư vấn trong nước	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Thiết bị																											
Thiết bị (máy tính, máy in, máy photo, thiết bị điều tra quản lý rừng ...)	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Xe ô tô cho ba tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Xe máy cho bốn tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình, Điện Biên	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Tập huấn tại Nhật Bản																											
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																										
	Thực tế																										
Tập huấn trong nước/tại quốc gia thứ ba																											
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																										
	Thực tế																										

Hoạt động	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp giải quyết
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Các hoạt động cụ thể																												

Đầu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên													
[Tại tỉnh Điện Biên] 2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.	Kế hoạch										Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh chính thức được thành lập vào ngày 23/1/2017.	Hoàn thành
	Thực tế												
2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh													
2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.	Kế hoạch									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được hoàn thiện sau khi xem xét bổ sung các ý kiến nhận xét chính thức của các bên liên quan.	Hoàn thành
	Thực tế												
2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức	Kế hoạch									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định 732/QĐ-UBND ban hành ngày 21/8/2017.	Hoàn thành
	Thực tế												
2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh										Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	ĐB: Kế hoạch thực hiện đã được chấp thuận; công tác thu thập dữ liệu đã được chuẩn bị	
2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn.	Kế hoạch												
	Thực tế												
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm	Kế hoạch									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xã Pá Khoang được lựa chọn là xã thí điểm tham gia dự án tại tỉnh Điện Biên	Hoàn thành
	Thực tế												
2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.	Kế hoạch									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã Pá Khoang đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
	Thực tế												
2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.	Kế hoạch									Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành
	Thực tế												

2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW																	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch tập huấn về ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đang được điều phối		
																					Kế hoạch
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo cấp quốc gia về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được tổ chức dưới sự hợp tác với Tổng cục Lâm nghiệp/cục kiểm lâm, 15 tỉnh được tập huấn về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh, và các nhà tài trợ bao gồm FORMIS II, UNREDD 2, FCPF. Các cuộc họp của tổ chuyên trách đã được tổ chức.	
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.																					
																					Kế hoạch
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch giám sát và cách thức thu thập dữ liệu đã được lập	Hoàn thành
2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tiến hành thu thập dữ liệu / thông tin chủ yếu thông qua điều tra dựa bên bảng hỏi, và báo cáo giám sát và đánh giá (M & E) đã được chuẩn bị.	Hoàn thành
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tổ chức một hội thảo chia sẻ kết quả giám sát & đánh giá với các bên liên quan, bài học kinh nghiệm và những khuyến nghị đã được thu thập.	Hoàn thành
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Không áp dụng	

Đầu ra 2-2: KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này																			Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh đã chính thức được thành lập tại tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Sơn La.	

2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.													
2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Các thông tin cần thiết đã được thu thập và phân tích	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp		
			Thực tế										
2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.												Các cuộc hội thảo khởi động cấp tỉnh và họp khởi động họp phần phụ (KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, hoạt động thí điểm, Hệ thống TDDBR) đã được tổ chức.	Hoàn thành
2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Tổ CTKT xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được thành lập	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ đã được thống nhất giữa các bên tại hội thảo khởi động	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: khung và mục tiêu của kế hoạch đã được xác định	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: nhiệm vụ của cơ quan/đơn vị liên quan được xác định	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch							Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các hoạt động lâm nghiệp được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
			Thực tế										
2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề			Kế hoạch								Ban QLDA tỉnh/Chính	HB, SL, LC: Hệ thống TDDBR cấp tỉnh	

xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.

Thực tế

Nhóm tư vấn

quyền địa phương liên
quan/Ban QLDA Lâm
nghiệp

được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp
tỉnh

Hoàn thành

2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: Các hoạt động phát triển sinh kế được lồng ghép với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các rủi ro môi trường, xã hội được đánh giá và được đưa một cách tóm tắt vào khung đánh giá rủi ro của Kế hoạch	Hoàn thành
2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: hoạt động nâng cao năng lực được lồng ghép với các hoạt động của KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: các nguồn tài chính tiềm năng đã được xác định	Hoàn thành
2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: cấu trúc thực hiện dự án đã được xác định	Hoàn thành
2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh SL: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh LC: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 803/QĐ-UBND ban hành ngày 20/9/2017. SL: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 2338/QĐ-UBND ban hành ngày 29/8/2017. LC: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 1052/QĐ-UBND ban hành ngày 13/9/2017.	Hoàn thành
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh																					Hoàn thành
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh																					Hoàn thành

			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	<p>thành khảo sát sâu tại các huyện/xã được lựa chọn làm mẫu. SL: Kế hoạch thực hiện công việc đã được thông qua; công tác thu thập dữ liệu đã được chuẩn bị LC: như trên</p>	
--	--	--	-------------	--	---	--

2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh											Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.												Dựa trên các kết quả của các cuộc họp tham vấn, tiêu chí và dữ liệu liên quan, các xã có tên sau đã được lựa chọn là xã thí điểm Tỉnh Hòa Bình: xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc. Tỉnh Sơn La: xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai. Tỉnh Lai Châu: xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên.	Hoàn thành
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.											CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã thí điểm đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.											CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành
2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.											CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Theo kết quả thảo luận với các Ban quản lý dự án cấp tỉnh, dự án không cần phải hỗ trợ xác định ranh giới thôn/bản tại các xã thí điểm	
2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.											CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại các xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.											CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban quản lý liên quan đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.												Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (OLR) và phát triển sinh kế (PTSK)												Các cuộc họp và lập kế hoạch thôn/bản đã	

<p>Chiến lược quốc gia về nông nghiệp và lâm nghiệp (2018-2030)</p>		<p>Thực tế</p>		<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/ban đã được tổ chức tại các thôn/bản mục tiêu thuộc xã thí điểm</p>	<p>Hoàn thành</p>
---	--	-----------------------	--	--------------------	---	--	-------------------

2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xem phần phụ lục	
2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Công tác giám sát được thực hiện sau khi hoàn thành từng hoạt động (xem phụ lục). Tập huấn và vật liệu đầu vào đã được cung cấp dựa trên kết quả giám sát	
2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng báo cáo đánh giá Hoạt động thí điểm REDD+ ở mỗi tỉnh.	
2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Tổ chuyên trách Hệ thống TDDBTNRR đã được thành lập ở từng tỉnh.	Hoàn thành
2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kết quả tập huấn đã được theo dõi và thảo luận ở các cuộc họp Tổ chuyên trách. Các lớp tập huấn bổ túc đã được lập kế hoạch thực hiện từ sau 07/2018.	Hoàn thành
2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn mở rộng toàn tỉnh đã được lên kế hoạch và đang được điều phối thông qua các cuộc họp Tổ chuyên trách.	Hoàn thành
2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn mở rộng trên quy mô toàn tỉnh đã được thực hiện ở 3 tỉnh. Các lớp tập huấn nhắc lại cho các cán bộ	

				Thực tế																Nhóm tư vấn	chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	trong cơ chế và nội dung theo dõi diện tích rừng cấp tỉnh đã được thực hiện ở 3 tỉnh. Các lớp tập huấn về kiểm soát/đảm bảo chất lượng sử dụng hệ thống cảnh báo các khu vực mất rừng dùng Google Earth Enjin đã được thực hiện	
2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần				Kế hoạch																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã thực hiện việc khảo sát và phỏng vấn để thu thập thông tin cho việc sửa cẩm nang hướng dẫn Tuân tra rừng cấp thôn bản. Các tài liệu hướng dẫn khác đã được sửa xong với phiên bản 3.1.	
				Thực tế																			
2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.				Kế hoạch																Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng báo cáo đánh giá Hoạt động thí điểm REDD+ ở mỗi tỉnh.	
				Thực tế																			

Thời hạn/giai đoạn	Kế hoạch																						
	Thực tế																						

Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp	
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Giám sát																												
Ban Chỉ đạo Dự án	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Xây dựng kế hoạch vận hành dự án chi tiết	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Đệ trình biên bản giám sát	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Giám sát từ Nhật Bản	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Sau giám sát	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Báo cáo/tài liệu																												
Kế hoạch làm việc	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Báo cáo hoàn thành dự án	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
Quan hệ công chúng																												
	Kế hoạch																											
	Thực tế																											
	Kế hoạch																											
	Thực tế																											

Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1

Phụ lục: Tiến độ thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án

	2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng	2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế
Tỉnh Điện Biên	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng hàng tháng đã được thực hiện. - Hội thảo rà soát tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp thôn/bản với nội dung xây dựng kế hoạch và lập báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được tổ chức. - Quy chế bảo vệ và phát triển rừng đã được điều chỉnh cho mỗi bản và được UBND xã phê duyệt. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ bản đã được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình đăng ký mở rộng phạm vi hỗ trợ nuôi ong đã được tiến hành và 15 hộ dân thuộc 11 bản đã đưa vào danh sách nhận hỗ trợ - Việc thăm định nuôi ong được tiến hành tại 3 hộ gia đình được đánh giá là hộ tiềm năng được nhận hỗ trợ của dự án.. - Hoạt động marketing cho sản phẩm mật ong đã được đưa ra thảo luận tại cuộc họp với sự tham gia của 24 hộ dân tại ba bản mục tiêu và bàn thảo ý tưởng marketing mix (4p: sản phẩm, giá, địa điểm và xúc tiến bán hàng) đã được biên soạn. <p>Nuôi cá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động mua sắm thùng chứa nước cho hoạt động bán cá đã được thảo luận với trưởng bản và hộ gia đình tham gia. <p>Bếp cải tiến (loại bếp áp dụng tại tỉnh Sơn La/Lai Châu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuôn làm bếp cải tiến đã được sử dụng tại tỉnh Sơn La và Lai Châu do văn phòng dự án tại tỉnh Lai Châu cung cấp và 2 bếp cải tiến (dành cho 2 hộ dân) đã được sản xuất sử dụng khuôn làm bếp này <p>Quỹ bản</p>
Tỉnh Hòa Bình	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng và báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được lập và nộp UBND xã. Hai vụ vi phạm đã bị phát hiện và báo cáo vào tháng 7. - Tập huấn cho 17 thành viên tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản đã được tổ chức với các nội dung như: phòng cháy chữa cháy rừng và lập báo cáo. - Dự án cung cấp đồng phục (quần áo và giày) cho 17 thành viên thuộc các tổ tuần tra rừng cấp bản ở xã Thanh Hải. <p>Quản lý rừng cấp bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khóa tập huấn về vận hành Ban quản lý bản và quản lý quỹ bản đã được tổ chức (25 người tham dự). - Quỹ bản được thành lập ở 13 bản với tổng quỹ là 477 triệu đồng. <p>Các nội dung khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đài truyền hình đã quay các hoạt động thí điểm và phát sóng bộ phim tài liệu trên toàn bộ Việt Nam. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ nuôi ong với sự hỗ trợ của dự án QLNTNBV đã sản xuất được một lượng lớn sản lượng mật ong (trung bình khoảng 330 lít/hộ/năm). - Nhân hiệu sản phẩm mật ong đã được thiết kế và phát cho các hộ nuôi ong do dự án đào tạo. - Dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ nuôi ong mới tham gia vào hoạt động này của dự án (29 hộ). - Các thành viên trong nhóm sở thích nuôi ong đã họp và thảo luận về quỹ nuôi ong và trao đổi kinh nghiệm nuôi ong <p>Trồng rau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng rau và giám sát sự sinh trưởng của rau <p>Cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây ăn quả. <p>Bếp tiết kiệm củi</p> <ul style="list-style-type: none"> - 201 bếp cải tiến đã được cấp cho 145 hộ dân
Tỉnh Sơn La	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản (47 người được hỏi và trả lời) - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng và báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được lập và nộp UBND xã. Không có vi phạm nào được báo cáo (12 bản). - Các bản đồ cảnh báo nguy cơ xói mòn đất cho mỗi bản đã được xây dựng, tập huấn bảo vệ rừng đối với các địa điểm đã xảy ra cháy rừng và xói mòn đất đã được tổ chức (145 người tham gia) <p>Tham quan học</p> <ul style="list-style-type: none"> - KfW đã đến thăm địa bàn tỉnh Sơn La và học hỏi các hoạt động của dự án trong đó có quy trình lập kế hoạch cấp bản và lợi ích từ các hoạt động quản lý rừng. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản (658 người được hỏi và trả lời). - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Mô hình nông lâm kết hợp và trồng cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về chăm sóc cây ăn quả và cây cà phê (121 người tham gia). <p>Bếp đun cải tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để giảm mức tiêu thụ củi sử dụng trong đun nấu thức ăn chăn nuôi và nấu rượu, dự án đã cho chuyển đến 12 bản những khuôn bếp nấu cải tiến kích thước lớn hơn và đào tạo người dân dùng khuôn để làm bếp (52 người tham gia). <p>Trồng cây sa nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát sự phát triển mạnh của cây sa nhân trồng trong rừng tự nhiên. - Việc khuyến khích trồng sa nhân trong rừng tự nhiên sử dụng quỹ PFES đã được thống nhất với hạt kiểm lâm cấp huyện.

<p>Tỉnh Lai Châu</p>	<p>Xây dựng kế hoạch hành động - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt.</p> <p>Bảo vệ rừng - Công tác tuần tra bảo vệ rừng hàng tháng đã được thực hiện</p>	<p>Nuôi cá - Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động nuôi cá đã được thực hiện và 48 hộ dân tại 2 bản mục tiêu đã được đưa vào danh sách ứng viên được hỗ trợ. - Việc lập kế hoạch nuôi cá, đánh giá ao nuôi cá, xác định loài cá và số lượng cá cung cấp cho mỗi hộ đã được hoàn thành đối với cả 54 hộ dân tại 2 bản mục tiêu.</p> <p>Trồng dưa hấu - Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã được thực hiện với 74 hộ dân tại 3 bản được đưa vào danh sách tiềm năng - Tập huấn kỹ thuật trồng dưa hấu sử dụng màng phủ nông nghiệp đã được tổ chức với sự tham gia của 78 người dân tại 3 bản mục tiêu. - 7 hộ gia đình đã đăng ký tham gia trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã đóng góp vào quỹ bản. - Liên quan đến hoạt động marketing cho sản phẩm dưa hấu (chủ yếu là dưa hấu được trồng có sử dụng màng phủ nông nghiệp), việc thu thập thông tin về hệ thống chứng nhận sản phẩm đã được tiến hành tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản thuộc Sở NN&PTNT. - Về việc xây dựng tổ hợp tác trồng dưa hấu, một cuộc tham vấn với Chi cục Phát triển Nông thôn thuộc Sở NN&PTNT đã được tổ chức, điều phối giữa UBND xã và hội nông dân đã được tiến hành. - Cuộc họp khởi động tổ hợp tác đã được tổ chức với sự tham dự của nông dân trồng dưa hấu ở các bản mục tiêu và 14 hộ gia đình đã đồng ý tham gia nhóm.</p> <p>Bể khí sinh học - 3 hầm biogas sinh học đã được lắp đặt theo chương trình hỗ trợ bổ sung của dự án.</p>
----------------------	--	---

Bảng giám sát I (Tháng 7 - tháng 12/2018)

[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]

Thiết kế ma trận

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 - 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	N/A
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	<u>N/A</u>
Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. 2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang 3. Các văn bản pháp lý về CMA	CMA và báo cáo giám sát Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà Văn bản pháp lý Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.	1. Dữ liệu thu thập được được dùng để quản lý khu DTSQ 2. BMS được phát triển và sẵn sàng để triển khai. 3. NA 4. Kế hoạch triển khai KHQL khu DTSQ được các bên thực hiện. 5. NA	NA

	(Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban	sinh quyền Trình văn bản tới UBND có lộ trình cụ		
Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.	3-1-1 Tất các các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển	Biên bản của các cuộc họp tham vấn Quyết định của UBND tỉnh Biên bản các cuộc họp	1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.	1. Gia tăng sự thông hiểu của các bên liên quan về mục tiêu của khu DTSQ được tăng cường thông qua các hoạt động của khu DTSQ , bao gồm hoạt động của CMP. 2. KHQL được thông qua 3. 100 % các tổ chức cấp tỉnh có trong danh sách triển khai thực hiện/ giám sát kết hoạch hành động hàng năm dựa theo KHQL
Đầu ra 3-2	3-2-1 Trên (ít nhất là) xx % các	Khảo sát phỏng vấn	1. Không có những thay đổi	1. N/A

<p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNBPN-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Trình công văn</p>	<p>đăng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>2. Nhiều người dân tình nguyện tham gia hoạt động BSM như làm chuồng bò. 3 N/A 4. N/A</p>	
<p><u>Đầu ra 3-3</u></p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng</p>	<p>FORMIS/NBDS</p>			

<p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>sinh học của BNBPN được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>Báo cáo giám sát năm</p>		
<p>Đầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNBPN được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>		<p>1. Hệ thống giám sát ĐDSH được phát triển và sẵn sàng để triển khai</p> <p>2. Hiện trạng rừng được theo dõi và đa dạng sinh học sớm được theo dõi</p>

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề
------------------	----------------	----------------

<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>tại tỉnh Lâm Đồng</p> <p>Các cán bộ dự án</p> <p>> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng
---	--	---	---

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

sinh học

• Cơ sở dữ liệu đa dạng

sinh học

• Giám sát đa dạng sinh học

(Các chuyên gia khác sẽ

được quyết định trong quá

trình thực hiện dự án, khi

cần thiết)

Chi phí vận hành dự án

• Chi phí cho các hoạt động

của Dự án (để chia sẻ chi phí

với phía Việt Nam)

• Chi phí bảo dưỡng các

thiết bị/máy móc do Dự án

mua

• Chi phí thuê các chuyên

gia trong nước

• Sẽ được xác định trong

quá trình thực thi Dự án, khi

cần thiết.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ

Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn của MONRE.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các đơn vị chuyên gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNBP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán

hợp tác vùng lõi và vùng đệm để tiến hành BNNBP MB/DIAPY MB có thể

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp

Biểu giám sát II (Tháng 7 - 12/2018)

[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]

Phiên bản 6

Ngày 01/01/2019

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần đa dạng sinh học)

Đầu vào		Năm												Ghi chú	Giám sát											
		2015			2016				2017				2018				2019			2020			Vấn đề	Giải pháp		
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II			III	
Chuyên gia																								CM: 25MM LI: 13.8MM NPM:3MM PFES/C:16.5 MM ET:9.7MM BM:6MM		
Quản lý hợp tác (CM)		KH																								
		TH																								
Phát triển sinh kế (LI)		KH																								
		TH																								
Quản lý vườn quốc gia (NPM)		KH																								
		TH																								
PFES/Điều phối viên (PFES/C)		KH																								
		TH																								
Du lịch sinh thái (ET)		KH																								
		TH																								
Giám sát đa dạng sinh học (BM)		KH																								
		TH																								
Tư vấn trong nước		KH																								
		TH																								
Thiết bị																										
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)		KH																								
		TH																								
Xe máy		KH																								
		TH																								
Thiết bị theo dõi diễn biến rừng		KH																								
		TH																								
Tập huấn ở Nhật																										
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng		KH																								
		TH																								
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																								Được thực hiện theo kế hoạch		
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng		KH																								
		TH																								

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Year	2015			2016				2017				2018				2019			2020			Co quan chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề & giải pháp			
			VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản			Việt Nam		
Đầu ra 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																														
3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).		KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
		TH																												
3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.		KH																									Nhóm tư vấn		N/A	hoàn thành
		TH																												
3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.		KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	NA	hoàn thành
		TH																												
3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước		KH																									Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
		TH																												

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).															
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.	KH											Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	NA	hoàn thành
	TH														
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
	TH														
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Thông qua hội nghị BQL Khu DTSQTG Langbiang lần 6 và hướng dẫn thiết lập/ triển khai AAP trong chương trình MAB được thực hiện bởi các thành viên BQL	
	TH														
3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
	TH														
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.	KH											Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
	TH														
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành
	TH														
3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Kế hoạch hành động hàng năm (AAP) 2018 của LBBR được triển khai bởi các tổ chức của LBBR MB và AAP 2019 đã được soạn thảo với sự tham gia của các thành viên	
	TH														
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Kết quả về tình trạng triển khai AAP 2018 đã được theo dõi và nội dung của dự thảo AAP 2019 đã được báo cáo tại cuộc họp LBBR MB lần thứ 6.	
	TH														
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	
	TH														
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	
	TH														
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.	KH											Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	
	TH														

Đầu ra 3-2: The collaborative management agreement (CMA) with the benefit sharing mechanisms (BSMs) is upgraded as a tool for conservation of forest ecosystems in the core and buffer zones of LB-BR.															
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).															
3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.										KH	TH	Nhóm tư vấn	Tổ công tác	N/A	hoàn thành
3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.										KH	TH	Nhóm tư vấn	UBND xã Tổ công tác	N/A	hoàn thành
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).										KH	TH	Nhóm tư vấn	TTKN UBND xã Tổ công tác	NA	hoàn thành
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.										KH	TH	Nhóm tư vấn	Sở VHTTDL BQL VQG BDNB, Tổ công tác	Các khóa đào tạo về chương trình giáo dục môi trường tập trung vào các kỹ năng giải thích đã được thực hiện cho các nhân viên BNNPMB, hướng dẫn viên địa phương bao gồm cả cộng đồng.	
3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).										KH	TH	Nhóm tư vấn	Sở NN&PTNT UBND huyện Tổ công tác	Việc thành lập chuỗi cung ứng nấm shiitake cho các nhà hàng / siêu thị tại TP HCM đã được theo đuổi. Hỗ trợ thêm về việc đăng ký logo chính thức của LBBR đã được tiến hành để quảng bá các sản phẩm địa phương.	

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.																							KH															Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	NA			
																																										TH	
3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.																																							Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A		
																																											TH
3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).																																							Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành	
																																											TH
3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).																																							Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành	
																																											TH
3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM																																						Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	hoàn thành		
																																										TH	
3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.																																								Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Các thử nghiệm CM tại 2 địa điểm tại các xã Đa Nhim / Đa Chais để tăng cường hiệu quả của tuần tra PFES đã được hoàn thành. Việc chuẩn bị đã được bắt đầu cho các hoạt động tiếp theo về cải tiến tuần tra PFES để xác minh / hoàn thiện các hướng dẫn liên quan đến CM. Một vấn đề lấn chiếm LB-BR đã được thảo luận giữa các bên liên quan bao gồm các sở ban ngành và người dân trong diễn đàn quản lý hợp tác lần thứ 2 (CMP). Hoạt động cải tiến bò lần thứ 2 được tiến hành với sự tham gia của 28 hộ gia đình theo cách hợp tác giữa các bên liên quan. Sản xuất / bán nấm shiitake mang lại thu nhập tốt cho nông dân và giai đoạn 2 của nó được bắt đầu với việc mở rộng các cơ sở	
3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.																																							Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Tiếp tục giám sát các hoạt động thử nghiệm EFLO		
																																											TH
3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.																																							Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Tiếp tục thực hiện tập huấn cho cán bộ chủ rừng về CMA, EFLO và EE		
																																											TH

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cấm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Sửa đổi về dự thảo hướng dẫn về cải tiến tuần tra PFES liên tục được thực hiện. Một dự thảo hướng dẫn về việc thực hiện BSM và CMP đã liên tục được thực hiện.	
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	N/A	
Đầu ra 3-3: The results of forest and biodiversity monitoring are used for the management of the core and buffer zones of LB-BR.							
3-3-0 Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.							
3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành
3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành
3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành
3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành
3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành
3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cấm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án IICA NBDS đã xây dựng.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	Dự thảo cuối cùng của sổ tay cho những người thực hiện hệ thống giám sát đa dạng sinh học đã được phát triển.	hoàn thành
3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	Ô định vị và tuyến tuần tra được thành lập từ khảo sát cơ bản	
3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNBPN vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	NA	
3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNBPN-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thí điểm.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH ĐN	N/A	hoàn thành

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/ 2018)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan
Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 6
Ngày 01/01/2019

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 4-1</u> Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)</p>	<p>1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo của FORMIS</p>	<p>Việc sử dụng máy tính bảng trong TDDBR được đưa vào Thông tư số 26 về TDDBR và đất lâm nghiệp</p>	
<p><u>Đầu ra 4-2</u> Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p>	<p>2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.</p>	<p>Báo cáo của Bộ NN & PTNT</p>	<p>Các thành quả của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau trong đó có UNFCCC-COP23.</p>	
<p><u>Đầu ra 4-3</u> Các kết quả của Dự án được công bố.</p>	<p>3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.</p>	<p>Báo cáo của dự án</p>	<p>Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.</p>	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền thuê phòng, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ</p>

Các hoạt động chính	Các tiêu hoạt động	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & giải pháp
			NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Đầu ra 4-1: Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)																													
4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).																													
4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.																													
4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.																													
Đầu ra 4-2: Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.																													
4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.																													
4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.																													
4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.																													
4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.																													

Đầu ra 4-3: Các kết quả của Dự án được công bố.						
4-3. Công bố các kết quả của Dự án						
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.						
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.						
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.						

Thời gian/giai đoạn	KH	TH

Kế hoạch giám sát	Năm		2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
	NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	I	II	III							
Giám sát																												
Ban chỉ đạo dự án	KH																											
	TH																											
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	KH																											
	TH																											
Nội Bản giám sát	KH																											
	TH																											
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																											
	TH																											
Hậu giám sát	KH																											
	TH																											
Các báo cáo/tài liệu																												
	KH																											
	TH																											
Báo cáo tổng kết dự án	KH																											
	TH																											
Quan hệ công chúng																												
	KH																											
	TH																											
	KH																											
	TH																											

Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 7 (Thời gian: tháng 1-6/2019)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/07/2019

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-1 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Sáu chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- 14 cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- Năm chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc đã được phân công như kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- Mười (10) cán bộ dự án và chuyên gia tiếp tục tham gia hoạt động dự án trong giai đoạn này.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các cuộc họp định kỳ hàng tháng của BQLDA với sự tham dự của 2 chuyên gia Nhật Bản đã được tổ chức ở cả bốn tỉnh để thảo luận và thống nhất kế hoạch thực hiện.
- Vốn đối ứng được phân bổ đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

[Hợp phần 3]

- Các buổi họp giữa PPMU và nhóm Hợp phần 3 bao gồm các chuyên gia Nhật Bản được tổ chức định kỳ để thảo luận các vấn đề trong quá trình triển khai dự án.
- 3 nhóm công tác của BQL khu DTSQ Lang Biang, CM (Quản lý hợp tác) và Đa dạng sinh học do BQL thành lập tiếp tục tham gia hoạt động dự án.
- Vốn đối ứng cấp được phân bổ đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Không thực hiện trong giai đoạn báo cáo này.

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 2]

- Khóa tập huấn về quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được tổ chức từ ngày 24/2 đến 3/3/2019 tại Wakayama/Osaka cho 12 cán bộ các đơn vị trung ương và địa phương (BQL các dự án lâm nghiệp, Tổng cục Lâm nghiệp và Sở NN&PTNT các tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Lai Châu và Điện Biên).

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng/thực hiện luật lâm nghiệp

- Dự án đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng ấn phẩm giới thiệu Luật lâm nghiệp và các văn bản dưới luật để phổ biến, nâng cao nhận thức của các cán bộ cơ quan trung ương và cấp tỉnh.

Thúc đẩy sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Dự án đã hỗ trợ tổ chức đối thoại song phương giữa Trung tâm giống cây trồng Nhật Bản và Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam nhằm xác định lĩnh vực hợp tác triển vọng.

Thúc đẩy chế biến gỗ chất lượng cao

- Dự án SNRM đã hỗ trợ Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam tổ chức diễn đàn “Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018 - Thành công, bài học kinh nghiệm; giải pháp bứt phá năm 2019” với sự tham gia của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 22/2/2019.
- Trên cơ sở thành quả của diễn đàn này, Dự án SNRM đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp/BQL các dự án lâm nghiệp thực hiện “Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể phát triển ngành chế biến gỗ tại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2030”, làm cơ sở xây dựng một nghị định về chế biến gỗ.

Thúc đẩy đầu tư tư nhân trong lĩnh vực lâm nghiệp

- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật, hành chính cho Công ty Usui Nouchikusan trong hoạt động trồng và chế biến Mạ chà tại Điện Biên.
- Dự án SNRM đã cung cấp dữ liệu cập nhật và tư vấn cho một số doanh nghiệp Nhật Bản đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh (chế biến gỗ, viên gỗ nén) tại Việt Nam.

Đánh giá Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Dựa trên lộ trình thực hiện quốc gia để Việt Nam tham gia Chương trình thí điểm chi trả dựa vào kết quả trong REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), Dự án SNRM, Văn phòng BCD nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Viện điều tra quy hoạch rừng và FAO đã thực hiện một số hoạt động chuẩn bị, ví dụ như tính toán mức phát thải/hấp thụ carbon trong giai đoạn 2014-2018 và chuẩn bị để Quỹ BVPTR Việt Nam có thể gửi đề xuất trở thành Cơ quan được công nhận của GCF.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Với hỗ trợ kỹ thuật của dự án SNRM, tỉnh Quảng Trị hoàn thiện và phê duyệt PRAP.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với FCPF và các nhà tài trợ khác

- Tập huấn giảng viên nguồn đã được tổ chức cho đại diện là cán bộ quản lý của các Cục Kiểm Lâm và Chi cục KL vùng về theo dõi diễn biến rừng nhằm thúc đẩy việc nhân rộng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh trên phạm vi toàn quốc. Khóa tập huấn có sự tham dự của 2 cán bộ Cục kiểm lâm, 4-5 giảng viên nguồn của mỗi Chi cục kiểm lâm vùng và 4 cán bộ của Phòng Dữ liệu Thông tin Tổng hợp thuộc Tổng cục Lâm nghiệp. Khóa tập huấn đã nâng cao năng lực để họ chủ động hỗ trợ nhân rộng hệ thống này ra toàn quốc. (Lưu ý: các lớp tập huấn này được thực hiện trong phạm vi của Hợp phần 2).
- Để chính thức hóa việc sử dụng máy tính bảng và ứng dụng di động, Dự án SNRM đã tổ chức các

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/ Cục Kiểm lâm cũng như FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Việc sử dụng máy tính bảng đã được đưa vào Thông tư số 26 ban hành ngày 15/11/2017 thay thế Chỉ thị số 32 và Quyết định số 78 về theo dõi giám sát diễn biến rừng. Thông tư số 26 được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong đó máy tính bảng vẫn được quy định là một trong những công cụ theo dõi diễn biến rừng.

- Kế hoạch nhân rộng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh trên phạm vi toàn quốc (lộ trình thực hiện) đã được xây dựng và tham vấn với Cục Kiểm lâm.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã hoàn thành thu thập và xử lý số liệu thu thập từ 09 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (VQG Ba Vì, VQG Cát Bà, VQG Bến Én, VQG Kon Ka Kinh, VQG Tràm Chim, KBTTN đất ngập nước Vân Long, KBTTN Sơn Trà, KBTTN đất ngập nước Đồng Rui-Tiên Yên, KBTTN đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng). Hiện số liệu đã được lưu trữ tại hệ thống NBDS.
- Đã tổ chức hội thảo tập huấn xây dựng năng lực theo dõi đa dạng sinh học và quản lý/cập nhật số liệu vào hệ thống NBDS cho các vườn quốc gia, khu bảo tồn và các bên liên quan từ ngày 4-6/3/2019.
- 08 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (VQG Tam Đảo, VQG Cúc Phương, VQG Pù Huống, VQG Lò Gò - Xa Mát, VQG Yok Don, VQG Bùi Gia Mập, VQG U Minh Thượng và KBTTN Đầm Dơi) đã được lựa chọn để thu thập dữ liệu năm 2019.
- Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường (CIED) đã được giao quản lý Hệ thống NBDS; quá trình chuyển giao dữ liệu từ máy chủ Bộ TNMT sang máy chủ CIED đang được thực hiện.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Cuốn Lâm nghiệp Việt Nam để giới thiệu các chính sách, luật, quy định và số liệu mới trong lĩnh vực lâm nghiệp đã được xuất bản vào tháng 3/2019.
- Dự án đã hỗ trợ sắp xếp cho đối thoại song phương đầu tiên giữa Tổng cục lâm nghiệp Nhật Bản và Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam vào ngày 28/6/2019 tại Hà Nội; kết quả đối thoại là cơ sở để xây dựng Biên bản ghi nhớ hợp tác các lĩnh vực cùng quan tâm sẽ được ký kết trong cuộc đối thoại tiếp theo.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Cả 4 tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu) đã được hướng dẫn trước khi tiến hành thu thập và phân tích dữ liệu. Nhóm giám sát của mỗi tỉnh đã tiến hành xác minh thực tế tại một huyện trên địa bàn mỗi tỉnh.
- Cả bốn tỉnh đã hoàn thành việc soạn thảo Báo cáo giám sát PRAP 2018, đã được Sở NN & PTNT phê duyệt và trình UBND tỉnh (Hòa Bình: 15 tháng 3, Sơn La: 20 tháng 5, Điện Biên: 8 tháng 5, Lai Châu: 13 tháng 5).
- Tài liệu Hướng dẫn Giám sát thực hiện PRAP đã được xây dựng làm tài liệu tham khảo để hỗ trợ công tác giám sát thực hiện PRAP những năm tiếp theo.

Các hoạt động thí điểm REDD+

- Tất cả các đề xuất nộp cho Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (gọi tắt là GGP) đã được UBND 4 xã xây dựng, đệ trình và được Đại sứ quán Nhật Bản chính thức phê duyệt vào tháng 3. Công tác xây dựng đã được bắt đầu tiến độ thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra. Dự án đóng vai trò cầu nối giữa UBND xã và Đại sứ quán Nhật Bản cũng như cung cấp thông tin cần thiết.
- Việc giám sát đợt 2 các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được thực hiện ở các xã thí điểm; các lớp tập huấn bổ sung và nguyên vật liệu cần thiết đã được dự án cung cấp cho người dân.

[Quản lý rừng]

- Công tác tuần tra bảo vệ rừng được thực hiện bởi tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản tại các xã mục tiêu.
- Cây giống đã được cung cấp cho người dân tại tỉnh Lai Châu và Điện Biên để trồng rừng bổ sung ở khu vực trồng rừng và các khu vực giáp ranh.
- Đã tổ chức lớp tập huấn bổ sung về trồng rừng và chuyển tham quan học tập về quản lý rừng bền vững trong hệ thống chứng chỉ FSC, bao gồm quản lý rừng trồng, tại tỉnh Hòa Bình.
- Đã giám sát tình hình sinh trưởng của diện tích rừng trồng cây bản địa tại tỉnh Hòa Bình.
- 42% diện tích khoanh nuôi tái sinh tại xã thí điểm ở tỉnh Sơn La đã được nghiệm thu đủ điều kiện chi trả dịch vụ MTR.

[Phát triển sinh kế]

Tỉnh Hòa Bình

- Cục Sở hữu trí tuệ/Bộ Khoa học và Công nghệ đã trao chứng nhận nhãn hiệu “Mật ong Hòa Bình” cho Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hòa Bình. Đây chính là cơ hội để mật ong Thanh Hối dễ tiếp cận hơn với thị trường. Tuy nhiên, độ ẩm của mật ong Thanh Hối hiện cao hơn so với yêu cầu thị trường. Dự án có kế hoạch cung cấp thiết bị hỗ trợ để người dân giảm độ ẩm trong sản phẩm mật ong.

Tỉnh Sơn La

- Đào tạo cho người dân địa phương trồng thảo quả (sa nhân tím) được thực hiện cho tổng số 60 người tham gia tại 4 bản. Những người tham gia này là những hộ trồng cây sa nhân tím bằng nguồn chi trả DVMTR.
- Hội thảo chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm thực hiện thí điểm REDD+ đã được tổ chức ở Sơn La vào tháng 6/2019.

Tỉnh Điện Biên

- 10 hộ ở 5 bản bổ sung đã được dự án hỗ trợ và tập huấn kỹ thuật về nuôi ong.
- Để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm mật ong, nhãn hiệu mật ong đã được thiết kế, in ấn và chuyển đến 40

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

hộ tham gia tại 8 bản (trong đó có 5 bản mới), biển hiệu quảng cáo mật ong cũng đã được thiết kế và lắp đặt tại 3 bản mục tiêu ban đầu.

- Đã mua và cấp cho 1 bản 2 bể chứa cá và máy sục để hỗ trợ người dân bán cá.
- Các vật liệu cần thiết để làm bếp cải tiến được cung cấp cho 90 hộ gia đình tại 10 bản (các hộ gia đình chi trả một phần chi phí và vật liệu làm bếp).

Tỉnh Lai Châu

- Với hỗ trợ bổ sung cho hoạt động nuôi cá, đã tiến hành các hoạt động chuẩn bị cần thiết, bao gồm lựa chọn giảng viên; đưa ra và thống nhất mức đóng góp vào quỹ bản với các hộ nhận hỗ trợ và chuẩn bị tài liệu tập huấn; các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi cá đã được tổ chức ở 2 bản.
- Cung cấp nguyên vật liệu cần thiết cho trồng dưa hấu theo phương pháp dùng màng phủ nông nghiệp cho 11 hộ gia đình (2 bản). Các hộ tham gia đã đóng góp vào quỹ bản.
- Thành lập tổ hợp tác trồng dưa hấu; tổ chức chuyến tham quan học tập tới tổ hợp tác trồng chè gần đó (thị trấn Tân Uyên) với sự tham gia của 2 hộ thành viên trồng dưa hấu và đại diện của Hội Nông dân xã.
- Đã xây dựng Nội quy hoạt động của tổ hợp tác trồng dưa hấu và đã thành lập ban quản lý tổ hợp tác. Hồ sơ thành lập tổ hợp tác trồng dưa được xây dựng và nộp cho UBND xã với sự hỗ trợ từ dự án. UBND xã đã chứng thực hợp đồng cho Tổ hợp tác trồng dưa hấu. Tổ hợp tác bao gồm 9 hộ gia đình trong cùng 1 bản mục tiêu.
- Để thúc đẩy tiêu thụ dưa hấu, dự án hỗ trợ tổ hợp tác thiết kế và in logo sản phẩm dán trên quả dưa, đồng thời hỗ trợ vật liệu để tổ hợp tác xây dựng gian hàng bên đường và bán sản phẩm.
- Đã hoàn thành xây dựng 1 hệ thống biogas

Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Đã tổ chức khóa Tập huấn giảng viên nguồn cho Cục kiểm lâm và các Chi cục kiểm lâm vùng về theo dõi diễn biến rừng nhằm nhân rộng ứng dụng hệ thống ra toàn quốc.
- Hệ thống Google Earth Engine (GEE) với chức năng cảnh báo mất rừng đã được đăng tải trên website của Cục kiểm lâm (<http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn/>)
- Do Thông tư 26 về theo dõi diễn biến rừng đã được thay thế bằng thông tư 33 (33/2018/TT-BNNPTNT), dự án đang tiến hành điều chỉnh các thông số theo dõi diễn biến rừng trên ứng dụng di động. Tuy nhiên, các thông số tương ứng trên hệ thống máy chủ/Ứng dụng TDDBR của FORMIS cũng cần được điều chỉnh tương ứng.

[Hợp phần 3]

Hoạt động liên quan đến BQL khu DTSQ (Tiểu hợp phần 3-1)

- Tổ chức thành công hội nghị lần 7 của BQL Khu DTSQ vào ngày 6/6 với 70 thành viên từ đại diện bộ

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

NN&PTNT, bộ TN&MT, và các nhà tài trợ/các tổ chức quốc tế/NGO như USAID, GIZ, SNV và WWF để chia sẻ kết quả thực hiện của hợp phần 3 với các đại biểu tham dự. Một số đại biểu từ các nhà tài trợ/ đối tác phát triển đã thăm các mô hình chia sẻ lợi ích thành công bao gồm trồng nấm hương ở các thôn.

- Dựa trên kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ, kế hoạch hành động năm 2019, và hướng dẫn về xây dựng/giám sát kế hoạch hành động năm, đã được xây dựng.
- Các đơn vị liên quan trong tỉnh đã hoàn thành công tác chuẩn bị trước khi tiến hành giám sát kết quả thực hiện kế hoạch hành động 2019.

Quản lý hợp tác/ cơ chế chia sẻ lợi ích (CM/BSM) (Tiểu hợp phần 3-2)

- Hội thảo về kết quả và định hướng thực hiện các mô hình QLHT đến khi kết thúc dự án đã được tổ chức vào tháng 1 với sự tham gia của Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Hạt Kiểm lâm huyện, UBND xã, chủ rừng, đại diện trạm kiểm lâm và nhóm tuần tra khu vực chi trả DVMTR. Các đại biểu tham gia nhất trí với định hướng thực hiện các hoạt động QLHT.
- Theo định hướng này, hoạt động QLHT quy mô nhỏ (ví dụ: cải thiện tuần tra diện tích Chi trả DVMTR, sử dụng flycam trong theo dõi diễn biến rừng, xây dựng lại các nhóm tuần tra PFES) đã được kiểm chứng là hiệu quả và phù hợp trong bảo vệ rừng;
- Tiếp tục xây dựng Dự thảo các tài liệu chính sách để áp dụng trên quy mô rộng hơn các hoạt động QLHT và Cơ chế chia sẻ lợi ích tại khu DTSQ sau khi dự án kết thúc.
- Đang xây dựng Tài liệu Hướng dẫn về QLHT, Sinh kế thân thiện với môi trường, diễn đàn QLHT để bổ sung vào các tài liệu chính sách nói trên dựa theo kết quả các hoạt động QLHT.
- Cơ chế chia sẻ lợi ích tiếp tục được áp dụng trong các hoạt động dưới đây:
- Tiếp tục ủ phân hữu cơ từ vỏ hạt cà phê và phân chuồng, đồng thời phối hợp với Sở TNMT, UBND huyện/xã và các công ty tư nhân để áp dụng phương pháp này vào canh tác cà phê. Hoạt động này thực tế đã tăng lợi nhuận của hoạt động trồng cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất. Tổng cộng, 42 người dân/ cán bộ đã tham gia nhiều lớp tập huấn của dự án về ủ phân hữu cơ. Dự án và UBND xã đã kết nối một nhà máy xử lý cà phê với người dân trong thôn mục tiêu, trong đó nhà máy có vai trò cung cấp vỏ hạt cà phê ổn định để người dân thực hiện ủ phân hữu cơ.
- Đa dạng hóa hoạt động canh tác, trong đó hoạt động trồng nấm hương của một số hộ dân cùng các công ty tư nhân đã là một mô hình có nhiều tiềm năng.
- Dựa trên kết quả và tác động tích cực đến sinh kế của người dân và môi trường xung quanh, Diễn đàn Quản lý Hợp tác lần thứ 4 được dự án hỗ trợ tổ chức để các bên liên quan, bao gồm UBND huyện / xã, Sở TNMT, Sở NN&PTNT, người dân và công ty tư nhân, thảo luận khả năng hợp tác mở rộng mô hình ra 39 hộ gia đình (25 hộ ở các thôn mục tiêu) vào cuối năm 2019. Dựa trên kết quả thảo luận tại Diễn đàn, các bên liên quan đã bắt đầu hợp tác mở rộng mô hình trồng nấm hương.
- Dựa trên kết quả của hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 1, các hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 2, bao gồm khóa tập huấn cho 28 hộ dân, đã được các đơn vị liên quan (gồm trung tâm khuyến

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

nông huyện, UBND Huyện/ xã và dự án) phối hợp thực hiện.

- UBND xã, một doanh nghiệp cà phê và thành viên nhóm PFES (cộng đồng) tiếp tục thảo luận và xác định khả năng bán trực tiếp hạt cà phê từ cộng đồng cho doanh nghiệp. Quy trình đăng ký logo cho một số sản phẩm và dịch vụ của khu DTSQ bao gồm nấm hương sẽ sớm được hoàn thành.
- Đã xây dựng chuỗi cung ứng nấm shiitake chất lượng cao để sử dụng các logo đăng ký và tiếp thị sản phẩm với các doanh nghiệp, người tiêu dùng ở tp.HCM, bao gồm các công ty và nhà hàng Nhật Bản. Các tài liệu quảng bá về nấm hương và khu DTSQ LB đã được xây dựng và sử dụng trong các hoạt động marketing/quảng bá sản phẩm.
- Tiếp tục nâng cao năng lực để thực hiện chương trình Giáo dục Môi trường thông qua khóa tập huấn kỹ năng diễn giải cho 18 cán bộ, kiểm lâm viên VQG Bidoup - Núi Bà và người dân cũng như tour thử nghiệm cho 25 học sinh cấp THCS ở Đà Lạt. Đang tiến hành nghiên cứu khả năng cải tạo thử nghiệm 1 ~ 2 nhà khách trong số 15 nhà hiện tại ở VQG để phát triển thêm mô hình giáo dục môi trường trước khi dự án kết thúc.

Giám sát Đa dạng sinh học/ theo dõi diễn biến rừng (Tiểu hợp phần 3-3)

- Giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) đã được thực hiện với 30 máy bẫy ảnh đặt trên 6 tuyến, phát hiện được 19 loài chim, 4 loài thú lớn và 12 loài thú nhỏ. Trong đó, một trong những loài thú lớn được định danh là 'Mang lớn" (Muntiacus vuquangensis) - được phân loại Cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ IUCN. Hiện Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật đang tiến hành thẩm định các loài đã phát hiện.
- Cẩm nang về giám sát đa dạng sinh học cho kiểm lâm của VQG Bidoup - Núi Bà đã được xây dựng và hoàn thành.
- Nhiều lượt tập huấn (mỗi lượt 3 ngày) về quản lý cơ sở dữ liệu các hoạt động chia sẻ lợi ích được thực hiện cho 4 cán bộ kỹ thuật của BQL VQG Bidoup - Núi Bà.
- Đã đánh giá năng lực sử dụng flycam của 15 cán bộ/ kiểm lâm của Bidoup - Núi Bà và ban QL rừng Đa Nhim. Đã hỗ trợ kỹ năng sử dụng flycam trong theo dõi/giám sát cho VQG Phong Nha Kẻ Bàng (khu di sản thiên nhiên thế giới) theo đề nghị hỗ trợ của đơn vị này.
- Dự án hỗ trợ cho các chủ rừng xây dựng dự thảo quy chế sử dụng/quản lý flycam và data-logger.
- Tiếp tục khảo sát theo dõi diễn biến rừng bằng flycam để đánh giá/ kiểm chứng việc thực hiện hợp đồng PFES. (Tổng thời gian: 28 tiếng của VQG Bidoup – Núi Bà và 4 tiếng của BQL rừng phòng hộ Đa Nhim)
- Đã xuất bản cuốn sách giới thiệu về tính đa dạng sinh học của Khu DTSQ Lang-Biang.

[Hợp phần 4]

- Tích hợp thông tin, dữ liệu vào hệ thống FORMIS
- Như đã được đề cập trong phần Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh thuộc Hợp phần 2, các thông số theo dõi diễn biến rừng cần được điều chỉnh do thông tư số 26 đã được thay thế bằng thông tư số 33 (33/2018/TT-BNNPTNT). Hiện nay dự án đang phối hợp với Cục Kiểm lâm và Phòng Dữ liệu Thông tin Tổng hợp thuộc Tổng cục Lâm nghiệp trong quá trình điều chỉnh các thông số này.

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Các hoạt động dự án đã được cập nhật kịp thời trên trang Facebook của dự án và website của BQL các dự án lâm nghiệp.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- Việc thực hiện Mục tiêu “Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên được tăng cường” tương đối hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu này khi Dự án kết thúc.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.
- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.

[Hợp phần 2]

- Như phần 1-1-2, các cuộc họp định kỳ của Ban QLDA tỉnh đã được tổ chức với sự tham gia của cán bộ dự án ở cả 4 tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Như đã nói ở mục 1-1-2, các buổi họp giữa BQL dự án và nhóm tư vấn được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án.
- Nhóm công tác thực hiện cung cấp thông tin để phát triển/ triển khai kế hoạch hành động hàng năm,

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

về phát triển/ triển khai mô hình QLHT bao gồm Cơ chế chia sẻ lợi ích và triển khai giám sát ĐDSH/ theo dõi bằng flycam theo hướng dẫn từ BQL dự án.

- Vốn đối ứng được cấp đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Thường xuyên phối hợp, hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các tổ chức phi Chính phủ đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên, Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạ chà và Quý Bảo vệ Trái đất để xây dựng kế hoạch trồng rừng ở Đà Nẵng.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạ Chà ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạ Chà trong tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạ Chà tại xã Pá Khoang (do Đại học Lâm nghiệp thực hiện).
- Đại sứ quán Nhật Bản đã chính thức phê duyệt Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (gọi tắt là GGP) cho 4 xã thí điểm. Công tác xây dựng đã được bắt đầu tiến độ thực hiện đảm bảo kế hoạch đề ra. Dự án đóng vai trò cầu nối giữa UBND xã và Đại sứ quán Nhật Bản cũng như cung cấp thông tin cần thiết.

[Hợp phần 3]

- Dựa trên kết quả thực hiện thành công mô hình trồng nấm , các bên liên quan như sở NNPTNT, TNMT, UBND Huyện/Xã, cộng đồng, công ty tư nhân và dự án đã phối hợp mở rộng mô hình này, trong đó các bên sử dụng nguồn vốn tự có/vốn hỗ trợ theo biên bản hợp tác tại diễn đàn QLHT lần 4. Chuỗi cung ứng nấm hương chất lượng cao đã được xây dựng để liên kết cộng đồng/ doanh nghiệp

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

với người tiêu dùng ở tp.HCM, bao gồm siêu thị AEON và một chuỗi nhà hàng pizza.

- Giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) đã được thực hiện với 30 máy bẫy ảnh đặt trên 6 tuyến, phát hiện được 19 loài chim, 4 loài thú lớn và 12 loài thú nhỏ. Trong đó, một trong những loài thú lớn được định danh là ‘Mang lớn’ (Muntiacus vuquangensis) - được phân loại Cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ IUCN.
- Thông tin về giám sát/theo dõi bằng flycam được chia sẻ với VQG Phong Nha Kẻ Bàng (khu di sản thiên nhiên thế giới) theo yêu cầu của VQG.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

3 [Hợp phần 3]

Phát triển/ triển khai hệ thống giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH)

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

Hệ thống giám sát ĐDSH được hoàn tất vào cuối năm 2017, tức chậm 4 tháng so với kế hoạch. Sau khi hoàn tất các hoạt động chuẩn bị như xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện khoá tập huấn về giám sát ĐDSH, việc theo dõi ĐDSH được bắt đầu thực hiện vào tháng 6/2018, bao gồm khảo sát cơ sở trên 6 tuyến và ô định vị. Vào tháng 10/2018, hệ thống bẫy ảnh được lắp đặt trên các tuyến trước khi tiến hành thu thập/nghiên cứu dữ liệu vào tháng 4/2019.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

Hệ thống giám sát ĐDSH bị chậm tiến độ xây dựng là do không thể thực hiện các khảo sát thực địa trong cả mùa mưa và mùa khô (mùa mưa kéo dài), đồng thời các bên liên quan chậm gửi ý kiến vào dự thảo các báo cáo. Việc chậm triển khai theo dõi ĐDSH là do cần hoàn tất các nội dung chuẩn bị như xây dựng kế hoạch / hướng dẫn thực hiện giám sát ĐDSH, tổ chức tập huấn về thực hiện ĐDSH cho các kiểm lâm / cán bộ của VQG, lập các ô định vị/6 tuyến ĐDSH theo điều tra cơ bản, đồng thời do UBND tỉnh Lâm Đồng chưa phê duyệt nguồn vốn cho giám sát ĐDSH theo dự toán của BQL VQG Bidoup – Núi Bà.

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

Sau khi thực hiện các hoạt động chuẩn bị cần thiết để giám sát đa dạng sinh học, như chuẩn bị kế hoạch thực hiện / hướng dẫn cho người giám sát, thiết lập ô định vị/tuyến ĐDSH và các khóa tập huấn cho cán bộ/ kiểm lâm VQG về giám sát đa dạng sinh học và quản lý cơ sở dữ liệu, hoạt động giám sát đa dạng sinh học đã được bắt đầu thực hiện vào tháng 6/2018 (với khảo sát cơ bản trên 6 tuyến và 1 ô định vị) và vào tháng 10/2018 (lắp đặt bẫy ảnh trên các tuyến). Sau đó, vào tháng 4/2019, dữ liệu giám sát đã được thu thập/phân tích đã xác định nhiều loài, bao gồm loài Mang lớn.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 3]

BQL VQG Bidoup - Núi Bà chịu trách nhiệm phát triển/ triển khai hệ thống giám sát ĐDSH và báo cáo cho BQL Khu DTSQTG Lang Biang.

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Sau khi được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 không có thay đổi trong giai đoạn báo cáo này.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Sau khi được thông qua tại Hội nghị lần 2 Ban chỉ đạo dự án, ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 3 ngày 1/4/2018 không có thay đổi trong giai đoạn báo cáo này.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Ban Quản lý dự án SNRM trung ương, thuộc Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp và Ban quản lý dự án các tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Lâm Đồng) đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động năm 2019, đồng thời nâng cao năng lực giám sát các hoạt động dự án.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Ông Miyazono Hiroki	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Ông Takahashi Baku	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Bà Saito Eri	13/7/2018 -
4	Điều phối viên chương trình	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Ông Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	1/8/2018-4/8-2018
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki NAMURA	1/8/2018-10/8/2018 21/10/2018 – 16/11/2018 25/2/2019 – 15/3/2019 11/6/2019 – 30/6/2019
3	Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	1/8/2018 – 10/8/2018 1/4/2019 -12/4/2019
4	Phân tích hình ảnh vệ tinh	Ông Haruyoshi Hayashi	14 /4/ 2019 – 27/4/2019
5	Theo dõi diễn biến rừng 1/quỹ độc lập 1/ điều phối viên nhà tài trợ 1	Ông Kei Suzuki	29/7/2018 – 4/8/2018 9/10/2018 – 13/10/2018 14/12/2018 – 19/12/2018 14/3/2019 – 21 /3/2019
6	Theo dõi diễn biến rừng 2/quỹ độc lập 2/ điều phối viên nhà tài trợ 2	Ông Hozumi Hashiguchi	18/9/2018 – 1/10/2018 27/11/2018 – 5/12/2018 21/1/2019 – 25/1/2019

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

7	Theo dõi diễn biến rừng 3/quỹ độc lập 3/ điều phối viên nhà tài trợ 3	Ông Yuki Nakamura	—
8	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	Ông Wataru Yamamoto	29/7/2018 – 7/8/2018 10/11/2018 – 23/11/2018 3 /12/2018 – 19/12/2018 25/2/2019 – 21/3/ 2019 28 /5/2019 – 16 /6/ 2019
9	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	27/7/2018 – 7/8/2018 22/10/2018 – 8/11/2018 23/2/2018 – 9/3/2018
10	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito	1/8/2018 – 14/8/2018 15/10/2018 – 3/11/2018 4/3/2019 – 23/3/2019
11	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1/6/2018 – 30/6/2019
12	Điều phối viên PRAP	Ông Trần Văn Hồ	1/7/2018 – 30/4/2019
13	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1/7/2018 – 30/6/2019
14	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	1/7/2018 – 30/6/2019
15	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1/7/2018 – 30/6/2019
16	Cán bộ phát triển sinh kế - văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Nghiêm Xuân Hùng	1/7/2018 – 31/5/2019
17	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1/7/2018 – 30/6/2019
18	Technical officer (Monitoring on REDD+ Pilot Activity) in Lai Chau	Nguyen Trong Hiep (Mr.)	1/7/2018 – 28/2/2019
19	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Kim Giang	1/7/2018 – 30/9/ 2018
20	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	1/7/2018 – 30/6/2019

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

21	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	1/7/2018 – 30/6/2019
22	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Tuấn Anh	1/7/2018 – 31/5/2019
23	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Nguyễn Thu Huyền	2/7/2018 – 30/6/2019
24	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	1/7/2018 – 30/6/2019
25	Cán bộ quản lý rừng- văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Vũ Văn Tuấn	1/7/2018 – 31/5/2019
26	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	1/7/2018 – 30/6/2019
27	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1/7/2018 – 30/6/2019
28	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1/7/2018 – 5/8/2018 10 /12/2018 –30/6/2019
29	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	1/7/2018 – 30/6/2019
30	Trợ lý hậu cần	Bà Hoàn Thị Nhung	23/7/2018 – 23/12/2018

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

[Hợp phần 3]

STT.	Vị trí	Tên	Thời gian làm việc
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	20 tháng Bảy 2018 – 24 tháng Bảy 2018 25 tháng Bảy 2018 – 24 tháng Tám 2018 5 tháng Mười 2018 – 27 tháng Mười 2018 19 tháng Mười Một 2018 – 9 tháng Mười Hai 2018 5 tháng Ba 2019 – 28 tháng Ba 2019 14 tháng Năm 2019 – 8 tháng Sáu 2019
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	9 tháng Tám 2018 – 17 tháng Tám 2018 11-14, 24-28 Tháng Chín 2018 15-19, 29-31 tháng Mười 2018 6-8, 13-15, 28-30 tháng Mười Một 2018 1, 2, 6, 7 tháng Mười Hai 2018 8, 9, 18-22 tháng Một 2019 4-8, 19-22 tháng Ba 2019 16-19, 25-27 tháng Tư 2019 7-10, 15-17 tháng Năm 2019 7, 11, 12, 27-29 tháng Sáu 2019
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	5 Tháng Chín 2018 – 14 Tháng Chín 2018 23 tháng Sáu 2019 – 30 tháng Sáu 2019
4	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	22 tháng Mười Một 2018 - 13 tháng Mười Hai 2018
5	Điều phối viên/ CM/ PFES/ Giám sát đa dạng sinh học	Ông Takuya Nomura	3 Tháng Chín 2018 – 28 Tháng Chín 2018 5 tháng Mười Một 2018 – 13 tháng Mười Hai 2018 9 tháng Một 2019 – 23 tháng Một 2019 7 tháng Tư 2019 - 20 tháng Tư 2019 11 tháng Năm 2019 – 14 tháng Sáu 2019
6	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	1 tháng Bảy 2018 – 30 Jun 2019
7	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	1 tháng Bảy 2018 – 30 tháng Sáu 2019

Bản giám sát Dự án SNRM Mẫu 3-1 Bản tóm tắt giám sát

STT.	Vị trí	Tên	Thời gian làm việc
8	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	1 tháng Bảy 2018 – 30 tháng Sáu 2019
9	Quản lý văn phòng	Đặng Hoàng Văn Hà	1 tháng Bảy 2018 – 30 tháng Sáu 2019
10	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1 tháng Bảy 2018 – 30 tháng Sáu 2019
11	Tư vấn địa phương CM	Ông Phan Triều Giang	10 Tháng Chín 2010 - 30 tháng Sáu 2019
12	Tư vấn địa phương về lập kế hoạch hành động cho kế hoạch QL BQL khu DTSQ (1)	Ông Đỗ Văn Ngọc	4 Tháng Chín 2018 – 31 tháng Mười Hai 2018
13	Tư vấn địa phương EFLO	Ông Tôn Thất Minh	5 Tháng Chín 2018 – 30 tháng Sáu 2019
14	Tập huấn giáo dục môi trường	Ông Đào Văn Hoàng	7 Tháng Chín 2018 – 13 Tháng Chín 2018
15	Tư vấn địa phương về quảng bá tiếp thị sản phẩm nông nghiệp tiềm năng của khu DTSQ	Ông Phạm Ngọc Minh Quân	10 Tháng Chín 2018 – 28 Feb 2019
16	Tư vấn địa phương về lập kế hoạch hành động cho kế hoạch QL BQL khu DTSQ (2)	Ông Nguyễn Thành Mến	5 tháng Mười 2018 – 31 tháng Mười Hai 2018
17	Tập huấn giám sát ĐDSH (Cá)	Ông Tô Văn Quang	21 Tháng Chín 2018 – 30 Tháng Chín 2018
18	Tập huấn giám sát ĐDSH (Côn trùng)	Ông Nguyễn Thành Trung	21 Tháng Chín 2018 – 30 Tháng Chín 2018
19	Tập huấn giám sát ĐDSH (Chim)	Ông Lê Khắc Quyết	21 Tháng Chín 2018 – 30 Tháng Chín 2018
20	Tập huấn giám sát ĐDSH (Bò sát)	Bà Trần Thị Anh Đào	21 Tháng Chín 2018 – 30 Tháng Chín 2018
21	Tập huấn giám sát ĐDSH (Thực vật)	Ông Lưu Hồng Trường	21 Tháng Chín 2018 – 30 Tháng Chín 2018 13 tháng Năm 2019 – 24 tháng Năm 2019
22	Tập huấn giám sát ĐDSH (Quản lý dữ liệu)	Dang Minh Tri	2 tháng Mười 2018 – 6 tháng Mười 2018 21 tháng Một 2019 – 25 tháng Một 2019
23	Biên tập nội dung và thiết kế sách thông tin về khu DTSQ Lang Biang	Nguyễn Bảo Khánh	1 tháng Năm 2019 – 10 June 2019
24	Định danh (giám sát ĐDSH)	Ông Lê Mạnh Hùng	24 tháng Sáu 2019 – 28 tháng Sáu 2019

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 – Tháng 6/2019)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
 Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 7
Ngày 01/07/2019

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	
Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy. Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan. Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.	1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt). 2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. 3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.	Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng. Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác. Ghi chép về truy cập NBDS	1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững. 2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH . 3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.	Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017. Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017. Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 16/11/2018. Hơn 52.000 bộ dữ liệu về loài từ 27 VGQ/Khu bảo tồn đã được lưu trữ trong NBDS.	

Các hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên đề	
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p> <p>1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.</p> <p>1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.</p> <p>1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.</p> <p>1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)</p> <p>1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.</p> <p>1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)</p> <p>1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.</p> <p>1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.</p> <p>1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.</p> <p>1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chỉ trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu</p> <p>1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.</p> <p>1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.</p> <p>1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.</p> <p>1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.</p> <p>1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.</p> <p>1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội Các chuyên gia ngắn hạn Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> Phương tiện đi lại Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> Các khóa đào tạo ở Nhật Bản Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Các văn phòng DA Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bù đắp ngủ...). Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

Các hoạt động chính	Các tiêu hoạt động	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & biện pháp giải quyết
			NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Đầu ra 1-1: Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.																													
1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng																													
1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.																													
1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.																													
1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.																													
1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.																													
1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).																													
1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.																													
1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.																													
1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.																													
1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.																													
1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).																													

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 - Tháng 6/2019)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 7
 Ngày 01/07/2019

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
 Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	1. Tại các xã thí điểm thuộc bốn (4) tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình), sự thay đổi diện tích rừng thuần túy tăng theo hướng tích cực trong giai đoạn 2015-2020 so với sự thay đổi thuần túy bình quân trong giai đoạn 2010-2015. 2. Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng
Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHD) REDD+ tại tỉnh Điện Biên Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) KHHD REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng đưa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.	1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHD REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều đã được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt. 2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng. 3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm. 4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHD REDD+.	Báo cáo giám sát dự án Báo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh KHHD REDD+ cấp tỉnh	1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+. 2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.	1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHD REDD+. 2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt. 4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.	

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên đề
[Tại tỉnh Điện Biên] 2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh. 2-1-2. Điều chỉnh KHHD REDD+ cấp tỉnh 2-1-2-1. Điều chỉnh KHHD REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHD REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia. 2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức 2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh 2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn. 2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm 2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm. 2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm. 2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm. 2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm 2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm 2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên 2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK). 2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK 2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9. 2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.	Phía Nhật Bản Chuyên gia • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) Thiết bị và máy móc • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác Tập huấn • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam Chuyên gia/tư vấn trong nước • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phiên dịch...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) Chi phí vận hành dự án • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước	PHIA VIETNAM Cán bộ dự án > Trưởng nhóm hợp phần 2 • Lãnh đạo Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT > Ban QLDA cấp tỉnh trực thuộc 4 tỉnh tham gia dự án • UBND tỉnh • Sở NN&PTNT • Các đơn vị/tổ chức liên quan khác Cơ sở tiện ích và thiết bị • Văn phòng dự án • Nội thất văn phòng, cơ sở vật chất và các thiết bị cơ bản trang bị cho văn phòng dự án. • Phòng họp Chi phí vận hành dự án • Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (trưởng, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) • Chi phí vận hành chi cho các khoản như điện/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng • Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác • Các chi phí cần thiết khác

<p>2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/làm thực hiện.</p> <p>2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.</p> <p>2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh</p> <p>2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh</p> <p>2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.</p> <p>2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần</p> <p>2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).</p> <p>2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.</p> <p>2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW</p> <p>2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.</p> <p>2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.</p> <p>2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế</p> <p>2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả</p> <p>2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.</p> <p>2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.</p> <p>2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.</p> <p>[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]</p> <p>2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này</p> <p>2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.</p> <p>2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.</p> <p>2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHD REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch</p> <p>2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các bên liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHD REDD+.</p> <p>2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-13. Hoàn thiện KHHD REDD+ cấp tỉnh</p> <p>2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.</p> <p>2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh</p> <p>2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh</p> <p>2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.</p> <p>2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.</p>			
--	--	--	--

<p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
--	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

Đầu ra 2-2: KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.

<p>[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này</p>																		
<p>2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.</p>																		
<p>2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.</p>										<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>Các thông tin cần thiết đã được thu thập và phân tích</p>					<p>Hoàn thành</p>	
<p>2-2-3. Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>										<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp</p>							
<p>2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.</p>												<p>Các cuộc hội thảo khởi động cấp tỉnh và họp khởi động hợp phần phụ (KHHĐ REDD+ cấp tỉnh, hoạt động thí điểm, Hệ thống TDDBR) đã được tổ chức.</p>					<p>Hoàn thành</p>	
<p>2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p>										<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>Tổ CTKT xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được thành lập</p>					<p>Hoàn thành</p>	
<p>2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh</p>										<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>Lộ trình xây dựng KHHĐ REDD+ đã được thống nhất giữa các bên tại hội thảo khởi động</p>					<p>Hoàn thành</p>	
<p>2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHĐ REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch</p>										<p>Nhóm tư vấn</p>	<p>Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp</p>	<p>HB, SL, LC: khung và mục tiêu của kế hoạch đã được xác định</p>					<p>Hoàn thành</p>	

2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.												Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 803/QĐ-UBND ban hành ngày 20/9/2017. SL: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 2338/QĐ-UBND ban hành ngày 29/8/2017. LC: KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 1052/QĐ-UBND ban hành ngày 13/9/2017.	Hoàn thành
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh												Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 15/3 và đã trình lên UBND tỉnh. SL: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 20/5 và đã trình lên UBND tỉnh. LC: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 13/5 và đã trình lên UBND tỉnh. Hướng dẫn giám sát PRAP đã được xây dựng làm cơ sở tham chiếu hỗ trợ cho công tác giám sát PRAP những năm sau.	Hoàn thành
2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh												Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.													Dựa trên các kết quả của các cuộc họp tham vấn, tiêu chí và dữ liệu liên quan, các xã có tên sau đã được lựa chọn là xã thí điểm Tỉnh Hòa Bình: xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc. Tỉnh Sơn La: xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai. Tỉnh Lai Châu: xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên.	Hoàn thành
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.												CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã thí điểm đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.												CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành

Phụ lục: Tiến độ thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ tại các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án

	2-1-3-10 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-10 (HB, SL, LC) Quản lý rừng	2-1-3-11 (tỉnh Điện Biên) 2-2-4-11 (tỉnh HB, SL, LC) Phát triển sinh kế
Tỉnh Điện Biên	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng hàng tháng đã được thực hiện. - Hội thảo rà soát tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp thôn/bản với nội dung xây dựng kế hoạch và lập báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được tổ chức. - Quy chế bảo vệ và phát triển rừng đã được điều chỉnh cho mỗi bản và được UBND xã phê duyệt. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua các cuộc phỏng vấn Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình đăng ký mở rộng phạm vi hỗ trợ nuôi ong đã được tiến hành và 15 hộ dân thuộc 11 bản đã đưa vào danh sách nhận hỗ trợ - Việc thăm định nuôi ong được tiến hành tại 3 hộ gia đình được đánh giá là hộ tiềm năng được nhận hỗ trợ của dự án.. - Hoạt động marketing cho sản phẩm mật ong đã được đưa ra thảo luận tại cuộc họp với sự tham gia của 24 hộ dân tại ba bản mục tiêu và bản thảo ý tưởng marketing mix (4p: sản phẩm, giá, địa điểm và xúc tiến bán hàng) đã được biên soạn. <p>Nuôi cá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động mua sắm thùng chứa nước cho hoạt động bán cá đã được thảo luận với trưởng bản và hộ gia đình tham gia. <p>Bếp cải tiến (loại bếp áp dụng tại tỉnh Sơn La/Lai Châu)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuôn làm bếp cải tiến đã được sử dụng tại tỉnh Sơn La và Lai Châu do văn phòng dự án tại tỉnh Lai Châu cung cấp và 2 bếp cải tiến (dành cho 2 hộ dân) đã được sản xuất sử dụng khuôn làm bếp này <p>Quyển bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sổ ghi chép các giao dịch sử dụng quỹ bản đã được điều chỉnh và hướng dẫn sử dụng sổ đã được cung cấp cho 12 bản.
Tỉnh Hòa Bình	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng và báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được lập và nộp UBND xã. Hai vụ vi phạm đã bị phát hiện và báo cáo vào tháng 7. - Tập huấn cho 17 thành viên tổ tuần tra rừng cấp thôn/bản đã được tổ chức với các nội dung như: phòng cháy chữa cháy rừng và lập báo cáo. - Dự án cung cấp đồng phục (quần áo và giày) cho 17 thành viên thuộc các tổ tuần tra rừng cấp bản ở xã Thanh Hối. <p>Quản lý rừng cấp bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khóa tập huấn về vận hành Ban quản lý bản và quản lý quỹ bản đã được tổ chức (25 người tham dự). - Quỹ bản được thành lập ở 13 bản với tổng quỹ là 477 triệu đồng. <p>Các nội dung khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đài truyền hình đã quay các hoạt động thí điểm và phát sóng bộ phim tài liệu trên toàn bộ Việt Nam. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Nuôi ong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ nuôi ong với sự hỗ trợ của dự án QLNTNBV đã sản xuất được một lượng lớn sản phẩm mật ong (trung bình khoảng 330 lít/hộ/năm). - Nhãn hiệu sản phẩm mật ong đã được thiết kế và phát cho các hộ nuôi ong do dự án đảm bảo. - Dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật cho các hộ nuôi ong mới tham gia vào hoạt động này của dự án (29 hộ). - Các thành viên trong nhóm sở thích nuôi ong đã họp và thảo luận về quỹ nuôi ong và trao đổi kinh nghiệm nuôi ong <p>Trồng rau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng rau và giám sát sự sinh trưởng của rau <p>Cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây ăn quả. <p>Bếp tiết kiệm củi</p> <ul style="list-style-type: none"> - 201 bếp cải tiến đã được cấp cho 145 hộ dân.
Tỉnh Sơn La	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản (47 người được hỏi và trả lời) - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng và báo cáo tuần tra bảo vệ rừng đã được lập và nộp UBND xã. Không có vi phạm nào được báo cáo (12 bản). - Các bản đồ cảnh báo nguy cơ xói mòn đất cho mỗi bản đã được xây dựng, tập huấn báo vệ rừng đối với các địa điểm đã xảy ra cháy rừng và xói mòn đất đã được tổ chức (145 người tham gia) <p>Tham quan học</p> <ul style="list-style-type: none"> - KfW đã đến thăm địa bàn tỉnh Sơn La và học hỏi các hoạt động của dự án trong đó có quy trình lập kế hoạch cấp bản và lợi ích từ các hoạt động quản lý rừng. 	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản (658 người được hỏi và trả lời). - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Mô hình nông lâm kết hợp và trồng cây ăn quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn về chăm sóc cây ăn quả và cây cà phê (121 người tham gia). <p>Bếp đun cải tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để giảm mức tiêu thụ củi sử dụng trong đun nấu thức ăn chăn nuôi và nấu rượu, dự án đã cho chuyển đến 12 bản những khuôn bếp nấu cải tiến kích thước lớn hơn và đào tạo người dân dùng khuôn để làm bếp (52 người tham gia). <p>Trồng cây sa nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát sự phát triển mạnh của cây sa nhân trồng trong rừng tự nhiên. - Việc khuyến khích trồng sa nhân trong rừng tự nhiên sử dụng quỹ PFES đã được thống nhất với hạt kiểm lâm cấp huyện.
Tỉnh Lai Châu	<p>Xây dựng kế hoạch hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cơ sở đã được thu thập thông qua phỏng vấn với Ban Quản lý thôn/bản và người dân trong bản. - Kế hoạch hành động giai đoạn 2018 - 2020 đã được xây dựng và được UBND xã phê duyệt. <p>Bảo vệ rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuần tra bảo vệ rừng hàng tháng đã được thực hiện 	<p>Nuôi cá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động nuôi cá đã được thực hiện và 48 hộ dân tại 2 bản mục tiêu đã được đưa vào danh sách ứng viên được hỗ trợ. - Việc lập kế hoạch nuôi cá, đánh giá ao nuôi cá, xác định loài cá và số lượng cá cung cấp cho mỗi hộ đã được hoàn thành đối với cá 54 hộ dân tại 2 bản mục tiêu. <p>Trồng dưa hấu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình đăng ký hỗ trợ bổ sung cho hoạt động trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã được thực hiện với 74 hộ dân tại 3 bản được đưa vào danh sách tiềm năng - Tập huấn kỹ thuật trồng dưa hấu sử dụng màng phủ nông nghiệp đã được tổ chức với sự tham gia của 78 người dân tại 3 bản mục tiêu. - 7 hộ gia đình đã đăng ký tham gia trồng dưa hấu sử dụng màng che phủ nông nghiệp đã đóng góp vào quỹ bản. - Liên quan đến hoạt động marketing cho sản phẩm dưa hấu (chủ yếu là dưa hấu được trồng có sử dụng màng phủ nông nghiệp), việc thu thập thông tin về hệ thống chứng nhận sản phẩm đã được tiến hành tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản thuộc Sở NN&PTNT. - Về việc xây dựng tổ hợp tác trồng dưa hấu, một cuộc tham vấn với Chi cục Phát triển Nông thôn thuộc Sở NN&PTNT đã được tổ chức, điều phối giữa UBND xã và hội nông dân đã được tiến hành. - Cuộc họp khởi động tổ hợp tác đã được tổ chức với sự tham dự của nông dân trồng dưa hấu ở các bản mục tiêu và 14 hộ gia đình đã đồng ý tham gia nhóm. <p>Bể khí sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 hầm biogas sinh học đã được lắp đặt theo chương trình hỗ trợ bổ sung của dự án.

Bảng giám sát I (Tháng 1 - tháng 6/2019)**[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]****Thiết kế ma trận**

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng ph

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	N/A
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	N/A
Mục tiêu của Hợp phần Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).	<p>1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang.</p> <p>2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng.</p> <p>4. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan.</p> <p>5. Lộ trình mở rộng khu dự trữ sinh quyển được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển thông qua và trình UBND tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh lân cận phê duyệt.</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.	<p>1. Dữ liệu thu thập được được dùng để quản lý khu DTSQ</p> <p>2. BMS được phát triển và sẵn sàng để triển khai.</p> <p>3. NA</p> <p>4. Kế hoạch triển khai KHQL khu DTSQ được các bên thực hiện.</p> <p>5. NA</p>	NA

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Các cuộc họp của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển đã được tổ chức định kỳ với trên xx % các thành viên tham dự.</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn Quyết định của UBND tỉnh Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>1. Gia tăng sự thông hiểu của các bên liên quan về mục tiêu của Khu DTSQ được tăng cường thông qua các hoạt động của Khu DTSQ, bao gồm hoạt động của CMP. 2. KHQL được thông qua 3. 100 % các tổ chức cấp tỉnh có trong danh sách triển khai thực hiện/ giám sát kết hoạch hành động hàng năm dựa theo KHQL.</p>
<p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BMS do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BBNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Trình công văn</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>1. N/A 2. Nhiều người dân tình nguyện tham gia hoạt động BSM như làm chuồng bò. 3 N/A 4. N/A</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BBNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BBNP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		<p>1. Hệ thống giám sát ĐDSH được phát triển và sẵn sàng để triển khai 2. Hiện trạng rừng được theo dõi và đa dạng sinh học sớm được theo dõi</p>

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.
2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ chức liên quan.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thu thập tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BBNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p> <p>3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> Quản lý hợp tác (CM) Quản lý khu dự trữ sinh quyển Phát triển sinh kế Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học Thiết bị văn phòng (máy photô tô, máy in, máy tính, v.v) Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> Các khóa đào tạo tại Nhật Bản Các khóa đào tạo tại nước thứ ba Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> CM Kế hoạch quản lý BR EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể Marketing CBET Cơ chế tài chính Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) Điều tra cơ bản đa dạng sinh học Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học Giám sát đa dạng sinh học (Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết) <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua Chi phí thuê các chuyên gia trong nước Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác Giám đốc Dự án (Giám đốc BBNBP-MB) Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BBNBP-MB) Các cán bộ của BBNBP-MB Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) DARD (Cán bộ) DONRE (Cán bộ) DOST (Cán bộ) DOCST (Cán bộ) UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) Các cơ sở vật chất và thiết bị khác Ô tô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. Các chi phí cần thiết khác.
<p>3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.</p> <p>3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.</p> <p>3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).</p> <p>3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.</p> <p>3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc bán nhân MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.</p> <p>3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.</p> <p>3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).</p>		<p>1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả phê trên thị trường quốc tế.</p> <p>2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng.</p> <p>3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES.</p> <p>5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt.</p> <p>6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng</p>

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cấm nạng hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cấm nạng hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNBPN vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNBPN-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cấm nạng hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Biểu giám sát II (Tháng 1 - 6/2019)

[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]

Phiên bản 7
Ngày 01/07/2019

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần đa dạng sinh học)

Đầu vào	Năm	VFI	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Giám sát	
			III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Vấn đề	Giải pháp			
Chuyên gia																								CM: 25 tháng LI: 13.8 tháng NPM:3 tháng PFES/C:16.5 tháng ET:9.7 tháng BM:6 tháng				
	Quản lý hợp tác (CM)	KH																										
	Phát triển sinh kế (LI)	TH																										
	Quản lý vườn quốc gia (NPM)	KH																										
	PFES/Điều phối viên (PFES/C)	TH																										
	Du lịch sinh thái (ET)	KH																										
	Giám sát đa dạng sinh học (BM)	TH																										
	Tư vấn trong nước	KH																										
		TH																										
Thiết bị																												
	Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)	KH																										
	Xe máy	TH																										
	Thiết bị theo dõi diễn biến rừng	KH																										
		TH																										
Tập huấn ở Nhật																												
	Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																										
		TH																										
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																								Được thực hiện theo kế hoạch				
	Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																										
		TH																										

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Year	VFI	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Cơ quan chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề & giải pháp
				III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam				
Đầu ra 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																														
3-0-1	Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																									KH	Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
																										TH				
3-0-2	Chuẩn bị báo cáo khởi động.																									KH	Nhóm tư vấn		Không có thông tin	hoàn thành
																										TH				
3-0-3	Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.																									KH	Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
																										TH				
3-0-4	Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước																									KH	Nhóm tư vấn	Ban QLVQGBNB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
																										TH				

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).									
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.				KH		Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Thông qua hội nghị BQL Khu DTSQTG Lang Biang lần 7, đã xây dựng kế hoạch hành động năm 2019 và chia sẻ Hướng dẫn thực hiện chương trình Con người và sinh quyển với BQL Khu DTSQTG Lang Biang và các tổ chức liên quan.	
3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.				KH		Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Kế hoạch hành động năm 2019 của Khu DTSQTG Lang Biang, bao gồm sổ tay lập kế hoạch hành động hàng năm, được hoàn thiện với sự tham gia của các thành viên nhóm công tác và được triển khai bởi các đơn vị liên quan đến Khu DTSQTG Lang Biang.	
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Hoàn thiện chính thức báo cáo giám sát/đánh giá kế hoạch hành động năm 2018. Đã xây dựng và chuẩn bị thực hiện giám sát kế hoạch hành động năm 2019.	
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BBNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.				KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	<p>- Hội thảo đánh giá kết quả và định hướng phát triển mô hình QLHT trong thời gian còn lại của dự án được tổ chức vào tháng 1 với sự tham gia của các bên liên quan như Quý phát triển rừng Tĩnh, huyện, cùng các bên liên quan trong thoả thuận QLHT. Dựa vào định hướng được các bên thống nhất, các hoạt động phát triển mô hình QLHT quy mô nhỏ được thực hiện nhằm kiểm tra/ hoàn thiện hướng dẫn tuần tra BVR cải tiến, bao gồm sử dụng flycam trong tuần tra.</p> <p>- Tiếp tục ủ phân hữu cơ từ vỏ hạt cà phê và phân chuồng, đồng thời phối hợp với Sở TNMT, UBND huyện/xã và các công ty tư nhân để áp dụng phương pháp này vào canh tác cà phê. Hoạt động này thực tế đã tăng lợi nhuận của hoạt động trồng cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất. Tổng cộng, 42 người dân/cán bộ đã tham gia nhiều lớp tập huấn của dự án về ủ phân hữu cơ. Dự án và UBND xã đã kết nối một nhà máy xử lý cà phê với người dân trong thôn mục tiêu, trong đó nhà máy có vai trò cung cấp vỏ hạt cà phê ổn định để người dân thực hiện ủ phân hữu cơ.</p> <p>- Đa dạng hóa hoạt động canh tác, trong đó hoạt động trồng nấm hương của một số hộ dân cùng các công ty tư nhân đã là một mô hình có nhiều tiềm năng. Dựa trên kết quả và tác động tích cực đến sinh kế của người dân và môi trường xung quanh, Diễn đàn Quản lý Hợp tác lần thứ 4 được dự án hỗ trợ tổ chức để các bên liên quan, bao gồm UBND huyện / xã, Sở TNMT, Sở NNPTNT, người dân và công ty tư nhân, thảo luận khả năng hợp tác mở rộng mô hình ra 39 hộ gia đình (25 hộ ở các thôn mục tiêu) vào cuối năm 2019. Dựa trên kết quả thảo luận tại Diễn đàn, các bên liên quan đã bắt đầu hợp tác mở rộng mô hình trồng nấm hương.</p> <p>- Dựa trên kết quả của hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 1, các hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 2, bao gồm khóa tập huấn cho 28 hộ dân, đã được các đơn vị liên quan (gồm trung tâm khuyến nông huyện, UBND Huyện/ xã và dự án) phối hợp thực hiện. - UBND xã, một doanh nghiệp cà phê và thành viên nhóm PFES (cộng đồng) tiếp tục thảo luận và xác định khả năng bán trực tiếp hạt cà phê từ cộng đồng cho doanh nghiệp.</p>	
3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Tiếp tục giám sát hoạt động phát triển mô hình QLHT bao gồm diễn đàn QLHT và hoạt động EFLO. Thực hiện đánh giá các hoạt động trên.	
3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Khóa tập huấn cho cán bộ/ kiểm lâm của các chủ rừng về hoạt động phát triển mô hình QLHT bao gồm EFLO và GDMT được đề cập ở mục 3-2-4 và 3-2-10.	
3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Chỉnh sửa dự thảo sổ tay cải thiện tuần tra BVR. Dự thảo sổ tay triển khai cơ chế chia sẻ lợi ích và diễn đàn QLHT.	
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Dự thảo tài liệu chính sách nhằm áp dụng rộng rãi tại Khu DTSQTG Lang Biang của mô hình QLHT với cơ chế chia sẻ lợi ích sau khi dự án kết thúc.	

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)
 Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác
 Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác
 Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
 Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan
 Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 7
Ngày 01/07/2019

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khác quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		
Đầu ra 4-1 Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)	1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.	Báo cáo của FORMIS		Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 16/11/2018.	
Đầu ra 4-2 Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.	2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.	Báo cáo của Bộ NN & PTNT		Các thành quả của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau như hội thảo, hội nghị, cuộc họp.	
Đầu ra 4-3 Các kết quả của Dự án được công bố.	3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.	Báo cáo của dự án		Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p>Phía Nhật Bản</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>Phía Việt Nam</p> <p>Cán bộ Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p>Chi phí vận hành Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bồi dưỡng ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p> <p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>

Các hoạt động chính	Các tiểu hoạt động	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & giải pháp
			NTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	Nhật Bản	Việt Nam			
Đầu ra 4-1: Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)																													
4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).																													
4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.																													
4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.																													
Đầu ra 4-2: Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.																													
4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.																													
4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.																													
4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.																													
4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.																													

Đầu ra 4-3: Các kết quả của Dự án được công bố.																																								
4-3. Công bố các kết quả của Dự án																																								
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.															KH																			Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Thành quả Dự án được tổng hợp thường xuyên.				
																TH																								
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.															KH																						Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Đã xác định một số phương thức quảng bá như tờ rơi, đăng bài trên tạp chí và Facebook	
																TH																								
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.															KH																						Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN	Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như tờ rơi hoặc tạp chí.	
																TH																								

Thời gian/giai đoạn	KH																										
	TH																										

Kế hoạch giám sát	Năm NTCVN	2015		2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp			
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III										
Giám sát																												
Ban chỉ đạo dự án	KH																											
	TH																											
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	KH																											
	TH																											
Nộp Bản giám sát	KH																											
	TH																											
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																											
	TH																											
Hậu giám sát	KH																											
	TH																											
Các báo cáo/tài liệu																												
	KH																											
	TH																											
Báo cáo tổng kết dự án	KH																											
	TH																											
Quan hệ công chúng																												
	KH																											
	TH																											
	KH																											
	TH																											

Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 8 (Thời gian: tháng 7-12/2019)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/01/2020

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-3 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Sáu (06) chuyên gia Nhật Bản đã thực hiện những công việc được giao theo kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- Mười ba (13) cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện dự án trong giai đoạn báo cáo.

[Hợp phần 3]

- Bốn (04) chuyên gia Nhật Bản tiếp tục tham gia vào các công việc đã được phân công như kế hoạch với những điều chỉnh cần thiết.
- Mười sáu (16) cán bộ dự án và chuyên gia tiếp tục tham gia hoạt động dự án trong giai đoạn này.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.
- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), được chỉ định làm Giám đốc Dự án SNRM.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Phó giám đốc Dự án SNRM.

- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch – kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ xúc tiến các hoạt động liên quan đến xây dựng chính sách lâm nghiệp trong khuôn khổ hỗ trợ của Dự án SNRM, chẳng hạn như việc sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Cục Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các cuộc họp định kỳ hàng tháng của BQLDA với sự tham dự của các chuyên gia Nhật Bản đã được tổ chức ở cả bốn tỉnh để thảo luận và thống nhất kế hoạch thực hiện.
- Vốn đối ứng được phân bổ đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

[Hợp phần 3]

- Các buổi họp giữa PPMU và nhóm Hợp phần 3 bao gồm các chuyên gia Nhật Bản được tổ chức định kỳ để thảo luận các vấn đề trong quá trình triển khai dự án.
- 3 nhóm công tác của BQL khu DTSQ Lang Biang, CM (Quản lý hợp tác) và Đa dạng sinh học do BQL thành lập tiếp tục tham gia hoạt động dự án.
- Vốn đối ứng cấp được phân bổ đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Xem thông tin chi tiết trong Phụ lục 2.

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 1]

- Đang chuẩn bị cho Khóa tập huấn “Quản lý rừng và chứng chỉ rừng” sẽ được tổ chức vào tháng 3/2020 tại Nhật Bản.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Xây dựng và thực hiện luật lâm nghiệp

- Với hỗ trợ của SNRM, TCLN đã xây dựng cuốn sách giới thiệu Luật Lâm nghiệp và các văn bản dưới luật để phổ biến với các đơn vị trung ương và địa phương.
- Dự thảo cuốn sách hỏi đáp đang được xây dựng để giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về Luật và các văn bản hướng dẫn.
- Hội thảo tuyên truyền cho các cán bộ cấp tỉnh để xác định các nội dung còn vướng mắc trong thực

hiện Luật được tổ chức từ ngày 26-28/11/2019 tại Đà Nẵng.

Các quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Nội dung chính của dự thảo Pháp lệnh giống cây trồng sửa đổi đã được lồng ghép vào các văn bản luật như Nghị định và Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Thúc đẩy chế biến gỗ chất lượng cao

- Dự án SNRM đã hỗ trợ Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam tổ chức diễn đàn “Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018 - Thành công, bài học kinh nghiệm; giải pháp bứt phá năm 2019” với sự tham gia của Thủ tướng Chính phủ vào ngày 22/2/2019.
- Trên cơ sở thành quả của diễn đàn này, Dự án SNRM đã hỗ trợ Tổng cục Lâm nghiệp/BQL các dự án lâm nghiệp thực hiện “Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể phát triển ngành chế biến gỗ tại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2030”, làm cơ sở xây dựng một Nghị định về chế biến gỗ.

Thúc đẩy đầu tư tư nhân trong lĩnh vực lâm nghiệp

- SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật, tài chính cho công ty Usui Nouchikusan trong hoạt động trồng, chế biến Mạ chẻ, đồng thời hỗ trợ Sumitomo/ASKUL trong các hoạt động trồng rừng và phát triển sinh kế tại tỉnh Điện Biên.
- Dự án SNRM đã cung cấp dữ liệu cập nhật và tư vấn cho một số doanh nghiệp Nhật Bản đang tìm kiếm cơ hội kinh doanh (chế biến gỗ, viên gỗ nén) tại Việt Nam.
- SNRM hỗ trợ tổ chức phi chính phủ Nhật Bản: Quỹ Bảo vệ trái đất xanh xây dựng đề xuất và tiến hành làm các thủ tục phê duyệt Dự án trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái tại tỉnh Lào Cai.

Thúc đẩy thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Dựa trên lộ trình thực hiện quốc gia để Việt Nam tham gia Chương trình thí điểm chi trả dựa vào kết quả trong REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), Dự án SNRM, Văn phòng BCD nhà nước về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Viện điều tra quy hoạch rừng và FAO đã thực hiện một số hoạt động chuẩn bị, ví dụ như tính toán mức phát thải/hấp thụ carbon trong giai đoạn 2014-2018 và chuẩn bị để Quỹ BVPTTR Việt Nam có thể gửi đề xuất trở thành Cơ quan được công nhận của GCF.
- Đã tính toán kết quả sơ bộ về lượng phát thải/hấp thụ các-bon giai đoạn 2014-2018 để tiếp tục đánh giá và tham vấn với các bên liên quan.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm

ngiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Với hỗ trợ kỹ thuật của dự án SNRM, tỉnh Quảng Trị đã hoàn thiện và phê duyệt PRAP.

Xúc tiến Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) cùng phối hợp với Dự án FCPF và các nhà tài trợ khác

- Khóa tập huấn giảng viên nguồn (ToT) dành cho các cán bộ quản lý Cục Kiểm lâm và Chi cục Kiểm lâm vùng đã được tổ chức nhằm thúc đẩy việc nhân rộng hệ thống PFMS trên toàn quốc. Khóa tập huấn có sự tham dự của 02 cán bộ quản lý Cục Kiểm lâm, 4-5 giảng viên nguồn về hệ thống theo dõi diễn biến rừng thuộc Chi cục Kiểm lâm vùng cùng 4 cán bộ của Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Tổng hợp. Họ đã sẵn sàng nhân rộng hệ thống này ra toàn quốc. (Lưu ý: các lớp tập huấn này được tổ chức trong phạm vi của Hợp phần 2).
- Để chính thức hóa việc sử dụng thí điểm máy tính bảng và ứng dụng di động cho các đơn vị, Dự án SNRM đã tổ chức các cuộc họp với Tổng cục Lâm nghiệp/Cục Kiểm lâm cùng với FORMIS II, FCPF, UN-REDD II và VFD. Việc sử dụng máy tính bảng được quy định tại Thông tư số 26 ban hành ngày 15/11/2017 thay thế Chỉ thị số 32 và Quyết định số 78 về theo dõi diễn biến tài nguyên rừng. Thông tư số 26 được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành ngày 16/11/2018 trong đó có đề cập đến việc sử dụng máy tính bảng.
- Để tăng cường công tác theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh, Cục Kiểm lâm đã tổ chức một hội thảo với sự tham gia của cán bộ Cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm vùng và 17 Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh (bao gồm Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Kan, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận, và Cà Mau) và Trung tâm Thông tin và Dữ liệu Tổng hợp. (Lưu ý: hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp trong phạm vi Hợp phần 2.)
- Các tỉnh gồm Phú Yên và một phần tỉnh Bắc Giang đã cài đặt Hệ thống Theo dõi Diễn biến Tài nguyên rừng cấp tỉnh. (Lưu ý: các lớp tập huấn này được tổ chức trong phạm vi Hợp phần 2.)

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- 08 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (VQG Tam Đảo, VQG Cúc Phương, VQG Pù Huống, VQG Lò Gò - Xa Mát, VQG Yok Don, VQG Bù Gia Mập, VQG U Minh Thượng và KBTTN Đầm Dơi) đã được lựa chọn để thu thập dữ liệu năm 2019. Việc thu thập dữ liệu đã được hoàn thành tại 6/8 VQG/KBT với gần 3.000 bộ dữ liệu mới thu thập.
- Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường (CIED) đã được giao quản lý Hệ thống NBDS; quá trình chuyển giao dữ liệu từ máy chủ Bộ TNMT sang máy chủ CIED đang được thực hiện. Việc chuyển giao dữ liệu sẽ mất nhiều tháng để hoàn thành.

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Dự án đã hỗ trợ sắp xếp cho đối thoại song phương đầu tiên giữa Tổng cục lâm nghiệp Nhật Bản và Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam vào ngày 28/6/2019 tại Hà Nội cũng như các hoạt động tiếp nối sau đối thoại; kết quả đối thoại là cơ sở để xây dựng Biên bản ghi nhớ hợp tác các lĩnh vực cùng quan

tâm sẽ được ký kết trong cuộc đối thoại tiếp theo.

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Đã hoàn thành.

Hoạt động thí điểm của REDD +

- UBND các xã mục tiêu đã nhận được sự hỗ trợ từ Dự án Viện trợ An ninh Con người cấp Cơ sở. (Hòa Bình: Xã Thanh Hối với Hệ thống cấp nước, Sơn La: Xã Mường Giôn với cơ sở vật chất trường nội trú dân tộc thiểu số, Điện Biên: Xã Pá Khoang với Đường nông thôn, Lai Châu: xã Phúc Khoa với Hệ thống cấp nước.)
- Công tác giám sát các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được thực hiện tại mỗi xã mục tiêu để cập nhật các kết quả thực hiện hoạt động cũng như các vấn đề phát sinh cần giải quyết để nâng cao hơn nữa kết quả thực hiện.
- Các mô hình thực tiễn tốt về quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được tổng hợp.
- Tại Hội thảo do trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức, dự án đã chia sẻ kết quả về các hoạt động thí điểm REDD+.

[Quản lý rừng]

- Đã sử dụng 7.250 cây giống để trồng bổ sung ở tỉnh Điện Biên
- Tập huấn bổ sung gồm: hoạt động tham quan học tập và cung cấp các thiết bị cần thiết cho Tổ tuần tra rừng cấp bản đã được thực hiện.
- Các Tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản đã tuần tra định kỳ diện tích rừng cộng đồng và đã phát hiện một số trường hợp chuyển đổi đất lâm nghiệp thành đất nông nghiệp, khai thác rừng trái phép và một số vụ cháy rừng. (Hòa Bình: 0 vụ, Sơn La: một số vụ nhưng không nghiêm trọng, Điện Biên: 18 vụ, Lai Châu: 3 vụ.) trong năm 2019.

[Phát triển sinh kế]

- Hướng dẫn kỹ thuật và cung cấp vật liệu làm bếp đun cải tiến cho người dân (tỉnh Điện Biên).
- Đã xây dựng và tập huấn sử dụng Mẫu sổ sách kế toán mới cho Quý Bản (tỉnh Điện Biên).
- Thúc đẩy hoạt động tiếp thị sản phẩm mật ong, đặc biệt trong việc dán nhãn và đóng gói sản phẩm mật ong. Nhóm sản xuất mật ong đã mua máy khử nước để nâng cao chất lượng mật ong (tỉnh Hòa Bình.)
- Đã tổ chức tập huấn bổ sung về trồng cây ăn quả và trồng dưa hấu, kèm cung cấp hạt giống và vật tư trồng dưa cho người dân và hỗ trợ đưa sản phẩm ra thị trường. Thúc đẩy thành lập nhóm hộ trồng

đưa hầu để nhân rộng mô hình thực tiễn tốt và nâng cao giá trị sản phẩm (tỉnh Lai Châu).

- Đã tập huấn kỹ thuật nuôi cá và cung cấp cá giống cho các hộ dân (tỉnh Lai Châu).
- Đã tập huấn trồng rau thương phẩm cho người dân và thúc đẩy thành lập nhóm hộ trồng rau cũng (tỉnh Lai Châu).

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Hệ thống Google Earth Engine dùng cho việc phát hiện các khu vực mất rừng đã được đưa lên website của Cục Kiểm lâm (<http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn/>)
- Báo cáo diễn biến tài nguyên rừng hàng năm đã được Chi Cục Kiểm lâm các tỉnh tham gia sử dụng hệ thống gửi lên Cục Kiểm lâm dưới sự hỗ trợ của Dự án.
- Một công cụ hỗ trợ đồng bộ dữ liệu giữa máy chủ FORMIS trung ương và dữ liệu của các tỉnh đã được xây dựng phối hợp với Cục Kiểm lâm. Công cụ này được tối ưu hóa cho hoạt động báo cáo diễn biến tài nguyên rừng hàng năm.
- Do thông tư 26 về theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thay thế bằng thông tư 33 (33/2018/TT-BNNPTNT), trong đó quy định phương pháp theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, việc điều chỉnh một số tham số theo dõi trên Ứng dụng di động cũng cần được điều chỉnh. Tuy nhiên, việc điều chỉnh này cần được thực hiện đồng nhất với các tham số trên máy chủ và Ứng dụng Desktop/Web của FORMIS để có thể nhận dữ liệu về diễn biến tài nguyên rừng gửi lên từ địa phương.
- Tổng cục Lâm nghiệp đang tiến hành các thủ tục hành chính để tiếp nhận Ứng dụng di động, thiết bị từ dự án SNRM.

[Hợp phần 3]

Hoạt động liên quan đến BQL khu DTSQ (Tiểu hợp phần 3-1)

- Tổ chức thành công hội nghị lần 8 của BQL Khu DTSQ vào ngày 7/11 với 50 đại biểu là đại diện bộ NN&PTNT, bộ TN&MT, chuyên gia JICA và các nhà tài trợ/ tổ chức quốc tế/NGO/ trường Đại học Đà Lạt để chia sẻ kết quả thực hiện hoạt động Bảo tồn đa dạng sinh học chính trong Khu DTSQTG Lang Biang của hợp phần 3 với các đại biểu tham dự.
- Dựa trên kế hoạch quản lý 5 năm của khu DTSQ, kế hoạch hành động năm 2019, và hướng dẫn về xây dựng/giám sát kế hoạch hành động hàng năm đã được triển khai bởi các tổ chức cấp tỉnh có liên quan.
- Việc triển khai Kế hoạch Quản lý bao gồm xây dựng/ triển khai KHHĐ năm 2019 được giám sát chặt chẽ thông qua các buổi họp định kì với thành viên nhóm Công tác của các tổ chức cấp tỉnh có liên quan. Dự thảo báo cáo đánh giá xây dựng/ triển khai KHHĐ năm 2019 đã hoàn tất.

- Chuẩn bị thực hiện Hội thảo chia sẻ thông tin/ Tập huấn kĩ thuật tổ chức vào ngày 25 và 26 tháng 3 năm 2020 để chia sẻ kĩ thuật/ hệ thống mà HP3 đã xây dựng với BQL các VQG/KBT tại các tỉnh lân cận và các khu DTSQTG tại Việt Nam.
-

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (CM/BSM) (Tiểu hợp phần 3-2)

- Dựa trên kết quả hội thảo giữa các bên liên quan đã tổ chức vào tháng 1 về định hướng QLHT đến khi dự án kết thúc, các hoạt động thỏa thuận QLHT quy mô nhỏ, hiệu quả và thích hợp để bảo vệ rừng đã được triển khai để hoàn thiện sổ tay hoạt động liên quan đến TTQLHT như giám sát rừng bằng flycam, tái cấu trúc nhóm QLTVR và phân định ranh giới khu vực TTQLHT.
- Tiếp tục xây dựng Dự thảo các tài liệu chính sách để mở rộng các hoạt động QLHT và Cơ chế chia sẻ lợi ích tại khu DTSQ sau khi dự án kết thúc.
- Tiếp tục giám sát và đánh giá hoạt động EFLO bao gồm diễn đàn QLHT để tổng hợp vào dự thảo báo cáo đánh giá.
- Cơ chế chia sẻ lợi ích tiếp tục được áp dụng trong các hoạt động dưới đây:

- Tiếp tục ủ phân hữu cơ từ vỏ hạt cà phê và phân chuồng, đồng thời phối hợp với Sở TNMT, UBND huyện/xã và các công ty tư nhân để áp dụng phương pháp này vào canh tác cà phê. Hoạt động này thực tế đã tăng lợi nhuận của hoạt động trồng cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất. Tiếp tục cung cấp vỏ cà phê cho người dân từ quy trình sản xuất của nhà máy theo thỏa thuận kinh doanh được ký kết với sự hỗ trợ của HP3.
- Dựa trên kết quả và tác động tích cực đến sinh kế của người dân và môi trường xung quanh, Diễn đàn Quản lý Hợp tác lần thứ 4 được dự án hỗ trợ tổ chức để các bên liên quan, bao gồm UBND huyện / xã, Sở TNMT, Sở NNPTNT, người dân và công ty tư nhân, thảo luận khả năng hợp tác mở rộng mô hình sản xuất nắm qua các hoạt động tập huấn và cung cấp thiết bị trồng nắm cho người dân nhằm cải thiện chất lượng quy trình.
- Dựa trên kết quả của hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 1, các hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 2, bao gồm khóa tập huấn cho 28 hộ dân, đã được các đơn vị liên quan (gồm trung tâm khuyến nông huyện, UBND Huyện/ xã và dự án) phối hợp thực hiện.
- UBND xã, một doanh nghiệp cà phê và thành viên nhóm PFES (cộng đồng) có thể thỏa thuận việc bán trực tiếp hạt cà phê từ cộng đồng cho doanh nghiệp.
- Chứng nhận thương hiệu đã được Cục SHTT cấp và sẽ được sử dụng nhằm quảng bá các sản phẩm địa phương như nắm hương và hoạt động du lịch tại Khu DTSQTG lang Biang.
- Đã xây dựng chuỗi cung ứng nắm hương chất lượng cao để sử dụng các logo đăng ký và tiếp thị sản phẩm với các doanh nghiệp, người tiêu dùng ở tp.HCM, bao gồm các công ty và nhà hàng Nhật Bản. Các tài liệu quảng bá về nắm hương và khu DTSQ LB đã được xây dựng và sử dụng trong các hoạt động marketing/quảng bá sản phẩm tại HCM như hội chợ tại siêu thị AEON và nhà hàng 4P's.
- Tiếp tục thực hiện chương trình GDMT thử nghiệm cho đối tượng học sinh cấp 2 dựa vào những

sản phẩm đã được cải thiện với mục đích thương mại. Tăng cường năng lực, kĩ năng diễn giải cho cán bộ, kiểm lâm viên và hướng dẫn viên cộng đồng. Nhằm cải thiện kết quả của hoạt động giáo dục môi trường, dự án đã thực hiện các hoạt động như cải tạo nhà nghỉ, lắp đặt lều và hệ thống lọc nước tại VQG.

Giám sát Đa dạng sinh học/ theo dõi diễn biến rừng (Tiểu hợp phần 3-3)

- Giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) lần 2 đã được thực hiện với 35 máy bay ảnh đặt trên 6 tuyến, phát hiện được 13 loài chim, 3 loài thú lớn và 9 loài thú nhỏ. Giám sát ĐDSH lần 3 được thực hiện với máy bay ảnh. Dữ liệu thu được hiện đang được định danh.
- Dữ liệu về một loài rắn được thu lại trong đợt khảo sát ĐDSH cơ bản năm 2017 được tìm thấy có khả năng là loài mới. Thông tin đang được xác nhận.
- Tiếp tục cung cấp thông tin thu được từ khảo sát ĐDSH năm 2016-2017 và các hoạt động giám sát đa dạng sinh học năm 2018-2019 cho bộ NN&PTNT và HTDL ĐDSH QG thông qua các chuyên gia dài hạn.
- Sổ tay giám sát đa dạng sinh học đã được điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của kiểm lâm viên tại VQG và đang được in.
- Khóa tập huấn quản lý CSDL về dữ liệu được thu thập thông qua triển khai giám sát ĐDSH, cơ sở dữ liệu đám mây dựa vào quản lý CSDL cho các hoạt động tuần tra rừng và các hoạt động giám sát bằng flycam tiếp tục được thực hiện bởi kiểm lâm viên và cán bộ của VQG
- Cán bộ/ kiểm lâm viên được tập huấn của các chủ rừng thực hiện giám sát rừng bằng drone để phát hiện sớm các thay đổi sử dụng đất rừng và kiểm tra tính hiệu quả của hợp đồng giao khoán.

[Hợp phần 4]

Tích hợp thông tin/dữ liệu vào FORMIS

- FORMIS và Ứng dụng di động đã được đồng bộ về mặt kỹ thuật. Dữ liệu theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thu thập bằng máy tính bảng thông qua Ứng dụng di động đã được gửi về máy chủ FORMIS. Dự án SNRM sẵn sàng bàn giao Ứng dụng di động cho Tổng cục Lâm nghiệp/Cục Kiểm lâm.

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Các hoạt động dự án đã được cập nhật kịp thời trên trang Facebook của dự án và website của BQL các dự án lâm nghiệp.

- Thông tin cơ bản, kết quả hoạt động và bài học kinh nghiệm được chia sẻ tại các sự kiện, hội thảo khác nhau, bao gồm hội thảo quốc tế nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập trường Đại học lâm nghiệp (12-13/11/2019).

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- Việc thực hiện Mục tiêu “Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên được tăng cường” tương đối hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu này khi Dự án kết thúc.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.
- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.

[Hợp phần 2]

- Như phần 1-1-2, các cuộc họp định kỳ của Ban QLDA tỉnh đã được tổ chức với sự tham gia của cán bộ dự án ở cả 4 tỉnh.

[Hợp phần 3]

- Như đã nói ở mục 1-1-2, các buổi họp giữa BQL dự án và nhóm tư vấn được tổ chức thường xuyên để thảo luận các vấn đề liên quan đến hoạt động dự án.
- Nhóm công tác thực hiện cung cấp thông tin để phát triển/ triển khai kế hoạch hành động hàng năm, về phát triển/ triển khai mô hình QLHT bao gồm Cơ chế chia sẻ lợi ích và triển khai giám sát ĐDSH/ theo dõi bằng flycam theo hướng dẫn từ BQL dự án.
- Vốn đối ứng được cấp đầy đủ cho các hoạt động của dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Thường xuyên phối hợp, hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các Chương trình/ Dự án đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên, Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạy chẻ và Quỹ Bảo vệ Trái đất xanh để xây dựng kế hoạch trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái ở tỉnh Lào Cai.

[Hợp phần 2]

- Các hoạt động thí điểm REDD+ của tiểu hợp phần được phối hợp thực hiện với một doanh nghiệp Nhật Bản nhằm giới thiệu hoạt động trồng cây Mạy Chẻ ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Dự án đã tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạy Chẻ tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạy Chẻ tại xã Pá Khoang (theo hợp đồng với Trường Đại học Lâm nghiệp).
- Đại sứ quán Nhật Bản đã chính thức phê duyệt Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (gọi tắt là GGP) cho 4 xã thí điểm. Công tác xây dựng đã được hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Dự án đóng vai trò cầu nối giữa UBND xã và Đại sứ quán Nhật Bản cũng như cung cấp thông tin cần thiết.

[Hợp phần 3]

- Dựa trên kết quả thực hiện thành công mô hình trồng nấm các bên liên quan như sở NNPTNT, TNMT, UBND Huyện/Xã, cộng đồng, công ty tư nhân và dự án đã phối hợp mở rộng mô hình này, trong đó các bên sử dụng nguồn vốn tự có/vốn hỗ trợ theo biên bản hợp tác tại diễn đàn QLHT lần 4. Chuỗi cung ứng nấm hương chất lượng cao đã được xây dựng để liên kết cộng đồng/ doanh nghiệp với người tiêu dùng ở tp.HCM, bao gồm siêu thị AEON và một chuỗi nhà hàng pizza.
- Từ hiệu quả tích cực và kết quả tốt từ hoạt động cải thiện chuồng bò được thực hiện theo diễn đàn QLHT lần 2, công việc hợp tác khác giữa các bên liên quan được thực hiện với sự dẫn dắt của UBND huyện để mở rộng hoạt động cải thiện chuồng bò

- Giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) đã được thực hiện với 35 máy bẫy ảnh đặt trên 6 tuyến và ô vĩnh viễn. Trong đó, một trong những loài thú lớn được định danh là ‘Mang lớn” (Muntiacus vuquangensis) - được phân loại Cực kỳ nguy cấp trong sách đỏ IUCN. Dự án Leibniz đã thực hiện khảo sát loài mang lớn ở khu DTSQTG Langbiang. Hơn thế nữa, loài rắn được phát hiện trong đợt khảo sát ĐDSH cơ bản năm 2017 có khả năng là loài mới. Thông tin đang được xác nhận.
- Thông tin về giám sát/theo dõi bằng flycam được chia sẻ với dự án “Phát triển và phổ biến hệ thống sản xuất bền vững” của JICA tại VQG Phong Nha Kẻ Bàng (khu di sản thiên nhiên thế giới).

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

[Hợp phần 1 và 4]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 1 và 4]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo

[Hợp phần 3]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 1 và 4]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 1 và 4]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 2]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

[Hợp phần 3]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 3]

- Không áp dụng trong kỳ báo cáo

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 4 được thông qua tại Hội nghị tổng kết năm 2019 ngày 17/12/2019.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản 4 được thông qua tại Hội nghị tổng kết năm 2019 ngày 17/12/2019.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Ban Quản lý dự án SNRM trung ương, thuộc Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp và Ban quản lý dự án các tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Lâm Đồng) đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động năm 2019, đồng thời nâng cao năng lực giám sát các hoạt động dự án.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Ông Miyazono Hiroki	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Ông Takahashi Baku	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Bà Saito Eri	13/7/2018 -
4	Điều phối viên chương trình	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Ông Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	1/8/2018-4/8-2018
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki Namura	1/8/2018-10/8/2018 29/10/2018 – 16/11/2018 25/2/2019 – 15/3/2019 11/6/2019 – 05/07/2019 16/12/2019 – 17/12/2019
3	Xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	1/8/2018 – 10/8/2018 1/4/2019 -12/4/2019
4	Phân tích hình ảnh vệ tinh	Ông Haruyoshi Hayashi	14/4/ 2019 – 27/4/2019
5	Theo dõi diễn biến rừng 1/quỹ độc lập 1/ điều phối viên nhà tài trợ 1	Ông Kei Suzuki	29/7/2018 – 4/8/2018 9/10/2018 – 13/10/2018 14/12/2018 – 19/12/2018 14/3/2019 – 21 /3/2019 10/07/2019 – 13/07/2019
6	Theo dõi diễn biến rừng 2/quỹ độc lập 2/ điều phối viên nhà tài trợ 2	Ông Hozumi Hashiguchi	18/9/2018 – 1/10/2018 27/11/2018 – 5/12/2018 21/1/2019 – 25/1/2019 26/08/2019 – 6/9/2019 07/10/2019 – 10/10/2019

			27/11/2019 – 20/12/2019
7	Theo dõi diễn biến rừng 3/quỹ độc lập 3/ điều phối viên nhà tài trợ 3	Ông Yuki Nakamura	–
8	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	Ông Wataru Yamamoto	29/7/2018 – 7/8/2018 10/11/2018 – 23/11/2018 3 /12/2018 – 19/12/2018 25/2/2019 – 21/3/ 2019 28 /5/2019 – 16 /6/ 2019 1/11/2019 – 16/11/2019
9	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	27/7/2018 – 7/8/2018 22/10/2018 – 8/11/2018 23/2/2018 – 9/3/2018 08/07/2019 – 29/07/2019 11/11/2019 – 3/12/2018
10	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito Ông Daisuke Yumiyama	1/8/2018 – 14/8/2018 15/10/2018 – 3/11/2018 4/3/2019 – 23/3/2019 06/08/2019 – 23/08/2019 28/10/2019 – 16/11/2019
11	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1/6/2018 – 31/12/2019
12	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1/7/2018 – 31/12/2019
13	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	1/7/2018 – 31/12/2019
14	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1/7/2018 – 31/12/2019
15	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1/7/2018 – 31/12/2019
16	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	1/7/2018 – 31/12/2019
17	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	1/7/2018 – 31/12/2019

18	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Nguyễn Thu Huyền	2/7/2018 – 31/12/2019
19	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	1/7/2018 – 31/12/2019
20	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	1/7/2018 – 31/12/2019
21	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1/7/2018 – 31/12/2019
22	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1/7/2018 – 31/12/2019
23	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	1/7/2018 – 31/12/2019

[Hợp phần 3]

STT.	Vị trí	Tên	Thời gian làm việc
1	Quản lý hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	20/07/2018 – 24/07/2018 25/07/2018 – 24/08/2018 5/10/2018 – 27/10/2018 19/11/2018 – 9/12/2018 5/3/2019 – 28/3/2019 14/5/2019 – 8/6/2019 8/7/2019 – 27/7/2019 18/9/2019 – 5/10/2019 30/10/2019 – 22/11/2019
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	9/8/2018 – 17/8/2018 11-14, 24-28/9/2018 15-19, 29-31/10/2018 6-8, 13-15, 28-30/11/2018 1, 2, 6, 7/12/2018 8, 9, 18-22/1/2019 4-8, 19-22/3/2019 16-19, 25-27/4/2019 7-10, 15-17/5/2019 7, 11, 12, 27-29/6/2019 4,5,22-24,31/7/2019 1-3, 14-15, 26-30/8/2019 5,6,11-13, 16-18/9/2019 1-3,7-9, 21-25/10/2019 13-15, 20-21, 27-29/11/2019
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	5/9/2018 – 14/9/2018 23/6/2019 – 6/7/2019 10/9/2019 – 23/9/2019 11/11/2019 – 20/11/2019
4	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	22/11/2018 – 13/12/2018
5	Điều phối viên/ CM/ PFES/ Giám sát đa dạng sinh học	Ông Takuya Nomura	3/9/2018 – 28/9/2018 5/11/2018 – 13/12/2018 9/1/2019 – 23/1/2019 7/4/2019 – 20/4/2019 11/5/2019 – 14/6/2019 13/8/2019 – 27/8/2019 24/10/2019 – 14/11/2019
6	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	1/7/2018 – 31/12/2019
7	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	1/7/2018 – 31/12/2019
8	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	1/7/2018 – 31/12/2019
9	Quản lý văn phòng	Đặng Hoàng Vân Hà	1/7/2018 – 31/12/2019
10	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/7/2018 – 31/12/2019

STT.	Vị trí	Tên	Thời gian làm việc
11	Tư vấn địa phương CM	Ông Phan Triều Giang	10/9/2010 – 31/8/2019
12	Tư vấn địa phương EFLO	Ông Tôn Thất Minh	5/9/2018 – 21/8/2019
13	Tư vấn địa phương về lập kế hoạch hành động cho kế hoạch QL BQL khu DTSQ (2)	Ông Nguyễn Thành Mến	5/10/2019 – 31/12/2019
14	Thiết kế	Ông Nguyễn Đình Quân	30/7/2019 – 31/12/2019
15	Tập huấn kiểm soát chất lượng năm bảo ngư	Bà Trịnh Thị Xuân	16/9/2019 – 17/9/2019
16	Thợ xây để cải tạo nhà nghỉ	Mai Văn Thọ	15/10/2019 – 31/12/2019
17	Thợ sơn để cải tạo nhà nghỉ	Phan Hoài Nhật	15/10/2019 – 31/12/2019
18	Thợ nước để cải tạo nhà nghỉ	Nguyễn Thanh Sơn	15/10/2019 – 31/12/2019
19	Thợ mộc để cải tạo nhà nghỉ	Nguyễn Hiếu Thảo	15/10/2019 – 31/12/2019
20	Tập huấn sử dụng và bảo trì hệ thống lọc nước (1)	Phạm Mai Hưng	11/12/2019 – 19/12/2019
21	Tập huấn sử dụng và bảo trì hệ thống lọc nước (2)	Nguyễn Đình Giang	11/12/2019 – 19/12/2019

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 2]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỷ giá	Giá (Yên)
Thiết bị lưu trữ qua mạng (NAS)	74.580.000-	0,00486-	362.459

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/2019)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)
Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác
Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan cộng tác và các bên liên quan chủ chốt
Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam
Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan
Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 8
Ngày 01/01/2020

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khác	Các phương tiện xác	Giả định quan	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
<u>Mục tiêu của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRB và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN&MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p> <p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p> <p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH.</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>	<p>Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017.</p> <p>Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017.</p> <p>Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 16/11/2018.</p> <p>Hơn 52.000 hồ dữ liệu về loài từ 27 VGQ/Khu bảo tồn đã được lưu trữ trong NBDS.</p>	
--	---	---	--	---	--

Các hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên đề	
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng giải liệu hướng dẫn sản xuất cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p>	<p>PHÍA NHẬT BẢN</p> <p>Chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p>PHÍA VIỆT NAM</p> <p>Cán bộ DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA, Điều Phối viên DA, kế hoạch, kế toán.). • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p>Chi phí vận hành DA</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bù đắp ngủ...). • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<p>1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra - Pháp chế, Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+.</p> <p>3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.</p>

1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Công trình chỉ trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quý Khí hậu xanh

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

Bản giám sát dự án II (Tháng 7 - Tháng 12/2019)

[Hợp phần 1: Hợp phần hỗ trợ chính sách]

Phiên bản số 8

Ngày 01/01/2020

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)

Đầu vào		Năm		2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp	
		NT	CVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Chuyên gia																														
Ông Hiroki Miyazono (Cố vấn trưởng)		KH																												
		TH																												
Ông Baku Takahashi (Cố vấn kỹ thuật về REDD+)		KH																												
		TH																												
Bà Eri Saito (Điều phối viên hành chính/Chuyên gia chính sách) từ tháng 7.2018		KH																												
		TH																												
Các tư vấn Nhật Bản và/hoặc Tư vấn trong nước		KH																												
		TH																												
Thiết bị																														
Phương tiện đi lại cho Văn phòng dự án (tại Hà Nội)		KH																												
		TH																												
Thiết bị văn phòng (Máy tính, máy in, v.v.)		KH																												
		TH																												
Thiết bị cho Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại Thừa Thiên Huế (Máy tính, Máy tính bảng, thiết bị khảo sát hiện trường, v.v)		KH																												
		TH																												
Đào tạo tại Nhật Bản																														
Đào tạo cho các cán bộ đối tác		KH																												
		TH																												
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																														
Đào tạo cho các cán bộ đối tác		KH																												
		TH																												

Các hoạt động chính	Các tiêu hoạt động	Năm	2015		2016				2017				2018				2019				2020			Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & biện pháp giải quyết																																																						
			NT	CVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III			Nhật Bản	Việt Nam																																																				
Đầu ra 1-1: Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.																																																																																	
1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng																																																																																	
1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các qui định liên quan.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PCTT)</td> <td rowspan="2">Đã phân tích và xác định được các vấn đề trong Luật bảo vệ và phát triển rừng</td> <td rowspan="2">Đã hoàn thành</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Đã phân tích và xác định được các vấn đề trong Luật bảo vệ và phát triển rừng	Đã hoàn thành	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Đã phân tích và xác định được các vấn đề trong Luật bảo vệ và phát triển rừng		Đã hoàn thành																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															
1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PCTT)</td> <td rowspan="2">Bảo cáo thuyết minh đề xuất xây dựng luật lâm nghiệp mới đã Bộ Tư pháp phê duyệt.</td> <td rowspan="2">Đã hoàn thành</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Bảo cáo thuyết minh đề xuất xây dựng luật lâm nghiệp mới đã Bộ Tư pháp phê duyệt.	Đã hoàn thành	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Bảo cáo thuyết minh đề xuất xây dựng luật lâm nghiệp mới đã Bộ Tư pháp phê duyệt.		Đã hoàn thành																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															
1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PCTT)</td> <td rowspan="2">Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018</td> <td rowspan="2">Đã hoàn thành</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018	Đã hoàn thành	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018		Đã hoàn thành																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															
1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PCTT)</td> <td rowspan="2">Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018</td> <td rowspan="2">Vấn cần thực hiện các hoạt động tuyên truyền về Luật và các nghị định.</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018	Vấn cần thực hiện các hoạt động tuyên truyền về Luật và các nghị định.	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PCTT)	Nghị định thực hiện một số điều của Luật lâm nghiệp ban hành ngày 16.11.2018		Vấn cần thực hiện các hoạt động tuyên truyền về Luật và các nghị định.																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															
1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quyết định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quyết định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).																																																																																	
1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.																																																																																	
1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PTR)</td> <td rowspan="2">Công việc phân tích đã hoàn thành</td> <td rowspan="2">Hoàn thành.</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Công việc phân tích đã hoàn thành	Hoàn thành.	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Công việc phân tích đã hoàn thành		Hoàn thành.																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															
1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.																																																																																	
<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">KH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> <td rowspan="2">Các chuyên gia dài hạn</td> <td rowspan="2">TCLN (Vụ PTR)</td> <td rowspan="2">Các nội dung chính của dự thảo Pháp lệnh sửa đổi đã được lồng ghép vào Luật lâm nghiệp và các văn bản dưới luật</td> <td rowspan="2">Hoàn thành.</td> </tr> <tr> <td>TH</td> <td colspan="24">[Diagonal lines]</td> </tr> </table>																												KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Các nội dung chính của dự thảo Pháp lệnh sửa đổi đã được lồng ghép vào Luật lâm nghiệp và các văn bản dưới luật	Hoàn thành.	TH	[Diagonal lines]																							
KH	[Diagonal lines]																								Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Các nội dung chính của dự thảo Pháp lệnh sửa đổi đã được lồng ghép vào Luật lâm nghiệp và các văn bản dưới luật		Hoàn thành.																																																				
	TH	[Diagonal lines]																																																																															

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)							
1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.	KH			Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Các thông tin mới nhất đã được phân tích thường xuyên	
1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.	KH			Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật cho VRO bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó có các cuộc hội thảo và hội nghị.	
1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.	KH			Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	NRAP điều chỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt trong tháng 4/2017.	
1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh	KH			Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật tài chính cho TCLN thực hiện các bước hoạt động theo lộ trình quốc gia.	
1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác							
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.	KH			Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	
1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.	KH			Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Đang triển khai áp dụng trên qui mô toàn tỉnh cho 6 tỉnh.	
1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.	KH			Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (Sở NN & PTNT)	Tiếp tục xúc tiến việc áp dụng hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh cùng với Dự án Trường Sơn Xanh	Đã phối hợp với Cục kiểm lâm xây dựng kế hoạch nhân rộng hệ thống TDDBR trên phạm vi toàn quốc.
1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.	KH			Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	SNRM đã hỗ trợ đối thoại chính sách song phương giữa TCLN Việt Nam và TCLN Nhật Bản.	

Thời gian/ Giai đoạn	KH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
	TH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp	
	VTCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Giám sát		[Hatched]																										
Ban chỉ đạo dự án	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Xây dựng Kế hoạch hoạt động chi tiết	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Nội Bản giám sát	KH	[Hatched]																								Đã chuẩn bị báo cáo tiến độ 6 tháng (phiên bản 8)		
	TH	[Hatched]																										
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Hậu giám sát	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Các báo cáo/tài liệu		[Hatched]																										
	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Báo cáo tổng kết dự án	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
Quan hệ công chúng		[Hatched]																										
	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										
	KH	[Hatched]																										
	TH	[Hatched]																										

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/2019)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững à REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 8
 Ngày 01/01/2020

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
 Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giá định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Thúc đẩy công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng và thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoan muối tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 (bỏ thiếu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Báo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng
Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.	1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt. 2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng. 3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm. 4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Biến đổi Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này được sử dụng tại 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.	Báo cáo giám sát dự án Bảo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+. 2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.	1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHĐ REDD+ 2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hằng năm 2016-2017 của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt. 4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Biến đổi Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, các đợt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.	4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là lớp tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy họ cần phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
[Tại tỉnh Điện Biên] 2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.	Phiá Nhật Bản Chuyên gia - Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội - Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 (quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin địa lý (GIS)/hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các bang mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) Thiết bị và máy móc - Ô tô - Xe máy - Phương tiện khác	1. Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+.
2-1-2. Điều chỉnh KHHH REDD+ cấp tỉnh 2-1-2-1. Điều chỉnh KHHH REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/hoặc KHHH REDD+ cấp quốc gia sau đó cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.	Tập huấn - Tập huấn tại Nhật Bản - Tập huấn tại các nước thứ ba - Tập huấn tại Việt Nam	2. Hệ thống chỉ thị DVMTN vẫn được duy trì.
2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHH REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.	Chi phí vận hành dự án - Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (long, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) - Chi phí vận hành chi cho các khoản như đ (lên/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng - Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác - Các chi phí cần thiết khác	3. Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh.
2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHH REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh.	Chi phí vận hành dự án - Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (long, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) - Chi phí vận hành chi cho các khoản như đ (lên/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng - Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác - Các chi phí cần thiết khác	4. Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan.
2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn.	Chi phí vận hành dự án - Ngân sách chi cho nhân sự đối tác tham gia thực hiện các hoạt động của dự án (long, trợ cấp, đi lại trong nước, phòng ở...) - Chi phí vận hành chi cho các khoản như đ (lên/nước và thông tin liên lạc. Chi phí bảo trì/bảo dưỡng ô tô/xe máy, bảo hiểm, xăng - Các chi phí vận hành cần thiết cho việc thực hiện dự án phát sinh từ phía đối tác - Các chi phí cần thiết khác	5. Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đối ứng cần thiết cho việc duy trì các hoạt động Dự án.
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm	Chuyên gia/ tư vấn trong nước - Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phân tích...) - Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...)	6. Các cơ quan hữu quan của tỉnh như sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.
2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.	Chi phí vận hành dự án - Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) - Chi phí thuê chuyên gia/ tư vấn trong nước	
2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.		
2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.		
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm		
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm		
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thực dân viên		
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để bàn thảo việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).		
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK		
2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.		
2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.		
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thực dân viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.		
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.		
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống đối diện biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.		
2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thôn gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW		
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh		
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh		
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.		
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cảm năng vận hành hệ thống TDDBR nếu cần		
2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).		
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.		
2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW		
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.		
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW (Hương Phàng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.		
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế		
2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả		
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.		
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.		
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.		
[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này		
2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.		
2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên - môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.		
2-2-3. Xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh		
2-2-3-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.		
2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh.		
2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHH REDD+ cấp tỉnh		
2-2-3-4. Soạn thảo đề cương KHHH REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch		

<p>2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ cũng như xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tính chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.</p> <p>2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thúc đẩy các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHĐ REDD+.</p> <p>2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-13. Hoàn thiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh.</p> <p>2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh sau đó tỉnh UBND tỉnh phê duyệt chính thức.</p> <p>2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh.</p> <p>2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh</p> <p>2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.</p> <p>2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.</p> <p>2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thôn/dãy ven.</p> <p>2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).</p> <p>2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.</p> <p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thôn/dãy ven/cán bộ khuyến nông/làm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống.</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần.</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
---	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Quỹ Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

Kế hoạch hoạt động dự án (Hợp phần 2)

Phiên bản số 8

Ngày 01/01/2020

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

											Giám sát											
Đầu vào	Năm	2015			2016			2017			2018			2019			2020			Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp
	VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III				
Chuyên gia																			Trưởng nhóm: 9,87 tháng QLRBV: 39,8 tháng KHHH REDD+ cấp tỉnh: 12,34 tháng PTAVT/HTTTĐL: 8 tháng QLR: 28,33 tháng PTSK: 33,66 tháng			
Trưởng nhóm	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Quản lý Rừng Bền vững	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
REDD+/KHHH REDD+ cấp tỉnh	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Phân tích hình ảnh vệ tinh/ hệ thống thông tin địa lý	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Theo dõi diễn biến rừng	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Phát triển sinh kế	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Tư vấn trong nước	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Thiết bị																						
Thiết bị (máy tính, máy in, máy photo, thiết bị điều tra quản lý rừng)	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Xe ô tô cho ba tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Xe máy cho bốn tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình, Điện Biên	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Tập huấn tại Nhật Bản																						
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
Tập huấn trong nước/tại quốc gia thứ ba																						
Tập huấn cho nhân sự của đối tác	Kế hoạch																					
	Thực tế																					
																		Sẽ được thực hiện theo từng thời điểm				

Hoạt động	CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ	Năm		2015				2016				2017				2018				2019				2020				Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện		Thành tựu	Vấn đề và biện pháp giải quyết
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Việt Nam						
																										Nhật Bản	Việt Nam				
Dấu ra 2-1: Nâng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên																															
[Tại tỉnh Điện Biên]																															
2-1-1. Thành lập Ban Quản Lý Dự Án cấp tỉnh.		Kế hoạch																											Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh chính thức được thành lập vào ngày 23/1/2017.	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh		Kế hoạch																													
		Thực tế																													
2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và/học KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia.		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ cấp tỉnh được hoàn thiện sau khi xem xét bổ sung các ý kiến nhận xét chính thức của các bên liên quan.	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	KHHĐ REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định 732/QĐ-UBND ban hành ngày 21/8/2017.	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHĐ REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Điện Biên: Báo cáo Giám sát PRAP 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào tháng 5 và trình lên UBND tỉnh	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn.		Kế hoạch																													
		Thực tế																													
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xã Pá Khoang được lựa chọn là xã thí điểm tham gia dự án tại tỉnh Điện Biên	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm.		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế - xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã Pá Khoang đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm.		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ranh giới thôn/bản đã được phác thảo thông qua các cuộc tham vấn với các thôn/bản liên quan.	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban QLR đặc dụng đã bổ nhiệm cán bộ thực địa/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm xã Pá Khoang	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại 21 thôn/bản thuộc xã Pá Khoang	Hoàn thành
		Thực tế																													
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK		Kế hoạch																											Nhóm tư vấn Ban QLDA tỉnh/UBND xã/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
		Thực tế																													

2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh			Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 15/3 và đã trình lên UBND tỉnh. SL: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 20/5 và đã trình lên UBND tỉnh. LC: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 13/5 và đã trình lên UBND tỉnh. Hướng dẫn giám sát PRAP đã được xây dựng làm cơ sở tham chiếu hỗ trợ cho công tác giám sát PRAP những năm sau.	Hoàn thành
2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.		Thực tế	Nhóm tư vấn		Dựa trên các kết quả của các cuộc họp tham vấn, tiêu chí và dữ liệu liên quan, các xã có tên sau đã được lựa chọn là xã thí điểm Tỉnh Hòa Bình: xã Thanh Hải, huyện Tân Lạc. Tỉnh Sơn La: xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai. Tỉnh Lai Châu: xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên.	Hoàn thành
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã thí điểm đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành
2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Theo kết quả thảo luận với các Ban quản lý dự án cấp tỉnh, dự án không cần phải hỗ trợ xác định ranh giới thôn/bản tại các xã thí điểm	
2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại các xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban quản lý liên quan đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.		Thực tế	Nhóm tư vấn		Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại các thôn/bản mục tiêu thuộc xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.		Kế hoạch	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	- Cây giống trồng rừng bổ sung năm 2019 được Dự án cung cấp cho người dân (313 cây giống được trồng ở các khu vực giáp ranh ở tỉnh Lai Châu). - Tập huấn bổ sung gồm hoạt động tham quan học tập và cung cấp các thiết bị cần thiết cho Tổ tuần tra rừng cấp bản đã được thực hiện. - Tổ tuần tra rừng cấp bản thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng cộng đồng	

Bảng giám sát I (Tháng 7 - tháng 12/2019)

[Hợp phần 3: Hợp phần Đa dạng sinh học]

Thiết kế ma trận

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà

Thời gian thực thi dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khả ch quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	N/A
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đ	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM		N/A	<u>N/A</u>

<p>Mục tiêu của Hợp phần</p> <p>Hệ thống quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>1. Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang.</p> <p>2. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang</p> <p>3. Các văn bản pháp lý về CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) có các BSM (Cơ chế chia sẻ lợi ích) tại các thôn mục tiêu được UBND tỉnh phê duyệt và ban hành, có cam kết mở rộng.</p>	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà</p> <p>Văn bản pháp lý</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<p>1. Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng.</p>	<p>1. Dữ liệu thu thập được được dùng để quản lý khu DTSQ</p> <p>2. BMS được phát triển và sẵn sàng để triển khai.</p> <p>3. Đã dự thảo tài liệu chính sách và các hướng dẫn liên quan để sử dụng cho việc nhân rộng mô hình CM tại Khu DTSQTG lang Biang sau khi dự án kết thúc.</p> <p>4. Dự trên kế hoạch triển khai KHQL, KHHĐ hằng năm 2019 được thiết lập và triển khai bởi các bên liên quan.</p> <p>5. NA</p>	<p>NA</p>
--	---	---	--	---	-----------

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Các cuộc họp của Ban</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn</p> <p>Quyết định của UBND tỉnh</p> <p>Biên bản các cuộc họp</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>1. Gia tăng sự thông hiểu của các bên liên quan về mục tiêu của khu DTSQ được tăng cường thông qua các hoạt động của khu DTSQ, bao gồm hoạt động của CMP.</p> <p>2. KHQL được thông qua</p> <p>3. 100 % các tổ chức cấp tỉnh có trong danh sách triển khai thực hiện/ giám sát kết hoạch hành động hàng năm dựa theo KHQL.</p>	
---	--	--	--	---	--

<p>Đầu ra 3-2</p> <p>Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) xx % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí sau khi kết thúc Dự án.</p> <p>3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) xx % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ.</p> <p>3-2-3 Trên (ít nhất là) xx % cá nhân bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNBPN-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM.</p> <p>3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Khảo sát phỏng vấn</p> <p>Trình công văn</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp.</p> <p>2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý.</p> <p>3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>1. Các hoạt động TTQLHT như tái cấu trúc nhóm QL BVR tạo lợi ích cho người dân như khả năng tăng thu nhập đều đặn.</p> <p>2. Nhiều người dân tình nguyện tham gia hoạt động BSM như là m chuồng bò.</p> <p>3 N/A</p> <p>4. Đang dự thảo tài liệu chính sách</p>	
--	--	---	--	--	--

<p>Đầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BBNBP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu đi kèm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>		
<p>Đầu ra 3-3</p> <p>Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BBNBP được chia sẻ với MARD để đưa vào FORMIS và lưu trữ trong NBDS như một nghiên cứu đi kèm trên cạn của NBDS.</p> <p>3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS</p> <p>Báo cáo giám sát năm</p>		<p>1. Hệ thống giám sát ĐDSH được phát triển và sẵn sàng để triển khai</p> <p>2. Hiện trạng rừng được theo dõi và đa dạng sinh học sớm được theo dõi</p>

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.

2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào		Tiền đề
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR). 3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Các chuyên gia</u> • Các chuyên gia ở Hà Nội <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái (Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p><u>Thiết bị và máy móc</u> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phô tô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy</p> <p><u>Đào tạo</u> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam</p> <p><u>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</u> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể</p>	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>tại tỉnh Lâm Đồng</u> <u>Các cán bộ dự án</u> > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • DONRE (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên)</p> <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc)</p> <p><u>Chi phí của Dự án</u> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cà phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng

3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.

3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).

3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBNP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lana Biana (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

- Marketing
- CBET
- Cơ chế tài chính
- Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý)
- Điều tra cơ bản đa dạng sinh học
- Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học
- Giám sát đa dạng sinh học

(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)

Chi phí vận hành dự án

- Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam)
- Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua
- Chi phí thuê các chuyên gia trong nước
- Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết.

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.

3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.

3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.

3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang. .

3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.

3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.

3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.

3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thị điểm.

3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.

3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.

3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.

3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).																					
3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.				KH									Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin					hoàn thành	
3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin					hoàn thành	
3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Thông qua hội nghị BQL Khu DTSQTG Lang Biang lần 8, đã xây dựng kế hoạch hành động năm 2019 và chia sẻ Hướng dẫn thực hiện chương trình Con người và sinh quyển với BQL Khu DTSQTG Lang Biang và các tổ chức liên quan.						
3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin					hoàn thành	
3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.				KH									Nhóm tư vấn	Các tổ chức liên quan đến KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin					hoàn thành	
3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Không có thông tin					hoàn thành	
3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Kế hoạch hành động năm 2019 của Khu DTSQTG Lang Biang, bao gồm sổ tay lập kế hoạch hành động hàng năm, được triển khai với sự tham gia của các thành viên nhóm công tác và được triển khai bởi các đơn vị liên quan đến Khu DTSQTG Lang Biang.						
3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Giám sát việc triển khai KHHĐ hằng năm 2019 theo từng giai đoạn và dựa vào kết quả đánh giá được đưa ra, được tổng hợp vào báo cáo giá triển khai/ thiết lập KHHĐ hằng năm 2019						
3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	BQL Dự án và HP3 đã thống nhất trong buổi họp về Hội thảo chia sẻ thông tin/ Tập huấn kĩ thuật được tổ chức vào ngày 25 và 26 tháng 3						
3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNNBP cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	BQL Dự án và HP3 đã thống nhất trong buổi họp về Hội thảo chia sẻ thông tin/ Tập huấn kĩ thuật được tổ chức vào ngày 25 và 26 tháng 3						
3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.				KH									Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Trong buổi họp Đánh giá hằng năm vào 17/12, các bên đã thống nhất bỏ hoạt động này vì thái độ tiêu cực của các tỉnh lân cận về hoạt động mở rộng Khu DTSQTG Lang Biang bao gồm các khu vực được bảo vệ ở các tỉnh lân cận						

Đầu ra 3-2: The collaborative management agreement (CMA) with the benefit sharing mechanisms (BSMs) is upgraded as a tool for conservation of forest ecosystems in the core and buffer zones of LB-BR.														
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).														
3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.										KH	Nhóm tư vấn	Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
										TH				
3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.										KH	Nhóm tư vấn	UBND xã Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
										TH				
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).										KH	Nhóm tư vấn	TTKN UBND xã Tổ công tác	Không có thông tin	hoàn thành
										TH				
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.										KH	Nhóm tư vấn	Sở VHHTDL VQG BDNB, Tổ công tác	BQL Tăng cường năng lực để triển khai hoạt động GDMT đang tiếp tục được thực hiện thông qua tập huấn kỹ năng diễn giải cho 18 cán bộ/ kiểm lâm/hdv cộng đồng và thông qua chương trình thử nghiệm cho 25 em học sinh THCS tại TP Đà Lạt. Đã thực hiện khảo sát về tính khả thi nhằm cải tạo lại 1/15 nhà nghỉ như mô hình nhằm phát triển các hoạt động GDMT sau khi dự án kết thúc.	
										TH				
3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).										KH	Nhóm tư vấn	Sở NN&PTNT UBND huyện Tổ công tác	Thiết lập chuỗi cung ứng nấm hương chất lượng cao nhằm thử nghiệm sử dụng logo của Khu DTSQTG Lang Biang trong tiếp thị sản phẩm và liên kết bên sản xuất (hộ dân chủ chốt)/ công ty và người tiêu dùng tại TPHCM, bao gồm các nhà hàng và siêu thị Nhật Bản. Đã chuẩn bị hàng hoá quảng bá cho nấm hương và Khu DTSQTG Lang Biang. Quy trình đăng ký nhãn liệu của Khu DTSQTG Lang Biang gần được hoàn tất. Mục đích của logo nhằm quảng bá các sản phẩm địa phương trong khu DTSQTG Lang Biang bao gồm nấm Shiitake và chứng nhận thương hiệu đã được duyệt bởi Cục SHTT đã hoàn thiện chính thức.	
										TH				

<p>3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thị điểm.</p>																																		
<p>3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.</p>																																		
<p>3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.</p>																																		

KH

TH

Nhóm tư vấn

BQL KDTSQLB
Tổ công tác

- Hội thảo đánh giá kết quả và định hướng phát triển mô hình QLHT trong thời gian còn lại của dự án được tổ chức vào tháng 1 với sự tham gia của các bên liên quan như Quý phát triển rừng Tĩnh, huyện, cùng các bên liên quan trong thoả thuận QLHT. Dựa vào định hướng được các bên thống nhất, các hoạt động phát triển mô hình QLHT quy mô nhỏ được thực hiện nhằm kiểm tra/ hoàn thiện hướng dẫn tuần tra BVR cải tiến, bao gồm sử dụng flycam trong tuần tra.

- Tiếp tục ủ phân hữu cơ từ vỏ hạt cà phê và phân chuồng, đồng thời phối hợp với Sở TNMT, UBND huyện/xã và các công ty tư nhân để áp dụng phương pháp này vào canh tác cà phê. Hoạt động này thực tế đã tăng lợi nhuận của hoạt động trồng cà phê bằng cách giảm chi phí sản xuất. Tổng cộng, 42 người dân/ cán bộ đã tham gia nhiều lớp tập huấn của dự án về ủ phân hữu cơ. Dự án và UBND xã đã kết nối một nhà máy xử lý cà phê với người dân trong thôn mục tiêu, trong đó nhà máy có vai trò cung cấp vỏ hạt cà phê ổn định để người dân thực hiện ủ phân hữu cơ.

- Dựa trên kết quả và tác động tích cực đến sinh kế của người dân và môi trường xung quanh, Diễn đàn Quản lý Hợp tác lần thứ 4 được dự án hỗ trợ tổ chức để các bên liên quan, bao gồm UBND huyện / xã, Sở TNMT, Sở NNPTNT, người dân và công ty tư nhân, thảo luận khả năng hợp tác mở rộng mô hình ra 39 hộ gia đình (25 hộ ở các thôn mục tiêu) vào cuối năm 2019. Dựa trên kết quả thảo luận tại Diễn đàn, các bên liên quan đã bắt đầu hợp tác mở rộng mô hình trồng nấm hương.

- Dựa trên kết quả của hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 1, các hoạt động cải thiện chuồng bò lần thứ 2, bao gồm khóa tập huấn cho 28 hộ dân, đã được các đơn vị liên quan (gồm trung tâm khuyến nông huyện, UBND Huyện/ xã và dự án) phối hợp thực hiện. - UBND xã, một doanh nghiệp cà phê và thành viên nhóm PFES (cộng đồng) tiếp tục thảo luận và xác định khả năng bán trực tiếp hạt cà phê từ cộng đồng cho doanh nghiệp.

- Hoạt động CM hợp tác giữa UBND huyện, công ty tư nhân và các thành viên nhóm QLTVR được bắt đầu để tạo nhận thức cho người dân việc bán cà phê trực tiếp cho công ty

Nhóm tư vấn

BQL KDTSQLB
Tổ công tác

Tiếp tục giám sát hoạt động phát triển mô hình QLHT bao gồm diễn đàn QLHT và hoạt động EFLO. Thực hiện đánh giá các hoạt động trên.

Nhóm tư vấn

BQL KDTSQLB
Tổ công tác

Khoá tập huấn cho cán bộ/ kiểm lâm của các chủ rừng về hoạt động phát triển mô hình QLHT bao gồm EFLO và GDMT được đề cập ở mục 3-2-4 và 3-2-10.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Chỉnh sửa dự thảo số tay cải thiện tuân tra BVR. Dự thảo số tay triển khai cơ chế chia sẻ lợi ích và diễn đàn QLHT.	
3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.		KH		Nhóm tư vấn	BQL KDTSQLB Tổ công tác	Dự thảo tài liệu chính sách nhằm áp dụng rộng rãi tại Khu DTSQTG Lang Biang của mô hình QLHT với cơ chế chia sẻ lợi ích sau khi dự án kết thúc.	
Đầu ra 3-3: The results of forest and biodiversity monitoring are used for the management of the core and buffer zones of LB-BR.							
3-3-0 Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.							
3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành
3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) và các bên tham gia khác.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) lần 2 đã được thực hiện với 35 máy bay ảnh đặt trên 6 tuyến, phát hiện được 13 loài chim, 3 loài thú lớn và 9 loài thú nhỏ. Đã thực hiện giám sát đa dạng sinh học (ĐDSH) lần 3, hiện đang thẩm định các loài đã phát hiện. Một loài rắn đã được ghi nhận vào đợt giám sát ĐDSH năm 2017 với khả năng cao là loài mới. Thông tin đang được xác nhận.	
3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BBNBP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của DONRE.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Dữ liệu được thu thập và lưu trữ bằng phần mềm thông qua khảo sát Đa dạng sinh học cơ bản và giám sát Đa dạng sinh học được gửi cho VNFORES và Hệ thống Đa dạng sinh học Quốc gia thông qua các chuyên gia dài hạn	
3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BBNBP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.		KH		Nhóm tư vấn	Sở TNMT, Tổ công tác, BQL VQG BDNB, BQL RPH Đ	Không có thông tin	hoàn thành

Bản giám sát dự án I (Tháng 7 - Tháng 12/ 2019)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Phiên bản số 8

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ngày 01/01/2020

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng kh ách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giá định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
<u>Mục tiêu bao trùm</u> Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục đích của Dự án</u> Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
<u>Mục tiêu của Hợp phần</u> Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

Đầu ra 4-1

Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)

1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.

Báo cáo của FORMIS

Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 16/11/2018.

Đầu ra 4-2

Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.

2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng.

Báo cáo của Bộ NN & PTNT

Các thành tựu của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau như hội thảo, hội nghị, cuộc họp.

Đầu ra 4-3

Các kết quả của Dự án được công bố.

3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.

Báo cáo của dự án

Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p> <p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p> <p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Phía Việt Nam</u></p> <p><u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác <p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bồi dưỡng, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu • Các chi phí cần thiết khác 	<ol style="list-style-type: none"> 1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN. 2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam. 3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.

Bản giám sát dự án II (Tháng 7 - Tháng 12/2019)

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Phiên bản số 8

Ngày 01/01/2020

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Đầu vào		Năm		2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
		TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III						
Chuyên gia																													
Ông Hiroki Miyazono (Cố vấn trưởng dự án)		KH																											
		TH																											
Ông Baku Takahashi (Cố vấn kỹ thuật về REDD+)		KH																											
		TH																											
Bà Eri Saito (Điều phối viên hành chính/Chuyên gia chính sách)		KH																											
		TH																											
Các tư vấn Nhật Bản và/hoặc tư vấn trong nước		KH																											
		TH																											
Thi ết bị																													
Thi ết bị văn phòng (Máy tính, máy in, v.v)		KH																											
		TH																											
		KH																											
		TH																											
Đào tạo tại Nhật Bản																													
		KH																											
		TH																											
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																													
		KH																											
		TH																											

Các hoạt động chính	TCVN	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020				Tổ chức chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & giải pháp
			III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam				
Đầu ra 4-1: Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)																														
4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).																														
4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.																														
4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.																														
Đầu ra 4-2: Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.																														
4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.																														
4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.																														
4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.																														
4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.																														

Đầu ra 4-3: Các kết quả của Dự án được công bố.													
4-3. Công bố các kết quả của Dự án													
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.	KH										Các chuyên gia đã hạn	Ban QLCDALN	Thành quả Dự án được tổng hợp thường xuyên.
	TH												
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.	KH										Các chuyên gia đã hạn	Ban QLCDALN	Đã xác định một số phương thức quảng bá như tờ rơi, đăng bài trên tạp chí và Facebook
	TH												
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.	KH										Các chuyên gia đã hạn	Ban QLCDALN	Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như tờ rơi hoặc tạp chí.
	TH												

Thời gian/giai đoạn	KH	TH

Kế hoạch giám sát	ITCVN	Năm 2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III					
Giám sát																											
Ban chỉ đạo dự án	KH	Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1																									
	TH																										
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	KH																										
	TH																										
Nội Bộ giám sát	KH																										
	TH																										
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																										
	TH																										
Hậu giám sát	KH																										
	TH																										
Các báo cáo/tài liệu																											
	KH																										
	TH																										
Báo cáo tổng kết dự án	KH																										
	TH																										
Quan hệ công chúng																											
	KH																										
	TH																										
	KH																										
	TH																										

GỬI JICA TRỤ SỞ CHÍNH

BẢN GIÁM SÁT DỰ ÁN

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM)

Phiên bản: số 9 (Thời gian: tháng 1-06/2020)

Người báo cáo: Hiroki Miyazono

Chức vụ: Cố vấn trưởng

Ngày gửi: 01/07/2020

I. Tóm tắt

1 Tiến độ

1-1 Tiến độ đầu vào

1-1-3 Các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ba (03) chuyên gia dài hạn (Cố vấn trưởng, Cố vấn kỹ thuật về REDD+ và Điều phối viên hành chính/Chính sách lâm nghiệp) đã tham gia Dự án SNRM theo như kế hoạch.
- Hai (02) cán bộ Việt Nam (Điều phối viên chương trình và Cán bộ dự án) đã tham gia Dự án SNRM.

[Hợp phần 2]

- Sáu (06) chuyên gia Nhật Bản tham gia thực hiện các công việc được giao mà phần lớn khối lượng công việc đã được điều chỉnh để thực hiện ở Nhật Bản vì hạn chế đi lại liên quan đến dịch bệnh COVID -19.
- Mười ba (13) cán bộ Việt Nam tiếp tục tham gia thực hiện các hoạt động dự án. Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 5, họ làm việc tại nhà và văn phòng theo các quy định hạn chế tụ tập đông người/ di chuyển trong nước liên quan đến dịch bệnh COVID- 19.

[Hợp phần 3]

- Bốn chuyên gia Nhật Bản tham gia vào các công việc được giao với hầu hết các nhiệm vụ được thực hiện tại Nhật Bản do hạn chế di chuyển do COVID-19
- Mười cán bộ và chuyên gia địa phương tham gia vào các hoạt động dự án. Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 5, cán bộ làm việc tại nhà và văn phòng theo quy định hạn chế tụ tập đông người/ di chuyển do COVID-19.

(Thông tin chi tiết trong Phụ lục 1)

1-1-2 Cán bộ đối tác Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban Quản lý Dự án Trung ương Dự án SNRM được chính thức thành lập vào ngày 27/03/2017. Một

số vị trí trong BQL Dự án Trung ương đã được bổ nhiệm.

- Ông Vũ Xuân Thôn - Trưởng ban, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 1/5/2020.
- Ông Phạm Vũ Thắng, Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp, được giao làm Giám đốc Dự án SNRM kể từ ngày 20/4/2020.
- Một số vị trí cán bộ khác thuộc Ban quản lý dự án Trung ương cũng đã được giao nhiệm vụ: Cán bộ phụ trách kế toán, cán bộ kế toán, cán bộ kế hoạch - kỹ thuật và cán bộ phiên dịch hành chính.
- Để phối hợp với Dự án SNRM, Tổng cục lâm nghiệp (VNFOREST), Bộ Nông nghiệp và PTNT, đã cử một số cán bộ đầu mối phụ trách các hoạt động về xây dựng chính sách lâm nghiệp, ví dụ như sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng và sửa đổi, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.
- Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học (BCA) trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cử một số cán bộ thực hiện các hoạt động liên quan đến Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học (NBDS).

[Hợp phần 2]

- Các cuộc họp điều phối giữa cán bộ dự án thuộc Hợp phần 2 và các thành viên BQLDA cấp tỉnh đã được tổ chức theo yêu cầu tại bốn tỉnh để chia sẻ tiến độ thực hiện và kết quả giám sát. Kết quả của các cuộc họp được chia sẻ kịp thời với các chuyên gia Nhật Bản.
- Vốn đối ứng được phân bổ đầy đủ để thực hiện các hoạt động của dự án.

[Hợp phần 3]

- BQL Dự án cấp Tỉnh và các chuyên gia Nhật Bản vẫn liên hệ, trao đổi khi cần thiết mặc dù không thể tổ chức các cuộc họp giữa BQL Dự án cấp Tỉnh và các thành viên Hợp phần 3 vì hạn chế đi lại để ngăn lây lan COVID-19.
- Vốn đối ứng được phân bổ phù hợp cho các hoạt động dự án.

1-1-3 Máy móc và thiết bị

- Xem thông tin chi tiết trong Phụ lục 2.

1-1-4 Tập huấn

Tập huấn tại Nhật Bản

[Hợp phần 1]

- Khóa tập huấn “Quản lý rừng và chứng chỉ rừng”, ban đầu dự kiến được tổ chức vào tháng 3/2020 tại Nhật Bản, đã bị hủy do dịch COVID-19.

1-2 Tiến độ các hoạt động

[Hợp phần 1]

Thực hiện luật lâm nghiệp

- Với hỗ trợ của dự án SNRM, TCLN đã phát hành cuốn sách hỏi đáp để các bên liên quan hiểu rõ những nội dung chính của Luật Lâm nghiệp và các văn bản dưới luật liên quan.
- Dự kiến phối hợp với TCLN tổ chức hội thảo tham vấn xây dựng nghị định thực hiện Luật Lâm nghiệp vào ngày 23/07/2020.

Các quy định quan trọng về sản xuất giống cây trồng có chất lượng

- Không có hoạt động nào liên quan trong giai đoạn báo cáo này.

Thúc đẩy chế biến gỗ chất lượng cao

- Không có hoạt động nào liên quan trong giai đoạn báo cáo này.

Thúc đẩy đầu tư tư nhân trong lĩnh vực lâm nghiệp

- SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật, tài chính cho công ty Usui Nouchikusan trong hoạt động trồng, chế biến Mạ chẻ, đồng thời hỗ trợ Sumitomo/ASKUL trong các hoạt động trồng rừng và phát triển sinh kế tại tỉnh Điện Biên.
- SNRM hỗ trợ tổ chức phi chính phủ Nhật Bản: Quỹ Bảo vệ trái đất xanh hoàn thiện kế hoạch triển khai Dự án trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái tại tỉnh Lào Cai.

Thúc đẩy thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

- Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật cho việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về REDD+ thông qua việc tham gia các cuộc hội thảo, cuộc họp và trao đổi thông tin với các thành viên mạng lưới REDD+ quốc gia.
- Đề xuất ý tưởng tham gia Chương trình thí điểm chi trả dựa vào kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) đã được hoàn thành; JICA là cơ quan được chỉ định làm cơ quan được công nhận và đang chờ Việt Nam thực hiện các thủ tục khác trước khi chính thức gửi đề xuất ý tưởng cho GCF.
- Đã tính toán kết quả lượng phát thải/hấp thụ các-bon giai đoạn 2014-2018 để đưa vào Báo cáo Cập nhật 2 năm 1 lần, lần thứ 3 (BUR3) trình lên UNFCCC.
- Đang dự thảo đề xuất xin tài trợ để trình lên GCF sau khi GCF chấp thuận đề xuất ý tưởng.

Xây dựng kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) cùng với Quỹ đối tác các bon trong lâm nghiệp (FCPF) của Ngân hàng thế giới và các nhà tài trợ khác

- Không có hoạt động nào liên quan trong giai đoạn báo cáo này.

Thúc đẩy sử dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) phối hợp với Dự án FCPF và các nhà tài trợ khác

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định sử dụng máy tính bảng trong theo dõi diễn biến tài nguyên rừng và để đưa Hệ thống TDDBR cấp tỉnh vào báo cáo diễn biến tài nguyên rừng hàng năm;

Dự án đã tổ chức các cuộc họp với Cục Kiểm lâm, đưa khuyến nghị và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết. Kết quả, các tỉnh vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh, bao gồm Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Thuận và Cà Mau đã sử dụng dữ liệu thực địa được thu thập bằng máy tính bảng và ứng dụng di động để làm dữ liệu đầu vào chủ yếu cho báo cáo diễn biến rừng hàng năm. Bốn tỉnh Tây Bắc gồm Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình được hỗ trợ trong khuôn khổ Hợp phần 2. Lưu ý rằng, tỉnh Phú Yên và một phần tỉnh Bắc Giang đã vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh với sự hỗ trợ của Dự án.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS)

- Đã hoàn thành thu thập dữ liệu tại 08 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn (VQG Tam Đảo, VQG Cúc Phương, VQG Pù Huống, VQG Lò Gò - Xa Mát, VQG Yok Don, VQG Bùi Gia Mật, VQG U Minh Thượng và KBTTN Đầm Dơi).
- Tất cả dữ liệu thu thập đang được lưu trữ tại máy chủ tại Trung tâm thông tin và dữ liệu môi trường (CIED).
- SNRM đã hỗ trợ Trụ sở và VP JICA Việt Nam thực hiện đánh giá hậu kỳ dự án xây dựng NBDS (thực hiện từ 2011-2015).

Hỗ trợ cho các chính sách lâm nghiệp khác

- Dự án đã hỗ trợ tỉnh Bắc Kạn nộp đơn xin tài trợ từ Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (GGP) của Đại sứ quán Nhật Bản.

Xây dựng Dự án SNRM2

- Các chuyên gia Nhật Bản và BQLDA trung ương tổ chức nhiều lần làm việc để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo của dự án (Dự án SNRM2).

[Hợp phần 2]

Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP)

- Đã hoàn thành.

Hoạt động thí điểm REDD+

- Công tác giám sát thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế lần thứ tư đã được tiến hành tại từng xã thí điểm để thu thập thông tin về các kết quả, thành tựu đạt được mới nhất cũng như các vấn đề cần phải được giải quyết trong quá trình thực hiện các hoạt động này.
- Đang tổng hợp các thành quả hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế.

[Quản lý rừng]

- Các Tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản tại các xã mục tiêu đã thực hiện tuần tra định kỳ diện tích rừng cộng đồng và đã phát hiện và xử lý một số vụ vi phạm chuyển đổi đất rừng thành đất nông nghiệp, khai thác rừng trái phép và một số vụ cháy rừng ở tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên.

- Một chuyến tham quan học tập mô hình tăng cường quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được tổ chức. Mười bốn thành viên tham dự là đại diện của BQLDA tỉnh, Chi cục Kiểm lâm, UBND xã, Tổ tuần tra bảo vệ rừng cấp bản, và một số người dân đã có cơ hội để tìm hiểu về hệ thống cấp chứng chỉ rừng và mô hình trồng rừng hỗn giao cây keo và cây bản địa (cây sao đen) (tỉnh Hòa Bình).
- Đã thực hiện đánh giá mức độ tăng trưởng và tỷ lệ sống của cây trồng rừng là các loài bản địa. (tỉnh Hòa Bình)

[Phát triển sinh kế]

- Chứng nhận sản phẩm an toàn đã được Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm Nông-Lâm-Thủy sản (trực thuộc Sở NN&PTNT) cấp cho sản phẩm mật ong (tỉnh Điện Biên).
- Đã mở các quầy hàng bên đường ở hai bản để tạo điều kiện bán các sản phẩm nông, lâm, thủy sản do người dân của hai bản mục tiêu và người dân các bản lân cận sản xuất. (tỉnh Điện Biên)
- Dự án đã hỗ trợ thành lập hai tổ hợp tác trồng dưa hấu, một tổ gồm 12 hộ tham gia và một tổ gồm 10 hộ tham gia. (tỉnh Lai Châu)
- Máy khử nước đã được sử dụng để kiểm soát thành phần nước trong sản phẩm mật ong. Một số người nuôi ong ở tỉnh Thái Nguyên đã đến tham quan và tìm hiểu về sản phẩm mật ong đã được tách nước. (tỉnh Hòa Bình)
- Tập huấn kỹ thuật trồng sa nhân được tổ chức cho 78 người dân tham gia. (tỉnh Sơn La)
- Đã thực hiện đánh giá sâu mô hình nông lâm kết hợp. (tỉnh Sơn La)

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS)

- Mã nguồn và dữ liệu cần thiết của Hệ thống Google Earth Engine dùng cho việc phát hiện các diện tích có thể có biến động rừng (<http://canhbaomatrung.kieulam.org.vn/>) và nền tảng học trực tuyến của Hệ thống TDDBR cấp tỉnh (<http://tailieu.vnforest.gov.vn/>) đã được cài đặt trên máy chủ và đang được vận hành trên website của Tổng cục Lâm nghiệp (VNFOREST).
- Báo cáo diễn biến tài nguyên rừng hàng năm đã được Chi Cục Kiểm lâm các tỉnh thí điểm gửi lên Cục Kiểm lâm, với hỗ trợ của Dự án, Chi cục Kiểm lâm vùng và Cục Kiểm lâm.
- Các tài liệu hướng dẫn vận hành Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được cập nhật lên phiên bản 3.2.
- Theo Cục Kiểm lâm, đầu ra của Dự án liên quan đến Hệ thống TDDBR cấp tỉnh bao gồm Ứng dụng Di động và các nội dung liên quan khác đã được hoàn thành. Quá trình bàn giao đang được tiến hành.
- Hội thảo tổng kết về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được lên kế hoạch tổ chức nhưng đã bị hoãn lại do ảnh hưởng của COVID-19.

- Một trong những mục tiêu của Hợp phần 2, “hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ (duy trì diện tích), các khu vực thiết kế cho khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng phải ít nhất bằng với diện tích rừng tự nhiên bị giảm vào thời điểm kết thúc Dự án so với năm 2015 ở các xã mục tiêu thuộc bốn tỉnh tham gia Dự án”, đã được đánh giá. Kết quả đánh giá cho thấy Dự án đã đạt được mục tiêu này một cách thành công.

[Hợp phần 3]

Hoạt động liên quan đến BQL khu DTSQ (Tiểu hợp phần 3-1)

- Đã nộp báo cáo đánh giá thiết lập/ triển khai/ giám sát KHHĐ hằng năm 2019 và BQL Dự án cấp Tỉnh nhận đã phê duyệt.
- Cuộc họp lần 9 của BQL Khu DTSQTG Lang Biang ban đầu lên kế hoạch tổ chức vào tháng 6 nhưng bị hoãn do COVID-19 lây lan.
- Hội thảo chia sẻ thông tin/ Đào tạo kỹ thuật (ISW) dự kiến được tổ chức vào tháng 3 đã bị hoãn lại đến thời điểm thích hợp để các chuyên gia Nhật Bản có thể nhập cảnh và tham gia.

Quản lý hợp tác / Cơ chế chia sẻ lợi ích (CM/BSM) (Tiểu hợp phần 3-2)

- Các hoạt động liên quan đến Thỏa thuận Quản lý hợp tác được thực hiện thành công, bao gồm tái cấu trúc thành viên tuần tra diện tích Chi trả dịch vụ rừng (PFES) và theo dõi/giám sát bằng flycam.
- Tiếp tục thực hiện hướng dẫn về TTQLHT, Lựa chọn sinh kế thân thiện sinh thái và Diễn đàn QLHT để sử dụng nhân rộng phát triển mô hình QLHT trong khu DTSQTG Lang Biang sau khi dự án kết thúc.
- Tiếp tục giám sát và đánh giá các hoạt động liên quan tới Thỏa thuận QLHT/ Cơ chế chia sẻ lợi ích bao gồm Diễn đàn QLHT. Tiếp tục thực hiện báo cáo đánh giá các hoạt động trên và hoàn thành các hoạt động dự án và diễn đàn QLHT để chia sẻ và được phê duyệt bởi BQL Dự án cấp Tỉnh.
- Ủ phân hữu cơ từ vỏ cà phê và phân chuồng, người dân tiếp tục sử dụng phân hữu cơ để canh tác cà phê ở các thôn mục tiêu nhằm giảm chi phí sản xuất và tăng lợi nhuận của hoạt động này. Với sự hỗ trợ của SNRM, công ty sản xuất cà phê tiếp tục cung cấp vỏ cà phê cho người dân.
- Dựa vào kết quả của Diễn đàn QLHT lần thứ 4, tiếp tục hợp tác giữa các bên liên quan bao gồm UBND huyện/xã, Sở TN-MT, Sở NN-PTNT, người dân, công ty tư nhân và hợp phần 3 nhằm mở rộng mô hình sản xuất nấm Shiitake tại các thôn mục tiêu như thực hiện hướng dẫn tăng năng suất trồng nấm bằng cách sử dụng các thiết bị cho người dân.
- Các công việc hợp tác giữa UBND Xã, công ty cà phê tư nhân và các thành viên nhóm TTBVR (người dân) chủ yếu tham gia vào các hoạt động QLHT đã được thực hiện như bán trực tiếp hạt cà phê từ người dân cho công ty với giá cao và sản xuất/ sử dụng phân hữu cơ để chuyển sang canh

tác cà phê của họ thành một trong những hoạt động có lợi nhuận.

- Cục Sở hữu Trí tuệ đã duyệt đơn đăng ký chứng nhận nhãn hiệu cho sản phẩm cà phê, rau bao gồm nấm, hồng và nước uống của Khu DTSQTG Lang Biang.
- Nấm Shiitake chất lượng cao được sản xuất và cung ứng thường xuyên cho khách hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh tại hệ thống siêu thị AEON và nhà hàng 4P thông qua chuỗi cung ứng gồm các công ty với sự hỗ trợ của Hợp phần 3 và UBND Huyện.
- Chuẩn bị bán thử nghiệm nấm Shiitake có nhãn hiệu (logo) thông qua chuỗi cung ứng ở trên.
- Thực hiện Chương trình GDMT thử nghiệm cho Khu DTSQTG Lang Biang cho đối tượng học sinh cấp 2 để định hướng sử dụng cho mục đích thương mại sau khi Chính phủ Việt Nam dừng các quy định hạn chế nhằm ngăn ngừa sự lây lan COVID-19.
- Để cải thiện môi trường và chương trình GDMT, đã hoàn thành cải tạo nhà nghỉ và lắp đặt hệ thống lọc nước. Hiện đang thực hiện lắp đặt lều cắm trại.
- Tài liệu và các sản phẩm quảng cáo (bưu thiếp, đế lót ly, v.v.) cho Khu DTSQTG Lang Biang đã được chuẩn bị bổ sung và được in tại Nhật Bản để đảm bảo chất lượng.

Giám sát Đa dạng sinh học/ theo dõi diễn biến rừng (Tiểu hợp phần 3-3)

- Giám sát đa dạng sinh học lần 3 đã xác định 13 loài chim và 12 loài động vật.
- Thực hiện đợt giám sát lần 4, lắp đặt 35 máy bẫy ảnh tại ô định vị và 6 tuyến, thu thập được thông tin về 7 loài chim, 14 loài động vật bao gồm Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) xếp trong nhóm Cực kì Nguy cấp trong Sách đỏ IUCN.
- Thông tin thu thập qua các hoạt động Giám sát đa dạng sinh học được đưa vào phần mềm quản lý dữ liệu (BRAHMS) để chia sẻ với Bộ NN-PPNT và Bộ TN-MT (Hệ giống Giám sát Đa dạng sinh học Quốc gia).
- Hoàn thành in ấn Sổ tay Giám sát đa dạng sinh học. Hoàn thành và đang in ấn sổ tay giám sát bằng flycam.
- Tiếp tục hỗ trợ kĩ thuật cho VQG Bidoup Núi Bà và BQL RĐN Đa Nhim để thu thập dữ liệu bằng flycam cũng như bảo trì thiết bị.
- Giám sát tốt tiến độ các hoạt động liên quan đến Giám sát Đa dạng sinh học và sử dụng flycam.

[Hợp phần 4]

Tích hợp thông tin/dữ liệu vào FORMIS

- Hệ thống Ứng dụng Di động đã được tích hợp về mặt kỹ thuật với FORMIS. Dữ liệu diễn biến rừng được thu thập bằng máy tính bảng và Ứng dụng di động đã và đang được gửi về máy chủ FORMIS.

Dự án SNRM sẵn sàng bàn giao Ứng dụng di động và các công cụ liên quan cho Tổng cục Lâm nghiệp/Cục Kiểm lâm, việc phối hợp đang được thực hiện.

Quảng bá các hoạt động của Dự án

- Đã xây dựng bản tin dự án về các hoạt động chính đã hoàn thành bằng 3 ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Việt và tiếng Nhật.
- Các hoạt động dự án đã được cập nhật kịp thời trên trang Facebook của dự án và website của BQL các dự án lâm nghiệp.

- Thông tin cơ bản, kết quả hoạt động và bài học kinh nghiệm được chia sẻ tại các sự kiện, hội thảo khác nhau.
- Các hoạt động của SNRM tại tỉnh Sơn La được phát trên VTV1 vào ngày 20/07/2020.
- Đang xây dựng tài liệu giới thiệu các thành quả của SNRM.

1-3 Kết quả sản phẩm đầu ra

[Hợp phần 1 - 4]

- Các kết quả chính được trình bày trong Bản giám sát I của Hợp phần 1, 2, 3 và 4.

1-4 Thành quả của Mục tiêu cụ thể dự án

- Việc thực hiện Mục tiêu “Năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên được tăng cường” tương đối hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu này khi Dự án kết thúc.

1-5 Những thay đổi rủi ro và các hành động giảm thiểu

[Hợp phần 1 - 4]

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này.

1-6 Tiến độ các hành động của JICA

[Hợp phần 1 - 4]

- Hầu hết các đầu vào của JICA đã được thực hiện như kế hoạch, theo danh sách đính kèm trong Phụ lục 1.

1-7 Tiến độ các hành động của Chính phủ Việt Nam

[Hợp phần 1 - 4]

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp (MBFPs) đã có các hành động cần thiết, phù hợp để linh hoạt thực hiện dự án.
- Các đơn vị liên quan như Tổng cục Lâm nghiệp và Bộ Tài nguyên Môi trường đã có các hành động cần thiết để thực hiện các hoạt động của dự án theo đúng kế hoạch.

[Hợp phần 2]

- Như đã nêu tại phần 1-1-2, các cuộc họp điều phối giữa cán bộ Dự án và thành viên Ban QLDA tỉnh

đã được tổ chức ở cả 4 tỉnh.

- Vốn đối ứng được bố trí đầy đủ và kịp thời để thực hiện các hoạt động của dự án.

[Hợp phần 3]

- Như được nêu ở phần 1-1-2 ở trên, BQL Dự án cấp Tỉnh và các chuyên gia Nhật Bản vẫn liên hệ, trao đổi khi cần thiết mặc dù không thể tổ chức các cuộc họp trực tiếp giữa BQL Dự án cấp Tỉnh và chuyên gia Hợp phần 3 do quy định hạn chế di chuyển liên quan đến COVID-19.
- Vốn đối ứng được bố trí phù hợp cho các hoạt động dự án.

1-8 Tiến độ xem xét môi trường xã hội (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-9 Tiến độ xem xét về giới/xây dựng hòa bình/xóa đói giảm nghèo (nếu có)

- Không áp dụng trong giai đoạn báo cáo này

1-10 Các vấn đề cần quan tâm/chú ý liên quan/ảnh hưởng tới dự án (chẳng hạn như các dự án khác của JICA, các hoạt động của đối tác, các nhà tài trợ khác, lĩnh vực tư nhân, các tổ chức phi Chính phủ, v.v)

[Hợp phần 1 – 4]

- Thường xuyên phối hợp, hợp tác với các dự án của nhà tài trợ khác và các Chương trình/ Dự án đang làm việc trong cùng lĩnh vực, chẳng hạn như FCPF, UN-REDD II, VFD, FORMIS và GIZ.
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các hoạt động khác của JICA trong đó gồm có Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam (SPRCC) và Dự án hỗ trợ lập kế hoạch và thực thi NAMA (SPI-NAMA).
- Dự án SNRM đã hỗ trợ kỹ thuật và/hoặc hành chính cho các công ty tư nhân Nhật Bản và các tổ chức khác như Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Sumitomo và Tập đoàn ASKUL để trồng rừng ở tỉnh Điện Biên, Công ty Usui Nouchikusan để trồng và chế biến Mạy chả và Quý Bảo vệ Trái đất xanh để xây dựng kế hoạch trồng rừng phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái ở tỉnh Lào Cai.

[Hợp phần 2]

- Tiểu hợp phần hoạt động thí điểm REDD+ phối hợp với một doanh nghiệp Nhật Bản giới thiệu hoạt động trồng cây Mạy Chả ở xã thí điểm thuộc tỉnh Điện Biên. Cụ thể, Dự án đã tiến hành khảo sát trữ lượng cây Mạy Chả tự nhiên, đồng thời xây dựng thiết kế kỹ thuật nhân giống và trồng thử nghiệm cây Mạy Chả tại xã Pá Khoang (theo hợp đồng với Trường Đại học Lâm nghiệp).

[Hợp phần 3]

- Theo chính sách quảng bá Mỗi làng một sản phẩm (OVOP), nấm Shiitake có nguồn gốc từ Khu DTSQTG Lang Biang đã được đăng ký là OVOP tại Lạc Dương cùng với chứng nhận VietGAP cho

các hộ trồng nấm.

- Nấm Shiitake chất lượng cao tiếp tục được cung ứng cho khách hàng tại TPHCM bao gồm khách hàng cá nhân và công ty Nhật như siêu thị AEON và nhà hàng Pizza thông qua chuỗi cung ứng được thiết lập bởi một công ty tư nhân với sự hỗ trợ của UBND Huyện và Hợp phần 3.
- Đợt giám sát lần 4 được thực hiện với việc lắp đặt 35 máy bẫy ảnh tại ô tiêu chuẩn và 6 tuyến, thu thập được thông tin về 7 loài chim, 14 loài động vật bao gồm Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*) xếp trong nhóm Cực kì Nguy cấp trong Sách đỏ IUCN.
- Một loài rắn được thu thập vào đợt khảo sát cơ sở đa dạng sinh học năm 2017 được một tạp chí quốc tế (PeerJ – tạp chí Đời sống và Khoa học môi trường) xác nhận là loài mới.

2 Kế hoạch công việc chậm và/hoặc các vấn đề (nếu có)

[Hợp phần 1 và 4]

- Do tác động của COVID-19, một số hoạt động và sự kiện đã bị hủy hoặc hoãn tổ chức.

2-1 Chi tiết

[Hợp phần 1 và 4]

- Hủy khóa tập huấn “Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng” tại Nhật Bản.
- Hoãn tổ chức các hội thảo liên quan đến REDD+.
- Hoãn tổ chức hội thảo tổng kết hệ thống TDDBR.
- Thay đổi lịch thực hiện Đánh giá cuối kỳ SNRM.

[Hợp phần 2]

- Cuộc họp tham vấn về kết quả giám sát thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ đã bị hoãn lại.
- Hội thảo cuối cùng về Hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng cấp tỉnh đã bị hoãn lại.

[Hợp phần 3]

- Hội thảo chia sẻ thông tin/ Tập huấn kĩ thuật bị hoãn.
- Hội nghị BQL Khu DTSQTG lần 9 bị hoãn.
- Bán thử nghiệm nấm Shiitake có nhãn hiệu khu DTSQTG Lang Biang bị hoãn.

2-2 Nguyên nhân

[Hợp phần 1 và 4]

- Một số quy định hạn chế do tác động của COVID-19.

2-3 Hành động (sẽ được) tiến hành

[Hợp phần 1 và 4]

- Kéo dài giai đoạn thực hiện dự án, từ 16/8/2020 đến ngày 31/1/2021 để hoàn thành các hoạt động, sự kiện theo kế hoạch.

2-4 Vai trò của những người/tổ chức chịu trách nhiệm (JICA, Chính phủ Việt Nam, v.v)

[Hợp phần 1-4]

- Phía JICA và Việt Nam đang tiến hành thủ tục để gia hạn dự án SNRM

3 Điều chỉnh Kế hoạch thực hiện dự án

3-1 Kế hoạch hoạt động (PO)

[Hợp phần 1 - 4]

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản ngày 17/12/2019 đang được điều chỉnh theo kế hoạch gia hạn dự án dự kiến.

3-2 Các điều chỉnh khác về kế hoạch thực hiện chi tiết

(Ghi chú: Việc sửa đổi R/D và PDM (tên dự án, thời gian thực hiện, vùng dự án, nhóm mục tiêu, cấu trúc thực hiện, mục tiêu tổng thể, mục tiêu cụ thể, sản phẩm đầu ra, các hoạt động và đầu vào) cần phải được JICA Trụ sở chính ủy quyền. Nếu nhóm dự án thấy cần phải điều chỉnh bất cứ phần nào của R/D và PDM thì phải đề xuất dự thảo)

- Ma trận thiết kế Dự án (PDM)/ Kế hoạch hoạt động tổng thể (PO)/ Kế hoạch hoạt động năm (APO) phiên bản ngày 17/12/2019 đang được điều chỉnh theo kế hoạch gia hạn dự án dự kiến.
- Sau khi hoàn thành các thủ tục gia hạn dự án chính thức, JICA và phía Việt Nam sẽ ký kết biên bản cuộc họp, có đính kèm PDM/PO/APO điều chỉnh.

4 Chuẩn bị của Chính phủ Việt Nam sau khi dự án kết thúc

- Ban Quản lý dự án SNRM trung ương, thuộc Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp và Ban quản lý dự án các tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu và Lâm Đồng) đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động, đồng thời nâng cao năng lực giám sát các hoạt động dự án.

II. Bảng báo cáo giám sát Dự án I & II (có đính kèm)

Phu lục 1

Danh sách các chuyên gia Nhật Bản và cán bộ Việt Nam

[Hợp phần 1 – 4]

	Vị trí	Họ tên	Thời gian công tác
1	Cố vấn trưởng	Ông Miyazono Hiroki	17/8/2015 -
2	Cố vấn kỹ thuật về REDD+ (Phó cố vấn trưởng)	Ông Takahashi Baku	22/9/2015 -
3	Điều phối viên hành chính/ chuyên gia chính sách	Bà Saito Eri	13/7/2018 -
4	Điều phối viên chương trình	Bà Đỗ Thị Thu Thủy	17/8/2015 -
5	Cán bộ dự án	Ông Phong Ngọc Thông	1/10/2015 -

[Hợp phần 2]

STT	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Trưởng nhóm/quản lý rừng bền vững 1	Ông Noriyoshi Kitamura	1/8/2018-4/8-2018
2	Phó trưởng nhóm / quản lý rừng bền vững 2	Ông Takayuki Namura	1/8/2018-10/8/2018 29/10/2018 – 16/11/2018 25/2/2019 – 15/3/2019 11/6/2019 – 05/07/2019 16/12/2019 – 17/12/2019 8/1/2020 – 21/1/2020
3	Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh 1	Ông Eiji Egashira	1/8/2018 – 10/8/2018 1/4/2019 -12/4/2019
4	Phân tích hình ảnh vệ tinh	Ông Haruyoshi Hayashi	14/4/ 2019 – 27/4/2019 1/1/2020 – 10/1/2020 4/2/2020 – 13/3/2020
5	Theo dõi diễn biến rừng 1/quỹ độc lập 1/ điều phối viên nhà tài trợ 1	Ông Kei Suzuki	29/7/2018 – 4/8/2018 9/10/2018 – 13/10/2018 14/12/2018 – 19/12/2018 14/3/2019 – 21 /3/2019 10/07/2019 – 13/07/2019 7/1/2020 – 17/1/2020
6	Theo dõi diễn biến rừng 2/quỹ độc lập 2/ điều phối viên nhà tài trợ 2	Ông Hozumi Hashiguchi	18/9/2018 – 1/10/2018 27/11/2018 – 5/12/2018

			<p>21/1/2019 – 25/1/2019</p> <p>26/08/2019 – 6/9/2019</p> <p>07/10/2019 – 10/10/2019</p> <p>27/11/2019 – 20/12/2019</p> <p>14/01/2020 – 20/01/2020</p> <p>16/02/2020 – 13/03/2020</p>
7	Theo dõi diễn biến rừng 3/quỹ độc lập 3/ điều phối viên nhà tài trợ 3	Ông Yuki Nakamura	—
8	Giám sát quản lý rừng và phát triển sinh kế	Ông Wataru Yamamoto	<p>29/7/2018 – 7/8/2018</p> <p>10/11/2018 – 23/11/2018</p> <p>3 /12/2018 – 19/12/2018</p> <p>25/2/2019 – 21/3/ 2019</p> <p>28 /5/2019 – 16 /6/ 2019</p> <p>1/11/2019 – 16/11/2019</p> <p>4/03/2020 -21/03/2020</p>
9	Phát triển sinh kế/ đánh giá tác động xã hội và giới	Ông Makoto Fukuyama	<p>27/7/2018 – 7/8/2018</p> <p>22/10/2018 – 8/11/2018</p> <p>23/2/2018 – 9/3/2018</p> <p>08/07/2019 – 29/07/2019</p> <p>11/11/2019 – 3/12/2018</p> <p>3/02/2020 – 17/02/2020</p>
10	Điều phối viên / quản lý rừng 1	Bà Chihiro Naito Ông Daisuke Yumiyama	<p>1/8/2018 – 14/8/2018</p> <p>15/10/2018 – 3/11/2018</p> <p>4/3/2019 – 23/3/2019</p> <p>06/08/2019 – 23/08/2019</p> <p>28/10/2019 – 16/11/2019</p> <p>5/02/2020 – 28/02/2020</p>
11	Cán bộ hành chính	Bà Nguyễn Thị Huệ	1/01/2020 – 30/06/2020
12	Phiên dịch viên	Bà Hà Thị Ngọc Ánh	1/01/2020 – 30/06/2020
13	Cán bộ hành chính -văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Bà Đồng Thị Na	1/01/2020 – 30/06/2020

14	Điều phối viên văn phòng dự án tỉnh Điện Biên	Ông Mạc Văn Vững	1/01/2020 – 30/06/2020
15	Điều phối viên - văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Ông Hoàng Đình Quốc	1/01/2020 – 30/06/2020
16	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Lai Châu	Bà Phan Thị Thanh Tuyền	1/01/2020 – 30/06/2020
17	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Ông Nguyễn Hữu Tiến	1/01/2020 – 30/06/2020
18	Cán bộ hành chính – văn phòng dự án tỉnh Hòa Bình	Bà Nguyễn Thu Huyền	1/01/2020 – 30/06/2020
19	Điều phối viên – văn phòng dự án tỉnh Sơn La	Ông Phạm Văn Hùng	1/01/2020 – 30/06/2020
20	Cán bộ hành chính tỉnh Sơn La	Bà Chu Thị Trang	1/01/2020 – 30/06/2020
21	Chuyên gia GIS / phiên dịch viên / điều phối viên	Ông Nguyễn Văn Thanh	1/01/2020 – 30/06/2020
22	Thư ký kiêm quản lý tài chính	Bà Phạm Thị Hương	1/01/2020 – 30/06/2020
23	Trợ lý kỹ thuật	Ông Nguyễn Ngọc Duy	1/01/2020 – 31/05/2020

[Hợp phần 3]

STT	Vị trí	Họ tên	Thời gian làm việc
1	Quản lý Hợp tác (CM)	Ông Kensei Oda	20/07/2018 – 24/07/2018 25/07/2018 – 24/08/2018 5/10/2018 – 27/10/2018 19/11/2018 – 9/12/2018 5/3/2019 – 28/3/2019 14/5/2019 – 8/6/2019 8/7/2019 – 27/7/2019 18/9/2019 – 5/10/2019 30/10/2019 – 22/11/2019 15/12/2019 – 21/12/2019 10/2/2020 – 22/2/2020
2	Cải thiện sinh kế 3/ Dịch vụ tài chính	Ông Shugo Hama	9/8/2018 – 17/8/2018 11-14, 24-28/9/2018 15-19, 29-31/10/2018 6-8, 13-15, 28-30/11/2018 1, 2, 6, 7/12/2018 8, 9, 18-22/1/2019 4-8, 19-22/3/2019 16-19, 25-27/4/2019 7-10, 15-17/5/2019 7, 11, 12, 27-29/6/2019 4,5,22-24,31/7/2019 1-3, 14-15, 26-30/8/2019 5,6,11-13, 16-18/9/2019 1-3,7-9, 21-25/10/2019 13-15, 20-21, 27-29/11/2019 10-12, 19-21/12 2019 8-13/1/2020 13, 14, 19, 20, 21/2/2020
3	Du lịch sinh thái	Ông Masanori Shintani	5/9/2018 – 14/9/2018 23/6/2019 – 6/7/2019 10/9/2019 – 23/9/2019 11/11/2019 – 20/11/2019
4	Hướng dẫn CM	Ông Yoji Mizuguchi	22/11/2018 – 13/12/2018
5	Điều phối viên/ CM/ PFES/ Giám sát đa dạng sinh học	Ông Takuya Nomura	3/9/2018 – 28/9/2018 5/11/2018 – 13/12/2018 9/1/2019 – 23/1/2019 7/4/2019 – 20/4/2019 11/5/2019 – 14/6/2019 13/8/2019 – 27/8/2019 24/10/2019 – 14/11/2019

6	Cán bộ CM	Ông Lê Quang Minh	1/7/2018 – 30/06/2020
7	Cán bộ EFLO	Ông Lê Khắc Đạo	1/7/2018 – 31/03/2020
8	Cán bộ CBET	Ông Đào Đức Tâm	1/7/2018 – 30/07/2020
9	Quản lý Văn phòng	Bà Đặng Hoàng Vân Hà	1/7/2018 – 30/07/2020
10	Tài xế	Ông Đặng Quang Quyết	1/7/2018 – 30/07/2020
11	Tư vấn địa phương CM	Ông Phan Triều Giang	10/9/2010 – 31/6/2020
12	Tư vấn địa phương EFLO	Ông Tôn Thất Minh	5/9/2018 – 31/2/2020
13	Thiết kế sàn glamping	Ông Nguyễn Đình Quân	1/5/2020 – 15/7/2020
14	Tư vấn địa phương đánh giá hoạt động dự án	GS.Võ Đại Hải	23/2/2020 – 22/4/2020
15	Tư vấn địa phương kiểm soát chất lượng sản xuất nấm Shiitake	Ông Huỳnh Tấn Vũ	26/8/2019 – 29/2/2020

Phu lục 2

Máy móc và thiết bị

[Hợp phần 1]

Tên thiết bị (số lượng)	Giá (VNĐ)	Tỷ giá	Giá (Yên)
Điều hòa tại Văn phòng Dự án SNRM	15.490.000		

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 – Tháng 6/2020)

[Hợp phần 1: Hợp phần chính sách]

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần hỗ trợ chính sách)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các bộ của cơ quan thực thi, cơ quan phối hợp và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Công dân Việt Nam

Hiện trường Dự án: Hà Nội và các vùng khác có liên quan

Thời hạn Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 9

Ngày 01/07/2020

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Các phương tiện xác minh	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo Tóm tắt tổng hợp PDM		Không áp dụng	
Mục tiêu của Hợp phần Việc xây dựng và thực thi các chính sách chủ đạo về quản lý tài nguyên thiên nhiên được thúc đẩy.			1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp ở Việt Nam.	Không áp dụng	

<p>Đầu ra 1-1 Các chính sách đóng góp vào việc quản lý rừng bền vững, như Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp và Kế hoạch hành động REDD+ quốc gia được thúc đẩy.</p> <p>Đầu ra 1-2 Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy giữa các bên liên quan.</p> <p>Đầu ra 1-3 Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.</p>	<p>1. Dự thảo văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được hoàn tất (và trình Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt).</p> <p>2. Các văn bản hướng dẫn về sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và về sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>3. NBDS được sử dụng cho xây dựng các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH và cho các mục đích khác.</p>	<p>Văn bản sửa đổi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng.</p> <p>Các văn bản hướng dẫn sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống và sản xuất gỗ có giá trị cao được xây dựng.</p> <p>Các báo cáo quốc gia liên quan đến ĐDSH được trình cho Ban thư ký Ramsar, SCBD và các tổ chức khác.</p> <p>Ghi chép về truy cập NBDS</p>	<p>1. Không có những thay đổi to lớn trong xu hướng quốc tế và trong nước về REDD+/quản lý rừng bền vững.</p> <p>2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách về ĐDSH .</p> <p>3. Không có sự sụt giảm đáng kể giá cả thị trường/giá trị gỗ.</p>	<p>Luật Lâm nghiệp đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/11/2017.</p> <p>Tiêu chuẩn quốc gia “Khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp” đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017.</p> <p>Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 16/11/2018.</p> <p>Hơn 64.000 bộ dữ liệu về loài từ 36 VGQ/Khu bảo tồn đã được lưu trữ trong NBDS.</p>	
--	---	---	---	---	--

Các hoạt động	Đầu vào	Đầu ra	Điều kiện tiền đề
<p>1-1-1 Trợ giúp đánh giá và sửa đổi Luật bảo vệ và phát triển rừng</p> <p>1-1-1-1 Trợ giúp phân tích và xác định các vấn đề cần xem xét trong Luật bảo vệ và phát triển rừng hiện có và các quy định liên quan.</p> <p>1-1-1-2 Trợ giúp chuẩn bị hồ sơ Luật lâm nghiệp mới trình Bộ Tư pháp.</p> <p>1-1-1-3 Trợ giúp tổ chức và vận hành Tổ công tác dự thảo Luật Lâm nghiệp mới và các văn bản dưới luật.</p> <p>1-1-1-4 Trợ giúp hoàn thành Dự thảo Luật Lâm nghiệp mới trình Quốc hội.</p> <p>1-1-2 Trợ giúp thúc đẩy Quy chế định về Đề án Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp (Quy chế định số: 1565/QĐ-BNN-TCLN, 08/07/2013).</p> <p>1-1-2-1 Cải thiện hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống.</p> <p>1-1-2-1-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất và cung ứng hạt giống/cây giống hiện có.</p> <p>1-1-2-1-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp cần thiết thúc đẩy sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-1-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.</p> <p>1-1-2-2 Cải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).</p>	<p><u>PHÍA NHẬT BẢN</u></p> <p><u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia làm việc ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện đi lại • Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án <p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo ở Nhật Bản • Các khóa đào tạo ở các nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động DA (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>PHÍA VIỆT NAM</u></p> <p><u>Cán bộ DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban Quản lý DA (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và Điều Phối viên DA, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT • Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT <p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các văn phòng DA • Các cơ sở vật chất khác và thiết bị <p><u>Chi phí vận hành DA</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và tiền bồi dưỡng...) • Chi phí vận hành cần thiết để thực thi DA. • Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. • Chi phí bảo dưỡng xe cộ, bảo hiểm và nhiên liệu. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN-PTNT bố trí đủ cán bộ và ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra – Pháp chế, Tổng cục LN. 2. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về REDD+. 3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của CP VN về ĐDSH.

1-1-2-2-1 Trợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.

1-1-2-2-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-2-3 Trợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.

1-1-2-3 Trợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-1 Trợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-2 Trợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-2-3-3 Trợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.

1-1-3 Trợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.

1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)

1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.

1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.

1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.

1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh

1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài trợ khác.

1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.

1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.

1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.

1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mớ, khi cần thiết.

1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.

1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.

1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).

1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.

1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan ưu tiên số liệu về đa dạng sinh học.

1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo tập huấn xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.

1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.

1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.

1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.

1-1-2-1-3 Tr ợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất và cung ứng giống có chất lượng.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Tiêu chuẩn quốc gia "Khảo nghiệm giá trị canh tác sử dụng (VCU) giống cây lâm nghiệp" do được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/10/2017.	Đã hoàn thành
1-1-2-2 C ải thiện hệ thống sản xuất gỗ có chất lượng cao (bao gồm cả gỗ có đường kính lớn).							
1-1-2-2-1 Tr ợ giúp phân tích hệ thống sản xuất gỗ có giá trị cao hiện có.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	SNRM đã hỗ trợ Hiệp hội Gỗ & LSVN tổ chức dẫn đầu quốc gia về "Chế biến, xuất khẩu gỗ và lâm sản năm 2018"	Đã hoàn thành
1-1-2-2-2 Tr ợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy sản xuất gỗ có giá trị cao.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Đã thực hiện nghiên cứu phát triển ngành chế biến gỗ, nhằm hỗ trợ xây dựng một ngành mới	Đã hoàn thành
1-1-2-2-3 Tr ợ giúp xây dựng tài liệu hướng dẫn sản xuất gỗ có giá trị cao.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Đã thực hiện nghiên cứu phát triển ngành chế biến gỗ, nhằm hỗ trợ xây dựng một ngành mới	Đã hoàn thành
1-1-2-3 Tr ợ giúp thúc đẩy Đối tác Công - Tư để thu hút đầu tư vào ngành Lâm nghiệp.							
1-1-2-3-1 Tr ợ giúp phân tích thực trạng Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Đã cung cấp thông tin về ngành chế biến gỗ Việt Nam cho một số doanh nghiệp tư nhân Nhật Bản.	
1-1-2-3-2 Tr ợ giúp xác định chính sách và giải pháp thúc đẩy Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	Đã thực hiện nghiên cứu phát triển ngành chế biến gỗ, nhằm hỗ trợ xây dựng một ngành mới	Đã hoàn thành
1-1-2-3-3 Tr ợ giúp trình diễn (các) cách làm tốt về Đối tác Công - Tư trong ngành Lâm nghiệp.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ PTR)	SNRM hỗ trợ công ty Usui tăng cường trồng và chế biến Mạy chá.	
1-1-3 Tr ợ giúp biên tập các thành quả của Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp (FSSP)							

1-1-3-1 Hỗ trợ tổ chức Hội thảo tổng kết FSSP.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Vụ KHCHN & HTQT)	SNRM hỗ trợ Vụ KHCHN & HTQT cấp nhật. Cuốn làm nghị ệp Việt Nam	Đã hoàn thành
1-1-4 Trợ giúp thúc đẩy Chiến lược trình hành động quốc gia về REDD+ (NRAP)							
1-1-4-1 Trợ giúp phân tích các xu hướng quốc tế mới nhất về REDD+.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Các thông tin mới nhất đang được phân tích thường xuyên	
1-1-4-2 Trợ giúp giám sát tiến độ NRAP.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hỗ trợ đầu vào kỹ thuật cho VRO bằng nhiều hình thức khác nhau trong đó có các cuộc họp thảo luận và họp nghị.	
1-1-4-3 Trợ giúp đánh giá NRAP, khi cần.		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	NRAP điều chỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt trong tháng 4/2017.	
1-1-4-4 Hỗ trợ xây dựng đề xuất tham gia Chương trình chi trả thí điểm dựa trên kết quả REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh		KH		Các chuyên gia dài hạn	TCLN (Văn phòng REDD+ VN)	Đã hoàn thành và sẽ sớm nộp đề xuất ý tưởng lên GCF + nộp kết quả REDD+ lên UNFCCC.	
1-1-5 Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho các tỉnh thí điểm của dự án FCPF và các nhà tài trợ khác, cùng hợp tác với FCPF và các nhà tài							
1-1-5-1 Trợ giúp xây dựng PRAP của tỉnh Thừa Thiên Huế.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	TT Huế (Sở NN & PTNT) Ban QLCDALN	Đã hoàn thiện PRAP và UBND đã chính thức phê duyệt PRAP vào tháng 12/2016	

<p>1-1-5-2 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (PFMS) tại các tỉnh thí điểm của FCPF.</p>			KH	Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (S ở NN & PTNT)	Đã trình Bộ tiêu báo cáo diễn biến rừng rừng năm được trích xuất từ phần mềm ứng dụng dự phòng	
<p>1-1-5-3 Hỗ trợ áp dụng Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm của các nhà tài trợ khác.</p>			KH	Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	6 tỉnh (S ở NN & PTNT)	Đã trình Bộ tiêu báo cáo diễn biến rừng rừng năm được trích xuất từ phần mềm ứng dụng dự phòng	Đã phối hợp với Cục kiểm lâm xây dựng kế hoạch nhân rộng hệ thống TDDBR trên phạm vi toàn quốc.
<p>1-1-6 Hỗ trợ các chính sách lâm nghiệp mới, khi cần thiết.</p>			KH	Các chuyên gia dài hạn	TCLN Ban QLCDALN	SNRM đã hỗ trợ 1 xã thuộc tỉnh Bắc Kạn nộp đơn xin tài trợ chương trình viện trợ cấp cơ sở của ĐSQ Nhật Bản.	

Đầu ra 1-2: Việc sử dụng các hệ thống dữ liệu liên quan đến Đa dạng sinh học, như FORMIS và NBDS được thúc đẩy bởi các bên liên quan.							
1-2 Trợ giúp vận hành các hệ thống dữ liệu liên quan đến ĐDSH, như FORMIS và NBDS.							
1-2-1 Trợ giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường vận hành NBDS.							
1-2-1-1 Hỗ trợ chuẩn bị in ấn tài liệu và hướng dẫn liên quan đến NBDS (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đa dạng sinh học).		KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	Không thực hiện trong giai đoạn báo cáo	
1-2-1-2 Trợ giúp kết nối NBDS với GBIF.		KH		Các chuyên gia dài hạn/Tư vấn Nhật Bản	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	GBIF và Bộ TNMT đã ký biên bản ghi nhớ vào tháng 9.2018.	
1-2-2 Trợ giúp các tỉnh liên quan lưu trữ dữ liệu về đa dạng sinh học.							
1-2-2-1 Trợ giúp tổ chức các hội thảo huấn luyện xúc tiến việc lưu trữ số liệu vào NBDS.		KH		Các chuyên gia dài hạn	Bộ TN&MT (Cục BTĐ DSH)	Đã thu thập số liệu tại 8 VQG/KBT	
Đầu ra 1-3: Các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về Đa dạng sinh học thông qua hợp tác với Bộ TN-MT được tổng hợp trong các quá trình ra chính sách và hành động.							
1-3 Trợ giúp củng cố các Đầu ra của Hợp phần 2 về QLRBV và REDD+ và Hợp phần 3 về ĐDSH từ hợp tác với Bộ TN-MT trong quá trình xây dựng chính sách/hành động.							
1-3-1 Tập hợp các Đầu ra của Hợp phần 2 và Hợp phần 3 theo định kỳ.		KH		Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Các kết quả đầu ra đã được tổng hợp định kỳ	
1-3-2 Trợ giúp xây dựng các báo cáo tóm tắt về chính sách liên quan đến Hợp phần 2 và Hợp phần 3.		KH		Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDALN TCLN Bộ TN&MT	Không có hoạt động liên quan trong giai đoạn báo cáo này.	

Thời gian/ Giai đoạn	KH	[Grid of small cells]														
	TH	[Grid of small cells]														

Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
	TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III					
Giám sát		[Hatched pattern]																									
Ban chỉ đạo dự án	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									
Xây dựng Kế hoạch hoạt động chi tiết	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									
Nộp Bản giám sát	KH	[Grid of small cells]																					Đã chuẩn bị báo cáo tiến độ 6 tháng (phiên bản B)				
	TH	[Grid of small cells]																									
Đoàn giám sát từ Nhặt Bản	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									
Hậu giám sát	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									
Các báo cáo/tài liệu		[Grid of small cells]																									
Báo cáo tổng kết dự án	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									
Quan hệ công chúng	KH	[Grid of small cells]																									
	TH	[Grid of small cells]																									

Bản giám sát dự án I (Tháng 1 - Tháng 6/2020)
[Bản chi tiết- Hợp phần 2 (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững & REDD+)]
Ma Trận Dự án

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Phiên bản số: 9
Ngày: 01/07/2020

Implementing Agency: Đơn vị thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT), Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh và Sở NN&PTNT thuộc bốn tỉnh khu vực Tây Bắc bao gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình

Đầu tư/bên nhận lợi ích trực tiếp: Cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện dự án, các đối tác chính và người dân địa phương
 Đầu tư/bên nhận lợi ích gián tiếp: Người dân địa phương có liên quan đến công tác thực hiện các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và REDD+ ở khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)

Địa điểm thực hiện dự án: Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)
 Thời hạn thực hiện dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Tóm tắt	Các chỉ số xác minh khách quan	Phương tiện xác minh	Giới định quan trọng	Thành tựu	Ghi chú
Mục tiêu chung Thúc đẩy công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và mang lại lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của dự án Tăng cường năng lực quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp Ma trận Thiết kế Dự án		Không áp dụng	Không áp dụng
Mục tiêu của hợp phần Công tác quản lý rừng bền vững được thúc đẩy thông qua việc xây dựng thực hiện các Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh (PRAP) tại 4 tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc (Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình)	Hơn 90% diện tích rừng tự nhiên hiện có được bảo vệ, diện tích được thực hiện khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng vào thời điểm kết thúc dự án so với năm 2015 tối thiểu là phải tương ứng với số diện tích rừng tự nhiên đã mất tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh.	Bảo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh Tây-Bắc và chính quyền trung ương đảm bảo, phân bổ và chi đầy đủ ngân sách cần thiết cho các hoạt động REDD+.	Không áp dụng	Không áp dụng
Đầu ra 2-1 (tại tỉnh Điện Biên) Năng cao hơn nữa năng lực thực hiện kế hoạch hành động (KHHĐ) REDD+ tại tỉnh Điện Biên	1. Vào tháng thứ 24 của dự án, KHHĐ REDD+ cấp tỉnh của ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình đều đã được xây dựng xong và được UBND tỉnh phê duyệt. 2. Vào cuối năm 2016, kế hoạch thực hiện các hoạt động thí điểm tại các xã thí điểm thuộc bốn tỉnh được phê duyệt bởi UBND xã tương ứng.	Bảo cáo giám sát dự án	1. Bốn tỉnh thuộc khu vực Tây Bắc và chính phủ trung ương đảm bảo, phân bổ và giải ngân đầy đủ các khoản kinh phí cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động REDD+.	1. Ba tỉnh đã phê duyệt KHHĐ REDD+.	
Đầu ra 2-2 (tại tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình) KHHĐ REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.	3. Khi dự án kết thúc, hơn 90% các hoạt động thí điểm được đề xuất và thực hiện theo các bản kế hoạch được Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt sẽ được tiếp tục thực hiện ở các xã thí điểm. 4. Tại tỉnh Điện Biên, Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng cấp tỉnh được nhân rộng sử dụng tới tất cả những xã có rừng. Tại ba tỉnh còn lại, hệ thống này đã được sử dụng tới 50% các xã có rừng mục tiêu thuộc phạm vi của KHHĐ REDD+.	Bảo cáo về Hệ thống Giám sát Rừng cấp tỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh	2. Tại 4 tỉnh Tây Bắc, các chính sách, chương trình của ngành lâm nghiệp và các ngành liên quan khác (như quản lý đất đai, quản lý tài nguyên thiên nhiên, xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn và nông nghiệp...) được lồng ghép đầy đủ với các hoạt động REDD+.	2. Kế hoạch quản lý rừng và kế hoạch phát triển sinh kế 5 năm (giai đoạn 2016-2020) và hàng năm (giai đoạn 2016-2017) của các xã thí điểm thuộc 4 tỉnh tham gia dự án đã được UBND xã phê duyệt. 3. Tất cả các hoạt động thí điểm tiếp tục được thực hiện tại các xã thí điểm 4. Các giảng viên về vận hành Hệ thống Theo dõi Diễn biến Rừng (TDDBR) cấp tỉnh đã được tập huấn tại 4 tỉnh tham gia dự án. Công tác tập huấn về vận hành Hệ thống TDDBR đã được rà soát, đặc biệt tập huấn bổ sung và tập huấn nhân rộng ra toàn tỉnh đã được lên kế hoạch. Chương trình kiểm soát và đảm bảo chất lượng đang trong quá trình xây dựng.	4. Việc đào tạo nâng cao năng lực cho các giảng viên về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh tại Điện Biên được đánh giá là cần thiết dựa trên hai lý do. Lý do thứ nhất là tập huấn cho cán bộ giảng viên được tổ chức từ thời điểm thực hiện dự án SUSFORM-NOW trước đây vì vậy cán bộ phải được tập huấn lại để cập nhật các kiến thức và kỹ năng vận hành hệ thống TDDBR hiện tại. Lý do thứ hai là cán bộ làm việc tại chi cục kiểm lâm phụ trách vận hành Hệ thống trước đây đã được thay thế bởi một người mới.

Hoạt động	Đầu vào	Điều kiện tiên quyết
[Tại tỉnh Điện Biên] 2-1-1. Thành lập Ban Quản lý Dự Án cấp tỉnh. 2-1-2. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ cấp tỉnh 2-1-2-1. Điều chỉnh KHHĐ REDD+ dựa trên những khuyến nghị từ dự án SUSFORM-NOW và dựa trên các khía cạnh khác như phân tích tài chính và hoặc KHHĐ REDD+ cấp quốc gia sửa đổi cũng như kết quả tham vấn với các bên tham gia. 2-1-2-2. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHĐ REDD+ cấp tỉnh đã được sửa đổi sau đó UBND tỉnh phê duyệt chính thức 2-1-2-3. Giám sát việc thực hiện KHHĐ REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh 2-1-3. Lên kế hoạch và thực hiện các hoạt động REDD+ dựa tại xã thí điểm được lựa chọn.	Phía Nhật Bản Chuyên gia • Các chuyên gia dài hạn làm việc tại Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn làm việc cho hợp phần 2 quản lý rừng bền vững, phân tích hệ thống thông tin và lý (GIS) hình ảnh vệ tinh, phát triển sinh kế và các hạng mục khác công việc theo yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện dự án) Thiết bị và máy móc • Ô tô • Xe máy • Phương tiện khác Tập huấn • Tập huấn tại Nhật Bản • Tập huấn tại các nước thứ ba • Tập huấn tại Việt Nam Chuyên gia/tư vấn trong nước • Chuyên gia trong nước (chuyên gia vận hành GIS, chuyên gia quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế, phân tích...) • Tư vấn trong nước (tư vấn điều tra tình hình kinh tế xã hội, quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế...) Chi phí vận hành dự án • Chi phí thực hiện các hoạt động của dự án (chia sẻ với đối tác Việt Nam) • Chi phí thuê chuyên gia/tư vấn trong nước	1 Không có những thay đổi lớn trong các chính sách lâm nghiệp; các chính sách hiện có và chính sách mới không có tác động tiêu cực đến các hoạt động REDD+. 2 Hệ thống chi trả DVMTR vẫn được duy trì. 3 Dân số các khu vực mục tiêu không giảm hoặc tăng quá nhanh. 4 Những người tham gia thực hiện các hoạt động và các khóa đào tạo của Dự án vẫn tiếp tục làm việc ở vị trí công tác của họ hoặc ở những vị trí có liên quan. 5 Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đủ và phân bổ vốn đầu tư cần thiết cho việc duy trì các hoạt động dự án. 6 Các cơ quan hữu quan của tỉnh như Sở NN&PTNT, UBND tỉnh, xã, lãnh đạo và người dân các thôn/bản mong muốn được tham gia thực hiện các hoạt động REDD+.
2-1-3-1. Lựa chọn một xã thí điểm 2-1-3-2. Tiến hành khảo sát tình hình kinh tế - xã hội tại xã thí điểm. 2-1-3-3. Lập bản đồ rừng thuộc xã thí điểm. 2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm. 2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm 2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm 2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thực dân viên 2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để bàn thực hiện xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK). 2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK 2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9. 2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.		

2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thực dân viên/cán bộ khuyến nông/làm thực hiện.			
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.			
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.			
2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW			
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh			
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh			
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.			
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần			
2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).			
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.			
2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW			
2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục nội dung của mục 2-1-5-1.			
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW (Mường Phăng và Mường Mươn) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.			
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế			
2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả			
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.			
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.			
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.			
[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình]			
2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này			
2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.			
2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.			
2-2-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh			
2-2-3-1. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.			
2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh			
2-2-3-4. Soạn thảo đề cương KHHD REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch			
2-2-3-5. Xác định và thống nhất về các nhiệm vụ công việc xác định các đơn vị liên quan trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.			
2-2-3-6. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động nằm trong kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng sẽ được lồng ghép thực hiện với KHHD REDD+ cấp tỉnh			
2-2-3-7. Tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh đã được nâng cấp vào công tác thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-8. Xây dựng kế hoạch phát triển sinh kế sẽ được thực hiện trong khuôn khổ KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-9. Xây dựng các khung giám sát rủi ro môi trường và xã hội thuộc KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-10. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực cho các liên quan sẽ được tổ chức trong khuôn khổ thực hiện KHHD REDD+.			
2-2-3-11. Xác định các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện các hoạt động được đề xuất trong KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-12. Làm rõ cấu trúc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh.			
2-2-3-13. Hoàn thiện KHHD REDD+ cấp tỉnh			
2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.			
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh			
2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh			
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.			
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.			
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.			
2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.			
2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.			
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.			
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thực dân viên.			
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).			
2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.			

<p>2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.</p> <p>2-2-4-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/làm thực hiện.</p> <p>2-2-4-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+</p> <p>2-2-5. Nâng cao năng lực thiết lập và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh ở mỗi tỉnh.</p> <p>2-2-5-1. Thành lập tổ chuyên trách vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của cán bộ vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh</p> <p>2-2-5-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ vận hành hệ thống</p> <p>2-2-5-4. Tổ chức các khóa tập huấn theo nội dung nhiệm vụ ghi tại mục 2-2-5-3.</p> <p>2-2-5-5. Điều chỉnh tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh nếu cần</p> <p>2-2-6. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ để nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP ở mỗi tỉnh.</p>			
--	--	--	--

[1] Dự án Quản lý Rừng Bền vững Khu vực Đầu nguồn Tây Bắc (SUSFORM-NOW): Dự án hợp tác kỹ thuật do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ, giai đoạn 2010 - 2015

Kế hoạch hoạt động dự án (Hợp phần 2)

Phiên bản số 8

Ngày 01/07/2020

Tên dự án: Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (Hợp phần Quản lý Rừng Bền vững và REDD+)

Đầu vào		Giám sát												Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp										
		Năm	2015			2016			2017			2018					2019			2020						
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III			
Chuyên gia																								Trưởng nhóm: 9,87 tháng QLRBV: 39,8 tháng KHHD REDD+ cấp tỉnh: 12,34 tháng PTAVT/HTTTDL: 8 tháng QLR: 28,33 tháng PTSK: 33,66 tháng		
Trưởng nhóm		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Quản lý Rừng Bền vững		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
REDD+/KHHD REDD+ cấp tỉnh		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Phân tích hình ảnh vệ tinh/ hệ thống thông tin địa lý		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Theo dõi diễn biến rừng		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Phát triển sinh kế		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Tư vấn trong nước		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Thiết bị																										
Thiết bị (máy tính, máy in, máy photo, thiết bị điều tra quản lý rừng)		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Xe ô tô cho ba tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Xe máy cho bốn tỉnh tham gia dự án bao gồm Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình, Điện Biên		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Tập huấn tại Nhật Bản																										
Tập huấn cho nhân sự của đối tác		Kế hoạch																								
		Thực tế																								
Tập huấn trong nước/tại quốc gia thứ ba																										
Tập huấn cho nhân sự của đối tác		Kế hoạch																								
		Thực tế																								

Sẽ được thực hiện theo từng thời điểm

2-1-3-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Ranh giới thôn/bản đã được phác thảo thông qua các cuộc tham vấn với các thôn/bản liên quan. Tất cả các ranh giới thôn đã được xác định cả trên bản đồ GIS và trên mặt đất.	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu REDD+ tại xã thí điểm				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-6. Xây dựng cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban QLR đặc dụng đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại 21 thôn/bản thuộc xã Pá Khoang	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-9. UBND xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/UBND xã / Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
				Thực tế																					
2-1-3-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và phục hồi rừng theo mục 2-1-3-9.				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	- Hoạt động tuần tra bảo vệ rừng thường xuyên được thực hiện tại các xã mục tiêu.	
				Thực tế																					
2-1-3-11. Tiến hành thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo mục 2-1-3-9.				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Dự án đã hỗ trợ kết nối người nuôi ong với hợp tác xã Nông-lâm-thủy sản Pá Khoang, và hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ cần thiết để nộp cho cơ quan có thẩm quyền (Chi cục Quản lý Chất lượng Sản phẩm Nông – Lâm – Thủy sản) (thuộc Sở NN&PTNT) xin cấp chứng nhận chất lượng đối với sản phẩm mật ong. Các biển quảng cáo đã được đặt ở hai bên đường ở hai bản để thúc đẩy bán sản phẩm nông, lâm, thủy sản do người dân của hai bản mục tiêu và người dân các bản lân cận sản xuất.	
				Thực tế																					
2-1-3-12. Giám sát các hoạt động QLR và PTSK thôn/bản do các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông/lâm thực hiện.				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hoạt động giám sát đã được thực hiện sau khi hoàn thành mỗi Hoạt động. Dựa vào các kết quả giám sát, hướng dẫn kỹ thuật đã được cung cấp cho người dân.	
				Thực tế																					
2-1-3-13. Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động REDD+.				Kế hoạch																		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Công tác giám sát việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế lần thứ tư đã được tiến hành để thu thập thông tin về các kết quả, thành tựu đạt được mới nhất cũng như các vấn đề hiện hữu liên quan đến việc thực hiện các hoạt động này.	
				Thực tế																					
2-1-4. Tăng cường năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng (TDDBR) cấp tỉnh.				Kế hoạch																					
				Thực tế																					

2-1-4-1. Rà soát lại hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được xây dựng trong thời gian thực hiện dự án SUSFORM-NOW		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-1]	Nhóm tư vấn		Rà soát lại Hệ thống TDDBTNR do Dự án SUSFORM-NOW phát triển	Hoàn thành
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-1]				
2-1-4-2. Đánh giá nhu cầu cần được tập huấn của các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-2]	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Xác định nhu cầu tập huấn nâng cao năng lực để mở rộng ra toàn tỉnh và sự cần thiết của các lớp tập huấn tiêu giáo viên bổ sung theo yêu cầu của CCKL. Kết quả tập huấn đã được theo dõi và thảo luận tại các cuộc họp Tổ Chuyên trách. Đã xây dựng kế hoạch tập huấn mở rộng	Hoàn thành
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-2]				
2-1-4-3. Xây dựng chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ vận hành hệ thống TDDBR cấp tỉnh		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-3]	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã soạn thảo chương trình tập huấn và cẩm nang hướng dẫn vận hành. "Ứng dụng Di động Theo dõi Diễn biến rừng của JICA" đã được phân phối cho các huyện và Ban QL.R.	Hoàn thành
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-3]				
2-1-4-4. Tổ chức các lớp tập huấn theo nội dung của mục 2-1-4-3.		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-4]	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Lớp tập huấn nòng cốt cho cán bộ quản lý Cục KL trung ương và Chi cục Kiểm Lâm địa phương và Phòng Thông tin tổng hợp thuộc TCLN đã được tổ chức. Các cán bộ tham dự tập huấn bao gồm kiểm lâm vùng phụ trách theo dõi diễn biến rừng cấp khu vực trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Hoàn thành
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-4]				
2-1-4-5. Sửa đổi các tài liệu hướng dẫn và cẩm nang vận hành hệ thống TDDBR nếu cần		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-5]	Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Số tay và hướng dẫn thực hiện đã được cập nhật với phiên bản 3.2 và được đăng tải lên trang web của Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh (website học trực tuyến (e-learning): http://tailieu.vnforest.gov.vn/) Đồng link sẽ được đăng tải tại trang web của Cục kiểm lâm.	
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-5]				
2-1-4-6. Điều phối công tác tích hợp hệ thống TDDBR cấp tỉnh với hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS).		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-4-6]	Nhóm tư vấn	Tổng cục Lâm nghiệp/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Việc tích hợp hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh với hệ thống máy chủ FORMIS đã hoàn thành, các tham số đều đã được đồng bộ thành công. Hiện tại hệ thống này đã sẵn sàng để được bàn giao cho Cục kiểm lâm / Tổng cục Lâm nghiệp	
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-4-6]				
2-1-5. Thúc đẩy chuyển giao kiến thức và chia sẻ kinh nghiệm giữa ba tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình.		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-5]	Nhóm tư vấn			
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-5]				
2-1-5-1. Xây dựng các kế hoạch tập huấn cho 3 tỉnh Tây-Bắc dựa trên các hoạt động của dự án SUSFORM-NOW		Kế hoạch	[Gantt chart for 2-1-5-1]	Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chỉnh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch tập huấn về ứng dụng hệ thống ra toàn tỉnh đang được điều phối	
		Thực tế	[Gantt chart for 2-1-5-1]				

2-1-5-2. Tổ chức các khóa tập huấn và hội thảo theo mục theo nội dung của mục 2-1-5-1.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo cấp quốc gia về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh đã được tổ chức dưới sự hợp tác với Tổng cục Lâm nghiệp/cục kiểm lâm, 15 tỉnh được tập huấn về Hệ thống TDDBR cấp tỉnh, và các nhà tài trợ bao gồm FORMIS II, UNREDD 2, FCPF. Các cuộc họp của tổ chuyên trách đã được tổ chức.	
2-1-6. Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển kinh tế tại các xã thí điểm của dự án SUSFORM-NOW[1] (Mường Phăng và Mường Muron) và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.				Thực tế					
2-1-6-1. Xây dựng kế hoạch giám sát công tác thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch giám sát và cách thức thu thập dữ liệu đã được lập	Hoàn thành
2-1-6-2. Thực hiện công tác giám sát theo nhiệm vụ công việc ghi tại mục 2-1-6-1 và đánh giá kết quả				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tiến hành thu thập dữ liệu / thông tin chủ yếu thông qua điều tra dựa trên bảng hỏi, và báo cáo giám sát và đánh giá (M & E) đã được chuẩn bị.	Hoàn thành
2-1-6-3. Cung cấp cho đối tác những thông tin về kết quả giám sát và đánh giá.				Thực tế		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã tổ chức một hội thảo chia sẻ kết quả giám sát & đánh giá với các bên liên quan, bài học kinh nghiệm và những khuyến nghị đã được thu thập.	Hoàn thành
2-1-6-4. Cung cấp cho đối tác những hỗ trợ kỹ thuật cần thiết.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Không áp dụng	
2-1-7. Biên soạn các kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm rút ra từ việc lập kế hoạch và thực hiện REDD+ nhân rộng sang các khu vực ưu tiên khác trong khuôn khổ PRAP.				Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chinh quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Báo cáo giám sát và đánh giá, báo cáo về các mô hình thực hiện tốt các hoạt động REDD+ đã được xây dựng.	
				Thực tế					

Đầu ra 2-2: KHHD REDD+ của ba (03) tỉnh Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình được xây dựng dựa vào việc kế thừa kiến thức/kinh nghiệm từ tỉnh Điện Biên.

[Tại ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình] 2-2-1. Thành lập Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh ở cả ba (03) tỉnh này			Kế hoạch			Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Ban QLDA tỉnh đã chính thức được thành lập tại tỉnh Hòa Bình, Lai Châu và Sơn La.	
2-2-2. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế - xã hội.			Thực tế					
2-2-2-1. Thực hiện khảo sát điều kiện tự nhiên- môi trường, kinh tế - xã hội cấp tỉnh.			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Các thông tin cần thiết đã được thu thập và phân tích	Hoàn thành
2-2-3. Xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp		
2-2-3-1 Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho ba tỉnh.			Thực tế				Các cuộc hội thảo khởi động cấp tỉnh và họp khởi động họp phân phụ (KHHD REDD+ cấp tỉnh, hoạt động thí điểm, Hệ thống TDDBR) đã được tổ chức.	Hoàn thành
2-2-3-2. Thành lập tổ công tác kỹ thuật chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh.			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Tổ CTKT xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh đã được thành lập	Hoàn thành
2-2-3-3. Dự thảo lộ trình xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	Lộ trình xây dựng KHHD REDD+ đã được thống nhất giữa các bên tại hội thảo khởi động	Hoàn thành
2-2-3-4 Soạn thảo đề cương KHHD REDD+ cấp tỉnh bao gồm cả mục tiêu của kế hoạch			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB, SL, LC: khung và mục tiêu của kế hoạch đã được xác định	Hoàn thành

2-2-3-13. Hoàn thiện KHHD REDD+ cấp tỉnh			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHD REDD+ cấp tỉnh SL: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHD REDD+ cấp tỉnh LC: đã hoàn thiện bản dự thảo KHHD REDD+ cấp tỉnh	Hoàn thành
				Thực tế				
2-2-3-14. Trình Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam thẩm định chính thức bản KHHD REDD+ cấp tỉnh sau đó trình UBND tỉnh phê duyệt chính thức.			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: KHHD REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 803/QĐ-UBND ban hành ngày 20/9/2017. SL: KHHD REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 2338/QĐ-UBND ban hành ngày 29/8/2017. LC: KHHD REDD+ đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 1052/QĐ-UBND ban hành ngày 13/9/2017.	Hoàn thành
				Thực tế				
2-2-3-15. Giám sát việc thực hiện KHHD REDD+ cấp tỉnh và báo cáo UBND tỉnh					Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp	HB: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 15/3 và đã trình lên UBND tỉnh. SL: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 20/5 và đã trình lên UBND tỉnh. LC: Báo cáo giám sát PRAP năm 2018 đã được Sở NN&PTNT phê duyệt vào ngày 13/5 và đã trình lên UBND tỉnh. Hướng dẫn giám sát PRAP đã được xây dựng làm cơ sở tham chiếu hỗ trợ cho công tác giám sát PRAP những năm sau.	Hoàn thành
				Thực tế				
2-2-4. Lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động tại xã thí điểm được lựa chọn thuộc mỗi tỉnh			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Chính quyền địa phương liên quan/Ban QLDA Lâm nghiệp		
				Thực tế				
2-2-4-1. Xây dựng tiêu chí lựa chọn xã thí điểm, và việc lựa chọn xã thí điểm phải dựa trên các tiêu chí đưa ra.							Dựa trên các kết quả của các cuộc họp tham vấn, tiêu chí và dữ liệu liên quan, các xã có tên sau đã được lựa chọn là xã thí điểm Tỉnh Hòa Bình: xã Thanh Hối, huyện Tân Lạc. Tỉnh Sơn La: xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai. Tỉnh Lai Châu: xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên.	Hoàn thành
				Thực tế				
2-2-4-2. Thực hiện điều tra kinh tế xã hội tại xã thí điểm.			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Khảo sát tình hình kinh tế-xã hội của xã và các thôn/bản thuộc xã thí điểm đã được thực hiện và báo cáo khảo sát đã được lập	Hoàn thành
				Thực tế				
2-2-4-3. Xây dựng bản đồ rừng tại xã thí điểm.			Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Đã xây dựng bản đồ quản lý rừng bao gồm khu vực bảo vệ, khu vực tái sinh và khu vực trồng rừng cho xã thí điểm.	Hoàn thành
				Thực tế				

2-2-4-4. Xác định ranh giới thôn/bản thuộc xã thí điểm.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Theo kết quả thảo luận với các Ban quản lý dự án cấp tỉnh, dự án không cần phải hỗ trợ xác định ranh giới thôn/bản tại các xã thí điểm	
2-2-4-5. Tổ chức hội thảo giới thiệu về REDD+ cho người dân tại xã thí điểm.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Hội thảo khởi động giới thiệu về các hoạt động thí điểm REDD+ đã được tổ chức tại các xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-6. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động REDD+ tại xã thí điểm.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	CCKL/ Ban QLDA Lâm nghiệp	UBND huyện, xã và Ban quản lý liên quan đã bổ nhiệm cán bộ thúc đẩy/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-7. Tổ chức tập huấn cho các thúc đẩy viên.					Các lớp tập huấn về nâng cao kỹ năng và các bước thực hiện thúc đẩy người dân bản tham gia xây dựng kế hoạch QLR và PTSK đã được tổ chức cho các thúc đẩy viên/cán bộ khuyến nông-lâm	Hoàn thành
2-2-4-8. Tổ chức các cuộc họp thôn/bản để xây dựng và hoàn thiện kế hoạch quản lý rừng (QLR) và phát triển sinh kế (PTSK).	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Các cuộc họp về lập kế hoạch thôn/bản đã được tổ chức tại các thôn/bản mục tiêu thuộc xã thí điểm	Hoàn thành
2-2-4-9. Ủy ban Nhân dân xã phê duyệt kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	Kế hoạch QLR và PTSK cấp thôn/bản đã được tóm tắt và được UBND xã phê duyệt.	Hoàn thành
2-2-4-10. Tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, tái sinh và trồng rừng theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tuần tra bảo vệ rừng đã được thực hiện định kỳ tại các xã mục tiêu và tổ tuần tra đã phát hiện một số vụ vi phạm quy định bảo vệ và phát triển rừng ở tỉnh Sơn La và Hòa Bình - Một chuyên tham quan học tập về tăng cường quản lý rừng và phát triển sinh kế đã được tổ chức tại tỉnh Hòa Bình để người tham gia có thể tìm hiểu về hệ thống cấp chứng chỉ rừng và mô hình trồng rừng hỗn giao cây keo và cây bản địa. - Công tác đánh giá tại chỗ sự tăng trưởng và tỷ lệ cây sống đối với các loài cây bản địa đã được thực hiện tại tỉnh Hòa Bình. 	
2-2-4-11. Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế thôn/bản theo nội dung công việc ghi tại mục 2-2-4-9.	Kế hoạch		Nhóm tư vấn	Ban QLDA tỉnh/Tổ CTKT chuyên trách xây dựng KHHD REDD+ cấp tỉnh/ Ban QLDA Lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đã hỗ trợ thành lập hai nhóm hộ trồng dưa hấu, một nhóm gồm 12 hộ tham gia và một nhóm gồm 10 hộ tham gia. (tỉnh Lai Châu) - Các biển hiệu hiệu đã được lắp đặt hai bên đường nhằm tuyên truyền thúc đẩy người dân trồng rau, đặc biệt những mô hình trồng rau của phụ nữ tại các bản (tỉnh Lai Châu). - Máy khử nước đã được người dân sử dụng để khử nước trong thành phần sản phẩm mật ong. Một số người nuôi ong ở tỉnh Thái Nguyên đã đến tham quan và tìm hiểu về sản phẩm mật ong đã được tách nước na y. (tỉnh Hòa Bình) - Tập huấn kỹ thuật trồng sa nhân đã được tổ chức cho 78 người dân bản. (tỉnh Sơn La) - Công tác đánh giá chuyên sâu về mô hình nông lâm kết hợp đã được tiến hành. (tỉnh Sơn La) 	

Thời hạn/giai đoạn	Kế hoạch		
	Thực tế		

Kế hoạch giám sát	Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Lưu ý	Vấn đề	Giải pháp
	VFI	III IV I	II III IV	I II III IV	I II III IV	I II III IV	I II III			
Giám sát	Kế hoạch									
Ban Chỉ đạo Dự án	Thực tế									
Xây dựng kế hoạch vận hành dự án chi tiết	Kế hoạch									
	Thực tế									
Đệ trình biên bản giám sát	Kế hoạch									
	Thực tế									
Giám sát từ Nhật Bản	Kế hoạch									
	Thực tế									
Sau giám sát	Kế hoạch									
	Thực tế									
Báo cáo/tài liệu										
Kế hoạch làm việc	Kế hoạch									
	Thực tế									
Báo cáo hoàn thành dự án	Kế hoạch									
	Thực tế									
Quan hệ công chúng										
	Kế hoạch									
	Thực tế									
	Kế hoạch									
	Thực tế									

Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1

Bảng Giám Sát II (T1 2020 - T6 2020)

[Bản chi tiết, Hợp phần 3 (Hợp phần Đa dạng sinh học)]

Ma trận thiết kế dự án (PDM)

Bản số 9

Ngày 01 tháng 7 năm 2020

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần Đa dạng sinh học)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án cấp tỉnh (Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà [BNBNP-MB], Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim [DWPF-MB], Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường, v.v.) của tỉnh Lâm Đồng

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Cán bộ của cơ quan thực thi và các bên liên quan chủ chốt

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Người dân địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR) ở tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa và Bình Phước

Hiện trường dự án: Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang ở tỉnh Lâm Đồng/Vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà

Thời gian thực hiện dự án: 17/8/2015 – 31/1/2021

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Thúc đẩy quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững mang lại đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu cụ thể của Dự án Năng lực thể chế quốc gia về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Một hệ thống quản lý hệ sinh thái tích hợp và hợp tác được thiết lập để bảo tồn và quản lý bền vững Khu dự trữ sinh quyển thế giới Lang Biang (LB-BR).	<ol style="list-style-type: none"> Dữ liệu thu được từ PFMS sẽ tiếp tục được sử dụng để quản lý bền vững khu DTSQ Langbiang. Hệ thống giám sát đa dạng sinh học được phát triển sẽ tiếp tục được sử dụng để theo dõi hiện trạng sinh thái của khu DTSQ Langbiang Các văn bản chính sách về thử nghiệm CMA (Thỏa thuận quản lý hợp tác) tại các thôn mục tiêu được BQL khu DTSQ thông qua có cân nhắc đến mở rộng. Kế hoạch quản lý đã được phê duyệt bởi UBND tỉnh được thực hiện bởi các bên tham gia liên quan. 	<p>CMA và báo cáo giám sát</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà</p> <p>Trình văn bản cho BQL khu DTSQ với các văn bản chính sách</p> <p>Báo cáo năm của Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển</p> <p>Trình văn bản tới UBND, có lộ trình cụ thể</p>	<ol style="list-style-type: none"> Không có những sự kiện có thể gây ra những biến đổi đáng kể về rừng và các hệ sinh thái rừng trong vùng. 	<ol style="list-style-type: none"> Tiếp tục thu thập dữ liệu để sử dụng cho việc quản lý Khu DTSQTG Lang Biang Tiếp tục sử dụng hệ thống giám sát đa dạng sinh học để giám sát tình trạng sinh thái Đã soạn thảo các tài liệu chính sách và các hướng dẫn dự thảo liên quan đã được thực hiện liên tục, cả hai đều được đề xuất cho cuộc họp cuối cùng của LB-BRMB để chứng thực. Dựa trên Kế hoạch quản lý, Kế hoạch hành động hàng năm 2019 được phát triển/ thực hiện bởi các bên liên quan. Không áp dụng vì cuộc họp Đánh giá Hàng năm tổ chức tháng 12 năm 2019 đã chấp thuận xóa hoạt động xây dựng bản đồ lộ trình do thái độ tiêu cực đối với việc mở rộng Khu DTSQTG Lang Biang của các 	

<p>Đầu ra 3-1 Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.</p>	<p>3-1-1 Tất cả các bên tham gia chủ chốt, bao gồm cả các UBND xã ở vùng lõi và vùng đệm hiểu biết sâu sắc hơn các mục tiêu của Khu dự trữ sinh quyển và vai trò/trách nhiệm của mình trong khung thể chế này. 3-1-2 Kế hoạch quản lý Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt. 3-1-3 Ít nhất 80% các tổ chức, ban ngành trong tỉnh có tên trong KHQL triển khai và giám sát các hoạt động theo như kế hoạch đã được duyệt</p>	<p>Biên bản của các cuộc họp tham vấn Quyết định của UBND tỉnh Phòng kiểm soát</p>	<p>1. Không có những thay đổi đáng kể trong các kế hoạch phát triển, chính sách và luật pháp. 2. Không có những thay đổi lớn trong các cơ cấu tổ chức và các chính sách hỗ trợ của các bên liên quan của ban quản lý. 3. Tình hình kinh tế không có những thay đổi to lớn.</p>	<p>1. Sự hiểu biết của các bên liên quan bao gồm các UBND về các mục tiêu của Khu DTSQTG Lang Biang đã sâu hơn thông qua 2 loạt họp tham vấn và các hoạt động liên quan đến Khu DTSQTG Lang Biang bao gồm các hoạt động Diễn đàn Quản lý hợp tác. 2. KHQL đã được UBND Tỉnh phê duyệt vào tháng 4 năm 2018. 3. 100% các tổ chức cấp tỉnh được liệt kê đã thực hiện/ giám sát KHQL thông qua việc</p>
<p>Đầu ra 3-2 Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p>	<p>3-2-1 Trên (ít nhất là) 75 % các thôn/buôn tham gia CMA thí điểm bày tỏ mong muốn tiếp tục hoạt động theo đúng thỏa thuận, thậm chí cả sau khi kết thúc Dự án. 3-2-2 Tại các xã thí điểm CMA, trên (ít nhất là) 75 % người dân tham gia CMA đánh giá rằng BSM do Dự án giới thiệu là có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3-2-3 Trên (ít nhất là) 80 % cán bộ tham gia vào hoạt động dự án của BNNP-MB, DWPF-MB, và UBND các xã đánh giá rằng họ có thể nhân rộng và quản lý CMA có các BSM. 3-2-4 Các văn bản pháp lý về CMA có các BSM được Ban quản lý khu dự trữ sinh quyển chấp thuận.</p>	<p>Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Khảo sát phỏng vấn Trình công văn về chính sách cho BQL khu DTSQ</p>		<p>1. 87% người dân tham gia vào các hoạt động TTQLHT cho thấy họ sẵn sàng tiếp tục các hoạt động theo TTQLHT sau khi dự án kết thúc. 2. 78% người dân tham gia các hoạt động Cơ chế chia sẻ lợi ích đánh giá rằng Cơ chế chia sẻ lợi ích được giới thiệu có hiệu quả trong việc cải thiện sinh kế của họ. 3. 90% cán bộ/ kiểm lâm viên của chủ rừng và cán bộ UBND Huyện tham gia vào các hoạt động TTQLHT cho thấy họ sẽ nhân rộng các hoạt động TTQLHT với Cơ</p>
<p>Đầu ra 3-3 Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.</p>	<p>3-3-1 Một bộ số liệu đa dạng sinh học của BNNP được chia sẻ với MARD và lưu trữ dữ liệu thu thập trong quá trình thực hiện dự án vào NBDS như một nghiên cứu điểm trên cạn của NBDS. 3-3-2 Các điều kiện/hiện trạng rừng và đa dạng sinh học được theo dõi, giám sát hàng năm.</p>	<p>FORMIS/NBDS Báo cáo giám sát năm</p>		<p>1. Bộ dữ liệu được thu thập thông qua triển khai hệ thống giám sát sinh học liên tục được chia sẻ với Bộ NN & PTNT và Bộ Tài chính dài hạn. 2. Các dự án về rừng/ đa dạng sinh học được theo dõi</p>

1 Các thôn/buôn mục tiêu là năm (5) thôn/buôn đã được Dự án JICA trước hỗ trợ và hai (2) thôn/buôn trong vùng lõi của Vườn quốc gia Bidoup – Núi Bà. Sự cần thiết thêm các thôn/buôn mục tiêu ở vùng đệm được khuyến nghị sẽ xem xét vào năm thứ 3 của dự án.
 2 Mục tiêu cụ thể của các chỉ số kiểm chứng khách quan sẽ được xác định tại cuộc họp lần thứ nhất Ban quản lý dự án cấp tỉnh.

Hoạt động	Đầu vào	Tiền đề	
<p>3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).</p> <p>3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.</p> <p>3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ công tác.</p> <p>3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước</p> <p>3-1. Thiết lập khung thể chế cần thiết để quản lý và vận hành Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác).</p> <p>3-1-1 Hình thành cơ cấu quản lý khu dự trữ sinh quyển cho Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang cùng với văn bản pháp lý xác định vai trò và trách nhiệm của ban quản lý cũng như của các thành viên/đơn vị có liên quan.</p> <p>3-1-2 Thúc đẩy một loạt các cuộc họp tham vấn với các thành viên chủ chốt, cũng như các lãnh đạo xã/buôn tại vùng lõi và vùng đệm.</p> <p>3-1-3 Hướng dẫn và định hướng chương trình MAB tới các thành viên có liên quan của ban quản lý LB-BR.</p> <p>3-1-4 Thu thập số liệu hiện có về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hành chính của LB-BR.</p> <p>3-1-5 Đánh giá lại và xây dựng các bản đồ chuyên đề (hành chính, địa hình, thực trạng sử dụng đất, thảm thực vật và phân vùng) của LB-BR.</p> <p>3-1-6 Xây dựng kế hoạch quản lý 5 năm cho LB-BR.</p> <p>3-1-7 Điều phối các hoạt động và nỗ lực của các tổ chức thành viên để thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-8 Giám sát và đánh giá định kỳ tiến độ thực thi kế hoạch quản lý.</p> <p>3-1-9 Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ thông tin với các chủ rừng ở các vùng rừng lân cận và các Sở Nông nghiệp và PTNT của các tỉnh lân cận (Đắk Lắk, Ninh Thuận và Khánh Hòa).</p> <p>3-1-10 Tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật tại BNBPN cho các bên tham gia liên quan từ các tỉnh lân cận để củng cố kiến thức về chương trình MAB (Con người và sinh quyển).</p>	<p>Phía Nhật Bản Các chuyên gia</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • <Nhóm chuyên gia cho Hợp phần3> • Quản lý hợp tác (CM) • Quản lý khu dự trữ sinh quyển • Phát triển sinh kế • Du lịch sinh thái <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Thiết bị và máy móc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dụng cụ điều tra giám sát đa dạng sinh học • Thiết bị văn phòng (máy phôtô, máy in, máy tính, v.v) • Xe máy <p>Đào tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo tại Việt Nam <p>Các chuyên gia trong nước/công việc thầu phụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • CM • Kế hoạch quản lý BR • EFLO (FFSs) về loài cây trồng cụ thể • Marketing • CBET • Cơ chế tài chính • Chuyên gia về pháp luật (xây dựng các văn bản pháp lý) • Điều tra cơ bản đa dạng sinh học • Cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học • Giám sát đa dạng sinh học <p>(Các chuyên gia khác sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện dự án, khi cần thiết)</p> <p>Chi phí vận hành dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Chi phí bảo dưỡng các thiết bị/máy móc do Dự án mua • Chi phí thuê các chuyên gia trong nước • Sẽ được xác định trong quá trình thực thi Dự án, khi cần thiết. 	<p>Phía Việt Nam tại tỉnh Lâm Đồng Các cán bộ dự án > Ban quản lý Dự án cấp tỉnh cho Hợp phần 3 và các tổ công tác</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giám đốc Dự án (Giám đốc BNBPN-MB) • Quản lý Dự án (Phó Giám đốc BNBPN-MB) • Các cán bộ của BNBPN-MB • Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim (Phó Giám đốc và các cán bộ của Ban) • DARD (Cán bộ) • Sở TNMT (Cán bộ) • DOST (Cán bộ) • DOCST (Cán bộ) • UBND huyện Lạc Dương (15 quan chức trở lên) <p>Văn phòng và cơ sở vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án (5E Trần Hưng Đạo, Phường 10, Đà Lạt, Lâm Đồng) • Các cơ sở vật chất và thiết bị khác • Ôtô (2 chiếc) <p>Chi phí của Dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện • Chi phí thường xuyên cần thiết cho thực thi Dự án. • Chi phí cần thiết cho việc vận hành văn phòng Dự án, như văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. • Các chi phí cần thiết khác. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Không có những thay đổi to lớn về giá cả và phê trên thị trường quốc tế. 2. Không có hạn hán nghiêm trọng, hoặc mưa kéo dài trong vùng. 3. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. 4. Không có sự thay đổi trong chính sách quốc gia về PFES. 5. Đơn đề nghị được UNESCO phê duyệt. 6. Không có những thay đổi to lớn trong kế hoạch sử dụng đất ở tỉnh Lâm Đồng

3-1-11 Xây dựng lộ trình (bao gồm cả đề xuất kế hoạch quản lý 5 năm) để mở rộng LB-BR sang các khu bảo tồn liền kề ở các tỉnh lân cận.

3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.

3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.

3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường).

3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.

3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).

3-2-6-1 Nâng cấp và/hoặc xây dựng CMA có các BSM sử dụng PFES và các lợi ích có thể có khác.

3-2-6-2 Xem xét và đề xuất dịch vụ tài chính liên quan đến PFES.

3-2-7 Xây dựng các kế hoạch thực hiện EFLO, CBET và CM (quản lý hợp tác).

3-2-8 Xây dựng các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA (đã được nâng cấp) có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (Vườn quốc gia Bidoup Núi Bà và Rừng phòng hộ đầu nguồn Đa Nhim).

3-2-9 Có được sự phê duyệt của BQL khu DTSQ Langbiang đối với các văn bản hướng dẫn thí điểm CMA/BSM

3-2-10 Vận hành thử CMA có các BSM gồm cả PFES cho các loài cây trồng tiềm năng và/hoặc CBET tại các thôn/buôn mục tiêu/thí điểm.

3-2-11 Giám sát và đánh giá kết quả của việc vận hành thử.

3-2-12 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về CMA, BSM, CBET và EFLO cho các cán bộ của các tổ chức có liên quan đến quản lý hợp tác.

3-2-13 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/các cẩm nang hoặc xây dựng các văn bản mới về các chủ đề như đã được miêu tả tại mục 3-2-12.

3-2-14 Xây dựng văn bản pháp lý về giới thiệu/xúc tiến CMA có các BSM tại vùng lõi và vùng đệm của LB-BR và được ban quản lý khu dự trữ sinh quyển trình UBND tỉnh phê duyệt.

3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.

- 3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.
- 3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.
- 3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.
- 3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.
- 3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.
- 3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cẩm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.
- 3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) và các bên tham gia khác.
- 3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNBNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của Sở TNMT.
- 3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNBNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thị điểm.
- 3-3-10 Tiến hành các khóa đào tạo lý thuyết và thực hành (cầm tay chỉ việc) về theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu cho các cán bộ của các tổ chức thành viên liên quan.
- 3-3-11 Sửa đổi các văn bản hướng dẫn/cẩm nang hiện có hoặc xây dựng các văn bản mới theo các chủ đề được miêu tả tại mục 3-3-10.
- 3-3-12 Tiến hành theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia sử dụng phương pháp đã được sửa đổi tại mục 3-3-9.
- 3-3-13 Sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng có sự tham gia để đánh giá và nghiệm thu/xác nhận hợp đồng bảo vệ rừng (hợp đồng PFES).

Bảng Giám Sát II (T1 2020 - T6 2020)

Kế hoạch hoạt động dự án (hợp phần 3)

Bản số 9

Ngày 01 tháng 7 năm 2020

Tên dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần đa dạng sinh học)

		Giám sát																								Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp	
		2015				2016				2017				2018				2019				2020							
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III		
Đầu vào																													
Chuyên gia	Quản lý hợp tác (CM)	KH																											
		TH																											
	Phát triển sinh kế (LI)	KH																											
		TH																											
	Quản lý vườn quốc gia (NPM)	KH																											
		TH																											
	PFES/Điều phối viên (PFES/C)	KH																											
		TH																											
	Du lịch sinh thái (ET)	KH																											
		TH																											
	Giám sát đa dạng sinh học (BM)	KH																											
		TH																											
	Tư vấn trong nước	KH																											
		TH																											
Thiết bị																													
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, v.v.)	KH																												
	TH																												
Xe máy	KH																												
	TH																												
Thiết bị theo dõi diễn biến rừng	KH																												
	TH																												
Tập huấn ở Nhật																													
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																												
	TH																												
Đào tạo trong nước/tại nước thứ ba																													
Tập huấn cho nhân sự phía đối ứng	KH																												
	TH																												

CM: 25MM
LI: 13.8MM
NPM:3MM
PFES/C:16.5 MM
ET:9.7MM
BM:8MM

Sẽ được thực hiện trên cơ sở đúng lúc

Hoạt động		Giám sát																								Cơ quan chịu trách nhiệm		Thành tựu	Vấn đề & giải pháp	
Tiểu hoạt động		2015				2016				2017				2018				2019				2020				Nhật Bản	Việt Nam			
		VFI	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		
Output 3-1: Khung thể chế cần thiết cho quản lý và vận hành (khung quản lý hệ sinh thái tổng hợp và hợp tác) Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang được thiết lập.																														
3-0-1 Kiểm tra tiến độ và hiện trạng của việc công nhận Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).		KH																											Nhóm tư vấn	
		TH																											BQL VQG BNB Nhóm m CT	
3-0-2 Chuẩn bị báo cáo khởi động.		KH																											Nhóm tư vấn	
		TH																												
3-0-3 Tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban quản lý dự án cấp tỉnh để thiết lập cơ cấu tổ chức thực hiện của hợp phần, bao gồm cả các tổ chức công tác.		KH																											Nhóm tư vấn	
		TH																											BQL VQG BNB Nhóm m CT	
3-0-4 Chuẩn bị TOR của các việc cần thuê tư vấn trong nước		KH																											Nhóm tư vấn	
		TH																											BQL VQG BNB Nhóm m CT	

Output 3-2: Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) được nâng cấp như là một công cụ bảo tồn các hệ sinh thái rừng tại vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																	
3-2. Nâng cấp Thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) có các Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) làm công cụ bảo tồn hệ sinh thái rừng ở vùng lõi và vùng đệm của Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).																	
3-2-1 Đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) và thỏa thuận quản lý hợp tác (CMA) được Dự án JICA trước đây giới thiệu/xây dựng, hoặc đã được thí điểm ở Việt Nam.					KH									Theo Hợp phần 1	Nhóm CT	N/A	Hoàn thành
					TH												
3-2-2 Điều tra thông tin kinh tế-xã hội (tài chính) về thôn/buôn ở các buôn mục tiêu, gồm cả việc nghiên cứu về các điều kiện tài chính.					KH									Nhóm tư vấn	UBND Xã Nhóm CT	N/A	Hoàn thành
					TH												
3-2-3 Xác định các loài cây trồng/các phương án lựa chọn có thể tạo thu nhập bổ sung thông qua cải thiện khối lượng và/hoặc chất lượng sản phẩm thông qua EFLO (Phương án/lựa chọn sinh kế thân thiện với môi trường)					KH									Nhóm tư vấn	AEC UBND Xã Nhóm CT	NA	Hoàn thành
					TH												
3-2-4 Cải thiện và nâng cấp CBET (du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng) để thu hút hơn nữa khách du lịch.					KH									Nhóm tư vấn	Sở TT-VH-DL BQL VQG BNB Nhóm CT	Thực hiện Chương trình GDMT thử nghiệm cho Khu DTSQTG Lang Biang cho đối tượng học sinh cấp 2, dựa trên mô hình GDMT được cải thiện để sử dụng cho mục đích thương mại sau khi Chính phủ Việt Nam dừng hạn chế các hoạt động nhằm ngăn ngừa sự lây lan COVID-19. - Để cải thiện môi trường phát triển GDMT hơn nữa đã hoàn thiện cải tạo nhà nghỉ và lắp đặt hệ thống lọc nước. Hiện đang thực hiện lắp đặt lều cắm trại.	
					TH												
3-2-5 Xây dựng và thử nghiệm chiến lược marketing (gồm cả việc dán nhãn MAB) cho các sản phẩm địa phương tại Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang (LB-BR).					KH									Nhóm tư vấn	Sở TN-MT DPC Nhóm CT	Nấm Shiitake chất lượng cao được sản xuất bởi người dân tham gia mô hình sản xuất nấm tiếp tục được cung cấp đến người dùng tại TPHCM bao gồm khách hàng cá nhân và công ty Nhật như siêu thị AEON và nhà hàng Pizza thông qua chuỗi cung ứng được thiết lập bởi công ty tư nhân với sự hỗ trợ của UBND Huyện và Hợp phần 3. Cục Sở hữu Trí tuệ, đơn vị chịu trách nhiệm cấp phép, đã duyệt đơn đăng ký chứng nhận nhãn hiệu trên cà phê, rau bao gồm nấm, hồng và nước uống của Khu DTSQTG Lang Biang, bên cạnh chứng nhận cho hoạt động du lịch đã hoàn thành trước đó. Chuẩn bị bán thử nghiệm nấm Shiitake với nhãn hiệu thông qua chuỗi cung ứng ở trên. Tài liệu và các sản phẩm quảng cáo (bưu thiếp, để lót ly, v.v.) cho Khu DTSQTG Lang Biang đã được chuẩn bị bổ sung và bản đầu tiên được in tại Nhật Bản để in chất lượng cao.	
					TH												

Output 3-3: Các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học được sử dụng cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.																
3-3. Xúc tiến việc sử dụng các kết quả theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học cho việc quản lý vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.																
3-3-1 Xem xét các hệ thống theo dõi diễn biến rừng và giám sát đa dạng sinh học hiện có.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL	N/A	Hoàn thành
											TH					
3-3-2 Xem xét số liệu điều tra rừng hiện có liên quan đến vùng lõi và vùng đệm của LB-BR.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL	N/A	Hoàn thành
											TH					
3-3-3 Phân tích số liệu cơ sở của thảm thực vật rừng tại vùng lõi và vùng đệm và xây dựng bản đồ thảm thực vật của khu DTSQ Langbiang.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL	N/A	Hoàn thành
											TH					
3-3-4 Tiến hành điều tra cơ bản về đa dạng sinh học và thu thập số liệu về hệ động vật và thực vật rừng, đặc biệt là các loài đặc hữu và đang bị đe dọa ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	N/A	Hoàn thành
											TH					
3-3-5 Phân tích số liệu đã thu thập được từ điều tra cơ bản và xác định các loài chỉ thị và nơi sinh sống của chúng để giám sát đa dạng sinh học ở vùng lõi và vùng đệm của khu DTSQ Langbiang.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	N/A	Hoàn thành
											TH					
3-3-6 Xây dựng phương pháp luận/cảm nang hướng dẫn điều tra thu thập số liệu đa dạng sinh học (các chỉ số) của các hệ sinh thái trên cạn phục vụ giám sát, có tham khảo SMART/FORMIS và các văn bản hướng dẫn do Dự án JICA NBDS đã xây dựng.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	NA	Hoàn thành
											TH					
3-3-7 Tiến hành điều tra giám sát đa dạng sinh học để thu thập số liệu đa dạng sinh học, sử dụng phương pháp luận đã được xây dựng với sự cộng tác của Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) và các bên tham gia khác.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	Giám sát đa dạng sinh học lần 3 đã định danh 13 loài chim và 12 loài động vật. Thực hiện đợt giám sát lần 4, lắp đặt 35 máy bẫy ảnh tại 6 định vị và 6 tuyến, thu thập được 7 loài chim, 14 loài động vật bao gồm Mang lớn (Muntiacus vuquangensis) xếp trong nhóm Cực kì Nguy cấp trong Sách đỏ IUCN được xác nhận tại tuyến khác so với lần thu thập trước.	
											TH					
3-3-8 Trình/gửi số liệu đa dạng sinh học của BNNP vào hệ thống NBDS của MONRE với sự phối hợp của Sở TNMT.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	Thông tin thu thập qua các hoạt động Giám sát đa dạng sinh học được đưa vào phần mềm quản lý dữ liệu (BRAHMS) được chia sẻ với Bộ NN-PPNT và Bộ TN-MT (Hệ giống Giám sát Đa dạng sinh học Quốc gia)	
											TH					
3-3-9 Xem xét lại phương pháp hiện đang được áp dụng trong việc theo dõi hiện trạng/điều kiện rừng theo hợp đồng khoán bảo vệ rừng và sửa đổi nó để giúp cho BNNP-MB/DWPF-MB có thể nghiệm thu/ kiểm chứng các kết quả thực hiện hợp đồng với các cộng đồng tại các thôn/ buôn mục tiêu/thị điểm.											KH		Nhóm tư vấn	Sở TN-MT Nhóm CT BQL VQG BNB BQL RPHDN DN	N/A	Hoàn thành
											TH					

[Hợp phần 4: Hợp phần chia sẻ kiến thức]

Tên Dự án: Dự án Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Hợp phần chia sẻ kiến thức)

Cơ quan thực thi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan cộng tác: Bộ Tài nguyên – Môi trường và các cơ quan có liên quan khác

Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Các cán bộ của Cơ quan thực thi và Cơ quan cộng tác

Đối tượng hưởng lợi gián tiếp: Cả nước Việt Nam

Hiện trường Dự án: Quốc gia và vùng các liên quan

Thời hạn thực thi Dự án: 2015 – 2020 (5 năm)

Phiên bản số 9

Ngày 01/07/2020

Tóm tắt	Các chỉ số kiểm chứng khách quan	Phương tiện kiểm chứng	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu bao trùm Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững đồng thời cung cấp đa lợi ích cho người dân.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục đích của Dự án Năng lực quốc gia quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững được tăng cường.	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM	Tham khảo bản tóm tắt tổng hợp PDM			
Mục tiêu của Hợp phần Tổng hợp và chia sẻ kiến thức từ Đầu ra 1, Đầu ra 2 và Đầu ra 3 được tăng cường giữa các cơ quan có liên quan, bao gồm cả Bộ TN-MT và các bên liên quan chủ chốt khác.			1. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách lâm nghiệp và đa dạng sinh học ở Việt Nam.		

<p><u>Đầu ra 4-1</u> Dữ liệu và thông tin từ Dự án được tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp (FORMIS)</p>	<p>1. Việc tích hợp PFMS do Dự án xây dựng vào FORMIS được chính thức phê duyệt.</p>	<p>Báo cáo của FORMIS</p>		<p>Thông tư 33 về theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp được ban hành thay thế Thông tư 26 ngày 10/11/2010</p>	
<p><u>Đầu ra 4-2</u> Các thành tựu và bài học của Dự án được trình bày và chia sẻ với các bên liên quan tại cấp quốc gia và quốc tế.</p>	<p>2. Các cách tiếp cận và phương pháp do Dự án xây dựng được các tỉnh khác sử dụng</p>	<p>Báo cáo của Bộ NN & PTNT</p>		<p>Các thành tựu của dự án được chia sẻ tại các sự kiện khác nhau như hội thảo, hội nghị, cuộc họp.</p>	
<p><u>Đầu ra 4-3</u> Các kết quả của Dự án được công bố.</p>	<p>3. Các hoạt động của Dự án được một số phương tiện truyền thông truyền tải.</p>	<p>Báo cáo của dự án</p>		<p>Các hoạt động của dự án được quảng bá trên các phương tiện truyền thông khác nhau như Truyền hình và Facebook.</p>	

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
<p>4-1. Trợ giúp kết nối và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin từ Dự án vào FORMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp).</p> <p>4-1-1 Trợ giúp xác định dữ liệu và thông tin từ Dự án cần được liên kết và/hoặc tích hợp vào FORMIS.</p> <p>4-1-2 Trợ giúp liên kết và/hoặc tích hợp dữ liệu và thông tin của mục 4-1-1 vào FORMIS.</p>	<p><u>Phía Nhật Bản</u> <u>Chuyên gia</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các chuyên gia ở Hà Nội • Các chuyên gia ngắn hạn • Các chuyên gia trong nước <p><u>Thiết bị và máy móc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thiết bị cần thiết cho các hoạt động của Dự án 	<p><u>Phía Việt Nam</u> <u>Cán bộ Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban quản lý Dự án (Giám đốc Dự án, Phó Giám đốc Dự án và Điều phối viên Dự án, kế hoạch, kế toán...) • Các cán bộ đối tác của MARD • Các cán bộ đối tác của MONRE 	<p>1. MARD bố trí đủ cán bộ và phân bổ ngân sách cần thiết cho Vụ Thanh tra và Pháp chế của Tổng cục LN.</p> <p>2. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách REDD+ của Chính phủ Việt Nam.</p>
<p>4-2. Chia sẻ các thành tựu và bài học của Dự án với các bên liên quan.</p> <p>4-2-1. Tổng hợp các thành tựu và bài học của Dự án.</p> <p>4-2-2. Xác định các phương tiện chia sẻ thông tin mục 4-2-1 với các bên liên quan.</p> <p>4-2-3. Trợ giúp chia sẻ thông tin dựa trên mục 4-2-2.</p>	<p><u>Đào tạo</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khóa đào tạo tại Nhật Bản • Các khóa đào tạo tại nước thứ ba • Các khóa đào tạo ở Việt Nam Vietnam 	<p><u>Văn phòng và cơ sở vật chất</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Văn phòng Dự án • Các cơ sở vật chất khác 	<p>3. Không có sự thay đổi đáng kể trong chính sách đa dạng sinh học của Chính phủ Việt Nam.</p>
<p>4-3. Công bố các kết quả của Dự án</p> <p>4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.</p> <p>4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.</p> <p>4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.</p>	<p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Chi phí cho các hoạt động của Dự án (Để chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) • Các chi phí cần thiết khác 	<p><u>Chi phí vận hành Dự án</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngân sách cho các hoạt động của Dự án do các đối tác thực hiện (bao gồm vé máy bay trong nước, đi lại, công tác phí và chi phí tiền bồi thường ngủ, vv...) • Chi phí vận hành cần thiết cho việc thực thi Dự án. • Chi phí cần cho việc vận hành các trang thiết bị văn phòng Dự án và chi phí liên lạc 	

gồm:

- Chi phí bảo dưỡng xe ô tô, bảo hiểm và nhiên liệu
- Các chi phí cần thiết khác

		TH					han	N	lưu trữ và sử dụng qua các cuộc họp khác nhau.
--	--	----	--	--	--	--	-----	---	--

Đầu ra 4- Các kết quả của Dự án được công bố.								
3:								
4-3. Công bố các kết quả của Dự án								
4-3-1 Tập hợp các kết quả của Dự án.		KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDAL N	Thành quả Dự án được tổng hợp thường xuyên.
		TH						
4-3-2. Xác định các phương tiện công bố thông tin mục 4-3-1.		KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDAL N	Đã xác định một số phương thức quảng bá như tờ rơi, đăng bài trên tạp chí và Facebook
		TH						
4-3-3 Hỗ trợ công bố thông tin dựa trên mục 4-3-2.		KH				Các chuyên gia dài hạn	Ban QLCDAL N	Đang xây dựng tài liệu giới thiệu thành quả dự án SNRM.
		TH						

Thời gian/giai đoạn	KH	TH			

Kế hoạch giám sát	Năm	2015				2016				2017				2018				2019				2020			Ghi chú	Vấn đề	Giải pháp
		TCVN	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III								
Giám sát																											
Ban chỉ đạo dự án	KH	Tham khảo thông tin tại Hợp phần 1																									
	TH																										
Xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết	KH																										
	TH																										
Nội Bộ giám sát	KH																										
	TH																										
Đoàn giám sát từ Nhật Bản	KH																										
	TH																										
Hậu giám sát	KH																										
	TH																										
Các báo cáo/tài liệu	KH																										
	TH																										
Báo cáo tổng kết dự án	KH																										
	TH																										

Quan hệ công chúng	
	KH
	TH
	KH
	TH

